

**1963 – 2013**  
**NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI**  
**TẬP II**



Tuyển tập của **99 tác giả**  
và những lời ***Phê phán của 100 Chứng nhân***  
về chế độ Ngô Đình Diệm



Thomas Ahern, Jr. • Vũ Bằng • Đào Văn Bình • Nguyễn Văn Bông • Peter Brush • Nguyễn Trí Cẩm • Nhóm Caravelle • Niguel Cawthorn • Vũ Ngự Chiêu • Vũ Hoàng Chương • Lê Cung • Tiểu Dân • Ngô Diệp • Cao Thế Dung • Lý Nguyên Diệu • Trần Quang Diệu • Trần Quốc Đại • Phan Quang Đán • Chính Đạo • Cao Hữu Diên • Lương Hữu Đình • Trần Kiêm Đoàn • Trần Văn Đôn • Phan Lạc Giang Đông • Góp Gió • Bobby Ghosh • Nguyễn Phan Hoàng • Lê Mạnh Hùng • Nguyễn Ngu Í • KHHB • Bùi Kha • Nguyễn Kha • Vân Xưa Hồ Sĩ Khuê • Bảo Quốc Kiêm • Phan Ký • Pháp Lạc • Trần Lâm • Thái Kim Lan • Nguyễn Lang • Nguyễn Hiến Lê • Lịch sử Việt Nam.info • Trần Hồng Liên • Khúc Hà Linh • Trịnh Bá Lộc • Hồng Quốc Lộc • Lê Nguyên Long • Chính Luận • Phạm Trọng Luật • Vũ Tài Lục • Nguyên Ly • Avro Manhattan • Hoàng Linh Đỗ Mậu • Minh Không Vũ Văn Mậu • Trần Chung Ngọc • Định Nguyên • Minh Nguyễn • Lê Chân Nhân • Lý Đương Nhiên • Quán Như • Trần Ngọc Nhuận • Hoàng Nguyên Nhuận • Lê Xuân Nhuận • O.V.V. • James Olsen • Lloyd Phạm • Nguyễn Hữu Phiêm • Nguyễn Kỳ Phong • Trần Gia Phụng • Nguyễn Phương • Lê Quân • Phùng Quân • Nguyễn Mạnh Quang • Võ Văn Sáu • Nguyễn Tường Tâm • Minh Tân • Nguyễn Thái • Lê Quang Thái • Nguyễn Hy Thần • Minh Thạnh • Nguyễn Tường Thiết • Cao Huy Thuần • Ngô Đình Thực • Văn Thư • Trần Văn Thưởng • Trần Tam Tĩnh • Ngô Đắc Triết • Nguyễn Văn Trung • Nguyễn Quốc Tuấn • Nguyễn Tường • Phạm Tường • Hồ Hữu Tường • Trần Thị Vĩnh Tường • Lê Tuyên • Phạm Quý Vinh • VirtualArchivist • VTruong • Huyền Vũ • Hàn Phong Quốc Vũ • Nguyễn Hạnh Hoài Vy • Erich Wulff • và ...

*Lời phê phán chế độ Ngô Đình Diệm của 100 Nhân chứng*



## DẪN NHẬP

Nửa thế kỷ trước đây, tại miền Nam Việt Nam, một biến cố bi hùng đã làm chao nghiêng lịch sử và trở thành một trong những dấu ấn quan trọng trong dòng sinh mệnh dân tộc vào hạ bán thế kỷ thứ hai mươi. Biến cố đó là sự **sụp đổ của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm**, kéo theo sự **phá sản của một sách lược cải đạo ở cấp độ quốc gia** của Công giáo La Mã tại miền Nam Việt Nam.

1963 – 2013! Năm mươi năm đã trôi qua... Một nửa thế kỷ là khoảng thời gian đủ dài để có thể soát xét và suy nghiệm xem từ biến cố đó ta rút ra được những bài học lịch sử gì. Tuy nhiên, ở trong nước, từ lâu, đã **không có một công trình** quy mô nào nghiên cứu và trình bày một cách toàn diện, nghiêm túc và cập nhật hơn về chế độ Ngô Đình Diệm. Còn ở hải ngoại, một vài trí thức Công giáo có nỗ lực “xét lại” bản chất và thành quả của chế độ này, nhưng **vì phải mạo hóa lịch sử để biện minh cho ý đồ chạy tội** nên những tác phẩm của họ vừa không có giá trị lịch sử vừa thiếu tiêu chuẩn trí thức.

Trong tình hình đó, sự hình thành Tuyển Tập này là một động thái trí thức chủ yếu nhằm đóng góp vào 4 nỗ lực:

1. Thứ nhất là đúc kết lại thành một **chứng liệu lịch sử** từ cả hai góc độ *chứng nhân* và *văn bản*, đóng góp thêm vào việc kiện toàn các nghiên cứu tương lai về chế độ Ngô Đình Diệm.
2. Thứ nhì là để làm **sáng tỏ một số ngộ nhận** dấy lên vì những biến động sau đó trên đất nước ta, khiến sự thật đã vô tình bị biến dạng đáng sau những lăng kính và bụi mù do một số người Việt và người nước ngoài vô tình hay cố ý tạo ra.
3. Thứ ba là nhận diện để **phản biện một số xuyên tạc và mạo hóa lịch sử** của tàn dư chế độ Ngô Đình Diệm tại hải ngoại đang tìm cách đánh tráo sự thật để chạy tội quá khứ. Nỗ lực này có thể là để âm mưu, dưới hình thức này hay hình thức khác, thiết lập một chế độ “*Diệm không Diệm*” trong tương lai tại Việt Nam. Điều **bất hạnh** này, nếu xảy ra, thì sẽ chỉ vì **lợi ích của một thiểu số giáo quyền** mà đi ngược lại lợi ích của toàn thể Dân tộc.

4. Và thứ tư là nỗ lực trao gửi một **bài học cho thế hệ tương lai** để cảnh giác họ đừng bao giờ để cho một chế độ như chế độ Diệm xuất hiện trên quê hương ta nữa.

Vì bốn lý do kể trên, Tuyển Tập này sẽ không được bán mà chỉ in với một số lượng giới hạn để gửi tặng những cá nhân hoặc định chế nào nghiên cứu chủ đề này mà thôi.

Trong quá trình hình thành Tuyển Tập, việc thu thập tài liệu (mà đa số đã được phổ biến rộng rãi trên Internet từ nhiều năm qua) và liên lạc với các tác giả để xin phép là một điều vô cùng khó khăn, hầu như là bất khả thi nên xin các tác giả thông cảm và rộng lòng tha thứ. Nhất là khi có một số ít bài viết xuất xứ từ trong nước và/hoặc đã được phổ biến (trên báo giấy) từ trước 1975. Cho nên **122 bài viết của 99 tác giả**, và **100 lời nhận định** về chế độ Ngô Đình Diệm trong Tuyển Tập này, dù chỉ là một số lượng rất nhỏ trong hàng núi tài liệu cả trong lẫn ngoài nước, nhưng có lẽ cũng đủ để nhận diện được nguyên nhân, mô tả được bản chất và đánh giá được công tội của chế độ này rồi.

Nội dung các bài viết được phân bố thành **8 Chương** là để dễ truy cứu theo từng chủ đề hơn là theo một cấu trúc trình bày nhất định nào đó. Và vì Tuyển Tập dài hơn một ngàn sáu trăm trang nên sẽ được chia thành **3 Tập**, phát hành trong năm 2013 để đánh dấu mốc *50 năm nhìn lại*.

Cuối cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm tạ những tác giả có bài trong Tuyển Tập “1963-2013 – Năm Mươi Năm Nhìn Lại” này. Những tác giả đó, đã mất hay còn sống, đa số đã là những **chứng nhân** và cũng đã là, trong nhiều trường hợp, những **nạn nhân**, cho nên tiếng nói của họ thì trung thực, cần được phổ biến rộng rãi và bảo lưu lâu dài.

Trân trọng,

Nhà Xuất bản **Thien Tri Thuc Publications**  
P.O. Box 4805  
Garden Grove, CA.92842-4805 - USA

# MỤC LỤC

|               |   |
|---------------|---|
| Dẫn Nhập..... | 5 |
| Mục lục.....  | 7 |

## TẬP I

### ■ Chương Một - TỘI TỔ TÔNG

#### *Hết đã Phi dân tộc thì thế nào cũng Phẫn dân tộc*

Nguyễn Mạnh Quang - Trần Thị Vĩnh Tường - Lý Nguyên Diệu  
Trần Tam Tinh - Nguyễn Hạnh Hoài Vy - Vũ Ngự Chiêu - Ngô  
Đình Thực - Văn Thư - Chính Đạo

### ■ Chương Hai – VÌ ĐÂU NÊN NỔI

#### *Đoạn trường ai có qua cầu mới hay ...*

Trần Lâm - Vũ Văn Mẫu - Nguyễn Hy Thần - Hồ Hữu Tường -  
Cao Thế Dung - “Nhóm Caravelle” - Lê Xuân Nhuận - Trần Văn  
Đôn - O.V.V - Ngô Diệp - Nguyễn Phương - Phan Lạc Giang  
Đông - Trần Ngọc Nhuận - Võ Văn Sáu - Nguyễn Hiến Lê -  
Huyền Vũ - Vũ Bằng - Phan Quang Đán - Tạp chí *Góp Gió* số 112,  
7-2-2003 - Trịnh Bá Lộc - Phạm Tường - Virtualarchivis - Bobby  
Ghosh - Phạm Trọng Luật - Nguyễn Ngu Í - Virtualarchivis -  
Nguyễn Hữu Phiêm - Khúc Hà Linh - Nguyễn Tường Tâm - Vũ  
Hoàng Chương - Trần Văn Thường - Ngô Đắc Triết - Lý Đương  
Nhiên - Hoành Linh Đỗ Mậu - Lê Chân Nhân

### ■ Chương Ba – CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ –

#### *Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*

Phê phán chế độ Ngô Đình Diệm của 100 Chứng nhân

## TẬP II

### ■ Chương Bốn - BÁNH XE LỊCH SỬ

#### *Thiên thời Địa lợi Nhân hòa*

- 1- Nhận xét về Hiến pháp Đệ Nhất Cộng Hòa  
Nguyễn Văn Bông .....13
- 2- Trích đoạn Hồi ký lần ra Huế  
Lê Xuân Nhuận .....16
- 3- Vài nét về Cụ Diệm  
Trần Chung Ngọc .....34
- 4- Nam Việt Nam có tồn tại được không?  
(Is South Vietnam viable?), Nguyễn Thái .....59
- 5- Cuộc Cách mạng 1-11-1963  
Hoành Linh Đỗ Mậu .....63
- 6- Cuộc Cách mạng ngày 1-11-1963 (Nguyệt san Minh Tân  
25-11-1963), Hội Khổng học Việt Nam .....116
- 7- Hai yếu tố “Công giáo” và “Mỹ”  
trong biến cố 1-11-1963 Hoành Linh Đỗ Mậu .....119
- 8- Cuộc đảo chánh 1-11-1963 và cái chết của ông Diệm  
Lê Mạnh Hùng .....150
- 9- Ngày tàn của nền Độc tài Công giáo (Vietnam - Why Did We  
Go?, Chương 15), Avro Manhattan .....164
- 10- Khúc quanh Lịch sử  
Nguyễn Ngu Í .....171
- 11- Nhân sĩ và Hội đồng Nhân sĩ  
Nguyễn Hữu Ngự / Nguyễn Văn Trung.....177
- 12- Cách mạng rồi lại Cách mạng  
Nhật báo Chính Luận 22-7-1964 .....182
- 13- Thăng trầm của “Rồng Phú nhân” Trần Lệ Xuân  
Peter Brush .....183
- 14- Bà Nhu và Luân hồi quả báo  
KHHB .....198

### ■ Chương Năm - MA GIỮA BAN NGÀY

#### *Những nguy biến và tráo trở lịch sử của tàn dư chế độ Diệm*

- 15- Bề trái chiếc Mề đay  
Phan Ký .....207
- 16- Trả lại sự thật cho lịch sử  
Vtruong2602 .....213

|                                                                                                                     |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 17- <i>Đầu Hàng</i><br>Vân Xưa Hồ Sĩ Khuê .....                                                                     | 217 |
| 18- <i>Nhận xét về bài viết “Cần thẩm định lại ...”</i><br>của Tôn Thất Thiện, Nguyễn Mạnh Quang .....              | 223 |
| 19- <i>Làm thế nào để dựng đứng một nhân vật lịch sử,</i><br>Đại úy James Scott, Trần Lâm .....                     | 269 |
| 20- <i>Một đoạn duy nhất trong bài Phỏng vấn</i><br>ông Cao Xuân Vỹ, Trần Quang Diệu.....                           | 279 |
| 21- <i>Ai dễ tựa quyền “NDD và Bang giao Mỹ-Việt”</i><br>của Phạm Văn Lưu, Nguyễn Phan Hoàng .....                  | 289 |
| 22- <i>Bàn về “Ngô Đình Nhu: Nhà Tiên tri”</i><br>Lê Xuân Nhuận .....                                               | 296 |
| 23- <i>Chuột chạy cùng sào</i><br>Nguyễn Trí Cầm .....                                                              | 302 |
| 24- <i>Chiến thắng bị bỏ lỡ hay Chiến thắng được tưởng tượng,</i><br>Hồ Quốc Lộc .....                              | 306 |
| 25- <i>Chung quanh loạt bài “Những Xuyên tạc và Ngộ nhận</i><br>về Phật giáo Việt Nam”, Lê Quân .....               | 345 |
| 26- <i>Phát biểu về “Biến động Miền Trung” và “Huế ơi !</i><br>Oan nghiệt”, Đinh Nguyên và Bảo Quốc Kiêm .....      | 370 |
| 27- <i>Xuyên tạc về Cuộc tự thiêu của HT Thích Quảng Đức</i><br>Pháp Lạc và Nguyễn Kha .....                        | 385 |
| 28- <i>Phá hoại Tăng bào: Thủ đoạn cũ của chủ nghĩa</i><br>Ngô Đình Diệm mới, Minh Thạnh .....                      | 427 |
| 29- <i>Sự thật về Chế độ Diệm: Những xuyên tạc của Kiều Vĩnh</i><br>Phúc và Nguyễn Văn Lục, Lý Nguyên Diệu .....    | 431 |
| 30- <i>Lại Dụ số 10</i><br>Trần Gia Phụng .....                                                                     | 444 |
| 31- <i>Niềm tin và Tâm thần</i><br>Lý Nguyên Diệu .....                                                             | 450 |
| 32- <i>Sự thật về cái chết của Nhất Linh</i><br>Nguyễn Tường Thiết .....                                            | 454 |
| 33- <i>Cuộc Chiến ... dấu Sự thật</i><br>Lloyd Phạm .....                                                           | 488 |
| 34- <i>Johnson gọi Diệm là “thằng nhãi” hay Gian xảo</i><br>trong khi dịch để xuyên tạc lịch sử, Lê Xuân Nhuận..... | 492 |
| 35- <i>Tổng thống Kennedy gọi anh em ông Diệm là “Bọn chó đẻ”</i><br>James S. Olsen .....                           | 501 |
| 36- <i>Minh Xác: ‘ Làm Sáng Tỏ ’ hay ‘Xuyên tạc, bịa đặt?’</i>                                                      |     |

|                                                                                                                  |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu .....                                                                                     | 506 |
| 37- <i>Hiện tượng “Ziét” Sư: Lữ Giang và những Công trình</i><br><i>Khảo cứu Chân chính, Trần Quốc Đại .....</i> | 516 |

## TẬP III

### ■ Chương Sáu – KIM CƯƠNG BẤT HOẠI

#### *Hoa sen trong biển lửa*

Avro Manhattan - Vũ Ngự Chiêu - Vũ Tài Lục - Nguyễn Lang -  
Erich Wulff – Quán Như Phạm Văn Minh - Chính Đạo - Lê Cung -  
Hoàng Nguyên Nhuận - Trần Kiêm Đoàn - Erich Wulff - Minh  
Nguyễn - Hàn Phương Quốc Vũ - Lương Hữu Định - Lê Quang  
Thái - Cao Hữu Điền - Nguyễn Ly - Thái Kim Lan - Đào Văn Bình  
- Trần Chung Ngọc - Cao Huy Thuần

### ■ Chương Bảy - LỬA TỪ BI

#### *Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngổ*

Lichsuvietnam.info - Phạm Quý Vinh - Nguyễn Quốc Tuấn - Minh  
Không Vũ Văn Mẫu - Lê Cung - Trần Hồng Liên – Vũ Ngự Chiêu

### ■ Chương Tám - GỬI LẠI NGHÌN SAU

#### *Suy nghiệm về một số bài học lịch sử*

Lê Nguyên Long - Quang Phục Võ Văn Sáu - Quán Như - Nguyễn  
Kha - Bùi Kha - Thomas Ahern, Jr / Nguyễn Kỳ Phong - Cao Huy  
Thuần - Sự tầm của Lê Xuân Nhuận - Nigel Cawthorne - Tiểu  
Dân - Phùng Quân - Lý Nguyên Diệu

*Chương Bốn*

## **BÁNH XE LỊCH SỬ**

*Thiên thời Địa lợi Nhân hòa*



# NHẬN XÉT CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN VĂN BÔNG VỀ HIẾN PHÁP ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA

*Nguyễn Văn Bông*



## LUẬT HIẾN-PHÁP VÀ CHÍNH TRỊ HỌC

(Lý thuyết đại cương thể giới chính trị hiện đại) Năm thứ Nhất Cử nhân Luật khoa – 1966, Trang 327

## MỤC II CHẾ-ĐỘ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM (1955 – 1963)

Sau khi truất phế Bảo Đại và tập trung quyền lực trong tay, Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch loại trừ các đoàn thể độc lập và đồng thời tạo một tổ-chức chính-trị bán chánh thức mệnh danh là “Phong-trào Cách-Mạng Quốc-Gia”. Và ngày 4-3-1956 một cuộc tổng-tuyển-cử bầu Quốc-Hội Lập-Hiến. Sau một thời-gian thảo-luận, dự-án Hiến-pháp được Quốc-hội lập-hiến chung-quyết ngày 20-10-1956 và ngày 26-10-1956 Tổng-thống Ngô Đình Diệm ban-hành Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hoà, đánh dấu một giai-đoạn lịch-sử chính-trị Việt-Nam. Chúng ta sẽ lần lượt phân-tích và nhận xét Hiến-pháp này.

Đoạn 1: **PHÂN-TÍCH HIẾN-PHÁP 26-10-1956**

....

Đoạn 2: **NHẬN-XÉT**

Hiến-pháp 1956 - thoát tiên – có thể xem là một bản văn qui

định rõ rệt thẩm quyền các cơ-quan quốc-gia và đồng thời ấn định những mối tương quan thực tế hầu đáp ứng với nhu cầu của thời cuộc. Tuy nhiên nhìn kỹ lại những điều kiện cấu tạo bản Hiến-pháp cùng một số điều khoản đặc biệt, chúng ta có thể quả quyết rằng chế độ qui định bởi Hiến pháp 1956 là **một chế-độ quyền uy, khung cảnh của một sự chớm nở độc-tài cá-nhân trong thực-tế.**

A) Trước nhất người ta có thể tự hỏi vì lý do gì mà nhà Lập-hiến ưng thuận cho “đương kim Tổng-Thống” (tức là Ngô đình Diệm) sẽ là Tổng-Thống đầu tiên theo Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hoà? Khi mà tổ chức được một cuộc trưng cầu dân ý và một cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc-hội lập-hiến thì người ta không hiểu vì sao lại không tổ chức được một cuộc bầu cử Tổng-Thống chiếu theo Bản Hiến-Pháp mới. Sự kiện này chứng tỏ sự **thiếu tinh-thần dân-chủ của đương kim Tổng-Thống.**

B) Nhận xét thứ hai liên quan đến điều 98: *“Trong nhiệm kỳ lập-pháp đầu tiên (tức từ 1956 đến 1959) Tổng-Thống có thể tạm đình chỉ sự sử-dụng những quyền tự-do đi lại và cư ngụ, tự-do ngôn luận và báo chí, tự do hội-hợp và lập hội, tự do nghiệp-đoàn và đình-công để thỏa-mãn những đòi hỏi đích đáng của an toàn chung, trật-tự công-cộng và Quốc-Phòng.”*

Một câu như thế xóa bỏ hết Thiên thứ ba (từ điều 30 đến điều 47) của bản Hiến-pháp! Và chính vì **những quyền rộng như vậy mà chế-độ Ngô-Đình-Diệm có phương-tiện loại trừ các đoàn thể quốc-gia độc-lập, phát động phong-trào suy-tôn mở đường cho một chế-độ độc-tài cá-nhân.**

C) Nhận xét thứ ba liên quan đến chế độ Tổng-Thống. Một số bình-luận gia, khi phê-bình Hiến-pháp 1956, kết-luận rằng Hiến-pháp này thiết-lập Tổng-Thống-chế theo kiểu Hoa-Kỳ. Đây là một khuynh-hướng tối quan-trọng cần phải xét lại vì sự thất bại của chế-độ Ngô đình Diệm làm nhiều người tưởng rằng chế-độ độc-tài là hậu quả tất nhiên của chế-độ Tổng-Thống. Thật ra Tổng-Thống chế Việt-Nam năm 1956 **không phải** là Tổng-Thống-chế Hoa-Kỳ. Trong lúc Hiến-pháp Hoa-Kỳ cố giữ *thế quân bình* giữa các quyền được thiết-lập, đặc điểm của hệ-thống tổ-chức chính-quyền theo Hiến-pháp 1956 là **ưu-thế quá mức của Tổng-Thống.** Và ưu-thế này được thể hiện qua những quyền hành của Tổng-Thống và nhất là **sự can thiệp tích cực của Hành-pháp vào lãnh vực lập-pháp.**

Thật vậy, ngay ở điều khoản thứ ba chúng ta nhìn thấy *“Tổng thống lãnh-đạo quốc-gia”*. Tổng-Thống bổ-nhiệm và cách chức các

sứ thần cùng công chức cao cấp **không cần ý kiến của Quốc-hội**. Trái với nguyên-tắc phân-nhiệm mà điều 3 ghi rõ là “*Nguyên tắc phân-nhiệm giữa hành-pháp và lập-pháp phải rõ rệt*”. Hiến-pháp 1956 dành cho Tổng Thống *quyền ký sắc luật* giữa hai khóa họp Quốc-hội, quyền ký sắc-lệnh tuyên-bố tình-trạng khẩn-cấp, báo-động hoặc giới-nghiêm.

Một sự *tập trung quá mức quyền hành* cùng sự *thủ-tiêu đối-lập* và sự hiện-diện của *một chính đảng duy-nhất* đã **đưa chế-độ Ngô-đình-Diệm lần lần đi đến một chế-độ quyền-hành cá-nhân áp-dụng những phương-tiện chuyên-chế** mà tiếng súng ngày 1-11-1963 đã đưa vào dĩ-vãng.

**NGUYỄN VĂN BÔNG**

Thạc sĩ Công Pháp

Giáo sư thực thụ Luật khoa Đại học Saigon

Viện trưởng Học-Viện Quốc-gia Hành-chánh

## TRÍCH ĐOẠN HỒI KÝ LẦN RA HUẾ

*Lê Xuân Nhuận*

### TIỀN-SĨ HOÀNG MAI THÊM

Lần này ra Huế tôi ngẫu-nhiên gặp lại Hoàng Mai Thêm, một người bạn thân đã cách xa nhau từ hồi tôi bị tổng-xuất ra khỏi Miền Trung.

Bây giờ Thêm là giáo-sư, dạy Luật tại Viện Đại-Học Sài-Gòn và một số Viện Đại-Học khác. Chuyến này anh ra Huế dạy tại Viện Đại-Học Huế.

Khi đi ngang qua “Bót Cò” cũ, trước kia là trụ-sở của Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế, nơi hai chúng tôi đã làm việc chung với nhau một thời-gian dài, cả Thêm lẫn tôi đều hướng mắt nhìn vào. Ở đó, chúng tôi đã có với nhau rất nhiều kỷ-niệm; nhưng cái kỷ-niệm đáng-xót nhất là cuộc tranh-luận giữa hai chúng tôi mà kết-quả là tôi lâm vòng gian-truân.

Lúc này, khi mới gặp lại nhau, Thêm đã nói ngay là anh rất buồn vì việc đáng tiếc xảy ra cho tôi ngày xưa. Giờ đây, có lẽ dễ xi-xóa chuyện cũ, anh nói qua chuyện mới:

– Mình được mời làm Thứ-Trưởng, nhưng mình chưa nhận.  
Sự tiết-lộ ấy đã khiến tôi suy-nghĩ nhiều.

Năm 1951, chính-quyền Quốc-Gia Việt-Nam ban-hành chế độ *quân-nhiệm*, theo đó các viên-chức Cảnh-Sát Công-An được xem là công-chức nên cũng bị lần-lượt động-viên. Thêm vào thụ-huấn tại Trung-Tâm Huấn-Luyện Sĩ-Quan Trừ-Bị ở Thủ Đức; tôi vào làm việc tại Phòng Năm thuộc Bộ Tư-Lệnh Đệ-Nhị Quân-Khu ở Huế.

Cuối năm 1956, mãn nhiệm-kỳ quân-vụ, tôi trở về Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế và được cử giữ trách-vụ Trưởng Phòng Hành-Chánh kiêm Trưởng Phòng Huấn-Luyện. Tôi cũng kiêm-nhiệm Trưởng Ban Tổ-Chức và Thuyết-Trình-Viên các Lớp “*Học-Tập Chính-Trị và Công Dân Giáo Dục*” mà nội dung và phương-thức điều-hành được ông Cố-Vấn Ngô Đình Nhu, bào đệ của Tổng-Thống Ngô Đình Diệm, chỉ đạo cho toàn-quốc.

Về lại ngành Cảnh-Sát, theo dõi tình-hình sinh-hoạt của mọi giới trên mọi lĩnh-vực tại địa-phương, tôi mới biết thêm, dù chưa đầy đủ, **những điều chứng tai gai mắt, và cả những điều bất-nhân thất đức, do một số thân-nhân, gia-nhân, và thuộc-hạ của Diệm gây ra.** Đối với Đảng Cần-Lao, đối với Đạo Kỳ-Tô, cũng như đối với cả ba Ngành trong Chính-Quyền thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa, họ chỉ là thiểu-số; nhưng thiểu-số đó đã cựa thế họ Ngô mà giật dây các cơ-quan chấp-hành của chế độ, để áp-bức và hãm-hại lương dân, hầu thỏa-mãn tư-lợi hoặc tư-thù.

### MỘT BUỔI LỄ CHÀO QUỐC-KỲ

Thuở đó, các công-sở và quân-cứ đều cử lễ Chào Quốc-Kỳ vào lúc bảy giờ rưỡi sáng mỗi ngày đầu tuần. Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Nguyên Trung-Phần cho nhân-viên trực-thuộc sắp hàng chỉnh-tề trước sân trụ-sở Nha năm phút sớm hơn.

Hôm ấy, toàn-thể viên-chức hiện diện đều vô cùng hoang-mang, và sau đó kể lại với mọi người sự-việc đã xảy ra. Trung-úy Hoàng Đạt Vọng, Trưởng Đội Biệt Động thuộc Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế, đem thuộc-hạ đến bao vây sân chào cờ tại Nha và gác chặn trước đường, vào lúc đúng bảy giờ hai mươi lăm phút. Vọng ra lệnh điểm danh và đóng cổng trụ-sở. Lúc đó, trung-tá Trần Văn Cự và trung-tá Tôn Thất Dẫn, hai Chủ-Sự Phòng thuộc Nha, vừa đến nơi thì bị giữ lại bên ngoài. Viên Giám Đốc Nha ấy liền đứng ra hứa sẽ phạt hai viên-chức kia, và xin cho họ được vào vì còn kịp dự lễ chào cờ. Nhưng viên Trưởng Đội thuộc Ty -- là một nhân-viên dưới quyền và ở dưới nhiều cấp -- đã không chấp-thuận. Vọng điều-khiển lễ thượng-kỳ, hát quốc-ca và “*suy-tôn Ngô Tổng-Thống*”, xong chờ Cự và Dẫn đến báo-cáo nội-vụ lên Văn-Phòng của “Cậu”, tức ông Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn, bào đệ của anh em Diệm+Nhu.

Vọng là một trong số ít những phần-tử đến hầu “Cậu” thường-xuyên.

### MỘT BUỔI HỌP TỎ KHỔ

Ông Ngô Đình Cẩn có một ngôi nhà nghỉ mát tại bãi bể Thuận-An. Vì lý do an-ninh, chỗ này cách xa khu tắm bể của đồng-bào. Những ngày cuối tuần vào mùa hè, Cẩn thường về đó câu cá giải-trí. Sở “Cậu” câu cá một mình thì buồn, một số nhân-vật tín-cần, hoặc muốn được thân-cận, bèn cùng đến đó câu cá, mong tạo bối-cảnh thân-mật cho ông. Trừ những người được ông sai phái hoặc giữ lại để

chuyên-trò, số còn lại phải chọn chỗ nào không gần ông lắm -- vì sợ nếu ông không câu được cá mà bị kẻ khác ton-hót đổ lỗi câu giành với ông thì khôn -- đồng-thời họ cũng không đi quá xa, để vừa được ông nhận mặt là mình cũng có tham-gia giúp vui cho ông, vừa chục phòng khi ông gọi thì nghe mà đến cho nhanh kéo bị kẻ khác nhanh hơn thì mất cơ-hội được hầu-hạ ông.

Giám Đốc Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Phần, ông Lương Ký Lịch, cũng có dự phần vào những buổi câu cá như thế.

Hôm đó, Lịch mặc một chiếc áo sơ-mi cụt tay có in hình hoa bướm gì đó. Trên đường về nhà ở thành-phố, Lịch gặp vài nhân-viên thuộc Nha, trong số những phần-tử đã vào Đảng.

Thuở ấy, xứ Huế còn rất nệ-cổ. Người nữ phải mặc áo dài mới được ra phòng khách; các cô giúp việc dù đang làm việc nặng, các chị bàn hàng-rong dù đang vai gánh hay tay xách, mỗi khi ra đường đều phải mặc áo dài. Người nam thì phải nhét áo trong quần. Vào thời-gian chuyện này xảy ra, tuy lối sống đã có đổi mới phần nào, xã-hội vẫn chưa chấp-nhận cho các cá-nhân “danh-giá”, nhất là các viên-chức cao-cấp trong chính-quyền, dù là vào ngày nghỉ và lúc đi chơi, bỏ áo ngoài quần, hoặc mặc áo có sọc, có ô, hoặc có in hình mà người dân địa-phương gọi là “áo chim cò”.

Lịch bị báo-cáo lên Văn-Phòng Cố-Vấn. Vào buổi “học-tập chính-trị và công dân giáo dục” kể đó, số nhân-viên dưới quyền Lịch, nhưng thuộc đường dây thân-tín hơn, đã nêu vụ kể trên ra để hội đường thảo-luận. Mặc dù viên Giám Đốc của họ đã nhận lỗi, xin lỗi mọi người, và hứa về sau sẽ không tái-phạm, sau khi đã giải-thích là mình ăn mặc như thế để dễ lợi xuống nước mà bắt cá cho “Cậu”, số nhân-viên ấy vẫn nặng lời si-vả Lịch và thúc đẩy các phần-tử khác lên tiếng tố-cáo Lịch là “*thiếu tác-phong cách-mạng*”, “*phản nhân-vị*”, “*không chịu học-tập noi gương đạo đức của Ngô Tổng-Thống*”.

Người dân xứ Huế không quên những vụ tố khổ vào những ngày đầu tiên ông Ngô Đình Diệm lên cầm quyền. Trong một cuộc mít-tinh tại chúng-trường Phú Văn Lâu, một nữ-công-chức thuộc Nha Pháp-Chánh Trung-Phần đã đứng lên trước máy vi-âm xi mặt viên Giám Đốc của Nha ấy mà kể tội là trước đó đã từng lợi dụng chức-quyền để hãm-hiếp mình...

Quang-cảnh đấu tố giống hệt dưới chế-độ cộng-sản ở Miền Bắc Việt-Nam.

## **CÔNG-CHỨC BỊ PHẠT VÌ VỀ VỚI GIA ĐÌNH**

Có một số công-chức tòng-sự tại các công-sở ở Huế nhưng có gia đình ở Tỉnh Quảng-Trị; cuối tuần họ về ngoài đó với vợ + con.

Nhưng rồi, vào một buổi trưa ngày cuối tuần nọ, số người ấy đã gặp nạn. Sau đó, họ ngao-ngán kể lại với bạn-bè: ông Tôn Thất Nhiều, Tỉnh-Trưởng Tỉnh Quảng-Trị, đã ra lệnh chặn đường từ hướng Huế ra, bắt giữ tất cả các công-chức vừa mãn giờ làm việc cuối tuần là để bụng đói phóng xe về với thân-nhân.

Còn nhớ dưới thời Việt-Minh, để khuyến-khích phong-trào Bình Dân Học-Vụ, có nhiều Xã Thôn đã dựng cổng kiểm-soát dọc đường; ai biết chữ thì được đi qua cổng chính, ai không biết chữ thì phải lội vòng xuống ruộng bùn mà đi.

Ông Nhiều thì không cho các công-chức ấy đi, về với gia đình, mà cũng không chịu cho họ quay lui. Ông bắt họ tập-trung tại chỗ, đợi đến sáng ngày đầu tuần mới cho xe chở họ vào Huế giao nạp cho Tòa Đại-Biểu Chính-Phủ Miền Trung.

Nhiều sợ dư-luận đồng-bào về những bê-bối của chính-quyền Tỉnh mà ông cầm đầu có thể bị các công-chức ở Huế là những tai mắt ấy thu-thập đem về phổ-biến, mà không bùng-bít được, vì ở ngoài vòng kiểm-soát của mình.

Ông là em của một người con rể gia đình họ Ngô.

## **LUẬT-PHÁP PHỤC-VỤ CHO CÁ-NHÂN**

Có lần, Nha Bảo-An Trung-Phần được cơ-quan Viện-Trợ Mỹ trao cho một số xe Jeep. Viên trung-tá Giám Đốc Nha ấy đến báo-cáo với “Cậu”, xem như đó là một thành-quả “nhờ ơn Ngô Tổng-Thống và Cậu” mới có được, và chọn một chiếc tốt đẹp nhất đưa đến để xin “Cậu” lái khai-mào hầu nhờ “Cậu” mà toàn Nha được hưởng hên.

Chiều cuối tuần ấy, có một số giáo-sư Viện Đại-Học Huế, vốn được ông Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn nâng đỡ, và đều là nhân-vật tên tuổi một thời ở thủ-phủ của Miền Trung, về bãi Thuận-An tắm bể. Họ lái xe Traction, chạy vùn-vụt trở về nhà ở Thành-Phố Huế vào lúc hoàng-hôn.

Đồng-thời, từ tư-thất ở Thành-Phố về nhà nghỉ mát ở bãi bể, ông Cố-Vấn đích-thân cầm tay lái, lái thử chiếc xe Jeep của Nha Bảo-An.

Trên con đường lưu-thông duy-nhất giữa hai địa điểm, mà vào cuối tuần giữa mùa hè nóng bức thì người dân đi tắm bể tập-nập, khi ngang qua lãnh-thổ Quận Phú-Vang, hai xe ngược chiều kể trên gặp

nhau. Xe Traction thì thấp; xe Jeep thì cao, mà vì mới xuất-kho nên mặt kính đèn trước chưa được che bốt phần trên bằng một lớp sơn màu vàng như các xe khác, và Cẩn thì cứ để đèn pha mà chạy. Các nhà học-thức ấy bị chói mắt nên nổi giận, bèn cũng bật đèn pha, rồi thắng xe lại ngay giữa lòng đường, chặn đầu chiếc xe kia, nhẩy ra, xông tới, định dạy cho tài-xế xe Jeep một bài học. Cùng lúc, ông Cố-Vấn luýnh-quýnh thắng xe lại; các vệ-sĩ của ông tưởng gặp kẻ khủng-bố nên nhẩy ngay xuống, xáo ô đạn, chĩa mũi súng về phía đối-phương, sẵn-sàng bám cò. Thế là hai bên nhận ngay ra nhau; các nhà khoa-bảng liền đổi thái-độ, chấp tay vái “Cậu” liên-hồi.

Sau đó, Tòa Đại-Biểu Chính-Phủ Trung-Phần Việt-Nam chi-thị cho Nha Công-Chánh Giao-Thông, Nha Cảnh-Sát Công-An, cùng Tòa Hành-Chánh, Cơ-Quan Quân-Sự, Ty Công-Chánh, Ty Thông-Tin Tỉnh Thừa-Thiên, Ty Cảnh-Sát Thành-Phố Huế, Trung Đội Hiến-Bình địa-phương, v.v... phải họp tìm biện-pháp tạo sự thoải-mái cho “Cậu” trên đường đi. Họ bèn quy định, phổ-biến, và kiểm-soát, để từ nay trở đi mọi loại xe-cộ lưu-thông trên đường Huế--Thuận-An, và ngược lại, chỉ được phép chạy với tốc-lực tối đa 25 cây số/mỗi giờ; hễ gặp xe khác thì phải ngừng lại, rồi chạy từ từ; và nhất là buổi tối và ban đêm thì chỉ được bật đèn ló mà thôi.

Sự việc ông Cố-Vấn bị chặn xe dọc đường thì đã được chính ông bỏ qua; nhưng vì nó có liên-quan đến “Cậu”, các nhà chức-trách xem là quan-trọng hàng đầu nên đã đặt thành luật-lệ cho người dân tuân theo

### MỘT BỮA TIỆC SINH-NHẬT CỦA “CẬU”

Vào dịp sinh-nhật của ông Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn năm ấy, một mình tôi nhận được ba tấm thiệp mời dự tiệc; một với tư-cách văn-nghe-sĩ ký-giả, một với tư-cách thành-viên Thuyết-Trình-Đoàn Học-Tập Chính-Trị và Công Dân Giáo Dục, và một với tư-cách cấp chỉ-huy ngành Cảnh-Sát Công-An.

Trên đầu tờ giấy có in hàng chữ “Văn-Phòng Cố-Vấn Chi Đạo Các Đoàn-Thể Cao--Trung-- Hải”. Về các “Đoàn-Thể”, có nơi ghi rõ là “Chính-Trị, Kinh-Tế, Văn-Hóa, Xã-Hội, Thanh-Niên, Phụ-Nữ, Sinh-Viên Học-Sinh, Lao-Công, v.v...” Cao là Cao-Nguyên, Trung là Trung-Phần, và Hải là Hải-Ngoại.

Đây là một cơ-hội hiếm có để tôi có thể trực-tiếp nghe+thấy những gì liên-quan đến “Cậu”, **người mà dân-chúng sợ-hãi như một hung-thần.**

Con đường xe lửa xuyên-Việt nằm ở giữa, ngăn-cách tư-thất của ông Cổ-Vấn với Văn-Phòng ở bên kia. Lách qua khỏi hai cánh cổng sắt cao to mở hé, tôi bước vào một thế-giới lạ thường. Không có đường dây điện-thoại liên-lạc với bên ngoài. Ông Cổ-Vấn thường chỉ ở trong tư-thất, và ít có ai thấy được chữ ký của ông.

Một mái rạp cao được dựng sát trước hiên nhà, dài suốt ba gian, là nơi bày dọn nhiều dãy bàn ăn. Hầu hết món ăn đều là món Huế, những loại ngày xưa dành cho hoàng-gia, triều-thần nhà Nguyễn và giới thượng-lưu, do chính một số đầu-bếp cũ trong Đại-Nội hoặc tại các Phủ Chúa đến nấu dọn. Thực-khách được chia ra mời làm nhiều đợt; nhưng có một số đến sớm trước giờ; và một số ăn xong vẫn còn nần-ná ở lại, vừa chỉ dẫn cho những kẻ đến sau để tỏ ra rằng mình đã là người nhà của chủ-nhân rồi, vừa cầu-may mong có cơ-hội được “Cậu” hội đến.

Mất mạng kính, miệng nhai trầu, tay cầm quạt khi thì phe-phẩy, khi thì dùng để gãi lưng, ông Cổ-Vấn vừa nói chuyện với vài ba nhân-vật -- nhất là ông Nguyễn Đình Cần, Tỉnh-Trưởng Trường Tỉnh Bình-Thuận, suốt buổi vẫn bám sát theo ông -- vừa đi quanh chăm-sóc từ các loại cây cảnh quý trước mặt nhà đến các loại muông thú hiếm bên hông và sau vườn, trong đó có một con voi con.

Hầu-hạ quanh nhà có một số nhân-viên Cảnh-Sát hoặc Công An. Có một kẻ thường đi dọc theo đường Phan Chu Trinh và đường Vạn Vạn, trên bờ Nam của “sông An-Cựu nắng đục mưa trong”, ngang-nhiên chặt cây trên bến, và cả chuối trong vườn nhà dân, nói là để cho voi của “Cậu” ăn. Nhiều người qua lại trên cầu Phú Cam và trên đường bờ sông Phan Đình Phùng có lần trông thấy dưới bến “Cậu” dùng thìa cà-phê múc sữa đút cho voi uống, trong lúc các thuộc-viên đang kỳ-cọ tắm cho con voi.

Tôi vừa vào đến nơi thì nghe có tiếng còi xe hộ-tổng hụ từ phía cầu Phú Cam. Ông Cổ-Vấn quay đầu về phía nhà trong, im-lặng lắng nghe. Lập-tức, có hai thuộc-viên chạy nhanh ra cổng. Họ thò đầu ra ngoài nói gì đó, rồi nhân-viên gác cổng mở hé một cánh cổng cho một số quan-chức và một viên tướng bước vào. Tất cả đều mặc lễ-phục, và đều đi rón-rén vì sợ để giày gây tiếng ồn.

Về viên tướng, tôi nhận ra là thiếu-tướng Trần Văn Đôn. Hôm mới ra thay trung-tướng Thái Quang Hoàng, trong một buổi lễ tại Phu Văn Lâu, Đôn đã bắt đầu diễn-văn bằng câu “Quân Dân Miền Trung!” Tôi nghe kể lại, chỉ một lát sau là “Cậu” được nghe báo-cáo, liền phán “*Hắn muốn lãnh đạo cả Dân ngoài ni nữa rặng?*”

Họ cúi đầu chào ông Cố-Vấn nhưng ông không đáp lại. Họ bèn nhập chung với một số khác đã đến trước, đứng sắp hàng quay mặt vào bức chân dung của Tổng-Thống Ngô Đình Diệm để trên một chiếc bàn cao trong phòng khách chính, xong cất tiếng đồng-thanh hát bài “Suy-Tôn Ngô Tổng-Thống”, như lệ thường mỗi lần bắt đầu một buổi lễ hoặc buổi họp.

Có đến hai bài “suy-tôn” khác nhau, một của Miền Trung và một của Miền Nam, nên nhịp và lời của hai bài chỗi nhau, nghe rất chói tai.

Bỗng có tiếng đằng-hắng trong nhà. Ông Cố-Vấn liền nạt:

– Ôn! để cụ nghỉ!

Thế là mọi người nín bật, lấm-lét tan hàng. Trong lúc họ chưa biết giấu mặt ở đâu thì các gia-nhân ra hiệu cho họ đứng vào hai bên các dãy bàn tiệc mà bắt đầu ăn.

Lát sau, ông Cố-Vấn đi ngang qua các bàn ăn, nhìn chung, hỏi chung:

– Ngon không?

– Dạ ngon! “Cậu” cho ăn ngon quá!

Nghe mọi người đồng-loạt khen, ông nở một nụ cười khoan-khoái, xong tiếp-tục đi ngắm-nghía, sờ-mó không biết chán các món quà đắt giá mà các cấp chức quyền từ khắp nơi trong nước và ngoài nước dâng về.

Trước mắt tôi, hình-ảnh của “Cậu” Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn vẫn quen thuộc như những lần ông chủ-tọa các cuộc thi rước xe hoa vào những dịp lễ lớn trong năm.

Mỗi cơ-quan dân-chính và quân-sự đều thực-hiện một cỗ xe hoa, với nhiều cỡ, nhiều kiểu, nhiều cách khác nhau, nhưng tựu-trung thì đều rước ảnh của Ngô Tổng-Thống và được trang-trí đèn hoa rực-rỡ vô cùng. “Cậu” đứng trước cổng nhà, vừa nhai trà vừa quạt, nhướn mực-kính chiêm-ngưỡng từng công-trình nghệ-thuật trải qua, và dễ dàng đồng-ý với những lời phê-bình cũng như chấm điểm, định mức thưởng tiền, của các “cô-vấn” hầu-cận hai bên.

Tự-nhiên tôi thấy ông hiền-lành quá, vô-tư quá. Người như thế này mà có quyền sinh-sát đối với mọi người sao?

## LỆNH... LẠC

Ngoài ông Chánh Văn-Phòng, mà một số người cho là có hiểu biết, còn có một số sĩ-quan quân-lực được biệt-phái đến làm việc tại Văn-Phòng Cố-Vấn Ngô Đình Cẩn. Ông Hồ Văn Huế, một đồng-

nghiệp đàn anh của tôi, là một tín đồ Ky Tô Giáo có đạo đức, đã có lần than-thở với tôi:

– Té ra mạnh ai thì nẩy báo-cáo lên “Cậu”; chỉ cần nói khích một câu, tí như “Tên này phản-loạn, dám chống lại Ngô Tổng-Thống và Cậu!” thì nếu đề-nghị giết chết “Cậu” cũng gặt đầu liền. Nhưng trong đa-số trường-hợp họ có trình lên “Cậu” đâu !

Quyền-hành của Cần tuyệt đối như thế nên dân-chúng gọi ông là “*Lãnh-chúa Miền Trung*”. Thật ra, quyền-hành của ông cũng bao trùm cả Miền Nam, là lãnh địa của ông anh, Cố-Vấn Ngô Đình Nhu. Một thi-hữu của tôi, Hồ Đình Phương, của Tỉnh Long-An, và một số thành-viên khác thuộc các phái đoàn từ các Tỉnh trong Nam ra Huế họp đại-hội Đảng Cần-Lao, đã xác-nhận với tôi điều đó.

Không có học-lực và kiến-thức như các ông Diệm, Nhu, ông Cần chỉ là một thứ hào-mục hãnh-tiến, bỗng-nhiên thấy được người ta tôn lên thì được hưởng lợi chứ chẳng thiệt gì, nên để mặc cho thủ-hạ lèo-lải, vẽ-vờ. Ông chỉ đáng khen trong có một việc là lòng hiếu-kính đối với mẫu-thân, góa-phụ của cụ Ngô Đình Khả. Và chính cụ-bà cũng được nhiều người ngợi-ca vì lòng “trung-quân”. Người ta kể lại rằng, khi lăng của chồng đã được xây xong, cụ-bà lên ở trên lăng. Đức Đoan-Huy Hoàng Thái Hậu, tức Đức Từ-Cung, mẹ của Cụu-Hoàng Bảo Đại, thấy cảnh miếu đường hoang-phế mà không được chính-quyền chiếu-cổ, bèn lên gặp cụ-bà để xin nói giúp với anh em nhà Ngô. Cụ-bà nghe tin, đang bệnh mà cũng gắng dậy xuống đón từ dưới mây cấp thêm, toan phủ-phục trước người mà cụ-bà tưởng vẫn còn là quốc-mẫu nên vẫn thủ-phận chồng+con mình là bề-tôi của quân-vương.

Điều tai-hại hơn hết là không có ai dám kiểm-chứng lệnh của ông Cố-Vấn Ngô Đình Cần. Thường thì mọi người chỉ biết tuân lệnh, do nghe kẻ khác nói lại, mà không biết là nói lại hay là nói đại. Mà do chính miệng của ông nói ra lắm khi cũng chẳng hẳn là lệnh-lạc gì hết. Một thí dụ đầy tính tiểu-lâm được truyền miệng trong giới an-ninh:

Một trong những tay chân đặc-lực của Cần là ông La Quát, Trưởng Ban Hoạt-Vụ thuộc Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Phần. Mọi việc bắt-bớ, dọa dẫm, hãm-hại, v.v... đều nằm trong tay Quát. Thế mà...

Đạo ấy ở Tỉnh Quảng-Ngãi có sự rối-loạn. Ty Công-An liên-hệ điện xin Nha Trung-Phần tăng-cường gấp một số nhân-viên. Vì Quát có nhiều nhân-viên nhất nên Phòng Nhân-Vụ đề-nghị rút bớt một số. Quát chỉ cho lấy một người, là người mà Quát tưởng là không thiết-

yếu vì không thấy đến báo-cáo công-tác hằng ngày. Và người ấy nhận được sự-vụ-lệnh truyền-chuyển từ Huế vào Tỉnh Quảng-Ngãi.

Kể đó, một hôm ông Cố-Vấn đi ra sau vườn thì thấy có một thuộc-viên nằm lăn-lộn trước chân ông mà khóc; ông tránh, người kia lại tái diễn, khóc to hơn. Ông hỏi vu-vơ:

– Cha mi chết hay răng mà mi khóc dữ thế?

Được ông hỏi đến, người giữ vườn kêu gào thảm-thiết:

– Không phải một mình cha con chết, mà chính con, rồi cả gia đình nhà con đều sẽ chết hết, “Cậu” ơi! Người ta không muốn cho con tiếp-tục ở đây để được hầu-hạ “Cậu”, “Cậu” ơi!

– Rứa người ta đưa mi đi mô?

– Việt-Cộng giết người tùm-lum trong Quảng-Ngãi, mà người ta đưa con vô trong đó!

– Ai đưa mi đi?

Người ấy vốn đã có đến năn-ni với Phòng Nhân-Vụ đề xin ở lại, nhưng được nơi đây giải-thích là chính Quát đã quyết định cho đương-nhân ra đi. Người ấy liền đáp:

– Dạ, La Quát đưa con đi!

Ông Cố-Vấn vừa bước tiếp vừa nói không:

– Răng hấn không đi mà đưa mi đi?

Mọi lời nói của “Cậu” đều được truyền đi tức-thời.

Thế là Nha Cảnh-Sát Công-An Trung-Phần ký sự-vụ-lệnh khác, để nhân-viên kia lại, và đưa... La Quát đi !

Một thời-gian sau, một hôm ông Cố-Vấn sức nhớ mới hỏi:

– Thăng Quát mô rồi mà lâu ni tau không thấy hấn?

Thế là Quát lại được truyền-chuyển từ Ty Quảng-Ngãi về lại Nha!

Dân-chúng cũng đàm-tiểu với nhau: Bà Cố-Vấn Ngô Đình Nhu, lãnh-tụ Phong-Trào Phụ-Nữ Liên Đới và Đoàn-Thể Thanh-Nữ Cộng-Hòa của toàn-quốc, tức là gồm cả Miền Trung, những lần ra Huế thường tránh gặp mặt “Cậu”. Trung-tướng Thái Quang Hoàng, nguyên Tư-Lệnh Đệ-Nhị Quân-Khu, mà tổng-hành dinh đóng ở Huế, vốn là một sĩ-quan sùng-ái được thăng cấp vùn-vụt, mà rồi cũng bị thất-sủng vì bị dèm pha. Ông Trần Chánh Thành, là người được chính ông Ngô Đình Diệm chọn đưa từ Pháp cùng về với mình, cử làm Bộ-Trưởng Bộ Thông-Tin, phụ-trách Chiến Dịch Tổ Cộng và Phong-Trào Cách-Mạng Quốc-Gia, mà rồi cũng va-chạm với uy-lực của “Cậu” về quyền lãnh đạo các tổ-chức và hoạt động này tại Miền Trung...

Tôi tự hỏi không biết có phải chính “Cậu” đã chủ động, đã chủ động nổi, trong các vụ này, hay là bị bọn ác-ôn côn đồ gài bẫy, mạo danh...

### VỤ GIÁN DIỆP PHÁP TẠI MIỀN TRUNG

Sau khi Pháp, do áp-lực của Mỹ, rút quân ra khỏi Việt-Nam, một số kiều dân Pháp vẫn còn ở lại; họ điều-hành các đồn điền cao-su, cà-phê, trà, và các nhà máy điện, nước, lữ-xá, tiệm ăn, v.v... Ngoài ra, còn có các nhà ngoại-giao...

Ở Huế, có một Phòng Thông-Tin Pháp mà Giám Đốc là ông Avril, một người Pháp lai Việt, sinh sống từ nhỏ tại Thành-Phố này. Tôi đã giới-thiệu để Avril làm quen với ông Thompson A. Grunwald, khi ông này đến nhậm chức Giám Đốc Thông-Tin Hoa-Kỳ ở Huế. Trong lúc chưa có Tổng Lãnh-Sứ, Grunwald là đại diện Mỹ đầu tiên đến Miền Trung. Đối với dân-chúng địa-phương thì sự quen biết đã có từ trước và những giao-tiếp không thể tránh được sau này của Avril với những nửa-đồng-bào xung quanh đã gây tai-họa không ít cho nhiều con dân Việt-Nam.

Trong chương-trình “*đả-thực, bài-phong, diệt-cộng*”, mà “thực” ở đây là thực dân Pháp, các cơ-quan an-ninh sở-tại cho biết đã khám-phá được một tổ-chức gọi là “gián điệp Pháp tại Miền Trung”.

Trong những năm đầu sau Hiệp Định Genève, Liên-Xô và Hoa-Cộng chưa chủ-trương cho Cộng-Sản Bắc-Việt xâm-chiếm Miền Nam; nhờ đó, đa-số các cấp chính-quyền, nhất là ở nhiều Xã Thôn, đã có hoàn-cảnh thuận-lợi để loại-trừ các phần-tử có liên-hệ hoặc bị nghi có dính-líu với ba kẻ thù kể trên. Trung-Ương cho phép mỗi Xã lập nên một “Hương-Uớc” riêng của mình; đó là những quy định tội-trạng và hình-phạt có giá-trị pháp-lý, nằm ngoài và bổ-sung luật-pháp và luật-lệ chung của Quốc-Gia. Chính-sách của Chính-Quyền Quốc-Gia thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa là phục-hồi “Lệ Làng”, một thứ quyền tự-trị của các hương-chức thời xưa; đúng với tục-ngữ “Phép Vua thua Lệ Làng”. Giải-pháp gián-tiên hơn hết là trục-xuất tất cả các đối-tượng “phản động” ra khỏi quê-quán của họ. Nhân dịp có cái gọi là “quốc-sách” Dinh Điền, nhà cầm quyền tổng họ lên vùng Cao-Nguyên, cùng với các thành-phần bất-hảo khác -- cựu-can hình-sự, đồ đệ “Tứ Đổ Tường”, cá-nhân lừng-khùng -- sống tập-trung chung trong các Địa Điểm Dinh Điền, là nơi Hoa Kỳ viện-trợ dồi dào để giúp các giới dân nghèo Việt Nam tái định-cư kiến-tạo đời sống ấm no, thanh-bình, và thịnh-vượng lâu dài cho tương-lai.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là bề mặt, nhất-thời. Thật ra, ngay sau khi chính-quyền Ngô Đình Diệm ra đời, những kẻ có liên-hệ chặt-chẽ với Pháp, với Hoàng-Tộc, với Việt-Minh, hoặc bị tổn-thương quyền-lợi cá-nhân, đều đã tìm cách tự-tồn. Họ trá-hình quy-phục, hoặc nguy-tạo lý-lịch, đổi vùng sinh-hoạt; hoặc rút lui vào bóng tối, hoạt động bí-mật; hoặc bất động chờ thời. Cao điểm là sau khi Mặt Trận Việt-Minh tập-kết cán-bộ và bộ đội ra Bắc; quân-lực Pháp giao lại Miền Nam Việt-Nam cho Mỹ; chế độ Diệm tịch-thu tài-sản của Pháp, lật đổ và tịch-thu tài-sản của cựu Quốc-Trưởng Bảo Đại, phát động chiến dịch “Tổ Cộng”, đánh dẹp các giáo-phái, đàn-áp các chính đảng, cấm Hoa-Kiều làm mười một nghề, v.v...

Có những chính-sách đúng, nhưng bị phai mờ vì những chủ-trương sai; và ngay những đường-lối tốt cũng bị hoen-ố vì những việc làm xấu. Và thiếu-số lạm quyền đã xử ức người này, trị oan kẻ kia, đào hố sâu chia-rẽ và giúp nẩy mầm phần-uất trong dân-nhân. Hạt nhân đối-ngịch và khuynh đảo từ đó đã được gieo ra.

Thật ra, người dân căm-hờn thực dân, oán ghét tay sai, thù hận thành-phần thân Pháp, nên ủng-hộ các nỗ-lực phát-hiện gián điệp nước ngoài. Nhưng khi chính-viện không truy-tố bị-can ra trước pháp-viện, lại sử dụng luật rừng để bạo-hành đối với tù-nhân, thì chiêu-bài “Dân-Chủ Pháp-Trị” của chính-quyền Ngô Đình Diệm đã trở thành bịp-bợm đối với người dân.

Vào một buổi sáng nọ, như để chứng-minh cụ-thể cho những luồng dư-luận lan tràn lâu nay, một số đồng-bào đã tìm đến tận nơi để nhìn thấy tận mắt thi-thể của một nạn-nhân: ông Võ Côn, cựu Phó Giám Đốc Cảnh-Sát Công-An Trung-Việt, bị giết chết và vứt bỏ xác ở chân Núi Ngự-Bình.

### THÀU-KHOÁN NGUYỄN VĂN YẾN

Nhà thầu Nguyễn Văn Yến là một nhân-vật tên tuổi được đồng-bào khắp Huế mến thương.

Sau ngày hồi-cư vào năm 1947, Yến bắt đầu thu thuế tại chợ An Cựu là một chợ nhỏ, mà thời-gian đầu dân-chúng còn thừa-thót nên chợ chưa có nhiều kẻ bán người mua. Vợ anh cũng theo giúp chồng. Tuy là chủ thầu nhưng cả hai đều đối xử tử-tế với giới chịu thuế, nhẹ tay với ai ít vốn, chúc-miễn cho ai ít lời.

Nhờ làm việc cần-cù, giao dịch khéo-léo, Yến đã tiến từ thầu nhỏ lên thầu lớn, và đỉnh cao là thầu được cơ-sở kinh doanh đồ-sộ của anh+em Pháp-kiều Morin chính giữa trung-tâm thủ-phủ của Miền

Trung, đặt tên Nguyễn Văn Yên cho đại Khách-Sạn và Diễn Đường này.

Sự thành-công của Yên là một gai nhọn trước mắt những kẻ muốn chiếm độc-quyền khai-thác hoặc chi-phối mọi nguồn lợi kinh-tài. Thế là Yên bị bắt.

Vợ Nguyễn Văn Yên bị bệnh hiểm-nghèo. Sau khi được chữa lành, trước khi xuất-viện chị đã được y-sư giải-thích và căn dặn kỹ-càng: muốn sống thì đừng gần-gũi đàn ông.

Thương chồng, chị đến gõ cửa khắp nơi; bao nhiêu tiền của chị đem ra dâng nạp hết, nhưng vẫn không có kết-quả. Cuối cùng, chị được đưa đến ra mắt ông Cố-Vấn để cầu xin “Cậu” thi-ân.

Nhờ ân của “Cậu”, chị chết.

Nỗi đau thương của gia đình Nguyễn Văn Yên đã trở thành niềm căm-hận của mọi người: liền sau đó, chính Yên cũng bị giết chết trong tối-tăm.

### THÀU KHOÁN NGUYỄN ĐẮC PHƯƠNG

Là Trưởng-Phòng Huấn-Luyện, trong thời-gian có Khóa Tu-Nghệp hoặc Khóa Anh-Ngữ Căn-Bản do tôi giảng dạy cho cảnh-nhân toàn Thành-Phố, tôi thường đến sớm để lo cho mọi thứ được chuẩn-bị sẵn-sàng. Có nhiều lần tôi ngạc-nhiên thấy Hội Đường, mới chiều hôm qua còn ngăn nắp, mà sao sáng hôm sau bàn ghế đã nghiêng lệch và trên nền lầu vương vãi những lá lót, giấy bọc, cùng nhiều loại thức ăn, đồ uống thừa.

Những lần đầu, tôi nghĩ là do toán nhân-viên gác đêm bày tiệc ăn nhậu. Đến lần nọ, tôi vào hỏi ông Đỗ Hủi, Phó Chi-Huy; ông nhìn trung-úy Hoàng Đạt Vọng, trả lời tôi: “Đêm qua, Chi-Bộ họp”. Chi-Bộ là tổ-chức Đảng; tôi không ở trong Đảng, tôi không thể phàn-nàn gì thêm.

Một hôm, nhân vào Sài-Gòn lập thủ-tục du-học Hoa-Kỳ, tôi gặp trung-sĩ Tôn Thất Ốc giữa phố. Ốc là nhân-viên Đội Biệt Động ở Huế; cùng đi với anh có vài ba người nữa, đang ngồi trong một chiếc xe hơi đậu bên lề đường. Anh dừng lại chào hỏi tôi. Khi anh lên xe đi rồi, có mấy người mà tôi thấy quen mặt đang ngồi trong Nhà Hàng “Thanh Thế” vẫy gọi tôi vào. Họ là công-chức, quân-nhân hoặc thường dân gốc ở Huế, nay vào tòng-sự, thụ-huấn hoặc sinh sống trong này.

Nhạc-sĩ Châu Kỳ ghé vào tai tôi nói nhỏ: “Đừng bắt mình, nghe Thanh Thanh!” Tôi mở tròn mắt hỏi lại: “Tôi làm gì mà bắt ai?”

Nhạc-sĩ Lê Trọng Nguyễn liền vỗ vai Kỳ: “Thanh Thanh không dính vào những vụ đó đâu!”

Hồi đó, Cảnh-Sát và Công-An là hai ngành khác nhau, mà tôi thì ở bên phía tư-pháp hình-sự, không phải bên phía chính-trị.

Một người hỏi tôi: “Hôm nay các anh đã bắt được bao nhiêu mạng rồi?” Thấy tôi ngờ-ngác, một người khác nói: “Bọn hồi này là mật-vụ trong Đoàn Công-Tác Đặc-Biệt Miền Trung, vào đây bắt người đấy!”

Tôi cũng có nghe nói đến tổ-chức ấy, nhưng không biết là họ thuộc cơ-quan nào, vì tại Nha và tại Ty Công-An Tỉnh Thừa-Thiên thì chỉ có Ban Hoạt-Vụ, Ban Lưu Động, hoặc Ban Truy-Tầm gì đó thôi.

Không-khí ở Sài-Gòn tự do hơn, nên mấy người này tranh nhau kể toàn những chuyện cướp đoạt, giam-cầm, tra-tấn, và thủ-tiêu dân lành, ở cả Huế lẫn các Tỉnh gần xa.

Diệm thì huênh-hoang tuyên-bố: “*Đảng sau Hiến-Pháp còn có tôi!*” để bị lũ gian-mạnh ngụy-tạo vườn cây sây trái cho mà đến thị-sát, khoe-khoang; Nhu thì kim kẹp đối-lập ở P-42; vợ Nhu thì hù-nhạ làm ăn bất-chính với vợ Trần Chánh Thành; Cần thì thể-hiện hòa-ngục ở Mang-Cá, hồ lửa ở Chín Hầm...

Khi nghe tôi làm việc ở Ty Cảnh-Sát Huế, một người la lên:

– Đánh người ta vỡ đầu chết, rồi ném xác xuống sân, tri-hồ là người ta nhảy lầu tự-tử, xong rồi vào đây lãnh mặt hả?

Các bạn khác cũng sững-sờ như tôi. Một người ôn-tồn hỏi tôi: “Anh vào đây bao giờ?” Tôi đáp: “Sáng thứ năm” Người ấy thờ phào: “Thế thì không phải là anh!”

Người kia nhìn tôi dò xét, rồi như tin tôi, kể ngắn gọn:

– Chúng bắt bừa, nhốt kín nhiều nơi, lâu lâu mới chở một số đến Ty Cảnh-Sát cho gặp thân-nhân một lần vào lúc nửa đêm. Tại đó, chúng cũng khảo đả nạn-nhân. Án-mạng vừa rồi xảy ra vào khuya thứ năm; tôi mới vào chiều hôm qua; thứ sáu. Tội-nghiệp thâu-khoán Nguyễn Đắc Phương!

Tôi nghe mà lặng điếng cả người.

Thì ra Hội Đường, nơi tôi truyền-bá lý-thuyết lý-tưởng về nghiệp-vụ, nơi tôi phổ-biến đạo đức chính-trị của Ngô Tổng-Thống, đã bị dùng làm nơi chà đạp “nhân-vị” và sinh-mạng của con người!

Trước đó, tôi có gặp Nguyễn Đắc Phương một lần, tại nhà giáo-sư Nguyễn Như Minh. Minh là thầy cũ của tôi ở “Thuận-Hóa Học-Hiệu”. Ông vừa mới giao cho Phương, và Phương vừa mới khởi-công xây-cắt một trụ-sở mới cho Trường Trung-Học Tư-Thực Nguyễn Du.

Ngang đây thì tôi thấy trung-tá Đoàn Đình Từ, một người bạn thân của tôi, hiện làm Trưởng Ty Công-An Tỉnh Long-An, từ ngoài bước vào. Từ bị thương trong một trận chạm súng với Việt-Cộng, chân đi còn khập-khiễng. Để tránh đụng chạm, tôi kéo anh lên Nhà Hàng “Bồng Lai”. Lát sau, tôi hỏi anh về nạn độc-tài, tham-bạo; anh lắc đầu thờ dài: “Hết nước nói! Minh chỉ biết diệt Cộng mà thôi!”

\* \* \*

Vào dịp lễ Hai Bà Trưng năm 1960, tôi thuyết-trình về tinh-thần ái-quốc của Trưng Nữ-Vương, theo tài-liệu học-tập của Trung-Uơng phổ-biến.

Hoàng Mai Thêm, lúc ấy cũng đã mãn định-kỳ quân-nhiệm, trở về Ty Cảnh-Sát Huế, cùng tham dự buổi họp.

Khi đến câu “Quân của Hai Bà là quân ô-hợp nên bị thất-trận”, tôi đã cố ý bỏ qua từ đoạn “là quân ô-hợp”. Hội Đường thắc-mắc; nhiều người đưa ý-kiến là phải đọc trọn câu, và đòi giải-thích hai tiếng “ô hợp”. Tôi giải-thích tĩnh-từ “ô hợp”, xong thanh-minh rằng tôi không muốn trong lúc tưởng nhớ công đức của tổ-tiên anh-hùng mà lại chê-bai phẩm-chất chiến đấu của tiền-nhân:

– Có lẽ soạn-giả sơ-y. Theo tôi thì chỉ cần nói “Hai Bà thua trận là đủ”, không cần nêu thêm cái lý do ấy, nhất là nói về khuyết-nhược của mình. Vậy đề-nghị các bạn khi về đơn-vị địa-phương thuyết-trình lại cho các học-viên của mình thì bỏ bớt mấy chữ đó đi.

Ngang đây, Thêm chất-vấn tôi:

– Sự thật là “ô hợp” thì cứ nói là “ô hợp”, anh muốn chống lại lịch-sử và cãi lại tài-liệu của “Ban Chỉ Đạo Học-Tập Trung-Uơng” ư?

Cuộc thảo-luận chung biến thành cuộc tranh-luận riêng giữa hai chúng tôi.

Tôi nói: “Tuy Ban Chỉ Đạo Trung-Uơng do ông Cố-Vấn Ngô Đình Nhu chủ-trì, nhưng ông chỉ đề ra ý chính, làm sao kiểm-soát hết từng chữ?”

– Tôi đã từng thảo diễn-văn cho các Đơn-Vị-Trưởng, họ dò rất kỹ trước khi đọc; anh cho là ông Cố-Vấn không đọc kỹ à?

– Tôi cũng đã từng thảo diễn-văn cho các tướng Tư-Lệnh, đúng như anh nói. Nhưng đó là cho chính miệng họ đọc ra, lâu lâu một lần. Đằng này, tài-liệu tổng-quát do nhân-viên phụ-trách soạn chung cho mọi người, ào-ạt phổ-biến mỗi tuần mấy đợt, trải qua nhiều năm rồi, thì cũng chỉ giống như tờ báo định-kỳ thông-thường ngoài phố mà

thôi, làm sao tránh khỏi sơ-xuất?

– Nhưng đây không phải là sơ-xuất, mà là nói lên sự thật!

Tôi đáp: “Đồng-ý là sự thật. Tuy nhiên, đó là ở trường đại-học, nghiên-cứu sử-liệu chúng ta có thể tìm thấy nhiều điều khác lạ; thí dụ tài-liệu của Trung-Hoa nói về Hai Bà Trưng, có đăng trên báo của Viện Đại-Học Huế, do linh-mục Cao Văn Luận làm Viện Trưởng, thì tàn-tệ hơn nhiều. Còn đây thì không phải là một công-trình nghiên-cứu lịch-sử ở trình độ bác-học, mà chỉ là một bài học công dân giáo dục nhằm vào đa-số bình dân, cốt để nhân ngày kỷ-niệm Trưng-Vương mà khích động đồng-bào noi gương yêu nước của Hai Bà; như thế thì chỉ cần đề-cập những gì có lợi cho mục đích trước mắt mà thôi”.

– Nói như anh tức là cấp trên khinh thường dân-chúng, chủ-trương ngu dân!

Tôi thấy Thêm đã vô-tình tạo ra cơ-hội cho tôi lợi dụng mà nói lên những điều cần nói công-khai:

Ở đây có ông Trần Văn Hương, Chỉ-Huy Trưởng, vừa đi du-học ở Mỹ về, đã thấy rõ sự khác nhau giữa Mỹ với nước mình. Thế nhưng, tài-liệu, mà chúng ta học-tập ở đây thì nói rằng Hiến-Pháp của Việt-Nam Cộng-Hòa là tiến-bộ hơn Hiến-Pháp của Hiệp-Chủng-Quốc Hoa-Kỳ. Cũng thế, học-tập về chế độ hiện-tại thì chỉ toàn đề-cao những tốt lành ngay chính chứ có ai phanh-phui những xấu dữ gian tà đâu !

Thế là mọi người bỏ mất trọng-tâm. Hội Đường chia ra làm hai phe; đa-số thì đồng-ý với tôi dẫn chứng từ những sai lầm bất-công đến những gian tham tàn-ác của nhóm đặc-lợi đặc-quyền; thiểu-số đặc-thời thì chối-cãi, biện-minh. Không-khí quá căng; chủ-tọa phải tuyên-bố giải-tán. Nhưng khi ra khỏi phòng họp rồi họ vẫn còn phát-biểu rất hăng.

Việc làm của tôi đã mở đường cho những chống đối công-khai và đồng-loạt của nhiều tập-thể lớn về sau (trước cả vụ phản-kháng của 18 nhà chính-trị tên tuổi tại Nhà Hàng Caravelle trong Sài Gòn). Riêng trường-hợp của tôi đã gây nên mối bất-đồng quan điểm giữa hai ông Cổ-Vấn họ Ngô. Vây-cánh của ông Cần thì muốn dùng biện-pháp mạnh đối với tôi, nhưng ông Nhu thì tiến-bộ hơn nên nương tay. Do đó, họ giao tôi cho Bộ Nội-Vụ áp dụng kỷ-luật hành-chánh.

Sau ba tháng bị cắt chức, giam cầm, tôi bị ghép vào thành-phần “phản-loạn” và bị đày lên Cao Nguyên là vùng “nước độc và nguy-hiểm”, cùng với bốn đồng-nghiep khác; đó là hai sĩ-quan tham-mưu

có uy-tín mà không chịu đứng chung vào hàng-ngũ phá đạo hại đời, và hai viên-chức cũng là tín đồ Ky-Tô-Giáo và cũng là đảng-viên Đảng Cần-Lao nhưng không đồng-hội đồng-thuyền với họ nên họ cũng nhân dịp này mà tổng cô đi luôn.

Suốt đời tôi không bao giờ quên được hình-ảnh của những Giám Đốc, Trưởng Ty, công-chức các cơ-quan bạn, mà nhiều người trước kia tôi chưa hề quen, và rất đông đồng-bào vô danh, đã bất-chấp mật-vụ, lên ga xe lửa Huế ngâm-ngủ tiễn chúng tôi đi...

\* \* \*

Rồi Diệm bị đảo-chánh hụt, rồi Dinh Độc-Lập bị ném bom. Vụ các chính-khách bất-đồng chính-kiến họp tại nhà hàng Caravelle nổ bùng. Nhà văn Nhất-Linh Nguyễn Tường Tam, bị kết án tử-hình, đã tự-tử, với kết-luận “*đời tôi để lịch-sử xét*” để phủ-nhận quyền-hành của chế độ nhà Ngô. Phật-Giáo bị cấm treo cờ vào ngày lễ Phật-Đản; Phật-Tử Huế biểu-tình đòi quyền tự do tín-ngưỡng, bị tàn-sát trước Đài Phát-Thanh. Diệm+Nhu cho Cảnh-Sát Chiến Đấu tấn-công chùa-chiền. Hòa-Thượng Thích Quảng Đức và nhiều tu-sĩ, Phật-Giáo-Đồ khắp nước tự-thieu. Sinh-viên học-sinh và các giới dân-nhân xuống đường; toàn-quốc nổi dậy. Thạc-sĩ Vũ Văn Mẫu, Ngoại-Trưởng VNCH, tự cạo tóc đầu từ-chức để phản-đối Diệm; ngay chính ông Trần Văn Chương, đại-sứ VNCH tại Mỹ, là cha ruột của bà cố-vấn Ngô Đình Nhu, và bà Trần Văn Chương, quan-sát-viên VNCH tại Liên Hiệp Quốc, là mẹ đẻ của bà Nhu, cũng cùng từ-chức để chống lại bè lũ Diệm—Nhu đàn-áp Phật-Giáo. Chính-giới Hoa Kỳ phẫn-nộ, dư-luận thế-giới xôn-xao. Cuộc Cải-Mệnh 1-11-1963 xảy ra.

Sau này, tôi chỉ-huy Cảnh-Lực cấp Tỉnh trên Cao-Nguyên thì Hoàng Mai Thêm cũng chỉ-huy Cảnh-Lực ở Tỉnh Thừa-Thiên.

Một số bạn cũ nói rằng Thêm vẫn trung-thành với quan-niệm sống của mình, cứ theo lý-thuyết sách vở mà làm; theo đó, Luật-Pháp mới là nguyên-tắc của trật-tự và an-ninh, nên anh phục-vụ; còn Chính-Trị thì là phi-nguyên-tắc nên anh không tham-gia. Anh chỉ chú-tâm riêng vào phần Hình-Cảnh, và phó mặc phần Đặc-Cảnh (có thể gọi là Cảnh-Sát Chính-Trị) cho viên Phó Chỉ-Huy chuyên-trách cầm nắm các vấn đề phe đảng, giáo-phái, hội đoàn, tình-hình nội-bộ chính-quyền, cũng như trực-tiếp giải-quyết với Ủy-Ban An-Ninh về các vụ bất-bớ, giam cầm Việt-Cộng tại địa-phương.

Tuy không đối diện, đối-thoại, nhưng qua tin-tức như trên, tôi vẫn thấy cần tranh-luận với Thêm. Nếu anh chịu nhúng tay vào, thì

cơ-quan mà anh vẫn là người chịu trách-nhiệm chính, chắc-chắn sẽ tránh được nhiều lầm sai. Cùng lắm thì anh vẫn có thể công-khai nói lên tiếng nói của mình, như tôi ngày xưa?

Việt-Cộng không bám sát anh, hoặc vì cơ-sở của chúng hoạt động dờ, hoặc do may-mắn tự-nhiên, mà anh thoát chết ở Huế vào vụ Tết Mậu-Thân 1968. Anh trà-trộn với đồng-bào vào trốn trong nhà thờ Dòng Chúa Cứu-Thế; khi địch đến thanh lọc, anh đưa Thẻ Sinh-Viên trường Luật ra; chúng không nhận diện ra anh.

\* \* \*

Chùng nhớ ngày xưa tôi rất ham thích Ngành Hình-Cảnh, Thêm nói:

– Mình không ngờ Nhuận mà lại qua Ngành Đặc-Cảnh.

Tôi định đáp: “Mình cũng không ngờ Thêm mà lại tham-chánh”, nhưng tôi nín kíp.

Một người bạn thân khác của tôi, thi-sĩ Như Trĩ, tức luật-sư Bùi Chánh Thời, cũng có quan-niệm như Thêm. Nhưng Thời không tham-chính; anh hoạt động vì nhân đạo, cầm đầu chi-nhánh của một tổ-chức quốc-tế Bảo-Vệ Thiếu-Niên Nhi Đồng tại Việt-Nam.

Mỗi người có quyền theo đuổi lý-tưởng riêng của mình. Tôi tôn-trọng quyền ấy. Nhưng vì Luật-Pháp tự nó không có Tổ-Quốc, nên chính-thể nào cũng dựa trên Luật-Pháp nói chung để làm ra Luật-Pháp của riêng mình. Trong một Quốc-Gia, vào một giai đoạn nào đó, phải chăng Luật-Pháp cũng chỉ là sản-phẩm của Chính-Trị? Người đã tham-gia vào Chính-Quyền, nhất là ở cương-vị lãnh đạo, làm sao không dự phần vào chính-sách chung?

Thêm được mời làm Thứ-Trưởng một Bộ. Dù là của Bộ Tư-Pháp đi nữa, thì đó cũng là một phần của Ngành Hành-Pháp, và đó cũng là một trách-vụ chính-trị. Anh nói là anh chưa nhận, tức là đã nhận trên nguyên-tắc, chỉ còn cân-nhắc một số điều-kiện nữa mà thôi?

Bị ám-ảnh vì bóng ma quá-khứ, tôi sợ là anh sẽ lại rơi vào hai trường-hợp khó-khăn: Lý-thuyết siêu-chính-trị có thoát khỏi bị guồng máy chính-quyền biến-thế? Và nhập-cuộc nửa vời có phải là giải-pháp an ổn cho lương-tâm?

Thà Thêm chỉ là luật-sư, hoạt động ngoài-chính-quyền như Thời, đứng hẳn về phía đối-lập trong dân-nhân, hoặc chỉ là huấn-sư trong một trường Luật, hoặc công-khai đối-lập trong các chức-vụ lập-pháp và dân-cử... Đẳng này, trong cương-vị công-cử, nếu gặp nghịch-

cảnh, thái độ của anh sẽ như thế nào...

Tuy nhiên, lịch-sử cũng đã sang nhiều trang; cả Thêm lẫn tôi, cũng như mọi người, đều đã lớn hơn, khôn hơn. Trên đường tiến tới Dân-Chủ, dân-nhân Miền Nam Việt-Nam đã bước những bước khá dài. Ít nhất thì, ngày xưa, hề thiếu kính-trọng đối với Ngô Đình Diệm là cầm chắc cái chết trong tay; nhưng, ngày nay, mọi người đều tự do chỉ-trích, thậm-chí mạt-sát, Nguyễn Văn Thiệu mà không hề-hấn gì. Giới trí-thức phải hiểu rằng tài-năng, đạo đức, thiện-chí, và kết-quả phục-vụ là những yếu-tố cần-thiết để thẩm định giá-trị của một con người. Đã giỏi Luật-Pháp, mà cũng rành về Chính-Trị và các Ngành khác, hoặc ngược lại, thì tài-năng mới không phiên diện; và đã tham-gia thì phải dấn thân, có thể đạo đức mới vẹn toàn.

Tôi bắt tay Thêm thật chặt, để mừng anh, và để truyền đạt qua anh niềm tin của tôi rằng bạn mình bây giờ nhất định đã tiến rất xa...

Huế, 1973-75

**LÊ XUÂN NHUẬN**

From: Nhuan Xuan Le <lechannhan@yahoo. com>

Subject: *hồi ký Lê Xuân Nhuận: Tiến-Sĩ Hoàng Mai Thêm*

Date: Sunday, October 25, 2009, 12:06 PM

## VÀI NÉT VỀ “CỤ DIỆM”

*Trần Chung Ngọc*

### *Phần I*

Đã viết về “Cụ Hồ” mà lại không viết về “Cụ Diệm” thì quả là một điều thiếu sót, vì dù sao ông Diệm cũng đã là Tổng Thống của miền Nam trong 9 năm. Nhưng bài này tuyệt đối không phải để đối chiếu so sánh “Cụ Diệm” với “Cụ Hồ” vì không ai có đôi chút hiểu biết lại đi làm công việc vô trí này. Tại sao? Vì một đằng suốt đời sống gian khổ, tổ chức, tập hợp những người yêu nước chống Pháp, mong giành lại độc lập và thống nhất cho đất nước [Cụ Hồ], một đằng làm quan cho Pháp, bắt người yêu nước chống Pháp tra khảo, rồi nằm yên vị trong các Trường Dòng Công Giáo ở Mỹ, Bỉ trong khi nước nhà sôi bỏng vì chiến tranh, kháng chiến chống Pháp trở lại Đông Dương, rồi phút cuối trở về làm “chí sĩ cứu tinh dân tộc” [Cụ Diệm]. Đã có nhiều sách viết về biến cố ông Ngô Đình Diệm về chấp chánh ở miền Nam. Và không ai có thể phủ nhận là chính cựu Hoàng Bảo Đại đã bổ nhiệm ông Diệm về làm Thủ Tướng. Nhưng những chi tiết từ đâu mà cựu Hoàng Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm thay vì không phải ai khác thì rất ít được viết đến. Có chăng chỉ là sơ sài như ông Diệm được Hồng Y Spellman ủng hộ hay được chính giới Mỹ ủng hộ, tuy rằng dân Việt không có ủng hộ, vì khi đó chẳng có mấy người biết đến ông Diệm.

Chúng ta biết rằng Ông Ngô Đình Diệm không phải là một khuôn mặt chính trị có tầm vóc ở Việt Nam, được nhiều người biết đến trước khi được đưa về Việt Nam làm Thủ Tướng vào tháng 6, 1954. Thành tích của ông trong thời Pháp thuộc không lấy gì làm sáng sủa, chưa kể ông thuộc dòng họ ba đời làm Việt Gian. Thành tích “yêu nước” nổi bật nhất của ông là trong thời Pháp thuộc, khi làm Tri Phủ Hòa Đa, ông đã dùng đèn cầy đốt hậu môn của những người yêu nước chống Pháp để tra khảo. Chúng ta cũng biết, từ năm 1950, ông đã rời quê hương đất tổ của ông để sống trong các Trường Dòng Công Giáo ở Mỹ và ở Bỉ. Vì những thành tích này mà khi ông về cầm quyền, những người Công giáo đã tôn ông lên làm “chí sĩ”, và

người dân miền đã Nam bị cưỡng bức phải ca bài “*Toàn dân Việt Nam biết ơn Ngô Tổng Thống; Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm*”. Cuối cùng, “muôn năm” chỉ có vồn vẹn “chín năm”, và ông đã yên nghỉ cùng Chúa và ông bạn vàng Torquemada (một Đại Phán Quan Tây Ban Nha giống như ông Diệm đã từng tự nhận), tới nay được 43 năm rồi.

Một câu hỏi được đặt ra: với một thành tích “yêu nước” và chính trị không có gì, với một khả năng rất giới hạn, tài và đức đều không có, vậy tại sao ông Diệm lại được chọn để làm Thủ Tướng ở miền Nam? Có lẽ những chi tiết trong cuốn “*The American Pope: The Life and Times of Francis Cardinal Spellman*”, A Dell Book, NY, 1985, của John Cooney, tạm gọi là đầy đủ nhất. Để viết cuốn sách này, tác giả Cooney đã xữ dụng những nguồn tài liệu từ chính Nhật Ký của Spellman, những hồ sơ mật của FBI, và qua những cuộc phỏng vấn, nên tác phẩm của Cooney là một nguồn tài liệu rất có giá trị [By using Spellman’s personal diary, FBI classified files, and interviews, Cooney’s volume is an engrossing, valuable document]. Vậy sau đây, tôi xin trích dẫn vài đoạn trong phần nói về ông Diệm trong cuốn sách trên, từ trang 307 đến trang 314:

*“Tuy rằng không có mấy người biết điều này, Hồng Y Spellman đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc tạo nên sự nghiệp chính trị của một người đã ở trong một Trường Dòng ở New York trước đây, vừa trở thành Thủ Tướng của miền Nam Việt Nam: Ngô Đình Diệm. Ở Diệm, Spellman nhìn thấy những đặc điểm mà ông ta muốn có trong mọi người lãnh đạo: Công Giáo nồng nhiệt và chống Cộng điên cuồng.*

*Spellman đã gặp Diệm ở New York vào năm 1950, khi người Việt Nam này ở trong Trường Dòng Marykoll ở Ossining, New York. Một tín đồ Công giáo trung thành, sinh ra từ một gia đình gia giáo, Diệm ở trong Trường Dòng do sự cầu xin của người Anh, Ngô Đình Thục, một Giám mục Công giáo. Là một người độc thân rất sùng tín, Diệm đã tự tách mình ra khỏi thế giới, đặc biệt là ra khỏi quốc gia tan tác bởi chiến tranh của ông ta. Và ông ta chỉ được biết đến bởi một nhóm nhỏ hoạt động chính trị ở Mỹ. Ở Việt Nam tên ông ta không gây nên một hứng thú nào. Trên chính trường Mỹ, ông ta không được ai biết đến, một tình trạng mà Spellman giúp ông sửa đổi. Lai lịch của Diệm không tránh được sự chú ý của Spellman.*

Người đưa Diệm đến Spellman là Linh mục Fred McGuire. Một cựu thừa sai ở Á Châu, kiến thức về Viễn Đông của McGuire

được biết rõ ở Bộ Ngoại Giao. McGuire nhớ lại, một ngày nọ ông được Dean Rusk, khi đó làm trưởng ban Á Châu vụ, nhờ dàn xếp để Giám mục Thục, sắp đến Mỹ, tới gặp các viên chức của Bộ Ngoại Giao. Rusk cũng tỏ ý muốn gặp Diệm.

*McGuire tiếp xúc với người bạn lâu đời, Giám Mục Griffiths, vẫn còn là chuyên viên ngoại vụ của Spellman. Hắn ta yêu cầu sẽ để cho Thục được tiếp kiến đúng nghi thức bởi Hồng Y. Trong dịp này Diệm đã từ Trường Dòng đến nhà riêng của Spellman. Cuộc gặp gỡ giữa Spellman và Diệm có thể là một cuộc gặp gỡ lịch sử. Joseph Buttinger, một người hoạt động cho những người tị nạn Việt Nam, tin rằng **Hồng Y Spellman là người Mỹ đầu tiên nghĩ đến việc đưa Diệm về lãnh đạo Nam Việt Nam.***

Tháng 10 1950, hai anh em Diệm đã gặp các viên chức Bộ Ngoại Giao ở khách sạn Mayflower, có cả Rusk. Diệm và Thục được tháp tùng bởi McGuire và ba giới chức chính trị của giáo hội khi đó đang hoạt động để ngăn chặn Cộng Sản: Linh mục Emmanuel Jacque, Giám mục Howard Carroll, và Edmund Walsh ở đại học Georgetown. Mục đích của cuộc gặp gỡ này là hỏi hai anh em Diệm Thục về đất nước của họ và xác định những niềm tin chính trị của họ. Điều rõ ràng sau đó là cả Thục và Diệm đều tin rằng Diệm sẽ cai trị đất nước của họ. **Sự kiện là Việt Nam chỉ có 10% Công Giáo không đáng quan tâm đối với hai anh em Diệm.**

*Khi bày tỏ ý kiến trong bữa ăn tối, hai lập trường Diệm tin tưởng nhất đã rõ ràng. Hắn ta tin vào quyền năng của Giáo hội Công Giáo và hắn ta thù địch dữ dội và quyết liệt chống Cộng. Điều này chắc đã phải gây ấn tượng trên các viên chức Bộ Ngoại Giao. Quan tâm đến Việt Nam từ khi Truman bắt đầu giúp tài chánh cho Pháp ở đó (Việt Nam), những viên chức Bộ Ngoại Giao đã luôn luôn để ý đến những người lãnh đạo chống Cộng cực đoan vì ảnh hưởng của Pháp đã phai nhạt. Sau Điện Biên Phủ, Eisenhower muốn ủng hộ một chính phủ mở rộng hơn là chính phủ của ông Vua, người không được quần chúng ủng hộ mấy vì đã từ lâu bị coi như là một bù nhìn của Pháp và Mỹ. Do đó Mỹ muốn có một người Quốc Gia ở địa vị cao ở Nam Việt Nam để làm giảm sự hấp dẫn của Hồ Chí Minh. Kết quả là Bảo Đại đã cho Diệm một chức vụ mà Diệm mà Diệm vẫn muốn – Thủ Tướng. [[Về chuyện này Bernard Fall viết trong The Two Viet-Nams, trang 244: “Ý thức được rằng mình đang ném ngai vàng đi, Bảo Đại bắt Diệm phải thề (Theo Stanley Karnow, trang 218, Bảo Đại bắt Diệm thề trước cây Thánh Giá [before the crucifix])*

trung thành với ông, và nhiều nhân chứng có thẩm quyền quả quyết là Diệm cũng còn quỳ xuống trước Hoàng Hậu Nam Phương là sẽ làm hết sức trong phạm vi quyền lực của mình để “giữ ngai vàng cho Hoàng Tử Bảo Long, con của Bảo Đại”. Nhưng chúng ta đã biết, chỉ hơn 1 năm sau, Diệm đã dùng tiền của CIA để tổ chức cuộc Trưng Cầu Dân Ý gian lận để phế bỏ Bảo Đại và lên làm Tổng Thống. Về vụ này Bernard Fall cũng viết, trang 257: “Trong hầu hết các nơi bỏ phiếu, có nhiều ngàn phiếu nhiều hơn là số cử tri đã bỏ cho Diệm. Thí dụ, Ở vùng Saigon-Chợ Lớn, đếm được 605,205 phiếu trên số 450,000 cử tri ghi danh”.]

Diệm trở về Saigon ngày 26 tháng 6, 1954, sau Edward Lansdale vài tuần. Lansdale là trùm CIA về quân sự ở Saigon, đặc trách cuộc chiến không theo quy ước [có nghĩa là đánh phá ngầm]

**Lập trường của Spellman về Việt Nam phù hợp với những mong ước của giáo hoàng.** Malachi Martin, một cựu tu sĩ dòng Tên phục vụ tại Vatican trong những năm Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam, nói rằng giáo hoàng muốn Mỹ ủng hộ Diệm vì giáo hoàng đã bị người anh của Diệm, Tổng giám mục Thục, ảnh hưởng. “Giáo hoàng quan tâm đến sự càng ngày càng thắng lợi của Cộng sản do đó làm suy yếu giáo hội,” Malachi xác nhận rằng: **“Giáo hoàng ra lệnh cho Spellman khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam.”**

Do đó Spellman xếp đặt một chiến dịch hòa điệu kỹ càng để dựng lên chế độ Diệm. Qua báo chí và vận động trong hậu trường ở Washington, vẫn để đối đầu chống Cộng ở Đông Dương được phổ biến rộng rãi ở Mỹ.

Spellman và Kennedy cũng còn giúp lập lên một nhóm vận động hậu trường Washington. Chủ trương của sự đồng minh này là chống Cộng và phát huy ý hệ Công Giáo.

..Do đó, rất nhiều người Mỹ tin rằng Việt Nam là một quốc gia phần lớn là Công Giáo. Một phần của cái ấn tượng sai lầm này là kết quả của việc Diệm lên cầm quyền. **Với sự giúp đỡ của CIA tổ chức cuộc bầu cử gian lận năm 1955, Diệm hủy bỏ chế độ quân chủ và Bảo Đại bị cưỡng bức phải sống trong cảnh lưu đày. Cái màu sắc Công Giáo đậm đà trong cuộc vận động hậu trường Việt Nam cũng góp phần tạo nên quan niệm sai lầm trên. Còn một yếu tố khác là sự đặt mình vào trong đường lối trên của Spellman.**

Rồi còn có vai trò hấp dẫn của một bác sĩ Công giáo trẻ hoạt động ở Việt Nam tên là Tom Dooley. Một Trung Úy hải quân hoạt động ở Hải Phòng, Dooley làm việc với các người tị nạn.

*Là con cưng của Spellman, có một lúc Dooley tổ chức được 35,000 tín đồ Công Giáo Việt Nam ở miền Bắc di cư. Có lẽ những nỗ lực của Dooley thành công ở Mỹ hơn là ở Việt Nam. Hẳn viết ra những bài trong nhật báo và tuần báo và 3 cuốn sách bán chạy nhất để tuyên truyền cho Công Giáo và chống Cộng theo những niềm tin của hắn. Hắn dựng lên những chuyện người Công Giáo bị khổ nạn trong tay của những người Cộng Sản đã đánh đập vào bộ sinh dục của các linh mục trần truồng, chọc thủng màng tai của những đứa trẻ bằng đũa để cho chúng không nghe được về Thiên Chúa, và mổ bụng phụ nữ có thai. Tốt nghiệp đại học Notre Dame ở Indiana [thực ra Dooley không tốt nghiệp bác sĩ từ đại học Notre Dame mà từ đại học St. Louis. Trường Notre Dame có tiêu chuẩn cao nên Dooley không theo được và phải bỏ Notre Dame theo học ở St. Louis. Nhưng ngay ở đây, Dooley cũng học rất kém, phải học lại năm cuối, và khi làm nội trú cũng phải làm thêm 6 tháng. Nhưng vì những công việc chống Cộng bịp bợm nên Dooley đã trở thành nổi tiếng như là một bác sĩ tận tụy giúp người di cư và chống Cộng cực đoan. Vì vậy năm 1960, trường Notre Dame trao tặng cho Dooley chức bác sĩ hàm], Dooley đi khắp nước Mỹ để quảng cáo những cuốn sách của mình và hô hào chống Cộng, rồi chết năm 1961, khi mới có 34 tuổi. Người cuối cùng đến bên giường bệnh của Dooley là Hồng Y Spellman, người đã tôn ông bác sĩ trẻ như là nguồn cảm hứng cho mọi người – một thánh tử đạo khác. Tiếng tăm của Dooley không suy giảm cho đến khi Ủy Ban phong Thánh của Công Giáo La Mã điều tra năm 1979 và khám phá ra rằng Dooley có liên hệ với CIA. [Muốn biết sự thực về con người của Tom Dooley, xin đọc bài “Doctor Tom Dooley” của Peter Brush trong mục các bài tiếng Anh]*

*Dooley đã giúp CIA tạo loạn cho Bắc Việt qua những chương trình tị nạn của hắn. Những người Công Giáo đổ vào miền Nam đã mang đến cho Diệm một hậu thuẫn chính trị lớn và được hứa hẹn của Mỹ giúp đỡ để tái định cư. Quân chúng Mỹ phần lớn tin rằng hầu hết những người Việt Nam đều khiếp sợ sự độc ác và khát máu của Việt Minh và tìm đến ông Diệm sợ Chúa để được giải thoát. Nhiều người tị nạn chỉ sợ bị trả thù vì mình đã ủng hộ Pháp.*

*...Sự tuyên truyền của Spellman về bản chất Công Giáo của chính quyền Diệm đã làm rõ rệt thêm hình ảnh không đẹp về vị thế của giáo hội ở Việt Nam. Cái bản chất tôn giáo của chính quyền Diệm và những vấn đề chính quyền đó tạo ra đã được ghi nhận bởi*

Graham Greene, một tín đồ Công Giáo, trong một bài viết từ Saigon, in trong tờ London Sunday Times ngày 24 tháng 4, 1955:

“Chính cái giáo thuyết Công Giáo đã làm cho chính quyền Diệm sụp đổ, vì sự sùng tín của ông ta đã bị những cố vấn Mỹ khai thác cho đến khi giáo hội ở trong nguy cơ làm mất lòng dân như Mỹ. Một cuộc viếng thăm không thích hợp của Hồng y Spellman (Hồng Y Spellman đến Việt Nam để nâng uy tín của Diệm đồng thời bị thâm hóa của cuộc di cư lớn lao của người Công Giáo “dramatizing once more the great exodus of refugees from the North, the greater part of whom are Catholics.”) Một linh mục Việt Nam nói: Ông ta (Spellman) nói nhiều về con bò vàng [mà một số người Do Thái thờ phụng như được viết trong Cựu ước. TCN] hơn là về Mẹ Thiên Chúa] đã được tiếp nối bởi những cuộc viếng thăm của Hồng y Gillroy và Tổng Giám mục ở Canberra. Những số tiền lớn lao đã được dùng để tổ chức những cuộc biểu tình đón tiếp những vị khách này, đưa ra một ấn tượng là giáo hội Công Giáo là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. Trong những trường hợp hiếm hoi mà ông Diệm thăm viếng những vùng của Việt Minh trước đây, bao giờ cũng có một linh mục đứng bên, và thường là một linh mục Mỹ.

...Nam Việt Nam, thay vì đối đầu với chế độ toàn trị của miền Bắc bằng những bằng chứng về tự do, lại rơi vào một chế độ độc tài bất hiệu lực: dẹp bỏ báo chí, kiểm duyệt chặt chẽ, lưu đầy bằng lệnh của chính quyền thay vì phải được xét xử ở tòa án. Thật là bất hạnh khi một chính quyền như vậy lại đồng nhất hóa với một đức tin. Ông Diệm rất có thể đã để lại trên đất nước đầy tinh thần khoan nhượng này một di sản chống-Công Giáo.”

Trong cuộc viếng thăm, Spellman đã trao một ngân phiếu 100,000 đô-la cho Tổ Chức Cứu Trợ Công Giáo, một tổ chức hoạt động tích cực trong chương trình tái định cư những người di cư và sau đó cai quản chương trình viện trợ của Mỹ, chứng tỏ Tổ Chức này sát cánh với nỗ lực chiến tranh của Mỹ và đưa tới sự nghi ngờ là Tổ Chức có liên hệ với CIA. Dùng Giáo hội để làm chức vụ như vậy đã được thi hành ở Châu Mỹ La-Tinh, ngoài nhiều nơi khác, nhưng ở Việt Nam có vẻ đúng như những lời khuyến cáo của Graham Greene là Giáo hội và Mỹ đã cùng nhau thi hành một đường lối thất nhân tâm đối với những người Việt Nam.

Khả năng tham nhũng ở Việt Nam rất cao và cũng làm hại tới uy tín của Tổ Chức Cứu Trợ. Drew Parson ước tính chỉ trong năm

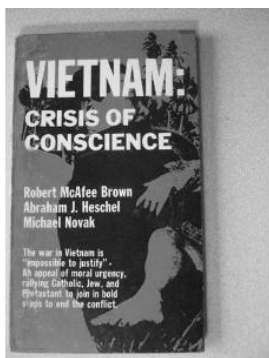
1955 chính quyền Eisenhower đã bơm vào Việt Nam trên 20 triệu đô-la viện trợ giúp người tị nạn Công giáo. Không thể tránh được, có quá nhiều gắn ghép và tham nhũng trong việc phân phối thực phẩm, thuốc men, và các đồ dùng khác tới các làng mạc. Tờ National Catholic Reporter đã phúc trình những sự lạm dụng của Tổ Chức Cứu Trợ Công Giáo trong nhiều bài mà một bài có đầu đề là: **“Việt Nam 1965-1975. Vai Trò của Tổ Chức Cứu Trợ Công Giáo: Công Trình Của Chúa – Hay Của CIA?”** Những sự lạm dụng bị phanh phui gồm có: dùng viện trợ để truyền đạo, chỉ giúp những người Công Giáo tuy viện trợ là cho tất cả mọi người, đồng nhất hóa với quân lực, và đem cho binh lính Mỹ và Việt thay vì cho dân sự như mục đích của viện trợ. [Những người ở Việt Nam thời đó đều biết rõ các Linh mục Công Giáo Việt Nam và tổ chức Công Giáo được giữ độc quyền để phân phát viện trợ. Sự phanh phui trên là từ một tờ tuần báo của chính Công Giáo] – {Ngưng trích “The American Pope”}

Qua tài liệu trên, và phối hợp với nhiều tài liệu khác, thí dụ như của Joseph L. Daleiden, một học giả Công Giáo trong cuốn *The Final Superstition*, chúng ta thấy rõ vai trò then chốt của Vatican đã dự phần đưa tới việc Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Chúng ta cũng còn biết, Hồng Y Spellman đã đến Việt Nam nhiều lần, đi tới các tiền đồn để khuyến khích lính Mỹ chiến đấu cho Chúa: **“Trong một bài học thuộc Giáo hội thời Trung Cổ, Spellman bảo với binh sĩ Mỹ là họ là những “thánh chiến quân” tham gia vào cuộc chiến của Chúa Kitô chống Việt Cộng và dân chúng Bắc Việt”** (John Cooney, p.384: In a lesson from the medieval Church, Spellman told the troops they were “holy crusaders” engaged in “Christ’s war against the Viet-cong and the people of North Vietnam). Nhưng tại sao Chúa lại chống Cộng ở một nước nhỏ bé như Việt Nam, sao Chúa không chống Cộng ở Nga, ở Tàu, hay ở Ba Lan, Tiệp Khắc ngay bên Âu Châu? Vatican, thêm một lần nữa, đã mang tội với dân tộc Việt Nam và các tín đồ Công Giáo Việt Nam phải gánh cái hậu quả này. Chúng ta cũng thấy rõ, Ngô Đình Diệm chẳng qua chỉ là một con cờ của liên minh Mỹ-Vatican. Và Ngô Đình Diệm không thể ngờ được rằng về sau, vì quyền lợi của Vatican và của Mỹ, cả Vatican và Mỹ đều bỏ rơi mình, đưa đến một kết quả quá bi thảm cho chính bản thân. Thật là tội nghiệp. Dưới hình thức nào thì thực dân cũng đều như nhau. Ngày nay, những tàn dư của Cần Lao còn cố gắng “phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm” mà không biết rằng họ đang phục hồi tinh thần Trần Ích Tắc.

Để cho công bình, chúng ta cũng còn phải xét thêm việc từ khi về làm Thủ Tướng và rồi tự lên làm Tổng Thống, “Cụ Diệm” đã làm gì cho đất nước? Đã có nhiều sách viết về nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa: Đỗ Mậu, Lê Trọng Văn, Hồ Sĩ Khuê, Nguyệt Đàm & Thần Phong, Nguyễn Mạnh Quang, Vũ Ngự Chiêu v.v... Nhưng xin đọc **Phần II** để biết người Tây Phương đánh giá ông Ngô Đình Diệm như thế nào.

## **Phần II**

Sau khi về làm Thủ Tướng và rồi Tổng Thống, ông Ngô Đình Diệm đã cai trị miền Nam như thế nào. Những tài liệu nhận định về con người Ngô Đình Diệm và chính quyền Ngô Đình Diệm của một số tác giả ngoại quốc có tên tuổi sau đây sẽ trả lời câu hỏi này. Những tài liệu này cũng còn cho thấy ý nghĩa đích thực của phong trào tranh đấu Phật Giáo 40 năm trước đây và không còn bị lừa dối bởi những luận điệu quái gở như Phật Giáo thân Cộng, Phật Giáo làm “mất nước” (sic) v.v.. của một đoàn thể đã nổi tiếng là **“đã phi dân tộc thì thế nào cũng phản dân tộc.”**



### **1. “Vietnam: Crisis of Conscience”**

của Robert McAfee Brown, Abraham J. Heschel & Michael Novak, Associated Press, New York 1967, trang 30:

Ký giả người Úc Denis Warner viết “Trong nhiều năm, cái chế độ bạo ngược chuyên chế mà Tây phương đồng minh với ở Saigon (chế độ Ngô Đình Diệm) thì còn tệ hơn là cái chế độ mà Tây phương đang chiến đấu để chống (chế độ CS)”. Diệm và gia đình ông ta đã giết hoặc lưu đày tất cả những thế đối lập. **“Diệm đã mất đi sự tin cậy và trung thành của dân chúng”** như Bộ Trưởng McNamara đã nhận định ngày 26 tháng 3, 1964.

(The Australian writer Denis Warner wrote that “the tyranny the West allied with in Saigon was in many years worse than the tyranny it was fighting against.” Diem and his family had murdered or exiled all potential opposition. Diem had “lost the confidence and loyalty of his people,” as Secretary McNamara put it on March 26, 1964.)



2. **"Fire In The Lake"** của Frances Fitzgerald (Winner of the Pulitzer Prize, Winner of the National Book Award, Winner of the Bancroft Prize For History), Vintage Books, New York 1985, trang 134-139:

*Cái chất công giáo của Diệm, không hề mở mắt hẳn đến với những ý tưởng mới, mà chỉ thuyết phục hẳn là cai trị bằng nghi lễ và huấn thị đạo đức là có thể thành công, mà nó có vẻ như vậy trong các làng mạc ở miền Bắc và Trung sống trong cái vỏ bằng sắt và điều khiển bởi các linh mục.*

*Cái mà hẳn ta không ý thức được là cái kiểu cai trị thiên cận như vậy của các giáo xứ có thể thực hiện chỉ vì người Pháp đã bảo vệ họ và tổ chức nền hành chính quốc gia. Do đó, tham vọng của hẳn phục hồi xã hội cổ xưa giống như là của những tên thực dân Pháp, coi mình như cha người ta, đã chống những chương trình cải cách của những giới chức hành chính nơi thành thị – sự khác biệt là trong khi người Pháp giữ lãnh vực hiện đại cho riêng họ thì Diệm không nhận ra được sự quan trọng của vấn đề hiện đại hóa. Đối với hẳn, thế giới hiện đại là Sài-Gòn, cải thị trấn kỷ sinh trùng đó đã trở nên béo mập bởi máu của thôn quê và lợi lộc của Tây phương...*

*Những ký giả như Robert Shaplen đã chỉ trích Diệm như là cho những nông dân xa lánh vì những biện pháp đàn áp của hẳn.*

*Một số đông những giới chức và ký giả, kể cả những người có nhiều kinh nghiệm và có khuynh hướng chính trị khác nhau như Douglas Pike, Chester Bowles, và chuyên gia chống nổi loạn người Anh, Robert Thompson, đều coi Diệm như là kẻ thù của chương trình chống Cộng.*

*Trong tất cả những năm cầm quyền, Ngô Đình Diệm chỉ có một đồng minh ở thôn quê, đó là những người Công giáo, đặc biệt nhất là những người di cư từ ngoài Bắc vào. Ngay từ đầu, Diệm dùng trong bộ máy hành chính phần lớn là những người Công giáo, và thiên vị các làng Công giáo đối với phần còn lại của quốc gia. Những giới chức của Diệm, làm việc chặt chẽ với các linh mục, đem phần lớn viện trợ Mỹ cho các làng Công giáo, và phần lớn những nông sản. Chúng cho những người Công giáo quyền khai thác lâm sản và độc quyền sản xuất loại hàng hóa nông sản mới do các kỹ thuật gia Mỹ đưa vào giúp. "Theo đạo có gạo mà ăn" là một*

*câu tục ngữ khi xưa của người Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Dưới thời Diệm người dân Việt đã phải theo cái lệnh này. Đặc biệt ở miền Trung, hàng ngàn người, trong vài trường hợp hầu như toàn thể khu định cư, theo đạo để tránh những dịch vụ cố vê của chính phủ, hoặc để tránh biện pháp tái định cư trong vài vùng rừng rú hay sinh lầy gian khổ – để giúp những người Công giáo lân cận. Nuôi người Công giáo trong sự tổn hại của phần còn lại của dân chúng, lẽ dĩ nhiên, là một chính sách thiếu cậ, nhưng Diệm không thấy một đường lối nào khác, và Mỹ cũng không đề nghị cho Diệm một đường lối nào khác.*

3. *"Background to Vietnam"* của Bernard Newman. Signet Books, New York 1965, trang 117:

*Bất kể hiến pháp viết như thế nào, Diệm cai trị như là một nhà độc tài. Triết lý chính trị của ông ta dẫn xuất từ một nhóm Công giáo Pháp, những người đã đặt ra thuyết Nhân Vị. Thuyết này nhấn mạnh đến nhân cách để chống với quan niệm đưa quần chúng vào kỷ luật của Cộng Sản. (Thực ra, đây chỉ là một chiêu bài chống Cộng vì trong cấu trúc toàn trị của Công Giáo thì tín đồ chỉ có quyền vâng phục các bề trên, do đó làm gì có Nhân Vị. TCN). Chi tiết về thuyết này phức tạp, khó hiểu đối với mọi người trừ một triết gia. Một chuyên gia Mỹ được mời đến để cố vấn cho hệ thống thuế má địa phương mô tả thuyết Nhân Vị như là “một pha trộn lộn xộn của những sắc lệnh của giáo hoàng và kinh tế mẫu giáo, tổ hợp với một sự nghi ngờ những tư nhân thương gia, một sự e ngại đầu tư ngoại quốc, và một quan niệm là không thể thành đạt được gì nhiều ở Việt Nam nếu không có sự kiểm soát của chính phủ.”*

*Trên thực tế chính phủ đây là chính phủ Diệm.*

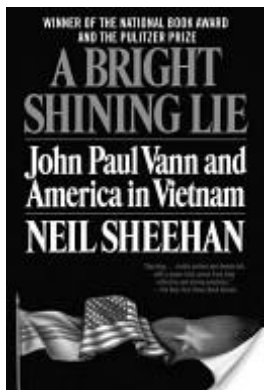
*...Ngày tháng qua, cách cai trị của Diệm càng ngày càng trở nên không thể chịu được, và tới năm 1963 hẳn là một nhà độc tài hoàn toàn, chỉ nghe những thân nhân trong gia đình. Hẳn hoàn toàn xa lạ với quần chúng. Người ta phàn nàn là hẳn đã trao những chức vụ tốt nhất cho người Công giáo: nhưng những người Công giáo là “người ngoại quốc” – những người di cư từ ngoài Bắc vào. Sự bất mãn đưa đến phong trào chính trị của Phật Giáo.”*

4. *"Backfire: Vietnam - The Myths That Made Us Fight, the Illusions That Help Us Lose, The Legacy That Haunts Us Today"* của Loren Baritz, Ballantine Books, New York 1985, trang 83-85:

**Công giáo Việt Nam phát triển do chính sách kỳ thị Phật Giáo một cách có hệ thống của Ngô Đình Diệm.** Người Công giáo được dùng trong các dịch vụ dân sự, trong khi những người Công giáo sống trong những làng mạc thường không bắt buộc phải làm những công việc nặng nhọc làm đường xá và những việc công cộng. **Không giống như những Chùa Phật Giáo, nhà thờ Công giáo được đặc quyền sở hữu tài sản đất đai, cũng như trong thời Pháp thuộc.** Với thời gian, sự kỳ thị đối với tuyệt đại đa số dân chúng này đưa đến những phản đối chính trị chống Diệm của những nhà sư Phật Giáo.

...Diệm làm cho người Mỹ khó chịu không chỉ vì đường lối cai trị của hắn. **Hắn thích thú trong việc đàn áp những đối lập chính trị mà hắn đã bắt giữ lên tới 40000 người.** Đầu năm 1959, Diệm hợp thức hóa sự tàn bạo của mình bằng sự thiết lập những tòa án quân sự để xử những đối lập chính trị và xử tử hình trong vòng ba ngày. Những tòa án này bắt giữ, điều tra, và tuyên án những kẻ phạm tội.

**Diệm hằng say đắm của những nhà báo không ủng hộ hắn. Tệ hơn cả, hắn dẹp bỏ cấp lãnh đạo trong các làng mạc và thay thế họ bằng những người của Diệm. Hắn đã trở thành một nhà độc tài.**



5. "A Bright Shining Lie" của Neil Sheehan, Vintage Books, New York 1989, trang 143:

Lansdale để cho những tiên kiến của mình đưa tới những giả định sai lầm... Lansdale nghĩ rằng những người Công giáo di cư từ miền Bắc là những người yêu nước đã “chiến đấu giành lại sự tự do của đất nước từ người Pháp”. Hắn không nhìn thấy sự sai lầm nào trong vấn đề Mỹ chỉ tin cậy vào sự trợ giúp đặc biệt của người Công Giáo. Hắn không nhìn thấy vấn đề có một người Công Giáo làm tổng thống của cái mà hắn quan niệm là “Việt Nam Tự Do” là không thích hợp.

Công giáo Rô Ma là một thiểu số có nhiều tỳ vết ở Việt Nam. Lansdale lo việc phân biệt giữa người Mỹ và những tên “thực dân”

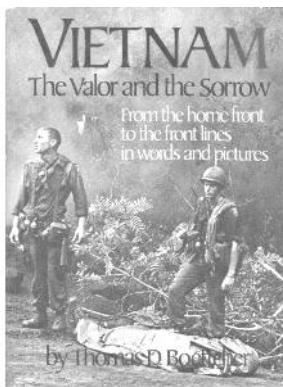
*Pháp. Điều hấn làm là đưa ra sự phân biệt tuy chẳng có gì khác nhau.. Chỉ dựa vào người Công giáo giúp đỡ, và bằng cách đặt một người Công Giáo lên cầm quyền ở Saigon, hấn ta đã chứng tỏ là Mỹ đã nhảy vào thay thế người Pháp. Những người Việt Nam theo đạo Công giáo đã được người Pháp sử dụng như là một đạo quân thứ 5 để xâm nhập Việt Nam trước thời thuộc địa và những người Công Giáo đã được Pháp tưởng thưởng cho sự hợp tác của họ với những tên thực dân Pháp. Người Công Giáo thường bị coi như là thuộc một tôn giáo "ngoại lai", "không phải là Việt Nam". Với sự ra đi của người Pháp, hiển nhiên là người Công Giáo phải tìm một một ngoại bang khác để bảo vệ họ. Họ nói với Lansdale những gì mà họ cho rằng Landale muốn nghe...*

*..Trong sự hướng dẫn Diệm của Lansdale đến thành công bằng cách diệt các giáo phái dựa trên lý thuyết Diệm là Magsaysay để lập một chính phủ tập trung quyền lực mới, không bao giờ Lansdale lại nghĩ rằng Diệm bắt đầu chính sách cai trị của mình bằng cách loại bỏ những người chống Cộng hữu hiệu nhất ở miền Nam.*

***Đông họ Ngô Đình tiến tới sự áp đặt trên miền Nam Việt Nam cái tôn giáo Công giáo ngoại lai của họ, đảng Công giáo bảo thủ từ ngoài Bắc vào và từ vùng quê hương của họ ở miền Trung. Diệm và gia đình bổ nhiệm những sĩ quan chỉ huy đơn vị, những nhân viên hành chánh và cảnh sát bằng những người Công giáo, từ miền Bắc và từ miền Trung, quê hương của Diệm. Diệm và gia đình hấn bổ nhiệm những người Công giáo vào cấp chỉ huy quân đoàn, hành chánh và cảnh sát. Nông dân ở miền đồng bằng sông Cửu Long thấy mình bị cai trị bởi những tỉnh trưởng, hạt trưởng, bởi những viên chức hành chánh ngoại lai và thường là cao ngạo và tham nhũng...***

**6. "American in Vietnam" của Dr. John Guilmartin, United Press International/Bettmann, England 1991, trang 69:**

*Những ảnh hưởng đối nghịch của sự thiếu khả năng và tính toán sai lầm của Diệm không chỉ chấm dứt ở sự thất bại về quân sự chống Việt Cộng. Nghi ngờ tất cả những người không có cùng đức tin Công giáo của mình, và hoan hỉ với sự thành công trong việc dẹp bỏ các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, họ khởi sự chiến dịch chống Phật Giáo.*



7. **"Vietnam: The Valor and the Sorrow"** by Thomas D. Boettcher, Little Brown & Company, Boston 1985, trang 150:

*“Trong 10 đô la viện trợ thì 8 được dùng cho nội an chứ không dùng cho công tác chiến đấu chống du kích Cộng sản hay cải cách ruộng đất. Diệm lo lắng về những cuộc đảo chánh hơn là Cộng sản.*

*...Như là hậu quả của những biện pháp đàn áp càng ngày càng gia tăng, sự bất mãn của quần chúng đối với Diệm cũng càng ngày càng tăng, bất kể là toan tính của Diệm dập tắt sự bất mãn này trong mọi cơ hội. Hàng triệu nông dân ở những vùng quê trở thành xa lạ đối với Diệm. Không lạ gì, hoạt động của Cộng sản gia tăng cùng với sự bất mãn của quần chúng. Và những biện pháp đàn áp của Diệm cũng gia tăng theo cùng nhịp độ. Nhiều ngàn người bị nhốt vào tù.*

*Cho tới năm 1960, điều khác biệt duy nhất giữa hai chính quyền Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh là ở những lá cờ của họ.”*

8. **"The Indochine Story"** của The Committee of Concerned Asian Scholars, A Bantam Book, New York 1970, trang 32 & 34:

*“Một nhân vật Mỹ ủng hộ Diệm lúc đầu kết luận: Lạm dụng quyền lực, độc tài, tham nhũng, coi thường cấp dưới, và không đếm xỉa gì đến nhu cầu của dân chúng một cách ác độc, đó là tấm gương mà gia đình họ Ngô để cho những bộ trưởng, nhà lập pháp, tướng lĩnh, tỉnh trưởng, trưởng làng mà họ Ngô dùng như những quân cờ noi theo.*

*Đàng sau gia đình nhà Ngô là Mỹ. Ở dưới gia đình này chẳng có gì mấy. Gia đình này đã trải cái bóng của họ trên xã hội Việt Nam; tuy nhiên cái rễ của họ thật sự chỉ cắm nông vào đất Việt. Điều này định trước những phương pháp Diệm dùng để kiểm soát đất nước... Chỉ có một đường lối: đàn áp và củng cố quyền lực trong tay những anh em và thuộc hạ của Diệm.. Săn lùng toàn diện những người bất mãn được tổ chức ở thôn quê năm 1956, và tăng gia cường độ khi tình hình suy kém.*

*75000 người hay hơn nữa bị giết trong chiến dịch này. Còn*

*nhieu người hơn nữa bị tổng giam bởi sắc lệnh số 6 của tổng thống, ký trong tháng 1, 1956. Sắc lệnh nói: “Những cá nhân coi là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh chung có thể bị bắt giam trong những trại tập trung do lệnh của cơ quan hành pháp. **Tình trạng trong những trại tập trung của Diệm, chỉ bị phanh phui sau khi Diệm đổ, thật sự như nhóp. Cố ý để cho chết đói, cố ý làm cho mù, cố ý hành hạ..., danh sách này thật là dài.**”*

**9. "The Story of Vietnam"** của Hal Dareff, An Avon Camelot Book, New York 1966, p. 108:

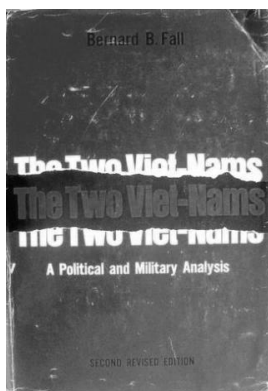
*“Nay Diệm đã thắng mọi kẻ thù, anh em nhà Diệm muốn chắc rằng không ai có thể búng họ đi. Ở ngoài mặt, Nam Việt Nam là một thể chế Cộng Hòa với một hiến pháp mới toanh hứa hẹn tự do và dân chủ cho quần chúng. Tuy nhiên, thực tế thì lại trái ngược hẳn... **Nhu là cánh tay phải của Diệm.. Hắn tổ chức gian lận bầu cử, đưa vào quốc hội những tay sai của hắn, và sai bọn Cần Lao đi rình mò khắp nước để kiếm những người chống đối hắn.***

*Chế độ Diệm bắt đầu thoái trào vào đầu năm 1963. Tổng thống cai trị dân trong dinh thự của mình như là một thể chế quân chủ, cắt lìa khỏi quần chúng. **Sự thù ghét Diệm và gia đình hắn gia tăng đến độ người ta có thể cảm thấy đầy trong bầu không khí ở Saigon.** Tin đồn về đảo chánh loan truyền trong thành phố hầu như hàng ngày. Trong những hoàn cảnh như vậy, Diệm chỉ lo bám chặt vào quyền lực. Cuộc chiến (chống Cộng) trở thành thứ yếu. Sĩ quan được thăng cấp nếu giữ được mức tổn thất thấp. Chỉ có một cách chắc chắn giữ được như vậy – không tác chiến. Không tác chiến đã trở thành một cách sống đối với một số cấp chỉ huy và là cách duy trì địa vị.*

*...Cuộc tranh chấp giữa Diệm và các Phật tử đã được tích lũy kể từ ngày Diệm lên làm thủ tướng năm 1954. Diệm, một tín đồ Công giáo, đương nhiên là cảm thấy thoải mái hơn đối với những tín đồ Công giáo khác. Nhiều chức vụ chỉ huy trong chính quyền và quân đội được trao cho những người Công giáo, những người này được đặc quyền đặc lợi làm tiền trong những thương vụ của chế độ.*

*Trong số 15 triệu dân ở miền Nam Việt Nam, hơn 1 triệu một chút là người Công giáo. Phần còn lại, phần lớn là Phật tử, phần nộ vì chính sách thiên vị người Công giáo. Sự đối xử khác biệt này còn trắng trợn hơn ở các tỉnh lỵ, nơi đây các linh mục địa phương và các*

giới chức chính quyền, hầu hết là Công giáo, có toàn quyền. Khi các áp chiến lược được dựng lên, những người Công giáo được miễn làm việc và những người phi-Công giáo bị đưa vào chỗ thay thế họ để làm những công việc lao dịch. Những vùng đất mới được mở mang và phát triển, người Công giáo được chọn những miền đất phì nhiêu ở những miền duyên hải có an ninh. Những đất đai dành cho Phật tử ở sâu trong nội địa, ở đây họ phải lao động dưới sự đe dọa của Việt cộng. Nhiều Phật tử theo đạo (không có nghĩa là tin đạo. CTN) để được sống dễ dàng hơn.”



**10. “The Two Viet-Nams”** của Bernard B. Fall, Frederik A. Praeger Publisher, New York 1967:

**Trang 236:** *Tính hiếu chiến của ông Ngô Đình Diệm thuộc loại như thế này: **Đức tin của ông ta ít có tính chất từ ái của các tông đồ hơn là tính hiếu chiến tàn nhẫn của một Đại Phán Quan Tây Ban Nha của Tòa Án Dị Giáo (Torquemada); và Quan điểm của ông ta về chính quyền thì ít có tính chất của một tổng thống theo hiến định của một nước cộng hòa hơn là một bạo chúa theo truyền thống quan lại phong kiến.** Một người Pháp theo Công Giáo khi nói chuyện với ông ta muốn nhấn mạnh về ảnh hưởng văn hóa Pháp đối với ông Diệm đã nhấn mạnh những từ như “tín ngưỡng của chúng ta”, thì Diệm thần nhiên trả lời rằng: **“Ông biết mà, tôi tự coi tôi như là một người Công Giáo Tây Ban Nha”,** có nghĩa là, ông ta là một đứa con tinh thần (của Giáo Hội La Mã) của một đức tin hung hăng, hiếu chiến hơn là một tín đồ dễ dãi và khoan dung giống như người Pháp theo hệ phái Công Giáo Gallican.”*

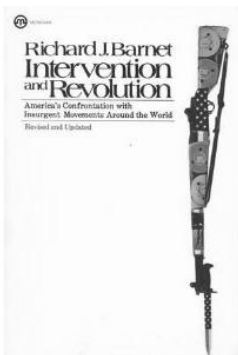
**Trang 250:** “Trong số những người lên cầm quyền cùng với Diệm năm 1954-55, KHÔNG MỘT NGƯỜI NÀO còn giữ chức vụ bộ trưởng khi Diệm bị giết năm 1963. Một vài người bị lưu đầy ở Pháp hoặc Mỹ, và một vài người rút lui với thái độ trông chờ ở Saigon. Một sự dập theo những phương pháp toàn trị của Cộng sản Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng của Ngô Đình Nhu. Đảng này trở thành một hệ thống quyền lực hoàn toàn giống như của Cộng sản, với những thành viên mật và chỉ biết nhau trong những tổ 5 người, và

những “nhóm hành động” có nhiệm vụ dẹp bỏ mau chóng và kín đáo những người đối lập... Như vậy, chế độ Diệm sai lầm trong hai phương diện: Quân đội không bao giờ thực sự hữu hiệu, và các sĩ quan ở quân đoàn thì không trung thành với những ông chủ dân sự và nhắm mắt làm ngơ trước sự thất bại của chế độ.

Trong sự mô tả đảng Cần Lao, John C. Donnell định nghĩa Cần Lao như là “một đảng chính trị mạnh gồm những thành viên thường tin rằng mình thuộc những đảng chính trị khác và nguyền rủa những đảng này.” Nói cách khác, những hoạt động trong hệ thống nội bộ của họ y hệt như của đảng Cộng sản: dò thám bạn bè, xâm nhập đồng minh, và hoạt động như “một quốc gia trong một quốc gia” trong chính guồng máy chính quyền của mình. Nếu không còn cái gì khác, những điều trên có thể làm cho chế độ Nam Việt Nam mang nhãn hiệu một loại “dân chủ của quần chúng” chống-Cộng mà sự khác biệt lớn nhất đối với người anh em song sinh Cộng sản Bắc Việt Nam là thái độ hành trì Công giáo và là sở hữu chủ của những đồn điền cao su.”

**11. "An Eye For The Dragon"** của Dennis Bloodworth; Farrar, Straus & Giroux, New York 1970, trang 209:

**Cho tới năm 1963 mật vụ của Diệm đã bắt giữ hoặc đẩy vào tay những kẻ thù hầu như mọi người quốc gia có tên tuổi đã chiến đấu cho tự do của đất nước trong 20 năm trước. Hẳn và gia đình hẳn đã đàn áp mọi đối lập, chất đầy nhà tù, bịt miệng báo chí, gian lận bầu cử, và bám vào quyền lực.”**



**12. " Intervention and Revolution"** của Richard J. Barnet, A Meridian Book, New York 1972, pp. 233-235:

“Khuyến cáo rằng “nếu bầu cử được tổ chức ngày nay (1956) thì tuyệt đại đa số dân Việt sẽ bầu cho Cộng sản,” Cherne tuyên bố rằng uy tín của Mỹ ở Á Châu tùy thuộc vào sự ngăn chặn cuộc bầu cử này. Phương pháp giải quyết là củng cố lớp người Công giáo ở miền Nam Việt Nam, chỉ có những người này mới có lý do thuộc về lý tưởng chống Cộng. Nhà văn Công giáo người Anh,

*Graham Greene, đã mô tả việc Mỹ sử dụng giáo hội Công giáo trong cuộc chiến tranh lạnh ở Việt Nam như sau:*

*Chính cái ý hệ Công giáo đã làm cho chế độ của ông Diệm sụp đổ, vì sự sùng tín của ông ta đã bị các cố vấn Hoa Kỳ khai thác cho đến khi giáo hội Công giáo ở Việt Nam ở trong cơ nguy cùng chung số phận bất thiện cảm của người dân Việt đối với Mỹ... Những khoản tiền to lớn được dùng để tổ chức những cuộc đón tiếp quan khách ngoại quốc và tạo nên ý niệm giáo hội Công giáo là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. Trong những trường hợp hiếm hoi mà Diệm đi kinh lý những vùng trước đây bị Việt Minh chiếm, bao giờ cũng có một linh mục ở bên cạnh, và thường là một linh mục Mỹ...*

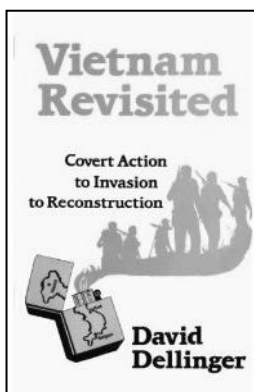
*Điều quan tâm chính của chính quyền Diệm là sự an toàn của chính quyền. Chính quyền Diệm sợ rằng cuộc bầu cử dự định tổ chức vào tháng 7, 1956 đưa đến sự thắng lợi của Hồ Chí Minh và chấm dứt quyền lực của những chính trị gia không Cộng sản..*

*Những ước tính của cơ quan tình báo quốc gia CIA, soạn trong tháng 2, 1957, mô tả chế độ Diệm như sau:*

*Chế độ Diệm phản ánh ý nghĩ của Diệm. Một bộ mặt chính quyền đại diện cho dân được duy trì, nhưng thực chất chính quyền là độc tài. Quyền lập pháp của quốc hội bị hạn chế gắt gao; quyền tư pháp chưa phát triển và tùy thuộc quyền hành pháp; và những nhân viên trong ngành hành pháp không gì hơn là những tay sai của Diệm. Không có một tổ chức đối lập nào, dù trung thành hay không, được phép thành lập, và mọi chỉ trích chính quyền đều bị đàn áp... Quyền lực và trách nhiệm tập trung nơi Diệm và một nhóm nhỏ gồm có những thân nhân của Diệm, những người quan trọng nhất là Nhu và Cần."*

*Chế độ độc tài của Diệm, dựa trên một mạng lưới mật vụ, tòa án quân sự, và công chức tham nhũng, tuyên bố không những chiến đấu chống Cộng mà cho tới năm 1957 Cộng sản vẫn chưa có hoạt động gì, mà còn chống bất cứ nhóm nào không chắc là trung thành với Diệm. Thật vậy, nhiều người không-Cộng-sản vào tù hơn là người Cộng sản.*

*...Sự chuyên chế của Diệm, sự thiên vị trơ trẽn của hắn đối với những người Công giáo tị nạn từ ngoài Bắc vào so với phần còn lại của dân chúng, và sự bạo hành của hắn đối với mọi người không đồng quan niệm chính trị với hắn đã tạo nên một sự liên kết chống hắn mà hắn rất sợ."*



13. **"Vietnam Revisited"** của David Dellinger, South End Products, 1986, trang 35:

*Ngay từ lúc đầu Diệm đã có khuynh hướng toàn trị và gia đình trị mà 8 năm sau dư luận quần chúng lên án chính quyền của hắn.*

*"Khuynh hướng toàn trị" của Diệm đã đưa đến việc thành lập một đảng chính trị riêng tư, đảng cần Lao, một đảng duy nhất.*

[Thời đó không thấy ai đòi đa nguyên đa đảng. TCN]

*Đảng Cần Lao cũng phục vụ hắn như là mật vụ, dập theo khuôn mẫu của Nhật Bản trong Thế Chiến II – mà Diệm đã nghiên cứu kỹ chi tiết.*

***Như chúng ta đã thấy, đảng này đã giết hại 90000 người và cầm tù 800000 trong đó có nhiều người bị tra tấn.***

*..Khi Diệm về Việt Nam năm 1954, một người Công giáo theo lệnh của một thế lực ngoại quốc về cai trị một nước mà 80% là Phật tử, CIA đã thuê vài trăm người để hoan hô hắn tại bến tàu. Nhưng cả CIA lẫn những giới chức Mỹ ủng hộ Diệm đều không làm sao làm ngược được sự kiện là Diệm không có sự ủng hộ của quần chúng, chính sách đàn áp đẫm máu của Diệm đối với từ các nhà sư Phật giáo và các tín đồ Hòa Hảo, Cao Đài cho tới những nông dân yêu nước, giới tư sản tôn trọng luật pháp, trật tự và một chút công lý, và những tướng lĩnh đối thủ – "kéo theo (và đã xảy ra) tất cả những khó khăn vì một con người với nhân cách như vậy."*



14. **"Vietnam: Why Did We Go?"** của Avro Manhattan, Chick Publication, California 1984, trang 56 & 89:

***"Tổng thống Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam là một người theo đạo Công giáo cai trị Nam Việt Nam bằng một bàn tay sắt. Hắn ta thật tình tin rằng Cộng sản là ác và giáo hội Công giáo là duy nhất. Hắn đã***

**được hồng y Spellman và giáo hoàng Pius XII trông vào cái ghế tổng thống. Hắn đã biến cái ngôi vị tổng thống thành một nhà độc tài Công giáo, tàn nhẫn nghiền nát những đối lập chính trị và tôn giáo. Nhiều nhà sư Phật giáo tự thiêu để phản đối những sự bạo hành tôn giáo của hắn. Sự bạo hành kỳ thị đối với người phi-Công giáo, đặc biệt là các Phật tử, đã gây nên sự rối loạn trong chính phủ và trong quân đội thì quân nhân đào ngũ hàng loạt. Điều này đưa đến sự can thiệp quân sự của Mỹ.**

Trong chính sách khủng bố này hắn được sự phụ giúp của hai người anh em Công giáo, người đứng đầu mật vụ (Ngô đình Nhu) và tổng giám mục ở Huế (Ngô đình Thục).

Người ta ghi nhận rằng, và những con số sau đây tuy không được chính quyền chính thức khẳng định nhưng có thể coi là đáng tin cậy, là trong thời gian kinh hoàng từ 1955 đến 1960 – ít nhất là có 24000 người bị thương, **80000 bị hành quyết hay bị ám sát**, 275000 người bị cầm tù, thẩm vấn hoặc với tra tấn hoặc không, và **khoảng 500000 bị đưa đi các trại tập trung**. Đây chỉ là những con số ước tính bảo thủ, khiêm nhường.

**Đặt quyền lợi quốc gia ra đằng sau để đẩy mạnh quyền lợi tôn giáo của hắn, kết quả là tên độc tài Diệm đã đưa đất nước xuống vực thẳm.”**

15. "*Nobody Wanted War*" của Ralph K. White, A Doubleday Anchor Book, New York 1970, trang 91:

“Diệm, người em dờ điên và vợ hắn (Nhu và vợ), đã làm cho mọi nhóm quan trọng trong nước, kể cả nhóm chống Cộng thực tế nhất, nhóm này đã thấy rõ gia đình Diệm đã hạ thấp và làm yếu đi cuộc tranh đấu chống Cộng, và sau cùng cả những sĩ quan cao cấp trong quân đội, những người mà mọi tên độc tài không được lòng người phải trông cậy vào họ để sống còn, xa lìa.

**Theo Malcolm Browne, chế độ Diệm đã bị cả nước oán ghét. Nếu nhà Ngô còn cầm quyền cho đến ngày nay (1965) thì chắc chắn là Việt Nam sẽ hoàn toàn là Cộng sản.”** [Bọn Công giáo hoài Ngô ngày nay vẫn còn đưa ra luận điệu “Còn cụ thì không mất nước”]

16. "*The Political Economy of Human Rights. Vol I*" của Noam Chomsky and Edward S. Herman, Black Rose Books, Canada

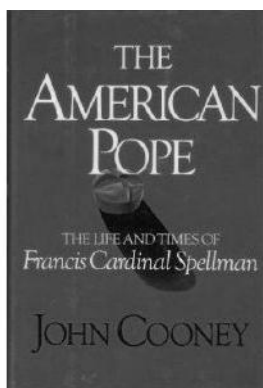
1979, trang 30, 302-303:

**“Joseph Buttinger, một cố vấn của Diệm lúc đầu và là người đã bày tỏ sự ủng hộ Diệm nồng nhiệt nhất trong thập niên 1950, khẳng định là gọi Diệm là phát xít thì không thích hợp vì, tuy chế độ Diệm có tất cả những sự xấu xa của chế độ phát xít, Diệm thiếu cơ sở quần chúng mà Hitler và Mussolini đã có thể tập hợp được.**

**..Theo Jeffrey Race, một cựu cố vấn quân sự Mỹ cho Nam Việt Nam có rất nhiều tài liệu về lịch sử Việt Nam cận đại, chính quyền Diệm đã khủng bố người dân nhiều hơn là phong trào cách mạng nhiều – thí dụ, thủ tiêu các cựu kháng chiến quân Việt Minh, bắn pháo binh vào những “làng cộng sản” và bắt bớ những người “có thiện cảm với cộng sản”. Cũng chính vì những chiến thuật đó mà lực lượng của phong trào cách mạng càng ngày càng gia tăng ở Long An từ 1960 đến 1963.**

**..Sử gia của Ngũ Giác Đài viết về “bệnh gần như hoang tưởng của Diệm lo lắng về vấn đề an ninh,” đưa đến những chính sách “khủng bố toàn diện nông dân Việt Nam, và làm suy giảm trầm trọng sự ủng hộ chế độ của quần chúng.”**

**Sự dùng bạo lực quá mức và trả thù những người cựu kháng chiến của Diệm là sự vi phạm trắng trợn Hiệp Định Genève (Khoản 14c), cũng như là sự từ chối không thi hành điều khoản tổng tuyển cử trên toàn quốc (vào tháng 7, 1956) của Diệm. Lý do chính mà Diệm từ chối không thi hành điều khoản này vào những năm 1955-56 (tổ chức và tổng tuyển cử trên toàn quốc) thật là hiển nhiên: viên**



**quan lại ly hương nhập cảng từ Mỹ vào chỉ có một sự ủng hộ tối thiểu của quần chúng và ít có hi vọng thắng trong một cuộc tổng tuyển cử...Diệm là mẫu người điển hình của một tên bạo chúa phát xít, dùng khủng bố để bù đắp cho sự thiếu hụt sự ủng hộ của quần chúng..”**

**17. "The American Pope" của John Cooney, A Dell Book, New York 1984, trang 309-312:**

**“Lập trường của (hồng y) Spellman về Việt Nam phù hợp với những mong ước của giáo hoàng. Malachi Martin, một cựu tu sĩ**

dòng tên phục vụ tại Vatican trong những năm Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam, nói rằng giáo hoàng muốn Mỹ ủng hộ Diệm vì giáo hoàng đã bị người anh của Diệm, Tổng giám mục Thực, ảnh hưởng. “Giáo hoàng quan tâm đến sự càng ngày càng thắng lợi của Cộng sản do đó làm suy yếu giáo hội,” Malachi xác nhận rằng:

**“Giáo hoàng ra lệnh cho Spellman khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam”**

**Do đó Spellman xếp đặt một chiến dịch hòa điệu kỹ càng để dựng lên chế độ Diệm.** Qua báo chí và vận động trong hậu trường ở Washington, vấn đề đối đầu chống Cộng ở Đông Dương được phổ biến rộng rãi ở Mỹ.

Spellman và Kennedy cũng còn giúp lập lên một nhóm vận động hậu trường Washington. Chủ trương của sự đồng minh này là chống Cộng và phát huy ý hệ Công giáo.

..Do đó, rất nhiều người Mỹ tin rằng Việt Nam là một quốc gia phần lớn là Công giáo. Một phần của cái ấn tượng sai lầm này là kết quả của việc Diệm lên cầm quyền. Với sự giúp đỡ của CIA tổ chức cuộc bầu cử gian lận năm 1955, Diệm hủy bỏ chế độ quân chủ và Bảo Đại bị cưỡng bức phải sống trong cảnh lưu đầy. Cái màu sắc Công giáo đậm đà trong cuộc vận động hậu trường Việt Nam cũng góp phần tạo nên quan niệm sai lầm trên. Còn một yếu tố khác là sự đặt mình vào trong đường lối trên của Spellman.

...Sự tuyên truyền của Spellman về bản chất Công giáo của chính quyền Diệm đã làm rõ rệt thêm hình ảnh không đẹp về vị thế của giáo hội ở Việt Nam. Cái bản chất tôn giáo của chính quyền Diệm và những vấn đề chính quyền đó tạo ra đã được ghi nhận bởi Graham Greene, một tín đồ Ca Tô, trong một bài viết từ Saigon, in trong tờ London Sunday Times ngày 24 tháng 4, 1955:

“Một cuộc viếng thăm không thích hợp của Hồng y Spellman đã được tiếp nối bởi những cuộc viếng thăm của Hồng y Gillroy và Tổng Giám mục ở Canberra. Những số tiền lớn lao đã được dùng để tổ chức những cuộc biểu tình đón tiếp những vị khách này, đưa ra một ấn tượng là giáo hội Ca Tô là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh.

...Nam Việt Nam, thay vì đối đầu với chế độ toàn trị của miền Bắc bằng những bằng chứng về tự do, lại rơi vào một chế độ độc tài bất hiệu lực: dẹp bỏ báo chí, kiểm duyệt chặt chẽ, lưu đầy bằng lệnh của chính quyền thay vì phải được xét xử ở tòa án. Thật là bất hạnh khi một chính quyền như vậy lại đồng nhất hóa với một đức tin. Ông

*Diệm rất có thể đã để lại trên đất nước có tinh thần khoan nhượng này một di sản chống-CaTô."*

**18. "The Final Superstition"** của Joseph L. Daleiden, Prometheus Books, New York, 1994, trang 62):

**"Spellman là người chủ chốt của giáo hoàng làm cho Mỹ tham chiến sâu đậm ở Việt Nam. Theo một bức thư chính thức của Vatican, giáo hoàng "dùng Spellman để khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam."**

**Mọi viện trợ nhân đạo cho miền Nam đều đi qua các cơ sở của giáo hội Công Giáo và chỉ có những người Công Giáo là được Diệm bổ nhiệm vào trong chính phủ. Tuy rằng những chính sách như vậy đưa đến việc cải đạo hàng loạt, số tín đồ Công Giáo chỉ chiếm vào khoảng từ 12 tới 13 phần trăm của dân số miền Nam. Không lạ lùng gì mà khối đa số Phật Giáo bất bình đưa đến việc công khai chống đối chính sách của Diệm. Tình trạng ngày càng suy kém, Diệm đã dùng đến biện pháp bắt giữ hàng loạt, đàn áp Phật tử, đóng cửa chùa chiền và tu viện. Qua kinh nghiệm quá khứ, Giáo hội chắc hẳn đã biết rằng sự đàn áp chỉ làm cho lý tưởng mạnh hơn. Trước sự quan sát kinh hoàng của thế giới, giới Phật tử đã phải dùng tới hành động chống đối tiêu cực rất ráo và nhiều tăng sĩ đã tự thiêu. Trong những khoảng thời gian đáng sợ đó, **tôi, một tín đồ Công Giáo**, không nhớ có một lời chỉ trích chính sách của Diệm từ một linh mục hay giám mục Công Giáo nào. Tuy nhiên, sự việc đã lên quá mức đối với Tổng Thống John Kennedy, ông ta thôi không ủng hộ Diệm nữa. Ít lâu sau đó Diệm bị hành quyết trong một cuộc lật đổ chính quyền. Qua cái diễn tiến kinh khủng này **vai trò của giáo hội đã theo đúng cái tiền trình lịch sử nhor nhớp của giáo hội."****



**19. "America's Longest War"** của George C. Herring, John Wiley & Sons, New York 1979, trang 62-65:

**"Để làm vui lòng các cố vấn Mỹ, thỉnh thoảng Diệm cũng nói trên đầu môi chót lưỡi về dân chủ, nhưng trong thực hành hẳn nắm lấy những quyền lực tuyệt đối. Đích thân**

*hắn ngự trị ngành hành pháp của chính phủ, dành cho hắn và anh em hắn mà hắn đã đưa ba người vào nắm ba chức trong nội các có sáu bộ, mọi quyền quyết định.*

***Sự tấn công dữ dội của Diệm vào những đối lập chính trị đã gây nên sự bất mãn trong các thành phố cũng như ở thôn quê. Báo chí chỉ trích chính phủ bị đóng cửa ngay.. Dùng quyền hành trong các sắc lệnh của tổng thống, chính quyền Diệm đã lừa vào những “trại cải huấn” nhiều ngàn người Việt Nam, cộng sản cũng như không cộng sản, những người bị coi như là đe dọa cho trật tự công cộng. Chương trình cải huấn lúc đầu nhắm vào các thành phần kháng chiến Việt Minh ở lại miền Nam, nhưng rồi với thời gian chương trình này được áp dụng cho bất cứ ai dám chống đối chính quyền.***

*...“Chính quyền có khuynh hướng cai trị dân với lòng nghi ngờ và cường bức”, một phúc trình tình báo của Mỹ kết luận năm 1960, và “đã được đáp ứng bởi thái độ bất thiện cảm và bất mãn của người dân”.*

**20. "Unwinding the Vietnam War: From War Into Peace"**  
của Reese Williams, The Real Comet Press, Seattle 1987, trang 431:

*Sau khi Pháp bị đánh bại và có vẻ như nền độc lập (của Việt Nam) sẽ tới, theo hiệp định Genève. Nhưng thay vào đó Mỹ đã nhảy vào, quyết định là Hồ (Chí Minh) không được thống nhất đất nước đang tạm thời chia cắt, và những nông dân lại cảnh giác khi chúng ta ủng hộ một trong những tên độc tài tồi tệ nhất của thời hiện đại – Thủ tướng Diệm, người chúng ta chọn. Người nông dân cảnh giác và co rúm người lại khi Diệm tàn nhẫn dẹp mọi đối lập, hỗ trợ những tên địa chủ bóc lột họ, và từ chối thảo luận với Bắc Việt về sự thống nhất của đất nước*

(From an address delivered by Dr. Martin Luther King in New York City on April 4, 1967).

Trên đây chỉ là 20 lời phê phán điển hình về chế độ Ngô Đình Diệm của một số trí thức ngoại quốc: ký giả, chính trị gia, giáo sư đại học, nhà quân sự, trong số hàng trăm lời phê phán tương tự khác. Chúng ta cũng nên để ý là hơn phân nửa số tài liệu trích dẫn ở trên được viết sau năm 1975. Nếu độc giả muốn đọc những lời phê phán của người Việt, xin tìm đọc cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* của cố Thiếu Tướng Đỗ Mậu, trong đó ở phần cuối có 100 lời phê phán của các nhân sĩ, chính trị gia, tướng lãnh, giáo sư đại học, nhà

báo v.v.. về Ngô Đình Diệm và chế độ Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa. Cho tới ngày nay, cuốn hồi ký chính trị này, với rất nhiều chi tiết lịch sử, vẫn là cuốn sách có giá trị nhất trong những cuốn viết về chế độ Ngô Đình Diệm và những diễn biến chính trị trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa..

Từ 20 lời phê phán của các tác giả ngoại quốc trên, chúng ta có thể rút tía ra được những gì? Sau đây là vài điểm chính.

1).Ngô Đình Diệm là người vô tài, vô đức, nhu nhược, được Hồng Y Spellman, với sự phụ giúp của ngoại trưởng John Foster Dulles cùng một vài chính khách Công giáo Mỹ khác, theo lệnh của Vatican, vận động với Mỹ đưa Diệm về cầm quyền ở Nam Việt Nam vì Diệm thuộc loại người Công giáo cuồng tín khát máu Tây Ban Nha trong thời Trung Cổ, chống Cộng điên dại nên đương nhiên có thể tin cậy để chống Cộng cho Mỹ và cho Vatican. Ngoài ra Vatican cũng còn góp phần vận động, thuyết phục Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Cái tội này của Vatican đối với Việt Nam sẽ được ghi vào sử sách.

2).Chế độ Ngô Đình Diệm là một chế độ bạo ngược, chuyên chế, không có sự hậu thuẫn của quần chúng. Đó là một chế độ mà hầu hết những người nắm quyền hành chánh, quân sự là những gia nô vô liêm sỉ.

3).Chính cái chất Công Giáo cuồng tín, tổng hợp của ngu dốt, kiêu căng, huênh hoang, hợm hĩnh [theo giáo sư Nguyễn Mạnh Quang] của Diệm đã làm hại Diệm. Sách lược Công giáo hóa miền Nam bằng thủ đoạn tiêu diệt các giáo phái khác của Diệm trong một nước mà Công giáo chỉ chiếm có 7% là một sách lược ngu xuẩn, đi ngược lại tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên của dân tộc, đã đưa đến sự oán ghét của tuyệt đại đa số người dân Việt Nam. Sách lược này đã ghi thêm một chương ô nhục vào lịch sử giáo hội Công giáo Việt Nam, một giáo hội vốn đã nổi tiếng là: “Hễ phi dân tộc thì thể nào cũng phản bội dân tộc.”

### ***Kết Luận***

Trước sách lược “Công giáo hóa miền Nam” ngu xuẩn, bạo tàn, hại dân, hại nước của chính quyền Ngô Đình Diệm, con cờ giai đoạn của Vatican và Mỹ, Phật Giáo Việt Nam không còn có thể chọn lựa con đường nào khác ngoài con đường tranh đấu, không riêng gì cho Phật Giáo mà còn cho cả dân tộc. Những bằng chứng tràn ngập về tính cách bạo tàn, kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, đã

chứng minh một cách hùng hồn là cuộc tranh đấu của Phật Giáo cách đây 40 năm ở miền Nam Việt Nam là có chính nghĩa, hợp với lòng dân.

Thật vậy, tuy Phật Giáo phát động phong trào chống chế độ Ngô Đình Diệm nhưng lòng dân oán ghét chế độ bạo tàn phi dân chủ này đã âm ỉ từ lâu, như chúng ta đã thấy trong một số tài liệu vừa trích dẫn ở trên. Chúng ta không nên quên là ông Diệm đã bị ám sát hụt tại Ban Mê Thuột ngay từ năm 1957, ngày 21 tháng 5. Rồi đến cuộc đảo chánh thất bại của lực lượng nhảy dù ngày 11 tháng 11, 1960, vụ dội bom dinh độc lập của 2 sĩ quan VNCH ngày 27 tháng 2, 1962. Và sự kiện là, trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963, không phải chỉ có Phật tử mới tham gia tranh đấu mà gồm đủ mọi thành phần dân tộc, từ các em học sinh trung học đến các sinh viên đại học, các giới sĩ, nông, công, thương, kể cả những người Công giáo tiến bộ gồm một số linh mục và tín đồ Công giáo.

Phật Giáo là tôn giáo hòa bình. Những bậc tôn đức trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963 không chủ trương lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm bằng bạo động, kể cả Bồ Tát Thích Quảng Đức. Nhưng không ai có thể phủ nhận là cuộc tranh đấu này đã góp phần lớn lao đưa đến sự cáo chung của chế độ Công giáo trị, gia đình trị Ngô Đình Diệm vào ngày 1 tháng 11, 1963. Ý thức được lòng dân, chính quân đội Việt Nam, chỉ huy bởi nhiều tướng lãnh, trước đã theo và ủng hộ ông Diệm, đã đứng lên làm tròn sứ mạng dẹp bỏ một chế độ Công giáo độc tài, phi dân tộc, phi tổ quốc. Như đã từng nhiều lần có công với dân tộc trong nhiệm vụ bảo vệ, giữ nước, cuộc tranh đấu 1963 của Phật Giáo ở miền Nam cũng đã góp được nhiều công to lớn cho dân tộc. Ngoài việc đưa đến sự chấm dứt một chế độ ác ôn đã mất đi lòng dân, chính yếu là cuộc tranh đấu của Phật Giáo đã thành công trong việc bảo vệ được nền văn hóa truyền thống và tôn giáo dân tộc, tôn giáo dân tộc ở đây phải được hiểu theo nghĩa tôn giáo của tuyệt đại đa số người dân trong nước, thí dụ như Ki Tô Giáo ở Mỹ, ngăn chặn được hiểm họa của Công giáo trong toan tính đưa toàn dân Việt Nam xuống hàng súc vật (con chiên), cúi đầu tuân phục một định chế có thủ phủ đặt tại Vatican, ngự trị bởi một số người ngoại quốc vô đạo đức tôn giáo như John Paul II và Benedict XVI, mà lịch sử đen tối ô nhục của tôn giáo này đã không còn là một vấn đề xa lạ đối với thế giới ngày nay.

**Trần Chung Ngọc**

# NAM VIỆT NAM CÓ TỒN TẠI ĐƯỢC KHÔNG (IS SOUTH VIETNAM VIABLE?)

*Nguyễn Thái*

*Tác giả Nguyễn Thái nguyên là Chủ tịch Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam tại Mỹ. Sau hiệp định Genève 1954, vì là một tín đồ Công giáo, tác giả được ông Diệm mời về nước và cử làm. Tổng giám đốc Việt Nam Thông Tấn Xã, 1955-1961. Năm 1961, tác giả bất mãn vì chế độ độc tài của chính phủ Diệm nên rời khỏi nước và qua Phi Luật Tân, tại đây, ông viết tác phẩm **Is South Vietnam Viable?** (Manila, 1962) để phản đối chế độ và cảnh báo với chính quyền Mỹ. Phần trích dưới đây là Lời Mở Đầu của tác phẩm Is South Vietnam Viable? (Nam Việt Nam có tồn tại được không?)*

## Lời Mở Đầu

Tôi không nói ra đây rằng, hơn ai hết, tôi biết rất rõ những thiếu sót hiển nhiên trong cuốn sách này. Được thai nghén trong niềm lo âu và được viết ra một cách vội vàng, cuốn sách này chỉ có giá trị của một lời báo động khẩn cấp về tình trạng tuyệt vọng của miền Nam Việt Nam. Phần lớn nội dung của lời báo động này có thể là không mới mẻ gì. Tuy nhiên tôi cũng phải nói lên cho công luận biết, vì có thể đó là bước đầu để mở một lối thoát cho **sự bế tắc hiện nay tại Việt Nam**. Ví thử ước nguyện này không bao giờ thực hiện được để hàng triệu người Việt phải nhận lãnh cái hậu quả thảm hại của một chính sách “tự vận” hiện nay thì ít nhất tôi cũng đạt được một niềm an ủi đáng buồn là tôi đã cố gắng phơi bày những điều mà tôi tin là sự thật.

Dù vậy, tôi là người đầu tiên công nhận rằng vì sự thật không phải là độc quyền của riêng tôi nên tôi cũng có thể sai lầm trong việc nhận định về tình hình hiện nay cũng như trong việc tiên đoán những diễn biến trong tương lai - Tuy nhiên có một điều mà không ai bị

lượng gạt là cuốn sách này không phải chỉ là một cuộc diễn tập chữ nghĩa để phân tách “một cách khách quan” những khó khăn của tình trạng quản trị chậm tiến, mà là một thông điệp chính trị tôi hoàn toàn tin tưởng và sẵn sàng chấp nhận mọi nguy hiểm có thể xảy đến cho sinh mạng cũng như sự nghiệp của tôi.

Sau nhiều tháng suy nghĩ, tôi cũng đã cố ý quyết định phơi bày trong cuốn sách này những điều mà hầu hết người Việt đang ưu tư nhưng không có khả năng đề diễn đạt **vì sự áp bức tại miền Nam Việt Nam ngày nay**. Làm điều này, một số người có thể coi tôi như là một “kẻ phản bội” và cuốn sách chỉ là phản ứng của một kẻ bất mãn; một số người khác có thể coi tôi như một kẻ vô ơn nay trở lại cắn vào bàn tay đã nuôi mình ăn. Nhưng tôi chỉ quan tâm đến chuyện mà tôi nghĩ cần phải làm, hơn là lo lắng đến chuyện đưa ra một hình ảnh tốt về mình hay là chuyện ném bùn vào những kẻ mà có thời tôi đã tin tưởng và ủng hộ. Một số người nữa có thể nghĩ rằng tôi có điên mới viết cuốn sách này, nhưng tôi sẵn sàng hứng chịu mọi hậu quả của sự điên rồ này.

Sau những lời mở đầu ở trên, tôi xin quý vị hãy kiên nhẫn với lời văn không mấy hay ho của tôi trong cuốn sách này. Sau khi đọc hết cuốn sách, nếu quý vị đồng ý với tôi rằng, **miền Nam Việt Nam do chế độ Ngô Đình Diệm quản trị sẽ không chống lại lâu dài được mối đe dọa do Cộng Sản khuynh đảo** thì lời tôi chỉ trích chế độ này đã không phải là điều vô ích.

Như quý vị sẽ thấy, sau khi đọc chi tiết cuốn sách này, tôi không cổ súy việc thiết lập ngay một nền dân chủ lý tưởng tại miền Nam Việt Nam. Như hầu hết những người Việt không Cộng Sản khác, tôi sẽ mãi nguyện nếu miền Nam Việt Nam có được một chế độ dù không lý tưởng nhưng ngay thẳng, liêm chính và hữu hiệu, ít nhất là ở mức độ mà quần chúng có thể chấp nhận được. **Bất hạnh thay, chế độ Ngô Đình Diệm, như ta thấy, đã không đáp ứng được cả điều mong ước tối thiểu này**. Hình như tất cả những gì chế độ này chỉ có thể làm được là phung phí hết những trợ giúp rộng rãi nhất mà Việt Nam đã được hưởng và bằng mọi giá **nắm giữ độc quyền quyền lực của gia đình nhà Ngô tại miền Nam Việt Nam**.

Nếu quý vị tự hỏi làm thế nào mà chế độ Ngô Đình Diệm đã có thể tồn tại dài lâu như thế thì tôi xin trả lời rằng sở dĩ Diệm còn tồn tại được thứ nhất là vì những cố gắng hỗ trợ tận tình của người Mỹ, thứ hai là vì người Việt thù ghét vô cùng nền độc tài Cộng Sản.

Vì từng làm việc mật thiết với chế độ này trong suốt 7 năm, nên tôi đã có thể thấy được rằng **chế độ này không có khả năng thu phục được sự ủng hộ của nhân dân**. Ngay cả những người lúc đầu ủng hộ chế độ cũng **không còn chịu được tình trạng tham nhũng giả dối và vô hiệu năng** do những phe nhóm gồm toàn những kẻ ăn bám và nịnh hót tạo ra để những lạm chế độ trước khi chế độ này sụp đổ. Ngoài những tên nịnh hót vô tích sự và các bà con trong gia đình họ Ngô, **không còn ai tận tâm ủng hộ chế độ nữa**.

Do đó mà tại miền Nam Việt Nam ngày nay, với một quân đội tinh nhuệ và được trang bị đầy đủ, và một bộ máy hành chánh tương đối to lớn, chế độ vẫn không chống nổi sự khuynh đảo chính trị của Cộng Sản, vì những người lãnh đạo của chế độ đã vẫn liên tục không chịu chặt tận gốc rễ những nguyên nhân của tham nhũng và sự vô hiệu. Trái lại, giới lãnh đạo này đã nỗ lực tối đa để **dấu diếm sự thật về tình hình miền Nam Việt Nam**, xuyên tạc sự thật đến độ ngay cả người Mỹ cũng tin rằng không có một giải pháp chính trị nào khác ngoài tình trạng hiện hữu.

Đặt hết trọng tâm vào việc **tiêu diệt hết những người quốc gia đối lập, chế độ cố gắng thay sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam bằng sự trợ giúp của người Mỹ**. Ngô Đình Diệm cố tạo cho mình hình ảnh của một lãnh tụ chống Cộng “bất khả thay thế”, và ngày nào mà người Mỹ còn tin rằng ông Diệm là “bất khả thay thế” thì ngày đó ông Diệm không cần sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam, vì ông ta có thể dựa vào sự ủng hộ vô điều kiện và vô giới hạn của người Mỹ.

Không thể nào thoát ra được cái vòng luẩn quẩn do mối liên hệ Việt-Mỹ ấy tạo ra nếu không đặt một hướng đi mới cho chính sách của Mỹ, một hướng đi dẫn đến sự xuất hiện của một giới lãnh đạo chính trị khác, không Cộng Sản, tại miền Nam Việt Nam.

Tôi còn một lời cuối cùng cho những ai thắc mắc về việc tôi tránh đưa ra những đề nghị chi tiết, những giải pháp tích cực trong cuốn sách này.

Tôi nghĩ là chưa cần phải đưa ra đề nghị về những giải pháp chi tiết cho cuộc thay đổi tình hình tại miền Nam Việt Nam, khi mà mọi người liên hệ đến tình hình ấy vẫn chưa tin rằng cần thay đổi. Vì nếu nhu cầu thay đổi này không được công nhận thì mọi giải pháp đề nghị ra đều vô nghĩa.

Nói cách khác, những bạn hữu của Việt Nam tự do phải biết rằng chế độ hiện nay tại miền Nam Việt Nam **không thể tồn tại được**, rằng chế độ ấy **không có khả năng xây dựng Việt Nam**

**thành một quốc gia tân tiến, và không thể đánh bại được Cộng Sản.** Sự kiện thiết yếu này phải được công nhận rõ ràng trước khi tìm kiếm một giải pháp để bảo đảm khả năng sinh tồn của miền Nam Việt Nam.

Niềm hy vọng của tôi là sự kiện thiết yếu nói trên được tất cả các bạn hữu của Việt Nam tự do công nhận.

Cambridge, tháng 11 năm 1962

**Nguyễn Thái**

<http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/phulucb.htm>

## CUỘC CÁCH MẠNG 1-11-63

*Hoành Linh Đỗ Mậu*

[Trích đoạn từ Chương XVII, “Cuộc Cách mạng 1-11-1963”, của  
tác phẩm *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*,  
Hoành Linh Đỗ Mậu, NXB Văn Nghệ, California 1993]



Tôi có hai người cháu mà tôi thương mến đặc biệt: Đỗ Thọ gọi tôi bằng chú, là Đại úy Không quân trong phi đoàn I Vận tải, và sau này trở thành một trong bốn sĩ quan tùy viên của Tổng thống Diệm. Thọ trầm tĩnh ít nói, tính tình cứng rắn và thủy chung. Binh chủng Không quân có đem lại cho Thọ một ít chất lãng mạn nhưng cũng đủ chùng mịch để làm cho Thọ bớt khắc khổ mà thôi. Thọ không quan tâm nhiều đến tình hình đất nước nhưng lại rất nặng tình gia tộc.

Tháng 11 năm 1963, Thọ theo ông Diệm trốn khỏi dinh Gia Long đến nhà thờ Cha Tam. Sau Cách mạng 1963, Thọ trở về Phi đoàn cũ, và trong một chuyến bay đón Thủ tướng Khánh tại Đà Nẵng, Thọ bị tử nạn trên không phận Quảng Nam. Năm đó Thọ 29 tuổi, và để lại cho đời tác phẩm “*Nhật Ký Đỗ Thọ*” do người em sưu tầm và xuất bản.

Người cháu thứ nhì là Nguyễn Bá Liên, gọi tôi bằng dượng, là Thiếu tá Tư lệnh Phó Thủy Quân Lục Chiến, chỉ huy Tiểu đoàn I và

II hành quân diệt địch khắp chiến trường miền Nam. Liên vốn có truyền thống cách mạng trong gia đình, lại mồ côi cha mẹ từ lúc nhỏ nên tính tự lập, cương cường và khí phách. Đời sống của binh chủng thiện chiến đã hun đúc Liên thành một sĩ quan văn võ toàn tài, mà tình yêu quê hương dân tộc chỉ thêm nồng nàn với những cộ sát sôi bỏng chống kẻ thù và với sự hủy diệt thảm khốc thường trực của chiến tranh.

Năm 1963, Liên là sĩ quan cầm quân tiến đánh dinh Gia Long dưới sự chỉ huy của Đại tá Nguyễn Văn Thiệu. Năm 1966, Liên được đổi tên Kontum làm Tư lệnh Biệt khu 24, một trong những nút chặn nguy hiểm nhất của đường mòn Hồ Chí Minh, và tử nạn (năm 1969) trong một cuộc hành quân khốc liệt tại Tân Cảnh, trong vùng núi Trường Sơn gần Bến Hết. Năm đó Liên 38 tuổi và để lại cho đời tác phẩm *Việt Nam, Việt Nam ơi!* với bút hiệu Trường Giang.

Hai người cháu đặc biệt đó có hai cuộc đời cũng đặc biệt, tuy đối nghịch nhau trong ngày lịch sử 1-11-1963 nhưng lại gặp nhau trong hành động lấy sinh mạng trả nợ non sông. Hai người cháu đó đứng hai chiến tuyến khác nhau trong ngày lịch sử 1-11-1963 đều lấy sự thủy chung làm tiêu chuẩn chọn lựa: Thọ thì thủy chung với ông Diệm, Liên thì thủy chung với đất nước quê hương.

Chương này tôi viết trong nỗi niềm nhớ tiếc về hai đứa cháu thân thương đó mà những hành xử trong ngày 1-11-1963 chỉ làm cho cả Thọ lẫn Liên trở thành những hành ảnh hùng tráng và thảm thiết trong gia tộc chúng tôi. Hình ảnh đó cũng tượng trưng cho tâm trạng tôi trong cuộc Cách mạng 1-11-1963: **Thọ là tình người, Liên là tình nước.**

-o0o-

Cuộc Cách mạng 1-11-1963 đã được nhiều sách vở, tài liệu đề cập đến đầy đủ. Từ những vận động đến tiến trình thành hình của nó, từ những lực lượng tham dự đến kế hoạch phát động của nó. Trong chương này, tôi chỉ xin đề cập đến những sự kiện và suy tư về những hoạt động mà tôi đã trực tiếp đóng góp, hoặc những biến cố tôi biết rõ trong ngày Cách mạng đó mà thôi.

Vào giữa tháng 7 năm 1963, mặc dù chính quyền Ngô Đình Diệm đã tận dụng mọi thủ đoạn để đàn áp các cuộc biểu tình chống đối chính phủ và đặc biệt trao quyền cho Tòa án Quân sự để đem ra xét xử những can phạm quân sự và dân sự trong biến cố Nhảy Dù với mục đích cảnh cáo, hăm dọa phong trào đấu tranh, nhưng phong trào

chống đối mỗi ngày một sôi động hơn. Các cuộc biểu tình đấu tranh của Phật giáo **đã có sự tham dự đông đảo của hàng ngũ sinh viên đại học, học sinh trung học và cả các em nhỏ các trường tiểu học nữa**, đến nỗi học giả Douglas Pike, trong cuốn *Viet Cong* đã mô tả những ngày hè 1963 này bằng hình ảnh của một “*Thủ đô Sài Gòn đang bốc lửa*”.

Đề đối phó với tình hình sôi động đó, chính phủ Diệm đem thêm hai tiểu đoàn Dù và hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến về Sài Gòn tăng cường cho các đơn vị Bộ Binh và Cảnh Sát Dã Chiến để đàn áp các cuộc xuống đường. Hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến này do Thiếu tá Nguyễn Bá Liên chỉ huy vì Liên đang là Tư lệnh phó cho Trung tá Lê Nguyên Khang. Bộ chỉ huy của Liên đóng tại Văn phòng Viện Đại học Sài Gòn ở góc đường Duy Tân và Trần Quý Cáp.

Một hôm, vào cuối tháng Bảy, tôi đến Bộ Chỉ Huy của Liên và kéo Liên ra vườn để tìm hiểu thêm về tinh thần binh sĩ trước hiện tình đất nước thì được Liên cho biết binh sĩ rất hoang mang và nhiều lúc công khai tỏ thái độ bất mãn với chế độ. Liên nói rằng chẳng những binh sĩ đã không chịu đàn áp biểu tình mà họ còn tỏ ra thân thiện cởi mở với sinh viên học sinh như để bày tỏ thái độ đồng tình. Liên giải thích: “Làm sao binh sĩ có thể đàn áp được khi những kẻ biểu tình là bà con, anh em với họ. Làm sao họ có thể xuống tay với những em nhỏ mới mười mấy tuổi”. Riêng Liên thì “... Dù cháu theo đạo Tin Lành, cháu không phải là Phật tử, nhưng hành động kỳ thị, đàn áp tôn giáo của anh em ông Diệm thật là bất công và tàn bạo! Mỗi lần cháu đi nhà thờ gặp **các vị mục sư, các tín đồ, ai ai cũng chê trách chính sách về tôn giáo của ông Diệm**”.

Thủy Quân Lục Chiến là một binh chủng thiện chiến, thường đi hành quân khắp các chiến trường và biết rõ tình hình an ninh suy thoái tại nông thôn nên Liên tỏ ra rất lo âu.

Sau khi nghe Liên trình bày, tôi bèn hỏi: “Cháu có nghĩ rằng với tình hình này, liệu quân đội có thể đi đến một cuộc binh biến lật đổ chế độ Diệm không?”. Liên suy nghĩ một lát rồi trả lời: “Cháu nghĩ có thể lắm vì chính trong Lữ đoàn của cháu, ngoại trừ Đại úy Bằng theo Thiên Chúa giáo tỏ ý vui mừng đồng ý với các cuộc đàn áp Phật giáo, còn các Tiểu đoàn trưởng khác, ai cũng tỏ thái độ bất mãn căm thù chế độ Diệm. Chính nhóm của cháu như bác sĩ Đại úy Nguyễn Phúc Quế, Đại úy Trần Văn Nhật (tướng Nhật, hiện nay ở Orange County, Cali), như Đại úy Lê Hằng Minh (em của tướng Lê Minh Đảo mà trong chương trình “*Vietnam, a Television History*” của

đài PBS, tướng Đào đã lên án nặng nề chế độ Diệm) và rất nhiều sĩ quan khác đã bàn đến cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Diệm mà người hăng hái nhất là bác sĩ Quế”. Quế đỗ bác sĩ Y khoa tại Pháp, nhưng là một trí thức có tinh thần trách nhiệm và có tinh thần chống Cộng sâu sắc, Quế lại đặt niềm tin vào ông Diệm nên đã bỏ Pháp trở về Việt Nam để xin phục vụ trong binh chủng TQLC. Là người Thiên Chúa giáo nhưng Quế thấm nhuần tinh thần dân tộc và tư tưởng dân chủ nên Quế không thể chịu đựng nổi một chế độ phong kiến, độc tài như chế độ Diệm. Vì vậy anh tỏ ra vô cùng bất mãn và chán ghét chế độ. Quế nói rằng: “Trước kia, năm 1960, Nhảy Dù thất bại vì chưa vận động được cả thời lẫn thế, nay là cơ hội tốt đẹp cho Thủy Quân Lục Chiến vùng lên tiếp nối sứ mạng lịch sử đập tan chế độ nhà Ngô”.

Tôi lại hỏi thêm để hiểu quan điểm của Liên: “... Dượng theo ông Diệm đã hơn 20 năm trời, nay nếu đứng lên phế bỏ ông ta thì có mang tiếng là người thiếu thủy chung không?” Liên lại suy nghĩ một lát rồi trả lời: “Ba cháu từng là chiến hữu của ông Diệm, đã hoạt động cho ông ta, còn Dượng thì hy sinh cho ông ta gần nửa đời người, và cháu tuy còn trẻ nhưng cũng đã từng kéo quân về Sài Gòn cứu nguy ông ta trong biến cố Nhảy Dù, vậy thì chính ông ta mắc nợ gia đình mình chứ mình có mang ân nghĩa gì của ông ta đâu! Huống gì đối với quốc gia dân tộc thì mình **không thể vì tình riêng mà bỏ nghĩa chung được**”. Liên còn đem cái nghĩa lý “Sát nhất miêu cứu vạn thử” (giết một con mèo cứu vạn con chuột) để thuyết phục tôi.

Tuy vậy, lúc bấy giờ tôi vẫn chưa có ý muốn lật đổ chế độ, vì như vậy là lật luôn cả ông Diệm, mà chủ yếu tôi chỉ muốn triệt hạ vợ chồng Ngô Đình Nhu mà thôi. Tôi nói với Liên: “Dù sao Dượng cũng muốn giữ với ông Diệm một chút tình cố cựu, và lại ông Diệm chỉ vì nghe lời anh em mà mang tội cho nên Dượng chỉ muốn triệt hạ Ngô Đình Nhu thì chắc ông Diệm sẽ cảnh tỉnh ngay. Cháu suy nghĩ, phác họa một vài kế hoạch đi rồi cho Dượng biết sau”.

Chỉ độ mấy ngày sau, Liên đến gặp tôi tại nhà riêng và cho biết tổ chức của Liên có thể hạ sát Ngô Đình Nhu dễ dàng: “Cháu sẽ dẫn một số sĩ quan mặc lễ phục trắng, dấu súng trong mình và nói rằng đại diện đơn vị Thủy Quân Lục Chiến xin yết kiến ông Cố vấn để tặng một kỷ vật mừng ông đã lãnh đạo thành công trong quốc sách Ấp Chiến Lược, trong lúc đó bên ngoài, hai tiểu đoàn của cháu đang hoạt động tại quận Nhất sẽ sẵn sàng tiếp ứng. Khi vào được phòng đợi của ông Nhu nhóm cháu sẽ tông cửa vào văn phòng rồi hạ sát ông ta ngay. Trong kế hoạch này chỉ cần Dượng thuyết phục được Đỗ Thọ

ra tận cổng dinh Gia Long đón cháu vào là không ai nghi ngờ gì nữa cả.”

Vốn ra vào dinh Gia Long luôn và tuy **không chịu trách nhiệm vấn đề an ninh của Dinh** nhưng tôi cũng hiểu rõ việc canh phòng và sinh hoạt của nhân viên trong Phủ Tổng thống, nên tôi thấy kế hoạch ám sát Ngô Đình Nhu của cháu tôi có thể thực hiện được. Tuy nhiên, kế hoạch này phải dựa vào Đỗ Thọ mà Thọ thì chỉ là quân nhân thuần túy, không có ý thức chính trị, lại phục Ngô Đình Nhu và thương ông Diệm, do đó có thể Thọ sẽ không nghe lời tôi. Tôi bèn bác bỏ kế hoạch này và cho Liên biết kế hoạch của tôi: Hạ sách là kéo một số đơn vị mà chủ lực là Thủy Quân Lục Chiến lên vùng gần Tây Ninh lập chiến khu đòi hỏi ông Diệm phải đưa vợ chồng Nhu ra nước ngoài, trả tự do cho tất cả tù chính trị quốc gia, thỏa mãn năm nguyện vọng của Phật giáo, mở rộng chính phủ, thực hiện đoàn kết với các tôn giáo, đảng phái để chống Cộng. Tôi nghĩ rằng trước bối cảnh đất nước lúc bấy giờ, nếu có một tập hợp chính trị gồm đảng phái, tôn giáo, quân đội kéo quân đi lập chiến khu thì sẽ có nhiều đơn vị quân đội hưởng ứng và ông Diệm sẽ nhượng bộ để thực hiện những đòi hỏi đó. Thượng sách là tổ chức một cuộc chính biến lật đổ chế độ Diệm do tôi lãnh đạo để có khả năng giữ ông Diệm lại làm Tổng thống. Lúc bấy giờ tâm hồn tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi hành động của Võ Văn Hải trong biến cố đảo chánh của Nhảy Dù năm 1960. Với vóc dáng thư sinh, với tấm lòng trung nghĩa, Hải đã dám xông pha vào vòng lửa đạn, gặp lãnh tụ đảo chánh là Trung tá Vương Văn Đông để xin tha mạng cho ông Diệm, và xin cho ông ta tạm thời giữ chức Tổng thống vô quyền.

Với hai kế hoạch đó, một mặt tôi bảo Liên về tổ chức Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến thật chặt chẽ để làm chủ lực quân, và móc nối với các sĩ quan thuộc binh chủng khác. Một mặt chính tôi đích thân xây dựng tổ chức cho một cuộc chính biến do tôi chủ trương. Tôi bắt đầu tổ chức người nhà mà trước hết là em họ tôi, Đại úy Đỗ Như Luận, đang giữ chức Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Truyền Tin. Luận có người bạn thân là Đại úy Lê Phước Sang (chánh văn phòng của tướng Nguyễn Giác Ngộ) có nhiệm vụ tác động các sĩ quan gốc Phật giáo Hòa Hảo, vốn rất căm thù chế độ Diệm, và có nhiệm vụ vận động trong giới dân sự mà Luận và Sang quen biết khá nhiều. Luận lại được Thượng Tọa Tâm Châu thương mến tín nhiệm, được Thượng Tọa chỉ giáo cho phần chính trị và nhân sự để tiến hành công tác tổ chức và xây dựng hậu thuẫn quần chúng. Luận và Sang đã tổ chức

được nhóm các ông **Phan Huy Quát** và **Trần Thanh Hiệp**, nhóm Việt Quốc của luật sư **Nguyễn Tường Bá**, và lôi kéo luôn được cả ông **Trần Quốc Bửu**, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao Công. Trần Quốc Bửu vốn là bạn thân và đồng chí của Ngô Đình Nhu nhưng lại liên hệ chặt chẽ với các giới chức Mỹ. Đã từ lâu, tuy bề ngoài Trần Quốc Bửu có vẻ trung thành với anh em ông Diệm nhưng trong thâm tâm ông ta đã chán nản bứt rứt vì biết Ngô Đình Nhu đang chống Mỹ để bắt tay với Hà Nội. Có lẽ Trần Quốc Bửu suy luận rằng chế độ Diệm không thể nào tồn tại được nữa cho nên ông sẵn sàng tham dự vào bất kỳ nhóm đảo chánh nào để có thể rửa được cái “vết nhơ Càn Lao”. Vì thế, khi Luận và Sang bắt liên lạc thì ông nhận lời ngay. Tiếc rằng sau này, khi Cách mạng thành công, tướng Mai Hữu Xuân lại bắt giam ông vào khám Chí Hòa đến nỗi đại sứ Cabot Lodge phải nhiều lần can thiệp tướng Dương Văn Minh mới chịu trả tự do. Do đó, sau này, ông Bửu đã coi tướng Minh như kẻ thù và trở nên cố vấn đắc lực cho Nguyễn Văn Thiệu trong những vận động ngoại giao với lực lượng thợ thuyền Hoa Kỳ. (Các ông Nguyễn Tường Bá, Trần Thanh Hiệp, Lê Phước Sang hiện nay đều có mặt tại hải ngoại).

Một người cháu rể khác của tôi là Đại úy Chu Văn Trung (theo chương trình H.O., đã qua Mỹ năm 1992), chỉ huy trưởng tiểu đoàn 1 Truyền Tin đóng cạnh Bộ chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung, có nhiệm vụ nguy hiểm là cô lập nhóm Lê Quang Tung khi hữu sự. Chu Văn Trung là người Bắc, đệ tử của Thượng Tọa Tâm Châu nên nhờ Thượng Tọa mà lôi kéo được rất đông sĩ quan Phật tử (người Bắc) tham gia công cuộc chung. Một người cháu khác nữa của tôi là **Phạm Văn Lương**, với bạn là **Nguyễn Văn Cơ** (Bác sĩ Cơ hiện ở Orange County), là sinh viên Quân Y năm thứ 6, có nhiệm vụ cướp chính quyền trường Quân Y do bác sĩ Trung tá Hoàng Văn Đức (Thiên Chúa giáo) chỉ huy, và liên lạc với các tổ chức sinh viên khác để vận động sinh viên đại học xuống đường, tạo một cuộc nổi dậy tại Đô thành hậu thuẫn cho hành động của nhóm quân sự. May mắn cho chúng tôi, Lương có người anh rể là Đại úy **Hồ Tiêu** đang chỉ huy một tiểu đoàn Dù. Cũng như Lương, Hồ Tiêu là người Quảng Trị cùng quê với Hòa Thượng Trí Thủ, Thượng Tọa Thích Thiện Minh... nghe nói đến lật đổ chế độ, Tiêu rất mừng, hăng hái tham gia ngay. Nhờ Tiêu, chúng tôi có thêm một tiểu đoàn thiện chiến làm chủ lực. Trung đoàn Thiết giáp ở Gò Vấp là đơn vị hùng hậu do Thiếu Tá Thẩm Nghĩa Bôi chỉ huy, từng cứu ông Diệm thời Nhảy Dù đảo chánh, chúng tôi cũng tổ chức được một số sĩ quan trẻ để khi hữu sự

có thể cô lập được Thảm Nghĩa Bôi và vô hiệu hóa Trung đoàn. Trong binh chủng Không quân, chúng tôi có Trung tá **Đỗ Khắc Mai** (hiện ở Pháp) và nhóm cộng sự viên của Mai. Tuy Mai đã từng ở trong Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và đảng Cần Lao Nhân Vị do tôi tổ chức, nhưng vì là người tâm huyết thuộc một gia đình có tinh thần chống Cộng rất cao, nên khi dần dần thấy anh em ông Diệm tham nhũng thối nát mà lại bất tài bất lực trong việc chống Cộng đến nỗi người bạn thân là Đại tá Nguyễn Xuân Vinh (hiện nay đang ở Hoa Kỳ) phải bỏ chức Tư lệnh Không Quân ra đi, thì Mai trở thành bất mãn và chống chế độ.

Ngoài các lực lượng quân đội và dân sự ở Sài Gòn, tôi còn tổ chức được Đại tá **Đặng Văn Sơn** và Thiếu tá **Trần Văn Hai** ở Khánh Hòa. Sơn chỉ huy trưởng Hạ sĩ quan Nha Trang, lại là một Phật tử thuần thành, bạn thân của tôi lâu năm. Sơn từng ủng hộ ông Diệm thời ông gặp khó khăn trong giai đoạn làm Thủ tướng, Sơn đã từng ở trong đảng Cần Lao, nhưng cũng như mọi người tâm huyết mang tâm trạng bất mãn với nhóm Cần Lao Công Giáo, lại thấy anh em ông Diệm trắng trợn đàn áp Phật giáo nên khi tôi ngỏ lời Đặng Văn Sơn hăng hái nhận lời ngay. Thiếu tá Trần Văn Hai, chỉ huy trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân ở Dục Mỹ (Ninh Hòa) là một đảng viên Đại Việt, thời 1955–1956 bị nhóm Cần Lao Công Giáo dân sự vu cáo nên bị bắt giam, nhưng lại được tôi tái xét và bạch hóa hồ sơ nên từ đó Hai coi tôi như một ân nhân, một người anh, do đó khi tôi cho người liên lạc móc nối, Hai đồng ý ngay. Là người can trường và tâm huyết, Hai hứa với tôi sẽ hy sinh đến kỳ cùng để đập tan chế độ Diệm (Sau khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản vào năm 1975, tướng Trần Văn Hai đã tự vẫn không chịu đầu hàng Cộng Sản). Trưởng Hạ Sĩ quan Nha Trang và Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ có đến 5, 6 ngàn binh sĩ thiện chiến, cho nên lực lượng hùng hậu này được tôi giao cho nhiệm vụ chiếm Nha Trang để khi tôi kéo quân đi lập chiến khu hay khi có chính biến tại Sài Gòn sẽ nổi lên làm thế y đốc. Nha Trang và Khánh Hòa là quê hương của Phật giáo cho nên dân chúng địa phương trở thành một hậu thuẫn nhân dân vững chắc cho những lực lượng cách mạng sau này.

Trong lúc tiến hành tổ chức cuộc binh biến, tôi không ngờ có nhiều nhóm sĩ quan khác cũng có những nỗ lực nhằm vận động lật đổ chế độ, mà hầu hết là người thân tín của ông Diệm. Có ba nhóm lần lượt đến vận động tôi vào tổ chức của họ. Trước hết là nhóm của tướng **Nguyễn Ngọc Lễ** và Đại tá **Nguyễn Văn Chuân** (tướng Chuân

hiện ở Hoa Kỳ). Thứ hai là nhóm của Đại tá **Nguyễn Khương** người Huế, cựu chỉ huy trưởng binh chủng Truyền Tin (Đại tá Khương hiện ở Pháp). Và thứ ba là nhóm của tướng **Lê Văn Nghiêm** và Đại úy **Nguyễn Bé**. Sở dĩ những sĩ quan này dám vận động tôi vào tổ chức đảo chánh của họ vì họ toàn là bạn thân của tôi nên biết rõ quan điểm chính trị và tâm trạng của tôi đối với anh em ông Diệm, nhất là đối với vợ chồng Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn. Tuy nhiên dù biết họ tin tôi, và dù tôi không nghi ngờ quyết tâm của họ, nhưng vì làm công việc lật đổ chế độ là một việc làm nguy hiểm có thể đưa đến cái chết vô ích nếu bị Ngô Đình Nhu và nhóm Cẩn Lao phát hiện nên tôi đã phải rất cẩn mật. Do đó, dù các tổ chức trên đã liên tục thúc giục, tôi chỉ trả lời một cách lung chừng mà không chính thức nhận lời. (Có phải thế không anh bạn Nguyễn Văn Chuân của tôi ơi!)

Ngoài các nhóm mà tôi tạm gọi là các *Tổ chức miền Trung* nói trên còn có đảng Đại Việt mà đại diện là Thiếu tá **Huỳnh Văn Tồn** (hiện ở Orange County, California). Sở dĩ tôi khám phá ra được hoạt động của Huỳnh Văn Tồn là nhờ một tờ thông báo của Trung tướng Thái Quang Hoàng. Nguyên Tồn là huấn luyện viên trường Đại học Quân Sự Đà Lạt, nhưng Tồn lại bỏ trường đi gần hai tuần lễ không về đến nỗi tướng Hoàng phải thông báo nhờ An Ninh Quân Đội lùng bắt. Tôi cho nhân viên dò xét và theo dõi nên biết được Tồn về Sài Gòn liên lạc với các đồng chí quân sự và dân sự trong đảng để tổ chức đảo chánh. Đặc biệt, Tồn liên lạc với cả tướng Dương Văn Minh. Cũng trong nhóm của Tồn từ Đà Lạt về còn có Thiếu tá Thủy Quân Lục Chiến **Cổ Tấn Tinh Châu**; Châu về miền Tây tổ chức các đảng viên Đại Việt, và trưa ngày 1-11-1963 trở lại Thị Nghè điều động một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến đến tấn công dinh Gia Long.

Trong lúc đó thì Ty An Ninh Quân Đội tại Đà Lạt cũng báo cáo cho tôi biết nhiều “hoạt động lạ lùng” của Trung tá Trần Ngọc Huyền, Chỉ huy trưởng trường Võ Bị Đà Lạt (hiện ở Mỹ). Lúc đầu tôi không tin Huyền âm mưu đảo chánh ông Diệm vì Huyền là người Thiên Chúa giáo lại là em của cựu Bộ trưởng Trần Ngọc Liên, một thuộc hạ đắc lực của ông Diệm và ông Nhu. Huyền lại được ông Diệm nâng đỡ tín nhiệm giao cho chức Chỉ huy trưởng trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, một địa vị mang nhiều vinh dự cho bất kỳ ai được hân hạnh chỉ huy ngôi trường đào tạo nhân tài tương lai cho quân đội.

Cho đến trung tuần tháng 8, tôi biết được vào khoảng 7, 8 tổ chức đang tiến hành những vận động để lật đổ chế độ, mà tổ chức làm cho tôi chú ý một cách đáng ngạc nhiên nhất là của tướng **Trần Văn**

**Đôn**, lúc bấy giờ đang là Quyền Tổng Tham Mưu trưởng. Hầu hết các tổ chức đó đều do thành phần quân nhân chủ xướng với sự hợp tác của một số lực lượng đảng phái, hoặc với sự yểm trợ của một số khuôn mặt chính trị hay tôn giáo. Sự kiện có quá nhiều tổ chức đã không làm tôi ngạc nhiên vì dưới chế độ bạo quân của ông Diệm, và với hệ thống mật vụ Cần Lao của Nhu, **chỉ quân đội mới đủ khả năng và dũng lực để tiến hành những công tác nguy hiểm và đòi hỏi một kỹ thuật tổ chức tinh vi**. Và cũng vì thế mà dù hệ thống mật vụ của Nhu có phát giác ra một vài tin tức nhưng chính Nhu cũng không biết ai lãnh đạo và thực lực thế nào.

Ngoài ra, quân đội, mà cả hai ông Nhu và Diệm đều chủ quan tưởng rằng đã được Quân ủy đảng Cần Lao kiểm soát chặt chẽ, thật ra lại là trung tâm sôi động nhất của mọi mầm mống bất mãn và chống đối. Phật giáo bị đàn áp còn biểu tình phản kháng, đảng phái quốc gia bị đàn áp còn ra tuyên ngôn chống đối, riêng quân đội thì hành xử như một chiến sĩ, nghĩa là khi bị khồng chế khinh miệt thì sẽ phản ứng một cách quyết liệt và dữ dội mà điển hình là cuộc binh biến lần lượt 11–11–60 của binh chủng Nhảy Dù và những trái bom nổ lửa ngày 27–2–1962 của hai phi công Quốc và Cử.

Đêm 20–8–1963, đêm định mệnh mà vợ chồng Nhu tấn công chùa chiền, tình cờ một người bạn thân của tôi là Đại tá **Phùng Ngọc Trung** (hiện ở Pháp) đến chơi và ngủ lại nhà tôi. Trung vừa mới bị Ngô Đình Cẩn cất chức Giám đốc Quân nhu Quân khu I và được tôi kéo vào Sài Gòn giữ chức Chánh sở Hành Chánh Tiếp vận cho Nha An Ninh Quân Đội. Đêm ấy hai anh em tôi đang ngồi nói chuyện thì bỗng vào khoảng một giờ sáng, Thiếu tá Nguyễn Thành Long, Chánh sở ANQĐ Sài Gòn–Gia Định, gọi điện thoại khẩn cấp báo cho tôi biết cảnh sát Dã chiến và Lực lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung đang tấn công chùa Xá Lợi (trung tâm chỉ huy lực lượng Phật giáo đấu tranh), chùa Ấn Quang và chùa Theravada. Theo Long thì chính bà Nhu mặc quân phục Thủy Quân Lục Chiến, đi xe Mercedes đến trước cổng Chùa Xá Lợi để chỉ huy cuộc tấn công chùa này. Và chính nhân viên của Long thấy bà ta la hét, chỉ trở ra lệnh cho lực lượng tấn công. Tôi bèn bảo Long cứ tiếp tục theo dõi biến cố và ngày mai sẽ làm tờ trình cho tôi, rồi tôi lại ra trước sân nhà tiếp tục nói chuyện với Đại tá Trung cho đến sáng.

Ngôi nhà mà Quân đội cấp cho tôi ở là một biệt thự trong cư xá Hải quân, kiến trúc theo kiểu Pháp thời thuộc địa, nằm cuối đường Gia Long gần chủng viện Saint–Paul yên tĩnh. Đường Gia Long có

hai hàng me xanh lá chụm đầu vào nhau xào xạc, đêm đó như san sẻ câu chuyện tâm sự của hai anh em chúng tôi đang bàn tán về chế độ Diệm và biến cố tấn công chùa chiền.

Là một chứng nhân sống, là một nạn nhân trực tiếp, Trung đã kể hết và kể rõ tất cả những tội ác của Ngô Đình Thục, Ngô Đình Cẩn và tập đoàn Cần Lao Công Giáo tại Huế và miền Trung. Với giọng nói bi thiết của một người đã hy sinh tất cả để rồi bị phản bội độc ác, Trung kết luận: “Như anh biết, cả gia đình tôi đã xả thân cho nhà Ngô với tất cả lòng trung tín và hy sinh. Thời kỳ anh em ông Diệm còn lao đao không ai dám liên hệ, thì chúng tôi đã công khai ủng hộ, đóng góp nhân lực, vật lực. Khi ông Diệm làm Thủ tướng phải tứ bề thọ địch và lúc nào cũng sẵn sàng bị tấn công thì em tôi (Đại úy Phùng Ngọc Bang) chịu vào làm sĩ quan tùy viên, anh ruột tôi chịu vào trong tiểu đội phục dịch cho tư thất Ngô Đình Cẩn... Thế mà vì lòng tham vô đáy, Cẩn đã cho mật vụ bao vây nhà tôi, một đồng chí cũ, một sĩ quan cấp tá của quân đội, một cán bộ của chế độ, để trắng trợn tịch thu những gia bảo của gia đình tôi. Đã tán tận lương tâm như thế, Cẩn còn cất chức và chuyển chuyển tôi ra khỏi đơn vị, bắt tôi rời khỏi Huế để cho người Thiên Chúa giáo Phú Cam của Cẩn thay thế mà chuyên quyền... Với tôi mà Cẩn còn xử cạn tàu ráo máng như thế thì dân chúng thấp cổ bé miệng còn khổ nhục như thế nào! Chế độ như vậy mà anh cứ nhắm mắt phục vụ sao?”

Hai câu nói cuối cùng của người bạn thân vang dội trong đêm trường, như lớp sóng cuộn cuộn liên tục đập vào ghềnh đá. Tôi chỉ im lặng nghe Trung nói mà không cho bạn biết tâm sự và dự định của mình. Trung là người chân thành và trung tín, hơi “quê mùa” một chút nhưng là cái thứ “quê mùa” vô giá của những tâm hồn nông dân Việt Nam bình dị. Nhận định và phê phán của Trung, đối với tôi, bao giờ cũng có những giá trị rất dân tộc vì phát xuất từ sự trong suốt của tấm lòng Trung.

Đêm đó, dưới bầu trời đầy sao của mùa Hạ miền Nam, tôi còn hỏi Trung nhiều và chúng tôi thức suốt đêm dài cho đến sáng. Hôm sau, khoảng 7 giờ, ông Diệm tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn về việc “*Hội Đồng Chính Phủ được triệu tập gấp vào lúc gần sáng. Tổng thống tuyên bố phải hành động cương quyết và lãnh trách nhiệm trước lịch sử vì có tin Việt Cộng sắp tràn ngập Thủ đô. Đã ban hành lệnh giới nghiêm, giao cho quân đội bảo vệ an ninh trật tự. Tướng Tôn Thất Đình, Tổng trấn Sài Gòn-Gia Định, chịu trách nhiệm thi hành lệnh thiết quân luật...*”

Khoảng 10 giờ sáng, tôi đang làm việc tại văn phòng của Nha tại góc đường Nguyễn Bình Khiêm và Hồng Thập Tự thì tướng Trần Văn Đôn, lúc bấy giờ là quyền Tổng Tham mưu trưởng (thay tướng Lê Văn Tỵ đi chữa bệnh tại Hoa Kỳ) gọi điện thoại yêu cầu tôi đến Bộ Tư lệnh của tướng Đính để theo chỉ thị của ông Cố vấn Ngô Đình Nhu, làm cố vấn cho Đính về các vấn đề chính trị trong cuộc khủng hoảng Phật giáo.

Lại một lần nữa, Nhu âm mưu bắt tôi dính dứ vào tội ác của dòng họ Ngô Đình: Trước hết, đây là một vấn đề dân sự thuộc Bộ Nội Vụ chứ không thuộc thẩm quyền của tôi, thứ hai là các sách lược chính trị không thuộc lãnh vực của Nha An Ninh Quân Đội, và thứ ba là nếu có một sách lược chính trị thì Nhu dư biết tôi đã từng bày tỏ lập trường chống đối chính sách này, và lại tôi có bao giờ được Nhu chính thức thông báo sách lược đó đâu. Không có thẩm quyền, không thuộc lãnh vực, lại không được thông báo, thế mà tôi vẫn bị Nhu đẩy vào cái tư thế, mà đối với quần chúng, đối với phong trào đấu tranh của Phật giáo và đối với quân đội, lại là tư thế then chốt để tiến hành chính sách đàn áp Phật giáo của chánh quyền.

Lúc gặp tướng Đính và người phụ tá quân sự là Đại tá Nguyễn Hữu Có, tôi thấy cả hai đều có vẻ khẩn trương và ưu phiền. Vì đặt niềm tin trọn vẹn vào liên hệ thân thiết giữa hai người, Đính đã trình bày đầy đủ cho tôi biết những thảm họa xảy ra tại các chùa bị tấn công, nhất là tại chùa Xá Lợi: “Mặt Phật bị bắn nát, các vật dụng thờ cúng như chuông, mõ, lư hương bị đập phá văng ngổn ngang, các Tăng và Ni bị đánh bằng súng và đâm bằng lưỡi lê, riêng Hòa Thượng Hội chủ Thích Tịnh Khiết thì bị hành hung nặng”. Đính còn hằn học “... Họ còn dám ném mấy khẩu Garant M1 vào chùa rồi chụp hình làm tang vật vu khống chùa có chứa vũ khí, họ còn quăng cả đồ lót đàn bà vào phòng của mấy thầy rồi xuyên tạc trong chùa có trai gái bậy bạ...”.

Đính càng hằn học chỉ trích chính quyền tôi càng mừng thầm vì thái độ này phản ánh những uất ức của một kẻ muốn nổi loạn và biết đâu Đính và Đôn, ngoài tình bạn ra, cũng đã là đồng chí trong tổ chức của Đôn rồi, dù bề ngoài Đính vẫn tương kế tựu kế giả vờ đóng vai trung thành với ông Diệm.

Những biến cố xảy ra trong mấy tháng vừa qua, từ âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội đến vụ đem xử các thành phần đảng phái quốc gia tại tòa án Quân sự Đặc biệt, từ vụ đàn áp thảm khốc Phật giáo đến những lời hặc tội của Đại tá Trưng tối hôm qua và của

tướng Đinh hôm nay... đã chồng chất thành bản cáo trạng quyết liệt lên án tội ác của chế độ và bỗng **chấm dứt mọi ngai ngại tình cảm cuối cùng của tôi đối với ông Diệm**. Tôi cố viện dẫn khoảng thời gian hơn 20 năm trời liên hệ thăm thiết giữa ông Diệm và tôi, nhưng vẫn không đủ ngăn chặn được những hành động oan nghiệt của 9 năm trời bạo quản của anh em ông Diệm. Một bạo chúa Ngô Đình Cẩn không ngại ngừng nhúng tay vào máu trên đau khổ của đồng bào; một Ngô Đình Nhu ngạo mạn làm giàu bằng thuốc phiện và chuyển tiền ra ngoại quốc bằng hệ thống mật vụ Cẩn Lao và sẵn sàng thỏa hiệp với Cộng Sản trong khi phóng tay đàn áp các lực lượng quốc gia; một Ngô Đình Thục chà đạp các tôn giáo khác xuống cho tôn giáo mình được hưởng mọi đặc quyền đặc lợi hầu tiến đến việc Thiên Chúa giáo hóa toàn miền Nam; một Ngô Đình Diệm nhu nhược đạo đức giả; một Trần Lệ Xuân vô đạo đức và lộng quyền; **một bầy khuyến ưng Cẩn Lao Công giáo cấu kết thành một loại trùng độc làm hủy hoại sinh lực của quốc gia và hùng khí của dân tộc**... Tất cả gồm trong một gia đình mà những sân si và danh, lợi, quyền, lực, đã biến thành những tội đồ của đất nước, mà từ gần nửa năm nay dân chúng miền Trung đã âm thầm viết thành bản án lịch sử để lại cho hậu thế đời đời qua hai câu phong dao truyền miệng cho nhau:

*Nhà Ngô có bốn gian hùng*

***Diệm ngu, Nhu ác, Cẩn khùng, Thục điên***

Cả một quá khứ địa ngục với một tương lai đen tối của đất nước đã làm tôi dứt khoát hẳn với ý định giữ ông Diệm lại làm nguyên thủ quốc gia như công thức mà Võ Văn Hải đã có lần đề nghị. Tôi nhất định phải lật đổ chế độ này, và chính ông Diệm cũng phải bị tước quyền công dân trục xuất ra khỏi nước.

Suy nghĩ chín chắn rồi, chiều 22-8-63, tôi đến Bộ Tham Mưu để gặp tướng Trần Văn Đôn đề nghị gia nhập vào tổ chức của ông ta. Lúc đầu tướng Đôn tỏ vẻ nghi ngờ hỏi vặn: “Có phải ông Cố vấn bảo anh đến đây để thử thách tôi không?” Nhưng đến khi tôi trình bày hết tâm sự và quyết tâm của mình rồi kết luận một cách chắc nịch rằng “Nếu tôi là tay sai của Ngô Đình Nhu, nếu tôi ham danh lợi thì tôi đã tố cáo âm mưu của Trung tướng cho anh em ông Diệm rồi” thì Đôn mới bắt đầu có vẻ tin tưởng hơn nhưng vẫn còn dè dặt bảo tôi trở về làm việc mà không hề đề cập đến lập trường, chủ trương và tổ chức của ông ta. Ra về, tôi trở nên bình thản và lạc quan hơn vì chính thái độ dè dặt của Đôn lại càng làm cho tôi tin tưởng Đôn đang quyết tâm thực hiện cuộc chính biến. Một cuộc chính biến do một cuộc binh

biến phát động mà quân đội là chủ lực, lại do một vị Tổng Tham mưu trưởng tổ chức thì nhất định phải thành công.

Độ một tuần lễ sau, hình như sau khi đã cho điều tra và nắm vững tư tưởng của tôi, Đôn bèn cho mời tôi đến gặp ông ta tại văn phòng. Sau khi trình bày một cách tổng quát chủ trương làm một cuộc cách mạng lật đổ chế độ, tướng Đôn bèn hỏi tôi: “Quyết định của anh về sinh mạng của anh em ông Diệm như thế nào?” Tôi trả lời dứt khoát: *“Đối với vợ chồng Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn thì phải bắt giam rồi đưa ra tòa án Quân sự xét xử theo đúng luật. Riêng đối với ông Diệm thì đem ông ta lên ở tại dinh số 1 ở Đà Lạt một thời gian, đối xử đàng hoàng rồi để cho ông ta ra đi muốn sống lưu vong tại nước nào tùy ông ta lựa chọn”*. Tướng Đôn đồng ý với tôi ngay vì hình như đó cũng là chủ trương của riêng ông.

Ngoài ra, trước khi tôi liên hệ với tổ chức chính biến do các tướng lãnh chủ xướng, một hôm vào đầu tháng Chín, Đại tá **Phạm Ngọc Thảo** đến nhà và không ngần ngại mời tôi tham dự vào tổ chức đảo chánh của bác sĩ **Trần Kim Tuyến** mà Thảo là đại diện. Theo Thảo, bác sĩ Tuyến chỉ là lãnh tụ tinh thần vì đang sửa soạn đi nhận chức Tổng lãnh sự ở Ai Cập nên không muốn tiếp xúc với ai, và lại bác sĩ Tuyến đang bị Công an đặc biệt theo dõi gắt gao.

Về trường hợp bác sĩ Trần Kim Tuyến âm mưu lật đổ chế độ Diệm, ký giả Úc Dennis Warner, một bạn thân của luật sư Trần Văn Khiêm (em ruột bà Nhu) và là một ký giả khá tin nhất trong giới phóng viên báo chí thế giới về sự am hiểu tình hình Đông Nam Á đã viết như sau:

“Ngày tháng càng trôi qua, Nhu và các bạn hữu thân cận của ông ta càng cãi vã nhau, đưa đến đổ vỡ. Từ nhiều năm nay, kẻ chân tay quan trọng nhất của Nhu trong đảng Cần Lao đồng thời cũng là người điều khiển cơ quan mật vụ của Nhu là bác sĩ Trần Kim Tuyến, 39 tuổi, dáng người nhỏ nhắn và vốn xuất thân từ một dòng tu Thiên Chúa giáo. Ngoài những thành quả khác, Tuyến đã học hết chương trình Y khoa trừ năm cuối của chương trình Bác sĩ. **Tuyến là người không chấp nhận cung cách của nhà Ngô trong việc trị dân**, và đã cố gắng thuyết phục chế độ để đi đến một nền hành chánh thực tiễn và quy củ hơn. Sau khi cuộc đảo chánh tháng 11 năm 1960 thất bại, ông cùng một số viên chức chính phủ có cùng ý kiến với ông soạn thảo một văn thư nội bộ gửi cho ông Diệm nêu lên một số đề nghị cải tổ. Hai mươi trang của văn kiện này được dành riêng để đề cập đến bà Nhu.

Đúng như Tuyền đã lo ngại, quả nhiên **Diệm đã gạt bỏ mọi đề nghị cải tổ còn bà Nhu thì phản ứng một cách giận dữ**. Mặc dù trong hai năm tiếp theo, bề ngoài Tuyền và Nhu vẫn tỏ ra là một đôi bạn thân, cái “tình bạn” ấy chấm dứt khi Nhu nói rằng ông đã cho ngấm thu âm các bản ăn trong nhà hàng La Cigale, một hàng ăn mà ban đêm Tuyền và bạn bè thường gặp nhau, và qua các cuộc thu âm ấy, Nhu đã biết được rằng khi Tuyền và bạn hữu bàn với nhau về “một cuộc đảo chánh” thì nội dung câu chuyện không phải luôn luôn là lời lẽ của một kẻ đứng đầu một cơ quan mật vụ trung kiên.

Tuy Tuyền đã “bảo hiểm” sinh mạng của mình bằng cách **gửi ra ngoại quốc chứng liệu về các hoạt động của gia đình họ Ngô**, ông ta vẫn thường trực sống trong tình trạng nguy hiểm, mặc dù Nhu đã bỏ nhiệm Tuyền - để Tuyền không còn là một trở ngại - đi làm Tổng lãnh sự Việt Nam tại Cairo (Ai Cập). Nhu thường gọi Tuyền là “*trente neuf*” (ba mươi chín) vì con người nhỏ nhắn của Tuyền chỉ cân nặng 39 ký. Sau khi hai người hết thân thiện với nhau, Nhu khôi hài là bây giờ phải gọi Tuyền là “*trente huit*” (ba mươi tám) vì Tuyền lo sợ cho mạng sống của mình, đã sụt mất một ký. Qua cơ quan của Tuyền, **Nhu nắm được hồ sơ cá nhân của tất cả viên chức cao cấp trong chính phủ, kể cả hàng Tổng, Bộ trưởng. Mục tiêu của Nhu là, nếu được, phải làm cho các viên chức này liên lụy đến một hình thức tham nhũng nào đó**. Trong mê lưới này, không một ai có thể làm hại Nhu mà lại có thể tránh được cho mình khỏi bị hại”<sup>1</sup>.

Hơn ai hết, Tuyền biết rõ những sai lầm và những tội ác của chế độ Diệm, biết rõ những âm mưu thâm độc của vợ chồng Ngô Đình Nhu, biết rõ Ngô Đình Cần mấy lần định cho người ám sát mình, lại biết vợ chồng Nhu sẽ cất chức mình, đem em là Trần Văn Khiêm vào thay thế để Khiêm nguy tạo hồ sơ biến mình thành con dê tế thần gánh chịu tất cả mọi hậu quả. Biết như thế và vốn người có lý tưởng quốc gia chân chính nên **Tuyền không thể tiếp tục làm tôi trung cho một gia đình, một chế độ ngập tràn tội ác**, Tuyền phải chủ trương đảo chánh trong ý nguyện cứu lấy một quốc gia đang thật sự đứng trên bờ vực thẳm. Từ một công thần hân mã, Tuyền trở thành một kẻ thù không đội trời chung với anh em ông Diệm. Là một người quen thân với ông lại năng tiếp xúc đàm đạo với ông, tôi biết rõ nỗi khổ tâm của người bạn hiền Trần Kim Tuyền.

Còn về Phạm Ngọc Thảo thì từ trước tôi chưa hề gặp mà chỉ

<sup>1</sup> Dennis Warner, *The Last Confucian*, tr. 224, 225.

biết qua hồ sơ. Thảo là một tay phản gián tài ba của Việt Cộng và dù có bà con là Phạm Ngọc Thuần hiện giữ một chức vụ quan trọng ở ngoài Bắc, nhưng **nhờ là một tín đồ Thiên Chúa giáo lại là tay chân của Giám mục Ngô Đình Thục** nên được ông Diệm tín nhiệm và cho mang lon Trung tá. Lúc Thảo làm Tỉnh trưởng Kiến Hòa, tướng Mai Hữu Xuân, vốn là cựu Tổng Giám đốc Công an, cựu Giám đốc An Ninh Quân Đội, đã nói với tôi: “Anh nên trình với Tổng thống rằng dùng Phạm Ngọc Thảo là dân miền Nam cho Cộng Sản rồi đó”. Tôi đem lời của Mai Hữu Xuân trình bày cho ông Diệm thì bị ông Diệm gạt gồng: “*Anh hỏi thằng Xuân nó có biết nguồn gốc gia đình Phạm Ngọc Thảo hơn Đức Cha không?*”. Trong thời gian Thảo giữ chức Tỉnh trưởng Kiến Hòa, tôi đã cho Đại úy Sinh (hiện ở Hoa Kỳ), trưởng phòng Công tác của Nha, bí mật xuống Bến Tre một tháng để đặc biệt điều tra Thảo, và Sinh đã về báo cáo cho tôi: “... chẳng những Thảo là người chống Cộng mà lại chống Cộng rất tài tình. Kiến Hòa là căn cứ địa vững chắc của Cộng Sản, là quê hương của Nguyễn Thị Bình, là nơi mà năm 1940 Cộng Sản đã từng nổi dậy cướp chính quyền, thế mà Thảo vẫn “trì” nổi Cộng Sản tại đó”. Nhưng chỉ mấy tháng sau, Thảo thôi làm Tỉnh trưởng và được Ngô Đình Nhu giao cho nhiệm vụ đi thanh tra công cuộc thiết lập Ấp Chiến Lược. Thảo vẫn vào ra dinh Tổng thống và thỉnh thoảng vẫn được ông Diệm gọi vào nói chuyện.

Gặp tôi, Thảo cho biết tổ chức đã kết nạp được một số đơn vị Biệt Động Quân và Bảo An. Và nhờ Thảo thường đi thanh tra Ấp Chiến Lược nên đã tổ chức được rất nhiều sĩ quan trong các đơn vị chiến đấu tại Quân đoàn 3 và Quân đoàn 4. Thảo là cộng sự viên của tướng **Trần Thiện Khiêm** nên cũng tiết lộ cho tôi biết tướng Khiêm đã nhận đỡ đầu cho nhóm Thảo. (Thật ra tướng Khiêm đã ở trong tổ chức của tướng Đôn rồi).

Tôi khen thầm quả thật Thảo là tay tình báo giỏi mới biết được tâm địa và hành động bí mật của mình, tuy nhiên tôi vẫn phải giả vờ tỏ thái độ trung lập: “Các anh muốn làm gì thì làm, tôi không chống các anh cũng không phản cù Diệm”. Sở dĩ tôi phải nói thế vì cần phải kiểm chứng lại với tướng Khiêm trước khi thật sự liên hệ với Thảo. Mấy ngày sau, tướng Đôn lại gọi tôi đến Bộ Tổng Tham mưu và cho biết tướng lãnh không đồng ý với tôi về việc giữ ông Diệm tại Đà Lạt vì sợ những bất trắc có thể xảy ra. Tôi tranh luận một hồi nhưng không thay đổi được quyết định của tổ chức nên đành nhượng bộ: “Nếu vậy thì đem ông ta ra Côn Đảo một thời gian và đem một tiểu

đoàn Thủy Quân Lục Chiến ra canh giữ rồi sau khi tân chánh phủ thành lập sẽ cho ông ta ra đi”. Đôn đồng ý và hứa sẽ đề nghị lại với anh em. Trong cuộc gặp gỡ lần này, Đôn khuyến cáo tôi phải hết sức cẩn thận đối với những cô vấn quân sự Hoa Kỳ và nhân viên CIA, vì theo Đôn thì tướng Harkins và nhân viên của Richardson (Giám đốc CIA tại Việt Nam) đang ủng hộ ông Diệm và ông Nhu. Đôn cũng bảo tôi từ nay Đôn và tôi chỉ liên lạc bằng điện thoại và chỉ dùng một số mật ngữ để trao đổi tin tức. Đặc biệt về ngày giờ phát động, Đôn sẽ cho biết sau.

Ở đây tôi xin dành vài dòng nói về tướng Trần Văn Đôn, người được xem là bộ óc của cuộc chính biến 1–11–63. Tướng Đôn sinh tại Pháp nhưng nhà thờ họ, mồ mả tổ tiên, ruộng vườn tài sản đều ở tại miền Nam. Tuy ông đã từng mang quốc tịch Pháp nhưng gia đình lại thấm nhuần nền đạo lý Tam giáo. Trong những giao tế bên ngoài, Trần Văn Đôn là người văn minh lịch thiệp kiểu Âu-Mỹ, nhưng trong sinh hoạt gia đình ông vẫn theo nề nếp Đông phương, theo nghi lễ dân tộc. Một lần tôi đến thăm Đôn tại nhà bỗng gặp bà Đôn dạy học ở Đà Lạt về nghỉ cuối tuần. Vừa bước vào phòng khách, bà Đôn vội nghiêm trang chào khách và chào chồng rồi đến ngay bàn thờ gia tiên thắp hương vái chào, sau đó mới về phòng riêng. Lễ táng bà cụ sau này, anh em gia đình tướng Đôn theo nghi lễ trong sách “Thọ Mai gia lễ” cho đúng với phong hóa, tập tục cổ truyền. Trước kia, tôi thường có thành kiến cho rằng tướng Đôn là một thứ “Tây con”, nhưng từ ngày nhiều lần chứng kiến được cung cách và nếp sống gia đình của ông, tôi càng kính mến ông ta nhiều hơn.

Tướng Đôn tuy theo binh nghiệp nhưng phần lớn cuộc đời của ông lại hoạt động như một chính khách hơn là một nhà quân sự. Ông đã hoạt động chính trị từ thời còn mang cấp Trung úy, khi còn là một nhân viên trong văn phòng chính trị của Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân thời 1947–1948. Theo tướng Đôn thì chính ông ta là tác giả của lá quốc kỳ cờ vàng ba sọc đỏ và là người đề nghị lấy bài “*Thanh Niên Ca*” của Lưu Hữu Phước làm quốc ca cho VNCH. Vì là vị Giám đốc An Ninh Quân Đội đầu tiên của quân lực VNCH nên ông biết rõ lý lịch và lập trường chính trị của hầu hết mọi sĩ quan. Hơn thế nữa, ông còn là Tham mưu trưởng đầu tiên nên đã đóng góp rất nhiều trong việc xây dựng quân đội quốc gia.

Gia đình tướng Đôn và gia đình ông Diệm vốn có thâm tình cố cựu, tướng Đôn đã từng làm trung gian giữa Thủ tướng Xuân và anh em ông Diệm trong thời kỳ ông Nhu hoạt động tại Sài Gòn và Đà Lạt.

Trong mấy tập album mà bà Nhu có lần đưa về Huế để khoe với ông Cẩn, tôi đã thấy nhiều bức hình vợ chồng Ngô Đình Nhu chụp chung với Thủ tướng Xuân và Trần Văn Đôn trong các cuộc du ngoạn tại Đà Lạt; họ thân với nhau đến độ có những tấm hình chụp ba người đàn ông mặc âu phục đứng chung với bà Nhu chỉ mặc áo tắm hở hang. Cũng vì anh em ông Diệm thân thiết với Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân cho nên theo lời của ông Phan Xứng, ông Diệm đã yêu cầu Đinh Xuân Tiểu, chủ nhiệm báo *Thời Cuộc*, tránh việc đả kích ông Xuân mặc dù ông Xuân ủng hộ Cựu Hoàng Bảo Đại trong lúc ông Diệm không những xa lánh mà còn chống đối Cựu Hoàng. Ngay từ thời ông Diệm chưa cầm quyền vào những năm 47 đến 50, ông Đôn thường liên lạc với ông Diệm và mỗi khi ra Huế thường ghé thăm Ngô Đình Cẩn.

Năm 1955, khi tướng Nguyễn Văn Hinh từ già Việt Nam vĩnh viễn đi về Pháp, tướng Đôn đã tổ chức lễ đốt tượng trưng quân hàm và quân hiệu Pháp từ trước vẫn được sử dụng cho quân đội quốc gia, và chân thành ủng hộ ông Diệm qua công tác điều động các lực lượng quân sự trong chiến dịch tấn công Bình Xuyên. Cũng bắt đầu từ giai đoạn mới đó mà quốc gia bắt đầu thực sự được độc lập, tướng Đôn lo trau dồi Việt ngữ, nghiên cứu lịch sử, văn hóa Việt Nam và luôn luôn mang tinh thần học hỏi cầu tiến. Trong suốt gần chín năm trời, hết giữ chức Tham mưu trưởng Quân Đội đến chức Tư lệnh Quân đoàn, Quân khu, tướng Đôn đã đem hết khả năng phục vụ Quân Đội và chế độ. Ông là vị tướng đã lê gót khắp đất nước quê hương và tiếp xúc đủ mọi thành phần dân chúng trong xã hội. Được ông Diệm và anh em ông ta nể vì, tướng Đôn là vị tướng dám nói thẳng và nói thật với ông Diệm những sự thực bị thảm trong Quân Đội, cũng như dám trình bày tình hình an ninh suy sụp của nông thôn miền Nam.

Tôi gặp tướng Đôn lần đầu tiên tại Huế vào năm 1948, khi tướng Đôn tháp tùng Thủ tướng chính phủ đến thăm cố đô. Năm 1952, Trung tá Đôn, với tư cách Giám đốc Nha An Ninh Quân Đội, lại tháp tùng tướng Hinh ra Huế để cùng với Trung tá Nguyễn Ngọc Lễ và tôi ( lúc bấy giờ là Tham mưu trưởng Quân khu II) thảo luận về việc đặt các đoàn cố vấn Pháp vào Bộ tham mưu và vào các đơn vị của Quân đội Quốc Gia Việt Nam. Trong buổi họp này, tôi đã mạnh mẽ chống lại ý kiến của Tướng Hinh trong lúc Trung tá Đôn nhìn tôi chăm chú, theo dõi những trình bày của tôi và tỏ thái độ đồng ý với lập trường của tôi. Tuy nhiên, cũng vì vậy mà chỉ mấy tháng sau tôi bị mất chức Tham mưu trưởng Quân khu II và bị đổi ra Bắc. Năm

1954, tại nhà tướng Đôn ở Chợ Lớn, trong cuộc họp rất đông sĩ quan để tướng Hình hô hào việc đảo chánh Thủ tướng Diệm, thái độ quyết liệt của tôi khi công khai phản kháng tướng Hình và nhóm tay sai đã làm cho Đại tá Đôn phải lưu ý. Vốn đã nắm vững hồ sơ lại thấy thái độ khẳng khái của tôi, từ đó tướng Đôn tỏ ra quý mến tôi hơn và coi tôi như một “chính trị gia”, một “chiến sĩ cách mạng” hơn là một quân nhân. Khi làm Tư lệnh Quân đoàn I, mỗi lần từ Huế về, ông thường ghé lại Nha An Ninh Quân Đội đàm đạo với tôi về tình hình đất nước.

Khác với tướng Dương Văn Minh luôn luôn nghiêm nghị, kín đáo và trầm lặng, tướng Trần Văn Đôn bình dị, cởi mở và hào hiệp hơn. Tướng Đôn vui vẻ và dễ dàng thông cảm nên được binh sĩ quý mến trong tình huynh đệ chi binh.

Trong hàng tướng lãnh Việt Nam ít người giao thiệp rộng rãi hơn tướng Đôn. Ông quen biết rất nhiều tướng lãnh cao cấp, chính khách quốc tế và hầu hết các đại sứ ngoại quốc có mặt tại Sài Gòn. Sau này, khi thành lập Lực Lượng Dân Tộc Việt, chúng tôi thường mời các nhân vật tên tuổi như giáo sư Trần Ngọc Ninh, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, học giả Đức Quỳnh, Thượng tọa Trí Quang, Linh mục Hoàng Quỳnh, và tướng Trần Văn Đôn đến thuyết trình về tình hình quốc tế, quốc nội. Và Thượng nghị sĩ Trần Văn Đôn đã làm cho cấp lãnh đạo Lực Lượng phải ngạc nhiên và khâm phục về kiến thức chính trị cũng như khả năng diễn đạt bằng tiếng Việt của ông ta.

Đến nay, dù có người chỉ trích tướng Đôn trong thời 63–75 đã có nhiều tham vọng chính trị nhưng tôi vẫn cho rằng tham vọng chính trị đó của ông chỉ nhằm mục đích bảo vệ miền Nam để chống Cộng chứ không phải cho riêng cá nhân ông mà thôi. Điều mà tôi phê phán về con người lãnh đạo Trần Văn Đôn là cái bệnh đa tình của ông. Đã có lần, sau một buổi họp của Hội đồng Tướng lãnh, nhân thấy tướng Đôn quá sốt sắng trong việc đưa mấy đứa con bà Nhu đi Pháp sau khi cách mạng thành công, tôi bèn đùa ông ta đã quá lưu luyến với mối tình già, tướng Đôn đã không ngần ngại trả lời: “Tại sao anh không trách đàn bà hay “*provoquer*” (khiêu khích) tôi mà lại trách tôi vốn chỉ là nạn nhân của đàn bà?”

Sau khi gặp tướng Đôn lần thứ ba mà mục đích là thảo luận việc đối xử với ông Diệm khi Cách mạng thành công, tôi bèn qua văn phòng của tướng Khiêm và được Khiêm xác nhận về quyết tâm lật đổ chế độ Diệm của Phạm Ngọc Thảo. Tôi và Khiêm vốn cùng ở trong Liên Đoàn Lưu Động số 3 do Trung tá Phạm Văn Đồng chỉ huy hành

quân ở Nam Định–Thái Bình năm 1953, rồi lại cùng tận lực giúp ông Diệm trong cuộc binh biến của Nhảy Dù năm 1960. Từ ngày Khiêm về giữ chức Tham mưu trưởng, tôi lại thường tiếp xúc nhiều hơn để trình bày về tinh thần binh sĩ nên chúng tôi có với nhau nhiều mối thiện cảm. Trong kế hoạch tổ chức lật đổ chế độ, Khiêm được coi như ở trong hàng ngũ lãnh đạo đầu não bên cạnh tướng Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn. Tuy Khiêm được anh em ông Diệm tín nhiệm, nhưng vì chính sách cai trị thất nhân tâm và cách lãnh đạo độc đoán, bất tài của nhà Ngô đã làm cho Cộng Sản mỗi ngày một phát triển nên Khiêm tỏ ra công phần. Khiêm quê ở Long An, thấy tình nhà ở cạnh Thủ đô Sài Gòn mà Cộng Sản đã chiếm hết nông thôn, và trong khi Khiêm không về thăm được họ hàng, mồ mả cha ông thì bà Nhu lại đắc cử gian dối ở Long An với số phiếu 98%, điều đó lại càng làm cho Khiêm chán nản, khinh bỉ chế độ. Cho nên ngoài những lý do chung mà mọi người đều đồng ý lật đổ chế độ Diệm, Khiêm còn có những công phần riêng tư nữa. Gặp Khiêm, tôi hỏi về thái độ của Thiệu, một bạn thân của Khiêm, thì được cho biết: “Thiệu cũng cùng một lập trường với chúng ta nhưng anh nên tác động thêm tinh thần cho Thiệu quyết tâm hơn”.

Trở về Nha, tôi liền gọi điện thoại mời Thiệu, đang là Tư lệnh Sư đoàn 5 ở Biên Hòa, vờ bảo lên gặp tôi gấp vì có thư nặc danh tố cáo Thiệu tham nhũng. Độ vài tiếng đồng hồ sau, Thiệu đã có mặt tại văn phòng tôi. Vừa bắt tay Thiệu tôi vừa nghiêm giọng: “Tôi mời anh lên đây để bắt giam vì anh đang âm mưu tổ chức đảo chánh”. Thiệu tuy hơi biến sắc nhưng cũng giả vờ tìm cách chối nên tôi vội trấn tĩnh Thiệu ngay. Là người quyền biến và có ý thức chính trị nên Thiệu hỏi tôi: “Anh nghĩ gì về thể chế tương lai sau khi hạ được chế độ Diệm?” Tôi bèn trả lời: “Tất nhiên là thể chế dân chủ, tạo điều kiện và sinh hoạt thuận tiện cho công cuộc đại đoàn kết quốc gia, trong đó các đảng phái và các lực lượng quần chúng phải đóng một vai trò quan trọng và căn bản để gây lại hòa khí dân tộc, phục hồi sinh lực quốc gia để chống Cộng Sản”. Tuy nhiên, tôi nói tiếp: “Chưa bắt được cọp hãy khoan nói đến chuyện lột da, chúng ta hãy bàn chuyện tổ chức và hành động để loại trừ lực lượng chính trị và quân sự của Nhu trước đã”.

Thiệu và tôi quen nhau từ cuối năm 1952 khi hai chúng tôi cùng học lớp Tiểu đoàn trưởng và lớp Liên đoàn Lưu động ở Hà Nội. Từ đó, trên bước đường binh nghiệp, hai chúng tôi như có duyên nợ với nhau. Về làm việc chung ở khu chiến Hưng Yên, hai người kính trọng

nhau vì đều có chút kiến thức chính trị. Hồi đó, tôi còn đặc biệt trọng Thiệu vì hai ông bà cụ thân sinh của Thiệu thuộc hàng tiền bối đạo đức, luôn luôn duy trì gia đình trong truyền thống nền Tam giáo. Thiệu trầm tĩnh khôn ngoan, lại có khả năng về tham mưu, đã từng được Đại tướng Pháp De Linares, Tư lệnh chiến trường Bắc Việt phê điểm rất tốt. *“Thông minh sắc bén, siêng năng, có phương pháp và tỉ mỉ. Sĩ quan hảo hạng. Có ý thức tuyệt hảo về tổ chức và bảo mật”*. (Intelligence aigue, travailleur, méthodique et minutieux. Très bon officier. Possède un sens remarquable de l’Organisation et du Secret)<sup>2</sup>. Tướng De Linares quả thật đã biết rõ con người của Thiệu, nhưng ông không biết Thiệu mang rất nhiều tham vọng chính trị ngay từ thời Thiệu còn thanh niên, thời Thiệu còn học ở trường Pellerin Huế và trường Lyceé Yersin Đà Lạt.

Dưới chế độ Diệm, đường binh nghiệp của Thiệu rộng mở thênh thang mà một trong những lý do là nhờ Thiệu dứt khoát bỏ đạo Phật để theo Thiên Chúa giáo bên vợ. Đang làm Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh hành quân cho tướng Dương Văn Minh, nhờ các linh mục nâng đỡ bảo bọc, Thiệu được ông Diệm cử giữ chức Chỉ huy trưởng trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Ngày ông Diệm có ý định cử Thiệu giữ chức Tư lệnh Sư đoàn 5, ông bảo tôi làm tờ trình về Thiệu. Trong mục ý kiến tôi đã viết rằng: “Thiệu không theo một đảng phái nào mặc dù có người anh ruột theo đảng Đại Việt. Thiệu là một trong số những sĩ quan ưu tú nhất của quân đội”. Dù sao thì Thiên Chúa giáo mới là yếu tố chính để hình ảnh Nguyễn Văn Thiệu được ghi khắc vào con tim ông Diệm để Thiệu được ông tin nhiệm và nâng đỡ.

Đầu năm 1963, sau khi về nắm chức Tư lệnh Sư đoàn 5, Thiệu đã đến văn phòng tôi thăm xã giao. Tôi cho Thiệu biết: *“Số của Thiệu sắp đến thời làm rất lớn vào hàng văn võ song toàn, ít nhất cũng vào hàng Bộ trưởng Quốc phòng”*. Thiệu rất ngạc nhiên không hiểu vì sao tôi biết được số tử vi nghĩa là biết được ngày giờ sinh âm lịch của Thiệu. Tuy nhiên Thiệu vẫn dè dặt xin tôi đừng nói ra sợ *“Ông Cụ biết được ông sẽ chém đầu cả hai đứa mình”*. Thật thế, ít ai có lá số tử vi đại quý cách như Thiệu và đặc biệt là cung Phúc Đức cho Thiệu hưởng được hết âm đức của cha mẹ ông bà. Số của Thiệu có đến bốn chữ “Tý”. Tuổi Giáp Tý (1924), sinh vào giờ Tý (nửa đêm), tháng Tý (tháng 11 Âm Lịch), và cung Mệnh Viên cũng nằm ở Tý. Lại nữa, mệnh của Thiệu lại là mệnh Kim mà lại nằm ở cung Thủy là rất đặc

<sup>2</sup> Tuần báo *Paris Match* (số ngày 11-11-72), tr. 38.

cách. Năm 1965, Thiệu 41 tuổi đi vào cung Thổ, mà Thổ lại sinh Kim, lại gặp Khoa, Quyền, Lộc, Bình, Hình, Tướng, Ấn hội chiếu là thượng cách, vì thế Thiệu giữ chức Chủ tịch Ủy ban Lãnh Đạo Quốc Gia rồi lên chức Tổng thống. Hết đại hạn ở cung Thổ (năm 1975), Thiệu 51 tuổi đi vào cung Hỏa, mà Hỏa thì đốt cháy Kim nên Thiệu mất chức Tổng thống. Tuy nhiên vì cung Phúc Đức là gốc của lá số cho nên tuy hết làm Tổng thống mà Thiệu vẫn thụ hưởng giàu sang an nhàn cho đến năm 1985, nghĩa là vào hạn Chính Hỏa ở cung Ngọ, Thiệu sẽ gặp nhiều tai họa và sẽ bị “thiên đột” trong đại hạn này (từ 1985 đến 1995). Có một điều tôi vô ý là dù quen biết Thiệu đã lâu ngày nhưng mãi cho đến khi nhìn Thiệu qua màn ảnh truyền hình tôi mới thấy được cặp mắt của Thiệu “láo liên”, biểu hiện sự gian trá và làm cho Thiệu trở thành tay gian hùng, tham nhũng. (Cái ản tướng có cặp mắt láo liên của Thiệu cũng giống như cái ản tướng không dám nhìn thẳng vào mặt người đối thoại của ông Diệm đều là tướng người bất chánh, cũng như cặp mắt rất sắc của ông Hồ Chí Minh nhìn xoáy vào tâm trí kẻ đối thoại là tướng của kẻ gian hùng nhưng lại là tướng vô cùng thông minh, tinh tế. Mặc dù ông Hồ Chí Minh có cặp mắt gian hùng nhưng ông ta có nhiều quý tướng khác như lưỡng quyền cao, giọng nói khúc chiết kẻ cả mà Diệm và Thiệu không có).

Sau Nguyễn Văn Thiệu, tôi cho mời Trung tá Nguyễn Cao Kỳ, đang là Chỉ huy trưởng Liên Đoàn Vận Tải đến gặp tôi. Kỳ quen với tôi từ ngày tôi về Nha ANQĐ, liên hệ của chúng tôi thăm thiết như anh em. Chúng tôi thân với nhau đến độ mỗi lần Kỳ đến nhà tôi là tự động vào thẳng tủ lạnh lấy đồ ra ăn. Biết Kỳ thích, nhà tôi thường biếu Kỳ ruốc mắm, nem chả, dưa kiệu, củ hành, và mỗi lần Kỳ lái máy bay cho tôi về Nha Trang, tôi thường kín đáo trao cho Kỳ 5, 7 trăm để tiêu pha. Hàng năm, cứ đến mùng Một Tết, Kỳ thường dẫn vợ con đến nhà tôi mừng tuổi và lạy bàn thờ gia tiên vì Kỳ thường nói rõ là Kỳ quý mến tôi như người anh trưởng của gia đình Kỳ. Khi bà cụ thân mẫu Kỳ tạ thế, Kỳ lại đến gặp tôi nhờ giúp đỡ: “Buổi sinh tiền, mẹ tôi ngỏ ý muốn khi mất sẽ được chôn cất ở nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi mà tôi thì quá túng thiếu không làm sao báo hiếu được, vậy nhờ Đại tá giúp đỡ đàn em”. Cảm cái cảnh Kỳ hiếu thảo mà lại nghèo túng, tôi giúp Kỳ chôn cất mẹ theo ý nguyện và mua biếu tặng bà cụ đám đất trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi với giá ba mươi ngàn đồng.

Kỳ là người có nhiều nghệ sĩ tính, có phong thái một lãng tử hào hoa nên được binh sĩ Không quân mến chuộng. Năm 1960, Kỳ đã theo nhóm sĩ quan lãnh đạo cuộc đảo chánh Nhảy Dù nhưng được tôi

dung thứ không bắt vì tôi biết Kỳ làm vì yêu nước, và vì Kỳ là một sĩ quan được binh sĩ kính mến. Kỳ đã từng lái máy bay ra Bắc Việt thả đồ tiếp tế cho biệt kích miền Nam hoạt động trong vùng địch. Năm 1962–63, một số thuộc viên của Kỳ lợi dụng công tác chuyển vận các sĩ quan Bảo An đi học du kích chiến ở Mã Lai để buôn lậu hàng hóa rẻ tiền từ Singapore về nên bị Quan thuế bắt, tôi đã phải thiết tha can thiệp với Bộ trưởng Tài Chánh Nguyễn Lương (hiện ở Pháp) và Tổng thống Diệm tha thứ cho Kỳ và các sĩ quan phi công trong Liên đoàn Không vận.

Khi đến gặp tôi với bộ đồ bay màu đen, cây súng lưng lẳng bên hông. Kỳ chào tôi theo đúng quân cách và nói ngay: “Đàn anh có gì dạy dỗ đàn em?”, tôi bèn đùa: “Gọi Kỳ đến để bắt giam”. Kỳ trợn to đôi mắt một mí nhìn tôi rồi vừa cười vừa nói: “Đại ca đừng đùa đàn em tội nghiệp”. Nhưng tôi vội lấy thái độ nghiêm chỉnh rồi bảo Kỳ: “Kỳ có nhớ ngày 11–11–60 đã làm gì không, hôm nay tôi gọi Kỳ xuống đây để cho biết tôi sẽ tổ chức lật đổ ông Diệm và rù Kỳ theo tôi”. Kỳ đứng bật dậy đưa tay chào mạnh mẽ: “Đàn em sẵn sàng tuân theo lệnh đại ca”.

Biết bản tính của Kỳ không phản trắc nhưng tôi vẫn phải đốt lửa nhiệt huyết thêm cho Kỳ vì Không quân là yếu tố quyết định thành bại của cuộc binh biến để làm nền tảng cho cuộc chính biến, cho nên tôi bèn kéo Kỳ đến nhà thầy tử vi Minh Lộc ở đường Trần Quý Cáp mà tôi đã sắp đặt từ trước. Sau khi gieo quẻ bấm tay, ông Minh Lộc nói rằng số Canh Ngọ này làm nghề đi mây về gió, tuy nhiên đến Thu Đông năm nay phải làm gì có tính cách bạo động rồi trở thành vương tướng, phú quý song toàn. Tôi hỏi: “Số này có phản bội tuổi tôi không?” thì Minh Lộc khẳng định: “Không, bởi nếu phản bội thì sẽ bị chết bất đắc kỳ tử”. Tôi thường cho thầy tử vi một trăm đồng bạc rồi ra về. Trước khi chia tay, Kỳ thề suốt đời giữ trọn lòng trung nghĩa đối với tôi. Sau này Kỳ phản tôi, cùng với nhóm tướng trẻ cô lập tôi tại Kontum, tại Nha Trang nhưng Kỳ đã không chết bất đắc kỳ tử, và lại trong thâm tâm tôi cũng thật lòng không muốn ai phải chết bất đắc kỳ tử, nhất là một người như Kỳ.

Động viên được một chiến sĩ dũng cảm như Nguyễn Cao Kỳ xong tôi cảm thấy an tâm hơn. Sau đó, tôi cho mời Trung tá Vĩnh Lộc (hiện ở Hoa Kỳ) đang là chỉ huy trưởng một trung tâm huấn luyện ở gần Vũng Tàu. Lộc là một sĩ quan thâm niên có trình độ văn hóa cao, là một phần tử ưu tú của quân đội đã từng chỉ huy đơn vị thiết giáp, nhưng vì Lộc là người thuộc Hoàng phái, từng phục vụ trong văn

phòng Quốc trưởng Bảo Đại và thường tỏ ra khinh bỉ nhóm Cần Lao Công Giáo nên bị đề áp đến nỗi suốt 10 năm quân vụ mà Lộc chỉ lên được có một cấp. Có lẽ Lộc định ninh rằng tôi mời Lộc lên để cảnh cáo hoặc bắt giam, nên khi mới gặp tôi, Lộc tỏ vẻ ngại ngùng lắm, cho đến khi tôi trấn tĩnh Lộc bằng cách giải thích tình hình đen tối của nước nhà, giải bày tâm sự đau thương của mình rồi tôi rủ Lộc tham gia tổ chức, Lộc mới yên tâm. Tất nhiên bề ngoài Lộc phải giữ thái độ dè dặt nhưng tôi cũng đã thấy được nỗi lòng và quyết tâm của Lộc khi nghe nói đến lật đổ chế độ Diệm. Để kết luận, tôi chỉ: “Yêu cầu Trung tá khi nghe tiếng súng nổ ở Đô Thành, kéo ngay đơn vị Thiết giáp (gần trung tâm huấn luyện của Lộc) về Sài Gòn để yểm trợ cho Bộ binh”. Lộc dạ rồi ra về.

Tuy đã kết nạp được một số sĩ quan đồng chí hướng, xây dựng thêm được một số đơn vị mà khi hữu sự có thể đương đầu được với lực lượng võ trang của Ngô Đình Nhu nhưng lòng tôi vẫn chưa yên. Tôi phải nắm cho được Tướng Tôn Thất Đính, Tư lệnh Quân Đoàn 3 và Tổng trấn Sài Gòn, vì nhân vật này ở vào vị trí có thể xoay chuyển dễ dàng tình hình lúc đó.

Như đã nói trong một chương trước, tôi gặp Đính lần đầu vào cuối năm 1945 tại Đà Lạt, sau khi Việt Minh cướp chính quyền. Lúc bấy giờ tôi chỉ huy một trong hai tiểu đoàn Giải phóng quân của miền Nam Cao nguyên trong lúc Đính chỉ huy một trung đội. Tuy chúng tôi không phải là cán bộ nòng cốt của Việt Minh nhưng tôi thì nhờ hồ sơ cá nhân có ghi chút công “cách mạng” chống Pháp, và nhờ là cựu thủ lĩnh Thanh Niên Tiền Phong của Phong Trào Thanh Niên Phan Anh nên được Việt Minh trọng dụng, còn Đính là một học sinh yêu nước và dám gác bút nghiên “theo việc kiếm cung” trước cao trào kháng Pháp, nên cả hai chúng tôi đều được Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Đà Lạt chỉ định đảm nhiệm những trách vụ quân sự then chốt. Chúng tôi cùng chiến đấu chống lại liên quân Anh–Pháp–Nhật tại mặt trận chạy dài từ Đà Lạt đến Đơn Dương (Dran). Nhưng vì hỏa lực của địch quá mạnh nên mặt trận tan vỡ và chúng tôi mỗi người một ngã, tôi thì về vùng núi rừng Ninh Thuận lập chiến khu gần một năm rồi bỏ Mặt Trận Việt Minh về quê nhà, trong lúc Đính trở lại Đà Lạt xin làm thư ký cho sở cảnh sát Pháp để tránh bị bắt bớ giam cầm.

Mùa hè năm 1949, khi tôi đang làm Trưởng phòng Ba cho Bộ Tham mưu Việt Binh Đoàn tại Huế, vào một buổi chiều nọ, tôi đang ngồi trầm ngâm một mình trên bờ sông Hương sau lưng đài Chiến Sĩ Trận Vong thì bỗng thấy Đính đi tới mà không tưởng tượng rằng sau

gần ba năm trời xa cách, giữa một đất nước khói lửa phân cách mà chúng tôi lại có ngày tái ngộ. Trong giây phút xúc động đó và nhìn Đính áo quần xác xơ, tôi dốc túi được 80 đồng bạc đưa hết cả cho Đính, và được biết Đính chỉ về thăm lại nơi chôn nhau cắt rốn vài tuần lễ rồi sẽ trở lên Đà Lạt để tiếp tục học hành với anh của Đính là một chuyên viên đang làm việc tại viện Pasteur. Tôi suy nghĩ kỹ rồi đề nghị Đính gia nhập Việt Bình Đoàn để chiến đấu chống Cộng Sản, Đính nhận lời. Tôi giới thiệu Đính với Thiếu tá Lễ và tạm thời Đính được mang cấp bậc Trung sĩ làm thư ký ở phòng Bí thư dưới quyền Thiếu úy Tạ Xuân Thuận (hiện ở Mỹ). Cuối năm, nhân có khóa Võ Bị mở tại Huế mà học trình chỉ có 6 tháng để đào tạo cấp tốc một số sĩ quan tương lai cho quân lực quốc gia, tôi bèn đề nghị với Thiếu tá Lễ cho Đính đi học. Cũng trong năm đó, Đính tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu úy, rồi được chọn đi học trường quân sự Saumur tại Pháp. Về nước, Đính được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 12 chịu trách nhiệm hành quân tại vùng Lệ Thủy, Quảng Ninh, quê hương ông Diệm, mà lúc bấy giờ tôi đang là Chỉ huy trưởng quân sự nơi tỉnh này. Đính là người can trường, say mê chiến trận, lập được nhiều chiến công nên được tướng Nguyễn Văn Hinh thương mến và được thăng cấp mau lẹ. Năm 1954, Đính đã mang cấp Trung tá và chỉ huy một liên đoàn lưu động tác chiến tại Bắc Việt. Thời bấy giờ, những sĩ quan được chỉ huy những liên đoàn lưu động tại các mặt trận miền Bắc và miền Trung phải là những sĩ quan tuy xuất thân từ hàng ngũ binh sĩ nhưng có nhiều kinh nghiệm chiến trường như Phạm Văn Đồng, Lê Văn Nghiêm, hoặc những sĩ quan trẻ ưu tú xuất thân từ trường Võ Bị như Nguyễn Khánh, Nguyễn Hữu Cồ, Tôn Thất Đính.

Dù Tôn Thất Đính được tướng Nguyễn Văn Hinh nâng đỡ và tín nhiệm nhưng khi gặp Đính tại Hải Phòng vào đầu tháng 8 năm 1954, tôi vẫn thuyết phục Đính bỏ ông Hinh để về với ông Diệm. Đính nghe lời tôi và sau này gia nhập đảng Cần Lao trở thành một công thần cốt cán của ông Diệm. Nhiều người cho rằng Đính mang đầu óc cơ hội chủ nghĩa, nhưng tôi biết rõ tâm hồn của Đính, biết Đính nhiều khi “giả đại qua ải”, biết Đính bề ngoài tỏ vẻ đồng ý nhưng thâm tâm vẫn công phần nhóm Công giáo Cần Lao. Thời kỳ làm Tư lệnh Quân đoàn 2 kiêm Quân khu 2, khi gặp nhiều khó khăn vì vấn đề dinh điền, vấn đề người Thượng, Đính thường than thở với các vị tướng lãnh và với tôi về sự lộng hành của các vị linh mục và nhóm Cần Lao Công Giáo. Đính thường thúc giục tôi phải trình bày sự thật cho “ông Cụ” rõ việc các linh mục làm mất lòng dân, làm cho

dân Thượng theo Mặt Trận FULRO và làm cho dân dinh điền gốc miền Trung bắt mất trốn về quê cũ hết. Đính là người thuộc dòng Tôn Thất, một dòng họ có công to lớn trong việc dựng chùa, đúc chuông, tô bồi đạo Phật từ đời chúa Nguyễn Hoàng, bà cụ thân sinh Đính lại là một Phật tử thuần thành, và mặc dù con làm Tướng mà mẹ vẫn sống cảnh bần hàn cô quạnh, muối dưa đạm bạc để sớm hôm vui với tiếng mõ lời kinh. Cho nên khi ông Diệm đàn áp Phật giáo, Đính rất buồn phiền nhưng chỉ vì thương ông Diệm nên Đính đã không dám bày tỏ thái độ bất mãn của mình. Cho đến khi anh em ông Diệm tấn công chùa chiền, vu khống Phật giáo là Cộng Sản, toàn dân nổi giận, thì tuy bề ngoài Đính vẫn giả vờ trung thành nhưng lòng riêng đã mang nhiều oán hận.

Sau khi hiểu rõ lòng dạ của Đính và biết Đính đã được tướng Đôn kết nạp, tôi vẫn muốn đốt lửa can trường thêm để Đính giữ vững quyết tâm trong việc lật đổ nhà Ngô.

Tôi đến nhà Đính vào khoảng gần nửa đêm khi Đính còn nằm đọc sách trên giường. Với người có vẻ võ biền như Đính tôi phải có thái độ quyết liệt, nên tôi đã bắt chước Vương Tư Đồ trong truyện Tam Quốc lập mưu khích tướng Lã Bố diệt trừ gian thần董卓 ngày xưa. Cho nên sau khi chào hỏi xong, tôi sụp xuống lạy Đính hai lạy, Đính hốt hoảng đỡ tôi dậy rồi hỏi: “Anh làm gì kỳ cục vậy anh Mậu?”. Lúc bấy giờ, tôi mới trình bày thế nước lòng dân cho Đính nghe, tôi cũng phân giải mối tâm tư của mình và khuyến khích Đính bỏ tà theo chánh, bỏ một chế độ đang âm mưu bắt tay với Cộng Sản phản bội quân dân mà đứng về phía dân tộc. Tôi khuyên Đính hãy vùng lên làm cách mạng để rửa nhục cho quân đội và bảo vệ tổ quốc. Trong các yếu tố thúc đẩy Đính lật đổ chế độ Diệm, có lẽ yếu tố phản bội xương máu quân đội của anh em ông Diệm đã làm cho Đính quyết liệt nhất. (Vì thế mà tối mùng 1-11-63, khi ông Diệm gọi Đính để cầu cứu, Đính đã từ chối: “Tôi đã hết lòng phục vụ cho Cụ, đã cứu Cụ nhiều lần, mà Cụ lại phản bội quốc gia, phản bội xương máu quân đội, bây giờ thì hết rồi”).

Tôi nói với Đính rằng chế độ tàn bạo của ông Diệm đã bị toàn quân toàn dân căm thù oán ghét thì mình nở lòng nào vì chiếc gương vàng, ngôi sao bạc mà làm tay sai cho kẻ thù của nhân dân để sử sách và hậu thế kết tội. Quen Đính hơn mười mấy năm trời tôi chưa lần nào thấy Đính rơi lệ, thế mà hôm nay Đính đã khóc. Đính ôm chặt lấy tôi, hứa với tôi sẽ cương quyết đập tan chế độ Diệm. Tôi yên tâm ra về và từ đấy đã nhìn thấy được ánh sáng chiến thắng ở cuối đường

hầm trong cuộc đấu trí với Ngô Đình Nhu.

-oOo-

Công cuộc tổ chức chính biến đang trên đà thuận lợi và chỉ còn đợi tướng lãnh định ngày giờ nổ súng phát cờ thì không ngờ một hôm, Bộ trưởng Lao động Huỳnh Hữu Nghĩa (hiện ở Pháp) cho biết mưu định của tôi bị bại lộ. Nghĩa kể lại cho tôi nghe cuộc đối thoại giữa ông ta và Ngô Đình Nhu tại dinh Gia Long:

- Nhu: “Mậu chơi thân với toa, Mậu có nói gì đến chuyện đảo chánh không?”

- Nghĩa: “Không, Tôi chỉ nghe Mậu thường nói chuyện Tam Quốc, chuyện Đông Chu... và tỏ vẻ lo lắng cho ông Cụ mà thôi”.

- Nhu: “Mậu lừa toa đó. Mậu đang cùng một số sĩ quan âm mưu đảo chánh”.

- Nghĩa: “Nếu anh đã biết rõ thì có khó khăn gì mà không chặn đứng cuộc đảo chánh ngay từ trong trứng nước. Anh hãy gọi Mậu vào hứa cho thăng thưởng và bảo tố cáo các tướng lãnh rồi bắt hết là êm ngay”.

- Nhu: “Không. Moa đã có kế hoạch rồi, để moa bắt cả lũ một lượt, moa đập cho tan hết luôn”. (Nhu ám chỉ kế hoạch Bravo của Nhu mà Nghĩa không được biết).

Ra khỏi văn phòng của Nhu, Nghĩa vội bí mật thông báo cho tôi biết ngay rồi khuyên tôi đi trốn. Tôi ngó lơi cảm tạ tấm lòng hào hiệp người bạn tri kỷ, nhưng tôi khuyên Nghĩa cứ yên tâm vì tôi không có việc gì phải trốn tránh.

Cùng lúc với việc Ngô Đình Nhu cho Huỳnh Hữu Nghĩa biết việc tôi đang mưu định đảo chánh thì tôi cũng biết được Ngô Đình Cẩn cho một Đại úy, hình như là Đại úy Minh (hiện ở Mỹ), mang thư từ Huế vào thông báo cho ông Diệm biết tôi đang chuẩn bị đảo chánh, và khuyên cáo ông Diệm đối phó với tôi như Huỳnh Hữu Nghĩa đã khuyên Ngô Đình Nhu. Bức thư của Cẩn, sau ngày Cách mạng, cháu tôi là Nguyễn Bá Liên đã tịch thu được trong một phong bì lớn trên bàn giấy của Ngô Đình Nhu, cùng với lá thư sáu trang giấy của cụ Trần Văn Chương (gửi từ Hoa Thịnh Đốn) lên án những lỗi lầm của hai ông Diệm–Nhu trong việc lãnh đạo quốc gia.

Lúc bấy giờ là vào đầu tháng Mười, và mặc dù âm mưu đã bị bại lộ, nhưng vì quyết tâm làm cách mạng và vì tin tưởng vào số mệnh và âm đức của cha ông mình, tôi vẫn vững tâm không một chút nao núng, vẫn đi làm việc, vẫn đi dạo phố, và chuẩn bị một số biện

pháp phòng ngừa bắt trộm.

Trước hết tôi cho lệnh những cận vệ chìm nổi của tôi phải nổ súng ngay vào bất kỳ ai muốn ám hại tôi. Tôi lại cho đục một khoảng trống trong bức tường ngay sau lưng nhà để nếu có biến tôi có thể thoát thân đến ẩn lánh nhà một người bạn thân là Trung tá Bùi Quý Cảo thuộc cơ quan Hành Ngân Kế của Bộ Quốc phòng. Ông Cảo có bà thân mẫu là một Phật tử hết sức mộ đạo, nhà ở đường Lê Thánh Tôn đầu lưng với nhà tôi trong cư xá Hải quân. Tôi dự định từ nhà Bùi Quý Cảo sẽ đến trú ẩn tại nhà một người bạn thân mà cũng là một đồng chí là ông Thái Văn Châu (cựu phó chủ tịch Phòng Thương Mãi Sài Gòn, hiện ở Pháp). Ông Châu cũng là một Phật tử thuần thành, từng bị Ngô Đình Cẩn khủng bố nên phải bỏ Huế vào Sài Gòn để sinh sống. Ngôi nhà lầu năm tầng của ông Châu ở đường Lê Thánh Tôn gần chợ Bến Thành nào nhiệt quả thật là nơi trú ẩn lý tưởng cho tôi khi hữu sự. Tôi đã cho con đến thông báo với ông bà Châu ngay sau khi được ông Nghĩa báo cho biết tin Ngô Đình Nhu phát hiện dự tính của tôi.

Cuối cùng tôi ra lệnh cho Nguyễn Bá Liên là nếu tôi bị bắt thì phải kéo quân đi Tây Ninh lập chiến khu ngay, đồng thời nhóm con cháu và cộng sự viên của tôi ở Sài Gòn cũng như ở Nha Trang phải phát động những cuộc biểu tình bạo động để buộc Nhu phải thương thuyết với Nguyễn Bá Liên.

Tôi rất tin tưởng vào quyết tâm của những người bạn tôi như Đại tá Đặng Văn Sơn, Thiếu tá Trần Văn Hai, Trung tá Đỗ Khắc Mai, và các em, cháu tôi như Đỗ Như Luận, Phạm Văn Lương, Trần Hữu Kinh, Chu Văn Trung, và đặc biệt là Nguyễn Bá Liên với những đồng chí can trường, nhiệt huyết của Liên như Nguyễn Phúc Quế, Trần Văn Nhật, Lê Hằng Minh, Hồ Tiêu...

Nguyễn Bá Liên gọi nhà tôi là cô ruột. Liên mất mẹ khi mới chào đời được 15 ngày, lúc bấy giờ thân phụ của Liên còn tòng sự tại tòa Công sứ Phan Rang nên vợ tôi thay anh mà đem Liên về quê nội nuôi dưỡng. Mấy năm sau, khi Liên đã cứng cáp và anh vợ tôi tái lập gia đình, Liên mới trở về với cha. Liên thuộc dòng dõi khí phách, tiết tháo: Cổ nội đồ cử nhân không chịu ra làm quan, Nội tổ cũng đồ cử nhân ra làm quan vài năm rồi bất mãn với chính sách Bảo Hộ nên từ quan về làng sống cuộc đời thôn dã.

Nội tổ của Nguyễn Bá Liên cùng với các cụ Cử Trần Mạnh Đàn (nội tổ của anh Trần Hà Việt trong nhóm Dân Quyền Montréal) cụ Cử Lưu Trọng Kiến (thân phụ các thi sĩ Lưu Trọng Lư, Lưu Kỳ Linh) là

những bậc khoa giáp vùng núi Hoành sông Linh lại có liên hệ thông gia bà con với nhau, từng nêu cao tinh thần kẻ sĩ thời Tây Nho lẫn lộn sau khi phong trào Cần Vương nơi quê nhà tan rã.

Thân phụ của Liên vừa là bạn tri kỷ vừa là đồng chí của ông Tráng Liệt nên đã ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trước cả ông Ngô Đình Diệm trong phong trào thân Nhật thời 1940–1941, đã cùng với ông Tráng Liệt đến gặp ông Diệm trao thư của Kỳ Ngoại Hầu từ Nhật Bản gọi về ủy cho ông Diệm lãnh đạo phong trào. Cũng vì chút kỷ niệm xưa đó mà khi Liên hành quân ở Cà Mau, nhân một cuộc kinh lý, ông Diệm hỏi thăm về thân phụ của Liên như hồi ký Đỗ Thọ có nói đến. Và cũng vì chút kỷ niệm xa xưa đó mà Liên vượt mọi khó khăn để kéo quân từ Kiến Hòa về cứu ông Diệm trong biến cố Nhảy Dù cuối năm 1960, mặc dù Tỉnh trưởng Kiến Hòa là Thiếu tá Lê Như Hùng (hiện ở Mỹ) đã tìm mọi cách để cản trở. (Có phải thế không Thiếu tướng Nhật?)

Năm 1953, gia đình Liên đang chung sống với gia đình tôi tại Huế. Liên theo học trường dòng Pellerin và vừa mới đỗ xong tú tài thì được lệnh động viên học lớp sĩ quan trừ bị khóa 13 (cùng với Lê Quang Tung) tại trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Nhưng không như Lê Quang Tung tốt nghiệp xong xin ẩn thân trong các đơn vị hành chánh tại Huế, Liên xin gia nhập vào đơn vị tác chiến ngay với hoài bão trả thù cho cha đã bị Việt Minh chặt đầu tại quê nhà năm 1947.

Năm 1956, sau khi đi học quân sự ở Mỹ (Fort Benning) về, Liên lại xin vào binh chủng Thủy Quân Lục Chiến và nhờ phục vụ ở lực lượng thiện chiến này mà Liên đã có dịp đi hành quân khắp miền Nam để mở rộng kiến thức về nhân văn, địa lý của đất nước quê hương.

Biết Liên can trường và khí phách cho nên trong cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Diệm, tướng Đôn và Đinh chỉ định Liên chỉ huy Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến, lập mưu đưa Lữ đoàn đi hành quân ở Bến Cát đợi ngày nổ súng thì sẽ điều động về dưới quyền Đại tá Thiệu, Tư lệnh Sư đoàn 5, để tiến về Sài Gòn làm mũi dùi chủ lực. Sau ngày Cách mạng thành công, Liên được chính thức cử giữ chức Tư lệnh TQLC. Nhưng từ năm 1964, khi mà những xáo trộn chính trị do các cuộc chinh lý dồn dập xảy đến thì các tướng Khánh, Khiêm, Thiệu và một số tướng trẻ vì vừa muốn vô hiệu hóa ảnh hưởng của tôi, lại vì vừa e ngại tinh thần quật cường của Liên, nên đã hạ tâng công tác và chuyển Liên và bạn đồng chí của Liên là Trần Văn Nhật đi Phi Luật Tân giữ chức Tùy viên Quân sự cho Tòa đại sứ Việt

Nam tại Manila. Sau ba năm, Liên trở về nước và được bổ nhiệm làm Tư lệnh Biệt khu 24 (Kontum), nắm chức vụ chỉ huy trực tiếp các đơn vị chiến đấu phụ trách hành quân vùng đầu sóng ngọn gió, vùng chiến trường ở vào thời kỳ vô cùng sôi động. Kontum là vùng địa đầu, là cái chốt sinh tử của đường mòn Hồ Chí Minh cho nên chiến trận luôn luôn ở mức độ khốc liệt đến nỗi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu khi đến thị sát chiến trường đã ra lệnh cho Liên phải dời các trại gia binh về Pleiku. Nhưng Liên khẳng khái trả lời: “Thưa Tổng thống, ngày nào tôi còn chỉ huy ở đây thì Kontum vẫn vững như bàn thạch, xin Tổng thống an tâm, cứ để vợ con binh sĩ được ở gần cha, chồng họ”.

Và để làm gương cho binh sĩ, suốt thời gian Liên làm Tư lệnh Biệt khu 24, vợ con Liên vẫn ở tại Kontum, và những đêm pháo kích vẫn trồn xuống hầm xây bằng bao cát ở cạnh nhà chung với gia đình các thuộc cấp để tránh pháo. Cuối năm 1969, Liên hy sinh tại mặt trận trong khi đang chỉ huy cuộc hành quân truy lùng diệt địch trong dãy Trường Sơn vùng biên giới Việt Miên, để lại một vợ sáu con mà đứa con gái đầu chỉ mới 10 tuổi. Ngày làm lễ tổng táng Liên, trời thủ đô Sài Gòn cũng muốn rơi lệ. Rất nhiều sĩ quan và binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến từng phục vụ dưới quyền Liên tự động đến khóc lạy trước linh cữu Liên. Nhiều nhân vật đảng phái, nhiều chính khách nhân sĩ Sài Gòn kể cả cụ Nguyễn Văn Huyền, chủ tịch Quốc Hội, phái đoàn Phật giáo Ấn Quang, phái đoàn Phật giáo Viện Hóa Đạo do Thượng Tọa Thích Tâm Giác cầm đầu cũng đến nghiêng mình trước di ảnh của Liên. Ngoài các phái đoàn chính phủ, Quốc hội v.v... Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng đến chào tiễn biệt, tôn vinh Liên là một vị anh hùng của quân đội và truy thăng Liên lên hàng Chuẩn tướng. Đại tướng Dương Văn Minh và phu nhân cùng các tướng lãnh hồi hưu trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cũ đều ngậm ngùi khóc Liên, tiễn đưa một đồng chí can trường khí phách. Ông Phạm Bá Khanh (hiện ở San Jose) một vị nhân sĩ Kontum cũng tiếc thương một chiến sĩ quốc gia mà ông tôn vinh là anh hùng quân dân Cao Nguyên. Cụ Lê Văn Thái, cựu Hội trưởng Hội Thánh Tin Lành Việt Nam và các vị mục sư (hiện ở Mỹ) biết rõ thân thế và sự nghiệp, phong cách và tâm nguyện của Nguyễn Bá Liên, đã vô cùng đau đớn khi mất đi một tín đồ đã suốt đời làm sáng danh Chúa và làm vinh dự cho Hội Thánh Tin Lành Việt Nam. Than ôi! *Mỹ nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu*. Lời của Hứa Ban trong “Điều cổ chiến trường vẫn” quả thật là hợp với cảnh ngộ của Nguyễn Bá Liên, người cháu đã làm vinh dự cho gia đình tôi.

Với một người cháu can trường, khí phách và nhiệt huyết như thế, với ý thức mãnh liệt về việc làm của mình mà nguyện vọng của toàn quân toàn dân là xác tín rõ ràng nhất, lại tin vào số phận của anh em ông Diệm đã đến giờ đền tội với quốc gia dân tộc, cho nên dù Ngô Đình Nhu lúc bấy giờ biết tôi soạn sửa đảo chánh, dù Dương Văn Hiếu (hiện ở Mỹ) lúc ấy muốn ám sát tôi, tôi vẫn giữ thái độ bình thản, nhà tôi tại Nha Trang vẫn tiếp tục giúp đỡ tiếp tế cho các chùa. Trong lúc đó thì các tướng Minh, Đôn, Khiêm, Kim lại cho vợ con về ẩn trú tại một câu lạc bộ gần sân golf ở Tân Sơn Nhất để nếu có bất trắc thì sẵn sàng lên phi cơ bay ra nước ngoài, và tướng Lê Văn Nghiêm thì nhờ Đại úy Nguyễn Bé đem vợ con về dấu tại vùng ngoại ô Thủ Đức.

Tính chủ quan thường là một yếu tố đưa đến thất bại, nhất là chủ quan trước một công cuộc có tính cách bạo động. Thế mà trước ngày phát động cuộc cách mạng tôi lại chủ quan. Tôi chủ quan trước hết vì tôi tin tưởng mãnh liệt vào chính nghĩa của việc mình làm, tin vào phúc đức của gia tộc mình, nhưng quan trọng hơn cả là tin vào khả năng nhận định thiên cận và thiếu thực tế của Ngô Đình Nhu, một thứ người chỉ biết lý thuyết mơ hồ mà lại chủ quan, như ký giả George Chaffard đã nói trên kia. Tôi thật sự tin tưởng mãnh liệt rằng trong ván bài định mệnh này, Ngô Đình Nhu không đủ tài trí đương đầu với tôi dù ông ta đã biết âm mưu của tôi.

Ngày 26 tháng 10 là ngày Quốc Khánh, có lễ diễn binh dưới quyền chủ tọa của ông Diệm. Tôi cho nhóm dân sự và sinh viên tuyên truyền rằng ngày đó sẽ là ngày phát động cuộc chính biến (có phải thế không ông Lê Phước Sang?), tạo một tình trạng khẩn trương hù hù thực thực, và làm cho bộ phận chỉ huy an ninh cuộc lễ và các lực lượng mật vụ của Nhu hết sức lo âu đề phòng. Để cho họ thấy cái can đảm và quyết tâm của tôi, tôi đã đến thẳng bộ chỉ huy an ninh rất bí mật của họ tại một căn lầu đối diện với tư dinh ông Đại sứ Pháp ở đường Thống Nhất. Tại đây, tôi thấy có tướng Nguyễn Văn Là, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Đại tá Nguyễn Văn Y, Tổng giám đốc Cảnh sát Quốc gia, và hai phụ tá Nguyễn Văn Hay và Dương Văn Hiếu. Họ nhìn tôi bằng cặp mắt kinh ngạc, còn tôi đã nhìn họ bằng cái nhìn cao ngạo thách thức vì tôi đến đây không có mục đích gì ngoài việc biểu dương cái tinh thần can trường của tôi, rồi tôi đi ra ngay.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963 được các tướng lãnh chọn làm ngày phát động. Tôi dậy sớm uống trà sáng xong thì lên đường đến nhà một thầy tử vi tên Kim ở Phú Nhuận, nơi khách khứa ra vào đông đúc

ít ai nghỉ ngơi trong lúc chờ đợi giờ phát động. Khoảng 1 giờ trưa, tôi vào Bộ Tổng Tham mưu thì được tướng Đôn chỉ định đến một căn phòng riêng cùng với các tướng Chiêu và Kim viết những văn kiện cần thiết như lời hiệu triệu của lực lượng cách mạng, như những hiến ước tương lai, v.v... Trong lúc đó thì tất cả tướng tá, kể cả các tướng tá trung thành với chế độ như tướng Nguyễn Văn Là, Đại tá Cao Văn Viên, Đại tá Lê Quang Tung, đều có mặt tại Câu lạc bộ Sĩ quan, chỉ trừ tướng Tôn Thất Đính phải ở lại Bộ Tư lệnh của ông ta để trực tiếp chỉ huy cuộc hành quân lúc bấy giờ được ngụy trang là một cuộc đảo chánh cho phù hợp với âm mưu Bravo của Nhu. Cuộc hành quân đảo chánh được tiến hành tốt đẹp mà mọi chi tiết đã được tướng Đôn mô tả khá đầy đủ trong hồi ký “*Our Endless War*”, tiêu mục “*Our coup succeeds*”.

Về phần tôi, theo dõi sát tiến triển từng bước một của kế hoạch, tôi mừng thầm nhưng không ngạc nhiên vì các bạn bè đồng chí, con cháu của tôi đã can trường thi hành nghiêm chỉnh những chỉ thị của tôi, và đóng góp tích cực cho sự thành công của cuộc cách mạng mà kết quả quan trọng đầu tiên là chặn đứng được anh em ông Diệm đại đột âm mưu dâng miền Nam cho ông Hồ Chí Minh. Trong tiến trình đảo chánh, Nguyễn Cao Kỳ, Đỗ Khắc Mai nắm ngay quyền Tư lệnh Không quân rồi cho phi cơ phóng pháo bay lượn trên không phận Sài Gòn để uy hiếp các lực lượng phản cách mạng và biểu dương khí thế cách mạng cho quần chúng. Vĩnh Lộc và Nguyễn Văn Toàn kéo quân và Thiết giáp từ Vũng Tàu về yểm trợ cho Bộ Binh. Đỗ Như Luân, Chu Văn Trung, Lê Phước Sang vô hiệu hóa ngay Lực Lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung. Các sĩ quan trẻ ở trung đoàn Thiết giáp cô lập ngay Thiếu tá Thẩm Nghĩa Bôi rồi biệt phái một số thiết giáp về bảo vệ cho Bộ Tổng tham mưu. Hai sinh viên quân y Phạm Văn Lương và Nguyễn Văn Cơ cướp quyền chỉ huy tại trường Quân Y, phân phát vũ khí cho một nhóm sinh viên đồng chí nòng cốt.

Phạm Ngọc Thảo và bác sĩ Nguyễn Phúc Quế sau hai lần tấn công mới chiếm được đài phát thanh Sài Gòn. Đến 4 giờ chiều, Quế gọi điện thoại cho tôi để xin chỉ thị, tôi ra lệnh cho Quế phải đọc lời hiệu triệu đầu tiên của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, đại ý gồm có lời tuyên bố lý do quân đội phải đứng lên lật đổ chế độ, lời kêu gọi ông Diệm đầu hàng, và lời hứa sẵn sàng để cho ông Diệm xuất ngoại, và cuối cùng là lời hiệu triệu quốc dân đồng bào đoàn kết làm hậu thuẫn cho cuộc cách mạng do quân đội khởi xướng. Một điều làm tôi rất phấn khởi là chiều hôm đó, Đại tá Lâm Văn Phát đã cấp tốc từ

Vũng Tàu về tham gia cách mạng, cầm quân đánh vào thành Cộng Hòa và triệt tiêu những ổ kháng cự của các toán quân thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ còn trung thành với chế độ cũ. Tôi mừng vì Đại tá Phát là một sĩ quan Thiên Chúa giáo đã từng được anh em ông Diệm hết sức thương mến tín nhiệm, từng được giao cho những chức vụ quan trọng như Sư đoàn trưởng, như Tổng giám đốc Bảo An, nhưng Phát là người cương trực, cho nên ông ta đã không vì lợi danh chịu làm tay sai cho một chế độ mà Phát đã từng lên án. Việc Đại tá Phát tham gia đảo chánh càng nói lên cái chính nghĩa rục rờ của quân đội trong việc lật đổ chế độ.

Vào khoảng nửa đêm, tướng Đinh cho mở cửa nhà tù để giải thoát các nhóm sinh viên tranh đấu. Nhóm sinh viên này gồm các anh Đinh Thạch Bích, Trần Phong, Nguyễn Sĩ Tế, Nguyễn Tường Bá, Vũ Văn Lê, Trần Huy Bích, Trịnh Đình Thắng, v.v... (hiện ở Hoa Kỳ) và riêng anh Nguyễn Hữu Đồng, (hiện ở Pháp) và một số anh em khác vừa được trả tự do, vội đến Bộ Tổng Tham mưu và được các tướng lãnh đón tiếp. Vừa gặp chúng tôi, họ mừng ra nước mắt, ôm chầm lấy chúng tôi biểu lộ nỗi hân hoan vui mừng. Họ xúc động đứng trước mặt chúng tôi, ngỏ lời cảm ơn quân đội đã đứng lên giải thoát cho họ và cho đồng bào khỏi một chế độ bạo tàn kềm kẹp, rồi giơ cao tay thề quyết tâm làm tròn sứ mạng lịch sử và trung thành với Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Việc tướng Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh Quân khu 4 đầu hàng, việc Đại tá Lâm Văn Phát tham dự đảo chánh, việc các sinh viên tỏ ra ngưỡng mộ tướng lãnh là những khích lệ tinh thần cao quý đầu tiên của quần dân ban thường cho chúng tôi.

Cũng vào khoảng nửa đêm, trụ dinh Gia Long còn nằm trong tay quân Phòng Vệ Phủ Tổng thống, tất cả các quân đoàn trên toàn quốc và nhiều đơn vị đã hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của quân đội cách mạng. Tại Nha Trang và Khánh Hòa, nơi có quân số đông đảo và nơi mà đa số nhân dân theo Phật giáo, Đại tá quân trấn trưởng Nguyễn Vĩnh Xuân nắm vững ngay tình hình nhờ sự hợp tác chặt chẽ của nhiều sĩ quan Không quân và Hải quân, và nhờ hậu thuẫn trung thành của Trung tâm Huấn luyện Hạ Sĩ Quan Đồng Đế và trung tâm Biệt Động Quân tại Dục Mỹ. Tại Đà Lạt ngay chiều hôm đó, khi tiếng súng bắt đầu nổ vang tại Sài Gòn, Trung tá Trần Ngọc Huyền, chỉ huy trưởng trường Võ Bị Quốc Gia vội vã thiết quân luật và cùng với ông Trần Văn Phước, Thị trưởng Đà Lạt, làm chủ tình hình.

Riêng tướng Thái Quang Hoàng, chỉ huy trưởng Đại học Quân sự và Quân trấn trưởng Đà Lạt, tuy mang nỗi lòng của một công thần

bị vắt chanh bỏ vỏ nhưng trước biến chuyển của tình hình, ông ta vội vã lánh mình lên Ban Mê Thuột. Tướng Hoàng biết trước cuộc đảo chánh thế nào cũng xảy ra nhưng ông ta chỉ muốn giữ thái độ trung lập. Ông không muốn chống ông Diệm nhưng cũng không muốn chống lại cuộc cách mạng để khỏi mang tiếng hành động ngược lòng dân. Đại tá Tôn Thất Xứng, một cựu đảng viên Cần Lao lúc bấy giờ là chỉ huy trưởng Lực Lượng Biệt Động Quân, cũng biết trước cuộc đảo chánh sẽ xảy ra nhưng cũng “khôn ngoan” như tướng Hoàng, ông đã giữ thái độ trung lập. Một ngày trước biến cố, ông mượn cớ đi thanh tra các trung tâm huấn luyện Biệt Động Quân để lánh mình, tránh cho ông một hoàn cảnh khó xử.

Vào khoảng 9 giờ đêm, tại văn phòng của tướng Khiêm nơi được chọn làm bộ chỉ huy, tướng Dương Văn Minh, vị lãnh tụ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng bèn hỏi từng người “ai theo cách mạng và ai còn theo ông Diệm”. Tất cả đều hoan hỉ trả lời “theo cách mạng” trừ Đại tá Cao Văn Viên, Tư lệnh Nhảy Dù, trả lời: “Tôi là một quân nhân kỷ luật, tôi không làm chính trị, tôi chỉ biết tuân lệnh Tổng thống Diệm”.

Cao Văn Viên thời còn là Trung úy (năm 1953) đã cùng tôi và Nguyễn Văn Thiệu làm việc tại khu chiến Hưng Yên, chúng tôi coi nhau như bạn thân. Cao Văn Viên là người ít nói trong lúc Thiệu và tôi hay thảo luận chính trị và thời thế. Năm 1958, Cao Văn Viên được Tổng thống Diệm đưa về dinh Độc Lập giữ chức Tham mưu trưởng Biệt Bộ thay tướng Nguyễn Văn Là được cử giữ chức Tổng Giám đốc Công An. Cuối năm 1960, nhân biến cố Nhảy Dù xảy ra, Cao Văn Viên mặc dù thuộc Bộ Binh nhưng được ông Diệm thăng Đại tá và cử chỉ huy Lữ Đoàn Nhảy Dù thay Đại tá “phản loạn” Nguyễn Chánh Thi đã trốn qua Cao Miên tị nạn chính trị. Tuy nhiên, trong lúc Cao Văn Viên chỉ cố gắng hành xử nhiệm vụ của một quân nhân thì bà Cao Văn Viên, cũng như bà Nguyễn Văn Là, lại là những phu nhân thích hoạt động chính trị, thích nổi tiếng. Hai bà đều là nhân viên cao cấp trong “Phong Trào Phụ Nữ Liên Đối” của bà Nhu và cộng tác đắc lực với Đệ nhất Phu nhân. Bà Là lại còn là thành viên của “Lực Lượng Phụ Nữ Bán Quân Sự”, là thiện xạ số hai bên cạnh thiện xạ số một Ngô Đình Lệ Thủy, ái nữ của ông bà Cố vấn. Qua màn ảnh truyền truyền của Bộ Thông Tin, dân cả nước, hàng tuần đều được chiêm ngưỡng dung nhan cô Lệ Thủy và bà Là thi đua tác xạ, thi đua bắn bong bóng, tập thao diễn quân sự, tập tác chiến, nằm cạnh các lỗ châu mai tại “chiến trường Thị Nghè” của thành phố Sài Gòn–Gia Định.

Dưới chế độ Diệm, trong hàng tướng lãnh có ba bà Tướng thuộc hạng “đàn bà dễ có mấy tay” là bà Thái Quang Hoàng, đã dám đấu khẩu với bà Nhu sau ngày đảo chánh Nhảy Dù, còn bà Nguyễn Văn Là và bà Cao Văn Viên là những phụ nữ thuộc hạng “gái ngoan làm quan cho chồng”.

Khốn nỗi khi Đại tá Cao Văn Viên tỏ thái độ trung thành với Tổng thống Diệm thì nhiều sĩ quan cấp Tá thuộc Lực Lượng Nhảy Dù lại điện thoại về Bộ Tổng tham mưu hoan nghênh cách mạng và xin đặt dưới quyền điều động của Hội Đồng Tướng Lãnh.

Đến 10 giờ đêm, tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho tất cả các tướng tá có mặt tại Bộ Tổng Tham mưu xưng danh để được phát thanh trên đài Sài Gòn. Theo Đại úy Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên độc nhất đi trốn với anh em ông Diệm, thì lúc nghe phát thanh, tâm tư hai ông Diệm, Nhu vô cùng rung động. Ông Nhu bỏ ý định về miền Tây với Huỳnh Văn Cao và quyết định bỏ nhà Mã Tuyên để về trú ẩn tại nhà thờ Cha Tam. Lúc bấy giờ, ông Diệm nói với ông Nhu: “Chú nên ở cạnh tôi, vì chú đi riêng thì họ sẽ giết”. Câu nói của ông Diệm biểu lộ sự cảm nhận cái thế tuyệt cùng và sự thất bại không tài nào cứu vãn được nữa. Đối với Dương Văn Minh, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân, Phạm Xuân Chiểu thì việc họ chống đối ông là việc tất nhiên, nhưng ông không ngờ toàn thể những người đã một thời trung thành với ông, đã có công lao to lớn phò tá ông trong bước khó khăn, trong những năm đầu của chế độ đặc biệt là những sĩ quan quê miền Trung cũng đều quyết liệt chống lại ông.

Ông có ngờ đâu những tướng tá như Nguyễn Ngọc Lễ, Lê Văn Nghiêm, Tôn Thất Đính, Đỗ Mậu, Nguyễn Văn Chuân, Nguyễn Khương, Nguyễn Văn Thiệu, Trần Ngọc Huyền, v.v... cũng đều tham gia cách mạng. Những người dân sự thân nhất của ông như Cụ Trần Văn Chương, Linh mục Cao Văn Luận, Bác sĩ Trần Kim Tuyền đều đã chống lại ông, Võ Văn Hải cũng bỏ rơi ông, nay lại đến các quân nhân thân thiết, tín cẩn đều đồng thanh lật đổ ông thì thật sự ông không còn bám víu vào đâu được nữa. Đảng Cần Lao, Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Thanh Niên Cộng Hòa, Lực Lượng Đặc Biệt, Phụ Nữ Liên Đới, Quốc Hội Gia Nô, Lực Lượng Mật Vụ, ... những con bài domino của ông đã tan biến trước cơn lốc cách mạng của toàn quân toàn dân. Có lẽ vì thế mà ông muốn đến nhà thờ Cha Tam, để một lần cuối, đưa lời cầu nguyện với Chúa. Gần mười năm qua ngự trị trên đất nước quê hương, sau mỗi bài diễn văn mỗi bức thông điệp, ông luôn luôn xin Thượng Đế ban phép lành cho thân thể địa vị ông

và gia đình ông được vững như bàn thạch, ông có ngờ đâu “phép lạ không đến hai lần”, ông có ngờ đâu Thượng Đế chí công vô tư như Thánh Kinh đã dạy: “*Ai gieo gió thì gặt bão*”.

Trong tác phẩm nghiên cứu nổi tiếng *Vietcong* kể lại quá trình mười năm của chính quyền Ngô Đình Diệm, học giả Douglas Pike khi đề cập đến năm cuối cùng của chế độ Diệm, đã viết rằng:

Tháng 5 năm 1963, biên cố Phật giáo bùng nổ ở Huế, đến tháng bảy thì sinh viên học sinh nhập cuộc đấu tranh. Lúc đầu, chỉ mới sinh viên đại học, sau lần dần đến học sinh trung học rồi cả học sinh tiểu học cũng xuống đường. Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1963, các sĩ quan chỉ huy các đơn vị cũng như các sĩ quan trẻ cũng âm mưu chống đối chế độ, một chế độ mà từ lâu họ đã xem như không còn có liên hệ nữa vì bất mãn bởi nhiều lý do (chẳng hạn như lý do can thiệp chính trị vào các cuộc hành quân, như sự thắng thưởng bất công). Cuối cùng, đến tướng lãnh và cả Bộ tổng tham mưu, mà trước một xã hội băng hoại, mọi người như một đều muốn lật đổ chế độ đến nỗi không còn một vị tướng nào muốn cứu vớt ông Diệm nữa. Cuộc đảo chánh (coup d'état), nếu người ta muốn dùng từ ngữ đó để nói đến cuộc lật đổ chế độ Diệm, thật ra phải gọi là “sự sụp đổ của chế độ Diệm” thì đúng hơn, đã xảy ra ngày 1 tháng 11 năm 1963.

Sự tách rời với chế độ của các sĩ quan chống đối thật ra đã có từ 1955 vì không mấy ai tin rằng chế độ Diệm có thể đương đầu nổi với Cộng Sản và đối phó nổi với những sĩ quan có tinh thần chống đối. Các giáo phái võ trang đã bị vô hiệu hóa bởi vì không một chính phủ nào có thể tha thứ tình trạng nhiều quốc gia trong một quốc gia. Tuy nhiên, sau khi tiêu diệt họ, ông Diệm đáng lẽ phải có thời gian và kế hoạch hàn gắn, đoàn kết. Trong gần mười người Việt Nam ở Nam Việt thì đã có một người của giáo phái, cho nên việc gây cho họ trở thành đối lập vĩnh viễn là việc làm không thể tưởng tượng được, nhưng ông Diệm lại không bao giờ có thái độ thân thiện đối với họ. Một người khôn ngoan có thể lôi kéo được một phần các giáo phái và cũng có thể cảm hóa được những người trí thức như các chính phủ sau Diệm đã làm. Sự bất công trong chương trình cải cách ruộng đất, và sự áp dụng khắc nghiệt đạo luật 10/59 đáng lẽ có thể sửa chữa được nhưng ông Diệm lại không làm vì ông Diệm không muốn làm mất địa vị những tay sai trung thành của mình. Không một nhà lãnh đạo nào lại đàn áp những lãnh tụ chính trị, mà sự giam cầm bác sĩ Phan Quang Đán năm 1960, một nhân vật đối lập công khai, có lẽ là cao điểm không còn làm xoay chuyển nổi nền độc tài nữa. Sự bất mãn

của dân chúng càng gia tăng (được kích động thêm bởi Mặt Trận Giải Phóng) trong vấn đề xây dựng Ấp Chiến Lược, và sau này, trong biến cố Phật giáo.

Sau mồng 8 tháng 5, toàn thể quốc gia như ngọn lửa bốc cháy: tăng sĩ Phật giáo tự thiêu, sinh viên xuống đường, binh sĩ chẳng những từ chối đàn áp các cuộc biểu tình mà lại còn khuyến khích các người biểu tình. Con đau xã hội lan tràn như một cánh đồng bốc lửa. Sài Gòn, trong những ngày cuối cùng của ông Diệm, là một thành phố kinh khủng. Người ta cảm thấy như đang chứng kiến cả một kiến trúc xã hội tan rã như những sợi chỉ vụn. Người Mỹ đã chứng kiến một cách bất lực và kinh hoàng cảnh tượng **ông Diệm đang xé tan hoang xã hội Việt Nam một cách hữu hiệu hơn cả Cộng Sản**. Đó là thành tích hữu hiệu nhất của cả một đời hoạt động của ông Diệm. (... *The social pathology spread like a prairie on fire. Saigon, those lasts days of Diem, was an incredible place. One felt that one was witnessing an entire social structure coming apart at the seams. In horror, Americans helplessly watched Diem tear apart the fabric of Vietnamese society more effectively than the communists had ever been able to do. It was the most efficient act of his entire career*)<sup>3</sup>.

Bức tranh miền Nam Việt Nam vào năm 1963 tuy chỉ được học giả Douglas Pike chấm phá đơn sơ nhưng đã làm nổi bật được một cách đầy đủ và chính xác cái thế của chế độ Diệm vào những tháng cuối cùng. Cho nên Douglas Pike đã nói đúng khi ông viết rằng: “Tất cả tướng lĩnh như một, không ai còn có hành động để cứu ông Diệm nữa”.

Huỳnh Văn Cao, vị tướng “con nuôi” của ông Diệm còn có ba sư đoàn trong tay, còn có cả một giang sơn rộng lớn gồm vùng Tiền Giang, Hậu Giang, thế mà chỉ mới nửa đêm 1–11–63 đã vội đầu hàng Cách Mạng, thế nguyên trung thành với Hội Đồng Cách Mạng thì hỏi còn ai dám có ý đồ cứu ông Diệm nữa.

Tuy vậy, khi tiếng súng đảo chánh mới bắt đầu nổ súng, anh em ông Diệm tưởng rằng chỉ có một nhóm quân nhân nổi lên phản loạn, và ông tưởng có thể tái diễn được trò “gọi quân trung thành về cứu giá” như hai năm về trước (11–11–60), do đó ông đã đối đáp cứng rắn với Đại sứ Cabot Lodge như sau:

- Ông Diệm: “Một nhóm binh sĩ phản loạn đã khởi sự đảo chánh vậy thái độ của chính phủ Hoa Kỳ như thế nào?”

<sup>3</sup> Douglas Pike, *Vietcong*, tr. 71-73.

- Ông Lodge: “Bây giờ là 4 giờ 30 sáng tại Hoa Thịnh Đốn, tôi không thể tham khảo ý kiến của chính phủ tôi vào lúc này. Tôi lấy làm lo ngại cho an ninh cá nhân của Tổng thống... Tôi muốn trình bày với Tổng thống về thiện chí của chính phủ Hoa Kỳ là Tổng thống có thể đến ẩn trú tại tư dinh của tôi. Tôi có thể thu xếp để Tổng thống có thể ra khỏi nước. Các vị tướng lãnh đã hứa với tôi là họ sẽ thỏa mãn như vậy.”

- Ông Diệm: “Tôi sẽ hành xử theo trách nhiệm và lương tri của tôi, tôi sẽ cố gắng lập lại trật tự”.<sup>4</sup>

Nếu tại Sài Gòn ông Diệm chủ quan vì không nắm vững tình hình thì tại Mỹ, bà Nhu cũng chủ quan vì kiêu căng. Chiều 1–11–63, khi cuộc cách mạng tại Sài Gòn đang trên đà thắng lợi thì tại Los Angeles, trong một cuộc phỏng vấn của báo chí, bà Nhu vẫn quyết liệt cho rằng cuộc đảo chánh không bao giờ thành công, bà ta nhấn mạnh đến ba lần “*never, never, never*”<sup>5</sup>.

Nói chuyện với Đại sứ Cabot Lodge xong, hai ông Diệm–Nhu bắt đầu xuống hầm, một pháo đài dưới đất với đầy đủ tiện nghi và được trang bị đầy đủ máy móc truyền tin viễn liên cực mạnh để có thể liên lạc được với các tỉnh. Cái hầm xi măng cốt sắt đủ sức chống nổi bom 500 cân Anh này được xây cất dưới sân dinh Gia Long sau vụ hai phi công Quốc, Cử ném bom dinh Độc Lập vào tháng Hai năm 1962.

Nhưng nếu Vạn Lý Trường Thành đã không bảo vệ được dòng họ Tần Thủy Hoàng thì cái hầm dinh Gia Long làm sao có thể chống chọi nổi lòng căm phẫn tột độ của quần dân miền Nam Việt Nam. Cho nên khi đã an toàn trong hầm kín rồi, và sau khi nói chuyện với tướng Đôn vào khoảng ba giờ chiều ngày 1–11, anh em ông Diệm mới đối diện với sự cô đơn và sự thật để bắt đầu khiếp sợ. Ông không ngờ toàn thể quân đội đã đoàn kết và hợp tác với tướng lãnh để lật đổ chế độ. Ông bèn dịu ngọt gọi tướng Đôn để mời các tướng lãnh đến dinh Gia Long bàn chuyện dàn xếp, ông cũng hứa với tướng Đôn là sẽ thỏa mãn mọi nguyện vọng của tướng lãnh. Nhưng kinh nghiệm với cái “bất thành tín” của nhà Nho Ngô Đình Diệm, kinh nghiệm Trung tá Vương Văn Đông đã bị ông Diệm lừa năm 1960, đời nào cấp lãnh đạo Cách mạng 1/11/63 còn mắc mưu ông Diệm, hướng gì

---

<sup>4</sup> William Miller, *Henry Cabot Lodge*, tr. 351.

<sup>5</sup> Chương trình “*Vietnam: A Television History*”, đài truyền hình PBS, 1983.

lập trường của tướng lãnh là nhất định đi đến thành công không chịu thương thuyết. Tướng Đôn nhắc lại cho ông Diệm nhớ rằng đã bao lần các tướng lãnh trình bày với ông về tình hình nguy ngập của đất nước chỉ để yêu cầu ông thay đổi chính sách mà ông vẫn không nghe. Nay thì chỉ còn sự đầu hàng vô điều kiện, và chỉ đề cho ông ra đi an toàn mà thôi. Sau đó tướng Đôn cho soạn hai cái giường tại Bộ Tổng tham mưu và vận động một chiếc phi cơ của Hoa Kỳ để anh em ông Diệm xuất ngoại.

Trước thái độ cương quyết của tướng Đôn, và trong cảnh cô đơn, hai ông Diệm–Nhu mới thấy mọi tính toán đều hoàn toàn sụp đổ. Nhìn quanh chỉ có Cao Xuân Vỹ là ở kè, còn tất cả nhân viên và cán bộ đều xa lánh hết nên hai anh em ông Diệm–Nhu lợi dụng dinh Gia Long chưa bị bao vây, bèn ra đi về phía Chợ Lớn trú ẩn tại nhà Hoa kiều Mã Tuyên, người bạn thân từng lo kinh tài cho Ngô Đình Nhu.

Vào khoảng 10 giờ đêm, ông Diệm từ nhà Mã Tuyên gọi điện thoại về Tổng tham mưu thì được tướng Dương Văn Minh trả lời. Lúc này ông Diệm đã hết giọng uy quyền, ông bằng lòng ra đi chỉ với một điều kiện là được vinh dự tiễn đưa theo nghi lễ quân cách. Tướng Minh lợi dụng cơ hội đó nặng nề lên án chế độ của ông Diệm là độc tài, gia đình trị, tham nhũng, thối nát làm cho quê hương nguy biến, dân chúng điêu linh, và quân đội thất trận trước lực lượng VC ngày càng thắng lợi, rồi ông Minh bác bỏ lời yêu cầu của ông Diệm, chỉ bằng lòng cho ông âm thầm ra đi mà thôi. Có lẽ vì tướng Minh đã dùng những lời lẽ nặng nề nên ông Diệm tức giận trách móc tướng Minh và có lẽ vì thế mà sáng mùng 2, tướng Minh đã thay đổi thái độ không còn khoan dung với ông Diệm nữa.

Sáng mùng 2, vào khoảng 7 giờ, toàn thể tướng tá vẫn còn ngồi trong văn phòng tướng Khiêm, tôi đang ngồi trước mặt tướng Khiêm tại bàn giấy ông ta bỗng điện thoại reo lên, tôi bèn nhắc máy nghe thì đằng kia là tiếng của Đỗ Thọ, cháu tôi, nói rằng: “Thưa chú, Cụ và ông Cố vẫn hiện ở nhà thờ Cha Tam, Cụ bằng lòng ra đi vậy xin tướng lãnh cho xe xuống đón Cụ về Bộ Tổng Tham mưu”. Tôi trả lời Thọ: “Được rồi, nhưng chú không có thẩm quyền, để chú trao máy lại cho tướng Khiêm trả lời”, rồi tôi chuyển máy lại cho tướng Khiêm. Tướng Khiêm nói với Thọ: “Được rồi, sẽ có xe xuống đón Cụ về đây”. Nói xong, tướng Khiêm trình lại cho tướng Minh biết.

Sau đó, vì suốt đêm thức trắng để phối hợp các tiến triển của những lực lượng cách mạng, tôi và tướng Khiêm vòng tay ngồi ngủ tại bàn tướng Khiêm. Chúng tôi ngủ say đến độ toàn thể tướng lãnh

rời hết khỏi phòng khi nào cũng không biết, mãi cho đến khi chuông điện thoại reo vang, hai chúng tôi mới giật mình thức dậy. Khiêm bèn bảo tôi: “Anh em giải tán đâu rồi, Mậu chạy tìm xem”. Tôi bèn qua văn phòng tướng Lê Văn Ty, nơi mà suốt đêm tướng Minh dùng làm văn phòng riêng, cũng không thấy ai nên kéo màn cửa chính thì thấy toàn thể tướng lĩnh đều có mặt ngoài bao lơn. Tôi mở cửa bước ra, thấy mọi người đều im lặng trầm tư, trong lúc cuối bao lơn tướng Dương Văn Minh, tướng Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân và Đại tá Dương Ngọc Lắm còn đang thì thầm bàn tán. Bên cạnh tướng Minh, Thiếu tá Dương Hiếu Nghĩa, một đảng viên Đại Việt, cầm súng M16 đứng đó như có ý bảo vệ cho tướng Minh.

Thấy không khí có vẻ nghiêm trọng, tôi vội hỏi ngay: “Các anh làm gì mà đứng đây có vẻ bí mật thế”, tướng Trần Văn Minh (Minh nhỏ) đứng gần đây trả lời rất nhỏ: “Anh em đang bàn định cách đối xử với ông Diệm, nên giết hay nên cho ông ta xuất ngoại”. Tôi vội nói to cho mọi người cùng nghe: “*Tôi không đồng ý việc giết ông Diệm, lúc còn trong vòng bí mật, tôi đã nói với Trung tướng Đôn là phải để cho ông Diệm ra đi, Trung tướng Đôn đã đồng ý rồi*”. Tôi vừa nói xong thì tướng Nguyễn Ngọc Lễ, một vị tướng vốn nổi tiếng khoan hòa, đạo đức nhất trong hàng tướng lĩnh quay về phía tôi và cũng nói to lên: “*Xin anh em đừng nghe lời anh Mậu, đã nhỏ cỏ thì phải nhổ cho tận rễ*”. Tôi chợt nhớ đêm trước đó có người đã kể cho tôi nghe rằng tướng Phạm Xuân Chiểu cũng đã nói câu như vậy. Thấy không ai phản đối tướng Lễ mà có vẻ im lặng đồng ý, tôi bực mình bèn nói thêm: “*Việc tha hay giết ông Diệm là hành động lịch sử, vậy muốn tha hay giết ông ta tôi đề nghị phải lấy quyết định tối hậu qua một cuộc bỏ phiếu kín, phải ghi vào biên bản đảng hoàng*”. Tất cả mọi người im lặng không có ai tỏ ra tán đồng ý kiến của tôi, còn tướng Dương Văn Minh thì nhún vai tỏ thái độ bất mãn với tôi. Tôi bực tức giơ tay cao lên và nói: “*Nếu không ai đồng ý với tôi thì tôi tuyên bố không dính líu gì đến việc này, các anh phải chịu lấy trách nhiệm trước lịch sử*”. Rồi tôi kéo Trung tá Nguyễn Văn Thiện (chỉ huy trưởng Thiết giáp) và Trung tá Lê Nguyên Khang (hiện ở Los Angeles) ra khỏi nơi tụ họp để đi quan sát tình hình tại trung tâm Sài Gòn.

Sau đó tướng Minh ra lệnh cho tướng Mai Hữu Xuân, Đại tá Dương Ngọc Lắm, Thiếu tá Dương Hiếu Nghĩa và Đại úy Nguyễn Văn Nhung đi đón hai ông Diệm–Nhu tại nhà thờ Cha Tam.

-oOo-

Rời Bộ Tổng Tham mưu, trên đường trở về trung tâm thủ đô, tôi gặp nhiều đoàn biểu tình của thanh niên và sinh viên phất cờ và giơ cao biểu ngữ: “Hoan hô cách mạng thành công”, “Đả đảo độc tài Ngô Đình Diệm”, và “Hoan hô quân đội”. Trong các đoàn biểu tình có một đoàn rất đông người do luật sư Nguyễn Tường Bá (hiện ở San Jose) cầm đầu, có mang thêm cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Gần góc đường Hồng Thập Tự – Trần Quý Cáp, một đoàn biểu tình khác của sinh viên chặn xe tôi lại rồi mời tôi ra khỏi xe, bồng tôi lên cao mà hô to khẩu hiệu mừng chiến thắng và ca ngợi tôi là một chiến sĩ anh hùng.

Về đến dinh Gia Long, tôi thấy rất đông dân chúng vây quanh Dinh tràn ngập cả mấy con đường và công viên trước mặt. Họ reo hò ầm ĩ và chuyện trò vui vẻ với binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến đang chiếm đóng ngôi dinh thự mà từ ngày 27-2-1962 đã tượng trưng cho uy quyền bất khả xâm phạm của chế độ Ngô Đình Diệm.

Rời dinh Gia Long để về nhà, khi đi qua góc đường Gia Long – Hai Bà Trưng, tôi gặp lại một đoàn sinh viên khác mà phần lớn thuộc Đại Học Văn Khoa. Sau khi đập phá bức tượng Hai Bà Trưng do bà Nhu dựng lên ở công trường Mê Linh tại bến Bạch Đằng, họ náo nhiệt kéo hai cái đầu bằng đá mà họ bảo là của hai mẹ con “mẹ Nhu”. Những sinh viên dẫn đầu đoàn biểu tình tuyên bố sẽ kéo hai cái đầu “mẹ con mẹ Nhu” này đi khắp đường phố Sài Gòn cho dân chúng tự do chửi bới si và.

Trên đường về, đi đến đâu tôi cũng thấy dân chúng già trẻ, lớn bé, trai gái tràn ra khắp các nẻo đường mà nét vui mừng, niềm hân hoan và nỗi xúc động hiện rõ trên từng tiếng cười, từng câu nói. Họ trò chuyện thân mật và tặng quà cho binh sĩ, họ hoan hô ca ngợi quân đội và hể hả để cho sự thống khoái ào ạt bộc phát ra ngoài.

Thật vậy,

*“từ 7 giờ sáng ngày 2-11-1963, khi đài phát thanh Sài Gòn báo tin dinh Gia Long bị quân đội chiếm thì già trẻ lớn bé lũ lượt kéo nhau đi xem. Lời hò reo, tiếng cười vang với sắc diện tươi vui của mọi người chứng tỏ sự giải thoát gông cùm kềm kẹp của độc tài đã bóp nghẹt lòng dân trong chín năm trời dằng dặc”*<sup>6</sup>.

Đó là nhận định của bác sĩ Dương Tấn Tươi. Và thi sĩ Đông Hồ thì:

*“Nổi ức hiếp, nổi căm hờn bị đè nén, bị vùi dập một cách tàn*

---

<sup>6</sup> Dương Tấn Tươi, *Cười, Nguyên nhân và Thực chất*, tr. 44.

nhấn bắt công trong 9 năm trời, một sớm được giải thoát, được cởi mở, mà phản ứng chỉ có chứng ấy thì tưởng quân chúng nhân dân Việt Nam năm 1963 này cũng đã tỏ ra hiền lành nhiều lắm, và cũng đã biết tự hạn chế, tự biết kiềm hãm sức giận dữ hung hãn của mình rồi đó.” (*Tôi Tập Viết Tiếng Việt*, Nguyễn Hiến Lê, 1988, tr. 21).

Còn theo ký giả Neil Sheehan, người theo dõi chiến tranh Việt Nam một cách sâu sắc thì:

*“Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh, dân chúng Saigon tự phát hoan hô binh sĩ quân đội VNCH. Các thiếu nữ tặng hoa. Người lớn tặng bia và soda. Các bà mang trà và đồ ăn tới các công viên và trường học nơi binh sĩ đang trú đóng”* (For the first time in the history of the war, crowds in Saigon spontaneously cheered ARVN soldiers. Girls gave them bouquets of flowers. Men brought them beer and soda. Woman carried pots of tea and food to the parks and schools where they were bivouacked. *“A Bright Shining Lie”*, tr. 371)

Cũng trình bày về nỗi hoan hoan, sung sướng của nhân dân Sài Gòn, Hilaire du Berrier viết rằng:

Ngày 29-10, ông Nhu điện thoại khuyên vợ là “Đệ Nhất phu nhân xấu mồm xấu lưỡi” đang ở San Francisco nên đến trú ngụ tại Los Angeles, và cũng cho biết là ông không thể đi Đông Kinh để đón bà ta như đã hứa trong cuộc điện đàm hôm trước. Về Los Angeles, bà Nhu ôm lấy máy phát thanh để theo dõi tin tức tại Sài Gòn khi cuộc đảo chánh đã xảy ra (mà bà ta đã trả lời cho báo chí là cuộc đảo chánh sẽ không bao giờ thành công). Nhưng khi chế độ của gia đình bà ta bị lật đổ, bà đã khóc và lên án Hoa Kỳ đã nghiền nát những nhà lãnh đạo quốc gia vốn được dân chúng Việt Nam bầu lên. Bà Nhu thể sẽ không bao giờ đặt chân trở lại trên đất nước Hoa Kỳ nữa rồi cùng con gái là Lệ Thủy trực chỉ Rome, nơi người anh của chồng bà là Giám mục Ngô Đình Thục đang trú ngụ. Sau đó, bà về Pháp sống tại ngôi nhà sang trọng ở đường Charles Floquet, con đường hợp thời trang nhất của thủ đô Paris. Ở Sài Gòn chỉ có người cháu gái là vợ của Trần Trung Dung, mà trước đó hai năm đang điều khiển một nhà hàng ăn tại Paris, đã trách móc các ông Cậu sao không lo liệu xuất ngoại trước đi. Bà Dung âm thầm chôn cất các ông Cậu ruột tại Phú Nhuận. Những người lưu vong dưới chế độ Diệm, trong đó có những nhân vật tên tuổi như Đại tá Nguyễn Chánh Thi, tướng Dương Văn Đức, lãnh tụ Đại Việt Nguyễn Tôn Hoàn, soạn sửa để hồi hương. Ông Huỳnh Sanh Thông cũng từ bỏ địa vị giáo sư tại Đại học danh tiếng Yale để về nước. Trong lúc đó, tại Sài Gòn, dân chúng vui mừng như

*điên cuồng (delirium of joy) làm ta nhớ lại thủ đô Paris trong ngày giải phóng khỏi Đức Quốc Xã tràn ra đường mà khiêu vũ*<sup>7</sup>.

Cái tình cảm uất ức vì bị đàn áp, rồi được giải thoát và bộc phát ra ngoài đó là gì nếu không phải là sự thể hiện nhân bản của một thành quả cách mạng. **Ý nghĩa thực sự của ngày 1–11–63 là giải thoát. Trên mặt lịch sử, nó chấm dứt những bế tắc của thế và thời để khai mở một dòng sinh mệnh mới; trên mặt dân tộc, nó chấm dứt một giai đoạn trì trệ và đen tối để dân tộc lại trở về với chức năng chủ nhân đất nước; và trên mặt thời đại, nó bỏ lại sau lưng những khuôn thước lỗi thời để sẵn sàng rung động nhịp nhàng với những phát triển hướng thượng của tương lai.**

Ngày 1–11–63 vừa đáp ứng được nhu cầu của lịch sử, vừa thỏa mãn được ước nguyện của dân tộc, vừa biến thiên theo quy luật của thời đại nên đã có đầy đủ bản chất và tính năng của một ngày cách mạng. Ngày đó, toàn quân toàn dân cùng một lòng làm tròn nhiệm vụ trong truyền thống cách mạng Việt Nam, một truyền thống chạy dài từ ngày Hai Bà Trưng phất ngọn cờ vàng chống áp bức ngoại xâm, xuyên dòng lịch sử như một dòng suối, đã đổ về miền Nam anh dũng của thế kỷ thứ hai mươi.

Chế độ Diệm phải sụp đổ để quy luật cách mạng Việt Nam được chứng nghiệm.

Chế độ Diệm phải tiêu tan để từ nay quân dân miền Nam có thể ngang đầu không thẹn với non sông.

Cuộc cách mạng lật đổ chế độ Diệm là kết quả tổng hợp và chung quyết của nhiều sức mạnh, mà **sức mạnh lớn nhất là sự căm phẫn tích lũy từ nhiều năm của nhiều người**. Chín năm cai trị là gần chín năm bạo trị, mười lăm triệu đồng bào là gần mười lăm triệu nạn nhân; quân đội và phong trào đấu tranh của Phật giáo chỉ là những lực lượng có cơ duyên và phương tiện để thi hành bản án mà gần 15 triệu đồng bào đã tuyên án từ gần 9 năm qua.

Cho nên khi làm tròn nhiệm vụ vì dân vì nước đó trong những ngày đầu của tháng 11 năm 1963, quân đội đã được quần chúng tin tưởng và thương yêu đến độ *“Hồ Chí Minh cũng phải công nhận cái uy tín lớn lao của tướng Minh và Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng”*<sup>8</sup>. Và tại Hà Nội, cấp lãnh đạo Cộng Sản Bắc Việt đã phải ý thức rằng:

---

<sup>7</sup> Hilaire du Berrier, *Background to Betrayal*, tr. 251, 257, 258.

<sup>8</sup> *The Untold Story of The Road to War in Vietnam*, trong tuần báo US News and World Report (số tháng 10-83).

*“... các tướng lãnh đã được nhân dân tin tưởng trao trọn quyền hành và tin rằng họ độc lập hơn gia đình Diệm-Nhu, vốn đã hành xử như một dụng cụ để bảo của chính sách Mỹ. Hà Nội đã lý luận một cách đơn giản: ai lật đổ chế độ bù nhìn thì không thể là bù nhìn được. Hà Nội biết được uy tín lớn lao của các tướng lãnh trong quần chúng từ nhiều nguồn tin khác nhau kể cả từ bản phúc trình của tôi”<sup>9</sup>.*

Tôi về nhà, nằm xuống cố chợp mắt để bù lại một đêm thức trắng căng thẳng hôm qua nhưng vẫn không ngủ được vì những hình ảnh sống động và hân hoan của dân chúng Sài Gòn. Bốn giờ chiều, tôi quyết định trở lại Bộ Tổng Tham mưu. Khi xe ngừng trước công thự chính, tôi thấy một chiếc thiết vận xa đậu xéo trên sân cỏ, cửa sau mở toang, tôi hồi hải bước đến gần thấy xác hai ông Diệm Nhu nằm giữa sân xe.

Nhìn thi thể ông Diệm tôi sửng sờ và không tin đó là sự thực, đó là kết quả của quyết định sáng hôm nay của các tướng lãnh sau khi tôi, Thiện và Khang bỏ về. Tôi đứng yên rung rung nước mắt rồi đưa tay chào vĩnh biệt người lãnh tụ đã cùng tôi kết ước từ hơn hai mươi năm về trước. Càng thương ông Diệm tôi càng căm giận **tập đoàn Cần Lao Công Giáo và những người anh em ruột thịt của ông**, vì chính họ đã làm cho ông và tôi tan vỡ mộng ban đầu. Rồi tự hỏi ngày nay tôi thương khóc ông nhưng rồi đây, mai sau, 10 năm, 100 năm, 300 năm nữa thiên hạ ai người nhỏ lệ khóc thương tôi?

Với thời gian, những tài liệu lịch sử càng lúc càng nhiều và càng có tính thuyết phục để chứng minh rằng dòng họ Ngô Đình, từ cụ Ngô Đình Khả đến anh em ông Diệm, đều đã từng làm tay sai đắc lực cho quan thực dân và Hội Truyền giáo Hải ngoại Pháp. Suốt 10 năm chiến tranh (1946–1954), trong lúc toàn dân hy sinh xương máu cho Độc Lập Tổ Quốc bằng phương thể này hay phương thể khác, thì toàn thể gia đình ông Diệm chỉ làm kẻ đợi thời chờ sung rụng, mà thất bại Điện Biên Phủ của Pháp lại là cơ hội cho riêng ông ta trở lại chính trường.

Không xuất sinh như một anh hùng tạo thời thế hay như một nhà cách mạng xả thân vì dân vì nước, mà **chỉ nhờ những cuộc vận động với ngoại bang** mà ông Diệm được nắm chính quyền như kẻ được “*ăn cổ săn*” (chữ của ông Hồ Sĩ Khuê, một cộng sự viên cũ của ông Diệm) từ khi Hiệp ước Genève ra đời năm 1954 cho đến năm 1963.

<sup>9</sup> Mieczylaw Maneli, *War of The Vanquished*, tr. 123.

Là một chánh khách may mắn hơn tất cả những người khác của phe Quốc gia, khi lên cầm quyền gặp được đủ yếu tố “Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa”, lại được Đại Cường Quốc Hoa Kỳ yểm trợ đủ mọi mặt chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, xã hội, tài chánh, đáng lẽ đó là cơ hội cho ông Diệm thực hiện chính sách vì nước, vì dân: Đoàn Kết, Tự Do, Dân Chủ, Phúc Lợi, thì ông và gia đình lại chủ trương chế độ Độc Tài, Gia đình trị, Tôn giáo trị với đường lối áp bức, bóc lột, tham nhũng, khinh thường và chà đạp nhân dân. Nhiều người từng là bạn thân, từng là đồng chí, cán bộ, ân nhân, hoặc là nhân tài của đất nước đã giúp đỡ ông, đã hy sinh cho ông khi ông còn sa cơ thất thế cũng trở thành nạn nhân của ông hay kẻ thù của ông.

Thế rồi, năm 1963, khi anh em ông xuống tay triệt hạ một tôn giáo dân tộc có 2000 năm lịch sử và tín đồ chiếm 80% dân số, khi ông bắt lưc, bắt tài để cho Việt Cộng chiếm trọn 85% thôn xã miền Nam (con số do chính một cựu tỉnh trưởng bà con với ông nêu ra), thì anh em ông lại âm mưu bắt tay với ông Hồ Chí Minh, và nhờ cậy De Gaulle để bán đứng miền Nam cho Cộng sản Hà Nội, hành động mà một linh mục người Bỉ bạn thân với gia đình ông gọi là chủ trương “sau ta là con Hồng thủy”. Quả thật tội ác của nhà Ngô và chế độ Cần Lao Công Giáo không bút mực nào tả xiết khi họ **đưa đất nước đến suy vong không tài nào cứu chữa nổi** như lời trách oán của Nguyễn Trăn, một thuộc hạ cũ của ông trong cuốn Hồi ký “*Công và Tội*” mới được phát hành năm 1993 tại Hoa Kỳ.

Chính cựu luật sư, cựu Nghị sĩ Nguyễn Văn Chức, một trí thức Thiên Chúa giáo cũng viết trong cuốn sách gọi là “*Việt Nam Chính Sử*” rằng:

*Chế độ Ngô Đình Diệm là một chế độ độc đoán. Cũng không ai chối cãi rằng Đệ Nhất Cộng Hòa đã có những lạm dụng lộng hành nhóp nhúa. Và cả tội ác nữa.* (tr. 48-49).

Và người bạn thân của ông Chức, một nhà báo tên tuổi mà cũng là một trí thức Thiên Chúa giáo là ông Đình Từ Thức cũng đã đưa ra nhận xét:

*Như đã trình bày nhiều lần, tình hình đất nước năm 1963 đã tụt tệ đến mức hầu như mọi người đều mong muốn phải có một cuộc cách mạng để thay đổi thời thế.* (“*Đọc Hồi ký Đỗ Mậu*”, Văn Nghệ Tiền Phong số 281).

Và cách mạng đã xảy ra thật như nhận xét của họ Đình. Năm 1963, cách mạng đã do Dương Văn Minh lãnh đạo để lật đổ nhà Ngô sau nhiều lần vùng lên nhưng thất bại của các tổ chức quân sự có, dân

sự có. Cách mạng đã đáp ứng nguyện vọng của toàn dân đến nỗi suốt ba ngày liền, từ thủ đô Sài Gòn đến một số tỉnh thị, nhân dân đã xuống đường chào mừng cách mạng thành công trong việc lật đổ nhà Ngô.

Ký giả Hoa Kỳ Neil Sheehan cũng phải viết *“Suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, chưa một lần nào quân đội quốc gia được đồng bào của họ nhiệt liệt hoan hô như cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm.”*

Sự thật của lịch sử rõ ràng như vậy đó, thế mà ông Nguyễn Văn Chức lại dùng những luận điệu hết sức lỗ mãng để nhục mạ các tăng sĩ Phật giáo đã đấu tranh cho sự sống còn của tôn giáo mình, và nhục mạ các tướng lãnh đã tham dự cách mạng 1963 mặc dù sau này, chính ông Chức cũng đã từng là nghị sĩ dưới chế độ của các tướng Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, v.v... những tướng lãnh đã tham dự tích cực vào cuộc lật đổ chế độ Diệm.

Lịch sử thế giới cho thấy rằng mọi cuộc chính biến nhằm thay đổi giai cấp lãnh đạo của nhiều triều đại, nhiều chế độ bằng những cuộc binh biến, đảo chánh hay cách mạng, v.v... thì những tổ chức hành sự không thể nào tránh khỏi những vấp vấp, lỗi lầm tùy theo cường độ và bản chất của mỗi biến cố.

Năm 1963, với tình hình hết sức phức tạp, với những ân oán hận thù do chế độ Diệm để lại, với sự chia rẽ quá trầm trọng giữa những tôn giáo miền Nam, các tướng lãnh Việt Nam do Dương Văn Minh cầm đầu cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, những sai lầm, những hành động ấu trĩ hay thiếu ý thức chính trị. Đáng lẽ nhà phê bình lịch sử phải có cái nhìn vô tư, phải có những so sánh, đối chiếu các sự kiện và biến cố để những phán xét được công minh, thì ngược lại, ông Nguyễn Văn Chức với đầu óc thiên kiến, bằng luận điệu xảo quyệt, bằng ngôn từ lỗ mãng, chỉ biết “vạch lá tìm sâu”, chê sọt tóc làm tư để chỉ trích các tướng lãnh mà không đề cập gì đến những hậu quả do chế độ Diệm để lại, vốn là nguyên nhân đưa đến sai lầm cho nhóm Dương Văn Minh.

Lời chỉ trích của ông Chức thì nhiều, ở đây tôi đưa ra hai điểm nặng nề nhất, gay gắt nhất, lỗ mãng nhất để phân tách và đối chiếu trong mục đích quét sạch những bụi bặm dơ bẩn đang làm vẩn đục tấm gương Sự Thật.

- Về cái chết của ông Diệm, ông Chức viết như sau:

Có người lại nghiêm khắc phê phán nhóm tướng lãnh là mọi rợ. Ông Diệm đã ra đầu hàng với sự thỏa thuận của các tướng lãnh. Ông Diệm phải được đối xử như một kẻ đầu hàng. Nếu nhóm tướng lãnh

đạo chánh không coi ông Diệm là một Tổng thống đầu hàng, thì ít nhất nên có cái mã thượng và phẩm cách của người quân nhân “thắng trận” để đối xử với một hàng binh. Cùng lắm, họ có thể đưa ông Diệm ra tòa án để công lý tùy nghi định tội. Tại sao lại phải giết một cách lén lút và hèn hạ như vậy?” Câu trả lời là những kẻ đó không có chính nghĩa. Vì vậy phải hèn hạ, phải giết lén, phải nói dối, phải chối tội và đổ tội lẫn cho nhau. (“*Việt Nam Chính Sử*”, tr. 88).

Về nguyên tắc, tôi đồng ý với ông Chúc: những kẻ giết lén là những kẻ hèn hạ. Nhưng xin hỏi luật sư và nhà chính trị Nguyễn Văn Chúc: Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ theo lệnh ông Diệm đi kêu gọi Ba Cụt về nói chuyện thương thuyết đầu hàng. Nhưng rồi Ba Cụt bị lừa gạt, bị bắt ra tòa án quân sự, bị kết tội tử hình. Ba Cụt xin ân xá nhưng bị Tổng thống Diệm bác đơn. Sau khi thọ hình, xác Ba Cụt không được trả về cho thân nhân chôn cất mà đã bị chặt ra từng khúc đem dẫu để không còn vết tích gì cho dân Hòa Hảo lập đền thờ được nữa. Theo đúng luật pháp, một khi tử tội bị thọ hình, xác phải được trả về cho thân nhân, việc mà luật sư Nguyễn Văn Chúc phải biết rõ hơn ai hết. Tại sao anh em ông Diệm, những kẻ tự xưng là **ngoan đạo không ngót cầu kinh Chúa, những kẻ được đồng đạo tôn vinh là Nho phong, là Khổng Mạnh, những kẻ tự xưng là Cha đẻ của thuyết Nhân Vị... lại bội ước, lại hèn hạ, lại xuống tay một cách độc ác, tàn bạo, bất nhân** đối với một chiến sĩ quốc gia, một anh hùng chống Cộng, một tín đồ trung kiên của một tôn giáo dân tộc, có hai triệu tín đồ? Thì với tâm địa hiểm ác như vậy, với thủ đoạn tàn độc như vậy, cách thể nào đối phó với hai ông Diệm–Nhu cũng chính đáng cả.

Trên mặt đấu tranh chính trị cũng như tiến hành cách mạng, đập đầu một con rắn độc, dù rắn có bị thương hay không, thì “lén” hay “không lén” đều nên làm cả. Và chỉ có kẻ tâm lượng hẹp hòi mới thông qua hành động “đánh lén” để phóng đại những suy diễn của mình về một biến cố lớn của Lịch sử và Dân Tộc đầy chính nghĩa.

Sau năm 1975, Lực lượng Hòa Hảo Hải ngoại đau thương cho cái chết oan khiên của người đồng đạo của mình đã viết lại “*Vụ Án Ba Cụt*” trên tạp chí *Đuốc Từ Bi* (số 25, tháng 2/1987), tiếng nói chính thức của lực lượng, dưới ngòi bút của vị Tổng thư ký lực lượng là cư sĩ Nguyễn Long Thành Nam. Bài báo đó cũng được nhiều tạp chí, tuần báo, nhật báo khác đồng tình trích đăng lại.

Trong bài báo, cả ông cựu Biện lý Lâm Lễ Trinh và nhất là ông cựu Luật sư Trần Sơn Hà đều quy cho ông Diệm là người phải chịu

trách nhiệm về cái chết của một anh hùng chống Cộng ở miền Tây. Để kết tội ông Diệm, luật sư Hà còn viết: “*Khi chính trị đã xen vào Tư Pháp thì Công lý đội nón ra đi*”, rồi kết luận:

Nếu lúc đó Tổng thống Ngô Đình Diệm dừng vì mục tiêu thống nhất quân đội mà giết chết Thiếu tướng Lê Quang Vinh, thì hôm nay trong công cuộc phục quốc, với hạ tầng cơ sở của Dân Xã, với khả năng và tinh thần chống Cộng can đảm hăng say, tướng Lê Quang Vinh, nếu như ông còn sống, sẽ đóng một vai trò không nhỏ vào công cuộc kháng chiến tại quốc nội để quang phục đất nước, đòi chủ quyền trong tay Cộng sản lại cho Dân Tộc.

Ông cựu Biện lý Lâm Lễ Trinh cũng cho biết không hiểu lý do tại sao Tổng thống Diệm đã bác bỏ đơn xin ân xá. Người ta còn biết khi đưa tội nhân ra pháp trường tại Cần Thơ, Tổng thống Diệm còn cho một linh mục đi theo làm lễ mặc dù Lê Quang Vinh chỉ xin biện lý một nhà sư mà thôi.

Ngoài tội ác đối với Lê Quang Vinh, anh em ông Diệm còn nhúng tay vào máu một cách đê hèn, khi cho giết lén, khi cho lệnh bỏ xác vào bao bố rồi trôn nước xuống sông nhà Bè nhiều chiến sĩ quốc gia, nhiều nhân vật chính trị yêu nước trong đó có những ân nhân của ông Diệm như lãnh tụ Nguyễn Bảo Toàn, như chiến sĩ Tạ Chí Diệp. Tại sao ông Diệm đang ngồi trên Hiến Pháp, trong một quốc gia có luật pháp kỷ cương, có công an, quân đội,... mà lại ra lệnh giết lén người quốc gia, lại còn giấu xác các nạn nhân không thông báo cho thân nhân của họ lo việc chôn cất thờ cúng. Tại sao một Tổng thống được dân bầu lại dùng luật rừng để thủ tiêu mật, để lén trôn nước dân?

Lẽ dĩ nhiên, nếu các tướng lãnh để cho công lý xử tội ông Diệm thông qua Tòa án như trường hợp Ngô Đình Cần thì vẫn hơn. Và kết quả - đứng về mặt lịch sử - cũng sẽ không có gì thay đổi. Còn đứng về mặt chính trị, nếu biết rõ chế độ Ngô Đình Diệm với những công cụ chính trị sắt máu và công cụ bạo lực tàn nhẫn của nó, nhất là nếu biết rõ tâm địa lạnh lùng, tính tình cao ngạo của anh em họ Ngô, thì việc làm của Dương Văn Minh có thể hiểu được. Cuối cùng, và đây là điều quan trọng nhất, phải nhìn thâm kích này dưới ánh sáng triết lý Đông phương với luật *Oan oan tương báo*, thì mới thấy vì ông Diệm, vì ông Nhu, vì ông Cần và xa hơn nữa, vì ông Khả, đã từng xuống tay giết lén, hạ độc nhiều người, kể cả những người vì dân vì nước, cho nên ông đã phải trả cái nợ đó mà thôi. Hành động của ông Minh đã giúp ông Diệm giải được bao nhiêu oan nghiệt cho dòng họ Ngô Đình là điều ta nên suy gẫm. Và những người như ông Chúc, vì theo Thiên

Chúa giáo, lại càng phải suy gẫm nhiều hơn mới biết được.

- Vụ thứ hai là vụ ba triệu bạc mà tướng Trần Văn Đôn nhận của Trung tá Conein trong ngày 1/11/1963. Vụ này chính tôi, vì thực lòng nhất định muốn tìm hiểu sự thật, nên đã nêu ra trong hồi ký của mình để chất vấn tướng Đôn. Và sau đó, trong Hồi ký “*Việt Nam Nhân Chứng*”, tướng Đôn đã trình bày cặn kẽ số tiền kia được chia cho ai (tướng Đôn và cả tôi đều không hề sử dụng gì số tiền ấy cả). Và dù tôi là một thành viên quan trọng trong biến cố 1/11/1963, tôi cũng đã chân thành nói thẳng rằng việc tướng Đôn lấy số tiền ba triệu bạc của CIA – dù số tiền chẳng đáng là bao – vẫn làm tì vết ít nhiều đến ý nghĩa của cuộc Cách mạng 1963.

Nhưng ông Nguyễn Văn Chức với tâm địa hẹp hòi cố chấp đã lợi dụng vụ ba triệu bạc đó để mặt sát tướng lãnh đạo chánh một cách tàn tệ. Ông Chức viết:

Cuộc tạo phản ấy đã được thi hành bởi những tay sai bản xứ. Những kẻ này đã ngửa tay nhận tiền của ngoại bang. Và đảo chánh xong rồi họ đã chia nhau số tiền ấy, mặc dù chẳng được bao nhiêu.

Gọi đó là “cuộc tạo phản”, ông Chức đã xác nhận chính quyền Ngô Đình Diệm do Thiên Chúa giáo Mỹ “bồng” về làm tay sai bản xứ cho chính sách chống Cộng của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á, thì không ai được phản lại dù chính quyền đó “lộng hành, nhớp nhúa và cả tội ác nữa” như chính ông đã phê phán. Từ đó, có tung hô Ngô Đình Diệm như ông là sẽ được tiếng trung thần yêu nước.

Viết rằng “được thi hành bởi tay sai bản xứ”, ông Chức **gian xảo gởi trọn cả một cuộc vận động lịch sử trong màn chót của nó mà không lý đến những nguyên ủy sâu xa khác của chính tình miền Nam, lại càng không đếm xỉa đến các lực lượng tôn giáo, đảng phái, trí thức, sinh viên khác đã đẩy con phần nộ của toàn dân lên đến cao điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho Quân đội dứt điểm phút cuối cùng. Chỉ mặt trắng, ông Chức chỉ thấy ngón tay nên suy nghĩ nông cạn, viết lách gian hiểm là thế đấy. Lại cho rằng “ngửa tay nhận tiền ngoại bang” làm như chỉ với ba triệu đồng là có thể vận động rồi tổ chức được một cuộc cách mạng lật đổ nhà Ngô. Chế độ Ngô Đình Diệm đâu có “rẻ” thế, và quan trọng hơn cả, nhân dân Việt Nam đâu có “rẻ” thế. Chế độ Diệm “ngửa tay” nhận biết bao nhiêu tiền của Mỹ mà có mua được lòng dân đâu! Quả thật vẫn là người. Chỉ một câu văn ngắn mà đã bộc lộ ra rõ ràng và đầy đủ tâm địa và trình độ của một người!**

Mọi cuộc cách mạng đều không ít thì nhiều phải có máu đổ,

máu của ta hay máu của địch, phải có máu đào tưới hoa cách mạng. Ngày Cách mạng 1-11-1963 cũng không vượt khỏi quy luật lịch sử đó nhưng đã không có tắm máu, không có những cuộc trừng phạt khốc liệt.

Trong chín năm cầm quyền, chế độ Diệm đã thủ tiêu mạng sống của biết bao nhiêu người của đảng phái tôn giáo, ân nhân, đối lập chính trị và cả những người dân lành không làm hại gì cho chế độ ngoại trừ cái tội khác đạo hoặc có chút ít tiền của. Tất cả tội ác tích lũy đó đã được quân bằng chỉ với cái chết của ba anh em Diệm-Nhu-Cần. Họ đã chết vì quy luật lịch sử và cách mạng muốn thế, họ đã chết vì luật nhân quả nhân tiền muốn thế, họ đã chết không những vì tội ác của chính họ mà còn để đền tội thay cho tập đoàn Cần Lao Công Giáo cũng độc ác không kém họ, nhưng sau này lại được lực lượng cách mạng khoan hồng.

-o0o-

Trở lại văn phòng của tướng Khiêm, khi đi ngang căn phòng nhốt Lê Quang Tung và em là Lê Quang Triệu tối hôm qua, tôi chỉ còn thấy một mình Đỗ Thọ đang bị giam tại đó nên bảo viên trung sĩ quân cảnh để cho Thọ tự do ra về. Khiêm và tôi đang ngồi kiểm điểm tình hình thì có điện thoại báo cho biết bác sĩ Trần Kim Tuyến đã từ Hồng Kông về và hiện đang đợi ở phi trường Tân Sơn Nhất. Khiêm liền bảo thiếu úy Nguyễn Bá Quang lấy xe đi đón.

Bác sĩ Tuyến tuy nhận lệnh lên đường đến nhiệm sở mới là Ai Cập nhưng ông chỉ đến Bangkok thì ngưng lại đợi ngày đảo chánh vì ông vẫn tưởng kế hoạch chọn ngày Quốc Khánh (26-10-1963). Sau đó không tiện ở Bangkok, ông bèn bay qua Hồng Kông và sau khi đích xác biết chắc chế độ Diệm đã hoàn toàn sụp đổ, ngày 2 tháng 11 ông trở về Sài Gòn. Vừa gặp chúng tôi chưa kịp chào hỏi, ông đã nói ngay “*Thật là định mệnh*”.

Định mệnh nào đã an bài cuộc đời của ông Diệm để cho những năm cuối cùng của chính cuộc đời đó, các anh em ông đã hành xử như những tên bạo chúa, mùa may theo những hệ lụy bất nhân. Định mệnh nào đã thôi thúc anh em ông xuống tay hạ độc thủ với ân nhân, với bạn bè, với cả những cộng sự viên thân tín. Định mệnh nào đã đẩy ông Diệm lên làm nguyên thủ quốc gia với quyền hành tuyệt đối để anh em ông tiến hành những chính sách tác hại không phải cho một người mà cho cả một dân tộc. Và định mệnh nào đã oan nghiệt đẩy anh em ông bước sâu vào vũng bùn tội lỗi khi dùng bạo lực để hủy diệt một tôn giáo chỉ biết có tình thương, và dùng gian kế để đem nửa

phần đất còn lại của dân tộc bán đứng cho Cộng Sản miền Bắc.

Nếu đứng trên quan điểm Thiên Chúa giáo thì định mệnh đó được hiểu là ý Chúa, và cái chết của ông Diệm là kết quả chung quyết của những thử khước các dịp thử thách mà trước đó Chúa đã cho ông. **Ý Chúa đã muốn thế nên kết quả phải là thế.** Cát bụi lại trở về cát bụi!

Giáo lý đạo Phật nhìn cái chết của riêng ông Diệm một cách khác.

Cái chết thâm và tui nhục đó chỉ là kết quả tổng hợp của những nhân duyên và nghiệp chướng triền miên, một phần từ nhiều kiếp nhưng đặc biệt là do trong kiếp này gây ra. Những cộng nghiệp và trợ duyên tác động chung quanh chỉ làm sâu sắc hơn bản chất những việc làm của ông trong đời này mà thôi. Ông đã tự do làm chủ đời ông thì ông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những hệ quả của nó. Nhưng cũng trong ánh sáng của giáo lý đạo Phật thì chết là giải thoát, chết là trở về với một đời sống mới trong một “thân tứ đại” mới. Thân xác vốn được cấu tạo bởi những tế bào vô ngã và vô thường, chỉ một hơi thở mong manh là trở thành “nhất điểm hồng trần”.

Do đó, cái chết của ông Diệm trong quan điểm Phật giáo dù gọi ông là Tổng thống hay là bạo chúa, xem ông là “lãnh tụ anh minh” hay “tội đồ dân tộc”, cũng có giá trị như cái chết của bất kỳ một người bình thường khác mà thôi. Có khác chăng là **trong chiều dài lịch sử và trong chiều rộng nhân thế, ông đã để lại tui nhục và đau buồn cho một số người nào đó trong một khoảng thời gian nào đó.**

Riêng đối với tôi, tuy cái chết của ông Diệm lúc bấy giờ có làm bàng hoàng và đem lại cho tôi một mối suy tư sâu đậm, nhưng cuộc cách mạng thành công lại đã cho tôi một niềm vinh dự vô cùng lớn lao.

Nói về việc tôi tham dự vào cách mạng lật đổ chế độ Diệm, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã viết:

*Tình hình phe dự mưu đảo chánh hết sức phức tạp. Có rất nhiều tổ chức chống đối nhà Ngô.*

*Một số người đã từng theo Diệm từ trước khi Diệm nắm chính quyền năm 1954 và đã từng đóng góp một vai trò tích cực trong việc củng cố chế độ nhà Ngô lúc mới bắt đầu. Nhưng họ dần dần trở thành đối lập vì bất mãn với thái độ vợ chồng Nhu và vì họ thấy rõ cái mối nguy hại của chính sách nhà Ngô. Nhóm này gồm một số*

người dân sự và quân sự. Những người nổi bật nhất trong nhóm này là Bác sĩ Trần Kim Tuyến và Đại tá Đỗ Mậu. Đến tháng 9, Tuyến bị ngờ và đưa ra khỏi nước, còn đại tá Đỗ Mậu vẫn được họ Ngô tin tưởng cho đến khi đảo chánh xảy ra.

Sau khi Tuyến đi rồi, nhóm này được Phạm Ngọc Thảo và Đỗ Mậu lãnh đạo. Liên lạc giữa nhóm và người Mỹ thì do Thảo đảm nhận, còn Đại tá Đỗ Mậu lo liệu việc liên lạc với các nhóm Việt Nam khác.

Đại tá Đỗ Mậu biết Diệm từ những ngày xa xưa khi còn chế độ thực dân, thời mà Diệm còn là một vị tỉnh trưởng trẻ tuổi miền Trung Việt Nam trong lúc Mậu phục vụ trong hàng ngũ Bảo An. Ông ta rất trọng Diệm và là một trong số những cán bộ đặc lực nhất giúp đỡ Diệm nắm được và củng cố quyền hành vào những năm then chốt 1954-1955. Tuy nhiên, trong lúc đồng ý với nhà Ngô về chính sách đàn áp Bình Xuyên và các giáo phái thì ông ta không chấp nhận được thái độ của nhà Ngô đối với các đảng quốc gia kỳ cựu. Ông ta coi Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt như những người ái quốc và hợp tác với các đảng này để chống Cộng hơn là chiến đấu với họ như với kẻ thù. Đứng đầu ngành an ninh quân đội đáng sợ, ông ta có thể gây hại nặng nề cho hệ thống đảng viên các đảng phái quốc gia trong quân đội, tuy nhiên ông ta đã che chở cho các sĩ quan thuộc các đảng phái quốc gia bằng cách làm ngơ các phúc trình báo cáo về các sĩ quan này. Khi ông ta bắt đầu âm mưu chống lại chế độ Diệm, ông ta đã thành công trong việc ru ngủ Nhu cho đến phút cuối cùng hoàn toàn không biết gì về thực lực của thành phần chống đối trong quân đội.<sup>10</sup>

---

<sup>10</sup> Tài liệu “The Story of Ngo Dinh Diem’s Overthrow and Murder” của Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy sẽ được đăng vào “Displaced Person”, Centre Information Service, mục “Understanding VN”. Giáo sư Huy đã có nhã ý tặng tác giả một phó bản tài liệu này sau khi ông viết xong vào cuối năm 1979. Tài liệu của Giáo sư Huy chứa đựng nhiều sử liệu chính xác chưa bao giờ được tiết lộ. Duy có vài chi tiết liên quan tới tác giả cần phải bổ túc:

- a. Tác giả không phải đã theo ông Diệm từ thời ông Diệm còn là một Tỉnh trưởng, mà đã theo vào năm 1942, nghĩa là 10 năm sau khi ông Diệm từ chức Thượng thư Bộ Lại.
- b. Tác giả không phải đã đồng ý hoàn toàn với nhà Ngô trong việc đàn áp tất cả các giáo phái mà chỉ đồng ý việc triệt hạ nhóm

Nhắc lại lời của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một nhân chứng thời cuộc như thế, một nhân chứng am hiểu rất rõ tình hình Việt Nam, một nhân chứng nhiều kinh nghiệm đấu tranh và ý thức chính trị cao của phe quốc gia, để nói rằng Cách mạng 1–11–63 không chỉ là một nối tiếp hào hùng của truyền thống cách mạng dân tộc mà về phần tôi còn là thể hiện một sự nghiệp tràn đầy vinh dự. **Tôi đã hiến thân cho một chí sĩ Ngô Đình Diệm nhưng tôi đã không chịu làm kẻ ngu trung cho một Ngô Đình Diệm phản bội quê hương giống nòi.**

Vinh dự cách mạng 1–11–63 đã đến với tôi ngay khi tiếng súng Cách mạng vừa nổ, khi cả thủ đô Sài Gòn xuống đường chào mừng Cách mạng thành công, khi nhiều tổ chức thanh niên sinh viên, hùng dũng đi biểu tình “đả đảo nhà Ngô, hoan hô quân đội, và hoan hô Đại tá Đỗ Mậu”. Vinh dự hơn nữa khi ông Lê Phước Sang, đại diện tướng Hòa Hảo Nguyễn Giác Ngộ cùng với ông Nguyễn Tường Bá, đại diện gia đình văn hào Nguyễn Tường Tam, đến tận nhà để tỏ lòng ca ngợi và cảm ơn tôi đã đạp đổ được một chế độ phản bội dân tộc. Ông Nguyễn Tường Bá đã tặng tôi bức chân dung của văn hào và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam với bút tích: “Đời tôi chỉ có lịch sử xét xử. Việc đem các đảng đối lập ra xử trị là việc làm mất nước về tay Cộng Sản. Tôi tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do dân chủ”.

Lãnh tụ Nguyễn Tường Tam quyết định quyền sinh để cảnh cáo chế độ và để thúc giục đồng bào đứng lên can trường đấu tranh. Còn tôi lật đổ chế độ là để dân khỏi khổ, nước khỏi mất, tức là một mặt nào đó chu toàn cái di chúc cách mạng của văn hào Nguyễn Tường Tam. Hai hành động đó, tuy khác nhau về hình thức và cách nhau gần 4 tháng, nhưng về ý nghĩa thì chỉ là một: **làm một người Việt Nam yêu nước thương nòi.**

Nhưng vinh dự cho tôi còn lớn lao hơn nữa là sau 1963, ba năm liền, cứ đến chiều mùng một tháng 11, Thượng Tọa Thích Tâm Châu lại đích thân đến nhà riêng ngỏ lời cảm ơn đã có công giải thoát gông cùm cho Phật giáo nói riêng và dân tộc nói chung, dù Ngài là một Viện trưởng Viện Hóa Đạo mà tôi chỉ là một Phật tử tầm thường.

-oOo-

Lật đổ một chế độ như chế độ công an trị Ngô Đình Diệm không phải là chuyện dễ dàng. Chế độ Diệm với bộ máy mật vụ và đảng viên Cần Lao mà lòng trung thành tuy chỉ được xây dựng trên

đặc quyền đặc lợi, bạo quân bạo trị, nhưng lại nhiệt tình làm tai mắt cho chính quyền khắp hầu hết đơn vị quân đội, hầu hết cơ quan công quyền, hầu hết bộ phận sinh hoạt của xã hội, nhất là khi bị dồn vào thế cùng. Nhìn từ khía cạnh khoa học tổ chức và so sánh tương quan lực lượng, mà trong đó yếu tố bảo mật là quan trọng nhất, thì trong suốt thời kỳ vận động và tổ chức ngày cách mạng, hai ông Nhu–Diệm đã nắm phân ưu thế tuyệt đối.

Họ có năm cơ quan an ninh tình báo mà bốn nổi và một chìm: Nổi là Công An Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội, Lực Lượng Đặc Biệt, và Sở Nghiên Cứu Chính Trị, còn chìm là hệ thống Đảng viên Cần Lao và các bộ phận mật vụ tình báo phụ thuộc. Tất cả như thiên la địa võng, như tai vách mạch rừng bao vây lấy các nhân sự và hoạt động chống đối. Họ có Ngô Đình Nhu tuy bắt lực trong việc quản trị quốc gia nhưng lại xuất sắc trong các âm mưu và thủ đoạn tiêu diệt đối lập, nhất là bản chất vốn lạnh lùng và tàn ác không một chút do dự. Họ lại có những cấp thuộc hạ thi hành mệnh lệnh một cách mù quáng và có những phương tiện của quốc gia muốn sử dụng, muốn tiêu xài bao nhiêu cũng được.

Trong khi đó thì lực lượng cách mạng chỉ là một sự phối hợp của nhiều tổ chức và đoàn thể phức tạp, tuy cùng chí hướng và mục tiêu nhưng lại thiếu sự đồng nhất về nhân sự và thống nhất về kế hoạch. Họ còn phải làm việc trong một tinh thần cảnh giác quá độ vì sợ nội tuyến của chính quyền và vì bị trói buộc trong tính chất bất hợp pháp nguy hiểm của công tác. Thế mà cách mạng vẫn thành công, ngày 1 tháng 11 năm 1963 vẫn là một ngày hội lớn, một ngày vàng son trong dòng sinh mệnh cách mạng Việt Nam.

Sự thành công đó rõ ràng đã không phải nhờ tổ chức giỏi hơn hay lực lượng mạnh hơn mà thật sự chỉ nhờ ba yếu tố: *thứ nhất* là sự đồng tâm nhất trí của tất cả mọi tổ chức hay cá nhân tham gia lực lượng cách mạng, *thứ hai* là sự yểm trợ trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực của toàn quân toàn dân mà ước nguyện chung lật đổ chế độ độc tài là ước nguyện cao nhất và lớn nhất; và *thứ ba* là đầu óc chủ quan, tinh thần thiêu thực tế và bản chất cao ngạo của Ngô Đình Nhu, người chủ trương một kế hoạch đảo chánh giả để tiêu diệt cuộc “đảo chánh” thật. Nhưng bao trùm lên trên những yếu tố thuận lợi đó dĩ nhiên là nhờ cuộc cách mạng đó đã được phát động hợp lòng dân, hợp thời đại và hợp với truyền thống cách mạng. Và đó mới là điều đáng kể nhất.

## CUỘC CÁCH MẠNG NGÀY 1-11-63

*Trích từ:* Nguyệt san **Minh Tân** bộ mới số 7 (ngày 25/11/63) Cơ quan ngôn luận của **Hội Khổng Học** Việt Nam-Sài Gòn

### Lời Tòa soạn

Cuộc cách mạng ngày 1-11-63 do Quân đội Việt Nam Cộng hòa lãnh đạo đã thành công trong công việc lật đổ chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm.

Cơn ác mộng đã nặng trên đầu dân tộc Việt Nam suốt trong 9 năm trường đã qua rồi.

Chúng ta nhìn về đằng trước với một niềm phấn khởi vô biên, một chế độ mới, hợp với nguyện vọng nhân dân đang được xây dựng.

Lực lượng kiến tạo nền tảng của chế độ mới, Quân đội Cộng hòa Việt Nam do Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng lãnh đạo đã lấy máu xương dựng lên trang sử oai hùng, xứng đáng với niềm tin sâu xa của toàn dân và lòng khâm phục của nhân dân thế giới.

Trong 9 năm qua, nhân dân Việt Nam đã quần quai dưới bàn tay tàn bạo của gia đình Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai tham nhũng. Chúng đã gây cho nhân dân Việt Nam nhiều nỗi đau thương.

Trong khi mọi người ra sức đấu tranh chống lại tập đoàn Cộng Sản Việt gian do Hồ Chí Minh cầm đầu, thì họ Ngô lùi lại phía sau để đâm lên những nhát dao chí mạng vào lưng những người cách mạng, họ Ngô đã dựa vào cách mạng để tiêu diệt cách mạng, họ Ngô đã dựa vào nhân dân để phản bội nhân dân. Sự thực đó đã hiển nhiên và sáng tỏ như ánh sáng mặt trời. Người ta chưa thể quên được những ngày mà số mệnh họ Ngô leo lét như ngọn đèn trước gió vào năm 1955. Ngày đó Ngô Đình Diệm dựa vào lực lượng Cao Đài và Liên Minh để tồn tại và liền đó địa vị tạm vững vàng, họ Ngô đã cấu kết với thực dân dân cảnh để hạ sát Trung tướng Trình Minh Thế, một chiến sĩ quốc gia ưu tú. Đi sâu mãi vào con đường tội lỗi, năm 1956 họ Ngô đã lợi dụng lòng tin của các chiến sĩ giáo phái Hòa Hảo để bắt và hạ sát Thiếu tướng Lê Quang Vinh. Từ đây, với một quyền hành được củng cố, họ Ngô mặc tình thao túng, giả danh luật pháp để loại khỏi

chính trường không biết bao nhiêu người cách mạng chân chính quốc gia.

Tới khi họ Ngô làm lễ kỷ niệm 9 năm chấp chánh thì nhân dân Việt Nam đã phải trải qua không biết bao nhiêu điều đau đớn, phải gánh nhận không biết bao nhiêu tang tóc bị thương. Toàn thể nhân dân Việt Nam đều có với họ Ngô một mối nợ máu cần phải trang trải và bộ mặt thật của họ Ngô đã bị lột trần bởi những bàn tay vấy máu của họ. Vụ đàn áp Phật giáo, chà đạp lên quyền tự do tín ngưỡng do họ Ngô chủ trương đã gây ra cái chết cho không biết bao nhiêu những con dân đất nước từ Thủ đô đến khắp mọi nẻo hẻo lánh xa xôi. Hành động vô lương tri này của họ Ngô đã khiến một nhà tu hành đức độ là Hòa Thượng Thích Quảng Đức phải đem mạng sống ra làm một lời cảnh cáo. Nhưng ngựa không bao giờ quên đường cũ, họ Ngô đã trắng trợn phỉ báng cái chết anh dũng đầy cao quý của Hòa Thượng Thích Quảng Đức và tiếp tục đàn áp tôn giáo cũng như đàn áp mọi quyền tự do căn bản của nhân dân. Nào bắt bớ tù đầy những phần tử ái quốc, khủng bố đàn áp học sinh, sinh viên làm cho nhân dân trong nước và nhân dân thế giới phải ghê tởm trước những hành động bạo ngược và bỉ ổi đó. Mặc cho dư luận quốc tế xôn xao phản đối, mặc cho nhân dân thống khổ rên la, bẽ lũ họ Ngô không những không nói tay mà lại còn lồng lộn như thú dữ. Chúng lớn tiếng phản đối tất cả dư luận và la là Đông Tây toa rập để chống lại “Việt Nam Cộng Hòa” và cho những hành động đó đều do Cộng Sản xúi giục. Bất cứ ai hể có hành động chống lại chúng là bị chúng chụp cái mũ cho là Cộng Sản.

Nhưng không vì thế mà nhân dân Việt Nam đành khoanh tay ngồi nhìn để mặc cho chế độ bạo tàn tung tác.

Lửa đấu tranh đòi quyền sống của dân tộc đã bùng lên quá mạnh, không có một sức mạnh bạo tàn nào có thể cản được ngọn lửa ấy.

Các vị tu hành vẫn tiếp tục tự thiêu. Sinh viên, học sinh các giới Phật tử vẫn tiếp tục xuống đường để phản đối một chính quyền bạo tàn, bất chấp cả lưỡi lê và súng. Sự tranh đấu oai hùng của dân tộc đã được thế giới tự do và các nước bạn đặc biệt lưu ý ủng hộ.

Khi nhận thấy bị cô lập, Ngô Đình Diệm và bè lũ thừa biết số phận chúng và chế độ thối nát thế nào cũng bị ngọn lửa đấu tranh của nhân dân đè bẹp tiêu tan, nên chúng đã trắng trợn âm mưu bắt tay với Cộng Sản, kẻ thù của dân tộc để củng cố địa vị.

Quân đội Cộng Hòa Việt Nam có một tinh thần truyền thống

bất khuất không thể để quốc gia rơi vào cảnh diệt vong, nên đã anh dũng đứng lên làm cách mạng. Đúng 1 giờ 30 chiều ngày 1-11-63-tiếng súng cách mạng bùng nổ. Chế độ độc tài gia đình trị đã cáo chung, Ngô Đình Diệm và bè lũ đã đền tội. Dân tộc Việt Nam đã bước vào một vận hội mới, dưới sự lãnh đạo của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và Chính phủ lâm thời, đã được toàn dân nhiệt liệt hoan nghênh ủng hộ.

*Lời Tòa Soạn Nguyệt San* **Minh Tân**

Cơ quan ngôn luận, Hội Khổng Học Việt Nam

Bộ mới số 7 ngày 25-11-1963, Sài Gòn.

## HAI YẾU TỐ “CÔNG GIÁO” VÀ “MỸ” TRONG BIẾN CỐ 1-11-1963

*Hoành Linh Đỗ Mậu*

*[Trích đoạn từ Chương XVII, “Cuộc Cách mạng 1-11-1963”, của tác phẩm Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi, Hoành Linh Đỗ Mậu, NXB Văn Nghệ, California 1993]*

Lật đổ một chế độ như chế độ công an trị Ngô Đình Diệm không phải là chuyện dễ dàng. Chế độ Diệm với bộ máy mật vụ và đảng viên Cần Lao mà lòng trung thành tuy chỉ được xây dựng trên đặc quyền đặc lợi, bạo quân bạo trị, nhưng lại nhiệt tình làm tai mắt cho chính quyền khắp hầu hết đơn vị quân đội, hầu hết cơ quan công quyền, hầu hết bộ phận sinh hoạt của xã hội, nhất là khi bị dồn vào thế cùng. Nhìn từ khía cạnh khoa học tổ chức và so sánh tương quan lực lượng, mà trong đó yếu tố bảo mật là quan trọng nhất, thì trong suốt thời kỳ vận động và tổ chức ngày cách mạng, hai ông Nhu–Diệm đã nắm phần ưu thế tuyệt đối.

Họ có nắm cơ quan an ninh tình báo mà bốn nổi và một chìm: Nổi là Công An Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội, Lực Lượng Đặc Biệt, và Sở Nghiên Cứu Chính Trị, còn chìm là hệ thống Đảng viên Cần Lao và các bộ phận mật vụ tình báo phụ thuộc. Tất cả như thiên la địa võng, như tai vách mạch rừng bao vây lấy các nhân sự và hoạt động chống đối. Họ có Ngô Đình Nhu tuy bất lực trong việc quản trị quốc gia nhưng lại xuất sắc trong các âm mưu và thủ đoạn tiêu diệt đối lập, nhất là bản chất vốn lạnh lùng và tàn ác không một chút do dự. Họ lại có những cấp thuộc hạ thi hành mệnh lệnh một cách mù quáng và có những phương tiện của quốc gia muốn sử dụng, muốn tiêu xài bao nhiêu cũng được.

Trong khi đó thì lực lượng cách mạng chỉ là một sự phối hợp của nhiều tổ chức và đoàn thể phức tạp, tuy cùng chí hướng và mục tiêu nhưng lại thiếu sự đồng nhất về nhân sự và thống nhất về kế hoạch. Họ còn phải làm việc trong một tinh thần cảnh giác quá độ vì sợ nội tuyến của chính quyền và vì bị trói buộc trong tính chất bất

hợp pháp nguy hiểm của công tác. Thế mà cách mạng vẫn thành công, ngày 1 tháng 11 năm 1963 vẫn là một ngày hội lớn, một ngày vàng son trong dòng sinh mệnh cách mạng Việt Nam.

Sự thành công đó rõ ràng đã không phải nhờ tổ chức giỏi hơn hay lực lượng mạnh hơn mà thật sự chỉ nhờ ba yếu tố: *thứ nhất* là sự đồng tâm nhất trí của tất cả mọi tổ chức hay cá nhân tham gia lực lượng cách mạng, *thứ hai* là sự yểm trợ trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực của toàn quân toàn dân mà ước nguyện chung lật đổ chế độ độc tài là ước nguyện cao nhất và lớn nhất; và *thứ ba* là đầu óc chủ quan, tinh thần thiếu thực tế và bản chất cao ngạo của ông Ngô Đình Nhu, người chủ trương một kế hoạch đảo chánh giả để tiêu diệt cuộc “đảo chánh” thật. Nhưng bao trùm lên trên những yếu tố thuận lợi đó dĩ nhiên là nhờ cuộc cách mạng đó đã được phát động *hợp lòng dân, hợp thời đại và hợp với truyền thống cách mạng*. Và đó mới là điều đáng kể nhất.

-o0o-

Tuy nhiên, trong toàn bộ tiến trình vận động cách mạng để lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, lực lượng cách mạng cũng phải đối diện và giải quyết hai vấn đề phức tạp và tế nhị, đó là vấn đề “người Công giáo” và vấn đề “người Hoa Kỳ”.

Nhìn lại lịch sử cận đại ta thấy:

“... dù sao thì sự tương quan giữa giáo hội Công giáo Việt Nam và chính quyền Hồ Chí Minh cũng đã đến giai đoạn khó khăn nguy hiểm trước khi nhà Ngô lên cầm quyền. Trong lúc đó, khi thỏa hiệp với chế độ Bảo Đại, người Công giáo đã không do dự chút nào, vì họ tự cho rằng nếu không có họ thì chế độ Bảo Đại chỉ như một cái gì tạp nham vô hồn mà mỗi ngày họ càng tảo bạo rằng buộc chế độ Bảo Đại vào đường lối có lợi cho họ trong các cuộc tranh chấp giữa người quốc gia.

Ngược lại, đối với nhà Ngô, họ là những kẻ chiến thắng không ai có thể làm lẫn được. Rất nhiều người Công giáo Việt Nam lý luận một cách quả quyết rằng phải có sự hoà nhập giữa giáo quyền và thế quyền. Giám mục Ngô Đình Thục, người anh ruột của ông Tổng thống mà vào những năm cuối của chế độ, thường đi giảng đạo (*Tournées pastorales*) bằng súng liên thanh, người mà Tòa Thánh La Mã dù hơi muộn cũng đã khôn ngoan bắt rời khỏi giáo phận vào lúc lòng căm thù khùng khiếp của dân chúng nổ tung để chống lại ông ta, cũng đã ngạo mạn nêu lên cái nhiệm vụ “bảo vệ quốc gia” của Công giáo (*Protecteur de l'Etat*). Năm 1964, nhiều linh mục tại Huế đã cho

tôi biết trong thời gian trước khi Ngô Đình Thục lên đường đi La Mã, đã có nhiều tổ chức tại miền Trung âm mưu chống đối bằng bạo động trước sự tàn bạo và lộng quyền của Thục và Cẩn.

Nói tóm lại, cuộc di cư của 700.000 giáo dân miền Bắc và Liên khu 4 từng làm rung động dư luận thế giới Công Giáo, đã tuôn vào Nam một đám người cuồng tín không chịu hội nhập với dân địa phương. Người Công giáo miền Nam cũ (Cochinchinois) thì không muốn gì hơn là được sống bình an chung quanh giáo đường, là được yên ổn đi làm lễ và cầu nguyện, xa lánh những chuyện xảy ra ngoài họ đạo của họ. Nhưng người Công Giáo Bắc di cư thì lại mù quáng theo lệnh các linh mục, mà những linh mục này lại là những “chuyên viên xách động” (meneurs) bất chấp hệ thống giáo hội, tổ chức những cuộc biểu tình, những hiệp hội, xúi giục con chiên chống đối Phật giáo, chống đối Cộng Sản, chống đối ngoại nhân dưới chiêu bài “Thiên Chúa giáo” nhưng lại thiếu giáo hạnh (... *Le tout sous l'etiquette chrétienne mais dans un esprit assez peu religieux*). Hàng giáo phẩm cao cấp thì lại phân hóa và rụt rè không muốn can thiệp vào việc làm của giáo dân di cư, những kẻ khốn nạn và lầm lỗi.

Trên đường đi Biên Hòa, cách thủ đô không tới 30 cây số, người ta thấy dựng lên một cái bảng thật lạ: “Bùi Chu”. Lại, vì đó là tên của một trong hai giáo phận Bắc Việt đã từng nổi tiếng vào năm 52, thời mà các ông cha xừ ở đây do Đức Giám mục Lê Hữu Từ dẫn đầu, đã tổ chức những toán dân vệ thuộc lại “chouannerie” Việt Nam chống lại Việt Minh. Hai năm sau, giáo dân Bùi Chu rút vào miền Nam trong những điều kiện có khi thật thê thảm, và trên những chiếc ghe có cờ Tòa Thánh Vatican bay phất phới đến từ những bến bờ miền Bắc; họ xin được tá túc tại miền Nam trù phú, miền Nam đã được ông Diệm vỗ trang để chống lại Cộng Sản.

Tại đây, “Bùi Chu mới” được bao bọc bởi những thành lũy kiên cố như các trại binh La Mã để trở thành những “ấp chiến lược”. Một số làng được bứng hẳn từ miền Bắc vào, đầy ắp dân Bắc di cư, bao quanh Sài Gòn như một vòng đai làm như chế độ mặt trận ấy muốn trang bị cho Thủ đô một cái áo giáp sắt được cấu tạo bằng một số dân cư thuộc loại thù không đội trời chung với Cộng Sản, một loại quần chúng có óc “ Công giáo chiến đấu” dữ dằn nhất.

Không phải tại Việt Nam mà người ta có thể tìm thấy được những tài liệu để viết thêm một cuốn sách mới về cái “Trí tuệ Vượt bực” của Công giáo. Làm sao mà cái tính chất baroque của thế kỷ 17 có thể bị lai hóa đến thế? Ở Phát Diệm và Bùi Chu (trước kia), các

giáo đường vươn lên từ những thửa ruộng thì còn giữ được nét quý phái hoặc lạ lùng. Tại đây, khi được thiên về vùng đất giàu có hơn, ra khỏi cái không khí thô thảm của miền Bắc, các giáo đường ấy phai nhạt để thành những hình thể thật thể lương. Tuy nhiên, ta không nên đàm tiếu về điều này vì khi ta thấy tập hợp đông đảo quanh các giáo đường ấy là các giáo dân mặc đồ đen, những tín đồ gầy ốm bao quanh các cha xứ to mồm của họ, thì ta phải tin rằng họ không nghĩ là họ lại phải di cư thêm một lần nữa vì cái chết của ông Diệm. Ta không thể biết chắc được phản ứng của những cộng đồng Công giáo ở ngoài thủ đô như thế nào, những cộng đồng đã bị tê liệt trong một thái độ phản đối lặng lẽ. Tuy nhiên tại Sài Gòn, những người có thẩm quyền nói lên tiếng nói của giáo dân thì lại không che giấu rằng sự sụp đổ của chế độ Diệm đã tạo nên một nỗi lo âu trầm trọng trong nhiều giới giáo dân. Các giới này vẫn khác biệt nhau về xu hướng cũng như về khu vực địa dư.

Những kẻ lo lắng nhất, nghĩa là những kẻ bàng hoàng nhất vì vụ thủ tiêu vị cựu Tổng thống, chắc chắn là những người Bắc Công giáo di cư mà tổng số khoảng 3/4 triệu, trên tổng số một triệu hai trăm ngàn dân Công giáo tại miền Nam. Trong chiến dịch cứu nạn của năm 1954, dù chế độ nhà Ngô đã tham gia được nhiều hay ít, thì những người Bắc Công giáo di cư cũng đã xem chế độ này như ân nhân đón tiếp họ trong cơn hoạn nạn, do đó mà họ giữ lòng biết ơn đối với chế độ. Sự thiếu khoan dung và chủ trương phe phái của chế độ đã không làm phiền lòng nhóm dân này, vì họ vốn được những nhà truyền giáo mà phần lớn là người Y Pha Nho và Ái Nhĩ Lan dạy dỗ, những nhà truyền giáo này đã coi việc chống Cộng như một tín điều và là một lý do để sống còn. Tất nhiên không phải tất cả mọi người Công giáo ở miền Trung đều một lòng theo Diệm. Chung quanh linh mục Cao Văn Luận, vị Viện trưởng Đại học bị giải nhiệm vào tháng Sáu vì đã cố gắng bênh vực Phật giáo đồ, và một số giáo sư trường Thiên Hựu (Providence), ta thấy hình thành một khuynh hướng tiến bộ, rộng rãi, và tuy khuynh hướng này không chấp nhận việc thủ tiêu anh em ông Diệm nhưng lại coi sự cáo chung của chế độ như một sự giải thoát, như bỏ đi được cái quyền áp đặt vốn đè nặng trên khối Công giáo Việt Nam.

Tuy nhiên, Đức cha Ngô Đình Thục, anh trưởng của vị Tổng thống và là Tổng Giám mục của địa phận Huế, lại cố sức xây dựng một khuynh hướng khác được nuôi dưỡng bằng những kỷ niệm thật tàn bạo. Đối với ông ta, Thiên Chúa giáo chỉ có thể tồn tại bằng một

cuộc thánh chiến thường trực. Ông ta không ngừng nhắc lại rằng không đầy một thế kỷ trước đây, dưới thời Minh Mạng, 25 ngàn giáo dân đã bị sát hại trong vùng này, và không tới 20 năm trước đây, cả ngàn người Công giáo đã chết tại tỉnh Quảng Ngãi thời Việt Minh nổi dậy lần đầu; ông ta đã có thể áp đặt tình trạng báo động thường xuyên là tình trạng kinh chống ngấm ngấm cho khối Công giáo. Điều này giải thích sự khắc khoải của khối dân này sau khi quyền lực của người chúa tể đã mất đi.

Chính tại miền Nam kỳ cũ là nơi mà người Công giáo nói chung đã chấp nhận sự sụp đổ của chế độ nhà Ngô. Trước hết vì miền Nam kỳ cũ (Cochinchine) là nơi mà tư tưởng được lưu chuyển một cách tự do nhất, nơi mà chủ nghĩa duy tân được phát triển một cách tự nhiên, và cũng là nơi mà sự khoan dung được phát triển. Đồng thời, cũng tại miền Nam kỳ cũ đó, Tòa Khâm sứ Tòa Thánh, Tòa Tổng Giám mục, Đức Giám mục Nguyễn Văn Bình, đã tỏ ra có can đảm đối đầu với quyền lực của ông Diệm đặc biệt là đã gửi cho ông Diệm ngày 16/6 một giác thư nhuốm đầy tinh thần của chỉ dụ “Hòa bình trên thế giới” (“Pacem in Terris”) của Đức Giáo Hoàng – và một số đại diện cho các dòng tu như các tu sĩ dòng Chúa Cứu Thế, và nhất là dòng Đa Minh, đã không che giấu sự chỉ trích của họ đối với chiều hướng càng lúc càng độc tài của một chế độ mà cuối cùng chỉ làm tác hại cho Công giáo.

Tuy nhiên, ta không thể đánh giá quá thấp sự xúc động do cái chết thể thân của ông Diệm gây ra trong các giới nói trên. Không phải chỉ vì ông Diệm – dù không có kinh nghiệm và mặc dù sự thoái nát của chế độ - vẫn được kính trọng (“Một nhà ái quốc, theo cách riêng của ông ta”, theo lời của Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã từng ghi nhận), mà chính vì bảo ông ta tự tử là một điều làm cho người Công giáo bất bình, làm cho họ không tin, và làm cho việc giết ông ta không những là một hành động tàn độc, vô ích mà còn nhuốm vẻ gian dối.

Vì vấn đề tự tử được đặt ra, và vì đó là điều không ai tin, cho nên cái huyền thoại muốn rằng “Tổng thống vẫn chưa chết”, cái huyền thoại ấy còn sống mạnh trong một số quần chúng Công giáo. Vì vậy mà các Tướng lĩnh đã lấy quyết định công khai hóa các hình ảnh để chứng minh rằng huyền thoại đó sai, ông Diệm quả đã chết. Việc để cho dư luận bàn tán quả thật không có lợi cho những người chiến thắng.

Chúng ta hãy lắng nghe một linh mục người Bỉ có dáng dấp

*của một nhà đô vật, với đôi mắt xanh và nét mặt sắt đá, loại “cha xứ anh chị” đặc biệt của phim ảnh Mỹ: “Ai là kẻ chịu trách nhiệm về tình trạng thảm khốc này, về sự thất bại hoàn toàn của chế độ, về sự xao trộn mà giáo hội chúng ta đang phải nhận chịu? Ai? Tôi xin hỏi quý vị? Có phải là quân đội? Chính quyền? Người Mỹ? Xin thưa rằng không! **Chính những người Công giáo phải gánh lấy trách nhiệm ấy.** Đúng, chính những người Công giáo, toàn bộ khối Công giáo. Ai cũng lo đắc thắng, lo xu thời, mà không ai cố gắng – trừ ở những cấp độ rất khiêm nhường – giúp việc lèo lái con thuyền, hầu sửa sai những lộng hành không chịu nổi của chế độ. Ai cũng tự ru ngủ để hoàn toàn lẫn lộn sự giàu có với Thiên Chúa giáo, sự trưởng giả với giai cấp. Vì vậy mà bây giờ như thế này, chờ đợi sự rửa hận của Phật giáo, một sự rửa hận có thể trở thành bi đát nếu Việt Cộng thành công và họ đang cố gắng để thành công trong việc lung đoạn hàng ngũ Phật giáo. Chúng ta đã không biết sửa sai để chuộc lại cái quyền lực của ông Diệm. Bây giờ phải xây dựng lại từ số không, trên đổ vỡ, nếu đối thủ của chúng ta – gồm đến 4/5 dân xứ này – còn để cho chúng ta có thì giờ để xây dựng...”<sup>[11]</sup>*

Tôi đã trích dịch một phần đoạn phân tích của ký giả Jean Lacouture mà tôi nghĩ là phản ánh đầy đủ và trung thực vai trò sai lầm và trách nhiệm hoàn toàn của người Công giáo Việt Nam dưới chế độ Diệm cũng như tâm trạng của họ sau ngày ông Diệm chết. Người Công giáo Nam kỳ cũ và người Công giáo tiền bộ thì đã không muốn, hay muốn nhưng không hết lòng, can gián anh em ông Diệm, còn người Công giáo Bắc di cư và người Công giáo miền Trung (trừ một thiểu số) thì lại đồng lõa với chính sách cai trị sai lầm của anh em ông Diệm. Cho nên dù ông Dương Văn Minh có hành xử một cách quá khích khi ra lệnh giết ông Diệm thì căn bản của toàn bộ vấn đề vẫn là do khối Công giáo Việt Nam đã gián tiếp hay trực tiếp đẩy anh em ông Diệm sa vào hố sâu tội lỗi, để chế độ của họ bị sụp đổ và anh em họ bị sát hại. Nói cách khác, **nguyên do sâu sắc nhất và tác động mạnh mẽ nhất gây ra sự sụp đổ của chế độ Diệm và cái chết của anh em ông ta là do người Công giáo (nhất là người Công giáo di cư) và do Giám mục Ngô Đình Thục.** Viết đến đây tôi lại nhớ đến sự sáng suốt khôn ngoan của Đức Giáo Hoàng Paul VI khi Ngài bắt Ngô Đình Thục phải ra đi vào đầu tháng 9 năm 1963, sau khi Tòa Thánh nhận định đúng đắn được tội ác của anh em ông Diệm trong chính sách kỳ thị và đàn áp tôn giáo, nhất là sau vụ tấn công chùa chiền đêm 20/8/1963. (Theo “Hai Mươi Năm Qua” của Đoàn Thêm

thì có tin đồn Giám mục Ngô Đình Thục khi đến La Mã đã không được phép bệ kiến Đức Giáo Hoàng). Viết đến đây tôi cũng lại nhớ đến Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên trung thành của Tổng thống Diệm, một đứa cháu của tôi, tuy không ý thức chính trị và không nắm vững tình hình chung của quốc gia nhưng cũng nhìn được một số sự kiện thực tế và nhận xét chân thực như sau:

*“Thái độ của Tổng thống Diệm làm cho Đức Cha Thục nghĩ mình là “Đại diện Thiên chúa” với Tổng thống. Dưới chế độ Diệm, không phải xứ đạo Công giáo nào cũng ủng hộ cả. Vì ngay cả Đức Khâm mạng Tòa Thánh Vatican ở Sài Gòn một đôi lúc cũng khuyến cáo Tổng thống Diệm. Tuy nhiên, Tổng thống Diệm lơ đi. Nếu nói một cách phũ phàng thì Tổng thống Diệm là người nể Đức Cha Thục quá mức. Đức Cha Thục đã góp phần vào việc đưa đẩy Tổng thống Diệm đến nơi an nghỉ cuối cùng”*.<sup>[12]</sup>

Dù vậy, một mình ông Ngô Đình Thục vẫn chưa phải là thành tố tạo ra một giáo hội Việt Nam lộng hành và cao ngạo, lại càng không thể tạo ra một giai cấp Việt Nam Mới chỉ gồm toàn tín đồ Công giáo sống tách rời khỏi đại chúng Việt Nam trên mặt chính trị cũng như xã hội. Cũng vậy, 9 năm được ưu đãi dưới chế độ Diệm chưa đủ lâu dài để khai sinh một lực lượng khuynh loát hầu hết sinh hoạt quốc gia ở thượng tầng kiến trúc, khống chế mọi khu vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng của quê hương. Phải có một yếu tố nào đó sâu sắc hơn, mãnh liệt hơn, mà bản chất và tác phong của người Công giáo Việt Nam dưới 9 năm của chế độ Diệm chỉ là cao điểm cuối cùng mà thôi. Yếu tố đó, như tôi đã trình bày trong một chương trước là **sự nổi dài, cả trong không gian lẫn thời gian, cái tinh thần giáo điều và độc tôn của Tòa Thánh La Mã từ thời Trung cổ Tây phương đến mảnh đất Việt Nam, là sự khai thác những thỏa hiệp nhỉnh nhàng giữa thực dân và “Hội Truyền Giáo Hải Ngoại” trong chính sách xâm thực của đế quốc Pháp từ gần hai thế kỷ trên quê hương Việt Nam.**

Yếu tố đó, từ nhiều năm trước, đã được phát hiện ra hoặc bởi những khuôn mặt lịch sử văn hóa lớn như Phan Bội Châu, Lý Đông A, Phan Khoang, Đào Trinh Nhất,... hoặc bởi đại khối quần chúng nhần nhục im lặng. Nhưng hiện đại hơn, yếu tố đó đã được Cộng Sản Việt Nam khai dụng tại miền Bắc để dùng sự thật lịch sử đó như một vũ khí khích động lòng yêu nước trong những năm tháng kháng chiến và bây giờ. Còn trong Nam, dĩ nhiên yếu tố đó còn lộ rõ một cách gay gắt hơn và cũng không thiếu người ý thức được sự thật lịch sử đó,

nhưng trong cái khung cảnh chính trị miền Nam lúc bấy giờ, họ đã không muốn nói hoặc không dám nói ra.

Phải đợi cho đến năm 1963, khi sự lộng quyền và kiêu căng tích lũy từ nhiều năm lên đến mức độ cao nhất để hung bạo và trắng trợn kích phá Phật giáo, thì vấn đề tôn giáo mới được dân tộc quyết liệt đưa ra tòa án lịch sử, với đầy đủ nạn nhân, nhân chứng và hồ sơ cáo trạng.

Tôn giáo, trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, tính cho đến khi Thiên Chúa giáo du nhập vào Việt Nam, chưa bao giờ là nguyên ủy của những tranh chấp và khủng hoảng. Nhưng vào năm 1963, khi chủ xướng ngày cách mạng 1963, một số sĩ quan có ý thức chính trị đã thấy những phức tạp và tế nhị của vấn đề người Công giáo (nhất là “Công Giáo Cần Lao” tay sai của Diệm–Nhu) trong và sau khi phát động ngày cách mạng. Vì lật đổ chế độ Diệm không phải chỉ là lấy đi những đặc quyền đặc lợi của khối Công giáo mà còn đặt họ vào tư thế đồng lõa với ông Diệm, và quan trọng hơn cả, là đặt họ về lại đúng vị trí của một bộ phận khiêm nhường của dân tộc, một vị trí mà từ gần một thế kỷ qua họ đã dựa vào thế lực ngoại bang hoặc tay sai của ngoại bang để chối bỏ.

Tuy có ý thức được viễn cảnh khó khăn đó nhưng tin tưởng mãnh liệt vào hành động đầy chính nghĩa, tin tưởng vào hậu thuẫn đông đảo của đồng bào cả nước, cho nên một số người chủ xướng ngày cách mạng 1/11/63 vẫn quyết tâm tiến hành việc làm của mình dù biết rằng việc làm đó có gây căm thù và buồn hận cho một thiểu số hẹp hòi và cuồng tín. Và lại, lật đổ chế độ không những là chấm dứt tình trạng bất công và bế tắc của một xã hội thoái bộ mà còn chặn đứng được âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản của những kẻ lãnh đạo chế độ đó, vì vậy, ở một mặt nào đó, yểm trợ cho lập trường chính trị của người Công giáo, vốn cho Cộng Sản là kẻ thù Satan không đội trời chung.

Lịch sử dân tộc bị một nút chặn thì phải tháo nó ra để tiến hóa, tình cảm dân tộc bị xúc phạm thì phải hóa giải nó đi để tìm lại cái tình tự hòa hài rất truyền thống của dân tộc. Người Công giáo Việt Nam là một bộ phận của dân tộc, họ có thể không nhìn thấy và không đồng ý về cái nhìn cách mạng đó sau ngày 1–11–63 vì những xúc động nhất thời sau cái chết của ông Diệm, nhưng 20 năm sau, vì liên đới ruột thịt đồng bào và vì thâm trạng 30–4–75, họ hẳn là phải thấy và hiểu hơn ai hết, không phải để đoái công chuộc tội mà để còn chuẩn bị cho ngày về đất cũ quê xưa trong vòng tay ưu ái của dân tộc. Còn nếu họ

vẫn không thấy được thì tại họ, dân tộc không thể giúp đỡ họ mở mắt lớn hơn được nữa.

-oOo-

Vấn đề phức tạp và tế nhị thứ nhì là “yếu tố người Mỹ”. Như tôi đã trình bày trong một chương trước, mặc dù rất thất vọng với chế độ Diệm nhưng chính quyền Hoa Kỳ đã chỉ biết chiều chuộng, khuyến cáo và cố gắng sửa chữa mà thôi, không khác gì trường hợp Tổng thống Reagan 20 năm sau chịu đựng và khuyến cáo vợ chồng nhà độc tài tham nhũng Marcos (Phi Luật Tân) bằng cách vẫn tiếp tục viện trợ nhưng vẫn bí mật khuyến cáo. Thật vậy, khi gửi ông Cabot Lodge qua Việt Nam thay Đại sứ Nolting, mục đích nguyên thủy của Tổng thống Kennedy là chỉ nhằm làm áp lực Tổng thống Diệm phải cải cách chế độ cho trong sạch và có hiệu năng hơn mà thôi. Nếu Tổng thống Kennedy muốn đảo chánh ông Diệm thì không đời nào mời một khuôn mặt chính trị cỡ lớn như ông Lodge, huống chi ông Lodge thuộc đảng Cộng Hòa (vốn có thể tố cáo âm mưu của ông Kennedy và đảng Dân Chủ khi hai đảng có những tranh chấp như trong các cuộc bầu cử chẳng hạn). Nếu ông Lodge đến Sài Gòn chỉ để đảo chánh ông Diệm thì chắc chắn ông không bao giờ nhận lời làm Đại sứ tại Việt Nam Cộng Hòa. Người Mỹ cho đến cuối tháng 10–1963 vẫn mong dùng ngoại giao và chính trị để giải quyết cuộc khủng hoảng của chính phủ Ngô Đình Diệm, việc mà tôi sẽ trình bày rõ sau đây.

Sau vụ tấn công chùa chiền đêm 20–8–63 [Kế hoạch « *Nước Lũ* »], Tổng thống Kennedy bắt đầu cụ thể yêu cầu ông Diệm phải đưa ông Nhu ra nước ngoài, nhưng ông Diệm không chịu và Hoa Kỳ cũng đành bó tay không có giải pháp nào hơn. (Xin lưu ý rằng từ đầu năm 1963, âm mưu bắt tay với Hà Nội của anh em ông Diệm đã tiến triển khá sâu rồi. Tết âm lịch 1963, Hà Nội đã tặng ông Diệm một cành đào và được ông Diệm hân hoan cho trưng bày tại dinh Gia Long). Cho đến ngày 29–10–1963, ông Cabot Lodge vẫn chưa biết thời điểm phát động cách mạng chỉ còn 48 tiếng đồng hồ nữa, nên vẫn hy vọng vào nỗ lực thuyết phục ông Diệm cho ông Nhu xuất ngoại để giới hạn những đổ vỡ và những đảo lộn nếu có một cuộc chính biến xảy ra.

Ông Lodge đến Việt Nam với một nhiệm vụ rất rõ ràng và khó khăn là tạo ổn định chứ không gây rối loạn. Chính sách của Hoa Kỳ lúc bấy giờ đối với Việt Nam cũng là tăng hiệu năng chiến đấu chống Cộng mà điều kiện tiên quyết là khả năng vận động toàn bộ sức mạnh

miền Nam của cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa. Ông Lodge gần như có toàn quyền quyết định và những nhận định ông gửi về cho tòa Bạch Ốc cũng như Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đều được cứu xét một cách nghiêm chỉnh.

Trước khi đi sâu hơn vào vai trò của ông Lodge, tôi xin có vài hàng ghi lại về nhân vật ngoại quốc đã có một thời liên hệ đến vận mệnh nước ta, và để thấy Cabot Lodge là một chính trị gia cần mẫn, hành sự với những suy tính có lợi cho Việt Nam và Mỹ chứ không phải là một người nông nổi.

Tất cả bắt đầu vào ngày 18 tháng giêng năm 1963 tại một Câu lạc bộ Hải quân Hoa Kỳ, khi Tổng thống Kennedy nhờ Đại tướng Chester Clifton thăm dò xem ông Cabot Lodge có chấp nhận đi làm Đại sứ nước ngoài không? Ông Lodge đã trả lời: “Tôi có nghề nghiệp, tôi không cần tìm việc làm nhưng nếu có nơi nào khó khăn mà kinh nghiệm của tôi có thể hữu ích cho đất nước thì tôi sung sướng chấp nhận”. Đầu tháng 6 năm đó, Tổng thống Kennedy mời ông vào tòa Bạch Ốc và đích thân yêu cầu ông Lodge giữ chức Đại sứ tại Việt Nam Cộng Hòa. Ông đáp lại rằng: “Nếu Tổng thống cần thì dĩ nhiên tôi sẽ sẵn sàng, nhưng trước hết tôi phải hỏi ý kiến nhà tôi và cựu Tổng thống Eisenhower, vị lãnh tụ đảng Cộng Hòa đã”.

Mặc dầu trước đó, chính quyền Dân Chủ Kennedy đã từng mời những nhân vật Cộng Hòa tham chánh như MacNamara (Bộ trưởng Quốc phòng), Douglas Dillon (Bộ trưởng Ngân khố), John McCone (Giám đốc Trung ương Tình báo) nhưng lần đề nghị này đã bị nhiều lãnh tụ đảng Cộng Hòa phản đối vì sự phức tạp và phiêu lưu của nhiệm sở mới. Chỉ có Eisenhower là tán đồng và khen ngợi sự khôn khéo, khoáng đạt của Kennedy.

Ngày 18/6/1963, ông Lodge chính thức trả lời chấp thuận nhiệm vụ mới này.

*“Đại sứ Henry Cabot Lodge thuộc một gia đình vọng tộc của nước Mỹ. Thân phụ ông là một thi sĩ nổi tiếng, bạn thân với Tổng thống Theodore Roosevelt. Ngay từ thời thơ ấu, ông Lodge đã thường ăn cơm tại tòa Bạch Ốc và chơi thân với các cháu của Tổng thống Adams, đã đi thăm những nhân vật nổi tiếng như Edith Wharton ở Paris và Henri James ở Anh Quốc. Ông Calvin Coolidge, thời chưa làm Tổng thống, đã đến diễn thuyết tại trường ông Lodge ngày ông thi đỗ Tú tài. Và sau này, khi ông trở thành một ký giả trẻ của tờ báo Herald Tribune, Tổng thống Coolidge đã mời ông tham dự buổi tiệc với anh hùng Lindbergh. Nội tổ của ông Lodge là một Nghị sĩ đảng*

Cộng Hòa đối lập với Tổng thống Dân Chủ Wilson nhưng lại là người xây dựng cho ông Harding trở thành Tổng thống.

Cabot Lodge đã từng làm Nghị sĩ nhưng khi thế chiến thứ hai bùng nổ, ông từ giả nghị trường và xin gia nhập vào binh chủng thiết giáp rồi trở thành đồng đội với tướng Paul Harkins mà sự tình cờ lịch sử đã đưa đẩy cả hai ông sau này cùng phục vụ tại Việt Nam thời Tổng thống Diệm. Việc ông Lodge gia nhập quân đội để được chiến đấu đã làm cho cả Tổng thống Roosevelt lẫn Thủ tướng Churchill hết sức ca ngợi. Cuộc đời binh nghiệp ngắn ngủi với chức Trung tá đã đưa ông lên đến địa vị Trung tướng trừ bị và trở thành bạn thân của danh tướng Norstad, Tư lệnh Quân đội đồng minh tại Âu Châu. Ông thường được mời đến Ngũ Giác Đài và các câu lạc bộ sĩ quan để nghe thuyết trình về tình hình quân sự, mặc dù ông không còn ở trong quân đội nữa.

Sau thế chiến thứ hai, ông trở lại hoạt động chính trị và đắc cử Nghị sĩ. Nhưng khi ra tái ứng cử lần nữa, ghế Nghị sĩ của ông lại lọt về tay ông John Kennedy vì khi giữ chức Chủ tịch Ủy Ban Trung Ương Vận Động Bầu Cử cho Tổng thống Eisenhower, ông đã tỏ ra quá khích.

Trong gần 10 năm giữ chức Đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc, ông thường chống đối gay gắt viên Đại sứ Nga Sô, nhưng khi Thủ tướng Khrushchev viếng thăm Hoa Kỳ thì Cabot Lodge lại làm người hướng dẫn. Tổng thống Lyndon Johnson tôn vinh Cabot Lodge là một nhà chính trị hoàn toàn bất vụ lợi. Còn George Marshall, Đại tướng kiêm chính trị gia, cũng đã ca ngợi: “Hễ khi nào quốc gia cần đến một người thì người đó phải là Henry Cabot Lodge”.

Cuộc đời Henry Cabot Lodge từ trẻ đến già là một cuộc đời chứa đựng nhiều hoạt động, nhiều biến cố, nhiều bất ngờ, ... Cuộc đời đó vẫn sống mãi với lịch sử trong huy hoàng”.<sup>[13]</sup>

Đại sứ Henry Cabot Lodge là một chính trị gia tên tuổi của nước Mỹ. Ông đã kinh qua nhiều bậc thang chiến đấu: từ một nhà báo đến một chiến sĩ tại chiến trường, từ một Nghị sĩ trong chính trường đến đại diện cho quốc gia của ông tại Liên Hiệp Quốc, và nhất là vai trò thiết kế ra những chính sách quan trọng cho đảng Cộng Hòa. Ở địa vị nào ông cũng thành công, và tại “vùng lầy Việt Nam” ông đã tham dự vào một biến cố làm chuyển động lịch sử cả Mỹ lẫn Việt.

Năm 1963, độ một tháng sau kh lật đổ chế độ Diệm, ông bà Cabot Lodge đến nhà tôi ở đường Gia Long thăm viếng vợ chồng chúng tôi và yêu cầu chụp chung một tấm hình để làm kỷ niệm.

Trong buổi gặp gỡ đó, ông Đại sứ và tôi đã ôn lại biến cố vừa qua để cùng nhau vừa tiếc vừa trách ông Diệm đã đặt tình nhà trên nợ nước, đã có những lời nói dứt khoát quyết liệt chống lại lãnh tụ Cộng Sản Hồ Chí Minh mà sau đó lại nghe lời em để thỏa hiệp với ông Hồ Chí Minh phản bội cả Việt Nam lẫn Mỹ.

Năm 1964, vào khoảng tháng Ba, khi tôi giữ chức Phó Thủ tướng đặc trách Văn Hóa Xã Hội và Lao Động trong chính phủ Nguyễn Khánh, Đại sứ Lodge đã trở lại thăm tôi tại văn phòng. Tôi với ông đã thảo luận gần năm tiếng đồng hồ để kiểm điểm tình hình chính trị và quân sự. Trong cuộc gặp gỡ này, tôi đã dùng hình ảnh “Thượng điền tích thủy hạ điền khan” của nông thôn Việt Nam để đề nghị với ông một kế hoạch chặn đứng sự xâm nhập của quân Cộng Sản Bắc Việt vào miền Nam mới hy vọng văn hồi và xây dựng được sức mạnh của Việt Nam Cộng Hòa. Ông lấy làm thích thú chăm chỉ nghe tôi trình bày kế hoạch thiết lập một “phòng tuyến” chạy dài từ bờ biển Nam Hải lên đến biên giới Lào–Việt, song song với quốc lộ số 9 để ngăn chặn sự xâm nhập của quân Bắc Việt. Đi xa hơn, tôi đề nghị phải vận động với chính phủ Lào để kéo dài chiến tuyến ấy trên lãnh thổ Lào hầu cắt ngang đường mòn Hồ Chí Minh, còn phía biển, phải sử dụng tối đa lực lượng Hải Quân Việt Mỹ hỗn hợp để kiểm soát bờ biển, ít nhất là từ Đà Nẵng ra Quảng Trị. Tôi nói rằng “dù tát hết nước ruộng dưới mà ruộng trên cứ ào ạt đổ vào thì không bao giờ giải quyết được trận chiến tranh tại miền Nam.” Tôi đã đưa ra những dẫn chứng Đông Tây, Cổ Kim để thuyết phục ông: Trương Lương đã đốt đường sạn đạo để chặn đứng sự xâm nhập của quân Hạng Võ và ngăn ngừa ý định đào ngũ của những quân sĩ có đầu óc chủ bại muốn trốn về Trung Nguyên; Khương Duy đã nhờ dãy núi Kỳ Sơn giữ vững Tứ Xuyên một thời gian khá dài chống quân Tư Mã Ý. Chiến lũy Maginot đã buộc quân Đức Quốc Xã phải tiến về phía Hòa Lan mới vào được đất Pháp. Chiến tuyến 38 đã ngăn chặn và đập tan mọi ý đồ của quân Bắc Hàn tấn công Nam Hàn. Và Khrushchev đã phải xây “Bức tường Ô Nhục” để chặn làn sóng tị nạn của dân Đông Đức trốn qua Tây Bá Linh. Đại sứ Cabot Lodge đã công nhận những trình bày chiến lược của tôi là hợp lý và hứa sẽ thảo luận với các nhà làm chính sách tại Hoa Thịnh Đốn. Ngày ông từ giả Việt Nam, tôi viết một bài báo trên tờ “*Sóng*” của Chu Tử để tiễn biệt ông và nhắc lại lời đề nghị lập Phòng Tuyến Bến Hải. Không biết Đại sứ Lodge có bàn bạc gì với chính phủ ông hay không, nhưng mấy năm sau (1968) một phòng tuyến đã được thiết lập đúng như lời tôi đã đề nghị và được gọi là

“Chiến tuyến MacNamara”. (Năm 1969–1970, trong khóa II của lớp Cao Đẳng Quốc phòng, Đại tướng Cao Văn Viên cũng đề nghị lập “Phòng tuyến Bến Hải”). Tiếc thay, khi Hoa Kỳ xây dựng phòng tuyến này thì chiến sự đã vô cùng sôi động, phòng tuyến MacNamara chỉ xây được 28 cây số rồi đành phải bỏ dở.

Ngày Đại sứ Cabot Lodge hồi hương, chính phủ Nguyễn Khánh thảo luận việc tặng cho ông một món quà kỷ niệm. Sau một hồi bàn bạc, tôi đề nghị tặng cho Đại sứ chiếc khăn đóng và chiếc áo gấm, một lưu niệm có màu sắc Đông phương. Đề nghị này được Hội Đồng Chính phủ thích thú chấp thuận rồi Thủ Tướng Nguyễn Khánh đề nghị nên thêm sáu chữ “Công dân danh dự Việt Nam” cho hợp với món quà chiếc khăn đen và tấm áo gấm. Trong tác phẩm “*Hai Mươi Năm Qua*”, Đoàn Thêm có nhắc lại rằng: “Ngày 28 tháng 6 năm 1964, Đại sứ Cabot Lodge về Mỹ. Khi rời Sài Gòn, ông bận áo gấm, chít khăn xếp được hàng vạn người tiễn đưa ở phi trường Tân Sơn Nhất với cờ Việt–Mỹ la liệt, có cả Tăng Ni và rất đông sinh viên”.

Sau khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, tôi vượt biển đến Thái Lan ngày 6/5/75 và xin tị nạn chính trị tại Hoa Kỳ. Tháng 10 năm đó, tại trại tiếp cư Pendleton, ông Leo Leary Jr., một vị cựu Đại tá Hải quân vừa là bạn láng giềng vừa là đồng đội với Tổng thống Kennedy thời Đệ Nhị Thế Chiến trên mặt trận Thái Bình Dương (hiện ở Elsinore, California), đặc trách việc bảo trợ và nhập cảnh cho gia đình tôi (ra khỏi trại Pendleton), nhưng vì có nhiều thành kiến với số tướng lãnh Việt Nam tham nhũng nên đã tìm hỏi kỹ càng cựu Đại sứ Lodge về dĩ vãng của tôi. Và ông Lodge đã không ngần ngại trả lời: “Tướng Đỗ Mậu là vị tướng liêm chính nhất trong hàng tướng lãnh Việt Nam mà tôi được biết”.

Thân phận tầm thường của tôi, xuất thân từ nơi bùn lầy nước đọng của miền Trung Việt Nam nghèo nàn, không ngờ lại có duyên nợ với một nhân vật chính trị tiếng tăm của đại cường quốc Hoa Kỳ. Và cái tình chiến hữu của những năm Việt Nam sôi động chiến tranh cuối cùng đã thành cái tình bằng hữu khi cả hai người đều trả lại những thắng trầm phù du cho đời vào cái tuổi tri thiên mệnh.

Nhắc lại, trước khi rời Hoa Kỳ để nhận nhiệm sở mới, ông Lodge đã được cả hai Bộ Quốc Phòng và Ngoại Giao trình bày đầy đủ về tình hình chính trị và quân sự của miền Nam cũng như của miền Bắc Việt Nam. Tổng thống Kennedy đã than với ông rằng: “...tôi đã phải mất quá nhiều thì giờ nhất cho vấn đề Việt Nam. Tôi muốn ông nghiên cứu kỹ lưỡng mọi vấn đề rồi gửi cho tôi những

khuyến cáo cần thiết”.

Hai tháng sau khi nhận lời với Tổng thống Kennedy, ngày 14/8 ông được toàn thể “Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện” biểu quyết tín nhiệm. Theo hồi ký của ông thì trước ngày lên đường (17/8), ông đã gặp một nhân vật Việt Nam tên tuổi tại Hoa Thịnh Đốn (mà ông giấu tên) và được vị này khuyến cáo *“Trừ khi bà Nhu và người chồng quá khích, cuồng tín của bà rời khỏi Việt Nam, không thì không một quyền lực nào trên thế gian này có thể ngăn chặn được việc ám sát ông Diệm và vợ chồng Nhu”*.<sup>[14]</sup>

Nhân vật này hẳn muốn ám chỉ đến những tiền lệ trong lịch sử và bóng gió muốn nhắc lại các vụ mưu sát ông Diệm tại Ban Mê Thuột (1957), vụ binh biến Nhảy Dù (1960) và vụ ném bom dinh Độc Lập (1962).

Trên chuyến bay về Á Châu mà chặng nghỉ đầu tiên là Nhật Bản, ông đã nói chuyện với nhà văn Eugene Burdick, tác giả cuốn *“The Ugly American”* nổi tiếng. Nhà văn này khuyên ông nên lưu ý đến những ý kiến của các ký giả kinh nghiệm hơn là của các nhân viên Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn.

Trong 4 ngày tại Tokyo, ông đã tìm hiểu thêm về giáo lý của đạo Phật qua một thiền sư Nhật Bản (bạn thân của một tăng sĩ Phật giáo Mỹ vốn là tri kỷ của ông nội ông), và đã ngăn cản kịp thời một nữ cư sĩ Việt Nam định tự thiêu trước khách sạn của ông để phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của chế độ Diệm tại Việt Nam.

Đêm 20/8, trong khi Nhu tung quân can quét các cơ sở chùa chiền Phật giáo thì ông Lodge đang ở Hồng Kông và nhận được công điện của Tổng thống Kennedy yêu cầu phải đi Sài Gòn gấp để nghiên cứu và đối phó với tình hình càng lúc càng sôi động tại Việt Nam.

Ông đến phi trường Tân Sơn Nhất ngày 22/8 và về thẳng tòa Đại sứ mà không tuyên bố gì với cả một đoàn quân báo chí đang đợi ông ở phi cảng. Ông đến Sài Gòn vào lúc chính quyền Hoa Thịnh Đốn đang bị phân hóa vì vấn đề Việt Nam và những nhân viên quan trọng Mỹ tại Sài Gòn cũng đang có những mâu thuẫn về lập trường đối với chế độ Diệm. Tướng Paul Harkins và trưởng nhiệm sở CIA Richardson thì ủng hộ ông Diệm, trong lúc phó đại sứ Williams Truhart lại quyết liệt chống đối hai anh em Diệm Nhu. Do đó mà trong mấy ngày đầu tiên, ông Lodge đã để nhiều thì giờ để nói chuyện với các ký giả, để tìm hiểu tình hình thật chính xác. Thượng toạ Trí Quang và Đại đức Nhật Thiện, lúc bấy giờ đang trú ẩn trong tòa Đại sứ Mỹ sau vụ tổng tấn công chùa chiền của Nhu, cũng đã là

hai người khách của ông.

Ngày 24 tháng 8, Đại sứ Lodge đến dinh Gia Long trình ủy nhiệm thư lên Tổng thống Diệm. Ông Diệm tiếp Đại sứ rất niềm nở nhưng ông Đại sứ lại đã tỏ ra rất ưu tư về sự suy thoái đáng lo ngại của tình hình an ninh và chính trị. Sài Gòn vẫn ở trong tình trạng giới nghiêm. Chủ đích của Đại sứ Lodge lúc này là muốn tìm mọi cách để cứu vớt ông Diệm, bởi vì theo đại sứ thì trong tình trạng bị thảm này, nếu ông Diệm không cầm chính quyền nữa tình hình miền Nam sẽ trở nên rối loạn hơn. Tuy nhiên, trong cuộc đàm đạo với ông Diệm, đại sứ Lodge đã nhận thấy ông Diệm không chịu công nhận những lỗi lầm của ông ta mà chỉ kể đi kể lại cuộc đời thơ ấu của mình lúc còn ở Huế và liên tục nói những chuyện lạc đề đến nỗi ông Đại sứ phải cắt ngang câu chuyện để xin cáo từ.

Sau này, đại sứ Lodge cho những cộng sự viên thân cận biết: “Diệm không có khả năng cai trị đất nước, ngay cả nói chuyện mà cũng không nói được cho lưu loát”. Trong lúc ông Lodge nói về những vấn đề đại sự quốc gia thì ông Diệm chỉ nhìn trần nhà rồi lặp bập tuôn ra những lời nói hoàn toàn thiếu thực tế” <sup>[15]</sup>.

Sau khi đã tiếp xúc với các giới chức chính thức, ông Lodge lại tìm cách mở rộng những tìm hiểu của mình đến các giới khác. Ông gặp riêng những người dân bình thường như anh em sinh viên, các người buôn bán dọc hè phố, các bác đập xích lô, các binh sĩ Mỹ và Việt. Ông cũng đã gặp Đức Khâm Mạng Tòa Thánh Salvatore Aota, ông Patrick J. Honey, một giáo sư người Anh chuyên nghiên cứu về nghệ thuật văn chương Việt Nam và rất nắm vững tình hình người Việt vì có nhiều bạn bè trong giới trí thức, nghệ sĩ Việt Nam. Ông đã thấy rõ những xe vận tải nhà binh mang dấu hiệu Hoa Kỳ do tài xế của Lực Lượng Đặc Biệt của ông Ngô Đình Nhu chở đầy học sinh về các trại giam. Ông được báo cáo về việc nhiều cô gái bị cảnh sát bắt giam và bị tra tấn, có người bị tra điện. Ông biết rõ Giám mục Ngô Đình Thục, người có ảnh hưởng lớn nhất của chế độ, đã ra lệnh đàn áp khủng bố Phật tử mặc dù chính Tòa Thánh La Mã đã bày tỏ sự lo âu và khuyến cáo. Ông cũng thấy rõ bà Nhu với “quyền lực ma quỷ” đã bắt buộc chồng và anh chồng là Tổng thống Diệm phải có những biện pháp quyết liệt nhất đối với Phật giáo. Ông có cảm tưởng bà Nhu rất thích thú với những hành động hung ác và dã man. Bà Nhu được báo Times đăng hình bìa với lời ghi chú về cách thức bà ta đối phó với những kẻ biểu tình: “*Phải đập chúng nó ba lần mạnh hơn*”.

Sau khi nghiên cứu tường tận và tỉ mỉ, ông Lodge đã phải đồng

ý với nhân vật Việt Nam tên tuổi ở Hoa Thịnh Đốn mà ông đã gặp trước kia là chỉ trừ phi bà Nhu và người chồng hung bạo của bà rời khỏi nước ông Diệm mới có thể cứu thoát được. Đại sứ Lodge đã gửi lời khuyên cáo đó về cho Tổng thống Kennedy”<sup>161</sup>.

Căn cứ trên những phúc trình khác nhau từ Sài Gòn, so sánh với những bản tin của các chính phủ khác có tòa đại sứ tại Việt Nam và dựa vào lời khuyên cáo của ông Lodge, vào giữa tháng 9, Tổng thống Kennedy đã trả lời Walter Cronkite của đài truyền hình CBS rằng *“Chính phủ Diệm đã không được dân chúng Việt Nam ủng hộ nữa. Việc ông Diệm đàn áp Phật giáo là một hành động thiếu khôn ngoan và tôi nghĩ rằng phương thức đó không thể chiến thắng Cộng Sản nổi... Chỉ cần thay đổi chính sách, và có lẽ thay đổi nhân sự nữa, thì chính phủ Diệm mới tìm lại được hậu thuẫn của nhân dân miền Nam Việt Nam. Còn nếu ông Diệm không thực hiện cải cách thì tôi nghĩ rằng ông ta sẽ không có một hy vọng nào để chiến thắng Cộng Sản”*. Lời tuyên bố này càng chứng tỏ Tổng thống Kennedy vẫn không muốn lật đổ ông Diệm, chỉ muốn ông Diệm thay đổi chính sách cai trị và chính sách nhân sự. Cho nên tuy tuyên bố như vậy nhưng Tổng thống Kennedy vẫn chưa có ý định cắt bỏ viện trợ để áp lực ông Diệm... Và tại Sài Gòn, ông Lodge đã khôn khéo diễn dịch một cách cụ thể lời của Kennedy bằng cách đề nghị với ông Diệm *“nên để cho ông Nhu và em dâu rời khỏi Việt Nam cho đến khi cuộc khủng hoảng chính trị chấm dứt, liên hệ tốt đẹp giữa chính quyền và quần chúng được tái lập”*. Ông Diệm đã tỏ ra ngạc nhiên và bất mãn về đề nghị này, đề nghị mà ông cho là tìm cách chia rẽ gia đình ông và làm cho quốc gia mất đi những nhà lãnh đạo tài ba như ông bà Nhu (!!!).

Nhưng chỉ vài tuần sau đó thì ông Thục bị Tòa Thánh La Mã bắt buộc rời Việt Nam, và khi đến Rome, ông đã bị Tòa Thánh cấm không được tuyên bố chống đối Phật giáo nữa, còn bà Nhu thì cầm đầu một phái đoàn dân biểu đi Belgrade tham dự hội nghị Liên Hiệp Nghị Sĩ với ba chặng ghé là Ý, Pháp, và Mỹ để giải độc dư luận quốc tế.

Tại Paris, phái đoàn bị Việt kiều và sinh viên Việt Nam chống đối ném cà chua, trứng thối, còn báo chí Pháp thì chất vấn dữ dội về vụ đàn áp Phật giáo. Tại La Mã, bà Nhu đã khuyên cáo Giáo Hoàng nên khôn ngoan hơn vì những vấn đề “đời” không thuộc thẩm quyền của Giáo Hoàng. Và tại Nữ Ước, ngày 25-9, bà tuyên bố rằng những sĩ quan Mỹ chiến đấu tại Việt Nam đã có thái độ như con nít,

không biết cách làm việc. Trước sự khiêu khích và miệt thị đó, ông Lodge đã phải từ bỏ những ngôn ngữ ngoại giao lịch sự để gọi bà Nhu là một thứ Rồng Cái (*Dragon Lady*) và lấy thái độ quyết liệt hơn để nói lên sự công phẫn của quần chúng và quốc hội Mỹ: “Thật là một lời tuyên bố đầy xúc phạm. Hàng ngày đã có những quân nhân Mỹ hy sinh và nhiều khi bỏ mình bên cạnh những đồng đội Việt Nam, cho nên thật là khó hiểu khi có người đã thốt ra những lời độc ác như vậy. Những sĩ quan Mỹ đang hy sinh đó đáng lẽ được biết ơn thì lại bị chửi rủa”. (Tất nhiên khi đã muốn đuổi Mỹ và bắt tay với Hà Nội, bà Nhu mới có những lời lẽ như vậy: ghi chú của tác giả).

Tuy nhiên, mặc dù tình trạng căng thẳng như vậy nhưng đại sứ Lodge vẫn tìm cách cứu vớt ông Diệm và cũng để cứu luôn ông ta. Ông đã buộc phải nói rõ cho ông Diệm hai điều kiện: Thứ nhất là phải đưa ông Nhu ra khỏi nước, thứ hai là phải hòa giải với phong trào đòi tự do tôn giáo của Phật giáo. Trong lúc đó thì sau khi nghe tường trình của Bộ trưởng Quốc phòng MacNamara và Tướng Taylor vừa từ Việt Nam về, Tòa Bạch Ốc đã tuyên bố một cách hoà dịu để khỏi làm mất mặt ông Diệm: “Chúng tôi sẽ tiếp tục chính sách cộng tác với nhân dân và chính phủ miền Nam để chống lại Cộng Sản”.

Mặc dù chính Tổng thống Kennedy công khai tỏ thái độ nhân nhượng nhưng tình hình vẫn càng lúc càng căng thẳng hơn, ông Diệm vẫn ngoan cố còn ông Nhu thì chẳng những không chịu rời khỏi nước nhà mà còn âm mưu bắt tay với Cộng Sản và cứng rắn đối với Phật giáo. Chính phủ Mỹ buộc phải làm áp lực bằng cách chấm dứt một vài khoản viện trợ. Trước hết là cắt viện trợ về sữa, trị giá 4 triệu Mỹ kim, và bà Nhu khi nhận được tin này ở Nữ Ước, đã tuyên bố rằng người Việt Nam không cần sữa, sữa chỉ để cho heo ăn. Sau khi Mỹ tuyên bố cắt ngân khoản viện trợ kia thì tin đồn nổi lên khắp Sài Gòn rằng Đại sứ Cabot Lodge, ông Mecklin và nhiều nhân viên tòa đại sứ Mỹ sẽ bị ám sát... đến nỗi Đại sứ Lodge phải có súng riêng bên cạnh mình.

Sau đó, chính phủ Mỹ cũng chấm dứt luôn khoản viện trợ 250.000 Mỹ kim là « chi phí hành chánh » của Lực lượng Đặc biệt của Đại tá Lê Quang Tung, đội quân riêng của ông Ngô Đình Nhu <sup>[17]</sup>.

Đồng thời, giám đốc CIA tại Sài Gòn là Richardson, một người thân tín của Nhu, cũng bị gọi về Hoa Thịnh Đốn.

Ngày 19-10, Tòa Đại sứ báo cho Đại tá Tung biết là viện trợ chỉ tiếp tục tháo khoán khi nào Tung đồng ý thông báo cho cố vấn Mỹ của lực lượng biết các cuộc di chuyển, và lực lượng chỉ có nhiệm

vụ chiến đấu chống Cộng Sản mà thôi. « Trong lúc đó, tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa cho Tòa đại sứ biết họ có kế hoạch tổ chức một cuộc đảo chánh. Họ không đòi Mỹ giúp đỡ vì nó là vấn đề nội bộ Việt Nam. Tuy nhiên, đó sẽ là một cuộc đảo chánh thân thiện với Hoa Kỳ và yêu cầu Hoa Kỳ đừng có hành động chống đối. Về phía người Mỹ, Tòa đại sứ cũng cho biết không thể giúp đỡ nhóm đảo chánh được, sẽ không chống đối nhưng xin được thông báo đầy đủ tin tức » <sup>1181</sup>.

Về phía quân đội Việt Nam mà tướng Trần Văn Đôn được coi là đại diện với tư cách Quyền Tổng Tham mưu trưởng, sau nhiều lần trình lên ông Diệm những đề nghị cải cách chế độ nhưng không được chấp thuận, đã thể anh em ông Diệm lại còn dùng thủ đoạn lạm dụng danh nghĩa quân đội khi tấn công chùa chiền để tạo uy thế trong quân chúng, nên ngày 23–8 (ba ngày sau khi chùa chiền bị tấn công) tướng Đôn cho mời một người Mỹ bạn thân của ông là Trung tá CIA Conein đến gặp để trao đổi quan điểm về cuộc khủng hoảng. Ông Đôn cho biết quân đội không tham dự vào hành động bạo tàn của nhà Ngô trong việc đàn áp Phật giáo. Ngược lại, Conein cũng cho tướng Đôn biết thì về phía Mỹ, dù đại sứ Nolting từ trước vốn rất thân thiện với anh em ông Diệm nhưng sau vụ tấn công chùa chiền mà nhiều ký giả Mỹ đã ví von giống như hành động của quân xung phong SS của Đức Quốc Xã, thì liên hệ giữa ông Diệm và Đại sứ Nolting trở nên căng thẳng, dù trong thâm tâm ông Nolting vẫn còn ủng hộ ông Diệm.

Cũng sau vụ tấn công chùa chiền 20-8, một số tướng lãnh gồm có Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, thường đến gặp hai tướng Khiêm và Đính tại Bộ Tổng tham mưu để thảo luận phương cách áp dụng lệnh giới nghiêm thế nào cho quân đội ít bị dính líu đến âm mưu của ông Nhu nhất. Ngày 5 tháng 9, hai tướng Đôn và Đính mà anh em nhà Ngô vẫn còn rất tin tưởng, gửi tờ trình lên ông Diệm với hai đề nghị: một là bãi bỏ lệnh thiết quân luật, và hai là tạm đưa ông bà Nhu ra nước ngoài để xoa dịu lòng quân dân. Mấy ngày sau, ông Diệm cho gọi tướng Đôn vào dinh Gia Long quở trách hai ông Đôn và Đính đã có nhiều tham vọng, đồng thời ông Nhu đã bôi nhọ tướng Đính bằng cách tung cho báo chí biết tin tướng Đính xin làm Bộ trưởng Nội vụ, rồi cho tướng Đính đi nghỉ ở Đà Lạt ít ngày với lý do “tinh thần căng thẳng”.

Trước thái độ tham quyền cố vị và đầu óc ngoan cố đó, trước cuộc khủng hoảng chính trị càng lúc càng đẩy miền Nam vào suy thoái, và trước nguy cơ của một thỏa hiệp bất lợi và nguy hiểm với

Cộng Sản, tướng Đôn quyết định dứt khoát và cụ thể hóa thái độ chống đối của quân đội bằng một cuộc chính biến mà mở đầu là một cuộc binh biến do quân đội phát động. Sau khi vận động được tướng Tôn Thất Đính vào tổ chức để nắm vững Quân Đoàn III và đặc biệt khu vực Sài Gòn–Gia Định, tướng Đôn bèn mở rộng tổ chức bằng cách liên kết với các lực lượng quân, dân, chính khác. Đến đầu tháng 10 năm 63 thì các kế hoạch binh biến đã thành hình và lực lượng cách mạng đã vững mạnh, chỉ còn chờ ngày phát động. Lúc bấy giờ bộ chỉ huy cuộc chính biến mới bắt đầu giải quyết vấn đề người Hoa Kỳ.

Ngày 2 tháng 10 tại Nha Trang, tướng Đôn cho Conein biết quân đội quyết định lật đổ chế độ Diệm; đồng thời đề nghị tướng Dương Văn Minh gặp Conein. Ngày 5 và 10 tháng 10, Conein đến gặp tướng Minh và được biết thái độ của lực lượng cách mạng đối với anh em ông Diệm cũng như đối với người Mỹ. Đối với anh em ông Diệm thái độ được phản ánh bằng ba chọn lựa: Chọn lựa thứ nhất là ám sát vợ chồng Nhu và Cần nhưng vẫn giữ lại ông Diệm làm Quốc trưởng; chọn lựa thứ hai là bao vây Sài Gòn làm áp lực đòi hỏi ông Diệm cải tổ chính sách và nhân sự; và chọn lựa thứ ba là đánh tan Lực lượng Đặc biệt và Lữ đoàn Liên binh Phòng vệ Tổng Thống phủ (cả hai gồm độ 6000 người) rồi mới gặp ông Diệm để đưa yêu sách cải tổ chế độ. Trong cả ba trường hợp đều duy trì ông Diệm làm nguyên thủ quốc gia, chỉ triệt tiêu ảnh hưởng và quyền lực chính trị của các anh em ông Diệm mà thôi.

Riêng đối với Mỹ, tướng Minh đại diện cho lực lượng cách mạng đã không yêu cầu một yểm trợ chính trị, quân sự hay tình báo nào trước và trong ngày cách mạng, mà chỉ yêu cầu Hoa Kỳ không tìm cách ngăn chặn cuộc chính biến, và đặc biệt sau khi cách mạng thành công thì vẫn tiếp tục chương trình quân viện và kinh viện cho VNCH để miền Nam phục hồi sức mạnh chống Cộng và xây dựng dân chủ.

Ngày 28 tháng 10, nghĩa là sau khi đã quyết định lấy ngày 1–11–63 làm ngày phát động, tướng Đôn gặp ông Lodge trong buổi tiễn ông Diệm đi Đà Lạt tại phi trường Tân Sơn Nhất (ông Lodge được ông Diệm mời theo trong chuyến kinh lý này) và được đại sứ Lodge cho biết chánh phủ Hoa Kỳ tỏ ý ủng hộ một cuộc thay đổi chế độ. Đây là cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa tướng Đôn, đại diện tướng lãnh với một nhân vật có thẩm quyền của chính quyền Mỹ. Khi được hỏi về thời điểm phát động, tướng Đôn đã từ chối không cho biết và nhấn mạnh rằng cuộc chính biến là một biến cố hoàn toàn thuộc về nội bộ

của người Việt Nam. Ngay tối hôm đó, Conein lại đến gặp tướng Đôn và khẩn khoản xin biết ngày giờ phát động để có những biện pháp an ninh cho các cơ sở và nhân viên Hoa Kỳ, nhưng một lần nữa tướng Đôn lại từ chối và chỉ hứa cho biết trước trong một thời gian rất ngắn mà thôi.

Tối 28 tháng 10 tại Đà Lạt (nghĩa là hai ngày trước cuộc đảo chánh), ông Diệm mời ông Lodge, Đại tá Dunn và vợ chồng Thị trưởng Trần Văn Phước ăn cơm. Trong bữa tiệc này, ông Diệm đã trách Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ một cách vô lý. Lời trách móc này tuy không hữu lý nhưng cũng đã làm cho đại sứ Lodge phấn khởi và xem đó như một dấu hiệu của sự hồi tâm và sáng suốt của ông Diệm. Ngày 29 tháng 10, trên chuyến phi cơ trở về Sài Gòn, ông Lodge đã bắt đầu nuôi hy vọng ông Diệm sẽ cho Ngô Đình Nhu rời khỏi nước <sup>[19]</sup>.

Nhưng cũng trong ngày 29 tháng 10 đó, hai tướng Đôn và Đính gặp nhau tại Nha Trang để duyệt xét lại lần chót kế hoạch đảo chánh. Trong dịp này, tướng Đính yêu cầu tướng Đôn bảo vệ sinh mạng cho ông Diệm như trước đó tướng Khiêm đã đồng ý.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, vào khoảng 11 giờ sáng (hai giờ trước khi tiếng súng cách mạng bắt đầu nổ), tướng Đôn báo cho Conein biết cuộc binh biến sẽ bắt đầu vào buổi trưa và yêu cầu Conein đến Bộ Tổng Tham mưu để làm liên lạc viên giữa lực lượng cách mạng và các cơ quan Quân-Dân-Chính của Hoa Kỳ tại Việt Nam nếu cần. Conein bèn mặc quân phục, mang theo một khẩu 375 Magnum và một gói tiền độ 3 triệu đồng Việt Nam rồi đến Bộ Tổng Tham mưu.

Cũng cần phải nói rõ rằng số tiền ba triệu đồng Việt Nam do Conein mang đến đã không được một tướng lĩnh nào hay biết trừ tướng Đôn. Tướng Đôn không bao giờ trình bày cho Hội Đồng Tướng Lãnh biết có nhận số tiền đó của Conein hay không, và nếu có thì đã sử dụng vào việc gì. Ký giả Karnow trong “*Vietnam: A History*” trình bày rõ ràng trưa 1-11-1963, Conein khi tới Bộ Tổng Tham mưu gặp tướng Đôn đã mang theo một số tiền ba triệu đồng Việt Nam để “quân nổi dậy sử dụng nếu cần” (in case the insurgents needed funds). Ta thấy rằng cuộc cách mạng thành công là hoàn toàn nhờ đáp ứng đúng nguyện vọng của toàn dân, nhờ quyết tâm nhất trí của quân đội, và nhờ kế hoạch tổ chức tinh vi chứ đâu có nhờ tiền, huống gì khi Conein mang tiền đến Bộ Tổng Tham mưu thì giờ phát động cách mạng sắp điểm, quân đội còn cần tiền làm gì nữa. Ước mong rằng tướng Trần Văn Đôn giải tòa nghi vấn nhỏ này để quân

đội dưới quyền ông lúc bấy giờ khỏi mang tiếng và để sự trong sáng của cách mạng khỏi mang một tỳ vết nào. (Tướng Đôn đã không đề cập đến số tiền này trong Hồi ký “*Our Endless War*” của ông ta).

Như vậy, kể từ ngày 5 tháng 10, khi tướng Minh chính thức tiếp xúc với Conein để trình bày quan điểm và quyết định của Lực Lượng Cách mạng cho đến ngày 1 tháng 11 năm 1963, khi tiếng súng cách mạng bùng nổ, trong không đầy một tháng ngắn ngủi nhưng sôi động đó, quả thật đã có những liên lạc giữa lực lượng cách mạng và chính quyền Mỹ (qua trung gian không phải chỉ Conein mà còn Đại sứ Lodge nữa). Sự liên lạc đó tuy chỉ có tính cách thông tin nhưng bản chất thật sự của nó là bản chất của một cuộc đấu tranh chính trị quốc tế. Thật vậy, không cần sau này phải viện dẫn vào nội dung hai bức công điện của Thứ trưởng Ngoại giao Roger Hillsman (ngày 24 tháng 8) <sup>[20]</sup>, và của Đại sứ Lodge (ngày 29 tháng 8), lúc bấy giờ, tại Việt Nam ai cũng biết đa số nhân vật trong chính quyền Hoa Kỳ muốn nhanh chóng giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị xã hội tại Việt Nam mà cụ thể và bắt đầu là ông Diệm phải dứt khoát loại trừ ảnh hưởng của những người anh em khỏi chính quyền.

Tuy nhiên, ước muốn đó vẫn chưa hoàn toàn phản ánh trung thực chính sách của Hoa Kỳ vì vẫn còn nhiều người Mỹ khác tiếp tục ủng hộ ông Diệm (Phó Tổng thống Johnson, Bộ trưởng MacNamara, Giám đốc CIA Colby, Paul Harkins, Richardson, Nolting) đến nỗi Tổng thống Kennedy phải than “Lạy Chúa, chính phủ của tôi đang bị tan ra từng mảnh” (My God! My government is coming apart), và ngay cả bức công điện của Roger Hillsman cũng đã không được Tổng thống Kennedy hay Ngoại trưởng Dean Rusk duyệt xét trước vì hai ông này lúc bấy giờ không có mặt tại Hoa Thịnh Đốn. Chẳng những thế, trước những tin đồn và những dấu hiệu về rất nhiều cuộc đảo chánh tại Sài Gòn, cũng như để chặn đứng những diễn dịch sai lầm về bức công điện vượt quyền của Hillsman, ngày 30 tháng 8, Tổng thống Kennedy đã đánh một điện tín khẩn cấp cho ông Lodge vào ngày 30/8 để “hủy bỏ cái điện tín ngày 24/8 và 29/8 – ngay tại Hoa Kỳ. Sự hủy bỏ đó đã vô hiệu hóa những lời lên án chính quyền Kennedy về hành động cho phép, ghi nhận hay khuyến khích một cuộc chính biến tại Nam Việt Nam” <sup>[21]</sup>.

Trước thái độ thiếu cương quyết và chưa rõ ràng như thế, các tướng lãnh vốn đã tổ chức cuộc chính biến từ mấy tháng trước đó, nay quyết định chính thức thông báo cho chính quyền Hoa Kỳ về sự hiện diện và về quyết định lật đổ chế độ của quân đội. Đó là một

“nước cờ” ngoại giao ngoạn mục nhằm hai mục tiêu: *thứ nhất* là kéo Hoa Kỳ ra khỏi thể liên minh bất đắc dĩ với ông Diệm một cách dứt khoát và vĩnh viễn, và *thứ hai* là tạo một liên hệ tốt đẹp ngay từ bây giờ để chuẩn bị cho một tương quan đồng minh cần thiết sau cuộc chính biến.

Và mục tiêu thứ hai này mới là mục tiêu quan trọng.

Vì dù chính quyền Kennedy có đồng ý hay không, có phá hoại hay không, thì lực lượng cách mạng cũng đã được tổ chức rồi và cũng đã được cuốn hút vào cao trào chống đối chế độ của toàn dân. Riêng các tướng lãnh như Minh, Đôn, Kim, Đình, Khiêm, họ ở vào cái thể không thể lùi được nữa: các bộ phận khác của quân đội do những sĩ quan cấp tá tổ chức sẽ tiến hành cuộc cách mạng, dù có hay không có họ! Do đó, khi liên lạc với Tòa đại sứ Hoa Kỳ, mà qua đó đánh dội về Hoa Thịnh Đốn, mục tiêu chính vẫn là duy trì được một giao hảo tốt đẹp giữa hai nước để Hoa Kỳ không những sẽ giúp miền Nam hồi phục lại được sức mạnh mà còn yểm trợ miền Nam dồi dào hơn cho một cuộc thư hùng Quốc Cộng chắc chắn sẽ khốc liệt hơn sau này.

Làm một cuộc chính biến để lật đổ một chế độ là việc khó nhưng vẫn không khó bằng sau cuộc chính biến đó đất nước sẽ mạnh hơn. Cho nên “nước cờ” ngoại giao đó của các tướng lãnh là một hành động chính trị khôn ngoan và cần thiết để bảo đảm cho đất nước sẽ mạnh hơn sau này mà thôi. (Tiếc rằng, nếu họ đã thành công trong lãnh vực duy trì được một mối giao hảo tốt với đồng minh Hoa Kỳ thì ở những lãnh vực khác, họ đã thất bại và tạo ra một chuỗi dài những xáo trộn mà tôi sẽ đề cập ở chương tiếp theo).

Quy luật chính trị và những đòi hỏi của tình thế rõ ràng như thế, nhưng những kẻ muốn bôi nhọ ý nghĩa lịch sử và giá trị cách mạng của ngày 1/11/63 sau này đã cố tình bóp méo lịch sử bằng hai sự kiện hoàn toàn không có thật <sup>[22]</sup>: *thứ nhất* là họ cho rằng nếu Mỹ không “bật đèn xanh” thì quân đội và nhân dân miền Nam không đủ sức và không dám làm cuộc cách mạng lật đổ chế độ Diệm, *thứ nhì* là họ cho rằng chính chính quyền Kennedy là kẻ chủ xướng và điều động cuộc cách mạng 1/11/63.

Sự thật cho ta thấy dù biết ông Diệm bắt tay với Cộng Sản, dù biết ông Diệm không chấp nhận các khuyến cáo nhằm cải tổ chế độ, chính quyền Kennedy vẫn lúng túng không có một sách lược rõ ràng và trên mặt nhân sự, vẫn chia làm hai phe rõ rệt. Cho đến khi biết chắc rằng có một lực lượng cách mạng, với sự tham dự của quân đội, quyết định lật đổ chế độ, chính quyền Kennedy mới bày tỏ sự tán

đồng của mình, mới tìm cách gây liên hệ tốt.

Như vậy, rõ ràng cuộc cách mạng ngày 1-11-1963 hoàn toàn do quân dân Việt Nam lúc bấy giờ thực hiện, và người Mỹ, đứng trước những khó khăn phức tạp của tình hình đã phải thụ động dựa vào đó để giải quyết những khó khăn của họ. Vậy thì chính quân đội Việt Nam đã “bật đèn xanh” cho Mỹ chứ đâu phải Mỹ “bật đèn xanh” cho quân đội Việt Nam như nhóm Cần Lao Công giáo và một số ký giả Mỹ đã vô tình hay cố ý xuyên tạc. Những kẻ dùng luận điệu để xuyên tạc quân đội Việt Nam đã làm tay sai cho Mỹ trong cuộc đảo chánh 1-11-63 thật ra chỉ muốn tìm cách “cả vú lấp miệng em” để che giấu sự kiện chính ông Diệm mới là người đã được Hoa Kỳ “bồng” về Việt Nam cầm quyền, chính CIA đã giúp ông Diệm lật đổ vua Bảo Đại, đánh tan các giáo phái để ông Diệm trở thành Tổng thống lâm nhiệm vụ bảo vệ tiền đồn chống Cộng cho Hoa Kỳ. Tôi muốn nói họ xuyên tạc chính nghĩa cách mạng 1-11-1963 và đã tìm cách che giấu tư cách “con cò và tay sai” thực thụ cho Mỹ của ông Diệm. Tôi muốn nhắc nhở nhóm Cần Lao Công Giáo rằng tướng lãnh Việt Nam năm 1963 đã không có thái độ hèn nhát như ông Diệm năm 1955 trong cuộc tranh chấp với vua Bảo Đại phải nhờ Landsdale cầu cứu với Ngoại trưởng Foster Dulles mà tôi đã kể rõ trong chương V.

Nói tóm lại, yếu tố thứ nhì, “yếu tố người Mỹ”, là một yếu tố có thật. Nó đã dính dự và tác động vào chính trường Việt Nam từ khi chế độ Ngô Đình Diệm thành hình. Cho nên trong nỗ lực chấm dứt chế độ đó, lực lượng Cách mạng đã phải đối diện với nó. Và đã giải quyết một cách khôn ngoan nhất trong điều kiện chính trị và lịch sử lúc bấy giờ. Sau này khi đã rút lui khỏi chính trường, ông Lodge cũng đã công nhận rằng:

*“Cuộc binh biến ngày 1-11-1963 là một biến cố hoàn toàn thuộc nội bộ Việt Nam. Vì thiếu sự xâm nhập vào chính trường khúc mắc của Việt Nam nên chúng ta không thể tổ chức đảo chánh ví dụ như chúng ta muốn. Chúng ta cũng không thể chặn đứng được binh biến. Chính sách của chúng ta theo chỉ thị của Tổng thống Kennedy là “không chống phá và không ngăn chặn một cuộc binh biến”. Chúng tôi đã thi hành triệt để chính sách này. Tôi tự hỏi rằng những người viết ‘The Pentagon Papers’ đã tiết lộ tất cả mọi chuyện, tại sao họ lại không tiết lộ việc bức điện tín ngày 24-8 (của Hillsman) đã bị hủy bỏ bởi bức điện tín ngày 30-8. Phải chăng họ đã không biết đến sự kiện đó?”* <sup>[23]</sup>.

Ngoài ra, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một trong những lãnh tụ đảng Đại Việt cũ, và là người có nhiều đồng chí quan trọng tham dự tích cực vào ngày cách mạng 1/11/63 như Huỳnh Văn Tôn, Nhiều, Lương, Dương Hiếu Nghĩa, Nhan Minh Trang v.v... cũng đã đưa ra những nhận định và dữ kiện chính xác sau đây:

*Bây giờ thì ta đã thấy rằng chính phủ Hoa Kỳ không quyết tâm lật đổ Diệm, và trong mọi trường hợp, chắc chắn là không muốn Diệm bị giết. Việc lật đổ và sát hại xảy ra là chỉ do một số tướng lãnh Việt Nam. Người Mỹ đã không thúc đẩy họ đảo chánh, người Mỹ chỉ không ngăn chặn họ mà thôi. Trong tấn bi kịch này, nhân viên tình báo Trung ương Mỹ có đầy đủ tin tức nhờ mối quan hệ của họ với những kẻ chủ mưu như Bác sĩ Trần Kim Tuyền, Phạm Ngọc Thảo, tướng Trần Thiện Khiêm trước khi chính cơ quan này liên lạc một cách chính thức với Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh. Họ đã phục vụ chính phủ họ bằng cách cung cấp đầy đủ tin tức về những chuyện mà người Việt Nam muốn làm, và quá lắm là họ chỉ tìm cách để Trần Kim Tuyền thay thế Ngô Đình Nhu. Họ thất bại trong cố gắng tách rời Diệm khỏi Nhu và trong cố gắng ngăn chặn cho Diệm khỏi bị ám sát khi mà sự ngoan cố của Diệm đã làm cho cuộc đảo chánh trở thành một việc không tránh được... [24].*

Quả thật giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã có những nhận xét trung thực và nghiêm chỉnh của một nhà chính trị có kinh nghiệm đấu tranh lâu năm và của một nhà viết sử lương thiện. Có lẽ một phần nhờ ông có nhiều cán bộ đảng viên quân đội dưới quyền các tướng lãnh đảo chánh, đã cho ông những tin tức nội bộ và phần khác có lẽ nhờ ông chịu nghiên cứu kỹ càng các tài liệu và công điện nói về chính biến 1963, đặc biệt là tài liệu và công điện được ghi trong cuốn “*The Pentagon Papers*” mà giá trị khả tín của cuộc sách này cũng như tên tuổi của tác giả Neil Sheehan không ai có thể phủ nhận được.

Qua phân tách trên đây của giáo sư Huy, ta có thể chia sự liên hệ móc nối giữa chính quyền Hoa Kỳ và các tướng lãnh Việt Nam làm hai giai đoạn: *giai đoạn đầu* giữa CIA Sài Gòn với nhóm thân CIA là tướng Khánh, tướng Khiêm, Đại tá Phạm Ngọc Thảo (làm việc cho Bác sĩ Trần Kim Tuyền), và *giai đoạn sau* giữa chính quyền Hoa Kỳ và nhóm của tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, thành phần chính thức tổ chức và lãnh đạo cuộc chính biến cũng như chịu trách nhiệm trước lịch sử và quốc dân. Hai nhóm tướng lãnh này, một tháng trước khi phát động cuộc chính biến đang là hai nhóm biệt lập và nghi ngại nhau. Cần phải nhớ rõ điều đó thì mới biết được mức độ

can dự vào biến cố 1963 của Hoa Kỳ như thế nào và từ bao giờ.

Như hồi ký của các tướng lãnh và nhiều tài liệu quốc tế tiết lộ thì dự định và kế hoạch lật đổ các ông Diệm–Nhu đã được manh nha từ sau đêm 20/8/1963, khi các ông Diệm–Nhu ra lệnh tấn công chùa chiền. Về phía Hoa Kỳ, ý muốn đẩy ông Ngô Đình Nhu ra khỏi chính quyền Việt Nam và *nếu Diệm chống đối thì đẩy luôn cả Diệm*, đã được phát hiện qua công điện ngày 24/8/1963 của phụ tá Ngoại trưởng Hilsman gởi cho Đại sứ Cabot Lodge tại Sài Gòn (“*The Pentagon Papers*”, tr. 194–195).

Ngày hôm sau, công điện ngày 25/8/1963, (theo Pentagon Papers trang 195), của Đại sứ Lodge trả lời Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cho biết việc đòi hỏi ông Diệm xa lánh ông Nhu là vô ích mà nên đi thẳng với các tướng lãnh (ngụ ý nên tính đến chuyện đảo chánh nhưng công điện không cho biết tên tuổi tướng lãnh nào: ghi chú của người viết).

- Công điện ngày 26/8/1963 của John Richardson, chủ nhiệm CIA Sài Gòn, gởi cho CIA Trung ương, báo cáo việc đã liên hệ được với tướng Khiêm và tướng Khánh, hai vị tướng mà nhiều người biết là thân Mỹ và thân CIA, đặc biệt tướng Khiêm lại là bạn thân của bác sĩ Tuyền và đại tá Thảo, những người làm việc chặt chẽ với CIA (“*The Pentagon Papers*”, tr. 195, 196).

- Công điện ngày 28/8/1963 gởi CIA Trung ương báo cáo cuộc gặp gỡ giữa Conein và Khiêm cho biết hầu hết tướng lãnh (trừ tướng Đính và tướng Cao) đều muốn đảo chánh. Nếu không vô hiệu hóa được Tướng Đính và Đại tá Tung thì đụng độ sẽ xảy ra khắp Sài Gòn và số thiệt hại nhân mạng có thể ở mức độ trầm trọng. (“*The Pentagon Papers*”, tr. 196, 197).

- Công điện ngày 31/8/1963 của tướng Harkins ở Sài Gòn gởi cho tướng Taylor, Tổng Tham Mưu trưởng, báo cáo chấm dứt “Ấm mưu Tháng Tám” (End of August Plot). Công điện nói rằng tướng Khiêm cho biết lúc này tướng Minh đã chấm dứt mọi kế hoạch đề theo một phương án khác. Khánh và Khiêm cũng bỏ kế hoạch cũ để đi theo tướng Minh. Khiêm cũng biết Phạm Ngọc Thảo vẫn tiếp tục theo kế hoạch cũ nhưng ít người tin tưởng ở Thảo vì quá khứ Việt Cộng của ông ta. (“*The Pentagon Papers*”, tr. 202).

Cho đến đây, ta thấy rằng Mỹ đã tiếp xúc với các tướng Khánh, Khiêm và đại tá Thảo vốn là những người thân với CIA. Đằng sau tướng Khiêm thấp thoáng bóng tướng Minh, nhưng tự thân tướng Minh thì không tiếp xúc với Mỹ. Và vì đã có sự nghi ngại nhau nên

tướng Minh chấm dứt kế hoạch cũ (August Plot) để tìm một phương án khác. Thế là chấm dứt giai đoạn Một.

Giai đoạn Hai là giai đoạn tướng Dương Văn Minh đại diện cho nhóm các tướng Đôn, Khiêm để tiếp xúc với Trung tá Conein và đã được trình bày rõ qua những công điện sau đây:

- Công điện ngày 5/10/1963 của Đại sứ Lodge gửi về Bộ Ngoại Giao báo cáo về cuộc gặp gỡ giữa trung tá Conein và tướng Dương Văn Minh theo lời yêu cầu của tướng Minh.

Cuộc gặp gỡ này diễn ra tại Bộ Tư Lệnh của tướng Minh ở trại Lê Văn Duyệt trong 1 giờ 10 phút. Cuộc gặp gỡ diễn ra chỉ có hai người và đối thoại bằng tiếng Pháp. (“*The Pentagon Papers*”, tr. 213–215).

Trong cuộc hội kiến này:

1. Tướng Minh muốn biết lập trường của chính phủ Mỹ nếu có thay đổi chính phủ Việt Nam trong một tương lai gần.

2. Tướng Minh nói rõ ông **không cần một sự giúp đỡ đặc biệt nào** trong việc ông ta và các đồng chí quyết định lật đổ ông Diệm. Nhưng ông ta cần một sự bảo đảm của chính phủ Mỹ là đừng để lộ ý định của tướng lãnh.

3. Tướng Minh nhấn mạnh mục đích chính của ông ta chỉ là muốn chiến thắng Cộng Sản mà muốn thế thì **viện trợ quân sự và kinh tế phải được tăng lên** cao hơn mức độ ngày nay.

4. Tướng Minh phác thảo kế hoạch “thay đổi chính phủ” bằng ba cách:

- một là ám sát Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn nhưng giữ ông Diệm lại địa vị Tổng thống.

- hai là bao vây Sài Gòn bằng nhiều đơn vị khác nhau, đặc biệt là đơn vị Bến Cát.

- ba là trực tiếp đối đầu giữa quân Cách mạng và quân trung thành với chính phủ mà con số tại Sài Gòn độ 5500 người.

Conein cho tướng Minh biết rằng ông ta không thể trả lời được câu hỏi về việc chính phủ Hoa Kỳ dính líu vào biến cố đảo chánh, cũng như không thể đưa ra những khuyến cáo về các kế hoạch đảo chánh.

5. Tướng Minh cho biết ông lo ngại tướng Khiêm vì tướng này đã chơi trò hàng hai trong vụ “Âm mưu tháng Tám”. Tướng Minh yêu cầu Conein giao cho ông ta bản sao và tài liệu căn cứ Long Thành và kho đạn để ông ta đích thân so sánh tài liệu đã giao cho Khiêm.

6. Tướng Minh cho biết lý do ông ta cần hành động gấp vì có nhiều cấp chỉ huy Trung đoàn, Tiểu đoàn, Đại đội cũng có kế hoạch đảo chánh mà nếu họ thất bại thì thật là một thảm họa vô cùng to lớn.

Toàn bộ công điện trên đây cho thấy rõ ràng: 1) trước ngày 5/10/1963, ông Minh chưa hề tiếp xúc với Mỹ, 2) không cần Mỹ giúp đỡ trong việc đảo chánh, 3) yêu cầu tiếp tục quân và kinh viện sau khi thay đổi chính phủ.

- Công điện ngày 30/10/1963 (một ngày trước khi xảy ra chính biến) để trả lời ông Bundy về sự lo ngại của Hoa Thịnh Đốn, đại sứ Lodge trình bày rằng: người Mỹ **không đủ tư thế để trì hoãn hay làm nản chí** âm mưu đảo chánh. Và tướng Đôn đã xác định nhiều lần rằng việc đảo chánh hoàn toàn thuộc nội bộ Việt Nam. (“*The Pentagon Papers*”, tr. 226–229).

Nói tóm lại với những tài liệu và công điện được ghi trong cuốn “*The Pentagon Papers*” mô tả việc Hoa Kỳ liên hệ với tướng lãnh Việt Nam, ta thấy có ba sự kiện nổi bật:

1. Hoa Kỳ rất bất mãn với anh em ông Diệm, họ phải lựa chọn một trong hai cách để giải quyết vấn đề Việt Nam. Hoặc bỏ rơi miền Nam hoặc thanh toán chế độ Diệm. Cuối cùng họ chọn cách lật đổ chế độ Diệm theo xu hướng của Phụ tá Ngoại trưởng Roger Hilsman và đại sứ Henry Cabot Lodge. Tuy nhiên đó chỉ là ý định có tính chiến lược. Trên thực tế, nếu không có những điều kiện chính trị thuận lợi do sự bất mãn chống đối của các lực lượng đảng phái, trí thức, tôn giáo và quần chúng Việt Nam, và nếu không có một công cụ thể hiện sự bất mãn đó là lực lượng quân đội đứng ra tổ chức chính biến thì người Mỹ đành bó tay bất lực trước sự cứng đầu và ngoan cố của anh em ông Diệm.

2. Sở dĩ người Mỹ liên hệ được với tướng lãnh là do sự móc nối ban đầu của các tướng Khánh, Khiêm và đại tá Thảo, những người vốn đã thân với CIA từ lâu nhưng lại không có tương quan gì với nhóm Đôn, Kim, Đình cả. Đằng sau nhóm này, tuy có sự hiện diện ít ỏi của tướng Minh nhưng tướng Minh chẳng những đã không liên lạc gì với Mỹ mà lại còn nghi ngờ tướng Khiêm không thành thật mà định đi hai mang.

3. Trong lúc đó thì tướng Đôn có tổ chức riêng được sự hợp tác của tướng Minh và cho đến ngày 5/10/1963 mới có cuộc gặp gỡ giữa tướng Minh và Conein lần đầu tiên.

Ba yếu tố này và những biến chuyển sau đó cho thấy giáo sư Huy đã phân tách nghiêm chỉnh và trung thực để đưa đến nhận định

chung quyết rằng: “Người Mỹ đã không thúc đẩy họ đảo chánh, người Mỹ chỉ không ngăn chặn họ mà thôi. Trong tấn bi kịch này, nhân viên tình báo Trung ương Mỹ có đầy đủ tin tức nhờ mối quan hệ của họ với những kẻ chủ mưu như Bác sĩ Trần Kim Tuyến, Phạm Ngọc Thảo, Tướng Trần Thiện Khiêm trước khi chính cơ quan này liên lạc một cách chính thức với Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh”. Nói cách khác, **chính người Việt Nam chủ động cuộc chính biến từ dự định đến quyết định, từ kế hoạch đến thực hiện, từ phương tiện đến nhân sự, còn người Mỹ chỉ là kẻ đã bị đặt trước một tình trạng đã rồi và chỉ chạy theo mà thôi**. Vì thế tôi mới viết: “*Chính tướng lãnh Việt Nam bật đèn xanh cho Mỹ chứ không phải Mỹ bật đèn xanh cho tướng lãnh Việt Nam*”.

Cũng cần nói thêm rằng những nhận định của giáo sư Huy trên kia đã được trích ra từ tài liệu “*The Story of Ngô Đình Diệm’s overthrow and murder*” của giáo sư, tập tài liệu mà ông đã tặng tôi nhân ông và Cụ Nguyễn Văn Tại (hiện sống tại Garden Grove) đến thăm tôi tại Costa Mesa năm 1979. Tài liệu này là một bản photocopy có bút tích của giáo sư mà tôi còn giữ và chắc rằng nhiều đồng chí của giáo sư trong “Mặt Trận Liên Minh Dân Chủ” của ông cũng được ông gởi tặng. Lúc trao cho tôi, giáo sư Huy cho biết tài liệu này sẽ được đăng vào tác phẩm “*Understanding Vietnam*” cuốn sách do ông và Giáo sư Stephan B. Young viết chung và sẽ do “The Displaced Persons Center Information Service Business, The Netherlands” (TDT. Thomasson) xuất bản.

Không nắm vững nội tình của người Việt lúc đó hoặc không nghiên cứu kỹ các tài liệu, một vài ký giả, sử gia Hoa Kỳ, như trường hợp bà Ellen Hammer, một bạn thân với nhà Ngô và với Giáo sư Bửu Hội, đã viết sai sự thật trong cuốn “*A Death in November*” của bà ta với hậu ý bênh vực nhà Ngô.

Lại cũng tiếc rằng một số người Việt Nam có hậu ý, cứ muốn ngụy biện rằng chính phủ Mỹ chủ động vụ đảo chánh 1963 để xuyên tạc tướng lãnh là tay sai của Mỹ, đã không nhớ rằng chính ông Diệm là sản phẩm của Mỹ đã được chính giới Hoa Kỳ « bồng » về nước để cầm quyền, chính ông Diệm đã nhờ Mỹ áp lực với Pháp để truất phế Bảo Đại, nhờ Mỹ để đánh tan các giáo phái, đảng phái và những lực lượng kháng chiến quốc gia. Họ cũng đã cố tình quên rằng chính anh em ông Diệm chứ không ai khác, đã là đầu mối cho Mỹ vào Việt Nam và khuynh loát toàn bộ chính tình miền Nam, chi phối mọi lãnh vực sinh hoạt tại miền Nam, thì dù bất kỳ lực lượng nào muốn gây

một biến cố chính trị cũng không thể qua được tai mắt người Mỹ, cũng không thể, nhiều hay ít, không đặt yếu tố người Mỹ vào trong những kế hoạch của mình. Điểm đặc thù đó của chính trị miền Nam, **bắt đầu từ và vì chế độ Diệm**, sẽ được chế độ Thiệu thừa hưởng trọn vẹn sau này.

-oOo-

Hai yếu tố người Công giáo Việt Nam và người Mỹ mà tôi vừa trình bày trong mấy trang vừa qua, tuy không phải và không thể là những trở ngại ngăn chặn hay phản kích được cuộc cách mạng 1-11-63 nhưng vì vai trò chính trị của họ trong sinh hoạt quốc gia của những năm 60, vì liên hệ cơ cấu của họ trong lịch sử cận đại của dân tộc, nên đã trở thành những yếu tố mà dù muốn dù không, sau này, đã tác dụng và gây ra những thay đổi vào chủ đích cũng như ước nguyện ban đầu của ngày Cách mạng 1-11-63. William Lederer, nhìn từ quan điểm của một người viết sử Hoa Kỳ, cũng đã thấy tính cách dang dở của cuộc Cách mạng dù giá trị lớn lao của ngày 1-11-1963 đó trong lòng dân Việt:

*Năm 1963, khi Tổng thống Diệm bị sát hại, nhân dân Việt Nam đã phản ứng một cách vui mừng và nhẹ nhõm như cất đi được một gánh nặng. Nét đặc thù của triều đại ông ta là những hậu quả xấu xa nhất của một nền cai trị hà khắc của Cộng Sản chồng chất lên những đặc điểm xấu xa nhất của một nền dân chủ thối nát.*

*Nhân dân Việt Nam tin rằng Hoa Kỳ, từ trước, vốn vẫn cố duy trì Diệm ở vị trí cầm quyền, nay gạt bỏ ông ta vì ông ta không còn mang sứ mạng do Trời giao phó. Nhân dân miền Nam chấp thuận việc chấm dứt sự cai trị của Diệm và họ hướng về Hoa Kỳ, mong chính phủ này đưa một tầng lớp lãnh đạo có khả năng vào thay thế.*

*Nhưng điều này đã không xảy ra* <sup>[25]</sup>.

Không xảy ra vì hai yếu tố người Công giáo Việt Nam và người Mỹ vẫn đề nặng lên vận mạng dân tộc dù nỗ lực khai thông lịch sử có bùng lên trong ngày 1-11-1963.

Nếu ngày cách mạng đó là hậu quả quyết liệt và minh nhiên nhất của 9 năm bạo quân Ngô Đình Diệm và là kết quả hiển lộ và lẫm liệt nhất của cao trào đấu tranh cho Dân chủ và Tự do, thì ở một mặt khác, nó cũng là nguyên nhân mở đầu cho ba năm xáo trộn chính trị và một phần nào tạo điều kiện cho Cộng Sản nâng cao hơn mức độ chiến tranh trong mưu đồ giải phóng miền Nam bắt di bắt dịch của Hà Nội.

Tuy nhiên, không phải vì vậy mà giá trị cách mạng của ngày đó

bị phai mờ. Vì dù chỉ “nhìn kết quả để đánh giá nguyên nhân” trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1975 mà thôi, thì ngày cách mạng 1–11–63 cũng đã là một khúc rẽ quan trọng nằm giữa cái nguyên nhân Ngô Đình Diệm và cái kết quả « mất nước » 1975. Còn nếu đứng vững trên lập trường dân tộc, bằng cái nhìn thời đại thông suốt, trong chiều dài thăm thẳm của lịch sử, thì ngày 1–11–63 có ý nghĩa không chối cãi được của một ngày cách mạng. Nó đã trả lời được ước mơ của dân tộc là sống tự do, sống thông dong; nó đã đáp ứng được thời đại là xóa bỏ được một chế độ bán phong kiến siêu độc tài lỗi thời; và nó đã **thể hiện triệt để cái quy luật lập quốc của lịch sử Việt là một chế độ bạo trị thì thể nào cũng bị tiêu diệt.**

Như vậy, ngày 1–11–63 đúng là một ngày cách mạng.

Hay nói cho đúng hơn, là ngày cách mạng mở đầu cho một cuộc cách mạng đang dở. Nó không thuộc về những lực lượng khai sinh ra nó nữa, nó lại càng không thuộc về những kẻ còn nuối tiếc chế độ Diệm sau này, nó thuộc về lịch sử Việt Nam, nó là của dân tộc Việt Nam.

---

[11] Jean Lacouture, *Le Vietnam Entre Deux Paix*, tr. 117-121.

[12] Lê Tử Hùng, *Nhật Ký Đỗ Thọ*, tr. 77.

[13] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trong *Lời Giới Thiệu của Nhà Xuất Bản*.

[14] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 133 và 154

[15] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 342

[16] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 133 và 154

[17] Số tiền này chỉ là một phí đặc biệt, còn ngân khoản cho quân trang, quân dụng, lương bổng của đơn vị này đã do ngân sách Bộ Quốc Phòng đài thọ.

[18] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, trang 333 và 354.

[19] William Miller, *Henry Cabot Lodge*, tr. 350.

[20] Trong công điện này có câu: “... The US cannot tolerate a situation in which power lies in Nhu’s hand. Proposed that Diem be given a chance to jettison his brother. If Diem remains obdurate and refuses, we must face the possibility that Diem himself cannot be preserved...”

[21] Henry Cabot Lodge, *The Storm Has Many Eyes*, tr. 209.

[22] Các sách báo Công Giáo Cần Lao hải ngoại, sách “*Our Vietnam Nightmare*” của Marguerite Higgins và tuần báo US News

and World Report (số ngày 10-10-83).

[23] Henry Cabot Lodge, *The Storm Has Many Eyes*, tr. 209.

[24] Nguyễn Ngọc Huy, *The Story of Ngo Dinh Diem's Overthrow and Murder*.

[25] William Lederer, *Our Own Worst Enemy*, tr. 77.

[Tựa trích đoạn này của GDOL, Sources:

<http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtv3m3237nvnvnnnmn1n31n343tq83a3q3m3237n1n0n>

<http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/chuong17.htm>

<http://www.sachhiem.net/HOANH LINH/VNML17.php> ]

---

## CUỘC ĐẢO CHÁNH 1 THÁNG 11, 1963 VÀ CÁI CHẾT CỦA ÔNG DIỆM

*Lê Mạnh Hùng*

Trong suốt tuần cuối của tháng 10, 1963, thành phố Sài Gòn hết sức căng thẳng vì những lời đồn đoán về đảo chánh và phản đảo chánh. Quyết tâm tránh những lỗi lầm xảy ra vào năm 1960 và tháng 8, 1963, các tướng lãnh âm mưu cuộc đảo chánh ra sức chuẩn bị và tìm cách vận động các đơn vị quân đội khác ủng hộ mình chống lại ông Diệm.

Trong khi đó, biết rằng các tướng lãnh đang chuẩn bị một cuộc đảo chánh để lật đổ anh mình, ông Nhu cũng đưa ra một kế hoạch phản đảo chánh mà ông gọi là Operation Bravo. Kế hoạch này bao gồm việc giả vờ bỏ ngõ Sài Gòn để dẫn dụ các tướng lãnh âm mưu nổi lên trước khi cho quân quay trở về để đè bẹp các lực lượng nổi dậy này.

Trên nguyên tắc, kế hoạch này của ông Nhu hoàn toàn có thể thực hiện được. Một báo cáo của William Colby hôm 29 tháng 10 tại phiên họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ do chính Kennedy chủ tọa cho thấy trong số các đơn vị quân đội Việt Nam đóng chung quanh Sài Gòn, khoảng một phần tư trung thành với ông Diệm; một phần tư khác chống và số còn lại được coi như là trung lập. Theo Colby, yếu tố then chốt tùy thuộc vào thái độ của các đơn vị ưu tú nhất của quân đội Việt Nam bao gồm Lữ Đoàn Bảo Vệ Tổng Thống Phủ, các tiểu đoàn Lực lượng Đặc Biệt, Lữ đoàn Nhảy Dù, Lữ Đoàn Thủy Quân Lục chiến, không quân và một đơn vị thiết giáp. Một nửa những đơn vị này trung thành với ông Diệm trong khi nửa kia chống.

Nhân vật then chốt quyết định cuộc đảo chánh thành công hay thất bại là tướng Tôn Thất Định. Tướng Định năm đó mới có 38 tuổi và được coi như là một người thân tín của ông Ngô Đình Cẩn, vốn nắm toàn quyền sinh sát tại miền Trung. Sự bảo trợ của ông Cẩn đã dẫn đến việc tướng Định được thăng cấp mau lẹ trong quân đội và đã lên đến hàng thiếu tướng vào năm 1961 khi ông mới 35, vị tướng trẻ

nhất trong quân đội Việt Nam. Được một phúc trình của CIA nhận định là một con người phù phiếm, tự đắc và đầy tham vọng, ông Đính đã **đổi đạo sang Công Giáo** để được thăng tiến.

Với tư cách là một tướng lĩnh thân tín, tướng Đính được trao trách nhiệm chỉ huy Quân đoàn III bao gồm thủ đô Sài Gòn với trách nhiệm bảo vệ chống lại các cuộc đảo chánh. Tướng Đính, tướng Huỳnh văn Cao, tư lệnh Quân Khu IV ở phía nam Sài Gòn và đại tá Lê Quang Tung, tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt được ông Nhu coi như là ba tấm lá chắn chống lại các cuộc đảo chánh.

Nhóm đảo chánh bao gồm tướng Dương văn Minh, một tướng lĩnh đã lập được nhiều chiến công, nhưng lúc về sau này đã bị gạt sang một bên vì bị nghi ngờ là không trung thành với ông Diệm; tướng Lê văn Kim, được coi như là vị tướng lĩnh khôn ngoan nhất trong quân đội nhưng vào lúc đó cũng bị cho ngồi chơi xơi nước và tướng Trần Văn Đôn lúc đó đang làm tổng tham mưu trưởng. Hai tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh Quân đoàn II và Đỗ Cao Trí, tư lệnh Quân đoàn I, cũng ủng hộ cuộc đảo chánh nhưng không đóng một vai trò nào vì ở quá xa.

Theo Stanley Karnow trong cuốn *Vietnam: A History* thì biết rằng cuộc đảo chánh không thể thành công nếu không có sự tham dự của tướng Đính, các tướng đảo chánh tìm cách lợi dụng lòng tham hư danh của tướng Đính bằng cách thổi phồng tướng Đính và xúi dục ông lên đòi ông Diệm chia sẻ với ông quyền lực chính trị. Hậu quả là tướng Đính đã lên gặp ông Diệm và đòi ông Diệm cho ông chức bộ trưởng nội vụ. Nhưng ông Diệm đã không những không chấp nhận cho tướng Đính chức vụ đó mà còn thẳng tay chinh ông Đính trước mặt một số đồng nghiệp và ra lệnh cho ông Đính lên Đà Lạt nghỉ ngơi.

Dù chuyện này có thật hay không, nhưng sự kiện là ông Đính sau đó đã đồng ý gia nhập vào nhóm đảo chánh tuy rằng ông vẫn được ông Nhu tin cậy và trao trách nhiệm lo tổ chức cuộc phản đảo chánh. Hậu quả là tướng Đính được trao thêm quyền chỉ huy sư đoàn 7, tại Mỹ Tho, đơn vị trước thuộc quyền tướng Huỳnh Văn Cao nhưng nay được trao lại cho tướng Đính để hoàn thành hàng rào bao vây chung quanh Sài Gòn. Tướng Đính đã gọi đại tá Nguyễn Hữu Có xuống chỉ huy sư đoàn này. Ông Có ra lệnh cho chuyển tất cả các phà tại bến phà Mỹ Thuận sang bờ bắc sông Tiền, cắt đứt liên lạc đường bộ với miền Tây. Thêm vào đó, tướng Đính thuyết phục được ông Nhu dời Lực Lượng Đặc Biệt của đại tá Lê Quang Tung ra khỏi Sài

Gòn với dự tính sẽ vinh quang quay về dẹp cuộc đảo chánh

Với tất cả những chuẩn bị đó, khi cuộc đảo chánh nổ ra vào ngày 1 tháng 11 các lực lượng của tướng Cao bị cô lập ở bên kia sông Tiền không có phà để qua sông trong khi lực lượng của đại tá Lê Quang Tung cũng bị mắc kẹt ở ngoài Sài Gòn. Các tướng lãnh đảo chánh cũng chuẩn bị để vô hiệu hóa các sỹ quan nào còn trung thành với ông Diệm để ngăn chặn họ không thể tham gia chống đảo chánh. Sáng ngày 1, với tư cách là tổng tham mưu trưởng, tướng Đôn mời nhiều tướng lãnh và đơn vị trưởng các đơn vị mà nhiều người không biết gì về cuộc đảo chánh này, đến họp tại Bộ Tổng tham mưu ở Tân Sơn Nhứt. Khi họ đến nơi thì những người bị nghi ngờ là còn trung thành với ông Diệm lập tức bị bắt giữ với tướng Đôn tuyên bố quân đội làm đảo chánh chống ông Diệm. Trong số những người bị bắt có các vị chỉ huy trưởng Lữ Đoàn Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Lực Lượng Đặc Biệt, tư lệnh Không quân, và tổng giám đốc Cảnh sát. Việc bắt giữ này đã có tác dụng rất lớn giúp cho cuộc đảo chánh thành công vì những người này chỉ huy những đơn vị then chốt bên trong và chung quanh Sài Gòn có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp ông Diệm dập tắt cuộc đảo chánh. Hầu hết những người bị bắt sau đó đều đồng ý đi theo cuộc đảo chánh chỉ có đại tá Lê Quang Trung không chịu. Ông Tung sau đó đã bị nhóm đảo chánh xử tử.

Lúc 1 giờ 30 chiều ngày hôm đó các đơn vị nổi loạn bắt đầu tiến chiếm các cơ sở công quyền như đài phát thanh, bưu điện và lập các nút chặn chung quanh Sài Gòn phòng ngừa các đơn vị trung thành về giải cứu. Đến chiều thì chỉ còn có dinh Gia Long do Lữ Đoàn Phòng Vệ Tổng thống phủ bảo vệ là còn nằm trong tay ông Diệm. Trong những giờ phút sau đó, phe đảo chánh tìm cách thuyết phục ông Diệm từ chức và đi lưu vong ở nước ngoài, nhưng ông Diệm từ chối và tiếp tục kêu gọi các đơn vị trung thành với mình về giải cứu.

Đến lúc mặt trời lặn, Sư đoàn 5 của Đại tá Nguyễn văn Thiệu bắt đầu mở cuộc tấn công vào dinh Gia Long. Trong cuộc đảo chánh hệt vào tháng tám, theo CIA, thì ông Thiệu được coi là trung thành với ông Diệm và ông Nhu. Đặc biệt, theo báo cáo của CIA, ông Thiệu là một người “*ủng hộ ông Nhu rất mạnh*”. Chính ông Thiệu đã cứu cho ông Diệm trong cuộc đảo chánh thất bại năm 1960 khi ông đưa quân Sư đoàn 7 lúc đó do ông chỉ huy về Sài Gòn. Theo Lucien Conein, một nhân viên của CIA đã từng hoạt động ở Việt Nam từ Thế chiến thứ hai, thì trong cuộc đảo chánh năm 1963 này ông Thiệu đầu

tiên cũng không hoàn toàn ủng hộ phe đảo chánh và chỉ nhảy vào sau khi thấy rằng Hoa Kỳ không còn ủng hộ ông Diệm như trước nữa.

Đến sáng sớm ngày 2 tháng 11, các lực lượng bảo vệ dinh Gia Long đầu hàng. Nhưng khi vào được dinh Gia Long rồi, các lãnh tụ đảo chánh bỗng bối rối khi thấy ông Diệm và ông Nhu không có mặt ở đó. Và những người Mỹ đi theo họ cũng bối rối không kém. Theo tướng Đôn, Conein, vốn có mặt tại bộ Tổng tham mưu trong suốt thời gian đảo chánh này, cứ nhắc đi nhắc lại “Hai người này đi đâu? Phải bắt giữ họ bằng bất cứ giá nào. Không đập trúng thì làm sao làm được trúng trúng”

Tất cả họ đều biết rằng nếu ông Diệm ra thoát được, ông có thể chạy tới những đơn vị trung thành ở các nơi khác hoặc là sang một nước láng giềng từ đó tìm cách quay trở lại chống chính quyền mới.

### **Những ngày cuối cùng của Đệ Nhất Cộng Hòa**

Những khuyến cáo của phái đoàn Taylor-McNamara được Kennedy chấp nhận vào ngày 5 tháng 10, 1963 và được Mỹ áp dụng coi như là căn bản của chính sách đối với chính phủ của ông Diệm. Trong những tuần sau đó, chính quyền Kennedy bắt đầu thực hiện chính sách làm “*những áp lực chọn lựa*” đối với chính phủ ông Diệm.

Thoạt đầu những áp lực này có vẻ mang lại một sự nhượng bộ nào đó từ phía hai ông Diệm - Nhu. Ông Nhu bắn tiếng với Lodge rằng ông sẽ rút lui hoàn toàn khỏi chính trường nếu Mỹ cũng đưa ra khỏi Việt Nam một số những điệp viên mà hiện đang tiếp xúc với “những kẻ phản bội tiềm tàng”. Ông Nhu nói “Ai cũng biết mấy tên này là ai”. Đồng thời ông Diệm cũng gọi cả bà Nhu lẫn Đức tổng giám mục Ngô Đình Thục đi ngoại quốc.

Nhưng khi đại sứ Lodge đến gặp ông Diệm tại dinh Gia Long mọi chuyện trở nên khó khăn hơn. Trong cuộc gặp gỡ ông Lodge cho ông Diệm biết về sự chống đối gia tăng đối với chính phủ Việt Nam tại Mỹ. Đại sứ Lodge nói thêm rằng “Theo quan điểm cá nhân của tôi, nếu không có một sự thay đổi nào về chính sách thì việc cất viện trợ là một chuyện rất có khả năng xảy ra. Theo hồi ký của Lodge, đây là lần đầu tiên ông nói thẳng với ông Diệm rằng ông Nhu cần phải ra đi “Ông Nhu cần phải làm một chuyến đi dài, ít nhất tới tháng chạp mới nên trở về, sau khi Quốc Hội Mỹ bỏ phiếu thông qua xong Ngân sách chuẩn chi.”

Những đe dọa của đại sứ Lodge cùng với những chỉ trích ông Nhu từ phía những nhà báo và quan chức Mỹ đã khiến cho việc ông

Nhu ra đi trở thành một vấn đề thể diện quốc gia đối với ông Diệm. Ông Nhu đã nói ông sẵn sàng rời bỏ chức vụ và nếu để từ từ có thể ông sẽ ra đi. Nhưng nay trước đòi hỏi công khai của Mỹ, ông Diệm quyết định nhất quyết giữ ông Nhu lại. Theo Scigliano, một quan chức Việt Nam thân cận với ông Diệm cho biết, ông Diệm từ chối không để cho ông Nhu đi là vì “dân Việt Nam sẽ cho rằng Mỹ đã bắt được ông phải làm chuyện đó. Ông không muốn bị người ta coi như là bù nhìn hay là tay sai của Mỹ”. Trong hồi ký ông Lodge viết, ông Diệm trả lời rằng “Vấn đề không phải là ông Nhu mà là Mỹ. Nếu dư luận dân chúng Mỹ đúng như ngài nói, thì đó là công việc của ngài, thưa ngài đại sứ phải giải tòa dư luận dân chúng Mỹ”. Trong suốt cuộc nói chuyện, Lodge nhận xét rằng, ông Diệm đã tỏ ra rất né tránh khi bị đặt cụ thể trước những đòi hỏi thay đổi của Mỹ, tuy rằng cuối cùng ông cũng hứa hẹn với Lodge rằng ông sẽ xét đến một cách nghiêm chỉnh đến tất cả những gì mà Lodge đưa ra.

Trước phản ứng đó của ông Diệm, chính quyền Kennedy bắt đầu áp dụng một số biện pháp dùng áp lực. Kennedy ra lệnh cắt ngân khoản viện trợ cho Lực Lượng Đặc Biệt của Việt Nam và trì hoãn việc vận chuyển gạo, sữa, thuốc là những món hàng được nhập cảng từ Mỹ theo chương trình Viện trợ thương mại hóa (Commodity Import Program - CIP) và cho triệu hồi John Richardson, người cầm đầu cơ quan CIA tại Sài Gòn, một người mà cả người Mỹ lẫn người Việt tại Sài Gòn đều biết là rất thân cận với ông Nhu. Kennedy cũng ra chỉ thị cho Lodge là tuy rằng “tránh không tích cực khuyến khích một cuộc đảo chánh” nhưng hãy “cấp bách bí mật tìm cách nhận dạng và tiếp xúc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đại sứ với những thành phần có thể trở thành lãnh đạo thay thế chính quyền Ngô Đình Diệm.”

Mặc dầu những chỉ thị trên cho Lodge là không được khuyến khích một cuộc đảo chánh, nhưng những hành động của chính quyền Mỹ đã làm rất nhiều để hạ thấp uy tín của chính quyền ông Diệm đối với những đối thủ chính trị của ông cũng như là khuyến khích các tướng lãnh trong quân đội trong việc tổ chức một cuộc đảo chánh mới. Một số những cố vấn cao cấp trong chính quyền Kennedy sau này đã cố gắng phủ nhận rằng những biện pháp áp lực đặt ra là nhằm để kích thích một cuộc đảo chánh. Tuy rằng hiểu theo một nghĩa chặt hẹp, họ có thể đúng. Báo cáo Taylor-McNamara đã công khai bác bỏ việc khuyến khích một cuộc đảo chánh và những biện pháp áp lực như cắt giảm viện trợ là chỉ nhằm để buộc ông Diệm thay đổi chính sách. Nhưng chính quyền Kennedy không phải là hoàn toàn không có

trách nhiệm trong cuộc đảo chánh như những người biện hộ cho Kennedy vẫn khẳng định. Chính Hilsman sau này cũng phải công nhận “một số những chuyện chúng ta làm quả là đã khuyến khích một cuộc đảo chánh; một số những biện pháp chúng ta đề ra có mục tiêu là để áp lực ông Diệm dù rằng chúng ta biết là chúng ta có thể khuyến khích đảo chánh.”

Kennedy và các cố vấn của ông chắc chắn là không ngây thơ đến nỗi không biết rằng việc triệu hồi John Richardson, người mà các tướng lãnh âm mưu làm đảo chánh hồi tháng 8 e sợ là đã thông báo cho ông Nhu biết âm mưu này, cũng như là việc cắt giảm viện trợ, tín hiệu chính mà các tướng lãnh yêu cầu Mỹ làm để chứng tỏ Mỹ ủng hộ cuộc đảo chánh lại không khuyến khích những đối thủ của ông Diệm trong âm mưu của họ.

Ngày 5 tháng 10, với việc cắt giảm viện trợ được công bố, tướng Dương Văn Minh bắt liên lạc với Lou Conein, một nhân viên CIA vốn đã từng hoạt động tại Việt Nam từ những năm 1940 và đã từng cùng với Lansdale có công đưa ông Diệm lên. Tướng “big” Minh nhờ Conein chuyển đến đại sứ Lodge và chính phủ Mỹ yêu cầu Mỹ bảo đảm “*chính phủ Hoa Kỳ sẽ không ngăn chặn một cuộc đảo chánh mà các tướng lãnh Việt Nam dự trù thực hiện chống lại ông Diệm và sẽ tiếp tục viện trợ cho Việt Nam theo mức hiện nay một khi đảo chánh thành công*”.

Khi được Conein thông báo về âm mưu của tướng Minh, Lodge đã gởi ngay một điện tín về cho Kennedy yêu cầu được phép trấn an Tướng Minh rằng Hoa Kỳ sẽ không tìm cách ngăn chặn một cuộc đảo chánh và Mỹ sẽ tiếp tục giữ nguyên mức độ viện trợ cho một chính phủ quốc gia nào khả dĩ có được sự ủng hộ của dân chúng và tiếp tục chống lại sự xâm lăng của Cộng Sản.

Trong bức điện tín trả lời vào ngày 9 tháng 10, Kennedy ra chỉ thị cho Lodge hãy tiếp tục tuân thủ những chỉ thị trước, tức là “*tránh không tích cực khuyến khích một cuộc đảo chánh*” nhưng hãy “*cấp bách bí mật tìm cách nhận dạng và tiếp xúc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đại sứ với những thành phần có thể trở thành lãnh đạo thay thế chính quyền Ngô Đình Diệm*.” Nhưng chỉ thị có thêm hai điểm then chốt khác. Điểm thứ nhất “*Tuy rằng chúng ta không muốn khuyến khích một cuộc đảo chánh, chúng ta cũng không muốn gây ra một ấn tượng là Hoa Kỳ chống lại một sự thay đổi chính phủ hoặc là Hoa Kỳ sẽ từ chối không viện trợ kinh tế và quân sự cho một chế độ mới nếu chế độ này chứng tỏ có một khả năng hữu hiệu hơn về quân sự, có*

được sự ủng hộ của quần chúng và cải thiện được quan hệ với Hoa Kỳ.” Còn điểm thứ hai là “về vấn đề cụ thể mà tướng Minh hỏi, ông nên xét đoán cẩn thận có nên có lập trường rằng trong hoàn cảnh hiện nay, ông chưa có thể trình bày đề nghị của tướng Minh lên cấp trên cho đến khi có những thông tin chi tiết cho thấy một khả năng thành công lớn. Trong hoàn cảnh hiện nay, những thông tin này vẫn còn chưa có.”

Nhận được điện tín của Kennedy với những dè dặt trong việc ủng hộ cuộc đảo chánh của nhóm Dương văn Minh, Lodge đã quyết định không đề ý đến những dè dặt trên. Ngày hôm sau, ngày 10 tháng 10, Lodge cho Conein thông báo với nhóm tướng lãnh đảo chánh (Minh, Đôn, Đình, Kim) rằng Hoa Kỳ sẽ không can thiệp để ngăn chặn cuộc đảo chánh cũng như sẽ tiếp tục viện trợ khi đảo chánh thành công. Với lời hứa đó, nhóm các tướng lãnh bắt đầu tích cực chuẩn bị.

### **Cuộc đấu tranh của Phật giáo**

Ông Diệm vốn tự coi mình là một nhà lãnh tụ theo tinh thần truyền thống của Việt Nam. Mang nặng tinh thần cũ, ông coi mọi việc nhượng bộ trước những đòi hỏi của Phật Giáo như là một tổn hại đối với uy tín và sức mạnh của chế độ. Và thái độ này được phổ biến trong tất cả những nhân vật thân cận với ông.

David Halberstam trong cuốn *The Buddhist Crisis in Vietnam* kể lại rằng sau vụ đụng độ ở Huế khi một nhân viên ngoại giao Mỹ đề nghị với một nhân vật cao cấp thân cận với ông Diệm rằng để giải tỏa sự căng thẳng, chính phủ hãy bồi thường cho các nạn nhân 500,000 đồng và ra một thông cáo nhận rằng các lực lượng an ninh đã dùng bạo lực quá mức trong việc giải tán cuộc biểu tình thì nhận được câu trả lời là “Tiền bạc thì không sao, nhưng chúng tôi không thể công nhận rằng chúng tôi đã làm chuyện đó. Chúng tôi không thể nhận như vậy được.” Và chính quyền tiếp tục quy tội cho Việt Cộng đã nỗ lực bắn chết những người biểu tình này.

Sau cái chết của Hòa thượng Quảng Đức, dưới áp lực mạnh mẽ của Mỹ, một cuộc điều đình đã diễn ra một cách gián tiếp giữa chính quyền ông Diệm và các lãnh đạo phong trào tranh đấu Phật Giáo qua trung gian của một số nhân vật có uy tín với cả hai bên như ông Bùi Tường Huân. Ngày 16 tháng 6 chính phủ và Phật Giáo đạt được một thỏa hiệp năm điểm. Hai bên đưa ra một tuyên bố chung trong đó chính phủ nhượng bộ một số điểm nhưng không nói đến trách nhiệm

của chính quyền trong sự kiện tại Huế, thay vào đó là việc thành lập một ủy ban để điều tra về sự kiện này.

Thỏa hiệp đạt được đã không làm bất cứ bên nào hài lòng. Halberstam viết rằng một nguồn tin đáng tin cậy kể cho anh nghe một cuộc cãi vã bên trong dinh Độc Lập khi bà Nhu biết được rằng ông Diệm sửa soạn ký vào bản tuyên bố chung. Theo nguồn tin này thì bà Nhu đã lên tiếng xỉ vả ông Diệm là “*Anh hèn lấm*” Và ông Diệm đã trả lời rằng “*Cô không hiểu gì vấn đề này cả. Nó có những ảnh hưởng quốc tế. Chúng ta phải giải quyết.*”

Trong khi đó tại chùa Ấn Quang, một số tăng ni trẻ cũng chống lại quyết định của Thượng tọa Trí Quang thỏa hiệp với ông Diệm và đe dọa sẽ nổi lên chống lại. Cũng theo Halberstam, một nhà sư trẻ đã lớn tiếng đe dọa “*Nếu tôi mà kể lại với những Phật tử về những gì người ta đã ký thì họ sẽ hết sức giận dữ.*”

Trong những ngày sau đó, tình hình tiếp tục căng thẳng với những tin đồn rằng chính phủ và đặc biệt là vợ chồng ông Ngô Đình Nhu không có ý định gì thực hiện thỏa hiệp giữa hai bên. Ngày 26 tháng 6, tin đồn rằng ông Ngô Đình Nhu đã gửi một thông điệp mật cho tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa của ông, lên án những người Phật Giáo là những kẻ phản loạn và kêu gọi Thanh Niên Cộng Hòa hãy đứng ra khuyến cáo chính phủ đừng chấp nhận bản tuyên bố chung. Và sang đến đầu tháng bảy, Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, một người Phật Giáo, tuyên bố rằng những điều tra sơ khởi về sự kiện tại Huế cho thấy Việt Cộng là thủ phạm tạo ra những cái chết của các người biểu tình.

Đối với những người Phật Giáo, những sự kiện này cùng với những lời tấn công liên tục vào Phật Giáo bởi các phương tiện truyền thông như báo chí, đài phát thanh, đã tạo ra một thay đổi lớn trong thái độ của giới lãnh đạo Phật Giáo. Trước đó phần lớn giới lãnh đạo này tương đối bảo thủ và kiềm chế được những sư trẻ ở dưới không đi xa quá mức.

Theo một số các quan sát viên thời điểm cuối tháng sáu, đầu tháng bảy này là lúc mà cuộc đấu tranh Phật Giáo bắt đầu thay đổi tính chất. Các nhà sư trẻ nòng cốt của phong trào nay cảm thấy họ đã đi vào quá sâu để có thể rút ra. Biết rằng họ là những đối tượng của chính quyền một khi cuộc đấu tranh thất bại và đã nắm lấy quyền điều hành phong trào từ tay những tầng lớp lãnh đạo già hơn. Và điều này đã thể hiện rõ trong các luận điệu tuyên truyền mà phong trào Phật giáo đưa ra. Trong lúc những đòi hỏi ban đầu chỉ có tính mơ hồ như

được đối xử bình đẳng hơn với Công giáo hoặc là đòi chính phủ phải công nhận tầm mức quan trọng của Phật Giáo thì càng về sau những luận điệu tuyên truyền của phong trào càng ra mặt chống chính phủ và đặc biệt là chống cá nhân gia đình ông Diệm. Người ta thấy rõ rằng Phật Giáo đến lúc này đang cố gắng tạo ra một bầu không khí trong đó chế độ có nguy cơ sụp đổ.

Phải chăng phong trào Phật Giáo này là do Cộng sản xúi xẻo? Đây chính là quan điểm của chính phủ ông Diệm và những người ủng hộ ông sau này, nói rằng phong trào Phật Giáo là Cộng sản. Chắc chắn là trong phong trào này có những phần tử Cộng sản len vào để tìm cách kích động gây lợi thế cho họ. Một số như Thượng tọa Thích Đôn Hậu có thể có cảm tình với Cộng Sản (ông Đôn Hậu đã bỏ ra bung theo Cộng Sản trong dịp Tết Mậu Thân 1968 và giữ chức Phó chủ tịch Liên Minh các Lực Lượng Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt Nam của luật sư Trịnh Đình Thảo). Nhưng những bằng chứng về sau này cho thấy **phong trào Phật giáo không chỉ chống chính quyền Ngô Đình Diệm mà căn bản là còn chống Cộng nữa**. Sau năm 1975, Hòa thượng Thích Trí Quang đã bị Trần Bạch Đằng tố cáo là gián điệp nằm vùng của CIA và bị quản thúc tại chùa suốt từ đó đến nay.

Tiến vào cuối mùa hè năm 1963, diễn biến tình hình đã trở nên càng ngày càng phức tạp. Trong lúc đó, một sự kiện xảy ra vào ngày 7 tháng 7 đã lại làm tăng thêm ác cảm của giới báo chí quốc tế với chính quyền ông Diệm. Trong khi theo dõi một cuộc biểu tình của Phật Giáo một số nhà báo nước ngoài trong đó có Peter Arnett và Malcolm Brown của thông tấn xã *Associated Press*, Neil Sheehan của *United Press International*, Peter Kalisha của đài truyền hình CBS và David Halberstam của nhật báo *New York Times* bị một toán mật vụ của ông Nhu tấn công. Tấm hình Peter Arnett mặt đầy máu do Malcolm Browne chụp đã được truyền đi khắp thế giới. Ngay sau đó, cảnh sát đã đến văn phòng của *Associated Press* khám xét và bắt giữ Arnett và Browne về tội “hành hung nhân viên công lực”. Sự kiện này đã dẫn đến việc các phóng viên báo chí nước ngoài biểu tình trước tòa đại sứ Mỹ phản đối cách đối xử của chính quyền ông Diệm với họ và đòi tòa đại sứ phải bảo vệ.

Đến tháng tám thì phong trào phản đối đã lan rộng ra không chỉ tại các thành phố mà còn vào cả các vùng thôn quê và nhất là quân đội. Một cuộc khảo sát do Rand Corporation thực hiện cho thấy dân chúng tại các vùng quê nay đều đã biết đến cuộc khủng hoảng này và

**không tin tưởng bao nhiêu ở khả năng giải quyết của chính quyền.** Đặc biệt, tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, cuộc khủng hoảng này đã là một đề tài tuyên truyền quan trọng của Việt Cộng. Những bài tường thuật về những sự kiện xảy ra tại Sài Gòn và những thành phố ngoài trung được phát đi qua các chương trình của đài BBC và VOA cũng có một tác động đối với dân chúng tại các vùng xa các trung tâm tranh đấu như tại đồng bằng sông Cửu Long. Tương tự như vậy, **trong hàng ngũ quân đội càng ngày càng có nhiều những bất mãn và một nhận thức về tôn giáo gia tăng đặc biệt là trong hàng ngũ các sỹ quan trẻ.** Các báo cáo nhận được cho thấy cuộc khủng hoảng này đã ảnh hưởng đến tinh thần và hiệu năng của quân đội. Trong bối cảnh đó phía Phật Giáo hy vọng có thể khiêu khích chính phủ làm một hành động vội vã thiếu suy nghĩ để tạo ra một ấn tượng với đại sứ mới của Mỹ, ông Henri Cabot Lodge khi ông này sang thay thế cho đại sứ Frederic Nolting. Halberstam dẫn lời một lãnh tụ Phật giáo nói rằng “Chúng tôi sẽ thấy vô chuỗi để cho họ ngã.”

Về phần ông Diệm thì có thể nói bị mắc kẹt giữa hai thế lực đối nghịch. Một bên là phe chủ chiến đại diện bởi ông bà Ngô Đình Nhu muốn **dùng vũ lực để đàn áp và giải quyết cho xong** cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Một bên kia là Hoa Kỳ áp lực mạnh mẽ để ông Diệm thỏa hiệp với Phật Giáo giải quyết vấn đề khủng hoảng để có thể quay trở lại với mục tiêu chính là chống cuộc nổi dậy của Cộng sản miền nam. Dưới áp lực của Mỹ, ông Diệm đã phải hứa sẽ không có hành động nào mạnh mẽ đàn áp Phật Giáo.

Nhưng càng trù trừ, tình hình lại càng vượt ra khỏi tầm tay của chính phủ. Và với những tin tức cho thấy có ít nhất hai nhóm quân nhân đang muốn chuẩn bị để tổ chức một cuộc đảo chánh, ông Nhu đã quyết định **ra tay trước** vào ngày thứ tư 21 tháng 8. Cuộc khủng hoảng Phật Giáo bước vào một giai đoạn mới.

### **Căng thẳng Mỹ Việt và sự sụp đổ của chế độ Đế Nhất Cộng Hòa (1962-1963)**

Cho đến giữa năm 1963, các giới chức Mỹ tại Sài Gòn, kể từ đại sứ Frederic Nolting và tướng Paul Harkins đều có một thái độ rất lạc quan về tình hình Việt Nam.

Trong các báo cáo của họ gửi về Washington hầu hết đều nhấn mạnh rằng, các biện pháp đề ra vào năm 1961 đang có kết quả, vấn đề là cần phải có thời gian và kiên nhẫn trước khi đạt được chiến thắng. Trong khi đó, chính quyền của ông Diệm, sau vụ đảo chánh hụt của

đại tá Nguyễn Chánh Thi vào cuối năm 1960 càng ngày càng rút lui vào một tường thành và chống lại những cố gắng của Mỹ để cải tổ chính trị. Tuy rằng để làm vừa lòng những đòi hỏi của Mỹ, ông Diệm có làm một số cử chỉ có tính hình thức như thành lập một Hội Đồng cố vấn kinh tế, nhưng **thay vì mở rộng chính quyền cho những người khác tham gia, ông Diệm lại siết chặt thêm nữa.**

Cuối năm 1962, Quốc Hội thông qua một đạo luật cấm mọi hình thức tụ tập, kể cả đám cưới và đám tang nếu không được chính quyền cho phép trước. Chế độ kiểm duyệt được tăng cường. Mọi chỉ trích đưa ra đối với ông Diệm hoặc gia đình đều bị trừng phạt. Vào đầu năm 1963, ông Diệm đã giận dữ cắt hợp đồng với nhóm Michigan State University vì một số người trong nhóm này khi trở về Mỹ đã viết những bài bị chính phủ Việt Nam nói là “không đúng, bất công và có tính xáo động”. Cũng trong thời gian này, ký giả Francois Sully của tạp chí Newsweek đã bị trục xuất vì viết bài đùng đến bà Ngô Đình Nhu.

Việc trục xuất ký giả Francois Sully phản ánh một phần những khó khăn mà chính quyền ông Diệm gặp phải đối với báo chí quốc tế. Trái với những hình ảnh lạc quan của chính giới Việt Nam và Mỹ tại Sài Gòn, các ký giả quốc tế đại diện bởi David Halberstam của tờ *New York Times* và Neil Sheehan của thông tấn xã *United Press International (UPI)* lại đưa ra một hình ảnh khác. Tuy rằng chấp nhận mức độ quan trọng của việc ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản xuống miền Nam, họ chống lại những chính sách của chính phủ Mỹ để thực hiện mục tiêu này. Đặc biệt là sau trận Ấp Bắc, những bài báo chống lại chế độ của ông Diệm càng ngày càng nhiều. Họ lên án chính phủ của ông Diệm là tham nhũng, độc tài và làm mất lòng dân; chương trình Ấp Chiến Lược là một trò giả dối. Họ đưa ra những nghi ngờ về những báo cáo về tiến bộ quân sự, nói rằng chính phủ Việt Nam thổi phồng những con số thống kê; rằng quân đội Việt Nam “làm việc theo giờ hành chánh”, tung ra những cuộc hành quân có lệ vào ban ngày rồi rút trở về doanh trại ban đêm. Theo họ, mặc dầu những can thiệp càng ngày càng gia tăng của Hoa Kỳ, cuộc chiến tại miền Nam đang tiến dần tới thất bại về tay Cộng sản. Và họ kết luận rằng cuộc chiến không thể nào thắng được nếu Hoa Kỳ tiếp tục theo đuổi chính sách “dại dột” “sống và chết cùng với ông Diệm” (sink or swim with Diem).

Halberstam, Sheehan và những đồng nghiệp được cung cấp tài liệu cho những bài chỉ trích đó từ những sỹ quan và viên chức cấp

dưới của Mỹ. Sự gia tăng một cách mau chóng những lực lượng Mỹ tại Việt Nam cùng với tầm mức can thiệp sâu đậm hơn vào các hoạt động của chính quyền và quân đội Việt Nam đã tạo ra những căng thẳng tại hầu như tất cả các cấp bậc giữa Mỹ và Việt. Những căng thẳng này có lẽ khó có thể tránh được vì tình trạng gia tăng quá nhanh số người Mỹ tại Việt Nam và những khác biệt về cung cách làm việc và bản chất xã hội giữa hai bên. Hiếu động và thiếu kiên nhẫn, những người Mỹ mới sang này đụng ngay vào với bản chất từ tốn vốn bao trùm hành chánh và quân đội Việt Nam. Hậu quả là nhiều người Mỹ tìm cách qua mặt phía Việt Nam và đi thẳng vào ngay với dân chúng tại các làng xã, nói một cách khác, thay vì hành động với tư cách cố vấn họ tìm cách nắm lấy quyền điều hành. Sự kiêu ngạo của những người Mỹ này là nguyên nhân chính tạo ra tình trạng căng thẳng giữa hai bên.

Những chỉ trích của báo chí cũng tạo ra những vấn đề cho chính phủ Kennedy, không muốn làm lộ ra bên ngoài sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam. Chính Kennedy đã tìm cách áp lực tờ *New York Times* chuyển Halberstam ra khỏi Việt Nam nhưng không thành công. Nhưng những lời chỉ trích của báo chí cũng làm cho chính quyền Kennedy hoài nghi về những báo cáo mầu hồng của tòa đại sứ và MACV. Đặc biệt, tháng 12, 1962, Mike Mansfield, cựu thượng nghị sỹ và là một trong những người đầu tiên ủng hộ ông Diệm, sang thăm Việt Nam theo yêu cầu của Kennedy và trở về với một báo cáo cực kỳ bi quan về tình hình. Trong báo cáo riêng gởi cho Kennedy, Mansfield so sánh vai trò của Mỹ giống như vai trò của Pháp trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất và nói thẳng thừng rằng **Hoa Kỳ có nguy cơ bị kéo vào một cuộc chiến giống như Pháp trước đây với một kết quả cũng vô vọng tương tự.**

Báo cáo của Mansfield đã làm cho tòa Bạch ốc dao động và Kennedy gởi ngay Roger Hilsman và Michael Forrestal, một nhân viên thân tín của tòa Bạch ốc sang Việt Nam với một sứ mạng tìm hiểu tình hình (fact finding mission). Báo cáo của phái bộ Hilsman - Forrestal vào đầu năm 1963 đưa ra một quan điểm giữa cái bi quan của những phóng viên báo chí và cái nhìn mầu hồng của các quan chức tòa đại sứ và MACV. Phúc trình của phái bộ đưa ra những dè dặt quan trọng về sự hữu hiệu của quân đội Việt Nam, đưa ra những khuyết điểm quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch Ấp Chiến Lược và công nhận rằng **chính phủ của ông Diệm càng ngày càng trở nên cô lập đối với quần chúng.** Tuy nhiên phúc trình kết luận rằng

Hoa Kỳ và Việt Nam có triển vọng đang chiến thắng trong cuộc chiến tuy rằng cuộc chiến “có triển vọng kéo dài lâu hơn là chúng ta muốn” và chiến thắng này “tốn kém hơn cả về nhân mạng lẫn tiền bạc so với chúng ta dự trù”.

Mặc dầu một nhận định nói chung là bi quan, tuy rằng kết luận lạc quan một cách dè dặt, Hilsman và Forrestal cho rằng chính sách của Mỹ theo đuổi - sống chết với ông Diệm - là đúng và khuyến cáo chỉ nên có những thay đổi về chiến thuật để bảo đảm việc thực hiện được hữu hiệu hơn. Phúc trình của Hilsman và Forrestal làm tăng thêm những hoài nghi về sự chính xác của các báo cáo chính thức về tiến bộ đạt được tại Việt Nam, nhưng vẫn còn giữ hy vọng rằng với những giúp đỡ của Mỹ, ông Diệm có thể đạt được chiến thắng chống cuộc nổi dậy của Cộng Sản tại miền Nam.

Vào cuối mùa xuân 1963, trong nội bộ phái bộ Mỹ tại Việt Nam bắt đầu có những bất đồng. Trong lúc tòa đại sứ và MACV vẫn còn tiếp tục tin tưởng và lạc quan - khi tướng Harkins đã dám khẳng định trong một hội nghị tại Honolulu vào tháng 4 rằng ông hy vọng rằng cuộc chiến có thể kết thúc vào dịp Giáng Sinh - thì cơ quan CIA tỏ ra bi quan và dè dặt hơn nhiều. Các báo cáo của CIA cảnh cáo rằng tình hình hãy còn mong manh và khó đoán được.

Trong khi đó, quan hệ giữa ông Diệm và Mỹ trở nên đặc biệt căng thẳng. Phía Mỹ gia tăng áp lực để buộc ông Diệm “*dân chủ hóa*”, đưa ra những cải tổ **để thu hút sự ủng hộ của dân chúng** trong khi ông Diệm ra sức chống lại, cho rằng những cải tổ Mỹ muốn chỉ có thể làm suy yếu chứ **không củng cố được chế độ của ông**. Ông Diệm và nhất là ông Nhu cũng thấy mình bị mắc kẹt trong một nan đề, họ biết rằng cần phải trông cậy vào sự hiện diện của Mỹ để ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản, nhưng chính sự hiện diện của Mỹ này lại mang lại một yếu tố mới, có tính hầu như quyết định ngăn chặn việc giải quyết tình hình. Đặc biệt, ông Diệm và ông Nhu cảm thấy e sợ về sự hiện diện càng ngày càng đông của các cố vấn Mỹ và những cố gắng của họ dành lấy quyền điều hành cuộc chiến. Như đã được Ellen Hammer kể lại trong cuốn sách “*Chết trong tháng mười một*” (*Death in November*), ông Diệm đã phản đối chính phủ Mỹ là xâm phạm chủ quyền của Việt Nam và tố cáo Mỹ là thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Ellen Hammer nhắc lại lời tâm sự của ông Diệm với đại sứ Pháp “Bao nhiêu là lính. Tôi có mời họ sang đâu. Họ chẳng có cả cái thông hành nữa.”

Tình trạng căng thẳng giữa hai bên cuối cùng đã nổ ra vào

tháng 5, 1963 khi ông Ngô Đình Nhu chính thức một cách công khai đặt câu hỏi rằng liệu người Mỹ có biết họ làm gì tại Việt Nam hay không và đề nghị Mỹ cắt giảm quân số 5,000 người. Cũng vào đầu mùa hè năm 1963, ông Diệm và ông Nhu cũng bắt đầu **tìm cách thương thuyết với Hà Nội một giải pháp giải quyết vấn đề Việt Nam dựa trên căn bản Mỹ rút ra khỏi miền Nam Việt Nam.**

Tình trạng rạn nứt trong liên minh giữa Mỹ và chế độ của ông Diệm như vậy đã bắt đầu.

**Lê Mạnh Hùng**

[Source:

[http://www.viettidemagazine.net/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1750&Itemid=50](http://www.viettidemagazine.net/index.php?option=com_content&task=view&id=1750&Itemid=50) ]

## NGÀY TÀN CỦA NỀN ĐỘC TÀI CÔNG GIÁO SỰ SÁT HẠI 2 TỔNG THỐNG CÔNG GIÁO

(Trích từ “Vietnam: Why Did We Go?”, Chương 15,  
của **Avro Manhattan**)

*\* Tại sao tòa đại sứ Mỹ đã chống lại cuộc đề cử Diệm \* Một sự lựa chọn tai hại \* Thế lưỡng nan của Kennedy \* Các ưu tiên chính trị tôn giáo của Diệm \* So sánh các nền độc tài Ca-tô của xứ Croatia và Việt Nam \* Những mục tiêu chính của Diệm và Pavelich \* Các hoạt động tôn giáo của Diệm làm nguy hại những nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam \* Binh sĩ Phật giáo đào ngũ khỏi Quân đội Việt Nam \* Các biện pháp giúp tránh sự tan rã của đội quân \* Viện trợ của Mỹ cho Việt Nam bị ngưng \* Trưởng CIA bị gọi về \* Một “cú lật đổ” Diệm được thả lỏng \* Diệm và người em bị bắn chết \* Tổng thống Kennedy bị giết \* Thêm mười năm nữa cho chiến tranh Việt Nam \* Cái giá cuối cùng, mạng sống của 58 ngàn thanh niên Mỹ.*

Đối với Vatican, Việt Nam là một cuộc thao diễn khác để cây chủ nghĩa Công giáo toàn trị vào một đất nước lạ bất chấp ước vọng của đại đa số quần chúng. Vatican là một bậc thầy trong việc lợi dụng các cơ hội chính trị và quân sự để thăng tiến những chính sách tôn giáo của riêng mình, cuối cùng có nghĩa là sự mở rộng của Giáo hội Công giáo mà nó đại diện. Như một quy tắc, để thúc đẩy các chính sách như vậy, nó sẽ sử dụng những cá nhân cuồng đạo để thực hiện các hoạt động tôn giáo và chính trị của nó.

Trường hợp của Diệm là một ví dụ điển hình. Vatican hỗ trợ Diệm, bởi vì ông ta là một giáo dân Ca-tô cuồng đạo, Mỹ ủng hộ ông vì ông là một kẻ chống Cộng hăng say. Vào thời điểm này, vì chính sách của Giáo hội Công giáo là toàn diện chống Cộng, nên hậu quả là kẻ cuồng đạo phải phục tùng Nhà Thờ và thành kẻ hăng say chống Cộng tựa như nó.

Do đó, đối với Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ và với Vatican, tính cuồng đạo và lối sống khắc khổ của Diệm là sự bảo đảm chắc chắn nhất rằng Diệm sẽ thực thi chính sách phối hợp của họ với mức trung thành tối đa, và những sự kiện tiếp diễn về sau đã chứng minh rằng họ đã đúng ở điểm này. Tuy nhiên những kẻ biết chuyện, đã

không hề đồng quan điểm về tính thích nghi của Diệm. Tòa Đại sứ Mỹ chẳng hạn, đã khuyến cáo chống lại ông từ đầu. Cảnh báo của tòa Đại sứ đã hoàn toàn bị Washington bỏ qua, và mặc dù ngay cả Bộ Ngoại Giao chống lại sự lựa chọn này, Sở Chiến Dịch Đặc Vụ của Ngũ Giác Đài lại dứt khoát chọn Diệm. Nó đã thành công. Lời giải thích? Một bọn nào đó ở Ngũ Giác Đài đã được xúi giục bởi một đám người trong CIA vốn có các liên kết mật thiết với nhóm vận động hành lang Công giáo ở Washington và mấy tay hồng y ở Mỹ và qua đó đã hoàn toàn ăn ý với Vatican, đã quyết định phải có một giáo dân Công giáo trung thành tại Nam Việt Nam.

Nên ghi nhớ rằng đây là giai đoạn tồi tệ nhất của Cuộc Chiến tranh Lạnh. Những kẻ cổ vũ quái quỷ của nó chính là anh em nhà Dulles – một tại Bộ Ngoại giao và một tại CIA - và Giáo hoàng, Pius XII tại Vatican, đang tiến hành một đại chiến lược phối hợp về ngoại giao, chính trị và hệ tư tưởng bao gồm cả phương Tây và Viễn Đông mà Việt Nam là một phần trong đó.

Sự lựa chọn đã tỏ cho thấy là một thảm họa cho miền Nam Việt Nam và cho các chính sách Á châu của Hoa Kỳ. Như chúng ta đã thấy, vấn đề tôn giáo rất ráo đã làm mất hiệu lực cả toàn bộ chiến lược lớn của Mỹ ở đó.

Hai Tổng thống Công giáo, Diệm và Kennedy, đã trở thành những kẻ đứng đầu của hai quốc gia có liên quan mật thiết trong một cuộc chiến tranh gây tranh cãi nhiều nhất. Nếu nhìn từ quan điểm của Vatican và sự tiến hành của các kế hoạch của nó tại châu Á, thì điều này có những khả năng vô giới hạn. Trong những hoàn cảnh khác, sự chia sẻ những tín ngưỡng tôn giáo chung đã có thể giúp nhau trong việc tiến hành một chính sách chung, vì lợi ích chính trị của hai nước đều song hành.

Tuy nhiên, với giáo dân, Diệm đang theo đuổi những cuộc đàn áp tôn giáo lỗi thời, giáo dân Kennedy càng cảm thấy chẳng thoải mái chút nào, vì ông ta vốn là đã một nhà chính trị quá tinh khôn để chịu làm hồng sự nghiệp chính trị của mình hoặc hy sinh lợi ích của Hoa Kỳ chỉ vì một đồng đạo Công giáo, kẻ rốt cục đã làm sỉ nhục đại đa số dân Mỹ, mà phần lớn vẫn nghi ngờ đạo Công giáo của Kennedy. Vì thế mà chính quyền Kennedy cuối cùng đã cho phép lật đổ chế độ Diệm. Thông thường, với trường hợp người Công giáo cầm quyền, bất cứ khi nào hoàn cảnh cho phép và không bị hạn chế bởi các điều khoản của hiến pháp hoặc các sự chế tài khác, thì họ có xu hướng thi hành chính sách ngày càng đồng bộ với tinh thần tôn giáo của họ. Kết

quả, do kết hợp các lợi ích của đất nước với những quyền lợi của Giáo hội của họ, thường là họ tạo nên các lĩnh vực xã hội và chính trị không cần thiết.

Khi việc nước đi dần đến chỗ khủng hoảng do sự kháng cự của phe đối lập phi-Công giáo thì liền đó, đám giáo dân Ca-tô nắm quyền lực chính trị hay quân sự sẽ không ngần ngại sử dụng sức mạnh ấy chống lại những người phản đối họ. Ở giai đoạn này, như là một quy luật, quyền lợi của Giáo Hội của họ vượt lên trên quyền lợi của đất nước họ.

Công thức này đã được chứng minh là đúng trong trường hợp của miền Nam Việt Nam. Tổng thống Diệm, đã lỡ kích động một cuộc khủng hoảng như thế lại coi thường lợi ích của đất nước, và của cả những kẻ đỡ đầu cho mình là Hoa Kỳ, để theo đuổi những gì mà ông ta cho là lợi ích của Giáo hội của ông.



*Ante Pavelić, kẻ xúi giục, người tạo lập và lãnh đạo nhà nước độc lập Công giáo của Croatia. Y sử dụng chính sách khủng bố, cực đoan chính trị và cuồng tín tôn giáo với độ tàn nhẫn vượt hẳn chính cả hai kẻ bảo hộ phát xít của y là Benito Mussolini và Adolf Hitler. Y là bộ não đứng đằng sau vụ ám sát vua Alexander và những vụ tàn sát chính trị khác, dẫn đến sự tan vỡ của Nam Tư và từ đó dựng lên nước Ustashi Croatia độc lập siêu Đức quốc xã, siêu Công giáo của y. Y tận hưởng sự bảo vệ của Giáo hoàng. Pius XII, kẻ đã giúp y các phương tiện ngoại giao và tiền bạc để đạt được mục tiêu cuối cùng của y. Khi Ustashi Croatia bị sụp đổ, Pavelich núp trong Vatican, sau đó cải trang như là một tu sĩ trốn sang Argentina.*

Trong khi các yếu tố chính trị và quân sự vốn không quan trọng đã đóng một vai trò hàng đầu trong thảm kịch cuối cùng, chính yếu tố tôn giáo đã che khuất tầm nhìn về chính trị và quân sự của Tổng

thống Diệm, và đã dẫn ông đến điều bất hạnh. Chỉ có hai mươi năm trước, tại châu Âu, một giáo dân Ca-tô khác, Ante Pavelich, đã tạo ra nước Croatia Công giáo, trong đó Giáo hội Công giáo cai trị tối cao để loại trừ bất kỳ tôn giáo khác. Giống như Diệm, Pavelich đã biện minh cho chế độ Toàn trị Công giáo trên cơ sở là một nền độc tài Công giáo là cách phòng thủ tốt nhất chống lại chủ nghĩa Cộng sản.

Theo quan niệm như vậy mà y cho mình có quyền không chỉ để phát động các cuộc đàn áp bất cứ ai hoặc bất cứ điều gì phi-Công giáo, trong trường hợp của y là Giáo hội Chính Thống, nhưng còn tiêu diệt hơn 600 ngàn dân ông, phụ nữ và trẻ em - một trong những hành động khập khiễng nhất của Thế chiến II.

Ở châu Á, tình hình thì đa dạng và các bối cảnh chính trị và quân sự đang bị giám sát bởi một quyền lực hùng mạnh là Hoa Kỳ, các vụ lạm quyền như vậy đều không được phép. Thế nhưng những việc chuẩn bị cho các cuộc đàn áp tôn giáo và các trại tập trung đã là chỉ dẫn cho những gì có thể đã xảy ra nếu dư luận thế giới và ảnh hưởng hạn chế của Hoa Kỳ không kịp thời can thiệp vào. Tuy nhiên, các tham vọng chính trị và tôn giáo của hai kẻ độc tài Công giáo và mối quan hệ của họ với Giáo hội Công giáo đều đồng bộ. Vì vậy, khi bộ máy chính trị và quân sự bị kiểm soát bởi những kẻ độc tài Nam Việt Nam và Croatia được dùng vào việc phục vụ Giáo hội Công giáo, Giáo hội này liền đặt bộ máy tinh thần và nhà thờ của mình vào tay của hai kẻ độc tài để họ làm tất cả mọi người và mọi thứ phải qui phục chính sách độc tài tôn giáo và chính trị của nó.

Cả Diệm và Pavelich đã theo đuổi ba mục tiêu cùng một lúc: (1) sự hủy diệt của một kẻ thù chính trị, tức là chủ nghĩa Cộng sản; (2) sự biện minh cho sự hủy diệt của một giao hội thù địch, tức là Giáo hội Chính Thống trong trường hợp Pavelich và Phật giáo trong trường hợp của Diệm; (3) sự thiết lập nền độc tài tôn giáo và chính trị Công giáo tại mỗi quốc gia.

Không cần bàn đến những hoàn cảnh và bối cảnh địa lý cùng nền văn hóa khác nhau, các mô hình của hai chế độ đều y khuôn: Bất cứ điều gì và bất cứ ai không chịu uốn mình và phục tùng đạo Công giáo đều bị tiêu diệt một cách tàn nhẫn bằng bất cứ, ngược đãi, các trại tập trung và xử tử. Với kết quả do việc xem thường lợi ích của đất nước của họ mà chỉ thúc đẩy các lợi ích của tôn giáo của họ, cả hai kẻ độc tài cuối cùng đã đưa đất nước của họ vào đày ải.

Trong trường hợp của Tổng thống Diệm, khi ông đưa Công giáo lên hàng đầu, ông đã xa lạ không chỉ với đại đa số quần chúng

Nam Việt Nam, nhưng nguy hiểm hơn là số lượng lớn nhất của quân đội Nam Việt Nam, những người đã từng ủng hộ ông toàn bộ về chính trị. Ở điểm này, tiềm năng và thực tế đầy nguy hiểm của mặt trận chống Cộng mà chính sách của Diệm dựa vào, cuối cùng đã lôi việc can thiệp quân sự của Mỹ vào và đã dẫn đến các hậu quả tai hại.

Tuy Diệm vẫn là kẻ được đỡ đầu chính trị của Hoa Kỳ, nhưng bằng cách theo đuổi một chính sách lấy cảm hứng từ nhiệt tình tôn giáo của riêng cá nhân mình, và bằng cách bỏ qua lợi ích ngoại giao chính trị nhất định đã được kết nối với chiến lược quân sự chung của Hoa Kỳ, ông ta đã gây nguy hiểm cho cả một chính sách toàn bộ ở Đông Nam Á. Điều này trở nên rõ ràng hơn, không chỉ vì những sự bất ôn đặc biệt do ông gây trong cả nước, nhưng trên tất cả, vì các cuộc đàn áp tôn giáo của ông đã gây nguy khốn nghiêm trọng đến hiệu quả của quân đội.

Nên ghi nhớ rằng đại đa số quân đội Nam Việt Nam là Phật giáo đồ. Nhiều người trong số này, khi thấy tôn giáo của họ bị đàn áp, tăng sĩ của họ bị bắt, người thân của họ bị giữ trong các trại giam, đã trở nên chán nản, và dĩ nhiên muốn gây binh biến. Những trường hợp vắng mặt ngày càng tăng, đào ngũ, và thậm chí cả nổi loạn. Kết quả toàn bộ của điều này không phải vì cuộc chiến tranh tôn giáo đã tự nó bắt lực hóa chế độ Diệm, nhưng còn tệ hơn, là những tính toán quân sự của Mỹ đã bị hiểm nguy nghiêm trọng. Vấn đề tại thời điểm này càng trở thành bi thảm hơn, vì trong cùng thời gian đó, Hoa Kỳ đã bầu lên vị tổng thống Công giáo đầu tiên của họ, và còn bi đát hơn nữa về phương diện cá nhân, chính Kennedy trước khi vào Nhà Trắng, lại là một người kiên trì ủng hộ giáo dân Công giáo Diệm. Thật vậy, ông đã là một trong những thành viên có ảnh hưởng lớn nhất của nhóm vận động hành lang Công giáo đã lái Hoa Kỳ hướng về chiến tranh Việt Nam.

Khi tình hình nội trị và quân sự bên trong miền Nam Việt Nam đã đi từ xấu đến tồi tệ hơn, các nhà thảo kế hoạch của khu vực Đông Nam Á đã báo cáo rõ cho ông ta (Kennedy) phải làm một điều gì đó mạnh mẽ với sự hỗ trợ hoàn toàn cho giới quân sự tại chỗ để ngăn chặn sự rã ngũ rộng rãi của quân đội Nam Việt Nam. Những căng thẳng leo thang với Liên Xô Nga và Trung Quốc Đỏ đã buộc Washington đi nước cờ cấp bách, vì sự suy thoái nội bộ và quân sự có thể làm mặt trận chống Cộng sản bị sụp đổ hoàn toàn từ bên trong. Áp lực đã trở thành không thể cưỡng lại được và những bước gờ đầu tiên được đưa ra. Trợ cấp cho Lực lượng Đặc biệt Việt Nam bị ngưng.

Các chỉ thị bí mật đã được ban ra cho các ngành có kết nối chặt chẽ với các đường dây nội bộ giữa Hoa Kỳ và chế độ Diệm. Cuối cùng, vào ngày 4 Tháng 10, 1963, John Richardson, người đứng đầu của CIA tại Việt Nam, bất ngờ bị giải nhiệm và gọi về Washington. Một số cá nhân hiểu rằng họ đã được giao lệnh tự do hành động cho một cuộc đảo chính chống Diệm.

Một cuộc đảo chính đã được thiết kế thành công, Tổng thống Diệm và em trai, kẻ đứng đầu đáng ghét của ngành mật vụ phải chạy trốn. Họ đã bị phiến quân phát hiện đang ẩn náu trong một nhà thờ nhỏ. Bị bắt giữ, họ đã bị đẩy vào trong một chiếc xe cơ giới như những tội phạm quốc gia. Vừa đến nơi phải tới - cả Diệm và em trai ông đã bị bắn chết. Xác chết của họ đã được đặt tại Bệnh viện St Joseph, chỉ cách vài trăm mét từ chùa Xá Lợi, trung tâm của cuộc kháng chiến chống sự đàn áp Phật giáo của Diệm [1].



*Các xác chết tả tơi của Tổng thống Diệm và em trai của ông ta (Ngô Đình Nhu) sau khi bị ám sát bởi các sĩ quan Phật tử ngày 2-11-1963.*



*Vụ ám sát Tổng thống Kennedy ở Dallas, Texas, 22-11-1963.*

Hai mươi ngày sau vụ ám sát Diệm, tổng thống Công giáo đầu tiên của Nam Việt Nam, tổng thống Công giáo đầu tiên của Mỹ, John

F. Kennedy, lại bị ám sát tại Dallas, Texas. Tại sao, và bởi ai vẫn là một bí mật từ bấy giờ.

Sau sự sụp đổ của chế độ độc tài của Tổng thống Diệm, sự tham gia của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam lại kéo dài thêm mười năm nữa từ 1963-1973 [2].

Vào tháng Tư năm 1975, Sài Gòn, thủ đô của miền Nam Việt Nam đã rơi vào tay Cộng sản. Năm sau, ngày 24 tháng 6 năm 1976, phiên họp đầu tiên của Quốc hội Việt Nam khai trương tại Hà Nội ở miền Bắc. Ngày 2 Tháng 7 năm 1976, Bắc và Nam tuyên bố thống nhất, như thế kết thúc 20 năm chia cắt. Lá cờ mới của họ, một ngôi sao năm cánh vàng trên nền đỏ, đã trở thành biểu tượng cho quốc gia mới, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người dân Việt Nam đã tổn thất hàng trăm ngàn người bị thương và chết, sự tàn phá đất nước của họ và sự đau khổ vô bờ của con người. Hoa Kỳ đã hao tổn hàng tỷ và hàng tỷ đô la, sự cay đắng nội bộ và bên ngoài nước, sự tham gia của hơn 5 triệu rưỡi thanh niên Mỹ với sự mất mát của hơn 58 ngàn mạng sống của người trẻ Mỹ.[3]

---

Ghi chú cuối chương:

[1]. Người bị cáo buộc đã giết ông ta (Diệm) là một Đại úy Nguyễn Văn Nhung, người đã tự tử vào ngày 31 tháng 1, 1965.

[2]. Hoa Kỳ đã buông bỏ trực tiếp tham gia vào Việt Nam vào tháng Giêng, 1973. Sau đó, Quốc hội, mặc dù các cam kết hỗ trợ, đã quyết liệt cắt giảm viện trợ cho quân đội Nam Việt Nam – trong khi Liên Xô lại tăng gấp đôi hỗ trợ của nó. Nam Việt Nam tan rã vào tháng tư, năm 1975.

[3]. *U.S. News and World Report*, ngày 10 tháng 10, 1983.

Tác giả: **Avro Manhattan**

Người Dịch: Trần Thanh-Lưu

## KHÚC QUANH LỊCH SỬ

(Trích từ Tạp-chí *Bách-Khoa*, số 165, ngày 15 tháng 11 năm 1963 – Sài Gòn)

*Nguyễn-Ngu-Í* ghi và thuật

Biến cố lịch sử do Quân-đội lãnh đạo và được toàn dân hưởng ứng bắt đầu từ 13 giờ ngày thứ sáu 1-11-63 và kết thúc thành công hồi 6 giờ 45 phút ngày thứ bảy 2-11-63.

Một trang sử đã lật qua.

Chúng tôi xin ghi lại những dòng đầu của trang sử mới.

### **Nỗi hân hoan và niềm công phần của người dân.**

Tin lực lượng bảo vệ gia đình họ Ngô tại dinh Gia-Long đầu hàng không điều kiện vừa loan ra, là muôn người như một thở dài, nhẹ nhõm: cơn ác mộng kéo dài dằng dặc suốt chín năm qua nay đã tiêu tan cùng loạt súng cuối cùng.

Người ta nhìn nhau, mỉm cười.

Người ta siết chặt tay nhau, mừng rỡ.

Người ta hồi hả đến dinh Gia-Long để thấy tận mắt chiến tích của cuộc Cách mạng thành công, và sự sụp đổ rõ ràng của một chế độ dựng xây bằng gian dối, bít bùng, tàn bạo.

Niềm hân hoan, cười mở, thoải mái hiện trong ánh mắt, trên nét mặt mọi người.

Và đầu Hội đồng Quân nhân Cách mạng đã có lời yêu cầu đồng bào đừng biểu tình, nhiều đoàn người vẫn tự động giương cờ, giương biểu ngữ đi qua các đường lớn ở Đô-thành để hoan hô Quân-đội Cách-mạng và đả đảo chế độ độc tài vừa cáo chung.

Nhiệt tình của những đoàn người này lên cao đến nỗi sau đó họ phá, đốt bót cảnh sát Lê-Văn-Ken ở gần chợ Bến-Thành, rồi kéo tới phá, đốt các báo *Sài Gòn Mới*, *Tiếng Chuông*, *Lẽ Sống*, *Tiếng Dội*, *Buổi Sáng*, *Sài Gòn Mai*, *Ngôn Luận*, *Dân Mới*, *Dân Việt*, *The Times of Việt-Nam*, *Phụ nữ Diễn đàn*, *Phụ nữ Ngày mai*.

Ba tờ nhật báo đầu bị thiệt hại nặng hơn cả.

Nhà phát hành sách báo Thống-Nhất, Việt tấn xã, trụ sở hội Phụ nữ Liên đới, hai nhà sách Khai-Trí, Xuân Thu (Portail cũ), một số nhà công, tư và cơ sở kinh doanh của tư nhân cũng chịu chung một số phận.

Còn sinh viên và học sinh thì đến đập phá trụ sở của Quốc hội, rồi thẳng xuống công trường Mê-Linh kéo sập tượng hai bà Trưng, mà đồng bào cho rằng đó chỉ là tượng hai chị em bà Ngô-Đình-Nhu.

### **Mối tình quân dân...**

Tiếng súng diệt trừ chế độ thất nhân tâm vừa dứt, thì lớp người quân nhân cách mạng ấy phải chịu ngay sự “tấn công” chớp nhoáng và ồ ạt của người dân sung sướng và biết ơn.

Có những em thiếu sinh bá cổ quân nhân này. Có những em nữ sinh biểu hoa hồng súng nọ. Có những học sinh, sinh viên ào lên các chiến xa, hết hỏi lằng xằng lít xít, lại đòi cho bắn thử một loạt lên trời “xem thử nó ra sao”, và được toại nguyện.

Đây, có anh chủ tiệm cà phê khui ngay một hộp sữa dầu kín cả tuần nay, tự tay pha li cà phê sữa, đem ra mời người quân nhân cách mạng, thức suốt đêm đứng giữ trật tự bên đường.

Đó, có chị đãi một toán lính vừa chiến đấu xong hết cả gánh cháo lòng định đem bán dạo. Ở chợ mát đô thành, có những bà bỏ cả bán buôn để mua quà, bánh và đi tới tận dinh Gia-Long len qua lớp biển người để trao tận tay những người chiến sĩ.

Trên vỉa hè một khúc đường Tự Do, có ông già đầu bạc, khăn đóng áo dài, vỗ vai người quân nhân đứng gác trước cửa thư quán nọ, nhìn anh, cười cười mà không nói, chỉ gật đầu, và con người cầm súng kia khe khẽ cúi đầu, mỉm cười đáp lại.

Quân và dân, cá với nước, không bao giờ người dân và người quân cảm thấy đúng như lúc này. Một niềm thông cảm hồn nhiên khiến người ta cần lại gần nhau, như sông tìm đến biển, như biển đợi chờ sông. Người ta cảm thấy mình cùng chung một số phận và do đó càng thấy khăng khít với nhau hơn.

Cũng là quân nhân, mà sao trong thời giới nghiêm 20-8 sau vụ đàn áp Phật giáo thì không ai dám tới gần, mà trong thời giới nghiêm sau này, khi lật đổ chế độ trái lòng người, thì lại hiền lành dễ mến như vậy.

Phải chăng khi người quân nhân hành động đúng với nguyện vọng thiết tha và chính đáng của toàn dân, thì người quân ấy với người dân này là một, và quân đội ấy quả thực là quân đội của nhân

dân.

Người dân Việt đã mấy phen bị lợi dụng, bị gạt lừa, bị chà đạp... nay bỗng thấy lóe một niềm phấn khởi và tin tưởng qua lời Tuyên cáo của Hội Đồng Quân nhân Cách Mạng.

### **Lập trường và chủ trương của quân đội...**

#### **LẬP TRƯỜNG CỦA QUÂN ĐỘI.**

- *Quân đội tranh đấu vì quyền lợi tối cao của đất nước, không chủ trương vụ lợi, tham quyền cố vị.*

- *Quân đội không chủ trương thiết lập một chế độ độc tài, vì ý thức rằng, khí giới sắc bén nhất để chiến thắng Cộng sản là: Dân chủ, Tự do.*

- *Quân đội không chủ trương một nền dân chủ phóng túng trong lúc toàn lực Quốc gia đang phải đương đầu với một cuộc chiến tranh mất còn với Cộng sản, mà cần áp dụng một hình thức dân chủ trong tinh thần kỉ luật của một Quốc gia trong thời chiến.*

- *Cuộc tranh đấu của Quân đội chỉ nhằm phục vụ xứ sở, lấy hành động làm phương châm, không nêu ra những lý thuyết viển vông, những lời hứa hẹn bịp bợm.*

#### **QUÂN ĐỘI CHỦ TRƯỞNG.**

##### **a) - Đối ngoại:**

- *Quân đội giữ một lập trường duy nhất: chống Cộng.*

- *Đứng trong hàng ngũ Thế giới Tự do.*

- *Thiết lập ngoại giao với các nước lân bang và củng cố tình giao hảo với các nước bạn.*

- *Quân đội quyết định tôn trọng những hiệp định hòa ước đã kí kết và tôn trọng tài sản, tánh mạng của ngoại kiều cư ngụ tại Việt-Nam.*

##### **b) - Đối nội:**

- *Quân đội chủ trương đoàn kết toàn dân.*

- *Các đảng phái chính trị không Cộng sản sẽ được hoạt động trong khuôn khổ của nền an ninh Quốc phòng.*

- *Quân đội chủ trương trao quyền lại cho một Chính phủ dân cử, khi tình thế cho phép.*

- *Để sửa soạn cho một định chế dân chủ tương lai, Quân đội sẽ mời các nhân sĩ, các đại diện tầng lớp xã hội thiết thực tham gia cộng tác.*

- *Trên phương diện kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, thanh niên v.v... tập trung tất cả hoạt động để đáp ứng nhu cầu cấp bách của*

hiện tình Quốc gia.

- Quân đội chủ trương tự do tín ngưỡng; tôn giáo được tuyệt đối bình đẳng.

- Các phần tử Quốc gia không phải Cộng sản, đang bị tù đầy sẽ được đặc biệt cứu xét để trả lại tự do và giúp họ có cơ hội tham gia vào việc xây dựng một xã hội mới.

- Quân đội thúc đẩy việc ban hành chế độ tự do báo chí, để giới này tự ý thức được nhiệm vụ hướng dẫn dư luận trong công cuộc chống Cộng; mọi phê bình xây dựng sẽ được tán thưởng.

- Quân đội tiếp tục những công trình lợi ích mà toàn dân đã xây dựng và đóng góp từ trước tới nay.

**... với nỗi lòng của người cầm bút...**

*Thép kiếm xưa làm thép bút nay,*

*Hai thép bên nào hơn đấm say? (1)*

Thép kiếm của con nhà võ đã vung lên, và đã ghi một điểm son trong lịch sử.

Thép bút của con nhà văn đã chấm vào bình mực nào, đã viết được những gì?

Giới cầm bút – ngay sau khi cuộc cách mạng do Quân đội lãnh đạo để lật đổ một chế độ độc tài vừa thành công – bắt đầu có đôi phản ứng.

Nhật báo *Ngôn Luận* trong số chào mừng Cách mạng thành công ra ngày 4–11–63, có đăng bài hiệu triệu của ba nhà văn kiêm nhà báo: Chu Tử, Hiếu Chân, Từ Chung. (Chu Tử vốn từng cộng tác mật thiết với nhật báo Dân Việt, cũng như Hiếu Chân với nhật báo Tự Do và Từ Chung với nhật báo Ngôn Luận).

*Hiệu triệu các nhà văn nhà báo*

*Mang danh là những người cầm bút chiến đấu cho Tự do, Dân chủ và giải phóng con người, vậy mà trong thời gian vừa qua, vì cơm áo, vì khiếp nhược đến hèn, chúng ta đã nhắm mắt ăn dơ, đánh đĩ tâm hồn, phản bội sự Thật, phản bội Dân tộc, cam tâm làm gia nô cho bè lũ họ Ngô. Dù chúng ta có viện bất cứ lẽ gì để bào chữa, chúng ta không thể chối cãi tội lỗi của chúng ta đối với đồng bào, với lịch sử.*

*Quân đội đã đứng lên, làm nhiệm vụ mình. Cơ hội duy nhất để chúng ta thoát khỏi cảnh huống bồi bút, “phi cầm, phi thú”, cơ hội duy nhất để chúng ta trở lại làm người, đã tới... Nếu sự tự thiêu*

*của bảy tu sĩ – một hi sinh bi hùng nhất trong lịch sử tôn giáo và nhân loại – chưa làm chúng ta giác ngộ, thì quả chúng ta đã hết là người, không còn xứng đáng gặp gỡ vận hội chúng ta nữa.*

*Cuộc cách mạng chỉ mới bắt đầu. Xương máu của quân đội, của đồng bào không thể bị bọn đầu cơ chính trị lợi dụng một lần nữa.*

*Hơn lúc nào hết, chúng ta phải “gạn đục khơi trong”, đem hết tâm hồn, năng lực ra phụng sự chính nghĩa.*

*Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các bạn nghệ sĩ, bằng máu, nước mắt, mồ hôi, đem ngòi bút viết lại thiên lịch sử của dân tộc, mà trong chín năm qua, **bè lũ họ Ngô đã làm hoen ố.***

*Đại diện các nhà văn, nhà báo chiến đấu cho Tự do, Dân chủ.*

*CHU TỬ, HIẾU CHÂN, TỪ CHUNG.*

Và tờ nhật báo lâu năm nhất, do một nhà kí giả vào hạng kì cựu nhất, tờ Sài-Gòn Mới, trong số 1, bộ mới, ra ngày 4-11-63, cũng nói vì sao báo chí đã phải chịu “trăm điều tủi nhục”:

*“Riêng ngành báo chí của chúng tôi luôn luôn bị áp bức khủng bố. Hằng ngày phải chịu trăm điều tủi nhục, bắt buộc phải viết những hàng chữ ngược lại với lòng mình, để hoan hô những cái điều ngoa, giả dối, tàn ác, bất nhơn của gia đình họ Ngô.*

*Nỗi đau đớn của toàn dân và sự cực nhục của báo chí chúng tôi đã oằn oại từ chín năm nay, đến giờ này mới được Quân đội anh dũng ra tay rửa sạch”.*

Thái độ của báo chí trong “chín năm trường ầy” đã được một sinh viên xét đến trên mặt nhật báo Đồng Nai, ngày 6-11-63 trong bài “*Lương tâm con nhà cầm bút*”. Chúng tôi xin trích đoạn quan trọng nhất:

*“Nhiệm vụ của báo chí là hướng dẫn dư luận quần chúng, vậy nếu không có tự do ngôn luận để nói lên sự thật hầu giác ngộ chánh quyền và quần chúng, thì người cầm bút có lương tâm cũng đừng bao giờ nói trái sự thật, thà im lặng còn hơn. “Những lời nói bay mất, chữ viết thì còn”, những gì các báo ầy đã viết liệu ngày nay có thể bôi xóa được chăng?*

*Nếu các chính trị gia chân chính thật trọng trong lời hứa thì các nhà báo có lương tâm càng phải thận trọng hơn trong khi viết để cho hàng vạn người đọc. Nếu gia đình họ Ngô và bè lũ tay sai đắc tội với quốc gia, dân tộc, thì thái độ xu thời, nịnh bợ của một số nhà báo cũng sẽ bị quốc dân và lịch sử phê phán nghiêm khắc.*

**... và con đường của hai tôn giáo**

Hai mươi bốn giờ sau sự sụp đổ của chế độ cũ, chùa Xá-Lợi đông nghẹt người, đoạn đường trước và hai bên hông chùa, chen chân không lọt.

Con đông tổ đã tan. Niềm hân hoan ngày vui lớn vừa lắng xuống. Và giữa không khí trầm hương bát ngát, một Thượng Tọa mới được giải thoát khỏi cảnh tra tấn giam cầm, Đại đức Thích-Giác-Đức, đã nói với hàng ngàn Phật tử, đại ý như sau:

Trong cuộc tranh đấu gian khổ vừa qua để dành tự do tín ngưỡng, anh em Phật giáo đã được anh em Thiên Chúa giáo tán thành và tận tình giúp đỡ. Đã có hàng trăm sinh viên, học sinh Thiên Chúa giáo chịu mưa, chịu nắng, đồng lòng tuyệt thực cạnh sinh viên học sinh Phật tử, trong cuộc mít-tinh ngày 18-8 chống kì thị tôn giáo.

Đã có rất nhiều vị **linh mục ủng hộ cuộc tranh đấu một cách gián tiếp hay trực tiếp và trong thời gian khủng bố trắng ni của chánh quyền cũ**, có những vị đã hết lòng che chở và giúp đỡ cho các thầy và các Phật tử ẩn náu trong nhà thờ để thoát khỏi nanh vuốt của công an mật vụ. Sự kiện trên nhắc ta nhớ lại thời kì “sát tả bình Tây” dưới triều Tự-Đức, các linh mục và giáo dân đã từng ẩn náu trong các chùa, điển hình nhất là chùa Bà-Đá ở Hà-Nội. Người ta cũng chưa quên được những hình ảnh cảm động giữa nhà chùa và nhà thờ: đã chia nhau từng bó rau muống trong thời tranh đấu chống độc tài Cộng sản. Thế là Phật giáo và Ki-Tô giáo lại đoàn kết chặt chẽ để bảo vệ cho tự do tín ngưỡng như thời kì tranh đấu vừa qua.

--oOo--

Con đường đưa đến Bắc ái, con đường dẫn đến Từ bi lại gặp nhau một cách cảm động và thiêng liêng trên mảnh đất Việt từng chứng kiến hơn một cảnh đau lòng.

**NGUYỄN-HỮU-NGƯ**

(thuật và ghi)

---

(1) *Hòn nam nhi* của Phan-Khắc-Khoan (1943).

## NHÂN SĨ VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN SĨ

NGUYỄN-HỮU-NGU'

phỏng vấn Bác sĩ **Nguyễn Hữu Phiếm**

và Giáo sư **Nguyễn Văn Trung**

[Trích từ *Bán Nguyệt san BÁCH KHOA* số 166

Ngày 1-12-1963 – Sài Gòn]

Sau khi lật đổ chính quyền cũ chưa đầy một tuần, ngày 6-11-1963, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã ban hành sắc lệnh thiết lập Hội đồng Nhân sĩ mà thành phần sẽ được *“chọn lựa trong các giới tiêu biểu cho mọi xu hướng quốc gia và hoạt động nghề nghiệp.”* Và nhiệm vụ là *“giúp Chính phủ lâm thời thực hiện đường lối Cách mạng hợp với nguyện vọng của toàn dân.”*

Trong cuộc phỏng vấn dành cho Pháp tấn xã, Trung tướng Dương Văn Minh, Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng cũng nêu lên trách vụ của Hội đồng Nhân sĩ là *“khuyến cáo nhà cầm quyền trong việc lựa chọn những cơ cấu mới cho Việt-Nam”,* là *“bình thường hoá đời sống chính trị ở Việt-Nam”* và *“mọi tầng lớp nhân dân cần phải chuẩn bị để thực hiện việc đó.”*

Tất nhiên việc trên đây nhân dân ai cũng tán thành vì trong lúc chờ đợi một Quốc hội dân cử thì nguyện vọng của người dân sẽ được thể hiện một phần nào qua cơ quan đặc biệt quan trọng đó, một cơ quan có vai trò làm gạch nối liền giữa chánh phủ với nhân dân.

Nhưng cái tên “Nhân sĩ” của Hội đồng đã làm nhiều người thắc mắc vì không phải ai cũng hiểu danh từ “Nhân sĩ” như nhau và người nào cũng cùng một quan niệm về cơ quan tư vấn đó.

Bởi vậy trong tinh thần xây dựng chế độ mới, chúng tôi đã nêu lên hai câu hỏi sau đây để gợi ý và tới phỏng vấn một vài người tại Đô thành mà chúng tôi thấy xưa nay vẫn thiết tha quan tâm đến vận mệnh nước nhà. [Ghi chú: - Gồm quý bà Hồ Hữu Tường, và Trần Thúc Linh, và quý ông Phan Khắc Sửu, Phan Huy Quát, Nguyễn Hữu Phiếm, Bùi Hữu Sùng và Nguyễn Văn Trung. Chúng tôi trích đăng hai trả lời của Giáo sư **Nguyễn Văn Trung** và Bác sĩ **Nguyễn Hữu Phiếm** vì có liên hệ trực tiếp đến nội dung của Tuyển Tập này]:

1. - Xin Ông (hoặc Bà) cho biết ý kiến: thế nào là một “nhân sĩ”?

(những điều kiện tối thiểu mà một người cần có, để được gọi là “nhân sĩ”).

2. - Xin Ông (hoặc Bà) cho biết, theo ý Ông (hoặc Bà) thì “Hội đồng Nhân sĩ” cần phải có những điều kiện gì để tham gia hữu hiệu vào công cuộc chung?

Mong rằng những câu trả lời sau đây cũng phản ánh được một phần nào ý kiến và ước vọng của người dân đối với Hội đồng Nhân sĩ.

Xin lưu ý bạn đọc là cuộc phỏng vấn và các câu trả lời đều có trước ngày ban hành sắc lệnh: Quy Chế Hội đồng Nhân sĩ (15/SL/CT ngày 22-11-1963).

.....

Giáo sư **NGUYỄN VĂN TRUNG**

**Hỏi:** Anh nghĩ thế nào về Hội đồng Nhân sĩ?

**Đáp:** Muốn phát biểu những ý kiến thiết thực về Hội đồng Nhân sĩ, thiết tưởng trước hết phải xác định *thế nào* là một nhân sĩ và *ai* là nhân sĩ bây giờ ở miền Nam ta? Nếu lên những câu hỏi trên, chúng ta thấy ngay những khó khăn vì chữ Nhân sĩ rất mơ hồ. Vậy để giải quyết những khó khăn trên, tôi đề nghị phân tách lần lượt mấy điểm sau đây:

1. Mục đích việc thành lập Hội đồng Nhân sĩ.

2. Ai đảm nhiệm được vai trò trên?

3. Những thành phần nào ở Việt-Nam bây giờ có thể đảm nhiệm vai trò trên?

4. Một hậu quả bi đát của chế độ cũ.

Đưa ra những nhận xét trên, tôi thấy thật khó biết ai là nhân sĩ, và ai là những người có thể được mời vào hội đồng mà vừa lòng mọi người.

**Thiếu lãnh tụ chính trị tài đức thực sự, thiếu nhân sĩ đó là một trong những hậu quả bi đát của chế độ cũ. Dưới chế độ này, người ta buộc chúng ta phải trao số phận của mình cho họ dẫn dắt;** do đó không có sinh hoạt làm chính trị, cũng không có sinh hoạt suy tưởng về chính trị. Kết quả là tiêu hao gần hết những nhà cách mạng, chính trị thuộc thế hệ đàn anh từ 50 trở lên và ngăn chặn không cho thế hệ trẻ được có kinh nghiệm và luyện tập suy nghĩ, làm chính trị. Cho nên bây giờ, chế độ cũ sụp đổ, nhìn lên bậc đàn anh, thật đáng kính nhưng không khỏi thấy ít nhiều lỗi thời, trông xuống thế hệ

từ 30 đến 40 tuổi, thì chỉ thấy một trống rỗng. **Chín năm chuyên chế đã không cho họ không những có cơ hội thi thố tài năng** do đó làm sao mà có được nhân tài, lãnh tụ? **Sự chuyên chế để lại một sự trống rỗng mà hình như còn làm tê liệt ngay cả những ý chí phục hồi đời sống chính trị** trên bình diện suy tư hay hoạt động. **Sự mất tự do suy tưởng, những lo sợ thường xuyên vì bầu không khí mật vụ,... quá lâu ngày** đã làm cho những tâm hồn trẻ mất thói quen ưa tự do, bất chấp nguy hiểm, đe dọa... Cho nên khi được tự do người ta cũng không có hứng thú bao nhiêu muốn lao mình vào hoạt động tựa người bị cùm lâu ngày chân đã tê liệt, nên khi xiềng xích đã cởi bỏ vẫn cảm thấy tê cứng như khi còn bị cùm vậy. Họ vẫn lo âu ái ngại **vì những hình ảnh nhà tù, tra tấn, bắt cóc bừa bãi còn quá sâu đậm** và đè dặt, thậm trọng vì sợ bị lợi dụng hay sợ người ta cho rằng mình lợi dụng chăng? Do đó có khuynh hướng tiếp tục im lặng, thụ động, trở về chuyên môn của mình. Có lẽ không phải tất cả những người thuộc thế hệ 30-40 có tâm trạng trên. Nhưng chắc có một số không phải ít có tâm trạng đó.

#### 5. Những đề nghị.

Sau khi nêu lên mục đích và những khó khăn, tôi đề nghị:

a) - Vận động thành lập một Hội đồng Nhân sĩ gồm những vị lãnh đạo tối cao các tôn giáo, các nhà Cách mạng tuổi tác, những nhà văn hoá chân chính để tạo thành một lực lượng tinh thần đứng ở ngoài chính trị, để kêu gọi đoàn kết quốc gia, thống nhất dân tộc, xây dựng đất nước trên căn bản những nguyên tắc tự do dân chủ và công bình xã hội v.v...

b) - Thành lập một hội đồng tư vấn hay một ủy ban nghiên cứu nhằm soạn thảo đường lối, chính sách cho chế độ, chính thể mới. Chọn người vào ủy ban này căn cứ vào 3 tiêu chuẩn:

- Có khả năng chuyên môn về từng ngành (chính trị, kinh tế, giáo dục v.v...).

- Trẻ tuổi, hay còn trong sạch **chưa liên hệ nặng nề với những chế độ cũ.**

- Nếu những người ở trong ủy ban này hứa danh dự sẽ không tham chính thì có lẽ sự soạn thảo được đảm bảo hơn về tính cách vô tư và chính trực.

Điều cần thiết cấp bách bây giờ là thành lập hội đồng tư vấn trên và nhấn mạnh vào tính cách *tạm thời* của nó vì nó sẽ *đương nhiên* giải tán khi soạn thảo xong dự án về đường lối, chính thể. Theo tôi nghĩ, hội đồng tư vấn này không phải là chỗ để các thế lực chính trị

tranh giành ảnh hưởng, vì chỗ tranh giành ảnh hưởng là ở Quốc Hội sau này. Nếu quy định rõ rệt những giới hạn trên, hội đồng tư vấn, chắc chắn sẽ thành lập được mau chóng dễ dàng đồng thời đảm bảo được tính cách vô tư của nó.

## Bác sĩ NGUYỄN HỮU PHIÊM

1) Danh từ “nhân sĩ” thật ra, khó mà định nghĩa một cách xác đáng được. Đã có báo chí ngoại quốc dịch “Hội đồng Nhân sĩ” là “Conseil des Sages” (!). Có người lại dịch là “Conseil des Notabilités”.

Theo tôi hiểu, trong giai đoạn hiện tại của nước nhà, một “nhân sĩ” trước hết là một người có nhiệt tâm, nhiệt huyết, hằng lo âu đến vận mệnh và tiền đồ của tổ quốc trước hiểm họa xâm lăng của Cộng sản. Nhưng thế chưa đủ. Người đó còn phải là người có *tài*, có *đức*. Có tài, tôi xin nói ngay, không có nghĩa là tài cao học rộng, có những “mãnh bằng đồ sộ, đầu óc tuy nịch chặt những chữ, nhưng rút cuộc chỉ là những bộ óc ươn hèn, nô lệ” (như các bạn nam nữ sinh viên Đại học đã viết trong một lá thư ngỏ gửi cho các giáo sư Đại học Sài Gòn cách đây hơn một tháng).

Cần phải là người có kiến thức rộng, đã từng sống sát với dân chúng, có một lập trường vững chắc, một chủ trương rõ rệt tức là: *triệt để chống Cộng, chống độc tài, chống mọi khuynh hướng trung lập chế*, và tích cực hoạt động ngõ hầu xây dựng một chế độ dân chủ, tự do thật sự.

Ngoài ra, **cần phải có một quá khứ chứng minh không từng làm tay sai cho thực dân, hoặc chế độ bạo tàn, thối nát của Nhu Diệm**, hoặc có thành tích chống Cộng. Và sau hết, có một đời sống trong sạch, công cũng như tư.

2) Nếu những vị “nhân sĩ” được mời tham dự vào “Hội đồng” có đủ mấy điều kiện nói trên, “Hội đồng Quân nhân Cách mạng” rất sẽ được tín nhiệm của quốc dân, và tôi tin rằng những vị đó sẽ quan niệm việc tích cực tham gia vào công cuộc chung là một bổn phận của một người công dân, thành thật yêu nước.

Nhiệm vụ của “Hội đồng Nhân sĩ”, theo tôi, là soạn thảo hiến pháp, nghiên cứu thể thức bầu cử những vị đại diện của dân sao cho hoàn toàn dân chủ, để ngăn ngừa độc tài, **đừng để cho nước Việt-Nam yêu dấu bị một lần nữa rơi vào tay những kẻ “đầu cơ chính trị”, những kẻ “lưu manh, giang hồ” như bọn Nhu Diệm**.

Vì chỉ có Tự Do thật sự, Dân Chủ thật sự mới thắng nổi Cộng sản mà thôi.

Ngoài ra, “Hội đồng Nhân sĩ” còn có nhiệm vụ nói lên những nguyện vọng của người dân trên mọi lãnh vực.

Vai trò của “Hội đồng Nhân sĩ” quả thật là quan trọng, cũng như trách nhiệm của “Hội đồng Quân nhân Cách mạng” trong việc lựa chọn các nhân sĩ rất nặng nề. “Hội đồng Nhân sĩ” có trách nhiệm trước “Hội đồng Quân nhân Cách mạng” chứ không phải trước “Chánh phủ Lâm thời”, - và “Hội đồng Quân nhân Cách mạng” có trách nhiệm – dĩ nhiên là trách nhiệm tinh thần - trước quốc dân đồng bào hiện nay, hơn lúc nào hết, đang đặt hết tin tưởng và kỳ vọng vào “Hội đồng Quân nhân Cách mạng”.

.....

**Nguyễn Hữu Ngự thuật**

*BÁCH KHOA số 166 Ngày 1-12-1963*

## CÁCH MẠNG RỒI LẠI CÁCH MẠNG

**Chính Luận, số 94, ngày 22-7-1964, Năm thứ I**

[Chủ nhiệm: **ĐẶNG VĂN SUNG** - Thư ký Toà soạn: **TỪ CHUNG**]



Dưới thời Nhu, Diệm, không biết có anh nào cắc cớ đã đề ra một đoàn thể có danh hiệu rất kêu: *Công chức Cách mạng Quốc gia*.

Suy đi xét lại, người ta không hiểu các ông công chức ấy, **ngoài việc o bế nồi cơm, cách mạng ở**

**chỗ nào**, chứ thực ra họ chẳng “cách mạng” chỗ nào hết! Đây là một thí dụ nhỏ nhất trong muôn ngàn thí dụ khác:

Có một số thư ký phục vụ tại những tỉnh nhỏ đã lâu năm, vì hoàn cảnh gia đình, xin chuyển chuyển đến tiếp tục công vụ tại những nơi thuận tiện cho họ hơn, nhưng đơn xin của họ chẳng bao giờ được xét tới, mặc dầu dưới thời “*Cách mạng Nhân vị*” người ta thường lập đi lập lại câu châm ngôn “Cách mạng Quốc gia nhằm thực hiện công bằng xã hội”.

Tức cười hơn hết là cựu Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần hồi đó đã trả lời trước **Quốc hội bù nhìn**, câu hỏi của một vài dân biểu về việc chuyển chuyển công chức: “*Những nhân viên được chỉ định đến làm việc tại các tỉnh là những người phạm kỷ luật hoặc là những người phục vụ đặc lực tại địa phương*” Câu trả lời đầy mâu thuẫn đó đã làm cho một số người thắc mắc. Người ta tự hỏi: “Ngoài hai hạng công chức này, còn có thể có hạng công chức thứ ba phải ở lại các tỉnh nhỏ... muôn năm nữa không? Hạng công chức ấy phải chăng là những kẻ **không có khả năng... “chè lá” cho những ông công chức khác** có trách nhiệm về việc quản trị nhân viên công chức?”

Cuộc cách mạng trước mệnh danh là **cuộc “Cách mạng Nhân vị”** do bè lũ Nhu, Diệm đề ra để che mắt quốc dân trong việc thỏa mãn túi tham vô đáy của một tộc họ, đã đưa đến một chế độ **thối nát**. Chế độ đó lẽ dĩ nhiên không thể tồn tại mãi được và đã sụp đổ sau ngày Cách mạng 1-11-1963.

## THĂNG TRẦM CỦA “RỒNG PHU NHÂN” TRẦN LỆ XUÂN

*“Miệng lưỡi độc ác và dữ dội của Bà Ngô Đình Nhu đã đưa đến thảm họa và đẩy nước Mỹ vào vũng lầy chiến tranh Việt Nam”*

Bài viết *“Rise and Fall of the Dragon Lady”*  
của **PETER BRUSH**

Viết dịch của LND, Hình ảnh từ Internet  
(Trích từ Nguyệt san “**VIETNAM**”, số tháng 10 năm 2009).

Tác giả Peter Brush là một cựu sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, đã từng đóng quân ở Quảng Trị trong 2 năm 1967 và 1968. Sau chiến tranh, ông đi học trở lại và tốt nghiệp Thạc sĩ Chính trị học. Hiện nay, ông là Quản thủ Thư viện của Đại học Vanderbilt, tiểu bang Tennessee. Ông còn là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu giá trị khác về Việt Nam.





Trong lịch sử ngắn ngủi của Nam Việt Nam, một người đàn bà đầy mưu mô tên là “Lệ Xuân” đã dùng tất cả mảnh lối để đưa mình lên đỉnh cao của quyền lực. Trong tiến trình đó, bà đã châm ngòi thù hận tôn giáo, ban hành những luật lệ đạo đức khắt khe, âm thầm nuôi dưỡng tham nhũng và làm cho người Việt lẫn các nước bạn đồng minh công phần đến mức suốt đời bà bị gán hồn danh là “Rồng Phu Nhân”. Đây là tên của một nhân vật nữ quỷ quái một cách tuyệt vời do họa sĩ Milt Caniff tạo ra năm 1934 trong loạt chuyện tranh bằng hình “*Terry and the Pirates*” nổi tiếng của Mỹ. Người thiếu phụ trẻ tuổi Trần Lệ Xuân đã trở thành một bà Ngô Đình Nhu cố chấp, giữ vai chính trong một vở kịch phức tạp và huyền bí làm cho nước Mỹ bị lôi vào một bãi sập. Bà cũng cho thấy trước những vị cay đắng của một thập niên tàn khốc tiếp theo sự ra đi của bà.

Trên cương vị là một người em dâu của Tổng thống độc thân Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm, bà Ngô Đình Nhu tự coi mình là “Đệ Nhất Phu Nhân” và là người đàn bà nổi tiếng và nhiều quyền uy nhất nước. Bản tính không ngại ngần những điều dị nghị và thích thú với tiếng tăm, Bà Nhu được Tổng thống Diệm ủng hộ tới đa nhưng cũng bị Tổng thống John F. Kennedy và chính quyền nước Mỹ quá sức chán ghét. Cuộc đời lên bổng xuống trầm của Bà Nhu đã tượng trưng cho một bãi lầy mà chính sách ngăn chặn Cộng sản của Mỹ tại Đông Nam Á đã được xây dựng trong những năm đầu thập niên 1960.

Sinh năm 1924, cô Trần Lệ Xuân ra đời và lớn lên từ một trong những gia đình giàu có và quý phái nhất Việt Nam. Gia tài kếch sù

của họ đã được xây dựng từ nhiều năm phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp. Cô ta có 20 người hầu hạ trong căn nhà ở Hà Nội, nơi mà thân phụ của cô hành nghề luật sư. Cô Lê Xuân là một học sinh tầm thường nhưng giỏi tiếng Pháp mặc dù không viết được tiếng Việt và không học hết bậc trung học. Cô không có một tuổi thơ vui vẻ vì cảm thấy không có được tình thương của Mẹ, từ đó cô thường tranh cãi với Mẹ. Cô đã muốn lấy chồng sớm để thoát ly khỏi vòng kiềm tỏa của gia đình.

Ông Ngô Đình Nhu tuổi ngoài 20 ở Paris, học về văn hoá và thư viện. Gia đình nhà Ngô đã đổi qua đạo Công Giáo từ thế kỷ 17. Thân phụ của ông Nhu đã từng là cố vấn (Phụ Chính Đại Thân - LND) cho Hoàng đế của Việt Nam. Đầu những năm 1940, ông Nhu trở về Hà Nội làm quản thủ thư viện Đông Dương. Thời kỳ này, ông trở thành một người ngưỡng mộ Mẹ của cô Lê Xuân qua phòng khách văn chương của bà (là nơi, bắt chước theo phong cách người Pháp *salon littéraire*, các nhà trí thức tụ họp để thảo luận những đề tài văn nghệ – LND). Trong khi ông Nhu đem sách vở đến và dạy kèm tiếng La-Tinh cho cô Lê Xuân thì cô gái 19 tuổi này lập ra một kế hoạch để thoát khỏi vòng kiềm kẹp của gia đình. Mặc dù nhỏ hơn ông Nhu 14 tuổi, và cũng không yêu, bà đã đổi qua đạo Công Giáo và lấy ông này năm 1943.

Ba năm sau khi hai người thành vợ chồng, chiến tranh bùng nổ giữa Việt Minh và Pháp.<sup>(1)</sup>

Anh em nhà ông Nhu chống Cộng một cách mạnh mẽ. Một người anh, là ông Ngô Đình Diệm, bị Việt Minh bắt giam và nhốt tù một thời gian ngắn; một người anh khác, là ông Ngô Đình Khôi, bị Việt Minh giết. Ông Nhu đã tìm cách tránh được chuyện bị bắt giữ nhưng bà Nhu thì không thoát được. Bà và người con gái mới sinh (Lê Thủy) bị Việt Minh bắt tháng 12 năm 1946 và giữ bốn tháng trong một ngôi làng hẻo lánh. Sau khi quân thực dân Pháp tiến chiếm vùng này, gia đình bà được giải thoát và đoàn tụ với gia đình rồi dời về sống trong thành phố nghỉ mát Đà Lạt trên Cao nguyên Trung phần. Tại đây, ông bà Nhu đã ra một tờ báo và bắt đầu tổ chức yểm trợ cho ông Diệm, khi đó được coi như là một lãnh tụ quốc gia chống Cộng đang lưu vong ở Mỹ.

Năm 1953, ông Nhu dọn vào Sài Gòn. Ông tổ chức biểu tình chống Pháp thực dân và Cộng sản. Ông cũng mưu đồ kế hoạch để phá hoại những ủng hộ cho Hoàng đế Bảo Đại hầu nâng cao uy tín của phong trào quốc gia do ông Diệm lãnh đạo. Ông Diệm khi ấy ở Pháp

và đang tiếp xúc với cộng đồng đông đúc người Việt đang lưu vong ở Paris. Vào tháng 3 năm 1954, khi một lực lượng Việt Minh hùng hậu đang đe dọa quân thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, vua Bảo Đại - bị phần lớn dân Việt coi như bù nhìn của thực dân Pháp - nhận ra là thực dân Pháp có thể sắp phải rời khỏi Việt Nam. Tháng 6 năm 1954, dựa trên sự ủng hộ ông Diệm của quần chúng Việt Nam, Bảo Đại phong ông Diệm giữ chức Thủ tướng cho vua Bảo Đại.

Năm sau, ông Nhu tạo ra một kế hoạch giúp ông Diệm thắng ông Bảo Đại trong cuộc tranh giành quyền lực: Tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để dân chúng chọn một trong hai người. Lúc này, ông Nhu đã nắm quyền chỉ huy mật vụ để từ đó có thể quyết định kết quả cuộc trưng cầu dân ý ngày 25 tháng 10 năm 1955. Với kết quả thắng khủng khiếp 98.2 %, ông Diệm đã “thắng” cuộc bầu cử và bắt đầu thủ tục loại vua Bảo Đại, tuyên bố thành lập một nền Cộng hòa, tự xưng Tổng thống và bắt đầu một chế độ độc tài. Vì kịch liệt chống Cộng sản, ông Diệm được chính quyền Eisenhower sẵn sàng ủng hộ và viện trợ hàng trăm triệu Mỹ kim. Với ông Nhu ở bên cạnh, ông Diệm đã hạ bệ tất cả các kẻ thù chính trị và xây dựng quyền hành của ông trong vài năm sau đó.



*Bệnh sùng bái lãnh tụ: Hình ông Diệm được cho phép bày bán chung với hình Phật, Chúa và Đức Mẹ trên đường phố*

Ông bà Nhu dọn vào Dinh Độc Lập và kiểm soát mọi tiếp xúc của ông anh Tổng thống. Quyền lực của hai ông bà Nhu trở nên vô giới hạn. Ký giả David Halberstam đã làm một so sánh tương quan quyền lực này nếu ông Diệm làm Tổng thống Mỹ thì ông Nhu sẽ có quyền kiểm soát tất cả báo chí của 50 tiểu bang, ông sẽ cầm đầu các cơ quan C.I.A., F.B.I. và Quốc hội; ông sẽ cầm đầu cả hai Bộ Tư

pháp và Ngoại giao; ông cũng là người viết tất cả báo cáo cho Toà Bạch Cung <sup>(2)</sup>. Cả hai ông và bà Nhu đều là dân biểu Quốc hội năm 1956, nhưng rất ít khi cả hai ông bà đi họp. <sup>(3)</sup>

Vì ông Diệm không có vợ, Bà Nhu làm nhiệm vụ “Đệ Nhất Phu Nhân” với tất cả rình rang và uy quyền của chức vụ này. Năm 1956, bà bắt đầu một chiến dịch quan trọng để thay đổi mối liên hệ gia đình Việt Nam một cách sâu đậm. Sau khi Luật Gia Đình 1958 của Bà Nhu được bầu thành luật thì đa thê, ly dị và ngoại tình trở nên bất hợp pháp. Đàn bà được bình quyền với đàn ông trong nhiều lãnh vực. Nhiều ông Dân biểu trong Quốc hội không đồng ý với những luật này của Bà Nhu và họ đã lên diễn đàn để đối chất. Bà Nhu đã giễu cợt ông Chủ tịch khối đa số và gọi ông ta là “*một con heo*”. <sup>(5)</sup>



Chính sách đàn áp của chính quyền đã giúp chế độ ông Diệm được vững mạnh nhưng làm cho dân chúng dần dần xa lánh chế độ - và Việt Cộng đã khai thác cái ác cảm này trong người dân. Cuối thập niên 1950, ảnh hưởng Việt Cộng đã lan rộng đến mức tạo thành

những khủng hoảng chính trị cho miền Nam.

Khuynh hướng cai trị độc tài của Tổng thống Diệm nếu đã không gia tăng nhanh chóng là vì ông còn phải dựa vào những anh em trong gia đình ông. Cả bốn người anh em của ông đều nắm những vai trò quan trọng trong việc điều khiển Nam Việt Nam. Mặc dù nắm giữ uy quyền tối quan trọng, ông bà Nhu không có một chức vụ chính thức gì trong chính phủ của Tổng thống Diệm. Chức vụ chính thức của ông Nhu là *Cố vấn* của Tổng thống. Bà Nhu cầm đầu Phong trào Phụ nữ Liên đới và chịu trách nhiệm về mọi vấn đề phụ nữ một cách tổng quát. Dù vậy, càng ngày, ảnh hưởng và quyền lực của ông bà Nhu càng gia tăng đến mức mà nhiều quan sát viên đã cho là ông Nhu có nhiều quyền hơn cả ông Diệm vì ông có ảnh hưởng rất mạnh lên những suy tư của ông anh Tổng thống. Một số quan sát viên khác thì cho rằng chính Bà Nhu mới là nhân vật thống trị trong gia đình nhà Ngô. Càng ngày bà càng tìm cách dính dự vào những chuyện đi ra ngoài địa hạt của chuyện phụ nữ và tìm cách để được ngang hàng với

ông Tổng thống.<sup>(6)</sup>

Nhà ngoại giao John Mecklin, làm việc với cơ quan USIA (Phòng Thông Tin Mỹ) ở Việt Nam từ 1961 đến 1962, đã có cơ hội được biết Tổng thống Diệm và ông bà Nhu một cách thân mật. Theo ông thì cả gia đình này đều bị bệnh thần kinh. Thật như vậy, vì nhiều hành vi của họ lạ lùng đến mức người ta phải nghĩ là họ muốn chết. Theo ông Mecklin, *“một cách cơ bản, ông bà Nhu là thuốc độc đã giết chết chế độ.”* Bà Nhu là một *“người đàn bà dễ nổi nóng”* muốn áp đặt giải pháp cho những vấn đề chính trị nhưng hầu như bà luôn luôn kéo những vấn đề ấy theo chiều hướng đầy tai hại. Những cuộc khủng hoảng ảnh hưởng đến quốc gia làm cho bà Nhu bị kích động một cách mạnh mẽ, nhưng phản ứng của bà làm cho chuyện trở nên tệ hại hơn. Bà không đẹp nhưng có một bề ngoài gây ấn tượng, đầy nghị lực và có những sở thích quá độ. Thích phô diễn và cũng có máu khô hài nên bà Nhu là một người có sức nói chuyện thu hút, có khả năng diễn đạt. Theo Mecklin, cách bà Nhu nói chuyện như *“như súng liên thanh nổ bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.”*<sup>(7)</sup>

Trong khi nổi bất mãn với chính quyền ông Diệm càng ngày càng gia tăng, toà Bạch Cung không có cách nào khác hơn là thúc đẩy ông Diệm cải tổ để nói rộng sự ủng hộ của quần chúng. Năm 1959, Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow cố gắng thuyết phục ông Diệm tách bỏ ông Nhu và đem vào chính quyền những nhân vật mới.<sup>(8)</sup> Tháng 11 năm 1960, các quân nhân thuộc binh chủng Nhảy Dù của quân đội VNCH tổ chức đảo chánh ông Diệm cũng có cùng một mục đích như vậy. Một trong những đòi hỏi đầu tiên của lực lượng Nhảy Dù là bà Nhu phải dời ra khỏi Dinh Tổng thống. Theo một bản tin của tuần báo *Time*, bà Nhu đã hãnh diện khi biết được đòi hỏi này.<sup>(9)</sup> Trong những giây phút đầu tiên của cuộc đảo chánh, Tổng thống Diệm và hầu hết phụ tá trong Dinh Độc Lập đều muốn chấp nhận những đòi hỏi phải thành lập một chính phủ mới. Chỉ một mình bà Nhu đã bác bỏ tất cả những đề nghị thỏa hiệp và khẳng khái đòi chiến đấu chống đảo chánh đến cùng. Cuối cùng ông Diệm kêu được những lực lượng vẫn còn trung thành với ông và chấm dứt được cuộc đảo chánh của binh chủng Nhảy Dù. Hậu quả của cuộc đảo chánh gần thành công này là ảnh hưởng của bà Nhu đã gia tăng một cách mãnh liệt làm mất tinh thần những kẻ thù của bà. Bàn về sự kiện này, bà Nhu đã tóm tắt một cách châm biếm: *“Trước đây thì họ không coi tôi ra gì. Nhưng bây giờ thì họ bắt đầu để ý đến tôi. Và mỗi lần tôi nói điều gì thì họ lại lo âu.”*

Trong khi xảy ra cuộc binh biến đó, Đại sứ Durbrow đã đề nghị mời bà Nhu qua trú ẩn ở Toà Đại sứ Mỹ. Lời mời này của ông Đại sứ đã làm cho bà Nhu dâm ra nghi ngờ có bàn tay đồng lõa của Mỹ mặc dầu người Mỹ đã không bảo trợ cuộc đảo chánh này. Càng lúc ông Diệm và ông Nhu càng trở nên hoang tưởng làm cho chế độ càng lấy thể phòng thủ và quân chúng càng trở nên xa lánh. Theo ký giả Halberstam của nhật báo New York Times “*Tất cả chuyện gì sai quấy đều đổ tội lên đầu ông bà Nhu*” và bà Nhu “*đã trở thành mục tiêu của càng nhiều căm thù.*”<sup>(10)</sup> Còn theo sử gia Joseph Buttinger thì “*Nhu và vợ là hai người bị thù ghét nhất Nam Việt Nam*”<sup>(11)</sup>.



Với Luật Gia Đình năm 1958, bà Nhu vẫn coi là chưa đủ để bảo vệ đạo đức của người Việt Nam. Luật Bảo vệ Luân Lý năm 1962 của Bà Nhu nhắm tấn công một số lớn hành vi khác như ngừa thai, thi hoa hậu, cờ bạc, nhẩy đầm, đánh võ quyền Anh, đá gà và đá cá. Trẻ vị thành niên bị cấm coi một vài loại phim hay kịch. Phù thủy và đồng bóng bị loại ra ngoài vòng pháp luật. Đi điểm bị cấm<sup>(12)</sup>. Dân chúng càng thích những điều bị cấm đoán thì những đạo luật này càng làm cho bà Nhu bị ghét bỏ. Theo ký giả Malcolm Browne của cơ quan thông tấn

Associated Press (AP) tại Sài Gòn, bà Nhu còn tuyên chiến với cả gia đình của chính bà. Năm 1962 bà đã làm cho chị của bà (Trần Lệ Chi) phải tìm cách tự tử. Năm 1963, bà tuyên bố từ bỏ cha mẹ của bà.<sup>(13)</sup>

Mặc dù bà Nhu hãnh diện đã được đề ý trong vụ đảo chánh năm 1960, bà lại trở nên giận dữ khi bà và ông Nhu trở thành mục tiêu trong vụ phản loạn thứ hai. Ngày 27 tháng 2 năm 1962, hai phi công, đã được huấn luyện ở Mỹ, thuộc Không Quân VNCH lái hai chiếc khu trục AD-6 cất cánh từ căn cứ Biên Hoà ở ngoại ô phía Bắc Sài Gòn. Trung úy Nguyễn Văn Cử đã cố ý nhắm thả một trái bom ở cánh trái Dinh Tổng thống, nơi sinh sống của gia đình ông bà Nhu. Khi bom nổ, ông Diệm đang đi trong một hành lang và gần như bị hơi bom kéo đi một quãng dài. Ông Nhu không bị gì, Bà Nhu chỉ bị trặc chân vì té cầu thang. Người đồng chí của Trung úy Cử là Trung úy Phạm Phú Quốc bị súng phòng không bắn hạ máy bay (trên sông Sài

Gòn) và bị bắt làm tù binh.

Trung úy Cử đã dùng bom lửa (napalm) và chất nổ để tấn công Dinh Độc Lập xong bay thẳng qua Cao Môn và được hưởng quy chế tỵ nạn chính trị. Sau đó ông đã tuyên bố là lòng căm thù làm cho ông tấn công Dinh Độc Lập đã đến từ gia đình ông Diệm nhiều hơn là từ chính ông Diệm. Trung Úy Quốc bị giam cho đến khi cuộc đảo chánh thứ ba xảy ra mới được trả tự do. Sau đó cả hai phi công đều trở lại nhiệm sở phi công cũ của họ.<sup>(14)</sup>

Ông Diệm biết là ông cần viện trợ Mỹ để giữ vững ghế Tổng thống, nhưng ông và ông bà Nhu muốn một loại viện trợ vô điều kiện. Nhà Ngô không bằng lòng với sự hiện diện ngày càng lan rộng của người Mỹ trong nước họ - Bà Nhu gọi một cách đanh đá là “*chủ nghĩa Mỹ quốc đáng sợ*” – và họ sẵn sàng hành động để giới hạn chuyện này. Trước hết, bà Nhu ra lệnh cho cảnh sát bắt những người đàn bà Việt Nam đi ngoài đường với người Mỹ.<sup>(15)</sup> Theo ký giả Halberstam, nguyên tắc chính trị của bà Nhu khá đơn giản: *Nhà Ngô luôn luôn đúng, họ không bao giờ nên thỏa hiệp và không bao giờ cần để ý đến những chỉ trích.*<sup>(16)</sup> Về một mặt khác, người Mỹ nghĩ họ đang là người nuôi dưỡng chế độ, đang huấn luyện cảnh sát và quân đội VNCH, và cố vấn Mỹ bắt đầu chết vì chế độ Diệm ở ngoài mặt trận. Người Mỹ nghĩ là họ có quyền đưa ra những lời khuyên và họ chờ đợi chế độ Diệm nghe theo lời khuyên của họ.

Nhờ vào viện trợ của Mỹ, quân lực VNCH đã tăng trưởng nhanh chóng. Nhưng đồng thời, quân số và hoạt động của Việt Cộng cũng tăng trưởng nhanh chóng theo.<sup>(17)</sup> Và chính các phần tử của quân đội VNCH đã tấn công Dinh Tổng thống hai lần. Trong mỗi nghi ngờ lòng trung thành của quân đội, ông Diệm bắt đầu áp dụng những chiến thuật quân sự để làm yếu khả năng đảo chánh của quân đội hơn là để chiến đấu chống Cộng sản một cách hữu hiệu. Theo ký giả Halberstam, cách hành xử của bà Nhu đã làm cho mối liên hệ với các sĩ quan cao cấp càng trở nên tệ hại, khi bà ở trong Dinh Tổng thống và ra lệnh cho họ như “*người làm trong nhà.*” Bà thường đối xử với những người này như tôi tớ của nhà bà.<sup>(18)</sup>

Tổng thống Diệm và ông Nhu theo đạo Công giáo trong khi đa số dân Việt Nam theo đạo Phật. Vì tình trạng đảng phái đối lập ở miền Nam bị cấm đoán (giống như chế độ Cộng sản ở miền Bắc), đạo Phật trở thành một phương tiện để cho những bất mãn được phát lộ. Anh của Tổng thống Diệm là ông Ngô Đình Thục, Tổng Giám mục địa phận Huế, thành phố trung tâm của đạo Phật ở Việt Nam. Khoảng

đầu năm 1963, người ta tổ chức một lễ mừng 25 năm (Ngân Khánh – LND) ông Thục lên chức Tổng Giám mục. Cả hai lá cờ Công giáo Vatican và cờ quốc gia Việt Nam đều đã được treo khắp nơi. Đây là một sự vi phạm luật đương thời chỉ cho phép cờ quốc gia được treo ở những nơi công cộng. Một thời gian ngắn sau đó là lễ mừng Phật Đản Sinh thứ 2,587 và Phật tử ở Huế muốn treo cờ Phật giáo. Khi chính quyền ông Diệm ra lệnh cấm treo cờ, hàng ngàn Phật tử biểu tình phản đối và chín người đã bị quân của chính quyền bắn chết. Sau biến cố này, Đại sứ Mỹ William Trueheart đã thúc dục ông Diệm hãy làm hòa với các Phật tử bằng cách chấp nhận lỗi lầm, đền bù cho gia đình những nạn nhân và công khai xin lỗi về chuyện này. Thay vì làm như vậy, chính quyền đã đổ lỗi cho Việt Cộng. Khi Phật tử tiếp tục xuống đường phản đối, chính quyền ra lệnh cấm biểu tình. Và đó là khởi đầu của cuộc khủng hoảng Phật giáo làm nghiêng ngả chế độ.



Sau khi nhận thấy những phản ứng của chính quyền không thỏa mãn những đòi hỏi của Phật giáo, một số tăng ni bắt đầu một loạt phản đối bằng cách tuyệt thực. Phong trào phản đối ở Huế trở nên bạo động và quân của chính quyền chống trả trở lại. Những cuộc biểu tình của Phật tử chống chính quyền càng lúc càng lan rộng một cách nhanh chóng trên toàn quốc. Ngày 11 tháng 6 năm 1963,

một vị sư già ngồi xuống trên một ngã tư đường gần chùa Xá Lợi. Một vị sư khác đồ xăng lên người ông ta, vị sư già châm một que diêm, và ngọn lửa bùng lên trên thân thể ông. Đó là Hoà thượng Thích Quảng Đức, người đầu tiên trong bảy vị sư đã tự thiêu để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm.

Những vụ tự thiêu làm choáng váng các viên chức Mỹ và họ đã áp lực ông Diệm hãy tìm một cách nào để dàn xếp cuộc khủng hoảng. Muốn chứng tỏ mình là một người sắt đá, bà Nhu vênh váo kêu gọi cần phải đập các nhà sư “*mười lần hơn nữa*” và miệt thị những cuộc tự thiêu là “*những màn nướng sư*” (monk barbecue show) <sup>(19)</sup> Bà Nhu còn châm thêm dầu vào lửa với lời nhạo báng: “*Nếu các Phật tử muốn có thêm một cuộc nướng thịt, tôi sẽ hân hoan cung cấp dầu xăng và một que diêm.*”<sup>(20)</sup> Cuối cùng, người Mỹ cũng ép được ông Diệm đi gặp các lãnh tụ Phật giáo và ông đã đưa ra một thông cáo hoà

giải chung. Ngay khi biết được chuyện này, bà Nhu đã chê ông Diệm là hèn nhát và mềm như “con sứa”, dù ông chỉ quyết định đi điều đình với các Phật tử.<sup>(21)</sup>



Mặc cho những lời tuyên bố của ông Diệm, lập trường của hai bên trở nên cứng rắn hơn. Khởi đầu, những phản đối của Phật giáo có tính cách tôn giáo nhưng càng lúc càng trở nên chính trị và càng được quần chúng ủng hộ. Ông Nhu nói các Phật tử là những người nổi loạn và phong trào của họ bị Cộng sản xâm nhập. Tổng thống Diệm và ông bà Nhu muốn nghiền nát phong trào Phật giáo nhưng bị người Mỹ kềm chế. Người Mỹ bày tỏ lòng tin vào tự do tín ngưỡng và thúc dục chính quyền ông Diệm cần phải cải tổ. Cuộc khủng hoảng Phật giáo ngày càng trầm trọng cho đến mùa thu năm 1963. Ông bà Nhu than phiền là Tổng thống Diệm quá mềm yếu với Phật giáo và tin đồn loan ra là quân đội – và cả ông bà Nhu – đang âm mưu những kế hoạch đảo chánh để đẩy ông Diệm ra khỏi chính quyền.



Đêm 21 tháng 8 năm 1963, ông Nhu, vốn xem Lực Lượng Đặc Biệt (LLDB) như là đạo quân riêng của ông ta, đã ra lệnh cho hàng trăm lính LLDB dùng súng, lựu đạn và lựu đạn cay tấn công chùa Xá Lợi. Phật tử đã phòng thủ phía trong chùa nhưng sau hai giờ chống trả, hơn 100 nhà sư đã bị bắt và đem giam ở một nơi khác. Trong một cuộc phỏng vấn ngày hôm sau cuộc tấn công chùa này, ký giả Halberstam đã mô tả bà Nhu “ở trong một trạng thái hờn hờ, nói năng ào ào như một nữ sinh sau một buổi nhảy đầm.” Bà nhõn nhõn nói với người phóng viên là chính quyền đã nghiền nát nhóm “Phật tử Cộng sản” và cho biết là vụ tấn công này là “ngày vui nhất đời tôi kể từ ngày chúng tôi nghiền nát nhóm Bình Xuyên năm 1955.”<sup>(22)</sup>

Nhưng vụ này không phải là ngày vui nhất đời của người Mỹ vì họ là những người cung cấp tiền và huấn luyện Lực lượng Đặc biệt

Việt Nam để được dùng trong công tác chống lại quân phiến loạn Cộng sản chứ không phải để tấn công chùa chiền. Đến thời điểm này, các viên chức Mỹ bắt đầu thảo luận về khả năng của một cuộc đảo chánh tổ chức bởi những tướng lãnh bất đồng chính kiến.

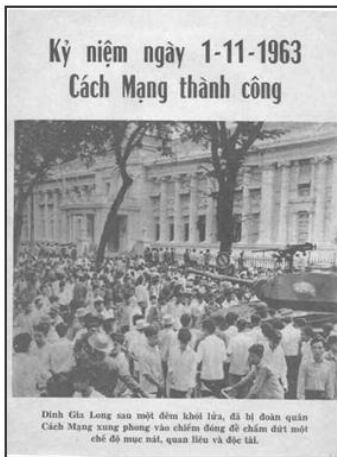
Ngày 10 tháng 9, bà Nhu khởi đầu một chuyến công du đi Âu châu và Mỹ quốc để giải thích “âm mưu kỳ quái của Cộng sản để bóp nghẹt Việt Nam Cộng Hòa.” Bà cũng chê nhạo những báo cáo nói là Mỹ có thể giảm bớt viện trợ để phản đối sự đàn áp của chính quyền nhà Ngô.<sup>(23)</sup> Khi chính quyền Kennedy thực sự cắt đứt ngân khoản 3 triệu Mỹ kim dành cho Lực Lượng Đặc Biệt cho đến khi họ trở ra mặt trận, bà Nhu tố cáo điều đó là “*một hành động phản bội.*”<sup>(24)</sup> Ngày 22 tháng 9, khi đến La Mã (Roma, thủ đô nước Ý) bà gọi một cách chế nhạo các sĩ quan cổ vấn Mỹ ở Việt Nam là những “*linh đánh thuê con nít.*”<sup>(25)</sup> Ngày 7 tháng 10, khi bà đến Nữ Uớc, không có một quan chức liên bang, tiểu bang hay thành phố nào ra đón tiếp. Ngày 18 tháng 10, khi đến thủ đô Hoa Thịnh Đốn, bà tố cáo chính quyền Kennedy giảm thiểu viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa là phản bội.<sup>(26)</sup>

Trong khi đó tại Sài Gòn, các tướng lãnh dưới quyền lãnh đạo của tướng Dương Văn Minh, sau khi đã được các viên chức Mỹ bảo đảm là sẽ không can thiệp, đã tổ chức một cuộc đảo chánh lần thứ ba vào ngày 1 tháng 11 để lật đổ Tổng thống Diệm. Lần này [lần thứ ba của quân đội], cuộc đảo chánh đã thành công với kết quả là cái chết thê thảm của hai ông Diệm và Nhu. Khi nghe tin này, niềm vui của dân Sài Gòn bùng nổ một cách tung bừng. Một nhóm người dùng một dây sắt từ một tàu thủy đang đậu ngay bên tàu để kéo sập tượng bà Nhu.<sup>(27)</sup> Theo ký giả Halberstam, nếu lúc đó mà bà Nhu còn ở Sài Gòn, các tướng đảo chánh sẽ phải gặp rất nhiều khó khăn để ngăn cản sự cuồng nộ của dân chúng muốn treo cổ bà.<sup>(28)</sup>

Trong những ngày đó, tại Beverly Hills, một bà Nhu quản trị đã kết tội một cách cay đắng chính quyền Mỹ đã kích động và yểm trợ vụ đảo chánh. Khi được hỏi bà có muốn xin tỵ nạn chánh trị tại Mỹ, bà đã trả lời: “Không bao giờ! Tôi không thể nào sống trong một quốc gia có những người đã đâm vào chính quyền của tôi.”<sup>(29)</sup> Rồi bà cùng các con bay qua La Mã sống ẩn dật trong một tu viện. Theo một bản tin trong nhật báo New York Times, sau năm tuần công du tại Mỹ, bà đã để lại một mớ hóa đơn (khách sạn, tiệm ăn, nhà hàng, ... - LND) trị giá hàng ngàn Mỹ kim không có ai trả.<sup>(30)</sup>



*Tượng Hai Bà Trưng, vì được lệnh điêu khắc theo vóc dáng và khuôn mặt của hai mẹ con bà Nhu, nên đã bị sinh viên và dân chúng kéo sập sau ngày 1-11-1963. Phần cái đầu của tượng, giống khuôn mặt bà Nhu, được chở trên xe xích lô máy đi bêu diễu khắp Sài Gòn*



Những nhà lãnh đạo trong chính quyền mới ở Sài Gòn đã hành động nhanh chóng để xóa sạch những ảnh hưởng độc hại của bà Nhu. Ngày 15 tháng 11, chính quyền Sài Gòn vô hiệu hóa thẻ thông hành của bà, và một tháng sau họ hủy bỏ hai bộ luật luân lý và gia đình không ai ưa của bà Nhu.<sup>(31)</sup>

Ba tuần sau vụ đảo chánh, cảm thấy không chịu được đời sống ảm đạm, bà Nhu bán cho một nhà xuất bản Pháp độc quyền hồi ký của bà trên phim, trên truyền hình, trên báo chí.

<sup>(32)</sup> Bà lại bắt đầu những chỉ trích công khai đối với nước Mỹ. Bà gọi Đại sứ Henry Cabot Lodge là một “*bà vú em loạn quạng*” muốn trở thành một ông “*toàn quyền*” của Việt Nam Cộng Hoà.<sup>(33)</sup> Ngày 13 tháng Giêng năm 1964, bà Nhu lên tiếng yêu cầu tổ chức Liên Hiệp Quốc mở một cuộc điều tra cuộc đảo chánh tháng 11 và tỏ ý nghi hoặc một cách lạ lùng là chồng bà và ông Diệm vẫn chưa chết.<sup>(34)</sup>

Tháng sau đó, chính quyền Sài Gòn đặt bà ra ngoài vòng pháp luật và ra thông tư để bắt giữ bà. <sup>(35)</sup> Tháng 3 năm 1964, bà Nhu cho lưu hành một bản tuyên bố dài 16 ngàn chữ để tấn công Tổng thống Kennedy, người đã bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963, và kết án nước Mỹ là Phát-xít và Cộng sản.

Tháng 6 năm 1964, bà Nhu nộp đơn xin chiếu khán để vào thăm nước Mỹ nhưng bị từ chối theo yêu cầu của Đại sứ Cabot Lodge. Tại La Mã, bà Nhu dọn về sống cùng một chỗ với Tổng Giám mục Ngô Đình Thục. Trong khi tuyên bố là bà rất ghét báo chí Mỹ nhưng bà vẫn đồng ý tiếp các ký giả theo các điều kiện: Phải trả 1,000 Mỹ-kim để chụp hình, 1,500 Mỹ kim để phỏng vấn và chụp hình. Và khi phỏng vấn thì phải chụp hình. <sup>(36)</sup>

Trong khi nước Mỹ càng lúc càng lún sâu vào vũng lầy của một cuộc chiến tranh nguy hiểm ở Việt Nam và những cuộc đảo chánh lật đổ một loạt chính quyền ở Sài Gòn, hình ảnh một người đã từng một thời là bà “Rồng phu Nhân” đáng sợ và đầy uy quyền đã trở nên nhạt nhòa, gia sản của bà lụn bại và cuộc đời bà sa sút thành một bi hài kịch thâm trầm.

Dù được sinh ra từ một trong những gia đình quan trọng tại Việt Nam, trong thập niên 1970s, bà đã sống trong một biệt thự tại La Mã, một căn nhà được mô tả là đã “tàn tạ”. Nhà của bà bị trộm nhiều lần <sup>(38)</sup>. Bà dành thì giờ để làm vườn và viết lách.. Dầu vậy, nhà bà cũng đã bị trộm viêng nhiều lần. Năm 1967, cô gái Ngô Đình Lệ Thủy qua đời trong một tai nạn xe hơi (ở Paris). Tháng 7 năm 1986, em trai của bà, ông Trần Văn Khiêm, bị kết tội cố sát cha mẹ già là ông bà cựu Đại sứ Trần Văn Chương <sup>(37)</sup> tại tư gia ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Theo tin tức của báo chí, năm 1978 bà Nhu tuyên bố là đang viết gần xong một cuốn lịch sử của VNCH “từ vị thế của một người ở trong cuộc.” Không có ai còn sống mà có một cái nhìn tốt hơn bà Nhu về sự thăng trầm chế độ ông Diệm và thời kỳ nước Mỹ bắt đầu dính dự vào một cuộc chiến tranh lâu dài nhất với nhiều tranh cãi nhất. Không có người đàn bà Việt Nam nào nhiều uy quyền hơn, tạo nhiều tranh cãi hơn và cũng bị khinh miệt nhiều hơn bà Ngô Đình Nhu.

Khi viết bài này, Bà Nhu đang sống ở La Mã và, đáng tiếc thay là cuốn sách của bà vẫn chưa được xuất bản.

**PETER BRUSH**

*Để tìm hiểu thêm, xin đọc:*

David Halberstam, ***The Making of a Quagmire*** (NY: Random House, 1965) và John Mecklin, ***Mission in Torment; an Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam*** (Garden City, N.Y.: Doubleday, 1965).

**Cước chú:**

- 1 Để có thêm chi tiết về thời trẻ tuổi của Bà Nhu, xin xem “*The Queen Bee*”, Time, August 9, 1963, p. 22. “Ngo Dinh Nhu, Madame (Tran Le Xuan)” by Arthur T. Frame in Encyclopedia of the Vietnam War: A Political, Social, and Military History, Spencer C. Tucker, ed. NY: Oxford University Press, 1998, p. 293. Edward Miller, “Vision, Power, and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54.” Journal of Southeast Asian Studies, Vol. 35, No. 3, October 2004, p. 448.
- 2 David Halberstam, *The Making of a Quagmire* (NY: Random House, 1964), p. 57.
- 3 Robert Scigliano, *South Vietnam: Nation Under Stress* (Boston: Houghton Mifflin Co., 1963), p. 43.
- 4 Halberstam, p. 56.
- 5 Scigliano, p. 45.
- 6 Scigliano, pp. 59-60.
- 7 John Mecklin, *Mission in Torment: An Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam* (Garden City, NY: Doubleday, 1965), p. 37, 43, 48.
- 8 Robert Shaplen, *The Cult of Diem*, New York Times, May 14, 1972, p. SM 16.
- 9 “The Queen Bee,” Time, August 9, 1962, p.21.
- 10 Halberstam, pp. 48-49.
- 11 Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political History* (NY: Frederick A. Praeger, 1968), p. 447.
- 12 Malcolm W. Browne, *The New Face of War: A Report on a Communist Guerrilla Campaign* (London: Cassell, 1965), p. 170. New York Times, February 4, 1962, p. 3.
- 13 Browne, p. 170.
- 14 New York Times, February 28, 1962, p. 1, and New York Times, March 1, 1962, p. 1.
- 15 Browne, 256.

- 16 Halberstam, pp. 65-66.
- 17 Andrew F. Krepinevich, Jr., *The Army and Vietnam* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1986), pp. 58-59, 61-63.
- 18 Halberstam, p. 53.
- 19 New York Times, August 25, 1963, p. E1.
- 20 Mecklin, p. 178.
- 21 Halberstam, p. 212.
- 22 Halberstam, p. 235.
- 23 Washington Post, September 10, 1963, p. A9.
- 24 New York Times, October 23, 1963, p. 4.
- 25 Washington Post, September 23, 1963, p. A28.
- 26 New York Times, October 19, 1963, p. 6.
- 27 Seth Jacobs, *America's Miracle Man in Vietnam* (Durham, NC: Duke University Press, 2004), p. 2.
- 28 Halberstam, p. 55.
- 29 New York Times, November 2, 1963, p. 1.
- 30 New York Times, November 16, 1963, p. 6.
- 31 Washington Post, November 29, 1963, p. A6.
- 32 Washington Post, November 16, 1963, p. A9, New York Times, December 19, 1963, p. 9.
- 33 New York Times, December 16, 1963, p. 8.
- 34 New York Times, January 14, 1964, p. 3.
- 35 New York Times, February 26, 1964, p. 2.
- 36 Washington Post, November 30, 1965, p. B3.
- 37 Washington Post, April 24, 1987, p. C2.
- 38 Washington Post, October 19, 1987, p. A1; New York Times, November 2, 1986, p. 23; “*Dragon Lady*”, Newsweek, June 5, 1978, p. 16.

[Source: **VIETNAM**, October 2009 - một vài hình lấy từ Internet]

## BÀ NHU VÀ LUÂN HỒI QUẢ BÁO

**KHHB**

*On Mon, 4/25/11, Fanxico Tran <vneagle\_11@yahoo.com> wrote:*

*From: Fanxico Tran <vneagle\_11@yahoo.com>*

*Subject: [GoiDan] Re:[diendanviahe] Matthew Trần:...// Nhớ lại chuyện xưa.*

*To: ....*

*Date: Monday, April 25, 2011, 6:06 PM*

Hầu hết báo chí + TiVi Việt kiều và tại VN đều đăng tin Bà Ngô Đình Nhu qua đời, thọ 87 tuổi. Tại Việt Nam thì họ đăng ngắn hơn, chỉ nói bà là phu nhân của Ông Ngô Đình Nhu (cố vấn cho TT Ngô Đình Diệm)...Có tờ báo nói Bà đóng vai Đệ Nhất Phu Nhân vì TT Diệm không có vợ, nên Bà thay thế trong việc tiếp xúc hay đón tiếp phái đoàn nào có các mệnh phụ phu nhân đến viếng Miền Nam VN.

Còn tại Little Saigon (thủ đô của người Việt tị nạn CS sau năm 1975-1980) thì có đăng hình bà Nhu (trích từ tuần báo Time).

Áo hở cổ, mà người Miền Nam gọi là áo dài bà Nhu.

Bà Nhu là nữ dân biểu Quốc Hội thời VNCH I.

Sau khi T.T. Diệm bị lật đổ bởi đám quân nhân, cầm đầu là Trung tướng Dương văn Minh, Trần thiện Khiêm, Trần văn Đôn.

Nhưng công đầu là Đại Tá Nguyễn văn Thiệu (thuộc đảng Cần Lao Công Giáo), sư đoàn trưởng sư đoàn 5 làm chủ lực quân cuộc đảo chánh này.

**Không có bàn tay Nguyễn văn Thiệu nhúng vào thì cuộc binh biến 1 tháng 11 năm 1963 không thành công được.**

Công đầu bị đám quân nhân Minh, Khiêm, Đôn bỏ quên, sau thời gian chịu nhục thì Nguyễn văn Thiệu trở thành Tổng thống VNCH Đệ Nhị, Thiệu chỉ chịu bỏ ghế vào giờ thứ 25, đào tẩu qua Đài Loan, rồi qua Anh quốc sống suốt 8 năm trời.

Thiệu nổi tiếng với câu nói bất hủ khi quyền hành lên tột đỉnh: “*Đừng tin những gì Cộng Sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm*”.

Sau khi sống an lành tại London, Thiệu cũng nói câu bất hủ để

đời “*Tôi không mắc mớ gì đến họ* “ ( khi ký giả hỏi ông về người Việt hải ngoại).

Sau này khi Thiệu chết vào tuổi 70 ...thì Thiệu di cảo lại cho Tiến sĩ Nguyễn tiến Hưng, cố điều chỉnh lại câu Thiệu nói là: “ *Thằng ký giả ấy nó xạo đó, nó hiểu lầm tiếng Anh của tôi nói* “. Nhưng lời nói rồi, xóa làm sao được.

Trở lại bà Ngô đình Nhu.

Bà vừa qua đời tại bệnh viện Rome, thọ 87 tuổi ngay ngày lễ Phục Sinh.

Bà chịu đủ bí tích lâm chung của đạo Công Giáo.

Khi lánh nạn tại Âu Châu, bà sống cuộc đời đạo đức của người vợ mất chồng khi tuổi còn khỏe mạnh.

Cuộc đời của Bà đáng làm gương cho những phụ nữ từng là mệnh phụ phu nhân, như đáng làm gương cho Bà Mai (vợ Phó Tổng thống Nguyễn cao Kỳ).

Bà họ Trần. Mà cha ruột là một luật sư giàu có, nổi danh tại Saigon, Hà Nội. Đó là luật sư **Trần văn Chương**. Ông làm lớn thời Vua Bảo Đại, ông làm lớn thời TT. Ngô Đình Diệm.

Điều khá kỳ lạ là quyển sách mới tung ra, bán rất chạy tại Pháp và tại Hoaky là quyển “ *Thời Đại của Tôi* “, do giáo sư luật Vũ quốc Thúc (ông là Khoa Trưởng đại học Luật tại Saigon ) không nói đến tên Ông một lời..

Trong quyển sách kể thời niên thiếu của giáo sư Thúc tại Hà Nội...từ lúc học trung học đến đại học luật và làm công chức tại Hà Nội...thì không thấy ông nhắc đến tên luật sư Trần văn Chương, nhưng ông nhắc rất nhiều đến Võ nguyên Giáp.

V.N.Giáp học cùng trường luật với ông Thúc. Giáp học rất giỏi hơn ông Thúc một bậc.

Ông Thúc nhắc một chuyện như sau: “ *Khi thi kỳ thi gì đó tại trường Luật, thì sinh viên Võ nguyên Giáp đều có điểm ưu hạng, duy chỉ có một giám khảo người Pháp cho Võ nguyên Giáp con số Zero to tương, Võ nguyên Giáp tức giận nói: “Ông chỉ cho tôi ½ điểm tôi cũng đậu rồi* “.

Giám khảo ấy vẫn cương quyết cho Giáp con số Zero. Thế là Võ nguyên Giáp rớt.

Võ nguyên Giáp bỏ trường luật mà theo Cộng Sản thời đó.

Trở lại dòng họ của Bà Nhu – họ Trần.

Thân phụ là Trần văn Chương, là luật sư giàu có tại Saigon- Hà Nội. Gia đình Ông Chương cho con cái **nói toàn tiếng Pháp** trong nhà.

Cô Trần lệ Xuân từng **đánh tennis với Hoàng đế Bảo Đại** tại Hà Nội...

Sau này thấy gia đình họ Ngô là sao sắp sảng, nên Trần văn Chương cho phép con gái **lấy Ngô Đình Nhu lớn tuổi hơn gấp đôi, lại khác đạo Phật nữa.**

Quả thật Trần văn Chương không nhận xét lầm.

Cô gái Trần lệ Xuân sau này trở thành em dâu của một Tổng thống đầu tiên VNCH đầy uy quyền, vinh hiển.

Lợi dụng chức vụ cao tột đỉnh ấy, **Bà Nhu trở nên cao ngạo, xem Trời bằng vung.**

Quyền hạn của Bà vượt quá quyền hạn một dân biểu tại Quốc Hội Saigon.

Ông anh chồng lại là một tu sĩ đầy uy quyền nhất miền Nam thời ấy. Đó là Giám Mục **Ngô đình Thực.**

Chính Giám mục Ngô đình Thực đề cử thẳng với em ruột là Tổng thống Ngô Đình Diệm cho tay chân của mình nắm nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền Ngô đình Diệm. Như ông Huỳnh văn Lang, Huỳnh văn Cao, Nguyễn văn Thiệu..vv....

(Sau khi Miền Nam mất 1975 thì Tổng Giám Mục Ngô đình Thực **làm phật lòng Giáo Hoàng Vatican về tiền bạc của họ Ngô**...nên Tòa thánh Vatican rút phép thông công TGM Ngô đình Thực...Khi gần chết thì TGM Ngô đình Thực ăn năn và chịu những sự đòi hỏi của Giáo Hoàng Vatican, nên Ngô Đình Thực được xóa bỏ sự rút phép thông công ấy).

Trở lại gia đình oai quyền Trần văn Chương.

Ông được Ngô đình Diệm cử làm đại sứ VNCH tại Washignton DC.

Trong thời gian chót của T.T Ngô đình Diệm...thì đại sứ Trần văn Chương **phản đối vụ nhà Ngô đàn áp đạo Phật.** Thế là Bà Nhu ra lệnh cho chồng cất chức đại sứ Chương là cha ruột của mình.

Ngô đình Diệm cũng cất chức Trần kim Tuyền (Trùm mật vụ dân sự Miền Nam VNCH), Ngô đình Nhu cử em rể là Trần văn Khiêm thế Trần kim Tuyền từ đó.

Sau khi chế độ Ngô đình Diệm bị lật đổ...thì Trần văn Khiêm qua Pháp (vợ Khiêm là đàn bà người Pháp)... Còn Ông bà Trần văn

Khiêm thì ở tại Washington DC ...thời gian sau thì Khiêm ly dị và qua Mỹ sống với cha mẹ...

Tánh hung dữ và mất dạy thuở nhỏ, vì gia đình giàu và cưng chiều... Thời gian sau tại Washington DC, Trần văn Khiêm trong cơn nóng giận, gây lộn với cha mẹ... Trần văn Khiêm cong tay nắm đấm, **đánh chết cha mẹ mình** (26 / 7 / 1986).

Không hiểu lý do gì đó mà chính quyền Hoaky nhẹ tay với án sát nhân của Khiêm, tha y vì tù chung thân tại khám Hoaky ...thì Khiêm bị trục xuất về Pháp.

Trong đám tang vợ chồng Trần văn Chương ...thì có thầy chùa Thích Giác Đức lo chuyện tụng kinh ma chay...(Thích Giác Đức gửi thư xin phép Thượng Tọa Thích mẫn Giác tại Los Angeles, cho được phép xuất dòng tu mà trở thành pháp sư Giác Đức vì có vợ và có con).

Có một điều khá buồn là TGM Francois-Xavier **Nguyễn văn Thuận** (gọi ông Diệm bằng Cậu), sau khi được phóng thích khỏi trại tù tại VN... TGM Nguyễn văn Thuận sang Vatican (1989)...Được Giáo Hoàng John Paul II phong lên chức Hồng Y. Trong buổi lễ thụ phong Hồng Y tại Rome ...thì Bà quả phụ Ngô Đình Nhu xin được phép dự lễ tấn phong Hồng Y...thì Nguyễn văn Thuận **không cho phép Bà tham dự lễ** long trọng này.

Năm 2002 Hồng Y Francois-Xavier Nguyễn văn Thuận qua đời vì ung thư ruột.

Ngày 25 tháng 4 năm 2011 Bà Ngô đình Nhu mất, thọ 87 tuổi.

Chúng ta hy vọng đọc được quyển sách của Bà Ngô Đình Nhu sắp ấn bản nay mai.

Nhưng chắc cũng vài điều không gì mới lạ mà chúng tôi đã được biết ...

Như Giặc Thầy Chùa làm loạn, chắc chắn Bà sẽ không nói sự oai quyền cùng hông hách của đạo Công Giáo trong thời gian TT. Ngô Đình Diệm nắm quyền, và TGM Ngô Đình Thục được dân Saigon cho là **Quốc Phụ Miên Nam VNCH** vậy. Một tu sĩ dòng giàu nhất Miên Nam thời bấy giờ.

Chồng mất, Bà thủ tiết thờ chồng và không nhận cuộc phỏng vấn nào của báo chí. Bà giữ im lặng. Tốt cho một phụ nữ Á Đông.

Nhưng ngày xưa Bà gây nhiều sóng gió vì lời tuyên bố đầy hung hăng của Bà.

Ông Nhu **già sợ vợ trẻ**, sợ tai tiếng lan ra ngoài nên Bà Nhu muốn là xong ngay lập tức

Ngô đình Trác, học sinh Taberd Saigon ( lớp Première, tương đương lớp Đề Nhị hay lớp 11 bây giờ ở trong nước )...Một sư huynh frère dạy Toán, tỏ ý bức Bà Nhu lỏng quyền, thì Ngô Đình Trác về mết mẹ mình.

Hôm sau **sư huynh frère ấy phải khẩn gởi lện Ban Mê Thuật** mà dạy học. Sư huynh frère ấy là Thầy Toán của chúng tôi luôn. Ngô Đình Trác học rất giỏi, nhất lớp là thường.

### **Kết Luận:**

Không có Bà thì chế độ Ngô Đình Diệm cũng phải bị lật đổ mà thôi, vì những tướng lãnh nắm quyền đều là tay chân thân tín của Ông Ngô Đình Diệm, thuộc Đảng Cần Lao hay thuộc giáo phái Công Giáo mà theo.

Những tay chân tướng lãnh của TT. Ngô Đình Diệm thì chúng ta biết tư cách của họ quá rõ rồi, điển hình là: Tướng Trần văn Đôn, Tôn thất Đính, Dương văn Minh, Trần thiện Khiêm, Huỳnh văn Cao, Nguyễn văn Thiệu là như vậy.

### **Bình luận thể nhân:**

Dĩ nhiên trong những mệnh phụ phu nhân thời VNCH I và VNCH II, Bà Nhu là người có học vấn khá cao, lại là người vợ mà chồng là người nắm quyền bí mật sau lưng TT. Diệm.

Bà có rất đủ trong tay Bà. Về đời và và đạo.

Đời là chồng làm quân sư cho anh chồng là Tổng thống Miền Nam VN.

Đạo là anh chồng là TGM đầy uy quyền đạo CG trong tay.

Tướng tá, Bộ Trưởng hay nhân vật cao cấp trong chế độ Ngô Đình Diệm đều nể trọng Bà.

Không phải Bà là tay cứu thế an dân, hay lừng danh như Bà San Suu Kyi được dân bầu là Tổng thống xứ Miến Điện ...mà **Bà dựa hơi chồng.**

Bà cao ngạo và xem Trời bằng vung.

Bà từng gọi nhiều bộ trưởng tướng lãnh QL/VNCH mà bà ghét là “thằng”.

Ngô Đình Diệm làm Tổng thống VNCH I mà người ta sợ Ông Diệm, Ông Nhu, Bà Nhu, Ông Cần, Ông Ngô Đình Thục...như vậy **dân chúng gọi Gia Đình Trị là đúng chứ không sai.**

Trong xã hội Việt Nam, ngày xưa cũng như ngày nay...dân Việt không muốn người đàn bà dựa hơi chồng mà lên kêu gào, lớn

tiếng này nọ.

Bà Ngô Đình Nhu ( tức Trần lệ Xuân ) có một thời tốt đỉnh uy quyền, và có một thời hiệu hậu quả **luân hồi quả báo** hiện tiền.

**Cha mẹ ruột bị em trai đánh chết, con gái cũng bị tai nạn xe hơi thảm khốc, chồng và toàn gia đình bị tay chân thủ tín lật đổ giết chết thảm thương.**

Bà không hiểu phước đức là do tay mình tạo ra, chớ không phải từ lá số tốt Tử Vi mà ra.

**KHHB**

4/24/2011



*Chương Bốn*

**MA GIỮA BAN NGÀY**

*Những nguy hiểm và tráo trở lịch sử  
của tàn dư chế độ Diệm*



## BỀ TRÁI CHIẾC MÈ ĐAY

*Phan Ký*

Từ trước đến nay, mỗi khi nói đến nền Đệ I Cộng Hòa Việt Nam thì những kẻ “hậu duệ” của Ngô Tổng thống đã đề cao cái chế độ đó là chính danh chính thống và **đổ lỗi mất nước lên đầu người khác**.

Rồi hằng năm, cứ mỗi lần đến ngày 1/11 lại là một lần khêu gợi những chuyện đã qua, tưởng làm như thế là đắc sách lắm chứ họ đâu có ngờ **đang chia rẽ những người di tản trong đó có nhiều người đã từng là nạn nhân của chế độ Ngô Đình Diệm**.

Thật là cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng. Vậy để thêm tài liệu cho dư luận xét đoán về sự liên hệ giữa hai chế độ Đệ I và Đệ II Cộng Hòa, tôi xin nêu lên một vài sự việc của mặt trái nền Đệ I Cộng Hòa như sau đây:

### **1/ Ông Diệm có phải là một nhà cách mạng không?**

Cứ theo lai lịch của ông Diệm thì mới 30 tuổi, ông Diệm đã làm đến chức Thượng thư Bộ Lại (tương đương với chức vụ Thủ tướng hiện giờ). Ai cũng biết dưới thời thực dân Pháp và Nam triều thì chỉ có những kẻ con ông cháu cha, **tôi tớ của thực dân mới được cất nhắc thăng quan tiến chức mau lẹ**, chứ ai đã có óc cách mạng như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh thì sức mấy mà vô làm quan được chứ đừng nói đến chuyện 30 tuổi đã làm đến Thượng thư.

Theo những người biết chuyện thì do sự kèn cựa với ông Phạm Quỳnh thời đó, và tưởng rằng bị vua Bảo Đại làm nhục nên ông Diệm đã từ quan vì bất mãn như là một thứ “dissident” thời bấy giờ. Đến năm 1945, ông Diệm bị Việt Minh bắt đem giam ở Tuyên Quang, nhờ Hồ Chí Minh thả ra đi qua Mỹ tu ở New Jersey nhưng gặp lúc Mỹ đang tìm người đưa về Việt Nam để đá thẳng Pháp nên **Mỹ đã nhào nặn ông Diệm thành một tài tử chính trị dưới bàn tay lông lá của Đại tá Lansdale và ông Hồng y Spellman**. Trước khi về nước, ông Diệm đã đến Cannes yết kiến ông Bảo Đại và tuyên thệ trung thành với Đức Quốc trưởng. Một năm sau, ông Diệm tổ chức bầu cử gian

lận truất phế ông Bảo Đại cho nên ông Bảo Đại đã gửi điện tín về “giải tỏa lời thề ông Diệm!” Và chỉ 10 năm sau, ân oán nhân tiên, ông Diệm lại bị chính tay chân của ông hạ thủ! Như vậy thì chính danh chính thống ở đâu.

## 2/ Ai khai sanh chế độ quân phiệt?

Năm 1954, khi ông Diệm mới chấp chánh, ông gọi các ông Tỉnh trưởng ở miền Nam là “*ngài Đốc phủ sứ*”. Sáu năm sau, ông gọi là “*thằng Tỉnh trưởng*”. Tôi xin kể một câu chuyện độc đáo liên hệ đến việc nước mà ông Diệm đã xem như việc nhà của ông trong khi ông “thế thiên hành đạo” vào thời kỳ thịnh trị nhất của họ Ngô. Ông Nhu đã tổ chức đoàn thể Thanh Niên Cộng Hòa, một tổ chức ngoại vi của đảng Cần Lao Nhân Vị. Trung tá L. được ông Nhu phái đi các tỉnh để họp bàn cùng các Tỉnh trưởng kế hoạch thực hiện việc huấn luyện ở địa phương, chi phí do ngân sách tỉnh, thị đài thọ hoặc do học viên tự túc. Một số Tỉnh trưởng thấy rằng ngân sách tỉnh, thị eo hẹp không đài thọ nổi mà bắt các học viên thanh niên tự túc thì thất nhân tâm quá vì mỗi thanh niên thường đi làm nuôi cả gia đình còn không đủ ăn, nay lấy tiền đâu mà đi dự khóa huấn luyện Thanh Niên Cộng Hòa 3 tháng, rồi vợ con ở nhà ai nuôi? (ông Cao Xuân Vỹ hiện ở LA nếu đọc được đoạn này không biết có thấy cái sai lầm này trước đây không?) Do đó mấy ông Tỉnh trưởng ấy mới kiếm cách vào trình thẳng cụ để xin cụ xét cho. Không ngờ cụ lại phán rằng: “*Các anh Tỉnh trưởng dân sự cứ cứng đầu, để tôi cho mấy thằng quân sự lên làm Tỉnh trưởng nó ỉa trên đầu các anh*”.

Rồi thì việc gì phải đến, đã đến. Các Tỉnh trưởng quân sự được đề cử **không phải vì tài năng mà vì là người của ông Cố Vấn Sài Gòn, ông Cố Vấn Huế, của Cha Thực, của Cha Luận v.v... nếu không phải là Công giáo thì cũng phải là Cần Lao hay Quảng Bình** (quê của ông Diệm). Thời đó, một Trung úy Quận trưởng đã ký tên trên giấy biên lai nhận tiền ở ngân khố bằng hai chữ “*Ký Giận*” (phiên âm giọng Quảng Bình của chữ “*Ký Nhận*”). Một Đại úy Tỉnh trưởng Bình Tuy mua cây đã có trái về trồng để trình diễn lấy điểm gạt ông Diệm v.v... Thế thì bảo làm sao các đảng quân sự khác không vỗ ngực cho rằng làm chính trị, hành chánh dễ lắm. Từ đó đảng Kaki chỉ chờ thời cơ để múa gậy vườn hoang, gây tan nát cơ đồ, tội đó bắt nguồn từ ông Diệm đã bắc thang cho chúng leo. Lịch sử không thể nào quên được.

### 3/ Ai bán gạo cho Cộng Sản:

Trước kỳ bầu cử truất phế Bảo Đại 5/3/1955, ông Diệm đã cho đưa gạo từ Sài Gòn ra miền Trung để cứu đói vì giá gạo chợ đen đã tăng vọt từ 600\$ một tạ lên đến 1.700\$ một tạ. Lúc ấy ở miền Trung có *Mễ Cốc Công ty* là một tổ chức kinh tài của đảng Cần Lao do mấy thương gia tay chân của ông Ngô Đình Cẩn điều hành với sự hỗ trợ của các Tỉnh trưởng miền Trung và của ông Giám đốc Kinh tế Trung phần Trần Ngọc L. (hiện ở Paris). Nếu bán đúng giá thì các thương gia làm gì có lời nên chúng mới tích trữ đầu cơ, gây cảnh thiếu gạo để bán chợ đen. Thỉnh lịnh Bộ Kinh tế phái ông Ung Bảo Toàn đưa gạo ra Đà Nẵng tràn ngập thị trường. Các tỉnh thị bèn đánh bài hoãn binh không nhận gạo của Bộ Kinh tế do ông Toàn chở ra, trong lúc cho người đi bán gấp ở thôn quê mà không có kiểm soát nên đã để lọt vào tay Việt Cộng ở Quảng Ngãi, rồi đổ tội cho ông Toàn bán gạo cho Việt Cộng. Thử hỏi thời ấy cả một hệ thống công an, cảnh sát chìm, nổi như vậy làm gì mà để một mình ông Toàn bán gạo cho Việt Cộng ngay ở thương cảng Đà Nẵng (vì ông Toàn chỉ đặt văn phòng ở Đà Nẵng). Khi ra tòa án, ông Toàn yêu cầu cho xem bao gạo đó của *Mễ Cốc* công ty ở địa phương, chứ các bao gạo của Bộ Kinh tế ông chở ra đều có đóng dấu hai chữ **EN** (Economie Nationale).

Tối hôm đó, cả hai ông chánh án Thân Trọng Th. và đại diện Bộ Tư Pháp Lâm Lễ Tr. đi Huế trình ông Ngô Đình Cẩn để xin chỉ thị. Kết quả tòa tuyên án **xử tử hình ông Toàn, sau ông Diệm đổi thành án chung thân và đày đi Côn Đảo.**

Sau vụ này, ông Th. được thăng chức Đại biểu Chính phủ Cao Nguyên Trung phần, còn ông Lâm Lễ Tr. thăng chức Bộ trưởng Nội vụ. Đây, **công lý** của nền **Đệ I Cộng Hòa** sáng chói như vậy !

Đó là chưa kể đến cái vụ ông Cẩn và ông Lê T. (Tỉnh trưởng) đã đẩy Nguyễn Hữu Thọ đến chân tường bằng những xảo quyệt ti tiện chụm mũi Thọ hiếp dâm nữ y tá để Thọ phải theo Việt Cộng trong lúc Thọ đã chịu nghe lời cự phớ T.T. Nguyễn Ngọc Thơ, làm đơn xin trở về Sài Gòn làm ăn lương thiện.

### 4. Ông Diệm là Tổng thống nước Việt Nam hay là Tổng Giám mục Công Giáo địa phận Việt Nam?

Nếu ai gần gũi ông Diệm mới thấy ở trong con người ông ấy cái **tinh thần yêu Chúa đã lấn át tinh thần yêu nước** của ông. Ngay từ đầu, lúc lần sóng di cư ở ạt từ Bắc vô Nam kéo theo một số đảng viên Quốc Dân Đảng, Đại Việt v.v... Họ đã nguyện đem bầu nhiệt

huyết ra phục vụ quốc gia nhưng sau khi trình bày kế hoạch chống Cộng với ông Diệm thì ông hỏi “*các anh có phải là người Công giáo không?*” Mấy đảng viên kia trả lời “không” thì ông Diệm chắc lưỡi “*tiếc quá*”. Vào khoảng năm 1960, ông Diệm đã bỏ ra 3 tiếng đồng hồ thuyết phục một ông Tỉnh trưởng theo Công giáo và đem mời Bộ trưởng Kinh tế ra dụ dỗ. Ông Tỉnh trưởng ấy sau một hồi suy nghĩ đã khẳng khái trả lời: “*Cụ bảo gì tôi cũng có thể làm được, nhưng bỏ đạo Phật để theo đạo Công giáo thì chỉ sợ con cháu nó chê cười*” (hiện ông Tỉnh trưởng này còn sống ở LA). Vậy thì bảo **làm sao đa số tay chân của ông các cấp không kỳ thị tôn giáo được?** Nhưng đừng tưởng Công giáo là thành trì chống Cộng vững chắc, Cộng Sản không len lỏi vào được. Trái lại chỗ nào đông người là có Cộng Sản len lỏi vô, trong các đoàn thể cũng như trong các cơ quan, quân đội. Năm 1959, tại một tỉnh miền Trung, công an đã bắt được một tu sĩ Công giáo tuyên truyền chống Mỹ-Diệm. Công an về lục soát trong phòng ông tu sĩ đó thấy đầy rẫy truyền đơn, hình Hồ Chí Minh v.v... bèn lấy đưa cho ông Tỉnh trưởng sở tại đem vô trình gặp ông Diệm kéo để lâu sợ ông Cần thủ tiêu. Vì ông tu sĩ đó là người của ông Cần.

### 5/ Kỳ thị tôn giáo:

Theo chỗ tôi biết thì ông Diệm không có kỳ thị tôn giáo mặc dù ông cũng muốn dụ người ta vô Công giáo. Tuy nhiên trong vụ Phật giáo xuống đường, ông Diệm đã hành động chậm trễ, thiếu chính trị sáng suốt mà có người nói là vì ông Nhu cản trở. Lý do khi vụ đó xảy ra, ông Diệm muốn ra Huế phủ dụ nhân dân dàn xếp trực tiếp cho yên chuyện nhưng ông Nhu bảo rằng việc đó có gì quan hệ, sai ông Bùi Văn Lương ra nói cũng được. Ông Lương với tư cách Bộ trưởng Nội Vụ thời ấy cũng chỉ ra đến Đà Nẵng gặp đại biểu Chính phủ rồi đi về.

Nội vụ càng kéo dài, cánh cửa quốc gia càng mở rộng cho Việt Cộng len lỏi đột nhập phá hoại hàng ngũ quốc gia, gây nên một tình trạng xáo trộn nguy hiểm mà **ông bà Nhu và ông Cha Thực vẫn dương dương tự đắc chế dầu vào lửa để tự đốt mình và đốt cả gia đình họ Ngô, luôn cả chế độ Đệ I Cộng Hòa, rồi bây giờ đổ hô Phật giáo là Cộng Sản**. Thử hỏi ông Diệm là Tổng thống mà ông để sự việc xảy ra từ bé xé ra to chỉ vì là cờ Phật giáo thì trách nhiệm và tài kinh bang tế thế của ông ở đâu? Tôi không bênh Phật giáo, tôi chỉ chê trách ông Diệm ở giai đoạn lịch sử này đã làm **không đúng vai trò lãnh tụ, không còn sáng suốt để kết hợp các đảng phái quốc gia**, chia xẻ nhiệm vụ cứu quốc và kiến quốc mà chỉ là một kẻ độc tài,

ai nói gì cũng nghe còn cho mọi người đều bị đầu độc, kể cả dư luận quốc tế đến nỗi ông Diệm phải phái bà Nhu đi giải độc kia mà! Trong lúc đó bọn **Lê Quang Tung, Dương Văn Hiếu**, tại Thị Nghè tổ chức cả ngàn tên đầu trộm đuôi cướp, cho cạo trọc đầu và mặc áo vàng làm thầy tu giả để phỉnh gạt hoan hô ông Diệm khi ông đến chùa Xá Lợi sau ngày ông Nhu tổng bố ráp các chùa, gây cảnh nổi da xáo thịt. Lỗi đó tại ai? Với lý thuyết Mác Xít, **quốc gia Việt Nam đã mất bắt đầu từ thời đó**, không phải lỗi ở Phật giáo mà lỗi ở ông Tổng thống không anh minh chút nào nữa. Cũng nên nhớ **ông Tổng thống thứ hai Nguyễn Văn Thiệu là người Công giáo**.

#### **6/ Nạn nhân của thuyết Cần Lao Nhân Vị:**

Những trí thức xa lông như Phạm Kim Vinh đã từng cho chỉ có chế độ Ngô Đình Diệm với thuyết Cần Lao Nhân Vị mới có thể đương đầu với lý thuyết Mác Xít của Cộng Sản, nhưng thử hỏi người dân đã nhìn lý thuyết nhân vị đó như thế nào? Họ thấy chả có gì khác với Cộng Sản trong việc thi hành ở địa phương, nào là **thủ tiêu, ám sát, bắt cóc bất cứ ai, dưới nhiều cái mũ khác nhau** như thân Pháp, thân Cộng chỉ vì không tôn sùng Ngô lãnh tụ anh minh hoặc giành giật công ăn việc làm của các đảng viên **Cần Lao** hay là của bà con họ hàng nhà Ngô. Dân chúng sống trong khiếp sợ, chán nản vì phải ở giữa hai lần đạn Cần Lao và Cộng Sản. Dân chúng đã mĩa mai những kẻ vô Cần Lao là để được “*cao lân*” vinh thân phì gia chứ chẳng phải vì nước vì dân gì cả. Ở Sài Gòn, ông Diệm xây vườn Phước Hoang, ở Huế ông Cần xây lăng **Chín Hầm**. Những nạn nhân của “chín hầm” hiện còn sống ở LA trong đó có cụ Bửu Bang, cứ hỏi cụ Nhân Vị ở Chín Hầm ra sao thì rõ. Nó có khác gì những trai học tập thời nay của Việt Cộng không? hay là còn quá hơn thế nữa vì người bị giam phải đứng dầm chân dưới hai tác phân (cực) suốt ngày đêm.

Trên đây tôi chỉ kể lại một phần **các sự việc tôi biết**, chứ thật ra thì còn nhiều nữa. **Oan hồn ẩn khuất đã hiện về tiêu diệt cả một dòng họ Ngô bất đắc kỳ tử** ngoại trừ ông Luyện và vợ ông Nhu.

Vậy thì nói như ông Ngô Đình Luyện trong bài phỏng vấn của ông Long Ân đăng trong báo *Hồn Việt* số 262 rằng là “nêu sự hiện diện của tôi (ông Luyện) hôm nay (kỷ niệm ngày ông Diệm chết) được khoác cho một ý nghĩa nào, tôi (ông Luyện) muốn ý nghĩa đó phải là biểu tượng cho tinh thần đoàn kết dân tộc”. Chứng tỏ ông Luyện đã có một sự hiểu biết nào đó về **hậu quả các hành động của ông Diệm** đã đưa nước Việt Nam đến ngày nay.

Thật ra, sở dĩ ông Diệm đã trở nên độc tài, mù quáng vào phút chót của đời ông là vì ông đã bị đám tay chân bộ hạ thần thánh hóa ông, bịt mắt ông chứ ông chả có ý nghĩa thể thiên hành đạo gì cả.

Để có thể đoàn kết dân tộc như lòng mong ước của ông Luyện, tôi thiết tưởng đừng có nhắc lại chuyện cũ, chưởi bới nhau nữa đồ hồ vì Phật giáo, vì Mỹ, vì ai cả, mà phải tự nhận là vì chính mình đã không có can đảm đứng ra làm việc nước lúc đó.

Chúng ta trước đây đa số đã giao khoán việc chống Cộng cho ông Diệm, sau này cho ông Thiệu thì bây giờ đừng có tiếc cái thời vàng son đó nữa vì lúc này là lúc phải làm chứ không phải để nói cho nghe rồi bỏ qua. Chỉ có những ai dám làm, dám dấn thân thì tiếng nói đó mới có giá trị, rồi theo luật đào thải, thời gian sẽ sàng lọc được người lãnh tụ xứng đáng, chứ đừng có như mấy ông tẩn sĩ trí thức xa lông dù có **viết bao nhiêu cuốn sách chưởi đổng** thì cũng chỉ vạch áo cho người xem lưng là các ông trước đây cũng như bây giờ chỉ là những tên đồ gàn của thời Tần Thủy Hoàng còn sót lại.

### **Phan Ký**

[Nguồn: Tuần báo *Việt Nam Tự Do* số 332, Orange County, California - Hoa Kỳ]

## TRẢ LẠI SỰ THẬT CHO LỊCH SỬ

*Vtruong2602*

Phải trả lại tính trung thực cho lịch sử, người viết cảm thấy phải nêu ra nhược điểm đáng chê trách của chính quyền Cụ Diệm Nhu: Nhứt là sự kiện đối xử với chiến sĩ Ba Cụt, một nông dân yêu nước đã tử trong quần chúng miền Nam, quật khởi lên chống đối Việt Minh, vì họ ám sát Giáo chủ Huỳnh-Phú -Sổ, thần tượng của Ba-Cụt. Sự sai lầm tai hại của ông cố vấn Nhu khi ra tay đàn áp các giáo phái và các đảng đối lập chính trị miền nam. Tiếc thay hành động này lại gián tiếp cho sự tuyên truyền có lợi cho phía Hà Nội theo mưu đồ của chính sách sau hậu trường nước Mỹ. Vì thế biến cố thất nhân tâm này làm cho Tổng thống Ngô Đình Diệm mất hẳn uy tín đối với dân chúng nông dân trong tầm nhìn chủ quan của một trí thức khoa bảng đầy tính quan lại miền trung, Cụ Diệm đã không thấu hiểu được tâm trạng của một chiến sĩ như Lê Quang Vinh tự Ba-Cụt, một nông dân yêu nước như Đinh Bộ Lĩnh thời nay, chất phát đã tử trong quần chúng đồng bằng sông Cửu Long, quật khởi đứng lên chống đối Việt Minh cùng Trịnh Minh Thế.

Lê Quang Vinh lo công việc đồng áng từ lúc còn nhỏ, nhưng khi lớn khôn, đã tiêm-nhiễm những lời giảng của Huỳnh Giáo chủ về Phật Pháp và bốn phận tranh đấu chống ngoại xâm. Ông mê thích học võ nghệ với thầy Sáu-Kim; Ông có lần bị người cha quở mắng dữ-dội vì chảnh mắng bỏ bê công việc. Ông lấy cây dao phăng phát cỏ, tự chặt một lông tay và thề “Nếu ngón tay này mọc lại, sẽ an phận về làm ruộng cho vui lòng cha” Kể từ ngày đó Lê Quang Vinh thường được biết đến với tên Ba-Cụt

Tình báo OSS Mỹ xúi bẩy tham vọng của thực dân Pháp trở lại đô hộ Việt Nam để Mỹ viện trợ tiêu xài cho hết số vũ khí thắng dư của Thế chiến II; Ngày 6/3/1946 quân đội Pháp được Đại tá OSS, Alfred Kitts hướng dẫn, đổ bộ vào Hải Phòng trang bị từ đầu đến chân đều là quân viện của Mỹ.

Cậu Lê.Quang.Vinh năm ấy được 21 tuổi đầy nhiệt huyết yêu nước, đã tụ họp các thanh niên ở rạch Bàng Tăng, phát động việc vọt

tầm vong đâm Tây giết súng để thành lập toán võ trang địa phương đánh Tây. Toán cảm tử quân Ba-Cụt càng ngày càng bành trướng đúng vào vào năm 1946, được sát nhập vào Vệ Quốc Liên Đội Nguyễn Trung Trực của ông Nguyễn Giác Ngộ. Ngày 16/4/1947, Việt Minh ám hại Đức thầy Huỳnh Phú Sổ tại Dốc Vàng Hạ. Các nhóm như Trần Văn Soái cần nơi nương tựa, nên đã phải ký kết Hiệp định Liên quân với Cluzet, Đại tá Pháp Tư Lệnh Miền Tây. Ba-Cụt vẫn một dạ quyết chống Pháp, không tán thành, kéo quân vào bùng tiếp tục kháng chiến dưới danh nghĩa mới “Nghĩa Quân Cách Mạng” nắm vững địa hình địa vật, lính Ba-Cụt đã nhiều lần di chuyển nhanh chóng lâm trận để tiếp ứng các toán võ trang bạn bị lính Tây truy nã. Ba-Cụt đã tỏ ra là một chỉ huy gan dạ, luôn luôn sát cánh với đồng đội, nhiều mưu lược nên đã được tôn vinh, kính nể, những trận đụng độ với các toán nhỏ Việt Minh, các chiến sĩ kháng chiến Hòa Hảo đã càng cường dương đầu với bộ đội của Nguyễn Bình nên thanh thế càng ngày càng tăng. Một toán bộ đội Việt Minh định xâm nhập vùng trú đóng Hòa Hảo, lúc đó các kháng chiến quân Ba-Cụt đã áp dụng chiến thuật “đồng chốt” với các toán võ trang quyết tử đóng rải rác ở các vị trí hiểm yếu, khiến trận mạc này kéo dài từ sang đến tối dựa vào địa hình quen thuộc để lòn-lách tiêu diệt đối phương, cuối cùng Nguyễn Bình phải thảm bại rút lui.



Cụ Diệm là một tín đồ Ky-Tô-Giáo, một trong những tôn giáo lớn trên thế giới với những lời thuyết giảng về tình thương và tôn trọng sự sống. Cụ Ngô Đình Diệm đã ký sắc lệnh số 98-TP ngày 8/7/1956 không ân xá cho Lê Quang Vinh. Quyết định tối hậu về mạng sống của Lê Quang Vinh đến lúc chốt này ở trong tay Thủ

Tướng Ngô Đình Diệm là người duy nhất có quyết định cứu xét đơn thỉnh cầu ân xá của tội nhân. Trong một cuộc phỏng vấn được thu hình và phát thanh do đài Saigon TV ở California, Cụ Lâm Lễ Trinh có cho biết là Cụ đã tình cờ chứng kiến được việc Cụ Ngô Đình Nhu vào trình lên Cụ Diệm, thơ can thiệp của Đại Sứ Anh quốc ở Việt Nam, đề nghị xin ân xá Ba-Cụt.

Thật tội nghiệp là một quân nhân có cấp bậc chính thức là Trung Tá trong quân đội Việt Nam, Lê Quang Vinh xin được xử bắn ở pháp trường, nhưng lời yêu cầu được chết trong danh dự này của một sĩ quan cũng không được chấp thuận, chúng ta nghĩ thế nào? Cái máy chém của thực dân Pháp xử dụng trong thời Pháp thuộc đã được đao phủ thủ là Đội Phước lau chùi, đem từ Saigon xuống Cần Thơ để xử trăm Ba Cụt; Sau khi bị chặt đầu, thi thể Lê Quang Vinh đã không được trao trả cho thân nhân chôn cất. Xác của chiến sĩ áo vải Nam bộ này hình như đã được sự bí mật nào đó, một việc làm tàn ác, bất nhân, trái với đạo lý và văn hóa dân tộc Việt – Có phải đây là “Ác lai Ác báo?” của nghiệp “Nhân-Quả”

Một bản án đưa đến xử tử hình một tội nhân trong thời gian vồn vện trong vòng ba tháng, cộng với việc từ chối đơn xin ân xá án, đã chứng tỏ Cụ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm dứt khoát muốn loại trừ bộ phận vô trang Hòa Hảo dưới sự chỉ huy của Ba-Cụt, một người đã bắt đầu cuộc kháng chiến từ ngày thực dân Pháp trở lại đô hộ. Chỉ có Lê Quang Vinh mới làm được việc đó thôi, nhưng Lê Quang Vinh đã nói lời thề trước tòa án: “sở dĩ phải đụng chạm với quân đội Quốc Gia là vì tôi ở trong thế kẹt tứ phía, chớ mỗi lần đụng độ như vậy, tôi hết sức đau lòng. Bởi vì tôi nghĩ rằng một ngày không xa tôi cũng trở về với quân đội Quốc Gia”

Việc điều động một ông Đại Sứ Nguyễn Ngọc Thơ đang công tác ở ngoại quốc về tìm cách chiêu dụ Lê Quang Vinh ra hàng, nhưng đã hành xử không trong sáng với một người đã góp nhiều công trong việc đương đầu với Việt Minh, với quân đội Pháp, một chiến sĩ như Đinh Bộ Lĩnh thời nay, nhưng đã giữ vững được ba khu vực quân sự: Khu Thốt Nốt Cờ Đỏ, Khu Đồng Tháp Mười, và Khu Rừng Tràm Long Châu Hà. Cụ Ngô Đình Diệm đã thật sự đánh mất lòng tin cậy, ái-mộ của người dân hiền lành Miền Nam, Cụ Ngô Đình Diệm thất tín, thất nghĩa, khi Bảo Đại từ Cannes gọi liên tiếp hai công điện, ngày 28/4/1955 và 30/4/1955 để triệu hồi Cụ Diệm, Cụ đã không tuân lệnh, chính nhờ có hội nghị các 18 Chính-đảng và 29 Nhân-sĩ miền nam, ngày 29/4/1955 do Cụ Nguyễn Bảo Toàn chủ tọa đã đưa đến quyết định: Truất phế Bảo Đại, giải tán chính phủ và ủy nhiệm Cụ Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ lâm thời, tổ chức tổng tuyển cử, trưng cầu dân ý. Sau đó Cụ Diệm trở thành tổng thống của nền Đệ 1 Cộng Hoà phần lớn do Nguyễn Bảo Toàn chủ tọa. Đặc biệt Cụ Nguyễn Bảo Toàn, một nhà ái quốc đã từng bốn ba tranh đấu thời thực dân Pháp, tuy rằng Cụ không phải thuộc giáo phái Hòa Hảo

nhưng được Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ tín nhiệm trong chức vụ Tổng Bí Thư đầu tiên của Dân Xã Đảng. Mật vụ của Ngô Đình Nhu đã bí mật bắt Nguyễn Bảo Toàn, bỏ vào bao bố, cột vào trụ xi-măng và xô nhận chìm thân xác ở sông Nhà-Bè để phòng Cụ Toàn có thể thay thế Cụ Diệm, khi Mỹ cần thay ngựa giữa đường.

Ngày 13/7/1964, một lễ kỷ niệm 18 năm Lê Quang Vinh tức Ba-Cụt bị bức tử đã được long trọng tổ chức ở Thốt Nốt với sự tham dự của hơn 5000 chiến sĩ Dân Xã Đảng. Đại diện chính quyền thời đó có Tổng Trưởng Nội Vụ, Thiếu Tướng Lâm Văn Phát và Tổng Trưởng thông tin ông Phạm Thái; Một kiến- nghị xin hủy bỏ các bản án, phục hồi công quyền và phục chức của Ba-Cụt đã được trình lên chính phủ nhưng Lê Quang Vinh đã đi vào cõi vĩnh hằng. Trong việc xử án Ba-Cụt, **việc cố tình thủ tiêu đối thủ của hai Cụ Diệm Nhu đã quá rõ ràng**. Các nhà viết sử trong tương lai cũng nên truy tìm xem những ai ở hậu trường trong ngành Tư pháp vào thời buổi ấy, đã bày mưu đặt kế để các thủ tục pháp lý có thể đưa đến xử một án tử hình gấp rút trong ba phiên tòa liên tiếp trong vòng 23 ngày? Không cần phải suy nghĩ dông dài: Đây là một sự cố tình chính trị, **dứt khoát thủ tiêu một chứng ngại trong tương lai cho quyền lực của Ngô triều**. Thái độ ấy có lẽ sau này cũng đã được những người lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm suy gẫm lại, đưa đến quyết định cuối cùng là cái chết thâm trầm của hai Cụ Diệm Nhu, đó là những gì người viết ước ao “Phải trả lại tính trung thực cho lịch sử Việt Nam”

**Vtruong2602**

[http://www.canhthep.com/modules.php?op=modload&name=Forum  
&file=view&site=70a&bn=70a\\_anhhung&key=1271258194&cpag=1](http://www.canhthep.com/modules.php?op=modload&name=Forum&file=view&site=70a&bn=70a_anhhung&key=1271258194&cpag=1)

## ĐẦU HÀNG

### *Vân Xưa Hồ Sĩ Khuê*

Rảnh rỗi mấy tháng ở Úc, thừa thì giờ nên đọc tập hồi ký *Bên Giòng Lịch Sử* của linh mục Cao văn Luận viết từ hai mươi mấy năm trước, đề tán dương Ngô Đình Diệm, sau khi ông Diệm bị lật đổ. Chưa hề xem, nên xem thử một lần.

Vân Xưa quen biết ông Luận nhiều, từ 1949 đến 1954, ở Huế. Ông được giới thiệu là một tu sĩ Thiên Chúa giáo tiên tiến, du học từ trước 45, rồi hành đạo nhiều năm ở Pháp, sau đó, năm 48/49 về nước, phục vụ tông đồ và xứ sở. Vân Xưa kém linh mục quăng mười tuổi, nên trọng ông như thầy, và đãi nhau như bạn, Cùng một ưu tư về tương lai đất nước, cùng chưa rơi trong vòng thế lợi, thành ra dễ thông cảm với nhau.

Nhưng đến 54, vì chọn lựa khác nhau nên chế độ Ngô Đình Diệm đã ngăn cách đôi bờ, không còn dịp gặp nhau đến một lần, trong suốt chín năm ông Luận phục vụ ông Diệm, trong tư thế cố vấn, ở địa vị Viện trưởng viện Đại học Huế. Tháng 12-63, gặp lại nhau một lần duy nhất, trong bữa cơm một luật sư bạn chung thết, đề tiễn ông Luận lên đường sang Hoa Kỳ. Cố nhiên phải đề cập tới chuyện ông Diệm bị lật đổ. Vân Xưa nửa đùa, nửa thực, khen: *linh mục thay đổi nhanh và kịp thời quá!* Rồi thôi, cho đến khi ông mất trong năm qua, chẳng còn gặp lại nhau nữa, và cũng chẳng buồn xem hồi ký ông cho án hành nhiều lần, từ năm 67 thì phải.

Ở Úc quay về Pháp, Quê Mẹ cho xem hồi ký *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, tướng cũ Đỗ Mậu mới xuất bản. Xem mất ba ngày.

Vân Xưa có biết ông Mậu, cũng ở Huế, nhưng không quen nhau như với ông Luận, không hề là bạn với nhau. Cả đời gặp nhau có hai bận. Bận trước, năm 1954, ba mươi ba năm trước đây, trong một cuộc hội thảo cả hai cùng tham dự, giữa một số trí thức cố đô, theo yêu cầu của Ngô Đình Nhu, để đưa ra một đường lối cầm quyền mới cho chính phủ ông Diệm sắp thành lập. Đóng góp của Vân Xưa về vấn đề "Nam kỳ cũ" có vẻ được ông Mậu chú ý, nên sau ba ngày

xong công việc, trong cuộc rượu kết thúc cuộc hội thảo, ông Mậu mang ly đến gần, nói vài lời ân cần ngỏ ý muốn làm quen với nhau. Rồi cũng hết như Linh mục Luận, chế độ Diệm đã ngăn cách, vì chọn lựa khác nhau. Có khác chăng là ông Mậu không phải bạn, như ông Luận, nên không còn đi lại với nhau cũng là chuyện thường.

Bạn thứ hai, mà cũng là sau cùng, hai mươi lăm năm trước đây, vài tuần lễ trước ngày 1-11-63. Ông Mậu đến tìm, để bàn với Vân Xưa việc quân đội định đảo chánh ông Diệm. Với một người không phải là bạn, chỉ gặp nhau có một bận, chín năm trước, ông Mậu, đang cầm đầu ngành An Ninh Quân Đội, không ngần ngại gặp lại một lần thứ hai để nói chuyện âm mưu chết sống ấy của mình, quả thật ông đã gan tày liếp!

Không rõ có phải ông Mậu nhớ đến phần đóng góp của Vân Xưa, trong cuộc hội thảo ở Huế chín năm trước, để không ngại tiết lộ âm mưu của mình với một người trong đời mình nay mới gặp lần thứ hai, và sau đó không còn gặp một lần nào khác.

Trong phần đóng góp ấy, Vân Xưa nêu vấn đề “Nam Kỳ cũ”, ghi nhận đất đai và dân tình ở đây là điều kiện tiên quyết cho tương lai của chế độ Sài Gòn, trong hoàn cảnh đất nước qua phân: *Miền Nam thắng hay bại, tùy thuộc quân chúng Nam kỳ cũ, tùy thuộc ở dân quê miệt vườn, trí thức thành thị, anh em kháng chiến quốc gia, và các giáo phái, chứ không phải tùy thuộc hoàn toàn ở cá nhân người lãnh đạo chính quyền quốc gia.*

Có lẽ ông Mậu, lúc bấy giờ, đã **nhận ra được nguồn cơn thất bại và sụp đổ của chế độ nhà Ngô, nên đã không ngại lộ chuyện mà cả gan tìm đến người chín năm trước đã từng nêu rõ cái lẽ mất còn này của miền Nam chẳng?** Ông Mậu còn đó, chắc có thể trả lời cho câu hỏi này, về tâm sự hai mươi lăm năm cũ của ông chẳng?

Cuộc đảo chánh thành tựu, có tiếp tục liên lạc với nhau trong hai tháng liền, qua trung gian, rồi thôi. Cho đến nay, cùng ly hương, nhưng mỗi bên một ngả, và nay được xem “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*”.

1950-1954-1963-1975, Cao văn Luận cũng như Đỗ Mậu đều là những người của thời cuộc. Hơn nữa, những người đã làm thời cuộc. Viết hồi ký là chuyện họ phải làm. Vân Xưa được xem những gì mỗi người hồi ký, thấy có bốn phần trình bày bạn đọc mục mình đảm trách, cảm nghĩ về những gì đã xem.

Ở Úc, đọc hồi ký của một người, dù sao cũng đã từng là bạn,

Vân Xưa thấy ngao ngán cái *tinh thần Ngô Đình Diệm* Linh mục Cao Văn Luận nêu cao trong *Bên Giòng Lịch Sử*, như sau:

*“Những ai từng có địa vị, vai vế trong nền Cộng Hòa Nhân Vị đều mang ơn nặng được ông Diệm đưa từ bóng tối ra ánh sáng, cho nên kẻ đã lật đổ ông Diệm đều thuộc hạng phản chủ, phản thầy”*

Thì ra ông, ông Linh mục thâm nhuần *nhân vị tính* của nền Cộng Hòa Ngô Đình Diệm, đã hồi ký cho mọi người là ***chế độ nhân vị này chỉ gồm toàn đầy tớ, học trò của ông Diệm***, một bọn người chỉ biết gọi dạ, bảo vâng! Không còn chịu dạ, chịu vâng, mà lại lật đổ thầy mình, chủ mình, thì chỉ là một bọn phản chủ, phản thầy.

***Cộng Hòa: chế độ chủ và thầy. Nhân vị: một bọn học trò, tôi tớ!***

Linh mục Luận biết mình cũng chỉ là ***một đầy tớ và học trò của ông Diệm***, như mọi người khác đang phục vụ nhà Ngô, theo định nghĩa của chính ông, vì ông cũng là người đã từng được ông Diệm đưa từ bóng tối ra ánh sáng. Nhưng trong thâm tâm, Linh mục Luận hẳn muốn người xem hồi ký *liệt linh mục nằm ngoài bọn người phản chủ, phản thầy này*. Tuy có một giai đoạn, dù chỉ vài năm, sau ngày 1-11-63 và trước khi viết hồi ký, ông phô trương việc ông đã góp phần lật đổ chế độ Diệm, trong tư cách Viện trưởng Đại học Huế (xin xem phát biểu của ông Viện trưởng về biến cố tháng 11-63, trữ ở Viện Đại học Huế). Việc chống đối này quả có thực, ông linh mục có tự hào hành động chống đối ông Diệm cũng đúng. Niềm tự hào ấy đã cho Vân Xưa được cơ hội khen đùa ông: *Linh mục biết thay đổi nhanh và kịp lúc*. Nhưng bước qua năm 1967, trong không khí phục hồi Công giáo Cần lao, ***danh dự lật đổ chế độ Diệm đã trở nên nặng nề, hai vai nhà tu có lẽ không mang nổi nữa***, ông Luận bèn viết hồi ký, để *một lần nữa trở mình cho kịp lúc*.

Chắc hẳn ông linh mục đã xếp tên ông Đỗ Mậu vào bọn người phản bội, (trong đó ông linh mục không còn muốn có tên mình). Cũng đúng thôi: ***đối với ai lấy cái tinh thần Ngô Đình Diệm, theo định nghĩa Cao văn Luận, làm một giá trị nhân vị cao cả, như những người hiện nay đang hô hào phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm, thì ông Đỗ Mậu, thoát sao khỏi là kẻ phản chủ, phản thầy***.

Nhưng đối với nhân dân miền Nam, trong đó có Vân Xưa, thì lại khác: ***Người miền Nam đã reo mừng suốt ba ngày liền khi nhà Ngô sụp đổ***, nghĩa là đã nhìn "bọn phản chủ, phản thầy" theo quan niệm nhân vị của Linh mục Luận, và trong bọn đó có ông Đỗ Mậu, là ***những người con xứng đáng của đất nước, đã biết thoát ly tập***

**đoàn phản dân, hại nước, lúc bấy giờ đang hoành hành.**

Từ trong tập đoàn phản dân hại nước này, Linh mục Luận năm 1963 từng cho biết mình đã thoát ra (trong bữa ăn Vân Xưa nhắc đến ở phần trên) *như Đỗ Mậu và cùng Đỗ Mậu*. Nhưng đến 1967, khi bọn *Cần Lao Nhân Vị* nép sau lưng chính quyền Thiệu/Kỳ, lại tiếp tục hoành hành, Linh mục Luận hồi ký quay vào *không như Đỗ Mậu và không cùng Đỗ Mậu*.

Người tu sĩ Thiên Chúa giáo bác học và tiên tiến này, đã từng nhiều năm, trước 54, là bạn của Vân Xưa, đã từng là quân sư của ông Diệm, đã từng là Viện trưởng Đại học, lại chưa vượt qua được tầm mức **văn hoá phong kiến**! Đáng tiếc: học thức thật không hẳn là kiến thức! Trong một lần trước ở mục này, Vân Xưa đã bàn đến cái **bản chất hoàn toàn thiếu nhân vị của một nền Cộng Hoà mệnh danh là Nhân Vị**, mà Linh mục Luận đã nêu làm tinh thần Ngô Đình Diệm, và thờ như là một giá trị tinh thần tuyệt đối.

Về Pháp, lại đọc hồi ký này, của một người chưa từng là bạn, "*ít học và dốt nát*" (chữ ông Đỗ Mậu dùng cho chính ông), Vân Xưa nhận ra một điều: không đợi phải gặp nhau mới thực là bạn. Đúng như câu Tỳ bà hành Ý Lan lúc sang Úc, đã trích ghi, khi tặng Vân Xưa tập *Gọi thăm giữa Paris* của Võ Văn Ái: *cùng một lưá bên trời lặn đạn, gặp gỡ nhau lạ sắn quen nhau*.

Đỗ Mậu viết: "*Nói cho cùng thì có phải chỉ mình Dương Văn Minh đầu hàng đầu, những kẻ bỏ nước ra đi trước hay sau ngày 30 tháng 4 cũng là những kẻ đầu hàng. Kẻ đã có lần sát cánh với Dương Văn Minh (tức ông Đỗ Mậu) mang hoài bão thay đổi một cuộc cờ nay phải sống xa lìa cố quận cũng là kẻ đầu hàng, cũng gọi tâm sự cho chim ngàn cá biển*".

Và, nhắc đến trách nhiệm trước lịch sử đối với hiện tình đất nước, ông Mậu ghi thêm: "*Ai là người không có tội*".

Xem đến đoạn vị tướng cũ "thất học", khiêm tốn nhận mình cũng là người có tội, và chia cả "*Cái tội đầu hàng kẻ thù*" với người bạn đồng đội Dương Văn Minh của mình, **tuy không ai buộc**, Vân Xưa thấy ngượng cho ông cố linh mục "bác học".

Ông linh mục đã cố đem hết sức học quảng bác của mình để hồi ký cái tội "*phản chủ, phản thầy*", cái tội, nếu quả là tội, chính mình cũng phạm, trút lên đầu người khác, những người trước đó mình đã một thời minh bạch chia chác với họ công lao **chống một chế độ phản nước hại dân**! Trong khi ấy ông Đỗ Mậu "thất học dốt nát", không hiện diện ở Sài Gòn hôm "Dương Văn Minh đầu hàng kẻ thù",

vì đã ly hương trước, lại tự buộc mà không ai gán cho mình cái tội đầu hàng người ta đang trông vào cổ Dương Văn Minh, để thẳng tay nguyên rủa.

Nghĩ cũng tội cho học vấn! Ở một nhà tu, học vấn chỉ đưa đến cho ông Luận một học thức quảng bác ít ai có, và Đỗ Mậu thì nhất định không có rồi, nhưng *luơng tri* ông không tác dụng được trên cái vốn *học thức* ấy để hoàn bị *kiến thức* mà kết hợp cho ông một *ý thức* nhân bản hoàn chỉnh. Thành ra, *cũng một việc chính ông đã làm*, và đã nói cho người khác biết (nếu Văn Xưa không phải là người duy nhất được nghe ông) là mình đã làm, việc làm ấy hôm trước ông xem là danh dự, nên muốn ai cũng biết ông đã làm, hôm sau người có quyền lực ngầm bảo là tội ác, ông vội vàng kể tội ác ấy cho người khác, để thiên hạ trong nước tưởng là ông không hề làm!

Có lẽ nhà tu này không bận tâm mấy về chuyện danh dự, hay, chuyện tội ác. Mà bận tâm hơn về chuyện *thế lợi*. Hôm qua, lật đồ ông Diệm là một danh dự, ông linh mục chia cái danh dự ấy để hưởng lợi. Hôm sau, lật đồ ông Diệm là tội ác, ông linh mục bèn gán cái tội ấy lên đầu người khác, để khỏi mất phần thế lợi dành cho những ai đã trung thành với chủ cũ. Thế lợi đã làm ông linh mục quên sống đạo của ông chăng? Việc hôm trước mình cho là phải, nên mình làm, nếu hôm nay mới thấy rõ là quấy, thì con Chúa đi xưng tội để được giải tội, không đổ vấy cho ai khác để chạy tội!

Thảo nào thầy Mạnh cứ nói đi nói lại mãi cái chuyện *luơng tri*. Đạo Không đặt lương tri lên trên hết các khả năng của mỗi người để thể hiện con người trong bản thân *thành thực với chính mình* là căn bản của lương tri. Chúa Jesus không dạy chỉ khác hơn, khi dạy: có muốn ném đá vào người, hãy xem mình có cùng tội với người mình định ném đá hay không, trước đã. Khi lật đồ ông Diệm là một công lao, ông linh mục chia công lao ấy với những người như ông Đỗ Mậu. Khi lật đồ ông Diệm là một cái tội, ông linh mục gán cái tội ông đã phạm ấy để "ném đá" vào những người như ông Mậu, hồng chạy tội của mình, bằng ngôn ngữ đạo hạnh của một quan toà buộc tội người khác! Kể cũng tiện.

Đã bận tâm về thế lợi thì Linh mục Luận, trước sau cũng vẫn chỉ *thuy chung với thế lợi*, đâu có đốt nát đến nỗi tự buộc mình vào cái tội "đầu hàng" để chia với Dương văn Minh những lời nguyên rủa. Chỉ có người "quê mùa đốt nát" như ông Mậu mới hồi ký nhận tội mình trước lịch sử, và chia với Dương văn Minh cái tội mà một số người đang phi nhổ! Một sự phi nhổ không dấu nổi dụng ý, và bài này

dùng nguyên tắc **chính danh** để lột trần.

Cho nên hôm nay "Người Việt Tiếng Việt" bàn về từ ngữ **Đầu hàng**. Gọi là để ghi nhận "*tấm lòng Đỗ Mậu*" đã *thủy chung với chính con người mình*.

.....  
[Nguồn: Trích đoạn từ <http://www.nhohue.org/baimoi.htm> ]

## **NHẬN XÉT VỀ BÀI VIẾT “CẦN THẨM ĐỊNH LẠI GIÁ TRỊ ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ CHẾ ĐỘ ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA” CỦA ÔNG TÔN THẤT THIỆN**

*Nguyễn Mạnh Quang*

Bài viết này dài khoảng 12 trang computer khổ 81/2 x11, xin tạm chia ra 42 đoạn. Như đã nói ở Phần I, bài viết này của ông Tôn Thất Thiện là “*bài viết nhằm nhĩ nhất trong những bài viết của những người không có một chút căn bản về sử học.*” Trong 42 đoạn văn trong bài viết này thì 8 đoạn sau cùng là những đoạn nhằm nhĩ nhất trong bài viết nhằm nhĩ này vì trong đó chỉ thấy toàn những lời tán tụng thuyết nhân vị của ông Ngô Đình Nhu và những lời ca tụng anh em ông Ngô Đình Diệm. Vì thế mà chúng tôi bỏ qua những đoạn văn này. Dưới đây là phần nhận xét của chúng tôi về 34 đoạn văn trong bài viết “Cần thẩm định lại...” của ông Tôn Thất Thiện:

**1.- Ông Tôn Thất Thiện viết:**

“*Sau cuộc đảo chánh 1-11-1963, số sách báo nói về Ông Ngô Đình Diệm, gia đình họ Ngô và Chế Độ Việt Nam Cộng Hòa I nhiều có thể đếm không hết. Các sách báo này đưa nhau chỉ trích, tố cáo, kết tội Ông Diệm, anh em Ông và những người hăng hái phục vụ Việt Nam Cộng Hòa I. Nhiều tác giả sách báo đó dùng những lời hung hăng, đưa ra những lời chỉ trích, phỉ báng, tố cáo, buộc tội nặng nề, dựa trên những đồn đãi vu vơ, phóng đại, bịa đặt, không kiểm tra cân nhắc. Trong khi đó, về phía bị cáo, không có người lên tiếng, vì những bị cáo chính – các Ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn – đã bị giết, và những người có quan hệ với Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa I bị những giới tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc lật đổ Chính Phủ Ngô Đình Diệm – Chính quyền “Quân nhân cách mạng” và những phần tử từng chống Ông Diệm – uy hiếp, đe dọa, tố giác, phải im hơi lặng tiếng.*”

**NHẬN XÉT:**

**Thứ nhất:** “Người ta đưa ra những lời chỉ trích, phỉ báng tố cáo và buộc tội nặng nề ông Ngô Đình Diệm và chế độ Đệ Nhất Cộng

Hòa” là họ căn cứ vào những hành động tội ác của anh em nhà Ngô, của Đảng Cần Lao Công Giáo, của giới tu sĩ Ca-tô, và của bọn gia nô và của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa.

Thứ hai: Những lời chỉ trích, phỉ báng tố cáo và buộc tội nặng nề này **KHÔNG PHẢI** là dựa trên những lời đồn đại, phóng đại vu vơ, mà dựa trên những tài liệu với những bằng cứ hiển nhiên của những chứng nhân và nạn nhân của chế độ, và căn cứ vào những tài liệu có giá trị được ghi trong các cuốn sử có giá trị của các sử gia có căn bản về môn sử học:

a.- Có hàng rùng tài liệu xác thật về những hành động tội ác của anh em ông Ngô Đình Diệm và của chính quyền thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Những tài liệu này đều do các chứng nhân và nạn nhân ghi lại. Dưới đây là một số những tài liệu này: 2 cuốn *Biến Cố 11-11-1960* của giáo sư Trần Tường, *Nhật Ký Đỗ Thọ*, những bài viết của của Dr. Eric Wuff, *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng* của Hồ Sĩ Khuê, *Những Bí Ẩn Lịch Sử Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm* của Lê Trọng Văn, *Chín Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm* của hai tác giả Nguyệt Đàm và Thần Phong, *Công và Tội* của Nguyễn Trân (tín đồ Ca-tô), *Việt Nam: Một Trời Tâm Sự* của cựu Tướng Nguyễn Chánh Thi, *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* của cựu Tướng Đỗ Mậu, *Một Kiếp Người* của Cựu Tướng Huỳnh Văn Cao, *Tôi Làm Quân Sư cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm* của cựu Tướng Edward G. Lansdale, *Trà Ta Sông Núi* của cựu Đại-tá Phạm Văn Liễu, *Những Ngày Buồn Nôn* của Giáo Sư Lý Chánh Trung, *Những Thảm Kịch* và *Bài Học Việt Nam* của Robert S. McNamara, *Việt Nam Nhân Chứng* của cựu Tướng Trần Văn Đôn, *Can Trường Trong Chiến Bại* của cựu Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thôi. v.v...

b.- Có hàng ngàn sách cuốn sử có giá trị của các sử gia có căn bản về môn sử nói về những hành động tội ác của anh em ông Ngô Đình Diệm và của chính quyền thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Dưới đây là một số những cuốn sử này: *Thập Giá và Lưỡi Gươm* của Linh Mục Trần Tam Tỉnh, các cuốn *Việt Nam Nhân Vật Chí*, *Việt Nam Niên Biểu 1939-1975 - Tập 1-C: 1955-1963*, *Tôn Giáo & Chính Trị Phật Giáo 1963-1967*, *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng*, *Paris Xuân 96* và nhiều tác phẩm khác của sử gia Vũ Ngu Chiêu, *The Two Vietnams* của Bernard B. Fall, *The New Face of Buddha* của Jerrold Schecter, *Vietnam: A Political History* và *Vietnam: A Dragon Embattled* (2 volumes) của Joseph Buttinger, *The Lost Revolution* của Robert Shaplen, *Vietnam: A History* của Stanley Karnow, *The Making of a*

*Quagmire* của David Halberstam, *Background to Betrayal* của Hilaire du Berrier, *John F. Kennedy* và *Chiến Tranh Việt Nam* của John Newman, *The Politics of Heroin in Southeast Asia* của Alfred W. McCoy, *War Crimes In Vietnam* của Bertrand Russell, *Vụ Ám Sát Ngô Đình Diệm & J.K Kennedy* của hai tác giả Bradley S. O’Leary & Edward Lee, *Bài Học Chiến Tranh Việt Nam Nhìn Từ Hậu Trường Chính Trị Hoa Kỳ* của Lương Minh Sơn, *Fire In The Lake* của Frances FitzGerald., *Our Own Worst Enemy* của William J. Lederer, cuốn *Tyrants History’s 100 Most Evil Despots & Dictators* của Nigel Cawthorne, *Sáu Tháng Pháp Nạn* của Giáo-sư Vũ Văn Mẫu, 1945-1964: *Việc Từng Ngày* của ông Đoàn Thêm, *Chất Độc Da Cam* và *Cuộc Chiến Việt Nam* của Nguyễn Văn Tuấn, v.v....

c.- Có rất nhiều cuốn sách khác của những người viết sử tài tử.

Viết sử tài tử có nghĩa là không được đào tạo trong ngành sử học, không có căn bản về sử học hay đã theo học ngành sử và dạy sử, nhưng lại thích viết sử với mục đích dương danh hay tỏ ra ta đây là người thông kim bác cổ, hoặc là để biện minh cho thế lực mà họ tôn thờ. Người viết đọc cả những cuốn sử này để thu thập tài liệu, còn những ý kiến hay nhận xét của các ông tác giả này thì tệ quá. Bộ *Việt Sử Khảo Luận* của tác giả Hoàng Cơ Thụy, cuốn *Việt Nam 1945-1995* của Lê Xuân Khoa và cuốn *Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm* của tác giả Hoàng Ngọc Thành & Thân Thị Nhân Đức thuộc loại những tác phẩm này. Cũng nên biết ông Hoàng Ngọc Thành theo học bậc trung học mà chương trình học do các nhà truyền giáo hay tu sĩ Ca-tô ở hậu trường làm ra (có chủ trương không cho học sinh học toàn bộ quốc sử và cũng không cho học toàn bộ các bài học lịch sử thế giới). Trước khi đi du học ở Hoa Kỳ, ông Thành là giáo viên phụ trách môn Việt Văn. Không biết tại sao, khi đi du học ở Hoa Kỳ, ông lại chọn môn sử. Có tin cho biết luận án tiến sĩ của ông có đề tài là “*Tiểu Thuyết Trong Nền Văn Học Việt Nam*”. Có thể tin này là không đúng. Tuy nhiên, căn cứ vào cuốn *Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm*, thì ông quả thật là người viết sử tài tử với chủ đích là tôn vinh ông Ngô Đình Diệm.

d.- Người viết xin miễn bàn những cuốn ngụ thư của các tác giả có chủ trương chạy tội cho Giáo Hội La Mã cũng như chạy tội cho chế độ Ngô Đình Diệm và cá nhân ông ta. Đọc những tác phẩm của các ông Nguyễn Văn Chức, Cao Thế Dung, Lữ Giang, Minh Võ, Nguyễn Kim Khánh (Phan Thiết), Lâm Lễ Trinh, Tôn Thất Thiện, Phạm Đăng Lưu, hay những bài viết của các ông Nguyễn Văn Trung,

Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Vy Khanh, Hoàng Thái Du, Hoàng Lạc, Hà Mai Việt, Vĩnh Phúc, Trần Gia Phụng, v.v... sẽ thấy là vừa gây ngỗ vừa lươn lẹo với những thủ đoạn bóp méo sự thật, xuyên tạc lịch sử với dã tâm tôn vinh chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa, vừa che giấu hay bùng bít những việc làm tội ác chống lại nhân loại (riêng của Nhà Thờ Vatican), chống lại dân tộc và tổ quốc Việt Nam của Nhà Thờ Vatican và của tín đồ Ca-tô người Việt, trong đó có anh em Ngô Đình Diệm.

Thứ ba- Về câu nói, “*Về phía bị cáo, không có người lên tiếng... vì ... bị uy hiếp, đe dọa, tố giác, phải im hơi lặng tiếng*”, câu nói này là những lời nói bịa đặt, ngược ngao và vu khống. Chính quyền Cách Mạng 1/11/1963 chỉ tồn tại có 90 ngày (2/11/1963-20/1/1964). Sau đó, Tướng Khánh lên cầm quyền. Chính quyền của Tướng Khánh có nhiều người của chế độ Ngô Đình Diệm. Rồi dần dần phe cánh của chế độ Diệm trở lại hoành hành, làm mưa làm gió trên sân khấu chính trị miền Nam. Kể từ đó cho đến ngày 30/4/1975, tại miền Nam Việt Nam, không có một cuốn hồi ký nào của những người ngoài đạo Ca-tô nói về chế độ ông Diệm, ngoại trừ một vài cuốn sách của các nhà sư nói về cuộc tranh đấu của Phật Giáo và một vài cuốn hồi ký nói về ông Diệm và chế độ ông Diệm như những cuốn *Nhật Ký Đỗ Thọ*, *Biến cố 11-11-1960* của Giáo Sư Trần Tương, cuốn *Chín Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm*. Trong khi đó thì các sách của những người đồng đạo với ông Diệm đua nhau xuất hiện để chạy tội cho cái chế độ khốn nạn này. Đó là những cuốn *Bên Giòng Lịch Sử* của Linh-mục Cao Văn Luận, *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống* của Cao Thế Dung và Lương Khải Minh, v.v... Ngoài ra, lại còn có tờ báo *Xây Dựng* của Linh Mục Nguyễn Quang Lãm và tờ *Hòa Bình* của Linh-mục Trần Du nữa. Hai tờ báo này được coi như là hai cái loa để chạy tội và đánh bóng cho anh em ông Diệm và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa.

Sau ngày 30/4/1975, mới bắt đầu có những cuốn hồi ký và những cuốn sử xuất hiện ở hải ngoại nói về ông Ngô Đình Diệm và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa. Thế nhưng, trong thực tế, những phương tiện truyền thông và các cộng đồng người Việt ở hải ngoại đa số đều do các ông tu sĩ và tín đồ Ca-tô kiểm soát và khống chế. Vì thế mà các tác phẩm này bị chặn đứng không được phổ biến rộng rãi, các tiệm sách “được rĩ tai với lời lẽ hăm dọa” không được bán các tác phẩm này (trong đó có tác phẩm của người viết). Các tác giả viết về sự thật của Giáo Hội La Mã và của các chế độ miền Nam đều trở

thành nạn nhân của các ông Ca-tô và những người chống Cộng cực đoan. Các nạn nhân này bị khủng bố, bị bói móc đời tư và bị gán cho nhiều điều xấu xa do các ông văn nô Ca-tô bịa đặt ra rồi gán cho họ với dã tâm bêu xấu và sỉ nhục. Nạn nhân của họ là các tác giả Đỗ Mậu, Lê Hữu Dân, Nguyễn Chánh Thi, Vũ Ngự Chiêu, Phạm Văn Liễu, Hoàng Văn Giàu, Charlie Nguyễn, Trần Chung Ngọc, Nguyễn Mạnh Quang, v.v... Sự kiện này nói lên cái **bản chất ngược ngạo ăn không nói có, quay quắt, lắt léo, lươn leo, lưu manh, xảo trá của bọn văn nô Ca-tô** nói chung, ông Tôn Thất Thiện nói riêng, và cũng là nói lên cái nếp sống văn hóa Ca-tô của họ là như thế!

2.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

*“Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, tình hình càng ngày càng rối loạn và suy sụp, cơ cấu dân sự cũng như quân sự của Miền Nam tan rã, tạo điều kiện cho Cộng sản tung hoành. Chỉ hai năm sau, 1965, quân Cộng sản đến Đồng Xoài, sát Sài Gòn, khiến Tổng Thống Johnson phải đưa quân Mỹ ào ạt can thiệp vào Việt Nam. Sự can thiệp trực tiếp này làm cho Miền Nam hoàn toàn mất chính nghĩa, và bảo đảm sự thắng trận của Cộng sản năm 1975, buộc hàng triệu người miền Nam phải bỏ xứ chạy ra ngoại quốc tị nạn.”*

**NHÂN XÉT:** Nội dung của đoạn văn này chỉ là ý kiến chủ quan và nặng tính cách võ đoán, chứ không phải là sự kiện. Nguyên nhân của sự sụp đổ của miền Nam là Miền Nam không có chính nghĩa. Không có chính nghĩa thì không những **không được nhân dân ủng hộ mà còn bị chống lại mãnh liệt** để khử diệt. Không có chính nghĩa vì các nhà lãnh đạo các chính quyền miền Nam đều xuất thân từ hàng ngũ Việt gian, đã từng bán nước cho Liên Minh Xâm Lược Pháp – Vaican trong thời 1885-1945 và trong thời 1945-1954. Không những họ là những người vong bản, phản quốc, bất tài, không có khả năng chính trị, mà lại còn là hạng người siêu ích kỷ, chỉ nghĩ đến quyền lợi của cá nhân, luôn luôn tìm cách làm hài lòng quan thầy Vatican và Mỹ, không cần biết gì đến quyền lợi của đất nước và dân tộc. Ông Bảo Đại hưởng tiền chia chác của tổ chức tội ác Bình Xuyên theo phần trăm về nghiệp vụ nhập cảng lậu thuốc phiện sống từ Lào về Sài Gòn. Anh em ông Diệm dùng cả tổ chức mật vụ do Trần Kim Tuyến điều khiển, dùng cả Tòa Đại Sứ miền Nam ở Lào và máy bay của Không quân vào nghiệp vụ nhập cảng thuốc phiện sống từ Lào về Sài Gòn, và biến chính quyền Sài Gòn thành nguồn cung cấp thuốc phiện sống cho tổ chức nha phiện quốc tế ở Marseille. Tại Marseille, thuốc phiện sống được biến chế thành bạch phiện rồi chuyển sang

Bắc Mỹ để phân phối cho khách hàng tiêu thụ ở Hoa Kỳ. **Vì thế mà sử gia Alfred W. McCoy mới gọi chính quyền Ngô Đình Diệm là "Triều Đại Ngô Đình Diệm và Băng Đảng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu (Diem's Dynasty and the Nhu Bandits).** Sau khi ông Diệm bị lật đổ, việc buôn bán bất chính này chuyển sang tay các ông Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm và Đặng Văn Quang.<sup>[78]</sup>

Ghê gớm hơn nữa, chế độ Diệm Nhu là một chế độ bạo ngược ngoài sức tưởng tượng của loài người, đã tàn sát tới hơn 300 ngàn người trong những chiến dịch "làm sáng danh Chúa" được ngụy trang là những chiến dịch truy lùng Cộng Sản. Vì bạo ngược và dã man như vậy, **cho nên sử gia Nigel Cawthorne mới khẳng định ông Ngô Đình Diệm là một trong số 100 tên bạo chúa ác độc nhất trong lịch sử nhân loại.** Ngoài ra, lại còn vấn đề tham nhũng và buôn bán chức vụ trong chính quyền và trong quân đội nữa. Điều quan trọng hơn nữa là tất cả nhân viên chính quyền và quân nhân trong quân đội đều sống bằng đồng tiền do Mỹ viện trợ đài thọ. Khi Mỹ cúp viện trợ, thì cả chính quyền và quân đội đều rơi vào tình trạng rã ngũ tan hàng. Sự thực là như vậy, chứ không phải như ông Tôn Thất Thiện nói như trên.

### 3.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

*“Giới tị nạn gồm cả những người đã ủng hộ chế độ Cộng Hòa I lẫn những người đã tham gia và hoan hô đảo chánh tháng 11, 1963. Một số người đảo chánh không chối cãi được trong vụ giúp Cộng sản xâm chiếm Miền Nam đã viết hồi ký để biện minh cho mình, bằng cách tự tâng bốc mình, bôi xấu, hạ bệ và đổ lỗi cho người khác, đặc biệt là những đồng chí của họ trong cuộc đảo chánh đưa đến sự bại vong của đất nước. Tất nhiên, trong sự tố cáo, buộc tội này họ không quên Tổng Thống Ngô Đình Diệm và chế độ Việt Nam Cộng Hòa I, mà họ đã một thời hăng hái, khúm núm phục vụ, được nâng đỡ cất nhắc, và hưởng nhiều đặc ân, lợi lộc.”*

**NHÂN XÉT:** Bản thân anh em ông Ngô Đình Diệm, băng đảng Cần Lao Công Giáo cũng như cái thế lực Đen (bọn tu sĩ áo đen) ở hậu trường của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa và tất cả những người tôn thờ Ngô Đình Diệm tự nó đã là những gì xấu xa nhất, ghê tởm nhất trong xã hội loài người rồi. Nếu không tin thì cứ vào các thư viện hay Internet tìm đọc những tài liệu hay sách sử của các nhà viết sử có căn bản về sử học để kiểm nghiệm, và hãy đặt vấn đề TẠI SAO trong hơn 10 năm cuối cuộc đời, Giáo Hoàng John Paul II (1978-2005) đi đến

quốc gia nạn nhân nào của Giáo Hội **cũng phải xin lỗi lia lịa, tính ra đến cả hơn 100 lần?** Tại Sao Ngài lại cho tổ chức một buổi đại lễ vô cùng trọng thể tại Quảng Trường Peter (Rome) vào sáng ngày Chủ Nhật 12/3/2000 để chính Ngài và các vị chức sắc cao cấp trong giáo triều Vatican đứng ra cáo thú tội ác với Chúa trước sự chứng kiến của hơn nửa triệu người tại chỗ và hàng trăm triệu người theo dõi qua các màn ảnh truyền hình ở khắp mọi nơi trên thế giới? **Tại sao sử gia Alfred W. McCoy mới gọi chính quyền Ngô Đình Diệm là "Triều Đại Ngô Đình Diệm và Băng Đẳng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu (Diem's Dynasty and the Nhu Bandits?" Tại sao sử gia Nigel Cawthorne mới khẳng định ông Ngô Đình Diệm là một trong số 100 tên bạo chúa ác độc nhất trong lịch sử nhân loại?**

Điều khôi hài là cả Giáo Hoàng Paul II và các vị chức sắc cao cấp trong giáo triều Vatican chỉ cáo thú tội ác của Giáo Hội với Chúa Bô Jehovah và Chúa Con Jesus, mà không hề nói gì đến trách nhiệm phải bồi thường cho các quốc gia nạn nhân phải gánh chịu những cảnh khốn khổ thảm thương do chính Vatican gây ra, trong khi Chúa Bô Jehovah và Chúa Con Jesus chả liên hệ gì đến việc làm của Giáo Hội và cũng chẳng có bị thiệt hay hại tổn thương gì cả. Nhà Thờ Vatican đã sinh đẻ, nuôi dưỡng, đã tạo nên con người anh em nhà Ngô cũng như những đồng đạo của họ và dựng nên cái chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa lưu manh, lươn lẹo và khốn nạn như thế đó!

Luận điệu trên đây của ông Tôn Thất Thiện rõ ràng là luận điệu lưu manh, lươn lẹo của Vatican đã truyền dạy cho bọn cuồng nô vô tổ quốc *“thà mất nước, chứ không thà mất Chúa”*, cái luận điệu của những kẻ đã thấm nhuần những ác tính mà chúng tôi đã nêu lên trong Phần II, Điều 1, nói về những điểm khác nhau giữa chúng ta và họ..

#### 4.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

*“Những người thuộc Việt Nam Cộng Hòa I thì được đặt vào một vị trí khác: vị trí của những người có lý do chính đáng để tố cáo những kẻ đã tổ chức và lật đổ chế độ Ngô đình Diệm, vì sự thực quá rõ ràng, không thể nào làm ngơ và chối cãi được. Nhưng trong những năm đầu họ phải lo làm lại cuộc đời vì họ phải bỏ xứ chạy ra ngoại quốc với hai bàn tay trắng, nên không lên tiếng được. Phần khác, những người biện hộ thực sự cho Ông Ngô Đình Diệm, gia đình Ông và chế độ Việt Nam Cộng Hòa I không phải là những người thực thân cận với Ông và gia đình Ông, trong khi chỉ có tiếng nói của những người như vậy mới có uy lực, vì, là những nhân chứng trực tiếp và thân cận, họ mới biết rõ và hiểu rõ được những gì đã xảy*

ra.”

**NHÂN XÉT:** Đoạn văn này chứng tỏ ơn Tôn Thất Thất Thiện thiếu thông minh. Có ai là những chứng nhân trực tiếp và thân cận với ông Diệm bằng cựu Tướng Lansdale, người đã từng đem toán lính đạo từ Phi Luật Tân về Sài Gòn để bảo vệ ông Diệm trong những ngày đầu khi ông ta mới về cư ngụ ở trong Dinh Độc Lập, đã từng bốn ba đến tận Núi Bà Đen đem tiền đến mua Đại Tá Cao Đài Trình Minh Thế về với ông Diệm, đã từng lặn lội liêu minh đi tới miền Tây để trực tiếp thuyết phục và mua hai tướng Hòa Hảo Năm Lửa Trần Văn Soái và Nguyễn Giáo Ngộ về cho ông Diệm. Tổng số tiền mua mấy ông tướng Cao Đài và Hòa Hảo này lên đến 12 triệu My kim, [79] đã từng phá vỡ âm mưu của Tướng Nguyễn Văn Hinh và Đảng Con Ó của ông tướng này trong những ngày từ tháng 9 đến tháng 11/1954. Có ai gần gũi với ông Diệm bằng những người như Đại Úy Đỗ Thọ, cựu Tướng Đỗ Mậu, cựu Tướng Nguyễn Chánh Thi, cựu Tướng Trần Văn Đôn, Cựu Tướng Huỳnh Văn Cao, ông Đoàn Thêm, và ông Ca-tô Nguyễn Trân.

Có một điều ông Tôn Thất Thiện và những người mang cùng căn bệnh “*thà mất nước, chứ không thà mất Chúa*” cần nên biết là ở Hoa Kỳ, nếu được gọi đi làm phụ thẩm (juror) và nếu được chọn vào làm một phụ thẩm của một vụ án nào, luật sư của cả hai bên nguyên cáo và bị cáo đều hỏi xem đương sự có liên hệ thân thiết gì (thân nhân hay bạn bè) với bị cáo hay nguyên cáo không? Nếu có, đương sự sẽ bị cả luật sư bên bị cáo và bên nguyên cáo bác bỏ, vì họ cho rằng đương sự thiếu tinh thần vô tư. Rất tiếc là ông Tôn Thất Thiện có bằng tiến sĩ về kinh tế, đã từng làm tổng trưởng bộ thông tin, đã hơn 80 tuổi rồi mà không biết điều này. Chúng ta không biết phải nên gọi tình trạng không biết này của ông Tôn Thất Thiện là “dốt” hay “ngu”.

#### 5.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

*“Tất nhiên, rất ít những người hội đủ những điều kiện trên đây. Sau 1975, cũng có một số sách báo biện hộ cho Ông Diệm, chế độ và gia đình Ông, nhưng những sách báo này không có tác dụng thực sự thuyết phục được độc giả, vì tác giả không phải là nhân chứng trực tiếp và là những người có đủ uy thế để làm cho người đọc tin rằng tiếng nói của họ có thể nói là tiếng nói của anh em Ông Diệm. Còn một điều kiện nữa, cũng không kém phần quan trọng, là tiếng nói của họ phải được tin là trung thực, không bịa đặt, không thêu dệt, không thổi phồng, không xuyên tạc, vì tình cảm hay ân oán cá nhân. Riêng về những tác phẩm của một số người tự nhận là sử gia thì thiếu điều*

*kiện căn bản của sử học: sưu khảo thấu đáo, đầy đủ, và trình bày một cách đĩnh đạc, khách quan, chính xác, vô tư, cân nhắc, cân bằng và công bằng, theo đúng những tiêu chuẩn của khoa học lịch sử.”*

**NHÂN XÉT:** Sở dĩ những sách báo biện hộ cho ông Diệm không có sức thuyết phục là vì tác giả các sách báo này không thể nào phản bác được những sự thật lịch sử. Những tác giả của những tác phẩm có chủ trương biện hộ cho ông Diệm và biện hộ cho chế độ Đế Nhất Cộng Hòa đều không có căn bản sử học trong đó có các ông Tôn Thất Thiện, Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Vy Khanh, Hoàng Thái Du, Nguyễn Kim Khánh, Nguyễn Văn Chức, Cao Thế Dung, Lữ Giang, Minh Võ, Vĩnh Phúc, v.v....

Nói rằng tiếng nói của những người biện hộ cho ông Diệm là “trung thực, không bia đặt, không thù dệt....” là nói láo, nói láo chuyên nghiệp. Hãy đem bất kỳ tác phẩm của những người có tên trên đây ra đọc xem thì sẽ thấy rõ.

**6.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Trong những năm gần đây mới có một số tác phẩm đáp ứng những điều kiện trên đây. Trong số đó có 3 tác phẩm sau đây đáng được để ý:*

*a.- Nhớ lại những ngày ở cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm, của Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ.*

*b.- Dòng Họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt, của ông Nguyễn Văn Minh.*

*c.- Đế Nhất Cộng Hòa Việt Nam, Một cuộc cách mạng, của Tiến sĩ Phạm Văn Lưu, và Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn.”*

**NHÂN XÉT:** Hai tác giả trong mục a và b đều là những người không có căn bản sử học và là những người viết sử tài tử với mục đích duy nhất là chạy tội cho ông Diệm và chạy tội cho chế độ của ông ta. Người viết xin miễn bàn.

Về hai tác giả trong mục c, thiết tưởng rằng nếu đem so hai ông tác giả này với các tác giả có tác phẩm đã được nêu lên nơi Mục b trong phần nhận xét về đoạn văn số 1 ở trên, thì chỉ là tên thợ mới tập tễnh vào học nghề. Độc giả có thể vào thư viện hay internet để tìm hiểu những tác giả này.

Hơn nữa, ông Phạm Văn Lưu lại là con trai của người con nuôi của ông Ngô Đình Khôi (vừa là tín đồ Ca-tô, vừa là thân nhân của gia đình Nhà Ngô.) Như vậy, chúng ta có thể nhìn ra tính cách thiếu vô tư của ông Tiến-sĩ Phạm Văn Lưu rồi.

**7.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Những tác phẩm trên đây là những tác phẩm có thể tin được về phương diện chính xác, đúng đắn, vì các tác giả của các tác phẩm đó hội đủ những điều kiện trên, đặc biệt là họ không có quan hệ gia đình gì với Họ Ngô, mà cũng không được hưởng ân huệ gì của chế độ Việt Nam Cộng Hòa I. Những tác phẩm này ra đời đúng lúc: những năm gần đây vẫn đề xét lại lịch sử Việt Nam được đặt ra và càng ngày càng được hưởng ứng. Giai đoạn 1954-1963, giai đoạn Ngô Đình Diệm cầm quyền, là một giai đoạn rất sôi động nhưng lại chưa khảo xét đầy đủ và đúng đắn, và nay cần được chú ý nhiều hơn. Cho nên những tác phẩm trên đây có tác dụng góp phần quan trọng vào sự soi sáng lịch sử giai đoạn này, và rất đáng hoan nghênh.”*

**NHÂN XÉT:** Đoạn văn này cho chúng ta thấy rõ ông Tôn Thất Thiện không biết gì về phương cách thẩm định một tác phẩm lịch sử. Ai cũng biết rằng người viết sử càng được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi của chế độ hay càng có liên hệ mật thiết với nhà cầm quyền, thì tác phẩm của họ càng thiếu tính cách vô tư. Như đã nói trong phần nhận xét về đoạn văn số 6 ở trên, ông Đạ-tá Nguyễn Hữu Duệ vừa là tín đồ Ca-tô, vừa là người được hưởng những đặc quyền đặc lợi trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, được giao phó cho nắm giữ một chức vụ chỉ huy trong Liên Đoàn Phòng Vệ Tổng Thống Phủ, và thời Đệ Nhị Cộng Hòa, cũng vì là tín đồ Ca-tô, ông Duệ được cho làm tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên.

Về ông Tiến-sĩ Phạm Văn Lưu, ông này vừa là tín đồ Ca-tô, vừa là con của người con nuôi của ông Ngô Đình Khôi. Yếu tố này đã nói lên cái đặc tính thiếu vô tư của ông Tiến-sĩ Phạm Văn Lưu rồi.

Còn hai ông Nguyễn Văn Minh và Tiến-sĩ Nguyễn Ngọc Tấn, người viết không biết rõ có phải họ là tín đồ Ca-tô “ngoan đạo” hay Không. Nếu họ là tín đồ Ca-tô “ngoan đạo”, vấn đề này đã được trình bày khá đầy đủ trong Điều 36, Phần II ở trên rồi. Nếu họ không phải là tín đồ Ca-tô “ngoan đạo”, xin hãy đọc tác phẩm của họ rồi mới có thể thẩm định được.

Có một điều chúng ta cũng nên biết rằng hầu như bất kỳ nền văn hóa nào cũng có một thành ngữ để nói về tình trạng những kẻ giống nhau thì tụ họp với nhau. Người Trung Hoa nói, “Chu tâm chu (nguru tâm nguru), mã tâm mã”, “anh hùng tương ngộ”. Người Pháp nói, “Les grands hommes se rencontrent.”, “Dis-moi qui tu hantes, je te dirai qui tu es.” Và “Qui se ressemble s’ assemble.” Người Anh nói, “Births of a feather flock together”, và người Việt Nam ta cũng nói, “Hễ giống nhau thì hợp với nhau”, và “Rau nào sâu đó”.

Do đó, chúng ta không lấy làm ngạc nhiên, khi thấy cựu Đại-tá Hà Mai Việt và cựu Tướng Ca-tô Hoàng Văn Lạc tụ lại với nhau để cùng viết cuốn sách có tựa đề là Nam Việt-Nam 1954-1975 (Alief, TX: TXB, 1990), mặc dù hai ông này không có căn bản về sử học.

Những điểm giống nhau của hai ông viết sử tài tử này là

a.- Giỏi lắm mới học xong lớp 12 bậc trung học.

b.- Khi còn theo học ở bậc trung học, không hề được học toàn bộ các bài sử từ A đến Z trong hai môn quốc sử và sử thế giới. Vấn đề này đã được nói rõ trong đoạn văn số 3 trong Phần I (vào đề ở trên).

c.- Cả hai người cùng được hưởng đặc quyền đặc lợi của chính quyền Miền Nam. Đầu năm 1975, Tướng Hoàng Lạc được chính quyền Sài Gòn cho nắm chức vụ Tư Lệnh Phó Quân Đoàn I dưới quyền Tư Lệnh của Trung Tướng Ngô Quang Trưởng. Cũng vào thời điểm này, Đại-tá Hà Mai Việt được chính quyền Sài Gòn cho nắm giữ chức vụ Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 25 trú đóng tại Củ Chi dưới quyền Tư Lệnh của Thiếu Tướng Ca-tô Lý Tòng Bá.

d.- Ngày 26/3/1975, Tướng Ca-tô Hoàng Lạc tìm cách xin phép Tướng Ngô Quang Trưởng về Sài Gòn lấy cớ là đến Bộ Tổng Tham Mưu xin tăng viện, rồi ở luôn Sài Gòn. Tình trạng này bị coi là đào ngũ, bỏ nhiệm sở khi quân lính dưới quyền đang phải trần mình chiến đấu hết sức gay go chống lại những đợt tấn công như vũ bão của quân đội miền Bắc. Vì tội đào ngũ này, Tướng Hoàng Lạc bị Tướng Trần Văn Đôn, Bộ Trưởng Quốc Phòng, tổng giam tại Bộ Tổng Tham Mưu cho đến những ngày chót của tháng 4/1975. [\[80\]](#)

Ngày 26/4/1975, giữa lúc Sư Đoàn 25 Bộ Binh đang phải chiến đấu chống lại những đợt tấn công của quân đội miền Bắc ở Củ Chi, thì Đại-tá Hà Mai Việt đã móc nối được với người bạn Mỹ bảo đảm đưa lên máy bay ra khỏi Việt Nam. Thế là ông đại tá này, bỏ đơn vị, bỏ lính dưới quyền, cuốn gói đem hết toàn bộ gia đình và thân nhân ruột thịt lên máy bay “téch” khỏi Việt Nam vào ngay chiều ngày hôm đó. Trong khi đó, vị tư lệnh Sư Đoàn 25 là Tướng Ca-tô Lý Tòng Bá, cũng bỏ đơn vị, bỏ lính, trốn khỏi nhiệm sở, cởi bỏ quân phục, chỉ còn mặc có cái quần đùi, đang lóp ngóp trên một khu ruộng lúa thì bị dân quân địa phương tóm cổ, nộp cho nhà hữu trách của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, rồi bị đưa đi trại cải tạo học tập hơn mười năm trời.

Vì những điểm giống nhau như trên, cho nên, khi sang Mỹ, cựu Tướng Ca-tô Hoàng Lạc và cựu Đại-tá Hà Mai Việt đã tụ lại với nhau để cùng viết cuốn sách Nam Việt-Nam 1954-1975 để dương danh, tỏ

ra ta đây cũng là người thống kim bác cổ, và cũng là để biện minh cho cái chế độ cũng như cái thể lực mà họ tôn thờ.

Qua phần trình bày trên, chúng ta suy ra việc ông Tiến sĩ Phạm Văn Lưu, và Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn tụ lại với nhau viết cuốn sách “Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam, Một cuộc cách mạng” và việc ông Tôn Thất Thiện ca tụng các tác phẩm của các ông Nguyễn Hữu Duệ, Nguyễn Văn Minh, Phạm Văn Lưu và Nguyễn Ngọc Tấn thì cũng là cái chuyện “mèo khen mèo dài đuôi”, một nét độc đáo của nền văn hóa Ca-tô mà thôi!

Sự thật rành rành là như vậy. Ấy thế mà ông Tôn Thất Thiện không biết. Tình trạng không biết (dốt nát) này của ông Thiện âu cũng là do ông Thiện đã theo học các trường học có mục đích “*đào tạo thanh thiếu niên theo tinh thần Công Giáo*”, cho nên ông Thiện mới viết như vậy!.

**8.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Tác phẩm của hai Tiến sĩ Phạm Văn Lưu và Nguyễn Ngọc Tấn không thuộc về loại hồi ký/hồi ức như các tác phẩm của hai ông Duệ và Minh. Nó là một công trình sử học, đúng nghĩa của nó, nghĩa là thỏa mãn những tiêu chuẩn về khoa học của những trường đại học lớn của thế giới: khảo sát tường tận, hoàn toàn khách quan, dữ kiện được cân nhắc kiểm tra kỹ lưỡng, trình bày một cách bình tĩnh, vô tư, ngôn ngữ đĩnh đạc. Nó thỏa mãn những điều kiện trên vì nó trích từ những luận án tiến sĩ của hai tác giả.”*

**NHÂN XÉT:** Người viết không có dịp đọc tác phẩm của ông tiến-sĩ này, xin miễn bàn.

**9.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Hai tác giả trên đây tốt nghiệp từ Đại Học Monash University ở Melbourne, Úc, và đã từng là giáo sư của đại học đó. Họ đã chọn Việt Nam và giai đoạn Ngô Đình Diệm là đề tài luận án tiến sĩ, và những bài họ viết được trích từ luận án của họ. Năm nay (2006), họ đều 62 tuổi, nghĩa là trong thời gian 1954-1963 họ còn là học sinh nên không có liên hệ gì với chế độ Cộng Hòa I. Họ cũng không có những quan hệ gia đình gì với Họ Ngô. Sau khi đến Úc, họ theo học các đại học nói trên, và họ đã bỏ rất nhiều công đi sưu khảo tại rất nhiều nơi có chứa tài liệu dồi dào liên quan đến Việt Nam: Bảo Tàng Viện Chiến Tranh Úc; East-West Center, Đại Học Hawaii; Archives of Indochina, Đại Học Berkely, CA; Thư Viện của Austin University, Texas; Đại Học Harvard; Đại Học Cornel, Ithaca, NY; Thư Viện Eisenhower, Thư Viện Kennedy, Thư Viện Johnson, và Library of*

*Congress, Washington DC. Cuối cùng, sau khi tốt nghiệp, họ đã giảng dạy ở những đại học Úc, và vị thế này bắt buộc họ phải phải vô tư để giữ uy tín đường dẫn của mình và ... khỏi mất việc. Như thế ta có thể chắc về tính chất khả tín của những gì họ viết; chính xác, vô tư, và đúng đắn.”*

**NHÂN XÉT:** Bằng cấp hay học vị chỉ là cái áo khoác ở ngoài. Nội dung của tác phẩm mới là quan trọng. Chẳng lẽ ông Tôn Thất Thiện có bằng tiến sĩ về môn Kinh tế, đã từng nắm giữ những chức vụ quan trọng trong chế độ quân phiệt Ca-tô Nguyễn Văn Thiệu và đã hơn 80 tuổi mà lại không biết những thành ngữ “tốt mẽ rẻ cùi”, “tốt gỗ hơn tốt nước sơn” và “chiếc áo không làm nên thầy tu” hay sao? Năm 2006, cả hai ông Phạm Văn Lưu và Nguyễn Ngọc Tấn mới có 62 tuổi, tức là họ sinh vào năm 1944. Lấy năm 1956 là năm ông Diệm bắt đầu leo lên đến tột đỉnh quyền hành và phát động những chiến dịch “làm sáng danh Chúa” tàn sát hơn 300 ngàn lương dân vô tội khiến cho sách sử ghi nhận ông ta là một trong số 100 tên bạo chúa ác độc nhất trong lịch sử nhân loại, thì lúc đó hai ông sử gia này mới có 12 tuổi, cái tuổi vừa mới học xong tiểu học. Với cái tuổi này, liệu hai ông sử gia này chứng kiến được những cái gì gọi là tội ác hay gọi là tốt đẹp do ông Diệm và chế độ của ông ta đã làm và đang làm? Người viết xin nhường cho độc giả tìm ra câu trả lời cho vấn đề này và đánh giá cái trình độ thông minh của ông Tôn Thất Thiện khi ông ta đưa ra cái luận cứ như vậy.

**10.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Quyển “Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam 1954-1963: Một Cuộc Cách Mạng”, có 229 trang, có 5 chương. Hai chương 4 và 5 không quan hệ lắm vì nó chỉ chứa một số hình ảnh về các cuộc viếng thăm các quốc gia bạn, hay đăng lại một số diễn văn của Tổng Thống Diệm. Ba chương còn lại là những chương đáng chú ý. Chương 1 và Chương 3 của Tiến sĩ Phạm Văn Lưu soạn, nói về “Những thách thức nghiệt ngã khi về nước chấp chánh” và “Thành quả 9 năm cầm quyền”; Chương 2, do Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn soạn, nói về “Chủ Nghĩa Nhân Vị, Con đường mới, Con đường tiến bộ.”*

**NHÂN XÉT:** chẳng lẽ ông Tôn Thất Thiện lại không biết ông Diệm được Mỹ và Vatican đưa về cầm quyền ở Việt Nam hay sao? Nếu biết rõ như vậy, thì ông Thiện cũng biết tất cả những hình ảnh viếng thăm các nước bạn của miền Nam đều do Mỹ lo liệu cả. Nếu không biết như vậy, ông Thiện quả thật là quá tệ!

Về câu nói “Những thách thức nghiệt ngã (đối với ông Diệm)

khi về nước chấp chánh”, đây chỉ là những thách thức của các thế lực người Việt thân Pháp (Việt gian bán nước cho Pháp) được Pháp ngầm giúp đỡ chống lại những thế lực người Việt thân Mỹ (Việt gian bán nước cho Vatican và cho Mỹ) được Mỹ tích cực và triệt để ủng hộ bằng đô-la, bằng quân sự và bằng viện cố vấn lão luyện và có tài tổ chức là Đại-tá Lansdale. Xin đọc cuốn hồi ký Tôi Làm Quân Sư Cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm của cựu Tướng E. G Lansdale và các tác phẩm đã được nêu lên trong mục b trong phần nhận xét về đoạn văn số 17 ở dưới.

Về “Thành quả 9 năm cầm quyền”, người viết không biết ông Tiến sĩ Phạm Văn Lưu nói những gì. Có một điều không ai có thể phủ nhận được là “*Thành quả 9 năm cầm quyền*” của ông Ngô Đình Diệm là:

a.- Hơn 300 ngàn lương dân bị sát hại trong những chiến dịch làm sáng danh Chúa.<sup>[81]</sup>

b.- “Ngày 30/11/1961, Tổng Thống John F. Kennedy phê chuẩn cho quân đội Mỹ tiến hành chiến dịch khai quang đồng cỏ Việt Nam. Quyết định này được Ngô Đình Diệm, lúc đó là Tổng Thống Nam Việt Nam ủng hộ nhiệt liệt. Diệm cho rằng ông ta “biết cộng sản ở đâu” và tin rằng chiến dịch này sẽ thành công mỹ mãn.”<sup>[82]</sup>

Hậu quả của việc làm đại ác này là: “*Quân đội Mỹ rải 77 triệu lít chất độc da cam xuống miền Nam và Trung Việt Nam, gây ảnh hưởng và tác hại đến môi trường của 2,630,000 mẫu Tây và gần 5 triệu người sống trong 35,585 thôn ấp.*”<sup>[83]</sup>

c.- Bảo quản khối bất động sản khổng lồ của Vatican. Khối tài sản này là của ăn cướp mà Vatican đã dựa vào chính quyền Liên Minh Thực Dân Xâm Lược Pháp – Vatican trong những năm 1862-1954 để cưỡng đoạt của nhân dân ta. Năm 1956, chính quyền Mỹ đã làm chương trình cải cách ruộng đất rồi viện trợ tiền và thôi thúc ông Diệm phải thực thi chính sách cải cách điền địa, truất hữu ruộng đất của những điền chủ có từ 100 mẫu trở lên, số ruộng đất từ mẫu thứ 101 trở lên phải bị truất hữu, đem bán rẻ cho anh em nông dân nghèo để tranh thủ nhân tâm (giành giật lòng dân) với hy vọng sẽ được khối nông dân ủng hộ chính quyền Sài Gòn. Nhưng ông Diệm đã lơ đi không rờ tới cái khối bất động sản khổng lồ này của Vatican. Sự kiện này được sử gia Joseph Buttinger ghi nhận như sau:

“*Ruộng đất do Giáo Hội La Mã làm chủ ước lượng vào khoảng 370 ngàn (370,000) mẫu không hề bị đụng (rờ) tới.*” (*Land held by the Roman Catholic Church, estimated about 370,000 acres was not*

subject to transfer.) [84]

“Thành quả 9 năm cầm quyền” của ông Ngô Diệm là như thế đó. Vì thế mà sử gia Nigel Cawthorne mới khẳng định ông Ngô Đình Diệm là một trong số 100 tên bạo chúa ác độc nhất trong lịch sử nhân loại.

Về chủ thuyết nhân vị của anh em ông Diệm, người viết xin miễn bàn vì nó chỉ đáng liệt vào sọt rác khi mà anh em ông Diệm đã tạo nên những “thành quả” ghê tởm khủng khiếp như trên.

**11.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Như đã nói ở trên, trong 50 năm qua, sách báo Việt Nam rất nhiều, nhưng phần lớn trong loại “khảo cứu” xuất phát từ các giới Tây Phương, đặc biệt là Hoa Kỳ hay xuyên tạc sự thực bối xấu Việt Nam, và đặc biệt là ông Diệm. Đó là vì, như David Horowitz, lãnh tụ phát động phong trào phản chiến “sit in” của Đại Học Berkeley, CA, trong thập niên 1960 thủ nhận sau khi đã bỏ và chống lại phong trào này trong thập niên 1980, những giới đại học và truyền thông Hoa Kỳ đã bị các tổ chức phản chiến và Cộng sản mang danh “cách mạng” xâm nhập, chi phối và áp đặt quan điểm “politically correct” (đúng về khía cạnh chính trị) của họ. Ông Diệm bị công kích bôi xấu đặc biệt vì Ông chống thực dân cả Pháp lẫn Mỹ đã gặt gao mà chống Cộng sản càng gặt gao hơn nữa. Phản khác, trên những kệ sách của các thư viện vắng bóng những tác phẩm loại “khảo cứu” của người Việt có đủ tầm thuyết phục phân bác lại các tác phẩm của những giới phản chiến và “cách mạng” trên đây. Có nhiều tác giả lại vô tình a dua người Tây Phương lập lại những luận điệu bôi xấu Việt Nam và lãnh tụ Việt Nam, nhất là lãnh tụ chống Cộng hữu hiệu như Ông Diệm.”*

**NHÂN XÉT:** Ông Tôn Thất Thiện nói rằng, “loại “khảo cứu” xuất phát từ các giới Tây Phương, đặc biệt là Hoa Kỳ hay xuyên tạc sự thực bối xấu Việt Nam, và đặc biệt là ông Diệm.”

Sự thật ngược lại, tất cả tác giả có tác phẩm biện minh cho ông Diệm và biện minh cho chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa Cộng Hòa mới là những người hay xuyên tạc sự thực. Thực ra, không có loại “Khảo cứu” nào nói xấu Việt Nam cả, mà chỉ nói lên những sự thật về những việc làm tội ác của anh em ông Diệm và tập đoàn tu sĩ áo đen thậm thụt ra vào Dinh Độc Lập và Dinh Gia Long thôi. Xin đừng đồng hóa anh em ông Diệm và chính quyền của ông ta với Việt Nam và dân tộc Việt Nam. Xin nhớ cho rằng anh em ông Diệm, như đã trình bày trong Phần II ở trên, chính quyền của ông ta luôn luôn đứng vào thế

đổi nghịch với tuyệt đại khối nhân Việt Nam sống theo nếp sống cổ truyền của dân tộc. Nói cho rõ hơn là ông Diệm, thiếu số tín đồ Ca-tô và Nhà Thờ Vatican luôn luôn chống lại tổ quốc và dân tộc Việt Nam.

Như đã nói ở trên, vì “*Giáo Hội cần có một nền giáo dục công giáo độc lập như một môi trường thiết yếu, không những để truyền bá giáo lý mà còn để đào tạo thanh thiếu niên theo tinh thần công giáo*”, cho nên thanh thiếu niên Công Giáo **không được** học toàn bộ những bài học từ A đến Z của môn quốc sử và thế giới sử. Hậu quả thứ nhất của nền giáo dục này là trong thời Liên Minh Pháp – Vatican thống trị Việt Nam 1885 -1945 và ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1954-1975, rất ít có tài liệu lịch sử được phổ biến (vì bị chính quyền kiểm soát gắt gao.) Trường hợp bộ Lịch Sử Thế Giới của cụ Nguyễn Hiến Lê bị tịch thu, tác giả bị si và là đầu óc đầy rác rưởi, và bị mặt vụ rình mò là bằng chứng rõ ràng nhất cho sự kiện này. Hậu quả thứ hai là trong những năm này, hầu như không có sinh viên Việt Nam du học ở ngoại quốc theo học môn sử học cả. Đây là lý do TẠI SAO mà những kệ sách của các thư viện ở Bắc Mỹ và ở Âu Châu vắng bóng những tác phẩm loại “khảo cứu” của người Việt. Và nếu có, thì những tác phẩm sử của họ sẽ giống như các tác phẩm sử của các nhà viết sử Tây Phương. Bằng chứng là các tác phẩm lịch sử của Linh Mục Trần Tam Tỉnh, của Tiến-sĩ Cao Huy Thuần, của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thọ, Tiến sĩ Vũ Ngự Chiêu, của ông Lê Thành Khôi, v.v... đều ghi lại những sự kiện lịch sử một cách trung thực và đều có những nhận xét khách quan và thuận lý như các nhà viết sử chân chính ở các nước Âu Mỹ.

Thật ra, các nhà viết sử Tây Phương đều nói lên những sự thật về những việc làm xấu xa và tội ác của ông Diệm và của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa, chứ không phải nói xấu ông Diệm. Độc giả chỉ cần đọc mấy cuốn *The Politics of Heroin in Southeast Asia* của Alfred W. McCoy, cuốn *Vụ Ám Sát Ngô Đình Diệm & J.K Kennedy* của hai tác giả Bradley S. O’Leary & Edward Lee, cuốn *War Crimes In Vietnam* của Bertrand Russel, cuốn *Vietnam: A History* của Stanley Karnow và cuốn *Fire In The Lake* của Frances FitzGerald cũng đủ biết những việc làm tội ác và xấu xa của anh em ông Diệm ghê gớm và kinh khủng như thế nào rồi!

## 12.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

*“Vì lý do trên đây, không ít người Việt phe “quốc gia” thường có mặc cảm xấu hổ hay nghi hoặc về xứ sở, dân tộc, và các lãnh đạo của Việt Nam khi nghĩ hay bàn về thời sự. Riêng về Ông Ngô Đình*

*Diệm, thì họ lại càng chê bai, kết tội hơn nữa, và những gì tốt về Ông thì không nói đến.”*

**NHÂN XÉT:**

a.- Những người còn có lương tâm và có liêm sỉ mới thường có mặc cảm xấu hổ khi nghĩ về các nhà lãnh đạo của (miền Nam) Việt Nam.

b.- Sự thực, ông Diệm có cái gì tốt đâu mà những người có lương tâm và có liêm sỉ nói tới.

**13.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Khuyết điểm trên đây cũng dễ hiểu. Muốn xuất bản một tác phẩm, đặc biệt là một luận án đại học cấp tiến sĩ, về lãnh vực chính trị có khả năng thuyết phục quyết định vì nó đưa ra những dữ kiện mới, những lối lập luận mới có tính cách quyết định không phản bác được, góp phần đáng kể vào sự soi sáng vấn đề nghiên cứu, cần phải sưu khảo tường tận, viếng nhiều thư viện khắp nơi trên thế giới để thu thập tài liệu. Đây là một công việc tốn nhiều thì giờ, nhiều công, nhiều của. Điều này phản ánh rõ ràng trong những chương kể trên của tác phẩm của hai ông Phạm Văn Lưu và Nguyễn Ngọc Tấn.”*

**NHÂN XÉT:** Người viết chưa có dịp đọc tác phẩm này của hai ông tiến sĩ trên đây. Rất tiếc là không thấy ông Tôn Thất Thiện nêu lên cái giá trị mà ông Thiện ca tụng. Rất mong được một học giả nào đã đọc tác phẩm này lên tiếng cho biết thực hư như thế nào! Có một điều ông Tôn Thất Thiện cần nên biết là muốn cho lập luận của mình có khả năng thuyết phục độc giả, thì phải đưa ra những bằng chứng hỗ trợ cho lập luận và phải thành thật trong cung cách hành văn, tức là thành thật với người đọc, chứ không thể nói vòng vo, quanh co và lươn lẹo để tránh né những sự thật gây bất lợi cho ông Diệm, cho chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa và cho Nhà Thờ Vatican.

**14.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Chương 1, của Phạm Văn Lưu, nói về thách thức mà Ông Diệm gặp phải trong hai năm 1954-1955 sẽ được bàn đến một cách khá chi tiết, vì nó chứa đựng nhiều điều mới mà người Việt Nam cần biết.”*

**NHÂN XÉT:** Xin xem lại lời nhận xét của đoạn văn số 10 ở trên.

**15.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Chương 2 của Nguyễn Ngọc Tấn, nói về thuyết Nhân Vị cũng vậy vì đây là lần đầu mà thuyết này được trình bày một cách tường tận, đầy đủ, và nhất là trung thực khách quan.”*

**NHÂN XÉT:** Xin miễn bàn về cái thuyết Nhân Vị của anh em ông Diệm vì người ta đã liệng nói vào sọt rác từ mấy chục năm trước khi anh em ông Diệm được Mỹ và Vatican đưa lên cầm quyền. Ông Nhu lượm nó đem về rồi nhân vợ là của ông ta để khoe khoang. Trong thực tế, nó không những đã không có ích gì cho nhân dân miền Nam, mà còn làm cho dân ta khốn khổ. Nhân vợ là một trong những bản chất xấu xa của Nhà Thờ Vatican và của tín đồ Ca-tô ngoan đạo mà chúng tôi đã trình bày khá rõ ràng trong Chương 11 (Phần II) trong bộ sách Lịch Sử và Hồ Sơ Tội Ác của Giáo Hội La Mã. Chương sách này đã được đưa lên sachhiem.net từ tháng 9/2007. Xin quý vị vào đây đọc chương sách này để biết tài nghệ nhân vợ của Nhà Thờ Vatican và của tín đồ Ca-tô ngoan đạo.

**16.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Chương 3, của Tiến Sĩ Lưu, nói về thành tích 9 năm cai trị của Ông Diệm cũng là một cái gì mới. Trong quá khứ, sách báo nói về Ông Diệm và chế độ Ông thường chú tâm vào khía cạnh chính trị - nhưng không đề cập đến những thành quả lớn mà Chính Phủ Ông đạt được trong 9 năm lãnh đạo, kiện toàn độc lập – lấy lại chủ quyền quốc gia trong tất cả các lãnh vực: chính trị, ngoại giao lẫn quân sự và kinh tế tài chánh – cải thiện đời sống của dân chúng bằng cách phát triển tất cả các lãnh vực hoạt động - kỹ nghệ, nông thôn, ngư nghiệp, chuyên chở, giáo dục ... Chương này rất phong phú về thông kê, cho độc giả một ý niệm rõ ràng về những thành tích lớn lao mà Việt Nam đã đạt được dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa I.”*

**NHÂN XÉT:** Về thành tích 9 năm cai trị của ông Diệm đã được nói ở phần nhận xét về đoạn văn số 11 ở trên. Ông Tôn Thất Thiện nói rằng ông Tiến-sĩ Phạm Đăng Lưu cho rằng ông Diệm đã có thành tích *“kiện toàn độc lập – lấy lại chủ quyền quốc gia trong tất cả các lãnh vực: chính trị, ngoại giao lẫn quân sự và kinh tế tài chánh...”*. Nếu đúng như vậy, thì ông Tiến-sĩ Phạm Văn Lưu nói láo và xuyên tạc lịch sử. Những người thấu hiểu lịch sử Việt Nam trong thời cận và hiện đại đều biết rằng mãi tới ngày **7/7/1954**, ông Diệm mới được Liên Minh Mỹ - Vatican đưa lên cầm quyền ở Việt Nam. Nhưng trước đó, ngay khi bị thảm bại tại Điện Biên Phủ vào ngày **7/5/1954**, Pháp muốn Mỹ nhảy vào cứu Pháp để Pháp có thể mà cả mà không bị bắt chẹt trong việc thương thuyết với chính quyền Kháng Chiến Việt Nam tại Hội Nghị Genève 1954. Thừa cơ, Mỹ làm áp lực đòi Pháp phải trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Pháp chấp nhận điều kiện này và đã trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam từ ngày **4/6/1954**. Như

vậy, là Pháp đã trả độc lập cho Việt Nam (chuyển nhượng Việt Nam cho Liên Minh Mỹ- Vatican). Sự kiện lịch sử này đều được sách sử ghi lại rõ ràng. Sách 1945-1964: Việc Từng Ngày viết:

*“4/6/1954: Ký Hiệp Ước Việt Pháp kiện toàn Độc Lập giữa các Thủ Tướng Bửu Lộc và Laniel:*

*Hiệp Ước I, là Hiệp Ước Độc Lập: (Traité d'indépendance) Pháp thừa nhận Việt Nam là một quốc gia hoàn toàn độc lập, có toàn vẹn chủ quyền, đầy đủ thẩm quyền theo quốc tế công pháp, sẽ chuyển giao hết các quyền hành và công sở còn giữ. ...”* [85]

Bằng chứng rành rành là như vậy. Nếu quả thực ông Tiến-sĩ Phạm Văn Lưu nói rằng, “ông Diệm đã có thành tích “kiện toàn độc lập – lấy lại chủ quyền quốc gia trong tất cả các lãnh vực: chính trị, ngoại giao lẫn quân sự và kinh tế tài chánh...” là xuyên tạc lịch sử, là nhận vơ. Nếu đúng như vậy, thì cái tác phẩm lịch sử này và cái bằng tiến sĩ của ông Phạm Văn Lưu nên liệng vào sọt rác. Thật là tội nghiệp cho cái bằng tiến sĩ của ông Phạm Văn Lưu và cũng nên đặt vấn đề làm thế nào ông Phạm Văn Lưu lại có được cái bằng tiến sĩ ngành sử học?

#### 17.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

*“Trong chương 1, TS Lưu đã dùng những từ ngữ “thách thức” và “nghiệt ngã” để nói về những trở ngại mà Ông Diệm gặp phải khi về nước chấp chánh và trong 2 năm đầu để giữ chính quyền. Hai từ ngữ này rất đúng. Ông Diệm đã gặp vô vàn trở ngại. Nhưng những trở ngại lớn nhất là chính phủ Pháp ở Paris hoặc Hoa Kỳ ở Washington, những viên chức Pháp và những tài phiệt Pháp ở Việt Nam gây ra trong việc tìm cách lật đổ Ông, một đảng bằng cách xúi dục những người Việt chống đối Ông dùng đủ mọi cách, kể cả quân sự, để gây bất ổn, một đảng bằng cách thuyết phục lôi kéo đại diện Chính Phủ Hoa Kỳ ở Paris, ở Sài Gòn, và ngay cả Ngoại Trưởng và Tổng Thống Hoa Kỳ ở Washington đứng ủng hộ Ông ấy nữa.”*

NHÂN XÉT: Về “thách thức” và “nghiệt ngã” trong hai năm đầu của ông Diệm, thực sự chỉ là những sự chống đối của những chính khách Pháp cấp tiến trên chính trường Pháp chống Giáo Hội La Mã. Đó là những chính khách như ông Pierre Mendès France (1907-1982) và các đồng chí của ông trong Đảng Xã Hội. Tại Mỹ, những người chống ông Diệm là những người Mỹ cấp tiến, những người Mỹ chủ trương theo đúng điều khoản “Tôn giáo tách rời khỏi chính quyền” và những người Mỹ đã tiếp xúc với ông Diệm nhận thấy rằng ông Diệm không có khả năng chính trị và lại “**ngu quá**”. Sự kiện này

được nhà viết sử Lương Minh Sơn ghi lại rõ ràng như sau:

“Tháng 10 năm 1950, Đức Hồng Y Spellman, Linh-mục McGuire, và ba nhân vật Ủy Viên Chính Trị (political churchmen) của một số giáo phái Thiên Chúa Giáo ở Hoa Kỳ như Cha Emmanuel Jacque, Giám-mục Carroll và Giáo-sư Edmund Walsh đưa Ngô Đình Diệm và Đức Cha Ngô Đình Thục đi gặp một số nhân viên của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ tại Khách Sạn Mayflower ở Washington. Ông Dean Rusk là một trong những nhân vật của Bộ Ngoại Giao có mặt trong buổi cơm tối hôm đó. Sau này, ông Rusk làm Ngoại Trưởng từ năm 1961 đến 1969. Mục đích của cuộc gặp gỡ xã giao này là để chính phủ Hoa Kỳ tìm hiểu về tình hình Việt Nam và để xác định lập trường của ông Diệm và Đức Cha Thục. Sự kiện 90% người dân Việt Nam không phải là tín đồ Thiên Chúa Giáo không làm cho ông Diệm quan tâm vì ông đã tuyên bố trong bữa cơm tối hôm đó rằng ông “tín tưởng vào quyền lực của Vatican và ông chống Cộng một cách cực lực,” [COO. Tr. 242].

Với hai yếu tố vì tôn giáo và vì chống Cộng, ông Diệm được Đức Hồng Y Spellman tiếp tục giới thiệu với William O. Douglas, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Allen Dulles, Giám Đốc Trung Ương Tình Báo CIA, và anh của ông Dulles là Ngoại Trưởng John Foster Dulles [MAN, Tr. 58]. Từ đó, ông Diệm trở thành con đáp số gần như mỹ mãn trong bài toán chính trị của một phe phái có ý muốn can dự vào Việt Nam:

1.- Chính sách đối ngoại đang đòi hỏi Hoa Kỳ phải xây dựng một thành trì chống Cộng ở Việt Nam.

2.- Ngoại Trưởng John Foster Dulles đang muốn tìm một lãnh tụ chống Cộng theo khuôn mẫu đạo đức và xã hội Thiên Chúa Giáo.

3.- Đức Hồng Y Spellman đang cần Hoa Kỳ thay thế Pháp ở Việt Nam, và cũng cần một giáo dân trung kiên như ông Diệm để lãnh đạo công cuộc chống Cộng như lời kêu gọi của Đức Giáo Hoàng Pius XII.

Điều còn lại sau cùng cho kế hoạch chính trị hỗn hợp này là làm thế nào để giải thích cho Hội Đồng Chính Phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ và kinh nghiệm chính trị và khả năng lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm? Tổng Thống Eisenhower cũng chỉ có thể trấn an Hội Đồng Chính Phủ bằng câu nói, “**Trong đám mù, thằng chột làm vua**,” [HER]. Điều này cho thấy: một là ông Diệm không có một thành tích chính trị nào đáng kể, hai là ông Diệm không có khả năng

*lãnh đạo, hoặc ba là người Mỹ hoàn toàn không biết gì về ông Diệm.*

*Đầu năm 1954, Ngoại Trưởng John Foster Dulles khuyến dụ Pháp khuyên nhủ Bảo Đại bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng.”[86]*

**Những người ủng hộ ông Diệm là những tín đồ Ca-tô Pháp và tín đồ Ca-tô Mỹ triệt để tuân hành lệnh truyền của Vatican và là những người có quyền thế trên sân khấu chính trị tại Pháp cũng như tại Mỹ.** Tại Pháp, những người này là ông Joseph Laniel (1889-1975), ông Georges Bidault (1889-1983) và đảng Ca-tô MRP (Mouvement Republique Populaire) của ông này. Tại Mỹ, những người Ca-tô triệt để ủng hộ ông Diệm là các ông John F. Kennedy (Thượng Nghị Sĩ), Mike Mansfield (Thượng Nghị Sĩ), Walter Judd (Dân Biểu), William Douglas (Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện), John Foster Dulles (Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao), Allen W. Dulles (Giám Đốc CIA), Francis Spellman (hồng y), McGuire (linh-mục), Emmanuel Jacque (linh-mục) Carroll (giám-mục), Edmund Walsh (giáo sư). Quan trọng hơn cả là ông John Foster Dulles nắm giữ chức vụ Bộ Trưởng Ngoại Giao và ông Allen W. Dulles nắm giữ chức vụ Giám Đốc CIA vì hai chức vụ này quyết định mọi vấn đề trong chính sách ngoại giao và quyết định số phận những người tại các quốc gia nhược tiểu được Mỹ đưa về cầm quyền làm tay sai cho Mỹ. Nhờ vậy mà phải ủng hộ ông Diệm đã thắng thế.

Tại Pháp, ngày 19/6/1954, ông Pierre Mandès-France và Đảng Xã Hội lên cầm quyền. Phe ông Laniel và Bidault bị loại ra khỏi chính quyền. Vì vậy mà chính quyền Pháp mới chống đối ông Diệm, nhưng lúc đó Pháp đã thất thế, và lại được Mỹ đấm mồm cho 100 triệu Mỹ kim để bỏ rơi ông Bảo Đại. Sự kiện này được sách sử ghi lại như sau:

*“Đầu năm 1955, trong một cuộc tranh chấp quyền lực với Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội miền Nam Việt Nam, một sĩ quan của Pháp đưa về để bảo vệ Bảo Đại, ông Diệm bị Bảo Đại bị cách chức vì lý do không còn được tín nhiệm. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đồng ý trả 100 triệu đô-la bằng viện trợ cho quân đội viễn chinh để Pháp chấm dứt sự ủng hộ ông Bảo Đại, nên ông Diệm có tư thế không tuân hành lệnh giải nhiệm. Ngày 23/10/1955, qua sự vận động của tình báo Hoa Kỳ và một số văn bút ở Sài Gòn, ông Diệm tổ chức một cuộc trưng cầu dân Ý. Trước khi trở về Hoa Kỳ, Đại Tá Edward Lansdale căn dặn ông Diệm, “Trong lúc tôi vắng mặt, tôi không muốn bỗng nhiên nhận được tin ông đắc cử*

với tỉ số 99.99 phần trăm số phiếu,”[MCC, Trg 62.] Ông Diệm đắc cử với tỉ lệ 98.2%, và kết quả này cho phép ông chính thức truất phế Bảo Đại.” [87]

Về vấn đề “thách thức” do các giáo phái Cao Đài và Hòa Hào gây ra, Mỹ đã bỏ ra tới 12 triệu Mỹ kim để mua chuộc họ về với ông Diệm. Sự kiện này được sử gia Bernard B. Fall ghi lại như sau:

*“Trong một loạt hành động mau lẹ khiến cho các ông lãnh tụ các giáo phái hoang mang không biết người bạn đồng minh mới thể bồi ngày hôm trước đã bán đứng lấy một số tiền khá lớn hay chưa, khi ông Diệm mua ông Tướng Cao Đài Trình Minh Thế với một số tiền là 2 triệu Mỹ kim. Ông tướng này là người chủ mưu các vụ gài bom tại các đường phố Saigon vào năm 1952 và đã được ông Graham Greene tả trong cuốn Người Mỹ Thâm Lặng như là những vụ phá hoại rất tài tình. Tiền mua ông tướng Cao Đài Nguyễn Thành Phương là 3.6 triệu Mỹ Kim, và còn phải trả thêm tiền lương hàng tháng cho quân lính của ông ta. Số tiền mua ông lãnh chúa Hòa Hào Trần Văn Soái là 3 triệu Mỹ Kim. Tất cả tiền chi tiêu dùng để mua các ông tướng giáo phái như vậy lên đến hơn 12 triệu Mỹ Kim. Tới khi các ông lãnh tụ tham lam này ý thức được là họ đã bị phỉnh gạt, họ quay ra chống lại, nhưng cuộc chiến của họ không còn chính nghĩa nữa.”* (In a succession of swift moves that left each sect chief wondering whether his sworn ally of yesterday had not sold him out for a substantial sum, Diem bought the Cao Dai “General” Trình Minh The – mastermind of the messy Saigon street bombings of 1952 so well described in Graham Greene’s The Quiet American \$2 million; another Cao Dai “general,” Nguyen Thanh Phuong, for \$3.6 million (plus monthly payments for his troops); and a Hoa Hao warlord Tran Van Soai for \$ 3 million more. In all likelihood, the total amount of American dollars spent on bribes during March and April, 1955, by Diem may well have gone beyond \$12 million. By the time greedy sect leaders found out that they had been outmaneuvered and began to fight back, theirs was a lost cause.”)[88]

Về vấn đề “thách thức” do Bình Xuyên gây ra, cũng lại do Đại Tá Lansdale lo liệu và giải quyết. Đoạn văn do chính cựu Tướng Lansdale kể lại dưới đây cho chúng ta thấy rõ sự thật này:

*“Đến Dinh (Độc Lập), tôi bước vào giữa lúc có cuộc họp giữa ông Diệm và một nhóm sĩ quan Việt Nam. Trong số này, có Tướng Ty,*

Đại Tá Đôn cũng như hai vị chỉ huy mặt trận đánh Bình Xuyên là Minh nhỏ và Minh lớn. Họ đều có vẻ vui mừng. Quân đội đã tiến qua Kinh Đôi ở Chợ Lớn và quân Bình Xuyên đang chạy trốn. Họ hỏi tôi có mừng cho họ không? Tôi trả lời không, chưa mừng được. Trong lúc họ đang quây quần tất cả ở đây để ca tụng lẫn nhau thì cuộc tấn công của họ qua Kinh Đôi đang bị thảm bại vì họ không chịu cung cấp hỏa lực yểm trợ bằng trọng pháo cho cánh quân này.

Tôi lưu ý họ rằng như họ đã biết, tôi bị cấm ngặt không được chỉ dẫn cho họ một điều gì. Tuy nhiên, lệnh cấm ấy không cấm được tôi kể chuyện cổ tích cho họ nghe. Ngày xưa có một vài cấp chỉ huy Việt Nam ngồi uống trà với ông xếp của họ và kể cho ông xếp nghe họ đã thành công tốt đẹp như thế nào trong khi đang lẽ họ nên di chuyển một trong những pháo đội ở Dinh Độc Lập ở trước tư dinh vị Tham Muu Trưởng, hoặc ở sân Bộ Tổng Tham Muu để yểm trợ cho Trình Minh Thế ở Cầu Tân Thuận. Đơn vị của Tướng Thế là đơn vị duy nhất trong toàn thể mặt trận phải đụng độ với các loại súng lớn được lớp vỏ sắt che chở. Đây cũng là đơn vị duy nhất không được pháo binh yểm trợ. Dân chúng nổi giận khi nghe được chuyện này. Hiện giờ, tôi rất tức giận về việc ấy và mong mỗi các vị sĩ quan hiện diện hãy làm nốt phần kết cục của câu chuyện cổ tích vừa kể. Khi tôi ngưng nói, mọi người im lặng một cách kinh ngạc.

Ông Diệm phá tan sự im lặng ấy bằng cách bảo ông Minh nhỏ đem pháo binh giúp cho Trình Minh Thế ngay lập tức. Ông Minh vội đi ngay, và những người khác cũng ra về. Tôi tỏ ý vui mừng về vụ tiến quân qua Kinh Đôi. Họ nhìn tôi có vẻ do dự. Tôi đã vô cùng tức giận khi tôi xen ngang vào cuộc họp. Tôi đoán chắc với họ rằng tôi vui mừng với các thành quả vừa qua. Tuy nhiên, còn khá lâu họ mới thắng trận này, và bây giờ chưa phải lúc nghỉ ngơi. Ông Diệm bảo tôi ở lại nói chuyện với ông (ấy). Chúng tôi sang phòng khách nhỏ có chiếc ghế bành lớn để khá xa nhau khó nói chuyện. Vì vậy, tôi mời ông cùng ngồi trên ghế dài. Ông Diệm mở đầu câu chuyện, nói rằng chưa bao giờ ông thấy tôi nổi giận như lúc này. **Đầu sao Trình Minh Thế cũng là một quân nhân là phải chịu hiểm nguy cùng với những người khác ở mặt trận. Tôi không nên quá lo lắng đến công việc của ông ta. Dù Trình Minh Thế là người bạn, thì ông ta cũng chỉ là một trong những người Việt Nam bạn của tôi và có lẽ ông ta không có học vấn cũng như kinh nghiệm bằng một vài người khác.** Tôi bảo ông (Diệm) không nên nói như vậy. Lời nói ấy dẫn đến chỗ khiến ông nói thêm một vài điều gì đó làm cho tôi bức tức trở lại.

Trình Minh Thế đã ủng hộ ông trong lúc những người học thức và có kinh nghiệm còn lưỡng lự. Hiện giờ ông ta đang chịu nguy hiểm đến mạng sống của mình cho ông Diệm. Tình thân hữu của Trình Minh Thế có giá trị hơn tất cả loại thân hữu chỉ biết phù thịnh. Hơn thế nữa, kẻ nào đó ngu xuẩn một cách đáng kết tội đã làm quân sĩ của Tướng Thế chưa được huấn luyện đầy đủ, chưa được trang bị đầy đủ, (lại đem) sử dụng vào cuộc tấn công qui mô mà không có hỏa lực yểm trợ. Đó là cách sử dụng rất sai lạc khả năng của du kích quân Liên Minh (Trình Minh Thế). Ông Diệm thay đổi câu chuyện...

Ông Nhu bước thẳng đến trước chỗ tôi và ông Diệm ngồi, yên lặng nhìn chúng tôi một lúc. Cuối cùng ông nói nhỏ nhẹ: **"Trình Minh Thế chết rồi"... bị trúng đạn nơi phía sau tai do một viên đạn súng trường.** Suy từ góc độ của đường đạn đi, thì thủ phạm ở một nơi phía sau và trên cao. Binh sĩ tại đây nói rằng thủ phạm phải là một lính bắn tỉa... Ông Nhu ra khỏi phòng... Tôi quay sang báo ông Diệm "Chúng ta mất một người bạn chân thành". Tôi không thể nói gì hơn. Ông Diệm nhìn vào mặt tôi rồi khóc. Những tiếng nấc lớn làm rung động cả thân hình ông. Tôi ngồi lại xuống ghế và ôm lấy ông. Ông xin tôi tha lỗi những điều ông đã nói về Trình Minh Thế trước đây. Tôi nói thực ra không có gì phải cho tôi tha lỗi, **nhưng ông phải luôn luôn ghi nhớ bạn thành thật thì hiếm hoi. Không bao giờ được bỏ rơi những con người bất vụ lợi phục vụ cho tự do.** Tôi và ông Diệm ngồi trên ghế im lặng cho đến khi ông Diệm lấy lại được bình tĩnh. Sau đó tôi trở về nhà." [89]

Mấy đoạn văn sử trên đây cho chúng ta thấy, tất cả mọi "thách thức" do Pháp hay do các giáo phái hoặc do loạn đảng Bình Xuyên gây ra đều được Mỹ lo liệu và giải quyết cả. Đoạn văn sử chót cho chúng ta thấy rõ ông Đại Tá Lansdale không những đảm trách việc đánh bại loạn đảng Bình Xuyên mà còn lo liệu cho ông Diệm từng li từng tí, và còn dạy dỗ ông Diệm phải biết đối xử với mọi người sao cho phải đạo làm người có văn hiến. Rõ ràng là ông Đại-tá Lansdale lo lắng và dạy dỗ ông Diệm giống như một người cha ruột lão luyện lo lắng và dạy dỗ đứa con còn trẻ dại mới bước vào đời, giống như Lữ Bát Vi lo lắng và dạy dỗ Tần Hoàng Chánh (Tần Thủy Hoàng) khi vừa mới lên ngôi kế nghiệp vua cha.

**18.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*"Tuyên truyền Cộng sản và các giới phản chiến "politically correct" Tây Phương đã không ngớt quả quyết rằng Ông Diệm là người của Mỹ, được Mỹ lựa chọn và đưa lên làm thủ tướng và*

*yếm trợ hết mình. Phần khác, gần đây lại có tác giả quả quyết rằng: Ngô Đình Diệm do chính phủ Pháp đưa lên cầm quyền và được Pháp hỗ trợ.”*

**NHÂN XÉT:** Vấn đề “Ông Diệm là người của Mỹ, được Mỹ lựa chọn và đưa lên làm thủ tướng và yếm trợ hết mình!” là một sự thật lịch sử mà bất kỳ nhà viết sử chân chính nào cũng khẳng định như vậy, và Cộng Sản cũng chỉ nói lên sự thật lịch sử này mà thôi. Phần nhận xét về đoạn văn số 17 ở trên đã nói lên sự thật này. Xin đọc thêm bài viết “Ngô Đình Diệm Trong Liên Minh Mỹ - Vatican” của tác giả Nguyễn Mạnh Quang. Bài viết này đã được đưa lên giaodiemonline từ đầu tháng 11/2008. Bài viết này là một phần của chương sách có tựa đề là Những Toan Tính Của Vatican Trong Năm 1950. Chương sách này đã được đưa lên sachhiem.net từ mấy tháng nay.

**19.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Cả hai luận cứ nêu trên đều là những quả quyết vu vơ, và đã bị TS Phạm Văn Lưu phản bác với những dữ kiện rất vững chắc không thể phủ nhận được, vì rút ra từ các điện văn mật trao đổi giữa những tòa đại sứ Mỹ ở Paris, Sài Gòn, Bộ Ngoại Giao Mỹ và Tòa Bạch Ốc, và với chính phủ Pháp. Các điện văn đó được bạch hóa và phổ biến trong những năm gần đây đã cho ta biết được sự thực đích xác về những gì đã xảy ra ở Việt Nam trong những năm 1954-1956, thời gian mà Ông Diệm chấp chánh và ổn định tình hình.”*

**NHÂN XÉT:** Người viết chưa có may mắn được đọc tác phẩm của ông TS Phạm Văn Lưu, cho nên không biết luận cứ của ông ta ra sao. Rất mong những bậc thức giả có dịp đọc sách của ông tiến sĩ này rồi so sánh với luận cứ mà chúng tôi đã trình bày trong bài viết “Ngô Đình Diệm Trong Liên Minh Mỹ - Vatican” đã được đưa lên sachhiem.net và giaodiemonline.com từ đầu tháng 11/2008. Như vậy mới có thể rút ra kết luận xem luận cứ của ông TS Phạm Lưu đúng hay là sai hoặc có sức thuyết phục không.

**20.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Ông Lưu đã cho ta thấy rằng ngay từ ngày được Cựu Hoàng bổ nhiệm làm Thủ Tướng ngày 16-6-1954 và ngay cả trước đó nữa, cho đến năm 1956 Ông đã bị nhân viên dân sự cũng như quân sự Pháp ở Sài Gòn và chính phủ Pháp, dù là **thiên tả như Mendès France** – hay thiên hữu - như Edgar Faure - ở Paris nói xấu và tìm mọi cách lật đổ. Và trong cố gắng thực hiện ý đồ này, họ đã hết mình thuyết phục các đại diện Mỹ ở Sài Gòn, Paris, Bộ Trưởng Ngoại Giao*

*J. F. Dulles, và ngay cả Tổng Thống Eisenhower chấp nhận giải pháp loại bỏ Ông Diệm, và đã suýt thành công trong sự vận động này.”*

**NHÂN XÉT:** Theo sự hiểu biết của người viết, Quốc Trưởng Bảo Đại Bổ nhiệm ông Diệm làm thủ tướng vào ngày 19/6/1954, trùng với ngày ông Pierre Mendès-France thuộc Đảng Xã Hội Pháp được Quốc Hội tấn phong làm Thủ Tướng, chứ không phải là ngày 16/6/1954. Chuyện người Pháp ủng hộ và người Pháp chống đối ông Diệm cũng như người Mỹ ủng hộ và người Mỹ chống đối ông Diệm đã được trình bày rõ ràng trong phần nhận xét về đoạn văn số 17 ở trên rồi. Xin nhắc lại vì ông Diệm là tín đồ Ca-tô ngoan đạo của Nhà Thờ Vatican, được Giáo Hoàng Pius XII đỡ đầu và giao phó cho Hồng Y Francis Spellman, một vị chức sắc cao cấp của Nhà Thờ có rất nhiều thế lực trong thời chính quyền Cộng Hòa của Tổng Thống Eisenhower. Chính ông hồng y này đã tích cực vận động với các thế lực Nhà Thờ và các tín đồ Ca-tô có nhiều quyền thế trong chính quyền lúc bấy giờ để đưa ông Diệm lên cầm quyền ở Việt Nam. Những nhân vật được ông hồng y này vận động là các ông John F. Kennedy (Thượng Nghị Sĩ, Mike Mansfield (Thượng Nghị Sĩ), Walter Judd (Dân Biểu), William Douglas (Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện), John Foster Dulles (Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao), Allen W. Dulles (Giám Đốc CIA). Cũng nên biết rằng, trong thời chính quyền Cộng Hòa của Tổng Thống Eisenhower (chính quyền này liên kết chặt chẽ với Nhà Thờ Vatican) chức vụ Tổng Trưởng Ngoại Giao và Giám Đốc CIA vô cùng quan trọng trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, đặc biệt nhất là đối với các quốc gia mà các nhà cầm quyền là người được Hoa Kỳ đưa lên cầm quyền. Hai người nắm giữ hai chức vụ hết sức quan trọng này lại đều là tín đồ Ca-tô ngoan đạo của Nhà Thờ Vatican. Như vậy là khi mà chính quyền Cộng Hòa của Tổng Thống Eisenhower còn cầm quyền và hai anh em ông Ca-tô ngoan đạo Dulles còn nắm giữ hai chức vụ quan trọng này, thì chuyện ông Diệm được chính quyền Mỹ đưa về Việt Nam cầm quyền là chuyện hiển nhiên. Đây là sự thật lịch sử mà tất cả các sách sử đều khẳng định như vậy. Vấn đề này cũng đã được trình bày khá rõ ràng trong lời nhận xét về đoạn văn số 17 ở trên.

**21.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Ngày 13 -6-1954, 3 ngày trước khi Ông Diệm được chính thức bổ nhiệm làm Thủ Tướng, ông Dejean, Phó Cao Ủy Pháp ở Sài Gòn, nói với ông McClintock, đại diện Mỹ tại Sài Gòn, rằng Ông Diệm “không có cơ may để lập một chính phủ hữu hiệu cho Việt Nam”.*

Ngày 15-6-1954, một tuần trước khi Ông Diệm bước chân xuống Sài Gòn và 3 tuần trước khi Ông Diệm trình diện Chính Phủ của Ông, Tướng Ely, Cao Ủy Pháp ở Sài Gòn cũng nói với ông McClintock rằng Ông Diệm không đủ khả năng lãnh đạo. Ngày 20-6-1954 tại Paris, 3 ngày trước khi Ông Diệm đáp máy bay đi Sài Gòn, hơn 2 tuần trước khi Ông Diệm trình diện chính phủ của Ông (7-7-1954), Thủ Tướng Pháp Mendès France nói với Đại Sứ Mỹ Dillon rằng Ông Diệm là một người cuồng tín và nhờ Hoa Kỳ ngăn cản không cho Ông làm hồng Hội Nghị Genève, Ông Mendès France không đặt vấn đề không cho Ông Diệm là Thủ Tướng vì bận tâm của ông ta (Mendès) lúc đó là phải ký cho được Hiệp Định nội trong ngày 20-7, nếu không ông ta phải từ chức, vì khi nhận chức Thủ Tướng ông ta cam kết với Quốc Hội Pháp như vậy! Trong những cuộc tiếp xúc khác với đại diện Mỹ, lúc Ông Diệm dùng binh đương đầu với thách thức quân sự của Bình Xuyên, Tướng Ely nói Ông Diệm là người “mắc chứng hoang tưởng tự đại” (*mégalomane*), hoặc “điên khùng”. Trong cuộc hội nghị với các ngoại trưởng Mỹ, Anh, ở Paris, Thủ Tướng Pháp E. Faure đã kích Ông Diệm nặng nề, gọi Ông là “điên khùng”.

**NHÂN XÉT:** Vấn đề này đã được trình bày khá rõ ràng trong phần nhận xét về đoạn văn 17, 18 và 20 ở trên. Nếu những người Pháp chống đối ông Diệm có những lời nặng nề gọi ông ta là “điên khùng”, thì cũng chẳng có gì lạ. Trong thực tế, ông Diệm không những “điên khùng” mà còn “cuồng tín và ngu dốt” nữa. Căn cứ vào chuyện khi các chính khách Mỹ muốn thăm dò khả năng chính trị của ông Diệm, thì ông lại tuyên bố với họ rằng “*ông tin tưởng vào quyền lực của Vatican và công chống Cộng cực lực.*”

Với thực trạng như vậy, thì bất cứ người nào có lý trí cũng đều bảo rằng ông ta “*vừa điên khùng, vừa cuồng tín, vừa ngu dốt*”. Điên khùng và cuồng tín vì rằng tất cả các nước Âu Mỹ đều ghi vào hiến pháp điều khoản “tách rời tôn giáo ra khỏi chính quyền”, đặc biệt nước Anh, quốc gia này đã ban **Đạo Luật Ổn Định** vào năm 1691. Đạo luật này cấm, không cho người Anh là tín đồ Ca-tô của Giáo Hội La Mã lên cầm quyền (*the Act of Settlement of 1691*). Đạo luật này quy định rằng:

“*Không có một tín đồ Ki-tô La Mã có thể trở thành nhà lãnh đạo nước Anh. Như vậy là luật này loại hẳn tất cả những người con và cháu của vua James Đệ Nhị với người vợ thứ hai của nhà vua, không cho họ lên cầm quyền.*” (A third measure, **the Act of**

**Settlement of 1691**, provided that no Roman Catholic could be ruler of England, automatically excluding the descendants of James II by his second wife [90]

Cách Mạng Pháp 1789 cũng đã dùng những biện pháp mạnh dạn hơn để trừng trị Nhà Thờ Vatican như:

Tịch thu toàn bộ tài sản của Giáo Hội trên toàn thể lãnh thổ Pháp,

Tước bỏ tất cả mọi đặc quyền đặc lợi mà các chế độ đạo phiệt Ca-tô mà từ vua Louis 16 (1754-1793) trở về trước đã được biệt đãi dành cho Nhà Thờ cùng giai cấp giáo sĩ và giới quý tộc, trong đó có đặc quyền của Giáo Hội được thu thuế thập phân.

Ban hành "Hiến Chế Dân Sự Dành cho Giáo Sĩ" (Civil Constitution of the Clergy) đòi hỏi họ phải tuyên thệ tuân hành những điều luật ghi trong hiến chế.

Thắng tay trừng trị những giáo sĩ và tín đồ Ca-tô có những hành động phản quốc và chống lại Cách Mạng. Con số giáo sĩ, nữ tu và tín đồ Ca-tô bị đưa ra pháp trường đền tội phản quốc được cựu giáo sĩ Malachi Martin ghi nhận trong sách *The Decline And Fall Of The Roman Church* như sau:

*"Trước hết, nước Pháp mà Giáo Hoàng Pius VI (1775-1799) thường gọi là "người trưởng nữ của Giáo Hội" xóa bỏ toàn bộ tôn giáo, đưa nhà vua lên đoạn đầu đài, chính thức tôn vinh thần Lý Trí lên ngôi chí tôn, tàn sát 17 ngàn linh mục, 30 ngàn nữ tu và 47 giám mục, tất cả các tu viện, các dòng tu và các trường học của Giáo Hội đều bị giải thể, tất cả các thư viện của Giáo Hội đều bị thiêu rụi, chính quyền Paris còn ban hành quyết định ra lệnh cho Tướng Bonaparte (Sau này là Hoàng Đế Napoléon I) "đem quân đi "giải phóng nước Ý", "có toàn quyền hành động" "hủy diệt Rome và chế độ Giáo Hoàng". Tháng 5 năm 1796, trước khi tiến vào kinh thành Rome, Tướng Bonaparte tuyên bố, "Chúng tôi là những người bạn của con cháu Brutus (một anh hùng củ dân tộc La Mã) và dân Scipios.... Chủ định của chúng tôi là phục hồi điện Capitol và giải phóng nhân dân La Mã thoát khỏi thân phận nô lệ tối đòi."*

Quân Cách Mạng Pháp tiến chiếm kinh thành Rome và nước Ý. Hòa Ước Tolentino được ký kết giữa Tướng Bonaparte và Giáo Triều Vatican. Đây là một sự sỉ nhục cho Tòa Thánh Vatican. Giáo Hội phải nộp cho nước Pháp một khoản tiền là 46 ngàn đồng scudi (tiền Vatican) trả làm ba hạn kỳ (Giáo Hoàng Pius VI phải đem các đồ trang trí bằng vàng và bằng bạc ra đúc tiền để trả cho Pháp), 100

*món đồ nghệ thuật và 500 tác phẩm hiếm bị tịch thu mang về Pháp; tất cả các hải cảng nằm trong lãnh thổ của Tòa Thánh Vatican phải mở cửa cho hạm đội Pháp làm căn cứ trú quân, phải từ bỏ tất cả tài sản của Giáo Hội ở trong lãnh thổ các nước Ý, Pháp, Naples, và Sicily... tất cả mọi nơi. Giáo Hoàng Pius VI ((1775-1799) than thở, "Hòa Ước! Tệ quá đi! Quân đội Pháp chiếm đóng Vatican và Quirinal, truất phế Giáo Hoàng Pius VI và thiết lập nước Cộng Hòa La Mã...."*

("First, France, "eldest daughter of the church "he used to call it, abolished all religion, beheaded its king, enthroned Reason officially as supreme deity, massacred over 17,000 priests and over 30,000 nuns as well as forty-seven bishops, abolished all seminaries, schools, religious orders, burned all churches and libraries, then sent the Corsian Bonaparte to liberate Italy and Rome" "Just as you please," wrote the Paris government to the Corsian. "Destroy Rome and the papacy utterly " "We are the friends of the descendants of Brutus and the Scipios... Our intention is to restore the Capitol to free the Roman people from their long slavery," The Corsian declared in May 1796, just before taking Rome.

Then the capture, and the humiliation of the Peace of Tolentino between the papacy and the Corsian: a ransom of 46,000 scudi in three instalment (Pius melted down all available silver and gold ornaments); 100 objects d'art and 500 rare manuscripts from Vatican; the opening of all papal harbors to the French fleet; renunciation of all property in Italy and France and Naples and Sicily - everywhere. "They made us their prisoner Spina," mutters Pius. "Peace treaty! Bah!" The Vatican and Quirinal were occupied by French troops. They deposed Pius, and created the republic of Rome.. " [\[91\]](#)

Quyết liệt hơn nữa, nhà ái quốc Ý Đại Lợi Giuseppe Garibaldi (1807-1882) tuyên bố rằng:

a.- "*Linh mục là hiện thân của sự gian trá.*" (*The priest is the personification of falsehood.*)

b.- "*Vatican là con dao găm đâm vào tim nước Ý.*" (*The Vatican is a dagger in the heart of Italy.*)

c.- "*Giao Hội Ca Tô là nàng hầu của sự chuyên chế và là kẻ thù trung kiên của tự do.*" (*The Catholic Church is the handmaid of tyranny and the steady enemy of liberty.*) Trần Chung Ngọc, *Đức Tin Công Giáo* (Garden Grove, CA, Giao Điểm, 2000), tr. 300.

Rồi ông đem quân bao vây Vatican và nã đại bác vào điện

Lateran, khiến cho Giáo Hoàng Pius IX (1846-1878) chịu không nổi, phả kéo cờ trắng đầu hàng vô điều kiện. Sách sử ghi lại sự kiện này như sau:

*"Ngày 19 tháng 8 năm 1870, quân đội Pháp lo bảo Vệ Tòa Thánh Vatican thực sự rút lui vĩnh viễn. Trận đánh Sedan vào ngày 2 tháng 9 năm đó đã làm cho đế quốc của Hoàng Đế Nã Phá Luân Đế Tam hoàn toàn sụp đổ. Tòa Thánh Vatican mất đi một thế lực bảo vệ cuối cùng, và nước Pháp, "người trưởng nữ của Giáo Hội La Mã" kể từ năm 1871 đến năm 1940 đã phải thay đổi đến 99 nội các. Quân Pháp vừa mới rút lui, tức thì, ngày 19 tháng 9, quân đội quốc gia Ý tiến vào kinh thành La Mã và đóng quân ở ngay chung quanh cổ thành Leonine nằm trong Kinh Thành La Mã. Ngày hôm sau (20/9), sau khoảng ba tiếng đồng hồ nã đại pháo và cận chiến lẻ tẻ, vào lúc 9:30 sáng, Giáo Hoàng ra lệnh kéo cờ trắng ở trên nóc nhà thờ St. Peter. Mười phút sau đó, không còn nghe thấy tiếng súng nữa. Quân đội Ý tiến vào phía trong kinh thành và chiếm đoạt hết tất cả của cải trong đó, chỉ có Ngọn Đồi Vatican là họ không rớ tới. Quốc Gia của Giáo Hoàng không còn tồn tại nữa. Diện tích của quốc gia này từ 16 ngàn dặm vuông bị cắt xén, còn lại chỉ có 480 ngàn mét vuông kể cả ngọn Đồi Vatican và xung quanh ngọn đồi này trong đó có nhà thờ St. Peter, các tòa nhà phụ cận và các khu vườn Vatican ở gần đó. Hôm sau, ngày 21 tháng 9, Giáo Hoàng Pius IX (1846-1878) viết một lá thư ngắn ngủi cho người cháu:*

*Cháu yêu quý: Tất cả đã hết rồi. Không có tự do, không thể nào quản lý được Giáo Hội. Hãy cầu nguyện cho ta và cho tất cả các con. Ta chúc phúc cho các con."*

**Nguyên văn:** "On August 19, 1870, the protecting French troops withdrew definitely. With the battle of Sedan on September 2, the empire of Napoléon III came to an end. The papacy had lost its last defender, and France, the "eldest daughter of the Church" was to have an astounding 99 governments between 1871 and 1940. Immediately the Italian nationalist troops march on Rome. They encamped around the old Leonine walls of Rome on September 19. The following day, after some three hours of artillery barrage and sporadic hand-to-hand fighting, the pope ordered the white flag to be raised above the dome of St. Peter at 9:30 A.M. Ten minutes later, all firing had ceased. The Italian troops entered the city and took possession of it all, leaving Vatican Hill untouched. The papal State had ceased to exist. Its 16,000 square miles were now reduced to 480,000 square meters on

and around Vatican Hill where St. Peter's it adjoining buildings, and the Vatican gardens were clustered. The next day, September 21, Pius IX (1846-1878) wrote a short note to his nephew:

Dear Nephew: All is over. Without liberty, it is impossible to govern the Church. Pray for me, all of you. I bless you. Pius P. IX." [92]

Ấy thế mà gần 200 năm sau, ông Ngô Đình Diệm lại tuyên bố với các chính khách Hoa Kỳ rằng, “*ông tin tưởng vào quyền lực của Vatican và ông chống Cộng cực lực.*” Với tình trạng cuồng tín, ngu dốt, lạc hậu và muốn boi ngược dòng lịch sử để sống lại thời Trung Cổ như vậy, thì một em bé vừa mới hoàn tất lớp 12 bậc trung học ở Hoa Kỳ hay ở bất kỳ nước dân chủ tự do nào cũng phải bảo ông là thằng “điên khùng, cuồng tín và ngu dốt.” Ngu dốt vì không biết tí gì về lịch sử thế giới. Ông ta quả thật là nhân vật Rip Van Winkle trong tác phẩm của nhà văn Mỹ Washington Irving (1783-1859) được phát hành vào năm 1819.

22.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

“*Trong những buổi họp với đại diện Hoa Kỳ để bàn về Việt Nam, luận đề được đại diện Pháp luôn luôn đưa ra là “giải pháp” Ngô Đình Diệm chỉ là một cuộc thí nghiệm, “thời gian thí nghiệm đã qua”, Ông Ngô Đình Diệm đã tỏ ra “không có khả năng tập hợp các lực lượng chính trị”, không được quân đội yểm trợ, không ổn định được tình hình, gây hận thù đối với Pháp, cho nên phải thay thế Ông bằng một người hay nhóm người, có khả năng hơn. Người, hay nhóm người “có khả năng hơn” này tất nhiên lấy trong những nhân vật mà Pháp chi phối.*”

NHÂN XÉT: Đây là sự thật lịch sử. Hơn nữa, Đảng Xã Hội của ông Pierre Mendès France lên cầm quyền đã cho rằng, “*ông Diệm vừa điên khùng, vừa cuồng tín, vừa ngu dốt*” như đã nói trên, vì thế, họ càng cho rằng ông Diệm “*không có khả năng tập hợp các lực lượng chính trị*” và càng không xứng đáng được họ ủng hộ. Nhưng vì Pháp đang ở thế yếu, lại được Mỹ đấm mồm bằng 100 triệu Mỹ Kim (như đã nói ở trên), thì mọi việc dù Pháp có chê bai và chống đối ông Diệm mãnh liệt đến mức nào đi nữa, thì cũng chẳng đi đến đâu, và vào thời điểm này, ông Diệm cũng vẫn được Mỹ tiếp tục cho làm thủ tướng.

23.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

“*Những đại diện Mỹ ở Sài Gòn – các cố vấn McClintock và Kidder, Đại Sứ Heath, Đặc Sứ Collins – cũng ngã xiêu theo quan chức Pháp, nhất là những quan chức này có uy tín như Phó Cao Ủy*

*Dejean, và Tướng Ely, và nhiều lần đề nghị với chính phủ Hoa Kỳ nên thay thế Ông Diệm. Ngay cả ngoại trưởng Dulles và Tổng Thống Eisenhower cũng chấp nhận nguyên tắc này sau khi nghe phúc trình của Đặc sứ Collins về vụ Ông Diệm ra lệnh cho quân đội quốc gia dẹp Bình Xuyên, và ngày 27-4-1955 đã điện cho tòa đại sứ Sài Gòn chỉ thị về quyết định này. Họ bức bối với Ông Diệm vì Ông từ chối những giải pháp mà họ cho là có khả năng ổn định tình hình.”*

**NHÂN XÉT:** Những người Mỹ chống đối ông Diệm này không phải là tín đồ Ca-tô của Nhà Thờ Vatican. Vì thấy rằng ông Diệm “vừa điên khùng, vừa cuồng tín, vừa ngu dốt” như vậy, nên họ chống đối. Nhưng họ là những người kém thể nếu so với ông John Foster Dulles nắm giữ chức Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao, với ông Allen W. Dulles nắm giữ chức vụ Giám Đốc CIA, với Hồng Y Spellman, với sự tích cực ủng hộ của các ông John F. Kennedy (Thượng Nghị Sĩ), Mike Mansfield (Thượng Nghị Sĩ), Walter Judd (Dân Biểu), William Douglas (Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện), Francis Spellman (hồng y), McGuire (linh-mục), Emmanuel Jacque (linh-mục) Carroll (giám-mục), Edmund Walsh (giáo sư). Vì thế mà ông Diệm được chính quyền Mỹ của Đảng Cộng Hòa hết lòng ủng hộ và giữ lại cầm quyền ở Việt Nam làm tay sai cho họ và cho Nhà Thờ Vatican. Xem lại nhận xét về đoạn văn số 20 ở trên.

#### 24.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

*“Lý do thật sự của thái độ này là sự bức bối của họ trước thái độ cứng rắn, không nhân nhượng của Ông Diệm. Nói cho đúng, quan chức Pháp cũng như quan chức Mỹ ở Sài Gòn hồi đó bức bối với Ông Diệm vì Ông tỏ ra một người không dễ bảo. Nói trắng ra, Ông Diệm không chịu làm bù nhìn, dù là của Pháp hay của Mỹ, nhất là khi những đề nghị của họ vi phạm độc lập, danh dự, và tương lai của Việt Nam.”*

**NHÂN XÉT:** Trước hết, cũng xin nói rõ, khi ông Ngô Đình Diệm đáp máy bay từ Âu Châu về Sài Gòn vào ngày 26/6/1954 và chính thức nhậm chức vào ngày 7/7/1954, thì ông Donald Health là Đại-sứ Mỹ ở Sài Gòn. Ông Health tiếp tục giữ chức vụ này đến ngày 8/11/1954 thì ông Lawrence J. Collins đến thay thế. Ông Collins giữ chức vụ này đến ngày 28/5/1955, thì ông Frederick Reinhardt đến thay thế. Như đã trình bày trong các phần nhận xét về các đoạn văn ở trên, các viên chức Pháp cũng như các viên chức Mỹ hồi đó nếu cảm thấy bức bối với ông Diệm, một phần là do tinh thần chống Vatican, một phần là thấy ông Diệm vừa “điên khùng, vừa cuồng tín, vừa ngu

dốt” chẳng hạn như ông ông E. Faure, ông Pierre Mendès- France, và các thành phần trong Đảng Xã Hội Pháp đã có cái nhìn về ông Diệm là như vậy. Trong khi đó thì những chính khách thuộc phe Ca-tô như ông Georges Bidault và Đảng Ca-tô MRP của ông ta luôn luôn nhiệt tình ủng hộ ông Diệm. Nhưng dù sao, nước Pháp bây giờ đã thất thế, cho nên dù Pháp ủng hộ ông Diệm hay Pháp chống đối ông Diệm cũng không làm choi chính quyền Cộng Hòa của Tổng Thống Eisenhower (lúc đó đang cấu kết chặt chẽ với Nhà Thờ Vatican) phải quan tâm.

Còn về phía Mỹ, vì ông Đại-sư Mỹ Lawrence J. Collins có cái nhìn khoan dung đối với các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo và muốn lôi kéo họ về với chính quyền Sài Gòn bằng thương thuyết và mua chuộc bằng tiền bạc, trong khi ông Diệm lại có cái nhìn đối với các giáo phái này bằng tâm trạng của một tín đồ Ca-tô cuồng tín, muốn tiêu diệt họ bằng bạo lực. Hơn nữa, cũng như Thủ Tướng Pháp E. Faure đã đả kích ông Diệm nặng nề, gọi Ông là “điên khùng”, thì ông Đại-sứ Collins cũng có ngôn ngữ đả kích ông Diệm giống như vậy. Ngoài ra, ông Đại Sứ Collins còn nhận được chỉ thị của Bộ Ngoại Giao Mỹ đến chất vấn ông Diệm về vụ ông Diệm để cho ông Ngô Đình Cẩn và Bà Cả Lễ kinh tài bằng việc buôn lậu gạo ra Bắc. Sự kiện này được sách sử ghi lại rõ ràng như sau:

*“16/3/1955: Washington D.C: Dulles chỉ thị Collins hỏi Diệm về vấn đề chở gạo ra Bắc.”*<sup>[93]</sup>

Chuyện anh em ông Ngô Đình Diệm buôn lậu gạo ra miền Bắc, xin xem thêm các trang 405-409 trong sách Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi (Wesminster, CA: Văn Nghệ, 1993) của tác giả Đỗ Mậu.

Do đó, Đại-sứ Collins càng tỏ ra khinh rẻ và chống ông Diệm.

Tuy nhiên, ông Đại-sứ Collins cũng chỉ là viên chức nằm dưới quyền của ông Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao John Foster Dulles, phe cánh của Hồng Y Spellman. Cho nên cuối cùng, ông Đại-sứ Collins bị triệu hồi về Mỹ vào cuối tháng 5/1955. Người đến thay thế Đại-sứ Collins là ông Frederick Reinhardt, trình ủy nhiệm thư vào ngày 28/5/1955.

**25.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Ví dụ như: Sau những xáo động ở Thủ Đô do Bình Xuyên và Tướng Hình gây ra trong mùa Thu 1954, Đại sứ Heath đề nghị Ông Diệm lưu Tướng Hình lại trong quân đội, nhưng Ông Diệm không chấp nhận. Đại sứ bèn quyết định là Ông Diệm phải ra đi, và ông tường trình về Washington như sau: “Chúng ta phải tranh thủ thời*

gian để chuẩn bị điều mà Mendès France gọi là “một cơ cấu chính quyền khác”... Tất cả mọi người ở tòa Đại Sứ tin chắc rằng Ông Diệm không thể tổ chức và điều hành một chính quyền vững mạnh”. Đặc sứ Collins đã nhiều lần, đặc biệt là ngày 13-12-1954 và ngày 31-3-1955, điện cho Tòa Bạch Ốc đề nghị thay Ông Diệm vì Ông Diệm “quá cứng rắn”. Các đề nghị của ông không được chấp nhận. Nhưng hạ tuần tháng 4-1955, sau vụ chạm súng giữa Bình Xuyên và quân đội quốc gia, một buổi họp quan trọng được tổ chức tại Tòa Bạch Ốc để nghe phúc trình, một giải pháp do ông đề nghị được chấp nhận: loại Ông Diệm khỏi chức vụ thủ tướng, đưa ông Trần Văn Đỗ thay thế Ông, và Bác sĩ Phan Huy Quát làm Phó Thủ Tướng. Trong những người chấp thuận có cả Ngoại trưởng Dulles và Tổng Thống Eisenhower. Lập trường này được thông báo cho Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn ngày 27-4-1955.”

**NHÂN XÉT:** Như đã trình bày rõ ràng ở các phần trên, về phía Mỹ, vào thời điểm 1954-1960 (những năm Đảng Cộng Hòa nắm quyền trong Tòa Bạch Ốc), những người triệt để ủng hộ ông Diệm là những tín đồ Ca-tô có thế lực trong chính quyền Mỹ lúc bấy giờ. Họ đang nắm thế thượng phong và có rất nhiều quyền lực trong Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và cơ quan CIA. Ngoài ra, ở trong Quốc Hội, họ lại còn có những nhân vật có thế lực như John F. Kennedy (Thượng Nghị Sĩ), Mike Mansfield (Thượng Nghị Sĩ), Walter Judd (Dân Biểu). Tại Tối Cao Pháp Viện họ có ông William Douglas. Hơn nữa, họ lại còn có nhân vật quan trọng trong các Nhà Thờ triệt để ủng hộ và tích cực vận động cho ông Diệm được tiếp tục cầm quyền. Những nhân vật đó là Francis Spellman (hồng y), McGuire (linh-mục), Emmanuel Jacque (linh-mục) Carroll (giám-mục), Edmund Walsh (giáo sư). Trong khi đó, phe chống đối ông Diệm ở trong tình trạng bị lép vế.

Về vấn đề đánh dẹp Bình Xuyên, như đã nói trong mục nhận xét về đoạn văn số 17 ở trên. Công lao đánh dẹp loạn đảng này từ A đến Z đều là của Đại Tá Lansdale. Đại Tá Lansdale là thuộc hạ thân tín của ông Giám Đốc CIA Allen W. Dulles (tín đồ ngoan đạo của Vatican) và cũng là người quyết tâm vận động để cho ông Diệm được tiếp tục ở lại cầm quyền. Nói tóm lại, trong những năm 1954-1960, phe Ca-tô người Mỹ triệt để ủng hộ ông Diệm đã nắm thế thượng phong trên sân khấu chính trị Mỹ và họ đã thắng thế. Nhờ vậy mà ông Diệm mới được giữ lại cầm quyền.

**26.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

“Sự chấp nhận trên đây của Ngoại Trưởng Dulles cũng khá lạ,

vì ông là người ủng hộ giải pháp Diệm mạnh nhất. Nhưng thật ra, ông cũng đã phòng xa. Trong một văn thư gửi Đặc sứ Collins ngày 20-4-1955, trước khi ông này rời Sài Gòn đi Washington, ông nêu ra 2 điều kiện để quyết định sự ở lại hay ra đi của Ông Diệm:

a.- Ông Diệm có can đảm và quyết tâm để hành động và

b.- Ông ta có sự trung thành của quân đội không?

Nếu Ông Diệm thất bại một trong hai điều kiện này thì Ông phải ra đi.”

**NHÂN XÉT:** Đoạn văn này vô bổ. Những ngôn ngữ và hành động của ông Ngoại Trưởng Mỹ Dulles là ngôn ngữ và hành động của một nhà ngoại giao, nhưng bản chất của nhà ngoại giao này là một tín đồ ngoan đạo của Nhà Thờ Vatican. Vì không hiểu biết lịch sử thế giới và lịch sử Giáo Hội La Mã, cho nên ông Tôn Thất Thiện mới nói rằng, “*Sự chấp nhận trên đây của Ngoại Trưởng Dulles cũng khá lạ ...*” Hơn nữa, cái túi tiền của Mỹ trả lương cho quân đội miền Nam lúc bấy giờ là sự trung thành của đạo quân này đối với Mỹ tức là đối với ông Diệm, vì bản chất của quân đội này là quân đội đánh thuê. Thiết tưởng cả ông John Foster Dulles và ông Đại-sứ Collins đều biết như vậy. Có thể là vì không có khả năng nhảy bèn về chính trị, cho nên ông Tôn Thất Thiện và ông TS Phạm Văn Lưu đều không biết sự thật này.

27.- Ông Tôn Thất Thiện nói:

“*Nhưng ngày 28-4-1955, quân Bình Xuyên lại tấn công quân đội quốc gia. Ngày 29-4-1955, bắt chấp sự khuyến cáo của Tướng Ely, Ông Diệm ra lệnh cho quân đội đánh trả, và quân đội quốc gia đã thắng. Chính phủ Mỹ hiểu rằng những dự đoán của Tướng Ely về Ông Diệm không có khả năng địch lại quân Bình Xuyên là sai lầm, và làm cho Đặc sứ Collins cùng Chính phủ Mỹ quyết định sai lầm. Từ nay họ không còn tin vào nhận định của Pháp nữa. Ngày 1-5-1955 nhận lệnh Tổng Thống Eisenhower, Ngoại Trưởng Dulles gửi điện đến Paris và Sài Gòn hủy bỏ điện tín ngày 27-4-1955. Ngày 8-5-1955, tại hội nghị Anh-Mỹ-Pháp ở Paris Ngoại Trưởng Dulles tuyên bố rằng về Việt Nam, từ nay sẽ không còn thỏa hiệp chung Mỹ-Pháp nữa.*”

**NHÂN XÉT:** Tất cả mọi kế hoạch, sách lược và quyết định đánh hay không đánh Bình Xuyên đều do ông Đại-tá Lansdale cả. Nói rằng ông Diệm ra lệnh đánh trả là có thâm ý muốn đánh bóng ông Diệm. Xin đọc lại phần nhận xét về đoạn văn số 17 ở trên, thì sẽ thấy rõ vấn đề này.

**28.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Ông Diệm thắng. Cái thắng của Ông Diệm là sự thắng của can đảm, và cương quyết bảo vệ chính nghĩa quốc gia Việt Nam. Đặc biệt hơn nữa, nó là một cái thắng của chính Ông, dù Ông bị Pháp cản trở và không có sự ủng hộ của Hoa Kỳ.”*

**NHÂN XÉT:** Lại nhân vợ để đánh bóng ông Diệm nữa. Thắng hay thua đều là của Mỹ và do Mỹ cả. Nếu không được chính quyền Mỹ triệt để ủng hộ, nếu không có túi tiền của Mỹ để trả lương cho quân đội đánh thuê do Pháp chuyển nhượng cho Mỹ, để mua các ông tướng của các giáo phái Cao Đài như Tướng Trình Thế, Văn Thành Cao, và Tướng Hòa Hảo Trần Văn Sóai, Lâm Thành Nguyên và Nguyễn Giác Ngộ, và nếu không có Đại-tá Lansdale lặn lội đi mua các ông tướng của các giáo phái này, và bày mưu tính kế, xông xáo và ở hậu trường chỉ huy chiến dịch đánh dẹp Bình Xuyên (như đã nói rõ ràng trong phần nhận xét về đoạn văn số 17 ở trên), liệu ông Diệm có còn tiếp tục được ngồi ở trong Dinh Độc Lập hay không? Hay là đã bị lôi ra đập chết rồi, chứ không phải đợi đến lúc 7:30 sáng ngày 2/11/1963!

**29.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Sự thắng này đưa đến những quyết định căn bản mang lại độc lập thật sự cho Việt Nam trong vòng chỉ 1 năm: về mặt chính trị Việt Nam ra khỏi Liên Hiệp Pháp tự chọn quy chế cho mình – chế độ Cộng Hòa – thầu hồi chủ quyền về ngoại giao: bang giao giữa Việt Nam và Pháp qua Bộ Ngoại Giao Pháp thay vì Bộ Các Quốc Gia Liên Kết nữa và Cao Ủy Pháp ở Sài Gòn và Cao Ủy Việt Nam tại Paris thành Tòa Đại Sứ, chấm dứt lệ thuộc Việt Nam vào Pháp; thầu hồi chủ quyền về quân sự: ngày 26-4-1956 quân đội Pháp rút hết khỏi Việt Nam, quân đội Việt Nam không còn lệ thuộc vào Pháp nữa, viện trợ Hoa Kỳ cấp trực tiếp cho Việt Nam; chủ quyền kinh tế tài chính: cuối tháng 12 năm 1955, Việt Nam ra khỏi khu Phật lãng; giáo dục: Việt Nam tự do nhận giáo sư, chuyên viên từ bất cứ nơi nào, và giới sinh viên ra bất cứ nơi ngoại quốc nào.”*

**NHÂN XÉT:** Lại nói láo và nhân vợ để đánh bóng cho anh em ông Diệm nữa. Vấn đề này đã được trình bày khá rõ ràng trong phần nhận xét về đoạn văn số 15 và 16 ở trên. Xin nhắc lại, khi bị thảm bại tại Điện Biên Phủ vào ngày 7/4/1954, Pháp muốn Mỹ nhảy vào cứu Pháp để Pháp có thể mà cả với thế mạnh trong việc thương thuyết với chính quyền Kháng Chiến Việt Nam tại Hội Nghị Genève 1954. Thừa cơ, Mỹ làm áp lực Pháp phải trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.

Pháp chấp nhận điều kiện này và đã trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam từ ngày 4/6/1954, tức là 33 ngày trước khi ông Diệm nhậm chức. Những ngày sau đó chỉ là công việc thực thi những điều khoản đã ghi trong Hiệp Ước 4/6/1954 mà thôi.

**30.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“N như TS Lưu nhấn mạnh: những chuyển biến trên **“mang theo ý nghĩa chính thức chấm dứt 72 năm chế độ Pháp bảo hộ Việt Nam (1884-1956)”**. Người thực hiện được điều này cho Việt Nam là Ông Ngô Đình Diệm. Với tác phẩm **Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam 1954-1963** TS Lưu đã giúp ta thấy rõ điều này.”*

**NHÂN XÉT:** Lại nói lão và nhân vợ để đánh bóng anh em nhà Ngô nữa, giống như đoạn văn 29 ở trên. Không có Đảng Cộng Sản và Mặt Trận Việt Minh lãnh đạo phong trào nổi dậy của nhân ta và lãnh đạo cuộc Kháng Chiến 1945-1954, tất nhiên là Liên Minh Pháp – Vatican đã trở lại tái chiếm Đông Dương và đã thành công trong việc tái lập nền thống trị của chúng ở Việt Nam rồi, và nêu như vậy, dân ta còn khốn khổ gấp ngàn lần so với những năm 1885-1945, vì rằng bọn thập ác Ca-tô càng ngày càng trở nên tham tàn hơn, ác độc hơn, dã man hơn và khốn nạn hơn.

**31.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Cũng như với TS P.V. Lưu, những sưu khảo của TS Nguyễn Ngọc Tấn đóng góp một phần quan trọng vào việc soi sáng giai đoạn lịch sử 1954-1963, thời gian Ông Diệm cầm quyền. Những sưu khảo này nhằm vào chủ thuyết Nhân Vị. Theo Tiến Sĩ Tấn, trong 40 năm qua, “chưa có cuốn sách nào viết về chủ nghĩa Nhân Vị dưới khía cạnh hàn lâm [khoa học] cũng như đánh giá về tầm quan trọng của nó như một chủ thuyết chính trị” dù rằng chủ thuyết này là chủ thuyết khai sinh ra nền Cộng Hòa đầu tiên tại Việt Nam. Đây là “một vấn đề lịch sử còn tồn đọng” trong thế kỷ qua. Bài của ông tìm hiểu vấn đề này, đặc biệt tìm giải đáp cho những “nghi vấn lịch sử” sau đây:*

*a.- chủ nghĩa Nhân Vị là gì?*

*b.- Quan niệm Nhân Vị về các lý tưởng của cuộc cách mạng quốc gia ra sao và thể hiện qua các đường lối chính sách như thế nào?*

*c.- Về nguồn gốc triết học Nhân Vị là thuyết ngoại lai hay mang bản chất chính trị văn hóa của Việt Nam?”*

**NHÂN XÉT:** Người viết chưa hề được đọc tác phẩm của ông TS Tấn và cũng chưa hề biết ông tiến sĩ này. Cứ theo lời ông Tôn Thất Thiện nói về ông tiến sĩ này, người viết nghĩ rằng ông Tiến sĩ

Tấn là tín đồ Ca-tô thuộc loại ngoan đạo. Như đã trình bày trong Phần II, các điều 26, 31 và 36, những tín đồ Ca-tô ngoan đạo không thể nào trở thành một người viết sử vô tư được, và tác phẩm lịch sử của họ đều là vô giá trị. Nếu ông TS Tấn là tín đồ Ca-tô ngoan đạo, thì tác phẩm của ông ta ở vào trường hợp này.

Về thuyết Nhân Vị của anh em ông Nhu, phân nhận xét về đoạn văn số 15 ở trên đã nói rồi.

**32.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“TS Tấn nói: những nghi vấn trên đây sẽ được bàn luận “một cách tỉ mỉ” và “những câu trả lời sẽ đặt nền móng cho công việc thẩm định phẩm chất lãnh đạo và những đóng góp lịch sử của Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong 9 năm cầm quyền.”.*

**NHÂN XÉT:** Thẩm định như thế nào để có thể xóa nhòa được thành tích tham tàn, bạo ngược và dã man của ông Diệm và chế độ đạo phiệt Ca-tô của ông ta trong chín năm cầm quyền khiến cho sách sử đả ghi nhận ông Diệm là một trong số 100 tên bạo chúa ác độc nhất trong lịch sử nhân loại.

**33.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Bài khảo luận của TS Tấn “Chủ Nghĩa Nhân Vị, Con Đường Mới, Con Đường của Tiến Bộ” chứa rất nhiều dữ kiện, suy diễn, và phân tích rất tỉ mỉ, buộc độc giả phải đọc kỹ và nghiền ngẫm, không thể kể chi tiết ở đây. Bài này chỉ đề cập đến một số khía cạnh cần được độc giả đặc biệt chú tâm.”*

**NHÂN XÉT:** Cái khía cạnh cần phải chú tâm tìm hiểu là:

a.- Hơn 300 ngàn người bị sát hại trong những chiến dịch làm sáng danh Chúa. [94]

b.- “Ngày 30/11/1961, Tổng Thống John F. Kennedy phê chuẩn cho quân đội Mỹ tiến hành chiến dịch khai quang đồng cỏ Việt Nam. Quyết định này được Ngô Đình Diệm, lúc đó là Tổng Thống Nam Việt Nam ủng hộ nhiệt liệt. Diệm cho rằng ông ta “biết cộng sản ở đâu” và tin rằng chiến dịch này sẽ thành công mỹ mãn.” [95]

Hậu quả của việc làm đại ác này là:

*“Quân đội Mỹ rải 77 triệu lít chất độc da cam xuống miền Nam và Trung Việt Nam, gây ảnh hưởng và tác hại đến môi trường của 2,630,000 mẫu Tây và gần 5 triệu người sống trong 35,585 thôn ấp.”* [96]

.....

**42.- Ông Tôn Thất Thiện nói:**

*“Ông Diệm đã hạ quyết tâm, “chọn con đường hy sinh để bênh*

*vực phẩm giá con người: người ta có thể hủy diệt Ông Diệm, nhưng không thể cướp đi những giá trị thuộc về Ông ấy. Do đó, trên căn bản đạo đức nghề nghiệp, các sử gia có bốn phận đem trả lại cho Ông Diệm những gì thuộc về Ông ấy và nền Cộng Hòa. Hãy trả lại cho lịch sử những gì thuộc lịch sử.”*

**NHÂN XÉT:** ông Tôn Thất Thiện đang đứng trên bục giảng thuyết trình cho các nhà viết sử có căn bản sử học nghe mặc dù từ thuở cấp sách đến trường từ lớp mẫu giáo cho đến khi tốt nghiệp tại một đại học ở nước ngoài, ông chưa hề học hết những bài lịch sử từ A đến Z trong môn Quốc Sử cũng như trong môn Lịch Sử Thế Giới và Lịch Sử Giáo Hội La Mã, chưa hề có một hoạt động nào trong ngành sử học. Chỉ vì ông đã hết lòng cúc cung phục vụ và trung thành với một tên bạo chúa bạo ngược nhất trong lịch sử Việt Nam và còn siêu hơn cả những tên bạo chúa khác trong lịch loài người mà ông phải bận tâm viết bài viết này.

Ông Thiện bảo rằng, *“Hãy trả lại cho lịch sử những gì thuộc lịch sử.”* Người viết cũng xin nói cho rõ nguồn gốc vì đâu có câu nói này và diễn tiến của nó. Như đã trình bày trong Điều 12, Phần II và nhận xét về đoạn văn số 37 Phần III này ở trên, vì lòng tuyệt đối trung thành với Nhà Thờ Vatican và triệt để tuân hành những lệnh truyền của các đấng bề trên, anh em ông Ngô Đình Diệm và chế độ đạo phiệt Ca-tô thời Đệ Nhất Cộng Hòa đã hăm hở thi hành kế hoạch hóa Ki-tô miền Nam bằng bạo lực với dã tâm biến toàn thể nhân dân miền Nam theo Công Giáo trong vòng 10 năm (xem lại lời nhận xét về đoạn văn số 27 ở trên). Kế hoạch này được thể hiện ra bằng những chiến dịch “làm sáng danh Chúa”. Những chiến dịch này được ngụ ý trang là những chiến dịch truy lùng và tiêu diệt Cộng Sản, trong đó có cả những hành động chèn ép và bách hại Phật Giáo. Những chiến dịch ác ôn này đã khiến cho hơn 300 ngàn nạn nhân bị sát hại và hơn một nửa triệu nạn nhân khác bị hành hạ vô man rợ dã man và giam giữ trong những nhà tù Chín Hàm (ở Huế), Phú Lợi, Thủ Đức, Võ Tánh, Cây Mai, Chí Hòa, P42 (ở Sở Thú Sài Gòn) chuồng cộp ở Côn Đảo và hàng ngàn các nhà tù khác ở rải rác khắp mọi nơi trong miền Nam. Trước khi bị đưa về các trại tù này, tất cả các nạn nhân đều bị tra tấn và hành hạ một cách cực kỳ dã man. Xin xem lại Điều 12, Phần II ở trên. Những hành động tội ác và cực kỳ dã man này đã làm cho toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới vô cùng căm phẫn, thù ghét anh em nhà Ngô và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa đến cùng độ của thù ghét. Cũng vì thế mà báo chí và nhân dân Hoa Kỳ cũng như báo

chí và nhân dân thế giới đã tổ chức những cuộc biểu tình khổng lồ, phản đối và lên án những hành động cực kỳ phi nhân và vô cùng tàn ngược này của anh em nhà Ngô và Nhà Thờ Vatican. Cũng vì thế mà chính quyền Dân Chủ Hoa Kỳ của Tổng Thống Kennedy đã phải ra lệnh cho các ông Đại-sứ Ellbridge Durbrow (1957-13/3/1961), Đại-sứ Frederick Nolting (13/3/1961 - 16/6/1963) cảnh cáo anh em ông Diệm về những việc làm phản tiến hóa và dã man trong kế hoạch Kitô hóa nhân dân miền Nam. Rồi sau đó, Tòa Bạch Ốc còn gửi phái đoàn Robert S. Mc Namara đến tận Dinh Gia Long vào ngày 29/9/1963 để răn đe và ra lệnh cho anh em ông Diệm phải thay đổi đường lối, từ bỏ chính sách bạo ngược đối với nhân dân miền Nam, và quay về với lương tâm và lẽ phải. Nếu không, thì sẽ có hậu quả vô cùng tai hại cho cả anh em ông ta và chế độ “cha cố” của anh em ông ta. Thế nhưng, bản chất của những tin đồn Ca-tô ngoan đạo là cuồng tín, và cuồng tín là tổng hợp của ngu dốt và bạo ngược đúng như lời sử gia Bernard B. Fall đã ghi nhận:

*"Tình hiếu chiến của ông Ngô Đình Diệm thuộc loại như thế này: Lòng tin đạo đã biến ông ta thành con người hiếu chiến đến độ tàn nhẫn như một vị Đại Pháp Quan của Tòa Án Dị Giáo trong thời Trung Cổ ở Tây Ban Nha. **Quan điểm của ông ta về chính quyền là hình ảnh của một bạo chúa** theo truyền thống quan lại phong kiến hơn là hình ảnh của một tổng thống theo hiến định của một nước cộng hòa. Một người Pháp theo đạo Kitô La Mã khi nói chuyện với ông ta có ý cao giọng những tiếng "tín ngưỡng của chúng ta" thì ông ta thân nhiên trả lời rằng: "Ông biết mà, tôi tự coi tôi như là một tín hữu Kitô La Mã giống như người Kitô Tây Ban Nha," thế có nghĩa ông ta là một đứa con tinh thần (của Giáo Hội La Mã) với niềm tin hung hăng, dữ tợn và hiếu chiến hơn là một tín đồ dễ dãi và khoan dung giống như người Pháp theo đạo Kitô La Mã." Nguyên văn: "Ngo Dinh Diem's militancy is of that kind: His faith is made less of the kindness of the apostles, than of the ruthless militancy of the Grand Inquisitor; and his view of government is made less of the constitutional strength of a President of the republic than of the petty tyranny of a tradition-bound mandarin. To a French Catholic interlocutor who wanted to emphasise Diem's bond with French culture by stressing "our common faith," Diem was reported to have answered calmly: "You know, I consider myself rather as a Spanish Catholic," i.e., a spiritual son of a fiercely aggressive and militant faith rather than of the easygoing and tolerant approach of Gallican*

Catholicism." [97]

Vì cuồng tín và ngu dốt như vậy, anh em ông Diệm đã không để ý đến lời răn đe và cảnh cáo của chính quyền Hoa Kỳ qua Đại-sứ Ellbridge Durbrow cũng như Đại-sứ Đại-sứ Frederick Nolting và qua phái đoàn Robert S. McNamara đến Dinh Gia Long vào ngày 29/9/1963 như đã nói trong Điều 10, Phần II ở trên. Vì thế mà chính quyền Hoa Kỳ mới ngoảnh mặt đi và bật đèn xanh cho quân dân miền Nam vùng lên vào ngày 1/11/1963, làm cách mạng đập đổ chế độ bạo trị Ca-tô và lôi cổ anh em ông Ngô Đình Diệm ra đập chết vào sáng sớm ngày 2/11/1963.

Thế nhưng các ông tướng lãnh lãnh đạo cuộc cách mạng 1/11/1964 chỉ là những người bắt đắc dĩ phải đứng lên làm lịch sử “khử bạo cứu dân” và cũng là tự cứu bản thân của họ để khỏi rơi vào tình trạng có thể bị ám hại như các ông Hồ Hán Sơn và Trình Minh Thế. Thực sự, họ không phải là các nhà cách mạng và cũng không phải là các nhà chính trị. Vì thế họ không biết tiền liệu và cũng không biết tính xa. Cho nên, họ mới ngây thơ ngủ mơ trên chiến thắng nhất thời. Vì vậy, họ mới lúng túng không biết cách làm thế nào để duy trì quyền lực và cũng không biết cần phải thi hành những chính sách của một chính quyền cách mạng để “diệt tận gốc trốc tận rễ” tất cả những tàn tích của Nhà Thờ Vatican còn vương lại trong chính quyền cũng như trong xã hội miền Nam, giống như chính quyền Cách Mạng Pháp 1789, chính quyền Cách Mạng Ý 1870, chính quyền Cách Mạng Mễ Tây Cơ 1857 và 1917 đã làm. Cũng vì thế mới có cuộc Chính Lý vào ngày 30/1/1964, dọn đường cho việc hình thành chế độ quân phiệt Ca-tô Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 19/6/1965 và chính thức ra đời vào ngày 3 tháng 9 năm 1967:

*“Ngày 3/9/1967, nhờ sự tiếp tay của Hồng Y New York là Francis Spellman và Đại-sứ Ellsworth Bunker. Thiệu “đắc cử” Tổng Thống nền Đệ Nhị Cộng Hòa (1967-1975) với 34.8% số phiếu.”*[98]

Kể từ đó, “bọn qua đen” và băng đảng Cần Lao công khai trở lại sân khấu chính trị miền Nam và lũng đoạn chính quyền, chia nhau vơ vét tài nguyên quốc gia, giành chiếm cho tén đồ Ca-tô những chức vụ chỉ huy trong các cơ quan chính quyền cũng như trong quân đội để cùng nhau bóc lột và vơ vét cho đầy túi tham một cách hết sức trắng trợn, giống y hệt như chúng đã làm trong những năm 1954-1963, nhưng ở mức độ tinh vi hơn. Trắng trợn hơn nữa, trong những năm này, các ông “*thà mất nước, chứ không thà mất Chúa*” còn cho ra đời cái gọi là “*Phục hưng tinh thần Ngô Đình Diệm*”, cho phát hành cuốn

“Bên Giòng Lịch Sử” của Linh-mục văn nô Cao Văn Luận và bộ sách gồm hai cuốn *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống* của Lương Khải Minh (Trần Kim Tuyền) và Cao Thế Dung để tô son điểm phấn cho cá nhân ông Ngô Đình Diệm cùng chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa, và cũng là để hỗ trợ cho cái phong trào quái đản trên đây. Ngoài ra, lại còn có tờ báo *Xây Dựng* của Linh-mục Nguyễn Quang Lâm và tờ báo *Hòa Bình* của Linh-mục Trần Du làm cái loa cho bộ máy tuyên truyền của Nhà Thờ Vatican theo chính sách “Tăng Sấm giết người” để tôn vinh ông Ngô Đình Diệm như là một nhà đại ái quốc đã chết vì dân tộc, bóc thorn anh em Nhà Ngô và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa lên đến chín từng mây. Dĩ nhiên là những hành động gian manh, bóp méo lịch sử như trên để đánh lừa người đời và hậu thế đã làm cho đại khối nhân dân vô cùng khinh bỉ, hết sức căm giận bằng đảng văn nô Ca-tô và Nhà Thờ Vatican. Như vậy là câu nói “*Hãy trả lại cho lịch sử những sự thật của lịch sử*” phải là câu nói của đại khối nhân dân bị trị thuộc tam giáo cổ truyền, những nạn nhân khốn khổ của Nhà Thờ Vatican ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1954-1975. Nhưng dưới chế độ quân phiệt Ca-tô Nguyễn Văn Thiệu, không có một tác phẩm lịch sử nào của các nhà viết sử có căn bản sử học được phổ biến cả.

Từ cuối năm 1975, ở hải ngoại, các hội đoàn người Việt tại các địa phương ở Bắc Mỹ và ở Úc cũng như các phương tiện truyền thông và tổ chức sản xuất các băng nhạc ở hải ngoại đều do những người “*thà mất nước, chứ không thà mất Chúa*” kiểm soát và khống chế. Họ đã biến các hội đoàn người Việt địa phương tại Bắc Mỹ và tại Úc Châu thành một thứ chính quyền đạo phiệt Ca-tô đối với người Việt ở trong vùng của họ. Họ hăm dọa và khủng bố tất cả những người Việt bất đồng chính kiến với họ, đặc biệt là những người cầm bút có những tác phẩm nói lên những sự thật lịch sử có liên hệ đến các chính quyền miền Nam Việt Nam hay có liên hệ đến Nhà Thờ Vatican. Họ hành xử trong các cộng đồng người Việt hải ngoại giống y hệt như họ đã hành xử ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1954-1975. Tệ hơn nữa, họ còn hăng say đẩy mạnh những chiến dịch bóp méo lịch sử theo chính sách “cả vú lấp miệng em” để tôn vinh tên bạo chúa phản thần tam đại Việt gian Ngô Đình Diệm và tô son điểm phấn cho nền Đệ Nhất Cộng Hòa gấp bội phần khi còn ở miền Nam trong thời chế độ quân phiệt Ca-tô Nguyễn Văn Thiệu 1967-1975, vì rằng ở hải ngoại, đã bắt đầu có những tác phẩm lịch sử của những người có căn bản sử học được phổ biến mà họ không có cách nào cấm cản được.

Thế nhưng, bàn tay không che nổi mặt trời. Sự thật lịch sử vẫn là sự thật lịch sử. Trong khi những tác phẩm của những người có căn bản sử học được trình bày bằng những lập luận có sức thuyết phục với những lý luận thuận lý và có những tài liệu sử trung thực tham khảo ở trong các thư viện và internet để hỗ trợ, thì những tác phẩm của họ chỉ là những sản phẩm của những người không có căn bản sử học với những giọng điệu nhập nhằng, cãi cớ cãi chày và bằng những lập luận vòng vo, quanh co, lươn lẹo không được hỗ trợ bằng những tài liệu sử trung thực. Vì thế mà những cuốn ngụy thư do họ biên soạn chỉ là “công dã tràng” vì rằng các nhà sử viết sử có căn bản sử học đã khẳng định rằng *“Ngô Đình Diệm là một tên bạo chúa phản thần tam đại Việt gian và cũng là một trong số 100 tên bạo Chúa ác độc nhất trong lịch sử nhân loại, và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa ở miền Nam là một chế độ tham tàn và bạo ngược nhất trong lịch sử Việt Nam và trong lịch sử nhân loại.”*<sup>[99]</sup>

Rút cuộc, cái âm mưu che đậy những rặng núi tội ác của anh em Nhà Ngô và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa bằng cách biên soạn những ngụy thư như vậy của họ bị thất bại nã nề. Chính vì lẽ này mà ông Tôn Thất Thiện mới tru tréo kêu gào *“Hãy trả lại cho lịch sử những gì thuộc lịch sử.”*

Đến đây, chúng ta có thể hình dung ra hình ảnh ông Tôn Thất Thiện đang đứng trên bục giảng thuyết trình cho các nhà viết sử mặc dù từ thuở cấp sách đến trường từ lớp mẫu giáo cho đến khi tốt nghiệp tại một đại học ở nước ngoài, ông chưa hề học hết những bài lịch sử từ A đến Z trong môn Quốc Sử cũng như trong môn Sử Thế Giới, và cũng chưa hề có một hoạt động trong ngành sử học. Chỉ vì ông đã hết lòng cúc cung phục vụ và trung thành với một tên bạo chúa bạo ngược nhất trong lịch sử Việt Nam và còn siêu hơn cả những tên bạo chúa khác trong lịch sử loài người, chỉ vì tên bạo chúa này đã bị cả nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới đều ghê tởm, đã bị các nhà viết sử ghi nhận là một trong số 100 tên bạo chúa ác độc nhất trong lịch sử loài người, cho nên ông Thiện mới cảm thấy đau xót, muốn biến tên ác quỷ này thành ông thánh đúng theo truyền thống của Nhà Thờ Vatican:

*“Hàng ngàn năm, để bưng bít và che dấu bảy chương tội đối ngoại và một chương tội đối nội là tám, nghệ thuật tuyên truyền của Giáo Hội Rôma phải đạt đến chỗ cực kỳ ảo diệu, thiên biến vạn hóa, một nghệ thuật tuyên truyền thần thánh, một nghệ thuật tuyên truyền nhồi sọ tuyệt vời: Giáo Hội là Thánh, Giáo Hội là Mẫu Nhiệm, Giáo*

*Hội là Bí Tích, Giáo Hội là Hiền Thê Đức Giê-su, Giáo Hội là Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền, Giáo Hội là Vương Quốc của Thiên Chúa... Giáo Hội tự nhận cho mình hết tất cả những khái niệm cao cả thánh thiện, vừa linh thiêng siêu hình, vừa hữu hình thể tục, chẳng bỏ sót một phạm trù nào! Ngoài nghệ thuật tuyên truyền, Giáo Hội vẫn phải xây “vạn lý trường thành đức tin” và bùng bức “màn sắt thần học” lên đầu đoàn chiên. Mỗi tòa giảng là cái loa tuyên truyền, dựa vào khoa thần học phù phép, ảo thuật biến “núi tội thành con chuột”, “kẻ cướp mặc áo thầy tu”, và “quỷ Satan có diện mạo ông thánh.”<sup>[100]</sup>*

Vì quen sống với truyền thống lừa bịp người đời như trên của Nhà Thờ Vatican, ông Tôn Thất Thiện cũng ti toe viết bài “Cần thẩm định lại giá trị của ông Ngô Đình Diệm & nền Đệ Nhất Cộng Hòa” để ù xoạng, nhập nhằng đánh lừa hậu thế mà không biết rằng làm như vậy là “múa riu qua mắt thợ.” Ông tru tréo kêu gào “Hãy trả cho lịch sử những gì của lịch sử” mà không biết rằng “những gì thuộc về lịch sử đã được trả lại cho lịch sử” bằng lời khẳng định rằng “tên Ngô Đình Diệm là thằng bạo chúa phản thần tam đại Việt gian” và là “môt trong số 100 tên bạo chúa ác độc nhất trong lịch sử nhân loại”, rằng “chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa là một chế độ tham tàn, bạo ngược và dã man nhất trong lịch sử Việt Nam và lịch sử nhân loại”, và rằng: “chính quyền Ngô Đình Diệm là “Triều Đại Ngô Đình Diệm và Băng Đảng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu (Diem's Dynasty and the Nhu Bandits.”

Ai cũng biết rằng ông Tôn Thất Thiện biết rõ về bản thân của ông hơn ai hết là “kiến thức về sử họ của ông chỉ là con số không vĩ đại (un grand zéro tout rond). Tiền nhân ta thường dạy, “Biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.” (Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri giả.) Xin ông Thiện hãy tự trọng! Hãy giữ lại một chút liêm sỉ để nhìn lại bản thân, tự xét mình có tư cách gì để nói câu nói này. Kẻ sĩ ngày xưa còn có cái dũng và cái liêm sỉ của kẻ sĩ. Chẳng lẽ người trí thức ngày nay có bằng tiến sĩ như ông Tôn Thất Thiện lại không có một chút tối thiểu liêm sỉ hay lương tâm của người trí thức hay sao?

## CHÚ THÍCH

- [78] Alfred W. McCoy, *The Politics of Heroine in Southeast Asia* (New York: Harper & Row, Publishers, 1972) tr.90-223, và Bradley S. O'Leary & Edward Lee, Vụ Án Sát Sát Ngõ Đình Diệm & J.K Kennedy (Phạm Viem Phương & Mai Sơn chuyển dịch (Nhà Xuất Bản Tự Do, 2000), tr. 304-319.
- [79] Bernard B. Fall, *The Two Vietnams* (New York, 1964), tr.245-246.
- [80] Hồ Văn Kỳ Thoại, *Can Trường Trong Chiến Bại (Falls Church, VA: TXN, 2007), tr.273-274.*
- [81] Nguyễn Mạnh Quang, *Nói Chuyện Vóei Tổ Chức Việt Nam Cộng Hòa Foundation* (Houston, TX: Đa Nguyên, 2004), tr. 127-131.
- [82] Xem chú thích 69 ở trên.
- [83] Xem chú thích 70 ở trên.
- [84] Xem chú thích 66 ở trên.
- [85] Đoàn Thêm, *1945-1954 Việc Từng Ngày* (Los Alamos, CA: Xuân Thu, 1980?), tr.147.
- [86] Lê Hữu Dân, *Sự Thật - Đặc San Xuân Đình Sứ* 1997 (Fremont, CA: TXB, 1997), tr. 23-24.
- [87] Lê Hữu Dân, Sdd., tr.26-27.
- [88] Bernard B. Fall, *The Two Vietnams* (New York: Frederick A. Praeger, 1964), pp. 245-246.
- [89] Edward G. Lansdale, *Tôi Làm Quân Sư Cho Tổng Thống Ngõ Đình Diệm* (Sài Gòn: Đại Nam, 1972), tr. 199-202.
- [90] Arnold Schrier & T. Walter Wallbank, *Living World History* (Glenview, IL: Scott, Foresman and Company, 1974), P. 398
- [91] Malachi Martin, *The Decline And Fall of The Roman Church* (New York: Putnam's Sons, 1981) pp. 232-233.
- [92] Malachi Martin, *Rich Church Poor Church* (New York: Putnam's, 1984), p. 170
- [93] Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu 1939-1975 - Tập I-C 1955-1963* (Houston, TX: Văn Hóa, 1997), tr.33.
- [94] Xem chú thích 81 ở trên
- [95] Xem chú thích 69 ở trên.
- [96] Xem chú thích 70 ở trên.
- [97] Bernard F. Fall, Ibid., p. 236.
- [98] Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu Nhân Vật Chí* (Houston, TX:

Văn Hóa, 1993), tr. 397.

[99] Nguyễn Mạnh Quang, *Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư 1954-1963* (Houston, TX: Văn Hóa, 2000), tr.211-215, xem Nigel Cawthorne, *Tyrants History's 100 Most Evil Despots & Dictators* (London, Arcturus, 2004), tr. 167-168, và xem lại lời nhận xét về đoạn văn số 12 ở trên.

[100] Phan Đình Diệm. “Mea Culpa” Bài 3: Giáo Hội Công Giáo Roma La-tinh Cáo Thú Tội Lỗi Ngàn Năm.” [www.kitohoc.com/Bai/Net066.htm](http://www.kitohoc.com/Bai/Net066.htm) Ngày 4/5/2000.  
<http://www.sachhiem.net/NMQ/NMQ14-3.php>

## LÀM THẾ NÀO ĐỂ DỪNG ĐỨNG MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ? SƠN-SÊN-SAWYER-SỬ ... VÀ SCOTT

*Trần Lâm*

Sau khi được cụ Đình Từ Thức trả lời câu hỏi liên quan đến một biến cố quan trọng trong lịch sử miền Nam Việt Nam, tôi lại được đọc trên diễn đàn talawas bài “Sơn – Sên – Sawyer – Sử”, một bài bàn luận về cách (không nên) viết sử do Nguyễn Hoàng Văn ở Sydney chấp bút. Câu trả lời của cụ Thức đã giúp tôi có thêm dữ kiện để nhận ra rằng tựa đề của bài này còn thiếu ít nhất là một tên: Scott. Scott đây tất nhiên là đại úy Scott, người mà **theo Cao Thế Dung chính là hung thủ gây ra vụ đổ máu tại đài phát thanh Huế** vào tháng 5 năm 1963.

Câu chuyện về đại úy Scott đã được ông Dung kể lại lần đầu tiên trên một tờ báo phát hành ở miền Nam trước tháng 4 năm 1975. Bây giờ bạn đọc có thể đọc chuyện này từ trang 326 đến trang 330 trong thiên bút ký lịch sử *Làm thế nào để giết một Tổng thống?* do Cơ sở Văn hóa Đông Phương tái bản tại Hoa Kỳ năm 1988. Theo ông Dung thì việc Scott đặt chất nổ ở Huế được chính đương sự kể lại cho đại úy Bửu nghe. **Ngoài lời kể đó ra, ông Dung không cung cấp bằng chứng nào khác.** Chỉ có bao nhiêu đó thôi cũng đủ làm cho chúng ta nghi ngờ sự khả tín của câu chuyện này. Tuy nhiên, sự khả tín của nó có thể sẽ rơi xuống dưới mức zero nếu chúng ta biết rằng ông Dung là người **có trí tưởng tượng rất phong phú.** Các bạn chỉ cần đọc những gì ông ta đã khai trước Tòa Thượng thẩm hạt Santa Clara, Bắc California năm 1994, để biết được ông ta có óc tưởng tượng phong phú đến cỡ nào và từ đó lượng định mức khả tín của ông ta cao hay thấp đến bao nhiêu. Bạn nào hiếu kỳ thì có thể đọc lời khai này từ trang 133 đến trang 135 trong cuốn *Một ngày có 26 giờ* của Nguyễn Vũ Vũ Ngự Chiêu, người có mặt trong Tòa cùng một lúc với ông Dung.

Có lẽ câu chuyện hoang tưởng về đại úy Scott **hợp với khẩu vị**

**chính trị của một thành phần nào đó** trong xã hội miền Nam trước tháng Tư 1975 và tại hải ngoại sau đó, nên nó đã tạo được một ảnh hưởng rất sâu đậm ngay cả với những người có học vấn tương đối cao hay rất cao. Đại úy Scott không những đã xuất hiện nơi trang 24 của một assignment paper do một sinh viên gốc Việt tại một đại học Hoa Kỳ viết, mà còn được một nhà khoa bảng và trí thức hàng đầu của miền Nam Việt Nam đối đãi như một nhân vật lịch sử. Trong một loạt bài được đăng trên trang nhà của nhóm Thông Luận năm 2007, loạt bài mà nhóm này *“trân trọng gửi đến bạn đọc... như những chứng tích hiếm hoi còn lại do một người chứng đương thời của một thời kì trăm hoa đua nở đã thực sự có mặt trên phần đất nước bị chia cắt,”* Giáo sư **Nguyễn Văn Trung** đã hạ bút chép: *“Vụ nổ plastic ở đài phát thanh Huế, do đại úy cô vấn đơn vị Biệt động Quân tên là Scott, xác nhận thừa lệnh trên trao cho trung úy Thiệu, thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh ở Huế ném vào đám đông.”*

Trong giới nghiên cứu Mỹ thì đại úy Scott đã được ít nhất là hai học giả có cảm tình với cố Tổng thống Ngô Đình Diệm đưa vào những trang sử do họ viết. Năm 1987, **Ellen Hammer** còn e dè thú thật rằng bà **không thể chứng minh hay phủ nhận sự khả tín** của câu chuyện về viên đại úy này, nhưng đến năm 2001 thì **Arthur Dommen** có vẻ không còn bận tâm với những chuyện lẻ tẻ như vậy nữa. Trong một cuốn sử dày gần 1200 trang do Indiana University Press xuất bản, ông dường như đã chấp nhận rằng Scott đích thực là thủ phạm đặt chất nổ giết người tại đài phát thanh Huế vào đêm ngày 8 tháng 5 năm 1963. *“Lịch sử... chính là một cô á bán tròn bởi nếu có quyền hay có tiền trong tay là người ta có thể sở hữu cái... tròn của cô á được.”* Đây là định nghĩa mà Nguyễn Hoàng Văn đã mượn của một sử gia Trung Hoa. Không biết nó có thể được áp dụng vào việc chép sử về đại úy Scott hay không. Dù sao đi nữa, chỉ trong vòng ba mươi năm mà viên sĩ quan người Mỹ này đã có thể vượt qua một đoạn đường dài, bỏ lại sau lưng trang báo Việt ngữ, nơi chôn nhau cắt rún của ông, để bước vào một công trình nghiên cứu nguy nga đồ sộ, đầy hàn lâm tính, được nhà xuất bản của một đại học có tầm vóc tại Hoa Kỳ đưa đến tay bạn đọc!

Nguyễn Hoàng Văn viết: *“Cái khó là khi đối diện với những vấn đề của lịch sử chúng ta hiếm khi đối diện với một cái nhìn công bằng, ngay thẳng và không tránh né... Chúng ta vẫn ngây ngô ngờ nghệch trước ‘bảy chữ tám nghề’ của mấy á điểm lịch sử.”* Trường hợp của đại úy Scott cho thấy việc **ngụy tạo lịch sử** không phải là việc

thuộc độc quyền của người cộng sản. Bởi vậy khi đăng đàn thuyết giảng về phương pháp viết sử, một vị pháp sư không nên chỉ triệu những cô hồn quen thuộc, mà người Tây phương thường gọi là *the usual suspects*, như Dương Văn Nga, Trần Dân Tiên hay Lê Văn Tám đến đàn tràng để nghe “thuyết pháp.” Với một bảng phong thần đơn điệu và một chiều như vậy tôi e rằng thánh giả sẽ nghĩ vị pháp sư này chưa cao tay ấn.

Cách đây hai mươi năm về trước, Tạ Chí Đại Trường đã chê việc ông Viện trưởng Viện Sử học ở Hà Nội đem cái tên Văn Nga đẹp đẻ của tuồng cải lương gán cho bà Dương Thái Hậu của thế kỷ X. Ông chê việc làm này trong khi còn sống dưới một chế độ toàn trị, thiếu thông tin, thiếu tự do tư tưởng, nơi mà “học giả” ăn lương nhà nước thường mượn thể lực chính trị để bịt miệng đối thủ của mình. Thế nên lời nói của ông vào lúc đó mới có giá trị khai phá, phản ánh khả năng chuyên môn và, quan trọng hơn, cái khí phách ngang tàng được thừa hưởng từ các sử quan thời Xuân Thu Chiến Quốc. Đó có lẽ là lý do tại sao sách do ông viết được người trong nước chuyền tay nhau để ngấu nghiến đọc. Sự đón tiếp nồng nhiệt mà độc giả tại quốc nội đã dành cho tác phẩm của vị sử gia bị vô sản hóa này cho thấy một tập đoàn toàn trị như chế độ cộng sản chưa phải là một mối nguy đe dọa khả năng tiếp cận lịch sử của quần chúng Việt Nam. Sau bao năm sống dưới chế độ này, họ rõ ràng còn có dư sức để phân biệt được thể nào là chính sử và thể nào là ngụ sử. Cho nên, mối nguy đáng sợ hơn CSVN có lẽ chính là thái độ thờ ơ, thiếu cảnh giác của chúng ta đối với việc **dựng đứng một nhân vật lịch sử** trong một xã hội tự do hay tương đối tự do. Nếu chúng ta không coi chừng thì một ngày nào đó đa số người Việt có thể sẽ tin rằng phong trào Phật giáo 1963 thật ra chỉ là một biến động do Mỹ giật dây, với đại úy Scott trong vai trò người châm ngòi nổ.

## ĐẠI UÝ JAMES SCOTT, TIẾN SĨ CAO THỂ DUNG VÀ BÁC SĨ TRẦN KIM TUYẾN

*Trần Lâm*

Vụ đổ máu tại Đài Phát thanh Huế trong đêm ngày 8 tháng 5 năm 1963 là một biến cố quan trọng trong lịch sử miền Nam Việt Nam. Nếu chúng ta không tìm hiểu biến cố này một cách tường tận thì chúng ta khó có thể đánh giá một cách chính xác phong trào Phật giáo đấu tranh nổi lên sau đó. Căn cứ vào sự lưu tâm mà các độc giả đã dành cho bài “Làm thế nào để dựng đứng một nhân vật lịch sử? (1) – Sơn – Sến – Sawyer – Sử ... và Scott” do tôi viết, tôi thấy vẫn còn có người chưa muốn hoặc chưa có thể chấp nhận rằng **đại úy Scott là sản phẩm của trí tưởng tượng rất phong phú của Cao Thể Dung**. Vì nghĩ rằng ngày nào còn có người tin rằng viên sĩ quan người Mỹ này là hung thủ gây ra vụ đổ máu nói trên, thì ngày ấy chúng ta chưa có thể đối diện những vấn nạn của lịch sử Việt Nam Cộng hoà *“với một cái nhìn công bằng, ngay thẳng và không tránh né,”* nên tôi quyết định viết một bài thứ hai về nhân vật này để giải đáp một cách thấu đáo những nghi vấn cuối cùng mà hình như một số độc giả đang dựa vào để khỏi phải công nhận rằng **đại úy Scott chỉ là một nhân vật được dựng nên**.

### ■ **Bác sĩ Trần Kim Tuyến**

Câu chuyện về đại úy Scott được kể lại lần đầu tiên trên một tờ báo phát hành ở miền Nam trước tháng Tư năm 1975. “Bồi là người sinh sau đẻ muộn tại một thị xã hẻo lánh cách các trung tâm văn hóa như Sài Gòn hay Huế rất xa,” nên tôi chưa bao giờ được đọc tờ báo này. Nhưng căn cứ vào thông tin do cụ Đình Từ Thức và cố học giả Ellen Hammer cung cấp, tôi có thể kết luận độc giả miền Nam đã làm quen với đại úy Scott lần đầu tiên qua một loạt bài được đăng trên báo *Hòa Bình*. Chính cụ Thức là người đặt cho loạt bài này cái tên *“Làm thế nào để giết một Tổng thống?”* quen thuộc với chúng ta

hôm nay. “[S]au khi loạt bài đăng báo chấm dứt, tác giả cho in thành sách, vẫn dùng tên cũ.” Như đã nói trong bài trước, thiên bút ký lịch sử này được Cơ sở Văn hóa Đông Phương tái bản lần thứ ba tại Hoa Kỳ năm 1988 và bạn đọc bây giờ có thể theo dõi những cuộc phiêu lưu của đại úy Scott trên chiến trường Việt Nam từ trang 326 đến trang 331 trong sách đó.

Tuy trên bìa sách lúc nào cũng ghi Cao Thế Dung và Lương Khải Minh, tức BS Trần Kim Tuyến, là tác giả, nhưng lúc tôi hỏi cụ Thúc về đại úy Scott thì cụ chỉ nhắc đến ông Dung mà thôi. Cụ viết: *“Tôi đặt tên cho bút ký ‘Làm thế nào để giết một Tổng thống’ trước khi loạt bài này được đăng báo. Tác giả viết tới đâu, đăng tới đó. Khi đặt tên, tôi không được biết Scott là ai. Đến khi đọc thấy nói Scott là người đặt chất nổ, tôi hỏi tác giả, thì ông CTD xác nhận chuyện đó là thật, và hứa hôm nào sẽ đưa Scott lại tòa báo giới thiệu.”* Chính ông Dung cũng viết ở trang 606 của cuốn sách nói trên rằng BS Tuyến chỉ là người cung cấp tài liệu, còn ông mới thật sự là người chấp bút.

Có ít nhất là một độc giả trên diễn đàn Talawas, độc giả Bình, đã vin vào vai trò đồng tác giả của BS Tuyến trên bìa sách để phủ nhận tính chất hoang tưởng của câu chuyện về đại úy Scott. Ông (hay bà) Bình biện bạch: *“[C]ùng viết chung với ông CTD là tác giả Lương Khải Minh. Ông này là ai? ... Theo tôi biết thì Lương Khải Minh là bút danh của BS Trần Kim Tuyến, nhân vật có quyền uy rất lớn trong chế độ Tổng thống Ngô Đình Diệm, thành lập cơ sở ‘tình báo’ của chế độ. BS Tuyến biết gì về Scott? Như vậy, vụ Scott không thể bác bỏ một cách ‘cảm tính’ ... được.”*

Điều đáng nói ở đây là việc chính BS Tuyến đã **phủ nhận vai trò người cung cấp tài liệu hoặc đồng tác giả mà Cao Thế Dung đã cố gắng gán cho ông**. Sự phủ nhận này được Vũ Khánh Thành ghi lại trong một bài viết về BS Tuyến đăng trên trang Việt ngữ của đài BBC ngày 18 tháng 9 năm 2007. Vũ Khánh Thành: *“Tôi chỉ quen Bác sĩ Tuyến từ năm 1980 do Cha Gastine (tên Việt là Bùi Đức Tín), nguyên Giám đốc Đại Chung viện Xuân Bích Vĩnh Long, thầy dạy của tôi và tôi đã quen ngài trước đó. Cha Gastine thấy tôi được tàu Anh vớt, được ở bên Anh và tôi đang làm cho chương trình định cư của Bộ Nội vụ Anh đưa 25 ngàn người Việt từ Hồng Kông qua định cư ở Anh Quốc nên ngài giới thiệu Bác sĩ Tuyến cho tôi vì Bác sĩ Tuyến cũng học Đại Chung viện Xuân Bích Hà Nội trước năm 1954 và là học trò của ngài.”*

Ông Thành cho biết ông có hỏi BS Tuyến nhiều về thiên bút ký

lịch sử nói trên và đã được BS Tuyền chia sẻ cảm nghĩ của ông về cuốn sách này. *“Bác sĩ Tuyền có nói, Cao Thế Dung có gặp tôi để nghị viết chung hay cho tài liệu để viết về cái chết của Tổng thống Ngô Đình Diệm do phe đảo chính của Dương Văn Minh, Mai Hữu Xuân, Tôn Thất Đính, Đỗ Mậu... chủ mưu với sự cộng tác của Hoa Kỳ. Bác Sĩ Tuyền nói, viết sách làm chi...”* Và BS Tuyền kết luận: *“Cao Thế Dung viết lằng nhằng, có nhắc đến tôi trong sách, tôi rất bức nhưng cũng chẳng làm ầm lên làm gì.”*

BS Tuyền bây giờ đã là người thiên cổ, nên không thể xác nhận (hay phủ nhận) được những gì Vũ Khánh Thành viết về mình, mặc dù chúng ta hiện giờ không có lý do cụ thể nào để hoài nghi sự xác tín của những gì ông Thành đã viết. Tuy nhiên, để nói cho hết lý, chúng ta hãy thử giả định rằng BS Tuyền quả thật là người cung cấp tài liệu để cho Cao Thế Dung viết sách. Trong trường hợp đó, chúng ta có được phép tin những điều mà BS Tuyền có thể đã nói với ông Dung về việc Scott đặt chất nổ giết người tại Đài Phát thanh Huế hay không?

Muốn tìm được câu trả lời, chúng ta trước tiên phải biết rằng **vào năm 1963 BS Tuyền đã bị thất sủng**. William Colby, một chuyên viên tình báo cao cấp hoạt động lâu năm tại miền Nam Việt Nam, có kể lại ở trang 150 trong tập hồi ký *Lost Victory* rằng sau khi phong trào Phật giáo đấu tranh đẩy lên, BS Tuyền cùng một số người khác **mưu tính thay thế Tổng thống Diệm**, vì họ kết luận ông Diệm đã đánh mất sứ mệnh mà người Mỹ trao cho ông. Còn cố học giả Hammer thì viết nơi trang 249 của cuốn *A Death in November* rằng BS Tuyền cùng với đại tá Phạm Ngọc Thảo, Tổng Thanh tra Chương trình Ấp Chiến lược, và đại tá Đỗ Mậu, Giám đốc Nha An ninh Quân đội, âm mưu lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Một số tài liệu CIA được giải mật (và được lưu trữ tại trang nhà [www.cia.gov](http://www.cia.gov)) cũng xác nhận **những hoạt động chống chế độ của BS Tuyền** mà Colby và Hammer đã cho chúng ta biết trong sách của họ. Tuy nhiên đến năm 1971 thì BS Tuyền, theo bà Hammer trong trang sách nói trên, lại viết một loạt bài đăng trên báo để biện bạch cho chế độ Ngô Đình Diệm và để thanh minh thanh nga cho vai trò mờ ám của chính mình trong năm 1963...

Chính vì những lý do vừa được nêu ra, nên ngay trong trường hợp chúng ta tạm chấp nhận giả thuyết BS Tuyền là người đã cung cấp tài liệu về đại úy Scott cho Cao Thế Dung, chúng ta vẫn phải nhận định rằng dù cho việc đó có thật sự xảy ra đi nữa thì BS Tuyền

rõ ràng cũng không phải là một nguồn tài liệu vô tư và khả tín. Căn cứ vào sự phân tích này, tôi kết luận chúng ta phải loại yếu tố Trần Kim Tuyến ra khỏi việc thẩm định tính khả tín của câu chuyện về đại úy Scott. Chúng ta chỉ cần phải lưu ý đến ông khi có người *chứng minh* được rằng: **a.** BS Tuyến thật sự là người đã cung cấp tài liệu cho Cao Thế Dung và **b.** ông ta là một người hoàn toàn vô tư khi làm việc đó.

### ■ Tiến sĩ Cao Thế Dung

*Lời quê chấp nhất đông dài,*

*Mua vui cũng được một vài trống canh.*

Nguyễn Du

Khi tôi bác bỏ câu chuyện về đại úy Scott như một chuyện không đáng tin, vì Cao Thế Dung, người kể lại nó, là một người có trí tưởng tượng rất phong phú, thì độc giả Bình nói trên có bảo rằng tôi chỉ căn cứ vào sự phỏng đoán của tôi để đưa ra lời phản bác đó. Nhưng thật sự thì sức tưởng tượng vô cùng dồi dào của ông Dung là một sự kiện không ai có thể chối cãi được.

Sau khi sang Hoa Kỳ, ông Dung thường tuyên bố ông **đã đậu bằng tiến sĩ tại Đại học Georgetown hay Columbia vào năm 1980 hoặc 1981**, với một luận án mang tên là “The role of the Chinese merchants in Vietnam’s rice market 1865-1965.” Có lẽ để thanh toán một mối ân oán giang hồ nào đó, nên *Cửu Long Lê Trọng Văn* đã bỏ ra công sức và thời gian để điều tra lời tuyên bố nói trên của *Vị Hoàng* Cao Thế Dung. Kết quả của cuộc điều tra này được ông Văn công bố trong cuốn *Lột mặt nạ những con thò lò chính trị*, do Mẹ Việt Nam xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1991. Ông Văn cho biết ông đã viết thư cho Đại học Georgetown và Đại học Columbia để hỏi về mảnh bằng PhD của ông Dung, nhưng Georgetown không trả lời, còn Columbia thì cho biết ông Dung không có tên trong hệ thống computer của họ. Theo lời chỉ dẫn của một ông tiến sĩ thứ thiệt, Lê Trọng Văn sau đó ra thư viện tìm bộ DISSERTATION ABSTRACTS INTERNATIONAL của năm 1980 và 1981 để tham khảo, vì “*trong đó có ghi tất cả danh sách những người đỗ tiến sĩ tất cả mọi ngành cùng với tên luận án, tên trường đại học trên toàn thế giới tự do.*” Tuy tìm đi kiểm lại rất kỹ lưỡng, nhưng cuối cùng vẫn không thấy tên Cao Thế Dung đâu, cả nơi vần C lẫn vần D trong mấy quyển sách đồ sộ đó. Như thế thì Lê Trọng Văn đã mở đường cho độc giả kết luận rằng cái mà ông gọi là “*văn bằng tiến sĩ lúa gạo*” của Cao Thế Dung

thật sự chỉ hiện hữu trong óc tưởng tượng rất phong phú của ông này mà thôi.

Cuốn sách của Lê Trọng Văn có thể là yếu tố khiến Cao Thế Dung phải tưởng tượng một câu chuyện ly kỳ hơn, khi ông bị trát đòi ra hầu toà tại Toà Thượng thẩm hạt Santa Clara, Bắc California năm 1994. Theo lời tường thuật của Nguyên Vũ **Vũ Ngự Chiêu**, người có mặt trong toà cùng một lúc với Cao Thế Dung, thì ông Dung đã khai trước toà rằng sau khi tốt nghiệp bằng cử nhân Việt Hán tại Đại học Văn khoa Sài Gòn năm 1967, ông “*tiếp tục ghi danh học hàm thụ chương trình Tiến sĩ của trường Ecole Universelle de Paris, và năm 1974 thi tốt nghiệp. Nhận bằng xong, ông mang ra mỗ bà mẹ nuôi, đốt đi cúng mẹ, vì bà không những đã nuôi dưỡng Cao Thế Dung từ nhỏ mà còn khuyến khích họ Cao kiếm cho được mảnh bằng Tiến sĩ.*”

Câu chuyện đốt bằng trước mộ mẹ nuôi này đã có một tác dụng khả đoán nơi người nghe. Nguyên Vũ Vũ Ngự Chiêu kể tiếp: “*Lời khai của Cao Thế Dung khiến không khí phiên tòa sôi động hẳn lên, phá vỡ bầu không khí nặng nề suốt 8 ngày qua. Thẩm phán Biafore cũng phải bật cười, nhưng cố tạo vẻ nghiêm chỉnh trở lại. Bồi thẩm đoàn che miệng cười – và, sau khi xuống phòng nghỉ giải lao – còn mang theo tiếng cười ròn rã trở lại phòng xử.... Tôi cũng cười chảy nước mắt, xen lẫn trong những cơn ho vì chớm cảm lạnh.*”

Như có nói trong bài trước, tác phẩm ứng khẩu độc đáo mà Vị Hoàng Cao Thế Dung trình làng tại Toà Thượng thẩm hạt Santa Clara năm 1994 đã được Nguyên Vũ Vũ Ngự Chiêu ghi lại từ trang 133 đến trang 135 trong cuốn *Một ngày có 26 giờ*, do Văn Hoá xuất bản tại Houston năm 1995. Chính quyển bút ký này và cuốn *Lột mặt nạ những con thò lò chính trị* của Cửu Long Lê Trọng Văn đã dọn sân cho tôi khẳng định đại úy Scott chỉ là một nhân vật do ông Dung dựng nên. Làm sao chúng ta có thể tin rằng viên sĩ quan bí ẩn này là một nhân vật có thật, khi hành trạng của ông ta chỉ được kể lại bởi một người giàu trí tưởng tượng như Cao Thế Dung? Xin nhắc lại, ngoài lời tường thuật của Cao Thế Dung, chúng ta không có bất cứ dấu hiệu cụ thể nào khác về việc đại úy Scott đặt chất nổ giết người tại Đài Phát thanh Huế.

Tại sao lại vẫn còn có người tin một câu chuyện hoang đường như thế này vào đầu thế kỷ thứ 21? Có thể vì nó **phù hợp với khẩu vị của một số đông người** đang cố bám vào quan niệm cho rằng phong trào Phật giáo 1963 vốn chỉ là một biến động chính trị do Mỹ giật dây chứ không phải là một vận động xã hội bộc phát từ những lý do chính

đáng. Có lẽ vì không tìm được bằng chứng thuyết phục, nên có người đã đành phải dựng nên bằng chứng để làm nền tảng cho sự quan của mình. Và đại úy Scott hình như đã trở thành một nhân vật không thể thiếu trong việc đó. Cựu chính trị gia Nguyễn Trân, tác giả tập hồi ký *Công và Tội* mà cụ Trần Văn Tích nhắc đến khi cụ cho ý kiến về bài viết trước của tôi, là một ví dụ điển hình khác cho phương pháp thu thập bằng chứng lịch sử theo kiểu Cao Thế Dung.

Ông Trần chép từ trang 415 đến trang 416 của tập hồi ký này rằng những gì mà Cao Thế Dung đã viết về đại úy Scott trong cuốn *Làm thế nào để giết một Tổng thống?* đều “*đúng với tin mà chính tôi, tác giả, đã đọc trong một tập san Mỹ vào tháng 6 hay 7 năm 1975, tại nhà con gái tôi ở Arcadia sau khi gia đình tôi di tản đến ở đó. Người ký tên dưới cột báo ấy là James Scott, tự nhận đã ném plastic làm chết người trước Đài Phát thanh Huế trong đêm 8-5-1963.*” Khổ nỗi là Nguyễn Trân không còn có thể cho chúng ta biết ông đã đọc bài báo đó trong tập san nào. “[L]úc bấy giờ tôi ở trong thăm trạng bỏ nước ra đi để lại đứa con trai duy nhứt còn lại, tôi buồn phiền không nghĩ đến việc viết lách gì hết, nên rất tiếc đã không giữ tập san ấy làm tài liệu. Song tôi quả quyết là tôi đã đọc rõ ràng, không thể có nghi ngờ gì hết.”

Nếu James Scott nào đó quả thật có đăng lời tự thú nói trên trong một tập san Mỹ năm 1975 thì chuyện động trời này phải được nhiều người biết, nhất là những người chuyên nghiên cứu về lịch sử Việt Nam thời cận đại nói chung và lịch sử thời Đệ Nhất Cộng hòa nói riêng. Nhưng thậm chí những học giả Mỹ và Việt có cảm tình đặc biệt với cố Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng **không bao giờ nhắc đến bài báo do James Scott ký tên mà Nguyễn Trân quả quyết ông đã đọc**. Năm 1987, cố học giả Ellen Hammer nói bà lấy tin về Scott từ báo *Hoà Bình*. Đến năm 2001 thì Arthur Dommen ghi chú trong quyển *The Indochinese Experience of the French and the Americans* rằng ông tham khảo cuốn *Làm thế nào để giết một Tổng thống?* để viết về Scott. Trong cuốn *Những ngày cuối cùng của Tổng thống Ngô Đình Diệm*, được in lại lần thứ 5 năm 2003, hai tác giả Hoàng Ngọc Thành và Thân Thị Nhân Đức hoàn toàn không đã động gì đến bài báo nói trên khi họ nhắc đến Scott chỉ có vồn vện một lần một trong cuốn sách dày hơn 600 trang của họ. Điều này có thể có nghĩa là sau trên 25 năm kể từ ngày ông Trân đọc bài báo do James Scott ký tên, các nhà nghiên cứu nói trên vẫn chưa tìm ra được dấu vết nào của bài báo đó! Bên cạnh một **đại úy ma**, bây giờ chúng ta lại

có thêm một **bài báo ma** nữa.

■ **Đại úy James Scott**

Chúng ta bây giờ có thể kết luận đại úy Scott đích thực là một nhân vật thuộc cõi Việt Nho của huyền sử gia Lương Kim Định. Đó chính là lý do tại sao cụ Đình Từ Thức, một người nơi trần thế, “*không bao giờ có cơ hội gặp Scott*,” tuy Cao Thế Dung có “*hứa hôm nào sẽ đưa Scott lại tòa báo giới thiệu*.” Kết luận này lại cho phép chúng ta (tái) khẳng định rằng, trái với lời quả quyết có tính cách khôi hài của cụ Tôn Thất Tuệ, Giáo sư Nguyễn Văn Trung **hoàn toàn nói sai sự thật** khi ông tuyên bố trên thongluan.org: “*Vụ nổ plastic ở Đài Phát thanh Huế, do đại úy cố vấn đơn vị Biệt động Quân tên là Scott, xác nhận thừa lệnh trên trao cho trung úy Thiệu, thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh ở Huế ném vào đám đông*.” Viết đến đây tôi chợt thấy ra một điều vô cùng ngộ nghĩnh: Trần Dân Tiên, Trần Huy Liệu và các môn sinh của họ nhất định không phải là những người độc nhất biết hành động trên nguyên tắc *Geschichtsschreibung ist die Fortsetzung der Politik unter Einbeziehung anderer Mittel* (viết sử là tiếp nối chính trị bằng những phương tiện khác).

© 2009 **Trần Lâm**

© 2009 talawas blog

## MỘT ĐOẠN DUY NHỨT TRONG BÀI PHÒNG VẤN ÔNG CAO XUÂN VỸ

*Trần Quang Diệu*

*LTS: Một số những người thọ ân của chế độ nhà Ngô thỉnh thoảng góp nhặt những ý kiến cá nhân cho là có thể tố về cho một chế độ mà đa số người dân lẫn thế giới đều khinh miệt. Bài phỏng vấn Cao Xuân Vỹ của ông Minh Võ (xem dưới cùng) là một trong những nỗ lực đó. Trong khi miền Bắc cơ cực dồn cả nỗ lực để mong giành độc lập cho đất nước, thì ở miền Nam chính quyền làm những việc gì ngoài việc gom quyền lực cho riêng một gia đình, lo áp đặt tôn giáo, và tiêu diệt người anh em trong những chiến dịch tổ cộng? Chúng tôi ghi lại một vài lá thư nhận xét ngoài các diễn đàn điện tử như của ông Trần Quang Diệu và Góp Gió, cùng với nhận xét của chính bạn để xem giá trị của những ý kiến cá nhân trong bài phỏng vấn có giá trị được bao nhiêu. (SH)*

---

Ông Cao Xuân Vỹ trả lời trong bài "phỏng vấn" này (SH: xem ở dưới cùng) thì tôi không đọc hết mà chỉ kéo con chuột lên xuống 2 lần. Tôi chỉ tò mò dừng lại đọc thử mấy đoạn mà tác giả (?) đã highlight.

Thông thường, ai cũng hiểu ra, cái nào đã highlight thì được xem như đoạn đó là quan trọng, hay, và cần thiết. Nhưng, cái quan trọng, sự cần thiết ở đây tôi nhận ra có sự dối gian!

Tôi sẽ chỉ dẫn thừa một đoạn duy nhất, trong toàn bài của Minh Võ.

Minh Võ thuật lời ông Vỹ (or Vĩ) thế này:

*"Hỏi ấy còn cả một ủy ban của chính phủ gồm nhiều Phật tử đứng đầu là phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ cố gắng dàn xếp. Nhưng bên Phật Giáo tranh đấu chỉ muốn lật đổ chính phủ thôi. Nên họ có đưa ra những yêu sách không cách nào làm được."*

**Sự gian dối này thì không thể chấp nhận!**

Tôi bác bỏ thái độ bóp méo sự thật trong hành vi này của ông

Cao Xuân Vỹ khi ông vu cho là *"Phật Giáo tranh đấu chỉ muốn lật đổ chính phủ thôi. Nên họ có đưa ra những yêu sách không cách nào làm được."*

Nguyên nhân gì đầu tiên để rồi phải có sự "cố gắng dàn xếp" thì dưới "cặp mắt thần" và "kiếng chiếu yêu" của giới trí thức và nhân dân Việt Nam chân chính, họ đã thấy tuốt luốt cái bản chất âm mưu thực thi thủ đoạn *"diệt trừ ma quỷ"* (tiêu diệt PG và các tôn giáo dân tộc) của anh em ông Ngô Đình Diệm mà Giám mục Thục đã khẳng định, được ghi trong sách Đảng Cần Lao của Chu Bằng Lĩnh là *"việc chúng tôi làm (tấn công chùa chiền đêm 20.8.1963) là vì Chúa, vì Giáo Hội"*.

Ông Cao Xuân Vỹ làm sao phủ nhận được điều đó trong suốt thời Đệ Nhất VNCH?

Xin hỏi ông Cao Xuân Vỹ rằng Phật giáo đã "có đưa ra những yêu sách" ra sao để rồi chính phủ ông Ngô Đình Diệm "không cách nào làm được"? Chính phủ của một "đại anh hùng dân tộc" đâu mà dở, đâu mà đơn giản quá vậy?

Sau đêm 8.5.1963, lúc xảy ra thương vong ở trước cửa đài phát thanh Thừa Thiên - Huế, Phật giáo chỉ yêu cầu chính phủ đáp ứng 5 nguyện vọng như sau:

*"1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo."*

*2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên chúa đã được ghi trong đạo dụ số 10.*

*3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo."*

*4. Yêu cầu cho Tăng và Tín đồ Phật giáo được hưởng tự do truyền đạo và hành đạo."*

*5. Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức."* (1)

Là một chính phủ, lại là chính phủ do một "đại anh hùng dân tộc" lãnh đạo mà chỉ 5 nguyện vọng như vậy của một tôn giáo đã có mặt và song hành cùng dân tộc có đến hai nghìn năm (so với những kẻ tân tòng!) mà lại không giải quyết được thì "anh hùng" cái gì? Nó có chi mà *"những yêu sách không cách nào làm được"* như ông Cao Xuân Vỹ thuật lại như vậy? Ngoại trừ anh em ông Diệm đã mang dã tâm quyết tiêu diệt Phật giáo! Âm mưu như thế đã được anh em ông Diệm thể hiện lúc cầm quyền và lưu vết tích rất nhiều chứ không còn là chuyện suy đoán.

5 nguyện vọng như trên khi Phật giáo yêu cầu mà chẳng được. Đến khi cái chết của Nhất Linh xảy ra; vụ tự châm lửa thiêu thân của ngài Hòa thượng Thích Quảng Đức lan đi khắp thế giới, thì anh em ông Diệm mới hoảng hốt lên, nhưng cũng vẫn giữ nguyên chính sách độc tài nhằm xoa dịu dư luận, mới chỉ thị cho 3 ông Nguyễn Ngọc Thơ, Nguyễn Đình Thuận và Bùi Văn Lương đóng vai Ủy ban Liên bộ, gọi là "dàn xếp" chứ "phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ cố gắng dàn xếp" cái gì?

Cụ thể nhất trong việc "phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ dàn xếp" là một "Thông Cáo Chung" giữa Ủy ban Liên bộ (của Chính phủ) và Ủy ban Liên phái (của Phật giáo) thì làm sao ông Vũ có thể nói là "không cách nào làm được"?

Mở đầu cuộc "dàn xếp" xảy ra vào lúc 9 giờ sáng ngày 14 tháng 6 năm 1963 cho đến 1 giờ đêm ngày 16 tháng 6 năm 1963 thì hai bên đã thỏa thuận đưa ra được "Thông Cáo Chung" đó. "Thông Cáo Chung" có đề lên cho Tổng thống duyệt y (duyet và ký, thông qua, cho thi hành). Bên Phật giáo cũng có chữ ký đồng thuận của Hòa thượng Hội chủ Tổng Hội Phật giáo Việt Nam Thích Tịnh Khiết thì sao ông Vũ có thể kết án là "*không cách nào làm được*"? Phải chăng, đó chỉ là thái độ muốn bóp méo nhằm khóa lấp trước lịch sử về một chế độ độc tài **gia đình trị lẫn tôn giáo ngoại bang trị**, rồi đâm ra kỳ thị với các tôn giáo dân tộc? Nhưng ông Vũ **cũng như bất kỳ ai nữa thì thiết thường: đừng có hòng mà chạy tội!**

"Thông Cáo Chung" cũng đã đưa ra được năm điều:

*I: Về Quốc kỳ và Đạo kỳ.*

*II: Về Dự số 10. (2)*

*III: Vấn đề bắt bớ và giam giữ Phật giáo đồ.*

*IV: Tự do truyền đạo và hành đạo.*

*V: Trách nhiệm và trợ giúp." (3)*

5 điều nêu trên chưa ráo mực. Anh em Tổng thống Ngô Đình Diệm chỉ hứa cuội cho qua búa rìu dư luận trong lúc lòng người đang phần uất lên cao độ về cái chết của nhà văn Nhất Linh và ngọn lửa của Hòa thượng Thích Quảng Đức. (4)

Ông Cao Xuân Vũ nói "*Phật Giáo tranh đấu chỉ muốn lật đổ chính phủ thôi*" là hoàn toàn bịa đặt để vu khống!

Sau khi 5 nguyện vọng (đã nêu trong phần đầu!) của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo không được chính phủ Ngô Đình Diệm đếm xĩa. Phật giáo liền ra một "Bản Tuyên Ngôn". Sau bản Tuyên Ngôn, có kèm theo một "Bản Phụ Đính" do vị đứng đầu Phong

trào Tranh đầu là Hòa thượng Thích Tịnh Khiết ký ngày 23.5.1963.

Khẳng định lập trường trong phần "Phụ Đính" cho "Bản Tuyên Ngôn" đó là thế này:

**"Đối với Chính phủ.- Chúng tôi không chủ trương lật đổ, chúng tôi chỉ có nguyện vọng "cải thiện chính sách". Chúng tôi không nói vấn đề người." (5)**

Từ đây, mời độc giả theo dõi những gì đã xảy ra sau "Thông Cáo Chung":

## **"PHONG TRÀO HỌC SINH, SINH VIÊN VÀ TRÍ THỨC CHỐNG CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI**

### **I. Ngoại trưởng Vũ văn Mẫu từ chức và cạo đầu.**

Người đi tiên phong trong hàng ngũ trí thức chống chế độ độc tài sau khi các chùa bị phá là Giáo sư Vũ văn Mẫu, Bộ trưởng Ngoại giao.

Trong mưu kế đánh chiếm các chùa và bắt giam Tăng, Ni, anh em ông Diệm chỉ phổ biến kế hoạch này trong nội bộ gia đình, một số Bộ trưởng thân tín, và những người có nhiệm vụ trực tiếp điều khiển mật vụ, cảnh sát và lực lượng đặc biệt mà thôi.

Chính ngay Phó Tổng Thống Nguyễn ngọc Thơ cũng không được biết kế hoạch này.

Cho mãi tới 5 giờ 30 sáng ngày 21.8.1963, khi bọn mật vụ đã thanh toán xong các chùa, ông Diệm mới triệu tập hàng ngũ Bộ trưởng để cho biết quyết định thiết quân luật trên lãnh thổ. Ngay trong buổi họp của Hội đồng chính phủ này. Giáo sư Vũ văn Mẫu đã bất mãn về lý do "Vì Cộng sản xâm nhập các Châu thành và vùng phụ cận Sài gòn nên phải thiết quân luật" của ông Diệm.

Mẫu nhận thấy lời nói này hoàn toàn giả dối nên ông có phản ứng ngay, bằng câu "Nếu quả thực có sự đột nhập của Việt Cộng vào ngoại ô Sài gòn thì đã đủ lý do để giải thích sự việc này". Nghĩa là ông Mẫu muốn vạch rõ thái độ quanh co, thiếu thành thực của ông Diệm trước hội đồng chính phủ.

Một vị nguyên thủ quốc gia báo cho các hàng Bộ trưởng biết "...Cộng sản đã xâm nhập...". Vậy mà một ông Bộ trưởng Ngoại giao lại đứng ra nói "Nếu quả thực có như vậy..." tức là Ông Bộ trưởng này không tin lời nói của vị nguyên thủ và cố ý nhấn mạnh tiếng "Nếu" để mọi người hiểu được sự thực không phải như vậy.

Hơn nữa, ông Vũ văn Mẫu còn bất mãn về việc ông Diệm chỉ hỏi ý kiến ông sau khi lệnh thiết quân luật đã ban hành và nhất là lúc chính quyền đã đánh chiếm xong các chùa và bắt hết Tăng, Ni.

Bởi vậy, phản ứng đầu tiên của ông Mậu sau buổi họp tại đình Gia Long là cạo đầu để thể hiện lập trường của mình và gởi đơn từ chức Bộ trưởng Ngoại giao.

Sau đó, ông Mậu, một mình với chiếc đầu nhẵn bóng lái xe đi tìm gặp các ông Khoa trưởng, Giáo sư Đại học, đồng nghiệp của mình, để vận động một phong trào trí thức chống độc tài.

Đa số các Giáo sư tại Sài Gòn đều hưởng ứng lời hô hào của ông Vũ văn Mậu.

Nhưng với sự đe dọa, khủng bố điên cuồng của Mật vụ do Ngô đình Nhu điều khiển, làm cho mọi người phải thủ thế, bằng cách tạm nén những uất hận trong lòng, chờ cơ hội thuận tiện đứng ra hoạt động.

Một số Giáo sư khác, vì quá lo sợ nên đã lánh mặt khi ông Mậu tìm gặp. Người ta hình dung ông Mậu như một bó đuốc đang cháy tung bùng và bó đuốc này tràn tới đâu là khiến thành cháy vạ lây.

Hành động cương quyết, quả cảm của Giáo sư Vũ văn Mậu là một tấm gương sáng chói trong hàng ngũ trí thức và tấm gương này đã châm ngòi cho một phong trào sinh viên học sinh vùng dậy tranh đấu chống bạo quyền.

Học sinh, sinh viên vốn đang hoang mang và xúc động trước sự việc chùa chiền bị triệt hạ, Tăng, Ni bị giam cầm thì nay, một Giáo sư danh tiếng đã đi tiên phong, khơi nguồn, vạch đường chỉ lối cho họ. Bởi vậy những người thanh niên thanh nữ đầy nhiệt huyết, những người nắm vận mệnh quốc gia trong tương lai này đã nhất quyết lao mình vào đám lửa đỏ để giành lại những ngày tươi sáng cho dân tộc, tự do cho muôn người.

## **II. Sinh viên các phân khoa Đại học nổi dậy.**

Dẫn đầu phong trào chống đối công khai của sinh viên là tất cả sinh viên thuộc Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ bãi khóa vào ngày chiều ngày có lệnh thiết quân luật, 21.8.1963, Giáo sư Lê sĩ Ngạc không những tán thành việc làm của sinh viên Kỹ thuật mà còn tổ lập trường chống chính quyền tàn bạo và cổ động sinh viên tiếp tay tranh đấu cho chính nghĩa Phật giáo.

Chiều ngày 22.8.1963, Bác sĩ Phạm biểu Tâm, Khoa trưởng Đại học Y khoa Sài Gòn gởi đơn từ chức và sáng hôm sau, Bác sĩ bị chính quyền Ngô đình Diệm bắt giam.

Việc này đã gây xúc động và làm xôn xao trong hàng ngũ sinh viên. Bởi vậy, ngay ngày hôm đó, các sinh viên Đại học Y khoa Sài Gòn, không phân biệt trường, kéo nhau tới tập trung tại trường Y

khoa để theo dõi tin tức về Bác sĩ Phạm biểu Tâm.

Sinh viên tới quá đông, họ đứng chật sân trường, tràn ra ngoài cổng và phủ kín cả mặt đường. Họ bàn tán, tranh luận huyên náo; mặt người nào cũng đỏ gay. Có người quá háng hái, lớn tiếng mạt sát chính quyền Ngô đình Diệm trước mặt mấy nhân viên Cảnh sát. Những người Cảnh sát này giả dờ không nghe thấy, quay đi. Không rõ họ cũng đồng tình hay khiếp sợ không dám ho he, phản ứng.

Sinh viên bàn tán kế hoạch cứu Bác sĩ Phạm biểu Tâm. Có người nêu ý kiến, sinh viên nếu chia ra ừng tốp tới gặp các Khoa trưởng, Giáo sư Đại học, yêu cầu các vị này từ chức đồng loạt để gây một áp lực mạnh mẽ đối với chính quyền và nếu Bác sĩ Phạm biểu Tâm đã có đồng minh, không cô lập và đỡ lo bị hãm hại.

Người khác lại góp ý thêm: song hành với việc vận động Khoa trưởng, Giáo sư từ chức, ngay bây giờ phải tổ chức biểu tình phản đối chính phủ...

Và chiều ngày 23.8.1963, giữa lúc một nhóm sinh viên kín đáo ra về để kiểm vài viết biểu ngữ cho cuộc biểu tình dự định tổ chức vào giờ tan sở, thì Bác sĩ Phạm biểu Tâm cũng vừa được trả tự do.

Tuy lý do của cuộc biểu tình không còn, nhưng chiều hôm đó, sinh viên các phân khoa vẫn tới tập trung đông đảo tại trường Y khoa để mừng Bác sĩ Phạm biểu Tâm và vận động thành lập Ủy ban chỉ đạo Sinh viên Liên khoa.

Trong buổi họp mặt này, một sinh viên năm thứ tư Y khoa đã đứng ra hỏi Bác sĩ Phạm biểu Tâm:

**"Trong những ngày thực tập tại bệnh viện, Sinh viên đã được lệnh của chính quyền, không chữa bệnh cho những Tăng, Ni, Phật tử bị thương trong các cuộc biểu tình. Việc này trái với lương tâm và lý tưởng của người thầy thuốc, là chữa bệnh cho cả kẻ thù mình. Hơn nữa, Phật giáo đồ đâu phải là kẻ thù? Vậy xin thầy cho biết lập trường và thái độ của Sinh viên lúc này phải như thế nào?"**

Bác sĩ Phạm biểu Tâm trả lời: "Tôi xem các anh như những người lớn, các anh có thể làm những gì các anh muốn làm; tuy nhiên cũng đừng quá khích và hãy tôn trọng luật lệ hiện hành".

Sở dĩ Bác sĩ Phạm biểu Tâm khuyến nhủ sinh viên với những lời dè dặt như vậy, một phần bởi bản tính hiếu hòa, nhân từ của Bác sĩ, phần khác cũng vì tuy được trả tự do, nhưng Bác sĩ lại bị chính quyền quản thúc, chung quanh luôn luôn có mặt vụ kèm sát theo dõi.

Giữa lúc sinh viên đang sôi sục căm hờn chế độ, lời nói "...các anh có thể làm những gì các anh muốn làm" của Bác sĩ Phạm biểu

*Tâm có giá trị như một lời cổ vũ.*

*Bởi vậy, sinh viên đã hò reo hoan hô Bác sĩ Phạm biểu Tâm rồi kéo nhau tới giảng đường hội họp để thành lập Ủy ban chỉ đạo Sinh viên Liên khoa.*

*Trong buổi họp này, một sinh viên Cao học Luật khoa, Luật sư Tòa Thượng thẩm Sài gòn tuyên bố: "Nhận thấy cuộc tranh đấu của Phật giáo phù hợp với điều 18 của bản tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và điều 17 của Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa, nên tôi không ngần ngại tham gia vào ban chỉ đạo..."*

*Một sinh viên khác, cảm động gần như muốn khóc đã phát biểu: "Làm thế nào tôi có thể sống được, khi cả nhà tôi không ai ăn cơm, mẹ và chị tôi khóc suốt từ hôm các chùa bị đập phá"...*

*Thế rồi, các sinh viên đồng thanh la lớn "Nous sommes dépourvus de tous". Và, trong cảnh huyền ảo của một phong trào sinh viên với nhiệt khí tràn đầy huyết quản, Ủy ban chỉ đạo Sinh viên Liên Khoa ra đời với 18 nam 1 nữ. Trong đó có đầy đủ thành phần đại diện cho mọi phân khoa.*

*(...)*

*Riêng anh Tô lai Chánh, Chủ tịch Sinh viên Luật Khoa là người có công nhiều nhất trong phong trào vận động Sinh viên Liên hiệp chống chính phủ độc tài Nhu - Diệm.*

*Ngay từ khi mới bước chân vào đời sống sinh viên, Tô lai Chánh đã từng trần trối, đau xót trước cảnh Tổng hội Sinh viên Việt Nam bị gạt ra ngoài tổ chức Comité de contrôle, một tổ chức quyền hành và nằm trên cấp bậc cao nhất của Tổng hội Sinh viên thế giới. Còn gì điểm nhục cho xứ sở bằng Tổng hội Sinh viên Việt Nam bị đuổi ra khỏi tổ chức Sinh viên của các nước tự do (C.I.E)? Nguyên nhân chỉ vì trong lần đại hội lần thứ 9 họp tại Klostus (Suisse), trong lúc sinh viên thế giới đang bàn đến việc tranh đấu cho lý tưởng cao đẹp của thể hệ thanh niên trí thức hiện tại như: Bác ái, công bình xã hội, tự do cho mọi người và nhất là đánh đổ chế độ độc tài, thu hồi nền độc lập cho các nước thuộc địa như Algérie chẳng hạn, thì phái đoàn đại biểu Sinh viên Việt Nam gồm một ông một bà do Ngô đình Nhu và Trần kim Tuyến chỉ định với sứ mạng kêu gào cho Sinh viên thế giới biết: "chế độ hiện hữu tại Việt Nam không phải là chế độ độc tài". Và, một ông một bà đại biểu này khi tới Klostus chẳng thèm bàn đến lý tưởng của Sinh viên mà chỉ nói tới chuyện chơi bời, ăn, nhảy, nên bị sinh viên thế giới tẩy chay.*

*Tủi hổ cho sinh viên Việt Nam biết bao! Vậy mà Trần kim*

**Tuyển còn hiến kế với Ngô đình Nhu: "Đối với Tổng hội Sinh viên Việt Nam, nếu không dẫn dắt được họ đi theo đường lối của ta thì nên bóp chết nó đi, trừ tiệt hậu hoạn".**

Thế rồi, mặt vụ được tung vào hoạt động trong Tổng hội Sinh viên Việt Nam làm cho biết bao thanh niên trí thức ôm những hoài bão lớn lao bị bó tay. Tô lai Chánh cũng chung một số phận như vậy. Nhưng anh không khiếp sợ, không chạy trốn mà đưa đầu ra lăn xả vào hoạt động mong sao giành lại quyền chủ động cho sinh viên, độc lập cho tổng hội và cứu vãn thể diện sinh viên Việt Nam trên bình diện quốc tế.

Tô lai Chánh, con người có một quan niệm tín ngưỡng phóng khoáng, anh có thể hiện tinh thần đoàn kết tôn giáo qua công việc làm của anh.

Sinh trưởng trong một gia đình Phật giáo, Tô lai Chánh đã từng giữ chức Chủ tịch Sinh viên ; Ủy viên kiểm soát ban chấp hành Câu Lạc Bộ Phục Hưng rồi Chủ tịch Sinh viên Câu Lạc Bộ Phục Hưng. Câu Lạc Bộ Phục Hưng là trung tâm sinh hoạt của sinh viên Công giáo. Nơi này qui tụ nhiều tài năng non trẻ, nhiều đầu não cấp tiến chống chính phủ cổ điển, quan liêu và lạc hậu Ngô đình Diệm. Nương vào tổ chức này, với sự đỡ đầu gần như bất khả xâm phạm của các Linh mục đầy uy tín, Tô lai Chánh đã liên hiệp các Sinh viên có nhiều tâm huyết, chống lại một tổng hội sinh viên đang biến hình thành một công cụ của gia đình họ Ngô.

Lần đầu tiên trong lịch sử sinh viên Công giáo và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử Câu Lạc Bộ Phục Hưng, một sinh viên không Công giáo nắm giữ một tổ chức thuần túy Công giáo. Nhờ vậy, Tô lai Chánh đã ngang nhiên hoạt động chống Tổng hội Sinh viên bù nhìn tức là gián tiếp chống chính quyền Ngô đình Diệm trong suốt hai năm gần đây.

Khi thấy chính phủ Diệm đánh phá các chùa, nơi gương Giáo sư Vũ văn Mẫu,. Tô Lai Chánh đã cạo đầu rồi tích cực vận động để Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa chống được thành lập.

Cũng trong chiều ngày 23.8.1963, tại trường Đại học Y khoa, Tô lai Chánh cùng với 18 sinh viên đại diện cho các phân khoa soạn thảo bản tuyên ngôn chung của học sinh sinh viên để đọc vào ngày sáng hôm sau tại trường Luật; đồng thời cũng lập một bản kiến nghị gửi lên Tổng thống Ngô đình Diệm đòi hỏi chính phủ phải phóng thích Tăng, Ni, Phật tử, Giáo sư, Sinh viên... và giải tỏa các chùa trên

toàn quốc.

Ủy ban chỉ đạo Sinh viên Liên khoa hoạt động dưới danh nghĩa chống bạo quyền, chống chế độ độc tài gia đình trị đã được hầu hết các giáo sư và toàn thể sinh viên nhiệt liệt ủng hộ.

Bởi vậy, chỉ trong một thời gian ngắn. Ủy ban này đã có đầy đủ sức mạnh làm rung chuyển cả hệ thống học đường và tạo được uy tín lớn lao đối với quốc tế, đánh dấu một giai đoạn lịch sử hào hùng của sinh viên đối với dân tộc.

Phong trào bãi khóa của sinh viên như một vết dầu loang xuất phát từ Trung tâm Kỹ thuật Phú thọ, qua trường Y, trường Luật, trường Dược, trường Khoa học, trường Mỹ thuật v.v...rồi, lan tràn khắp các phân khoa và các trường trung học.

Sáng ngày 24.8.1963, sinh viên Liên khoa và học sinh đổ thành vào khoảng trên 3000 người tập trung tại trường Luật để đón tiếp Giáo sư Mậu vừa cạo đầu từ chức Bộ trưởng Ngoại giao và dự định qua Ấn Độ viếng thăm các tăng tích Phật giáo.

Trong buổi họp sáng này, một số sinh viên đã lên chất vấn ông Khoa trưởng Luật khoa Vũ quốc Thúc, đòi hỏi ông này phải có lập trường rõ rệt, đồng thời sinh viên cũng chỉ trích thái độ thiếu chính đáng của nhà trường đã đe dọa cảnh cáo các sinh viên đứng đầu trong việc bãi khóa.

**Cũng trong buổi sáng ngày hôm đó, Giáo sư Nguyễn văn Bông được sinh viên hoan hô nhiệt liệt, vì ông, trước hơn ai hết tại trường Luật đã hòa mình trong hàng ngũ sinh viên chống chế độ độc tài hiện hữu. Nhưng khi chiếc đầu nhẵn bóng của ông Vũ văn Mậu hiện ra giữa cổng trường, thì một làn sóng người cuồng nhiệt ào lên, tiếng hoan hô xen lẫn tiếng vỗ tay vang dội. Sinh viên nhảy múa, reo hò; chào mừng Giáo sư Vũ văn Mậu như mừng một viên đại tướng vừa ca khúc khải hoàn.**

Sau đó, một bản tuyên ngôn được đọc lên, xác định ý chí của sinh viên học sinh, quyết tâm chống đối đàn áp, chống độc tài vô nhân đạo." (6)

Như trên, đó là vài trang trong quyển sách dày trên 500 trang với chữ nhỏ rí, ra đời rất sớm vào năm 1964 sau khi chế độ ông Ngô Đình Diệm vừa sụp đổ.

Chỉ một ngách đoàn thể học đường như vậy, mọi người đều thấy rằng, chế độ ông Ngô Đình Diệm đã không những mất lòng tin mà nó còn gây phản nộ, bất bình cho hầu hết mọi giới (mà nhất là quân đội...!) dưới thời Đế Nhất Cộng Hòa chứ không riêng chỉ Phật

giáo.

**Với phong trào sinh viên học sinh, bằng một "Ủy ban chỉ đạo Liên Khoa" như vậy, những người nói họ nghe thì phải là những Giáo sư!**

Môi trường học đường, Giáo sư, giới trí thức, sinh viên học sinh mà như thế, tất nó lôi cuốn hết mọi thành phần khác trong cộng đồng xã hội lúc bấy giờ vào chung "một lối".

Đến nước đó thì ông Ngô Đình Diệm có là vị "đại anh hùng dân tộc" theo kiểu nào đấy như hiện nay có người tôn xưng lên tận công thiên đàng thì cũng đành phải xếp giáp bó tay.

Trân trọng,

**Trần Quang Diệu**

-----  
1) Quốc Tuệ - Vũ Ngự Chiêu "Công cuộc tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam, in lần thứ nhất 1964 tại Sài gòn. In lần thứ hai tại Pháp 1987, trang 49, 50.

2) Có mấy tay, cho đến giờ này (2011) còn hạch sách bảo người khác phải chứng minh văn bản Dự số 10, thì xem ra họ đã thóa mạ vào Ủy ban Liên bộ của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa không biết gì về Dự số 10 này?

3) Trợ giúp những gia đình của các nạn nhân bị giết trước cửa đài phát thanh Thừa Thiên - Huế.

4) Ngọn lửa này mà không đầu đó rõ ràng thì nhà Ngô đã buộc tội PG ngay lúc còn mấy tháng cầm quyền chứ không đợi tới ngoài 40 năm sau những kẻ "hoài Ngô" làm trò vu khống để chạy tội được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu về một chế độ bạo tàn.

5) Sdd, tr 51.

6) Sdd, từ trang 412 đến 420.

<http://sachhiem.net/index.php?content=showrecipe&id=5117>

## AI ĐỀ TỰA CHO QUYỂN “NGÔ ĐÌNH DIỆM & BANG GIAO VIỆT MỸ” CỦA TÁC GIẢ PHẠM VĂN LƯU?

*Nguyễn Phan Hoàng*

Trang đầu quyển sách ghi rõ: Giáo Sư David Chandler Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Nam Á, Đại Học Monash đề tựa.

Cuối bài tựa lại ghi: Giáo Sư David Chandler Viết từ Woodrow Wilson Centre, Hoa Thịnh Đốn, tháng 1-1994.(trang IX)

Như thế, cứ theo lẽ thường, tác giả lời tựa quyển “*Ngô Đình Diệm & Bang giao Việt Mỹ*” (NĐD & BGVM) hẳn phải là D. Chandler. Thế nhưng sau khi đọc bài tựa, và nhất là sau khi đọc xong cả quyển sách được gọi là công trình sử học này, người đọc không khỏi băn khoăn bán tín bán nghi: Giáo sư Chandler có thể, và có đủ can đảm, viết một bài tựa như thế sao?

Lý do thứ nhất là vì bài tựa đã dùng những tiếng đề ca ngợi quyển sách và tác giả một cách quá đáng, không cần thiết nếu quả thực đó là một tác phẩm đứng đắn có giá trị thực sự. Đó là những tiếng như: *đầy biệt tài, xuất sắc, học giả có biệt tài, uyên thâm, tài năng, liêm khiết trí thức*... Bài tựa chỉ không đầy hai trang giấy khổ A.5 thế mà tiếng ‘biệt tài’ đã được lập lại ba lần; trong một đoạn ngắn chỉ bảy dòng, tiếng đó được nhắc lại hai lần, chữ ‘liêm khiết trí thức’ -chỉ tác giả-, cũng được lập lại hai lần. Nhưng quyển NĐD & BGVM có đáng được ca tụng ngất trời bởi một người có địa vị vững vàng trong môi trường sử học -ít nữa là sử học Việt Nam hiện đại-, như Giáo Sư Chandler không? Nghi ngờ đó được đặt ra vì NĐD & BGVM là một quyển sách đầy dẫy những ý tưởng lộn xộn, tiền hậu bất nhất, câu cán không thông, lập luận thiếu vững chắc, chưa kể những bịa đặt, xuyên tạc sự thật.

Nơi đây kẻ viết này tạm đơn cử ba trong rất nhiều điểm bịa đặt và xuyên tạc sự thật ở tác phẩm NĐD & BGVM:

- Thứ nhất, cụ Phan Bội Châu đã làm bài thơ thất ngôn bát cú ca tụng ông Ngô Đình Diệm và nguyện làm tên tiểu đồng theo sau ngựa của họ Ngô (trang 19-20). Tiên Sĩ Lưu có khả năng tưởng tượng

ra chuyện cụ Phan bội Châu làm thơ ca ngợi ông Diệm nhưng lại **không có khả năng tưởng tượng ra bài thơ**, dù là một bài thơ con cóc, để gán cho Cụ Phan. Tiến Sĩ Lưu cũng không biết đặt đề gì cho bài thơ mà cứ loay hoay mô tả bài thơ. Phải chi Tiến Sĩ Lưu biết rằng trong toàn bộ thơ văn của Phan Bội Châu **không hề có bài thơ nào như vậy cả**. Ngoài ra, tập hồi ký của Cụ Phan đang được lưu hành dưới hai nhan đề khác nhau là *Phan Bội Châu Tự Phán* do Nhân Chủ Học Xã in, không ghi rõ năm tháng và nơi xuất bản. Thứ hai, *Phan Bội Châu Niên Biểu* do Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản năm 1973 ở Sài Gòn. Trong tập hồi ký hay tự truyện này, Cụ Phan đề cập đến rất nhiều nhân vật, kể cả những người Cụ định gặp mà không gặp được, huống gì ông Diệm là người được Cụ kính phục và ca tụng như thế (“*nguyện làm tên tiểu đồng*”) lại tuyệt nhiên không hề được nhắc đến một chữ. Nếu Tiến Sĩ Lưu chịu khó đọc sách một chút thì đã không phịa ra chuyện Cụ Phan làm thơ ca tụng ông Diệm như thế đó.

- Thứ hai, chuyện Quan Tri Phủ Quảng Điền Ngô Đình Diệm phát hiện ra mạng lưới hạ tầng cơ sở làng xã của Đảng Cộng Sản Đông Dương **năm 1925**. Tiến Sĩ Lưu không biết rằng vào thời điểm ấy, Đảng CSĐD chỉ **mới là giấc mơ** của ông Hồ Chí Minh đang ở Quảng Châu với tên Lý Thụy, chứ đâu đã có gì để ông Diệm phát hiện rồi nghiên cứu, phá vỡ!

- Thứ ba, ông Diệm không là người do Mỹ ủng hộ về cầm quyền năm 1954. Tiến Sĩ Lưu dành trọn chương 5 dưới đề mục ‘*Chờ và Xem*’ để chứng minh rằng Mỹ chỉ ủng hộ ông Diệm khi ông ta tự đứng vững trước áp lực của Pháp và nhóm Tâm, Hình, Bình Xuyên. Nhưng những sự kiện được nêu dẫn trong các chương 3, 4 và suốt chương 5 lại cho thấy rằng từ cơ quan CIA, Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn đến Tòa Bạch Ốc và cả Quốc Hội Hoa Kỳ đã **làm mọi cách** để ông Diệm được bổ nhiệm và Pháp không cản trở ông Diệm về chấp chánh, cũng như đẩy lui đám chống đối ông Diệm, giúp ông Diệm lập nên chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa. Với Tiến Sĩ Lưu, ông Diệm không còn là người được Mỹ chọn để phụ trách tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á mà chỉ là một ‘*con cờ*’ của Mỹ như Tiến Sĩ Lưu viết nơi trang 87. Đó là một xác quyết đáng ngạc nhiên và đáng tội nghiệp cho ông Diệm nữa!

-oOo-

Một bài tựa đứng đắn, có giá trị, thông thường chỉ nhằm giới thiệu đại lược về nội dung và nêu lên vài đặc điểm của tác phẩm (và

tác giả nếu cần) chứ không bao giờ biến bài tựa thành tờ quảng cáo rẻ tiền. Chỉ bấy nhiêu đã đủ thấy rằng không thể nào một học giả nổi tiếng như Giáo Sư Chandler lại có thể là tác giả của bài tựa kỳ quái đó.

Ngoài số từ ngữ ca tụng tác giả và tác phẩm một cách quá lố, lại còn có những đoạn, những câu ngớ ngẩn vô nghĩa như: *'Tiền Sĩ Lưu đã khéo tạo nên một hình ảnh có sắc thái, có suy tưởng sâu xa và có sức thuyết phục về giai đoạn lịch sử quan trọng này.'* Nghe kêu thật, nhưng hình ảnh là gì mà lại có suy tưởng sâu xa?! Hay hình ảnh đó chính là Tiền Sĩ Lưu, và nếu hình ảnh đó là Tiền Sĩ Lưu thì ai là kẻ tạo ra hình ảnh đó, nghĩa là tạo ra Tiền Sĩ Lưu?

Rồi một câu ngớ ngẩn khác... *'Trong thực tế, Hoa Kỳ và chủ nghĩa Cộng Sản đã bị đưa đẩy vào Việt Nam.'* Chủ nghĩa Cộng Sản không hề bị đưa đẩy vào bất cứ một nơi nào hết, dù ở Việt Nam, Cộng Sản có những đặc điểm khác hơn ở Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hy Lạp... Tất cả mọi nơi Cộng Sản vào **đều do người bản xứ đem vào**, chứ không hề *'bị đưa đẩy vào'*. Đúng ra, phải nói nước Việt Nam đã bị đưa đẩy nhận chủ nghĩa Cộng Sản và Hoa Kỳ vào. Còn Hoa Kỳ, khác với chủ nghĩa Cộng Sản, cũng có thể bảo họ bị đưa đẩy vào Việt Nam bởi sự chủ quan, không hiểu biết về Việt Nam lại muốn chứng tỏ có sức vạm vỡ trong vai trò bá chủ Thế Giới Tự Do. Rồi Hoa Kỳ bị đưa đẩy phải tháo chạy ra khỏi Việt Nam bởi hậu quả của chính những yếu tố mà Hoa Kỳ đã bị đưa đẩy vào.' Cho nên, người ta không thể không thắc mắc một Tiền Sĩ sử học như Phạm văn Lưu và một giáo sư sử học kiêm Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Nam Á của Đại Học Monash đồng thời là kẻ bảo trợ luận án cho Phạm văn Lưu lại có thể có **một nhận định yếu kém và đơn giản** như thế?!

Rồi một câu khác: *'Ngô đình Diệm, cùng với những khiếm khuyết của ông, đã là một người Việt Nam với tất cả tinh hoa của nó.'* Nó là ai? Là 'thằng' người Việt Nam với tất cả tinh hoa của những khiếm khuyết? Ôi! Chữ với nghĩa. Lỗi viết ngớ ngẩn lắm cỡ này còn được lặp lại ở những chỗ khác trong tác phẩm như *'Ngô đình Luyện phỏng vấn với tác giả'*. Đọc câu đó thì độc giả phải hiểu là tác giả đã phỏng vấn ông Luyện chứ không phải ông Luyện cùng tác giả đã phỏng vấn một người thứ ba nào đó. Không biết vì đó là do 'đa văn loạn tâm' hay thầy trò Tiền Sĩ Lưu muốn dùng lối viết ngoắc ngoéo kỳ quặc đó để chứng tỏ 'học giả' uyên thâm thì phải khùng khinh hơn người học thật?

Trong bài tựa, Giáo Sư Chandler quả quyết: *'Rất ít học giả*

được đào tạo đầy đủ để thực hiện công việc này như Tiến Sĩ Phạm văn Lưu, người có hàng thập niên kinh nghiệm trong các công trình giảng dạy được đánh dấu bằng nhiều tác phẩm đã xuất bản và một luận án Tiến Sĩ xuất sắc đệ trình tại Đại Học Monash dưới sự bảo trợ của tôi.' Không hiểu 'nhiều tác phẩm đã xuất bản' mà Giáo Sư Chandler quả quyết đây là những tác phẩm nào vì ngay ở Úc cũng như khắp nơi trên thế giới **không ai thấy một tác phẩm nào ký tên Phạm văn Lưu** ngoài NDD & BGVM! Có phải Giáo Sư Chandler đã căn cứ vào phần tiểu sử của Phạm văn Lưu do chính tác giả kê khai rằng mình đã từng xuất bản năm tác phẩm ở Việt Nam? Liệu Giáo Sư Chandler đã **thực sự đọc cả năm tác phẩm** ấy hay cũng chỉ nghe Phạm văn Lưu kể trong tiểu sử vậy thôi?

Về cái gọi là '*luận án Tiến Sĩ xuất sắc*', có lẽ tác giả bài tựa nghĩ nói thế độc giả chưa đủ tin phục nên phải cất công nhấn mạnh thêm: '*Đây là tác phẩm của một học giả có biệt tài, có tinh thần yêu nước và có sự liêm khiết trí thức.*' Nếu có tài thật thì người đọc phải biết ngay, cần gì phải khoe! Chừng như người đề tựa e rằng nếu không nêu lên như thế độc giả sẽ không thể nào biết được biệt tài của ông Phạm văn Lưu. Nhưng tài của Tiến Sĩ Lưu là tài gì? Nhìn qua ba điểm điển hình nêu ở phần đầu, độc giả đủ thấy biệt tài đó là gì rồi. Ba điểm đó cũng nói rõ mức độ 'liêm khiết trí thức' mà Giáo Sư Chandler ca ngợi Tiến Sĩ Lưu.

Còn chuyện có tinh thần yêu nước...thì lại tùy thuộc vào cách hiểu 'yêu nước' là gì? Theo Phạm văn Lưu, Ngô đình Khả là '*một nhà ái quốc chân chính*' (trang 3) trong khi Cụ là một trong những kẻ đầu tiên tiếp tay thực dân Pháp trong cuộc xâm lăng Việt Nam. Cụ Khả đã chân chính ái quốc như thế nào? Sau Hòa Ước Giáp Thân 1884, cụ Khả xuất hiện bên cạnh **Rheinard, tên Khâm Sứ chính thức áp đặt nền đô hộ xứ An-Nam**. Chức vụ của Cụ là Chánh Phòng Thông Sự Tòa Khâm, một nhân vật địa phương cao cấp nhất trong chính quyền thực dân xứ An-Nam lúc bấy giờ. Cụ từng chứng kiến Rheinard chủ lễ tấn phong vua Hàm Nghi. Cụ cũng là người đã **hợp tác với Nguyễn Thân lòng diệt lực lượng kháng Pháp của Phan đình Phùng**. Xong công tác, cụ Khả được thực dân cho cải ngạch sang Nam Triều là quan đại thần hàm Thượng Thư. Nói thế khác, **hàm Thượng Thư của Cụ là do thực dân Pháp ban cho và dùng làm tai mắt của chúng** chứ không phải do triều đình Việt Nam, ngay cả triều đình đang bị đẩy vào cái thế phải làm bù nhìn cho Pháp. Sử sách và đa số dân Việt gọi cụ Phan là người yêu nước, nhưng theo Phạm văn

Lưu thì Cụ Khả mới là ái quốc chân chính. Phải chăng Giáo Sư Chandler cũng gọi Tiến Sĩ Lưu là ái quốc theo nghĩa ấy? Cộng Sản Việt Nam bảo 'yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa', phải chăng theo Phạm văn Lưu yêu nước của Cụ Khả là 'yêu chủ nghĩa thực dân Pháp'? Cũng là 'yêu nước' cả mà, có gì sai đâu?!

Bài tựa viết: *'Luận án của Tiến Sĩ Lưu đã nghiên cứu một cách đầy đủ và đầy biệt tài về những năm tháng cuối cùng của chế độ Ngô đình Diệm cũng như việc Hoa Kỳ quyết định chấm dứt hậu thuẫn cho chế độ này.'* Lời quảng cáo đó có thể làm cho người đọc tin rằng quyển NDD & BGVM sẽ cung ứng đầy đủ những dữ kiện liên quan đến sự đổ vỡ trong mối bang giao Việt Mỹ. Nhưng không phải vậy. Vì ngay trong lời nói đầu trang XVIII, Tiến Sĩ Lưu đã giải thích 'Có một sự kiện quan trọng khác, tôi cũng ước mong được minh xác trước ở đây. Như độc giả đã hiểu, phong trào tranh đấu Phật giáo trong thập niên 1960 đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong lịch sử chính trị Việt Nam hiện đại... Nhưng tôi quyết định không đề cập đến vấn đề đó trong bộ sách này. Tôi e ngại rằng, vì không phải là một tín đồ Phật giáo, có thể tôi sẽ không đủ khách quan và vô tư cần thiết để trình bày một phong trào có tính cách lịch sử trọng đại và tế nhị đó.'

Qua câu này, người đọc hẳn không thể đồng ý với lý do Phạm văn Lưu nêu ra để không nói đến 'phong trào đấu tranh của Phật giáo' và ảnh hưởng của phong trào đó đối với bang giao Việt Mỹ vì khi đề cập đến một sự kiện liên quan đến lịch sử, người viết **chỉ và phải căn cứ vào những dữ kiện thực tiễn và chính thức chứ đâu phải nêu lên qua cảm nghĩ hay suy đoán** của mình mà bảo không đủ ... vô tư và khách quan vì không thuộc thành phần liên hệ đến sự kiện đó? Là Tiến sĩ Sử học sao ông Phạm văn Lưu lại có kiểu lập luận ngớ ngẩn như vậy? Giả như ông Lưu bảo: tôi quyết định không đề cập đến vì tôi không có đủ dữ-liệu thực tiễn về sự kiện này thì có lẽ độc giả thấy rằng quả ông Lưu là người có thực học, và có cảm tình với ông Lưu vì ông chứng tỏ là người khiêm tốn, tự biết mình. Tuy nhiên, nếu ông Lưu có viết như vậy cũng chỉ gây được cảm tình nhất thời đối với những độc giả không biết rõ đề tài Luận án Tiến Sĩ của ông là gì? Khi biết được đề tài đó là '*Cuộc Khủng Hoảng Phật Giáo Ở Việt Nam 1963-1966*' (The Buddhist Crisis in Vietnam 1963-1966) ắt hẳn độc giả sẽ đổi cảm tình thành sự bất tín đối với Phạm văn Lưu bởi sự **tráo trở, dối trá** kỳ quặc như vậy.

Về vấn đề Phật giáo ở Việt Nam 1963-1966, ở luận án Tiến Sĩ, Phạm văn Lưu gọi là '*cuộc khủng hoảng Phật giáo*', nhưng trong lời

nói đầu cho quyển sách NDD & BGVM thì lại gọi đó là ' *phong trào đấu tranh Phật giáo*'. Lối chơi chữ đó có một hậu ý nào không? Chắc chắn là có vì “cuộc khủng hoảng” hay ‘phong trào’ này đã thuộc về bối cảnh ‘lịch sử Việt Nam hiện đại. Cuộc khủng hoảng Phật giáo là một sự kiện trong giai đoạn lịch sử 1963-1966 chứ không phải là lịch sử chính trị.’ Và quả thực, Phạm văn Lưu cũng không thể nghĩ cách nào khác hơn thế nữa vì luận án Tiến Sĩ của Phạm văn Lưu là luận án sử học chứ không phải luận án chính trị. Sự nổi kết 'phong trào tranh đấu' với lịch sử chính trị có thể làm người đọc nghĩ rằng Phật giáo đã mượn danh nghĩa tôn giáo để hoạt động chính trị. Có phải đó là dụng ý của Phạm văn Lưu không?

Năm 1991, với đề tài '*Cuộc khủng hoảng Phật giáo ở Việt Nam 1963-1966*' luận án của Phạm văn Lưu đã được chấm đậu cấp bằng Tiến Sĩ Sử Học. Ba năm sau (1994) với quyển NDD & BGVM, *Phạm văn Lưu lại thú nhận vì không phải là một tín đồ Phật giáo nên ông không đủ khách quan và vô tư để đề cập vấn đề thuộc đề tài đã đem lại cho ông văn bằng Tiến Sĩ sử học*. Như vậy hiển nhiên luận án Tiến Sĩ của ông Phạm văn Lưu không đủ giá trị vì nó đã **không có tính khách quan và vô tư**. Do đó, độc giả phải hiểu rằng thứ nhất, hoặc Phạm văn Lưu không phải là người viết nên luận án nếu thật sự luận án đó có đầy đủ giá trị; thứ hai, hoặc nó vô giá trị vì không đủ tính khách quan và vô tư nếu quả chính Phạm văn Lưu là tác giả. Ở trường hợp thứ hai, qua lời thú nhận nêu dẫn, tất độc giả có thể hiểu rằng hoặc Phạm văn Lưu đã cho những người chấm luận án cho ông đậu Tiến Sĩ là tắc trách, chấm ầu, không đủ vô tư và khách quan; hoặc Phạm văn Lưu tự cho mình đã qua mặt được Hội Đồng Giám Khảo, mà mắt họ, không cho họ thấy được cái không vô tư khách quan của mình ở luận án? Cùng với lý do ông Lưu viện dẫn, phải chăng ban giám khảo đã nhắm mắt cấp bằng cũng chỉ vì ban giám khảo không phải là tín đồ Phật giáo nên không vô tư khách quan để thấy được cái không vô tư khách quan của người viết luận án?! Nói thế khác, cả hai bên thí sinh và giám khảo đều có lý để không vô tư khách quan vì cả hai đều không phải là tín đồ Phật giáo?! Không phải tín đồ Phật giáo thì nói thế nào về Phật giáo cũng xong cả, cũng đáng cho đậu cả?!

Nếu không phải như vậy thì câu hỏi đặt ra sẽ là người đề tựa cho quyển NDD & BGVM là Giáo Sư Chandler đã ca tụng một cách không ' vô tư khách quan' luận án của Phạm văn Lưu. Và Phạm văn Lưu đã buộc thầy mình là Giáo Sư Chandler phải không vô tư khách quan khi đề tựa cho tác phẩm NDD & BGVM? Đương nhiên, ít nhất,

một trong hai phải có một người không vô tư khách quan. Kề đó là ai?

Tôi không tin Giáo Sư Chandler là người đã thực sự viết bài tựa trong NDD & BGVM. Lỗi lập ngôn, dụng từ trong lời tựa không tí nào chứng tỏ đó là trình độ Giáo Sư Đại Học, nội dung lời tựa cũng không chút nào phản ánh trung thực nội dung của tác phẩm. Có thể là Giáo Sư Chandler đã viết lời tựa thật bằng tiếng Anh, nhưng vì không biết tiếng Việt nên không thể kiểm soát được bản dịch tiếng Việt bị vặn méo đến mức không thể tưởng tượng nổi? Cũng có thể Giáo Sư Chandler đã ủy thác cho học trò mình viết lời tựa bằng tiếng Việt, dịch qua cho nghe rồi nhắm mắt ký? Đằng nào thì tên tuổi của Giáo Sư Chandler vẫn bị gắn liền với tác phẩm NDD & BGVM và Giáo Sư vẫn phải chia sẻ trách nhiệm về những lỗi lầm của quyển sách này.

**Nguyễn Phan Hoàng**

[http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com\\_content&view=article&id=4987:ai-de-tua-cho-quyen-ngo-dinh-diem-a-bang-giao-viet-my&catid=28:cl-s-12&Itemid=38](http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com_content&view=article&id=4987:ai-de-tua-cho-quyen-ngo-dinh-diem-a-bang-giao-viet-my&catid=28:cl-s-12&Itemid=38)

# BÀN VỀ “NGÔ ĐÌNH NHU: NHÀ TIÊN TRI” [MỘT KỸ THUẬT PHẠM SỬ VÙNG VỀ CỦA CẦN LAO CÔNG GIÁO]

*Lê Xuân Nhuận*

Ngày 21-8-2011, Ông Lloyd Pham (**Phạm Lễ**) có đưa lên Net một bài-viết trong đó có các câu chủ-yếu như sau (trong ô dưới đây):

*From: Lloyd Pham <phamlewriter@sbcglobal.net>*

*Subject: Re: Toi ac Tam dai Viet gian Ngô Đình Diệm qua tac gia Le Trong Van*

*To:*

*Date: Sunday, August 21, 2011, 9:58 PM*

*Cố Vấn Ngô Đình Nhu nói trong buổi họp của Tổng Đoàn Thanh niên Dân Vệ tháng 10 năm 1962 tại TTHL/Thị Nghè:*

*"Nếu chính phủ này (Ngô Đình Diệm) bị (ngoại bang và tay sai) lật đổ thì 12 năm sau (1975-1963=12) VNCH sẽ bị rơi vào tay cộng sản. Muốn lấy lại nước thì phải mất ba lần thời gian (12x3 = 36 năm)."*

*So sánh với mật ước Ba Lê năm 1973 ký giữa Lê Đức Thọ và Kissinger thì Cộng Sản Bắc Việt sẽ quản trị 35 năm +/- 2, sau đó sẽ bị giải thể giống như mật ước Yalta qui định cho Liên Xô là 70+/-=72 bị sập hoàn toàn.*

## A. NỘI-DUNG

### **I- VỀ LỜI TIÊN-TRI CỦA Ô. NGÔ ĐÌNH NHU:**

Tôi tìm tài-liệu thì thấy trong cuốn “Việt-Nam Cộng-Hòa 10 Ngày Cuối-Cùng” của nhà-văn **Trần Đông Phong** có đoạn sau đây:

*Đại tá Nguyễn Ngọc Khôi, cựu Tư Lệnh Lữ Đoàn Liên Bình*

Phòng Vệ Phủ Tổng Thống dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, có kể lại cho người viết nghe một điều tiên đoán của ông Ngô Đình Nhu về hậu quả của một cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Đại Tá Khôi nói rằng em ruột của ông là Đại úy Nguyễn Ngọc Hạp, lúc bấy giờ là sĩ quan tùy viên của ông Cố vấn Ngô Đình Nhu, có kể lại cho ông rằng một **vài ngày trước cuộc đảo chánh** 1 tháng 11 năm 1963 khi ông Hạp vào xin phép ông Cố Vấn ra về thì ông Nhu ra lệnh cho ông Hạp phải ở lại. Trong khi ông Hạp đang còn đứng trong văn phòng thì ông nghe ông Ngô Đình Nhu, đang đứng trước cửa sổ nhìn ra đường và **nói một mình**:

"Nếu chế độ này bị lật đổ thì chính phủ kế tiếp sẽ do nhóm quân đội lãnh đạo. Cái chính phủ của quân đội do người Mỹ đưa lên thì giới lắm là chỉ **sau một "chu kỳ"** miền Nam sẽ thua Cộng sản. Một khi mà Cộng sản chiếm được miền Nam thì ít nhất là **sau 3 "chu kỳ"** nữa nhân dân Việt Nam mới thoát được ách Cộng sản".\*253

Chu kỳ mà ông Ngô Đình Nhu nói đến ở đây có lẽ là 12 năm (12 con giáp theo âm lịch) và sau cuộc đảo chánh 1963 thì các chính phủ quân nhân tiếp tục lên cầm quyền và Việt Nam Cộng Hòa phải đầu hàng Cộng sản Bắc Việt vào năm 1975, đúng 12 năm sau.

Nếu quả thật ông Ngô Đình Nhu có nói như vậy và nếu mà ông ta tiên đoán không sai thì "3 chu kỳ" sau khi Cộng sản chiếm được miền Nam vào năm 1975 sẽ là năm **2011**, hy vọng rằng lúc đó thì người Việt Nam có thể thoát được ách Cộng Sản như nhân dân Nga và các dân tộc Đông Âu hồi cuối thập kỷ 1980.

Bây giờ đã là năm **2006**!

**Trần Đông Phong**

\*253: Mạn đàm với cựu Đại Tá Nguyễn Ngọc Khôi tại Garden Grove, California ngày 22 tháng 9 năm 2005.

### **Ý-Kiến:**

Nhà-văn Trần Đông Phong phỏng-vấn cựu Đại-Tá **Nguyễn Ngọc Khôi**, ĐT Khôi kể lại lời của cựu Đại-Úy **Nguyễn Ngọc Hạp**, rằng Đ/U Hạp nghe Ông **Ngô Đình Nhu** "**nói một mình**" như sau:

"Nếu chế độ này bị lật đổ thì chính phủ kế tiếp sẽ do nhóm quân đội lãnh đạo. Cái chính phủ của quân đội do người Mỹ đưa lên thì giới lắm là chỉ sau một "chu kỳ" miền Nam sẽ

*thua Cộng sản.*

*Một khi mà Cộng sản chiếm được miền Nam thì ít nhất là sau 3 “chu kỳ” nữa nhân dân Việt Nam mới thoát được ách Cộng sản”*

Lời “tiên-đoán” của Ô. Nhu, tuy được đóng trong ngoặc-kép, nhưng không đúng hẳn như thế, vì **cũng trong cuốn sách ấy** [của ông Trần Đông Phong] có nơi lại ghi:

*Nếu chính phủ này bị lật đổ, chỉ cần một chu kỳ (12 năm), Cộng Sản sẽ thôn tính miền Nam. Và sau đó, phải đến ba chu kỳ nữa thì nhân dân miền Nam mới thoát được ách Cộng Sản.*

NGÔ ĐÌNH NHU (1963)

Nhà văn Trần Đông Phong đã cẩn-thận viết “*Nếu quả thật ông Ngô Đình Nhu có nói như vậy*” tức là Ông Phong cũng **không hẳn tin 100% lời kể của Đ/U Hạp qua lời kể của Đ/T Khôi.**

Ô. Phong hoàn-tất cuốn sách vào năm **2006** và “hy vọng” Việt Nam có thể thoát được ách cộng sản vào năm **2011**.

Vấn-đề còn lại là **độ khả-tín của cựu Đại-Úy Nguyễn Ngọc Hạp**: Một lời tiên-đoán “động trời” như thế của Ông Ngô Đình Nhu (qua năm 1975 là đã “hiện-thực” rồi) nếu được đưa ra càng sớm thì càng tăng thêm “giá-trị” cho cả Ông Nhu lẫn Đệ-Nhất Cộng-Hòa, thế nhưng tại sao đương-nhân lại **không kể lại cho người nào khác nghe**, và cựu Đại-Tá Khôi cũng **đợi đến năm 2005** – từ 1963 đến 2005 là... **42 năm sau** – khi được nhà-văn Trần Đông Phong phỏng-vấn mới... chịu nói ra?

Nếu có vị nào có được tài-liệu về sự-kiện này, **trước năm 2005** thì xin vui lòng bổ-túc để kiện-toàn hồ-sơ liên-quan.

## II- VỀ BÀI-VIẾT CỦA ÔNG PHẠM LỄ:

1/ Cứ theo bài-viết của Ông Phạm-Lễ ghi trên, thì Ông Ngô Đình Nhu đã nói lời tiên tri như trên trong buổi họp của Tổng Đoàn Thanh niên Dân Vệ **tháng 10 năm 1962** tại TTHL/Thị Nghè.

### **Ý-Kiến:**

Ông Ngô Đình Nhu đã đưa ra lời tiên-tri như trên vào năm 1962, tức là **vào năm 1962 mà ông đã biết [13 tháng] trước là vào [tháng 11] năm 1963 thì nền Đệ-Nhất Cộng-Hòa sẽ bị lật đổ**, thế mà cả chế-độ Ngô Đình-với tổng-thống “anh-minh” và cố-vấn là “*một thiên-tài chính-trị, một Khổng-Minh của Việt-Nam, kiến trúc sư*

*của chế độ, là người khởi xướng mọi chủ trương chính sách cho nền **Đệ Nhất Cộng Hòa***—cùng các bào-huynh bào-đệ thầy đều xuất-chúng bạt-quần, và cả triều-đình “công-chính” với thần-dân “trung-nghĩa”, mà không biết làm cách nào để thoát khỏi lưỡi hái tử-thần, thì quả thật là... **niềm uất-hận ngút trời và nỗi nhục-nhã nghìn đời của Dòng Họ Ngô Đình**. Tôi xin chia buồn với ông. Phải chăng mọi sự đều do ... Chúa an bài !

Hơn nữa, bọn “*ngoại-bang và tay sai*” đã “*không có chính-nghĩa*” lại gặp giai-đoạn **chiến-tranh gia-tăng cường-độ**, thế mà giữ được Việt-Nam (Đệ-Nhị) Cộng-Hòa **đến 12 năm**, trong lúc Đệ-Nhất Cộng-Hòa do Ngô Tổng-Thống sáng-lập & khai-sinh trong một **giai-đoạn bình-yên hơn**, mà chỉ tồn-tại có **9 năm**! Chúa có công-bình không?

2/ Cũng cứ theo sự tính-toán của Ông Phạm-Lễ ghi trên, thì chúng ta mất nước vào năm **1973** là năm ký kết mật ước Ba Lê, và phải mất thêm 36 năm nữa mới lấy lại nước được: 1973 cộng với 36 tức là đến năm **2009** mới lấy lại nước được. Nhưng **năm 2009 đã qua lâu rồi, mà đã “lấy lại nước” được đâu?**

3/ Ông Phạm Lễ lại giải-đoán lời tiên-tri của Ông Ngô Đình Nhu, quả-quyết rằng Cộng-Sản Bắc Việt sẽ quản-trị **35 năm +/-2**, sau đó sẽ bị giải-thể...

**Ý-Kiến:**

Ông Phạm Lễ căn-cứ vào đâu mà lấy con số **35 năm** (thay vì 3 lần 12 năm là **36 năm**, như lời tiên-tri của Ông Ngô Đình Nhu)? Ông Phạm Lễ lại dùng công-thức toán-học  $\pm 2$  tức là có thể 2 năm trước đó hoặc sau đó. Như thế thì, 1973 cộng với 35 là **2008**; tức là có thể vào năm  $(2008+2=)$  **2010**, hoặc vào năm  $(2008-2=)$  **2006**. Rốt cuộc, **dù vào năm nào theo lời tiên-tri và lời giải-đoán như thế thì cũng đều trật lất!**

4/ Ông Phạm Lễ còn viết: “*như mật ước Yalta qui định cho Liên Xô là  $70 \pm = 72$  bị sập hoàn toàn*”.

**Ý-Kiến:**

Tôi tìm nhiều lần mà chỉ thấy có hội-nghị (và mật ước) Yalta vào năm **1945**.

Tôi không hiểu cái công-thức  $70 \pm = 72$  là gì.

Nếu hiểu theo cái công-thức dành cho Việt-Nam [35 năm  $\pm 2$ ]

thì cái công-thức dành cho Yalta/Liên Xô là 70 năm +/- 2 tức là từ năm 1945 cho đến 70 năm sau là **2015**. Du-di cộng 2 hoặc trừ 2, thành ra **2017 hoặc 2013**. Nhưng từ năm 2013 đến năm 2017 thì là những năm chưa tới, và **Liên-Xô đâu có còn trên mặt đất này mà “bị sập hoàn toàn”?**

Còn nếu =72 có nghĩa là vào năm **1972** thì Liên Xô “bị sập hoàn toàn” thì lại **càng không đúng** (vì Liên Xô mãi đến năm **1991** mới thật-sự “bị sập hoàn toàn” mà).

Riêng về mục A4 này thì tôi thú thật là chưa nắm vững, vì cái cách viết như thế gây ra thắc-mắc như thế, nên tôi đề-nghị Ông Phạm Lễ giải-thích rõ hơn để tránh hiểu lầm [?] như trên. Xin cảm ơn trước.

5/ Ông Phạm Lễ nêu lên 2 **mật ước**: mật ước Ba Lê năm 1973 và mật ước Yalta.

#### **Ý-Kiến:**

Hội-Nghị Yalta từ 4 đến 11 tháng 2 năm 1945, tuy là một cuộc họp riêng giữa 3 nguyên-thủ quốc-gia Mỹ, Anh, và Liên-Xô (Tổng-Thống Franklin D. Roosevelt, Thủ-Tướng Winston Churchill, và Tổng-Bí-Thư Joseph Stalin), nhưng đến ngày cuối-cùng là 11-2-1945 họ đã cùng nhau ký tên và công-bố một “*Tuyên-Ngôn về các nước Châu Âu đã được Đồng-Minh giải-phóng*” (“Declaration on Liberated Europe”), và sau đó thì Tổng-Thống Roosevelt đã bị ít nhất là tờ báo “Chicago Tribune” đăng hình châm-biếm, đồng-thời Thủ-Tướng Churchill cũng bị báo Anh cười riêu như thế (vì đã nhượng-bộ Liên-Xô quá nhiều). Thế thì sao lại gọi thỏa-ước ấy là... “**mật ước Yalta**”?

Còn Hội-Nghị Paris thì kéo dài nhiều năm từ 10-5-1968, giữa Hoa-Kỳ, Việt-Nam Cộng-Hòa, Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa, và Cộng-Hòa Lâm-Thời Miền Nam Việt-Nam, được cả thế-giới chú ý theo-dõi, và kết-quả là Hiệp-Định Paris ký ngày 27-1-1973 mà nhiều giới quan-sát cho là một bản văn bức-từ Việt-Nam Cộng-Hòa. Hiệp-Định ấy (dù có phe nào bí-mật thỏa-thuận riêng với phe nào trong lúc đàm-phán, nhưng lúc) đã được ký tên và công-bố để thi-hành, và đã gây ra phản-ứng sôi-nổi công-khai trên khắp hoàn-cầu, thì sao lại gọi nó là “**mật ước Ba Lê**”?

### **B. HÌNH-THỨC**

Điều đáng chú ý là trong thời-gian qua, **có một số người đã ... “tiết-lộ”** (vì là mới lần đầu tiên đưa ra công-khai) một số lời-nói và

việc-làm của cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm, cố Cố-Vấn Ngô Đình Nhu, v.v...

Tôi xin đề-nghị tất cả mọi người hãy đòi-hỏi, tìm cho được, “tài-liệu” nào, được công-bố/phát-hiện ở đâu, vào ngày tháng năm nào, là “tài-liệu” đã được phổ-biến cũ nhất, để xác-định thực/hư những điều mà người ta gán cho các vị lãnh-đạo Đệ-Nhất Cộng-Hòa. Cụ-thể là các câu chủ-yếu như lời tiên-tri của Ông Ngô Đình Nhu mà Ông Phạm Lễ mới đưa ra gần đây, trong tháng 8-2011: các lời tiên-tri về thời-diểm VNCH sẽ bị rơi vào tay cộng sản, về thời-diểm lấy lại nước, v.v... (dù là trật lất), để xem có nguồn-gốc nào trước đó hay không. Hay **chỉ là những “phịa-sử”**, tì như “*Chính-Đề Việt-Nam*” của TS Tôn Thất Thiện, “*Chủ-Nghĩa Nhân-Vị Á Đông*” của TS Nguyễn Ngọc Tấn, “*Cái Ghế Nhôm Không Chân*” của TS Hồng-Lĩnh Hồ Nam Trân, và cả “*Cậu Bé 14 Tuổi*” của Writer Phạm Lễ?

Riêng về các lời tiên-tri của Ông Ngô Đình Nhu mà Ông Phạm Lễ nêu ra ở đây, nếu ai có được tài-liệu “cũ”, trước năm 2005, thì xin vui lòng cập-nhật-hóa để góp phần soi sáng Sự Thật Lịch-Sử.

## LÊ XUÂN NHUẬN

Date: Thursday, August 25, 2011, 2:20 PM

[**Ghi chú:** Sáu người “được” tác giả Lê Xuân Nhuận nhắc đến trong bài viết này là **Phạm Lễ, Trần Đông Phong, Nguyễn Ngọc Khôi, Nguyễn Ngọc Hạp, Nguyễn Ngọc Tấn, Hồng Lĩnh Hồ Nam Trân** thì có hai điểm chung:

*Thứ nhất* là họ biết những chuyện lịch sử “động trời” mà cộng tác viên cao cấp và thân tín nhất của hai ông Nhu-Diệm **cũng không biết**, rồi đợi đến **ba bốn mươi năm** sau, tại **hải ngoại**, họ mới “tiết lộ” ra để rửa mặt cho hai ông này. Phịa sử vụng về quá, ai mà tin được !

Và *thứ nhì* là cả 6 người, dĩ nhiên, đều là ... con chiên Công giáo - TKL]

## CHUỘT CHẠY CÙNG SÀO!

*Nguyễn Trí Cẩm*

Trong những năm gần đây, cứ gần đến ngày 1 tháng 11, ngày chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, là ta lại thấy tiếng ca ngợi ồn ào “*tinh thần Ngô Đình Diệm*” của người Công giáo hải ngoại, nào là người yêu nước, chính trực, bất khuất v.v.. rồi gần đây, tiến đến việc đề nghị xây dựng tượng đài cho ông ta sau gần 50 năm, kể từ ngày tàn của chế độ gia đình trị năm 1963 cho đến nay. Đây không phải là việc tự phát, mà theo như suy luận, đó là một chiến dịch có chủ đích rõ ràng của các nhóm hoài Ngô nhằm biện minh cho một giai đoạn lịch sử.

Giai đoạn lịch sử của nền Đệ nhất Cộng hòa đã được ghi vào sử sách, và số phận của Tổng thống Diệm cũng đã khép lại, lịch sử đã sang trang, nhưng ông không được yên nghỉ vì những kẻ tiếc rẻ cái thời hoàng kim sống dưới triều ông cứ vực ông dậy, ca ngợi công trạng của ông bằng những phẩm chất cao đẹp. Di sản chính trị của ông, thông qua những nhóm hoài Ngô, nay trở thành mối di họa khi họ vẫn tiếp tục hô hào, nuôi dưỡng hận thù dân tộc, kích động tôn giáo, mà đáng lý ra chúng phải được dần khép lại sau cuộc chiến. Tuy rằng những nỗ lực này rồi cũng sẽ chẳng đến đâu do trình độ dân trí ngày nay đã tiến xa.

### **Ngàn năm bia miệng**

Riêng nói về công trạng, ông Diệm thật sự **có công đối với Vatican** trong việc mở mang nước Chúa là điều không thể phủ nhận. Ông tạo mọi điều kiện tốt nhất để phát triển đạo Chúa ở miền Nam Việt Nam. Đây cũng là lẽ thường tình của bất cứ con chiên ngoan đạo nào, với niềm tin rằng, chỉ có dân Chúa mới là những chiến sĩ chống Cộng đích thực, đáng tin cậy. Quan điểm này được áp dụng cho hầu hết các vị trí then chốt trong bộ máy cai trị của chế độ Diệm trong việc ban phát quyền bính và danh lợi cho đám Cần lao Công giáo, và các cận thần để mua sự trung thành cho chế độ. Niềm tin đó cũng được thể hiện qua việc liên minh Vatican và Mỹ tin tưởng nơi ông, vì ông là một người Ca tô giáo, để đối trọng với những người Cộng sản bên kia vĩ tuyến 17.

Cuộc đấu tranh của Phật giáo do chính sách đàn áp tôn giáo đã làm xã hội nhận thức được sự tàn ác, bất công của chế độ độc tài, gia đình trị. Không phải việc kỳ thị tôn giáo mới bắt đầu từ năm 1963 mà sự việc đã diễn ra từ những năm gia đình ông Diệm mới cầm quyền. Cuộc đấu tranh bất bạo động của Phật giáo trở thành cao điểm từ khi quân đội, cảnh sát của Diệm trực tiếp nổ súng giết hại đồng bào Phật tử trong mùa Phật đản năm 63 tại Huế và từ đó kéo theo phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, và đồng bào Phật tử lan tỏa khắp miền Nam, tạo dư luận chấn động lương tâm thế giới qua hình ảnh các tu sĩ Phật giáo tự thiêu để bảo vệ chánh pháp, và dẫn đến cuộc binh biến năm 1963, lật đổ chế độ dựa vào thế lực ngoại bang và ảnh hưởng của Vatican để cầm quyền.

Việc suy tôn ông Diệm của đám hoai Ngô trong nỗ lực ca tụng “*toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô tổng thống*” không phải đơn giản là dựng người đã yên nghỉ trong nghĩa trang thành một tượng đài. Việc đề nghị xây dựng lại tượng đài Ngô Đình Diệm của nhóm hoai Ngô có thể được hiểu như sau:

- Thứ nhất là một nỗ lực cố tạo dựng hình ảnh một người Thiên chúa giáo yêu nước qua hình ảnh Ngô Đình Diệm, chứ không phải đạo này chỉ được biết đến qua việc cầu kết với thực dân, để quốc trong quá trình truyền đạo tại Việt Nam từ quá khứ cho đến hiện tại.

- Thứ hai là chạy tội đối với lịch sử, với đại khối dân tộc phi Thiên Chúa giáo, và vì lòng căm thù của kẻ bại trận.

### **Xóa hình ảnh đồng hành cùng đế quốc, thực dân.**

Đạo Thiên Chúa **theo chân chủ nghĩa thực dân du nhập vào Việt Nam** vào khoảng đầu thế kỷ 16. Những thế lực này cầu kết và đan xen vào nhau để xâm lược và truyền đạo, tạo thành một nhóm lợi ích từ bóc lột sức lao động cũng như tài nguyên, phẩm giá con người của các nước thuộc địa, tìm cách xóa bỏ nền văn hóa bản địa để xây dựng thành những nước Pháp nhỏ, nhưng với tinh thần quật cường, bất khuất, dân tộc Việt Nam đã đứng dậy, tổ chức những phong trào kháng chiến chống lại ách đô hộ, lớp trước ngã xuống, lớp sau quật cường đứng dậy đấu tranh, cho đến khi thực dân Pháp thảm bại tại Điện Biên Phủ năm 1954.

Sự thất bại của chủ nghĩa thực dân kéo theo sự mất đi các đặc quyền đặc lợi được thực dân Pháp ban phát, và lợi thế truyền giáo của nhà thờ, và điều quan trọng hơn cả là nó **vạch mặt các giáo sĩ, và các con chiên cúc cung tận tụy phục vụ làm tay sai chỉ điểm cho mật thám Pháp**. Thực ra, hầu hết các giáo dân đều không đủ trình độ để

tiếp xúc trực tiếp với người Pháp nhưng họ thông qua các buổi xưng tội để báo cho các ông linh mục biết. Điển hình là vụ Hà thành Đầu độc tại Thành Hà Nội năm 1908 của lính khổ xanh, khổ đỏ và các đầu bếp người Việt làm nội ứng cho Cụ Hoàng Hoa Thám đánh Thành Hà Nội, nhưng bị lộ và thất bại do một giáo dân đi xưng tội với một cha cố người Pháp<sup>11</sup> Nhờ những thông tin được giáo dân cung cấp, thực dân Pháp dễ dàng ra tay đàn áp các lực lượng kháng chiến còn phôi thai trong giai đoạn nằm dưới ách đô hộ này, tuy vẫn có một số ít người công giáo thức tỉnh không theo Pháp hay ở tư thế trung dung, nhưng đó không phải là chủ trương của nhà thờ nên không thể xem là đại diện cho một tôn giáo đồng hành cùng dân tộc được.

Đối với đại khối dân tộc dân tộc, đạo Thiên Chúa tuy vẫn hiện diện ở Việt Nam nhưng nó vẫn như là xa lạ, gần như không gắn kết được vào đời sống văn hóa, lễ hội truyền thống của dân tộc, nên dầu trải qua mấy trăm năm, tỷ lệ người theo Thiên chúa giáo vẫn không vượt quá 6-7 % dù họ được hỗ trợ bằng mọi phương tiện từ vật chất từ các tổ chức bên ngoài. Với những nguyên nhân trên, để đạo phát triển được, việc cần thiết là cần phải xóa bỏ đi hình ảnh đạo Thiên Chúa gắn liền với các thế lực đế quốc, thực dân. Và hình ảnh người Thiên Chúa giáo “yêu nước” được xây dựng qua hình ảnh tổng thống Ngô Đình Diệm, được suy tôn là “vị quốc vong thân”.

Việc tìm cách đẩy nên phong trào tinh thần Ngô Đình Diệm và các đề nghị xây dựng tượng là một hình thức mặc nhiên “tri ân” người có công với đất nước, và chủ đích muốn đánh lừa dư luận rằng “mất nước” là do sự đấu tranh “bạo động” của Phật giáo và các thế lực “phản trắc” của nhà Ngô, do đó, hành vi trấn áp Phật giáo là đúng

---

<sup>11</sup> Sau đó, mật thám khám xét nhiều nơi. Dù không có kết quả rõ ràng nhưng quân Pháp vẫn nghi ngờ, đề phòng. Tối 27-6-1908, những người yêu nước bắt đầu thực hiện kế hoạch. Nhóm đầu bếp Hai Hiên đã bỏ cả độc vào thức ăn. Khoảng 200 binh lính Pháp thuộc trung đoàn bộ binh số 9 và trung đoàn pháo binh số 4 trúng độc bất tỉnh nhưng không chết vì lượng chất độc yếu. *Vụ việc đang tiến hành dở dang thì một người lính tên Trương trong cơ công binh pháo thủ số 9 đã vội xưng tội với linh mục*. Tin đến quan Pháp. Chúng lập tức cho bắt ngay binh lính và các đầu bếp Việt trước khi họ kịp cướp kho súng, nổ pháo hiệu báo nghĩa quân ngoài thành tiến vào

[Nguồn: [tuoitre.vn/.../100-nam-su-kien-Ha-thanh-dau-doc---Ky-3-Le-te-song.html](http://tuoitre.vn/.../100-nam-su-kien-Ha-thanh-dau-doc---Ky-3-Le-te-song.html) -]

đấn, vì sự sống còn của tổ quốc, chứ không phải xuất phát từ động cơ tôn giáo. Ngoài ra, nó cũng có thể mang động cơ lợi dụng để kiếm tiền của nhóm hô hào thông qua sự kêu gọi đóng góp tiền bạc trong việc xây dựng tượng đài.

**Chạy tội trước lịch sử.**

Riêng các đảng viên Cần lao Công giáo và những người chịu ơn mưa móc của Ngô triều nay phải đối phó với hàng núi thông tin về “chính nghĩa quốc gia” trong giai đoạn lịch sử này. Thời đại thông tin toàn cầu chắc chắn có tác động đến đời sống của họ, ít ra là trên lãnh vực tinh thần. Các thế hệ trẻ sẽ nhìn họ bằng con mắt thật của lịch sử, và để chống chọi lại, họ không còn cách nào khác là phải xuyên tạc lịch sử, và tìm mọi cách phong cho Ngô Đình Diệm là người yêu nước, gán cho ông ta những phẩm chất cao đẹp như chính trực, bất khuất, quân tử v.v.. có như vậy, những người trung thành với chế độ nhà Ngô mới mong giải tỏa được tâm lý là mình đã từng phục vụ cho một “*chí sĩ anh minh*” chứ không phải là một anh bù nhìn được Mỹ và Vatican dựng nên, dù đây chỉ là điều tự huyễn hoặc lấy mình. Tìm mọi cách “giải oan” cho Ngô Đình Diệm cũng là cách chứng minh là mình không sai lầm, không có tội với dân tộc khi phục vụ cho một lãnh tụ “anh minh” yêu nước.

Việc đề nghị xây dựng tượng đài Ngô Đình Diệm cũng cho ta một gợi ý, tại sao không? Chúng ta từng xây dựng rất nhiều tượng đài các vị có công với đất nước để nhân dân chiêm bái, tôn thờ nhằm xây dựng lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ nối tiếp truyền thống của cha ông, và ta cũng nên xây dựng một bảo tàng hình tượng những người có tội với tổ quốc tiêu biểu trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam để làm gương và cảnh tỉnh mọi người.

Xây dựng tượng đài Ngô Đình Diệm là một hình thức chạy tội cho ông ta trước lịch sử dân tộc, vì đây cũng chính là hình thức chạy tội cho chính mình của những người sợ “*ngàn năm bia miệng...*”, để giải tỏa mặc cảm có tội với dân tộc, với đất nước và bằng cách đổ vấy trách nhiệm “mất nước” bằng những vu cáo hoang đường cho Phật giáo, sự bỏ rơi đồng minh của người Mỹ, cho những người không chịu nhắm mắt trung thành với chế độ phi nghĩa.

Nói như thế mà cũng nói được, quả thực là chuột chạy cùng sào!

SG. 12- 2010

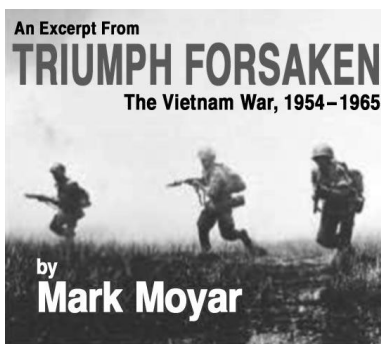
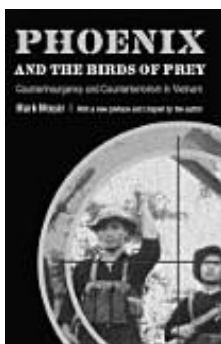
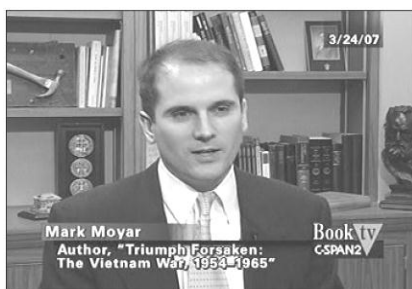
**Nguyễn Trí Cẩm**

## CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỖ HAY CHIẾN THẮNG ĐƯỢC TƯỢNG TƯỢNG?

Một vài ghi chép về cuốn *Triumph Forsaken* của Mark Moyer

### *Hồng Quốc Lộc, Đông Hiến dịch*

Trong bài phê bình cuốn **“Phượng hoàng và chim săn mồi (Phoenix and the Birds of Prey)”**, tác phẩm đầu tay của Mark Moyer, sử gia John Prados đã gọi Moyer là một sinh viên bất mãn, một người vốn luôn cảm thấy *“các thầy mình chỉ đưa ra những ý kiến một chiều rằng cuộc chiến tranh Việt Nam là sai trái và bất khả chiến thắng.”* **“Phượng hoàng”** được viết để *“chứng minh điều ngược lại,”* nhưng, theo Prados, rốt cục cuốn sách này hoá ra cũng *“chủ quan chẳng kém gì các giáo sư đang bị Moyer chỉ trích”*.<sup>[2]</sup>



Nhận xét của chuyên gia tình báo này về cuốn “**Phượng hoàng**” nên được xem như một lời cảnh báo thẳng thắn đối với những độc giả của cuốn “**Chiến thắng bị bỏ lỡ (Triumph Forsaken)**”, tác phẩm mới nhất của Moyar về cuộc chiến tranh Việt Nam, do Nhà Xuất bản Đại học Cambridge phát hành năm 2006. [3] Nguyên nhân thôi thúc Moyar viết thêm một cuốn chuyên khảo nữa về đề tài đã làm tốn nhiều giấy mực này cũng khá quen thuộc: sự bất mãn của tác giả đối với các công trình nghiên cứu bị cho là kém chất lượng, được những học giả mà Moyar gọi là “*những sử gia chính thống*” chấp bút. Những sử gia này đều có chung một xuất phát điểm, là quan niệm coi sự can thiệp của nước Mỹ vào cuộc chiến ở Việt Nam là “*sai trái và phi lý*.” Tuy họ là phái chủ lưu trong giáo giới ở các trường đại học Hoa Kỳ, quan điểm nói trên đã khiến họ trở nên giáo điều cứng nhắc, do đó các công trình họ viết ra về cuộc chiến này, nhìn chung, có thể được xem là “*đã vấp phải nhiều lỗi lầm*”. [4] Thế nên cần phải xem xét lại giai đoạn lịch sử này trong một công trình nghiên cứu mới gồm hai tập sách, mà trong đó *Chiến thắng bị bỏ lỡ* là tập đầu.

Trong tập sách này, Moyar **cố gắng phục hồi uy tín cho chính quyền ông Ngô Đình Diệm**, người, theo ông ta, vốn bị các sử gia “chính thống” bôi nhọ một cách phi lý. Ý chính của tác giả có thể được tóm tắt như sau: việc Chính phủ Hoa Kỳ quyết định ủng hộ cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963 là “*sai lầm lớn nhất của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh Việt Nam*,” vì nó đã làm hỏng tiến độ hết sức khả quan của chính quyền Việt Nam Cộng hoà trong việc dập tắt bạo loạn cộng sản ở miền Nam. [5] Nếu Ngô Đình Diệm không bị lật đổ, thì Việt Nam Cộng hoà sẽ đánh bại được mầm mống bạo loạn cộng sản, và điều đó có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ không bị sa vào vũng lầy đã ám ảnh xã hội Mỹ từ ngày đó đến tận bây giờ. [6]

Nhận xét mang tính “xét lại” này đối với Ngô Đình Diệm không phải mới được đưa ra lần đầu, như chính Moyar đã công nhận. Trước đó nó đã được nhắc đến, ví dụ như trong cuốn *Chiến thắng bị đánh mất (Lost Victory)* của William Colby. [7] Yếu tố mới trong nghiên cứu của Moyar là **số lượng tư liệu có về đồ sộ mà tác giả đã thu thập** để chứng minh cho nhận định rằng, lẽ ra Hoa Kỳ không nên bỏ rơi Tổng thống Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, quả núi bằng chứng mà Mark Moyar đã dành nhiều năm để thu thập không đồng nghĩa với việc ý kiến xét lại của ông ta về cuộc chiến tranh Việt Nam có sức nặng tương đương. Moyar khiến người ta nghi ngờ sự khả tín của việc xét lại này, vì ông ta **có khuynh hướng giấu độc giả những thông**

**tin có thể khiến họ nghĩ không tốt về chính quyền Ngô Đình Diệm.** Một ví dụ điển hình cho khuynh hướng này là cách lập luận của Moyar khi đề cập đến cuộc trưng cầu dân ý năm 1955, căn cứ để sau đó Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại.

Như Moyar cho biết, trước khi tiến hành cuộc trưng cầu dân ý này, thì đã diễn ra **một chiến dịch tuyên truyền để bộ máy của Ngô Đình Diệm truyền đạt tới từng cử tri** miền Nam thông điệp về hình ảnh của Ngô Đình Diệm như một vị anh hùng dân tộc, tương phản với Bảo Đại là bù nhìn của Pháp, chỉ biết ăn chơi trác táng. Cuối cùng, đến ngày bầu cử 23 tháng 10, cử tri “được hướng dẫn bỏ tám phiếu đỏ cho ông Ngô Đình Diệm – màu đỏ tượng trưng cho hạnh phúc và may mắn đối với người Việt - hoặc là phiếu màu xanh cho Bảo Đại – màu xanh mang ý nghĩa ngược lại.”<sup>[8]</sup> Nhờ tất cả những nỗ lực đó của chính phủ, cuộc trưng cầu dân ý mang lại một chiến thắng về vang cho Ngô Đình Diệm, làm uy tín của ông ta được tăng thêm rất nhiều trong dân chúng miền Nam.<sup>[9]</sup> “Số cử tri đi bầu,” Moyar phân tích, “vượt trên chín mươi phần trăm, trừ một số ít các địa phương vẫn còn đang có tranh chấp với giáo phái Hoà Hảo. Đại sứ G. Frederick Reinhardt (...) cho biết không thấy có dấu hiệu của sự gian lận hay ép buộc. Theo thống kê cuối cùng, Diệm được 5,721,735 phiếu, tương đương 98.2 % tổng số phiếu bầu.”<sup>[10]</sup>



*Trước lúc cử ông Diệm về làm Thủ tướng, toàn dân đứng sau lưng vua. Cuộc Trưng cầu Dân ý độc diễn và gian lận ngày 23-10-1955 đã hạ nhục vua Bảo Đại để ông Diệm thắng cử ...98.2% số phiếu !*

Tuy ai cũng biết việc chính quyền Ngô Đình Diệm đã sắp đặt cuộc trưng cầu dân ý này một cách vụng về (và có lẽ cũng không cần

thiết) để đạt được kết quả như trên, <sup>[11]</sup> nhưng Moyar **nhất quyết không công nhận sự thật đó**. Ngược lại, ông ta gắng gượng bào chữa bằng cách quy kết rằng thái độ dễ dãi bảo trên phương diện chính trị của người miền Nam chính là nguyên nhân dẫn đến kết quả một chiều của cuộc trưng cầu dân ý. <sup>[12]</sup> *“Kết quả đó, ông ta viết, “không nói lên rằng tất cả mọi người dân miền Nam Việt Nam đều tín nhiệm Diệm; thực ra, nó chỉ chứng tỏ rằng người dân không mấy quan tâm đến các hoạt động dân chủ và sẵn sàng chấp nhận sự sắp đặt của chính phủ, thể hiện qua chiến dịch tuyên truyền và cách chọn màu sắc cho lá phiếu.”* <sup>[13]</sup>

Vì cuộc trưng cầu năm 1955 chỉ là một sự kiện nhỏ, việc Moyar vòng vo ngay cả với một vấn đề nhỏ như vậy không thể không gây những mối hoài nghi về sự khả tín của sử gia này, những mối hoài nghi mà đúng ra Moyar không nên gieo trong lòng độc giả, khi ông ta tiếp tục công kích các học giả thuộc trường phái “chính thống” ở các phần tiếp theo.

Để chứng minh rằng các nổi nghi ngờ nói trên là chính đáng, trong đoạn tiếp theo chúng ta sẽ bàn xem (1) sự đánh giá của Moyar về chương trình cải cách điền địa do Ngô Đình Diệm khởi xướng trong những năm đầu cầm quyền, và (2) cách giải thích của sử gia “xét lại” này về sự bùng nổ của phong trào Phật giáo, sự kiện đã dẫn tới kết cục sụp đổ của chính quyền. Trong cả hai vấn đề nói trên, Moyar đã đi đến kết luận trái ngược hẳn với quan điểm mà các sử gia “chính thống” vẫn bảo vệ. Tuy nhiên, cách ông ta nêu dẫn chứng để biện minh cho các kết luận đó đầy thiên kiến đến nỗi người ta thấy hình như lời phê bình mà Prados đã dành cho cuốn sách trước của Moyar tỏ ra khá chính xác đối với cuốn *Chiến thắng bị bỏ lỡ* này.

### 1. Chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm

Có hai lý do khiến giới sử học về chiến tranh Việt Nam nói chung phải tốn khá nhiều bút mực với chương trình cải cách điền địa mà Ngô Đình Diệm đã khởi xướng ở Nam Việt Nam sau khi lên nắm quyền vào năm 1954. Thứ nhất là gánh nặng mà giới điền chủ đã gây ra cho nông dân đồng bằng sông Cửu Long, nơi mà vào thời điểm chính quyền miền Nam ra đời, bốn mươi phần trăm (tổng diện tích) đất canh tác thuộc sở hữu của 2,500 người - tức là 25 phần nghìn (0.25%) dân số nông thôn. Phần lớn nông dân vùng này không có hoặc có rất ít đất canh tác và phải đi mướn ruộng cùng với trâu bò kéo của các điền chủ. <sup>[14]</sup>

Lý do thứ hai khiến các sử gia về chiến tranh Việt Nam quan

tâm tới chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm là phong trào phân chia lại ruộng đất do chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hay còn được gọi là Việt Minh tiến hành ở đồng bằng sông Cửu Long trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp quay lại chiếm Việt Nam sau Thế Chiến II.

Trong thời kháng chiến, nhiều điền chủ, địa chủ và tá điền (của vùng này) tản cư về các thành phố và đô thị. Trong khi họ vắng mặt, dựa trên các sắc lệnh của chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, các cán bộ kháng chiến tiến hành các chính sách giảm tô cho nông dân trong các khu vực họ kiểm soát. Ngoài ra, cán bộ kháng chiến còn phân chia lại ruộng đất tịch thu của các địa chủ vắng mặt. Những người được nhận ruộng không phải trả tô cho chính phủ kháng chiến nhưng phải đóng thuế, một nghĩa vụ mà người dân nói chung đều chấp nhận thực hiện vì không liên quan gì đến khoản tô vẫn phải trả cho người cho thuê ruộng theo thông lệ.<sup>[15]</sup>

Dựa trên số lượng các thôn xóm thuộc vùng Việt Minh kiểm soát trong thời kháng chiến chống Pháp, Carlyle Thayer suy đoán việc phân chia lại ruộng đất phải có ảnh hưởng khá sâu đậm đối với nông dân miền Nam.<sup>[16]</sup> Với kết quả là thu được cảm tình của nông dân miền Nam dành cho Việt Minh, chương trình phân phối lại ruộng đất thực hiện trong những năm kháng chiến có thể so sánh như con ngựa thành Troia được các cán bộ Việt Minh để lại miền Nam khi tập kết ra Bắc sau Hiệp định Geneva.

Có thể nói, cách giải quyết của Ngô Đình Diệm đối với mối nguy này gồm có hai biện pháp chính.<sup>[17]</sup> Năm 1955, chính phủ Ngô Đình Diệm ban hành Dự số 2 nhằm bảo vệ quyền lợi của tá điền. Ngoài những nội dung khác, Dự này quy định “*mức tối đa đối với mức thu tô và lãi suất mà điền chủ được áp dụng.*”<sup>[18]</sup> Dự số 57, ban hành một năm sau đó, được thiết kế để hạn chế sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất bằng biện pháp tái phân bổ. “*Ngày 22/10/1956, Moyer viết, Diệm ban hành một sắc lệnh của tổng thống, giới hạn diện tích đất ruộng tối đa một cá nhân có thể sở hữu là 100 ha. Quyết tâm tránh “dùng biện pháp ăn cướp và tra tấn dã man” như phong trào Cải cách ruộng đất của Cộng sản, Diệm chỉ thị cho các quan chức địa phương trả tiền mua số đất vượt quá giới hạn, chứ không tịch thu. Sau đó chính phủ sẽ chia nhỏ số đất vượt giới hạn này để bán cho các nông dân chưa có ruộng, và họ được vay một khoản tiền không phải trả lãi trong kỳ hạn sáu năm để mua.*”<sup>[19]</sup>

Rất nhiều sử gia đã kết luận rằng chương trình cải cách điền địa

của Ngô Đình Diệm là **một thất bại lớn**.<sup>[20]</sup> Các nguyên nhân dẫn đến sự thất bại này, theo họ, là việc ông ta không thấu hiểu được nhu cầu của nông dân miền Nam,<sup>[21]</sup> sự e ngại bị mất lòng giới điền chủ, vốn là một bộ phận quan trọng tạo nên điểm tựa chính trị của Ngô Đình Diệm,<sup>[22]</sup> và sự thiên vị đối với các kế hoạch phát triển nông thôn khác như chính sách Dinh Điền và chương trình Khu Trù Mật.<sup>[23]</sup> Các biện pháp cải cách mà chính quyền Ngô Đình Diệm áp dụng, xét theo mọi khía cạnh, đều quá yếu nên không thể cất nổi các gánh nặng của người nông dân miền Nam. *“Không những chính quyền Sài Gòn không ngăn chặn được sự lạm dụng trong quan hệ của địa chủ với tá điền; mà việc phân chia lại ruộng đất – viên ngọc trên vương miện của bất kỳ một chương trình cải cách hữu hiệu nào – cũng chỉ mang lại được ích lợi cho số ít nông dân,”* Philip Catton kết luận trong *Thất bại cuối cùng của Diệm (Diem’s Final Failure)*, một tác phẩm được học giới đánh giá cao. “Dụ số 57,” Catton viết tiếp, *“là một văn bản pháp luật nặng tính bảo thủ,”* vì mức giới hạn diện tích sở hữu 100 ha được quy định trong văn bản này **cao hơn 30 lần so với các mức giới hạn được đặt ra với mục đích tương tự ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan**. Vì vậy, theo Dụ này, chỉ có bảy trăm ngàn héc-ta đất cần phân chia lại, tương đương một phần ba số diện tích phát canh thu tô ở miền Nam Việt Nam.<sup>[24]</sup>

Hậu quả lúc đó là, *“chỉ có 10 phần trăm tá điền được hưởng lợi ít nhiều từ việc triển khai Dụ số 57.”*<sup>[25]</sup> Số còn lại vẫn phải tiếp tục lao động *“với các điều khoản phát canh chèn ép tá điền.”*<sup>[26]</sup> Đối với những nông dân nghèo, chế độ Ngô Đình Diệm, có thể nói là, *“chỉ là một sự cải thiện chút đỉnh so với thời Pháp thuộc.”*<sup>[27]</sup>

Trước tình cảnh như vậy, “lúc đó,” Roy Prosterman kết luận, tức là vào cuối thập niên 50, việc Việt Cộng thế chân Việt Minh là tất yếu, với lời hứa hẹn sẽ duy trì và mở rộng phong trào cải cách ruộng đất của Việt Minh khiến họ thu hút được sự ủng hộ rộng khắp của dân chúng.<sup>[28]</sup>

Không có gì là bất ngờ khi Moyar không tán thành với quan điểm nói trên, vốn vẫn được chấp nhận là quan điểm nổi trội trong giới sử gia về Việt nam. Dù phải công nhận rằng, về lâu dài, quyết định của Ngô Đình Diệm cho phép **điền chủ được sở hữu tới 100 héc-ta đất ruộng là một sai lầm** *“phải trả giá đắt”*,<sup>[29]</sup> Moyar vẫn duy trì ý kiến rằng những nỗ lực giải quyết vấn đề điền/địa chủ ở đồng bằng sông Cửu Long của chính quyền Ngô Đình Diệm, nhìn chung là một thành công.<sup>[30]</sup> *“Một trong những thành tựu quan trọng*

nhất trong thời kỳ đầu cầm quyền của Ngô Đình Diệm là việc cải cách điền địa,” Moyar biện luận, <sup>[31]</sup> với ngầm ý bác bỏ kết luận của giới “chính thống” rằng đó là một thất bại lớn. Tuy nhiên, sử gia “xét lại” này có vấn đề ở chỗ, ông ta đã để hờ những khoảng trống nghiêm trọng, nếu không nói là chết người, trong lý luận của mình khi **đưa ra quá ít thông tin liên quan** - điều mà một sử gia cần tránh: **Ông ta đã không cho độc giả biết rằng cuộc cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm đã có thể làm cho tình cảnh của nhiều nông dân nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long xấu đi rất nhiều.** Như Jeffrey Race đã chỉ ra rằng:

Với ngôn từ văn hoa là “chương trình hạn chế mức tô mà điền chủ được phép thu,” theo Dụ số 2 ngày 8/1/1955, chính quyền Diệm yêu cầu tất cả tá điền phải ký hợp đồng với điền chủ, tức là chính thức ghi nhận rằng tất cả **số ruộng họ được Việt Minh cấp vẫn thuộc quyền sở hữu của điền chủ, địa chủ.** Tính riêng ở Long An, hơn 28,000 hợp đồng như vậy đã được ký kết theo quy định của Dụ số 2. Chính sách tái phân bổ do chính quyền Sài Gòn đưa ra theo Dụ số 57 ngày 22/10/1956 gần như không **tạo được tác động gì để cải thiện hậu quả nghiêm trọng của Dụ số 2.** Trong số khoảng 35,000 hộ nông dân ở Long An phải thuê một phần hoặc toàn bộ đất canh tác, chỉ có 3,613 hộ đủ tiêu chuẩn được mua đất theo Dụ số 57; hơn nữa, thủ **tục quá chậm chạp** đến nỗi cho đến tận năm 1960, khi chính quyền Long An đã rơi vào hoàn cảnh nguy ngập, mới chỉ có 973 giấy chứng nhận sở hữu đất ruộng được cơ quan Bộ ở Sài Gòn gửi về. Việc đòi hỏi người nhận ruộng phải trả tiền mua của chính quyền Sài Gòn khiến chính sách của họ tỏ ra kém hấp dẫn so với phương pháp cấp phát đại trà của Việt Minh. <sup>[32]</sup>

Moyar hẳn phải biết những tệ trạng nghiêm trọng mà chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm có thể gây ra, vì đó là một điểm nổi bật được cả Prosterman và Thayer nhấn mạnh, mà cả hai tác giả này đều được chính Moyar trích dẫn trong phần biện luận về thành tích nông nghiệp của vị Tổng thống Nam Việt Nam. <sup>[33]</sup> Prosterman đã lưu ý chúng ta rằng biện pháp kiểm soát hợp đồng thuê ruộng của Ngô Đình Diệm có tác động “**tái lập lại mối quan hệ điền chủ-tá điền trên hàng trăm ngàn nông hộ ở những vùng trước đây thuộc quyền kiểm soát của Việt Minh, nơi mà những người nông dân vẫn nghĩ rằng ruộng đất đã thuộc về họ,**” <sup>[34]</sup> và Thayer chỉ ra rằng, nhờ chính sách của Ngô Đình Diệm, những điền chủ không ở địa phương “**đã sinh sống chủ yếu ở các đô thị,**” giờ có thể “**thu được tiền**

*tô ở những vùng đất ruộng trước đây không thu được.”* Trong nhiều trường hợp, tác giả bổ sung, “*điền chủ thuê giới chức địa phương, thậm chí cả đơn vị quân đội, đi thu tô thay mình.*” <sup>[35]</sup> Vì đã tự xưng là một sử gia “xét lại”, đương nhiên Moyar không cần phải chấp nhận những biện luận của các sử gia “chính thống” nói trên về chính sách nông nghiệp của Ngô Đình Diệm như một sự thật hiển nhiên. Nhưng trong trường hợp đó, ông ta cần phải nêu ra những lập luận của họ để tranh luận về tính đúng đắn của chúng. Vì những lập luận này, nếu không bị phản biện, sẽ rất có hại cho quan điểm “xét lại” của Moyar, nên việc ông ta thậm chí **không nhắc đến chúng** không khỏi gây nên những nghi ngờ rằng ông ta muốn **xét lại lịch sử bằng cách loại bỏ những tư liệu không phù hợp với lý thuyết của mình.**

## 2. Cuộc đụng độ với Phật giáo năm 1963

Như chúng ta sẽ thấy, chiến lược **loại bỏ tư liệu một cách có chọn lọc** được Moyar áp dụng một lần nữa, khi ông ta “xét lại” cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963, yếu tố khiến chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ nhanh hơn. Như chúng ta đã biết, cuộc khủng hoảng khởi đầu với Biến cố cờ Phật giáo vào tháng Năm năm 1963 ở Huế. Giới Phật giáo miền Nam Việt Nam khẳng định rằng biến cố này là bằng chứng của chính sách kỳ thị tôn giáo mà họ phải chịu đựng dưới chế độ Ngô Đình Diệm - một khẳng định sẽ trở thành sự biện minh cho những hoạt động phản đối chế độ này mà họ tiến hành sau đó.

Tuy quan điểm nói trên đã được nhiều sử gia trong và ngoài nước Mỹ chấp nhận, Moyar lại cho rằng điều đó hoàn toàn sai lạc. “*Những người chỉ trích Diệm đã sai lầm khi tin rằng phong trào Phật tử xuống đường năm 1963 bắt nguồn từ sự bất mãn sâu rộng đối với một chính phủ có biểu hiện thiên vị tôn giáo,*” ông ta biện luận. <sup>[36]</sup>

*Thật ra, đó là màn kịch quyền lực của một thiểu số các vị lãnh đạo Phật giáo, mà chủ đích mập mờ của họ về sau đã bộc lộ rõ ràng khi họ dứt khoát cản trở những nỗ lực hàn gắn từ phía chính quyền, và những lời buộc tội của họ về đàn áp tôn giáo đã tỏ ra vô căn cứ. Những vị này có quan hệ mật thiết với Cộng sản, hoặc chính bản thân họ là Cộng sản đội lốt, và có những điệp viên Cộng sản tham dự tích cực vào phong trào Phật tử tranh đấu.* <sup>[37]</sup>

Với quan điểm này, Biến cố cờ Phật Giáo năm 1963 được mô tả như một cái cớ để các vị lãnh đạo Phật giáo, hoặc “Cộng sản” vin vào để lật đổ Ngô Đình Diệm. Theo lời kể của Moyar về sự kiện này, khởi điểm của phong trào này là, một hành động của giới cảnh sát nhằm ngăn chặn việc treo cờ Phật giáo nhân ngày 7/5, một ngày lễ Phật

(Phật đàn). Chỉ vài ngày trước đó, trong các buổi lễ thánh ở Huế và Đà Nẵng, chính quyền đã cho phép treo cờ vàng-trắng của Toà thánh Vatican. Tuy nhiên, sau các buổi lễ đó, Diệm đã quyết định rằng chính quyền phải có biện pháp bảo đảm việc thực thi sắc lệnh cấm treo cờ tôn giáo ngoài trời, kể cả cờ Công giáo, một sắc lệnh vốn được ban hành từ lâu nhưng không được thực thi nghiêm túc. <sup>[38]</sup>

Rất có thể là Tổng thống Ngô Đình Diệm chỉ muốn giữ uy tín cho chính quyền, <sup>[39]</sup> nhưng quyết định của ông ta đã bị những người chống đối xuyên tạc. Bất chấp thực tế là thông tư cấm treo cờ áp dụng cho mọi tôn giáo, và việc cưỡng chế thi hành là để đáp lại hành động của giới Công giáo, một số lãnh đạo Phật giáo cứ khẳng định rằng đó là một hành vi kỳ thị Phật giáo, vì trước đó chính quyền đã không cấm treo cờ Thiên chúa. <sup>[40]</sup>

Nhìn chung, có thể nói rằng cách giải thích của Moyar về nỗ lực biến Phật giáo ngược hẳn với quan điểm của nhiều người, ví dụ như của Nguyễn Thế Anh, một người vừa là cựu Viện Trưởng Đại học Huế, vừa là cựu giáo sư khoa Sử trường Đại học Sài Gòn. Ông Anh cho rằng, nguyên nhân tổng quát của sự biến này phải được đúc rút từ (a) sự kỳ thị mà Phật giáo miền Nam **từng phải chịu đựng** dưới bàn tay của chính quyền Ngô Đình Diệm, và (b) thái độ **trịch thượng ra mặt của thiểu số Công giáo**, với đường lối của Ngô Đình Diệm muốn dựa vào họ làm hậu thuẫn chính trị cho chế độ của mình. Hai yếu tố đó mới là nguyên nhân khoét sâu sự chia rẽ vốn đang tồn tại trong xã hội miền Nam. “*Những rạn nứt xã hội, trong mức độ mà chúng đã có,*” theo lời của chính ông Anh, lại bị đào sâu thêm do ý định của Ngô Đình Diệm muốn biến cộng đồng Thiên chúa giáo trở thành nền tảng cơ bản của chế độ. **Đặc ân của chính phủ chỉ dành cho những người Công giáo:** vị trí then chốt dân sự và quân sự, hợp đồng thương mại, các đặc quyền. Việc chiếm hữu gần như độc quyền niềm tin nhiệm và sự ưu đãi của chính quyền của một thiểu số (...), quá thường xuyên phô trương một cách vụng về về ngạo mạn đắc thắng của mình, thế nào cũng bị gán với sự kỳ thị tôn giáo không thể chấp nhận được. <sup>[41]</sup>

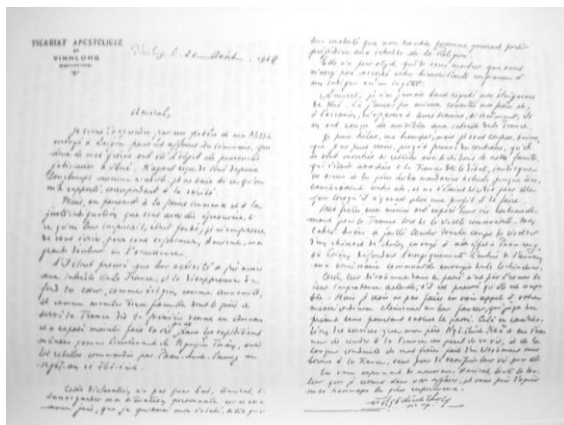
Theo ông Anh, chính tình trạng này đã thúc đẩy những vị lãnh đạo Phật giáo miền Nam, trước đó vốn vẫn giữ quan điểm đứng ngoài chính trị, bước vào chính trường. Khi bàn về mức độ ủng hộ của người dân miền Nam đối với Phật giáo, ông Anh viết như sau:

*Thế nhưng, mặc dù được lòng dân, những vị lãnh đạo Phật giáo luôn **khinh ghét việc đòi lại ảnh hưởng chính trị** để thúc ép các*

biển cổ. Luôn giữ vững niềm tin tự đáy lòng là đại diện cho truyền thống đích thực của quốc gia, họ vẫn **ngại tham gia** vào các cuộc tranh luận. (...) Nhưng phản ứng chống lại sự tàn nhẫn của chế độ Ngô Đình Diệm và chống lại sự thiên vị dành cho thiểu số Công giáo cũng như về trích thượng của nhóm người đó, sẽ **tạo mỗi hội tụ chính trị** của các vị lãnh đạo Phật giáo này. <sup>[42]</sup>

Nếu chúng ta tin vào cách giải thích của giáo sư Anh về bối cảnh chính trị và xã hội của sự biến Phật giáo năm 1963, thì chúng ta có thể nhận thấy Biển cổ cờ Phật Giáo **chỉ là giọt nước làm tràn ly**, chứ không phải là một sai sót không cố ý (của chính quyền) đã bị lãnh đạo Phật giáo lợi dụng với động cơ chính trị như Moyar ngầm giải thích. Nhưng vì sao chúng ta nên tin lời giáo sư Anh? Có lý do gì để chúng ta thiên về cách giải thích của ông hơn là của Moyar về phong trào Phật giáo?

Trong khi đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi trên, chúng ta cần nhớ rằng có nhiều biểu hiện cho thấy **Ngô Đình Diệm cần dựa vào những người Công giáo ngay từ buổi đầu bước vào chính trường**. Điều này có thể chứng minh qua những hành động chống Pháp của Ngô Đình Diệm trong thời kỳ Nhật chiếm đóng trong Thế chiến II, khi gia đình họ Ngô chọn Nhật làm đồng minh thay cho người Pháp. <sup>[43]</sup> Để chống lại người Pháp, Ngô Đình Diệm cho thành lập một chính đảng bí mật lấy tên là “Đại Việt Phục Hưng Hội” khoảng năm 1943. <sup>[44]</sup> Đảng này dường như hoạt động chủ yếu ở miền Trung Việt Nam, quê Diệm, và **đa số - thậm chí tất cả, thành phần nhân sự đều là người Công giáo**. <sup>[45]</sup>



*Thư của Giám mục Vĩnh Long là Ngô Đình Thục gửi Toàn quyền Jean Decoux ngày 21/8/1944, nhân danh quá trình tận tụy của cả gia đình cho chính phủ Pháp để xin tha tội cho các em (Diệm và Nhu)*

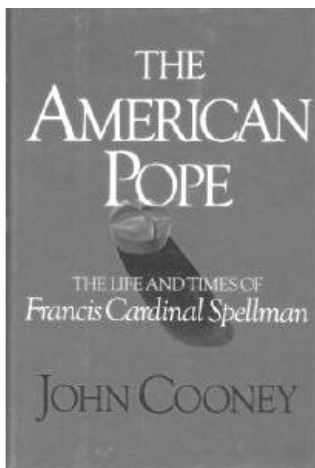
Xu hướng dựa vào người Công giáo - đồng đạo còn có thể nhận thấy qua đề xuất mà Ngô Đình Diệm và anh trai – Giám Mục Ngô Đình Thục, đưa ra trong cuộc chiến giữa người Pháp và Việt Minh. Đề xuất này được công bố tại Hoa Kỳ, khi Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Thục tới thăm đề vận động cho một giải pháp dân tộc chủ nghĩa thay thế cho cả thực dân Pháp và Cộng sản. “Vào đầu tháng 9 năm 1950,” Edward Miller viết, “hai anh em vượt Thái Bình Dương đến Mỹ và đã tới Washington, ở đó họ được tiếp đón tại Bộ Ngoại giao. Các quan chức tiếp họ hôm đó đều có ấn tượng mạnh với đề xuất họ đưa ra hôm đó, về việc **dùng lực lượng vũ trang Công giáo làm nòng cốt cho quân đội quốc gia Việt Nam.**”<sup>[46]</sup>

Dù Ngô Đình Diệm hoàn toàn có khả năng thu hút được sự ủng hộ tạm thời của người Việt Nam ngoài giới đồng đạo Công giáo,<sup>[47]</sup> nhưng dường như giáo dân luôn là hậu thuẫn quan trọng của ông ta. Quan hệ chặt chẽ giữa ông ta với giới Công giáo ngày càng trở nên rõ nét hơn trong mắt người phương Tây kể từ sau khi ông ta lên nắm quyền vào năm 1954. Điều đó đã được những người như J. Donald Lancaster ghi lại vào năm 1956. Sau khi đã chỉ ra những ngón nghề Ngô Đình Diệm đã áp dụng để “cô lập và tiêu diệt dần mòn tất cả các tổ chức “Quốc gia” đối lập,” Lancaster viết:

*“Tuy nhiên, ông Diệm, một người vốn bị hạn chế trong hành động bởi **lòng trung thành đối với gia tộc và tôn giáo của mình**, vẫn chưa chứng minh được rằng ông ta là người có khả năng đề xướng những chính sách tích cực để đảm bảo sự sống còn của “Chủ nghĩa Quốc gia” ở miền Nam Việt Nam.”*<sup>[48]</sup>

Nhận xét của Lancaster có thể được xem như sự minh xác đối với những quan ngại mà tướng J. Lawton Collins, đặc sứ của Tổng thống Dwight Eisenhower tại miền Nam Việt Nam đã bày tỏ. “Joe Sấm sét,” biệt hiệu của Collins,<sup>[49]</sup> đã cảnh báo Ngô Đình Diệm ngay từ năm 1955 đừng sử dụng nguồn lực chính phủ vào việc phát triển tôn giáo của riêng mình. Collins đã chứng kiến, khi các nhân vật Công giáo nổi tiếng như Hồng y Francis Spellman của Mỹ hay Hồng y Norman Gilroy của Úc đến Sài Gòn<sup>[50]</sup> để uly lạo dân di cư từ miền Bắc, **đường phố treo đầy khẩu hiệu với dòng chữ “Giáo hội Muôn năm” bằng tiếng Pháp, tiếng Latin và tiếng Việt.** Chắc chắn động

thái này sẽ làm bên Phật giáo, Cao Đài và Hoà Hảo xa rời chính phủ vì tôn giáo của họ không nhận được sự ủng hộ của chính quyền một cách công khai như vậy. <sup>[51]</sup>



Hồng y Spellman, với hân danh là “Giáo hoàng Mỹ”,  
Tuyên úy trưởng Quân đội Mỹ, người đỡ đầu cho chế độ Diệm

Ông tướng theo Công giáo Collins có đủ lý do để quan ngại về những cuộc thăm viếng nói trên, vì chính đó là nguyên nhân xuất hiện những lời đồn đại rằng Ngô Đình Diệm, khi còn đang là thủ tướng, “có ý định **‘biến Việt Nam thành một giáo xứ Công giáo.’**” <sup>[52]</sup> Tuy nhiên, vào tháng Hai năm 1955, “khi Collins yêu cầu thủ tướng Diệm ra một tuyên bố công khai về việc bảo đảm tự do tôn giáo, Diệm đã từ chối.” <sup>[53]</sup> Và Collins cũng từ chối bỏ cuộc, khi ông ta nhắc lại lời khuyên rằng chính quyền Ngô Đình Diệm không nên quá thiên vị Công giáo, trong một cuộc đối thoại với Giám mục Ngô Đình Thục vào ngày 25 tháng Ba năm 1955. <sup>[54]</sup> “Đại sứ Collins,” theo biên bản của cuộc họp này, “phát biểu rằng ông hy vọng sẽ không có một cuộc thăm viếng của những nhân vật Công giáo cao cấp nào trong khoảng thời gian ít nhất là sáu tháng tới,” và “các biểu ngữ tôn giáo treo trên đường phố gần Phủ Tổng thống sẽ tạo cơ cho những lời phê bình rằng ông Diệm đang uốn chính sách theo quyền lợi của Giáo hội.” <sup>[55]</sup> Nhận xét của người nước ngoài như Lancaster và Collins có mức độ tin cậy khá cao, vì được **đưa ra rất lâu** trước khi người phương Tây được nghe thấy tên Thượng tọa Thích Trí Quang, người lãnh đạo phong trào biểu tình của Phật giáo sau biến cố cờ Phật giáo, người mà

theo Moyar, có khả năng là “*một cán bộ Cộng sản.*”<sup>[56]</sup> Nói một cách khác, vì những nhận xét này được đưa ra khi chưa ai biết những gì sẽ xảy ra trong tương lai, nên chúng không bị uốn nắn để phù hợp với những chuyện đã ngã ngũ. Do đó chúng có một mức độ khả tín khá cao. Ít nhất, qua đó cũng có thể thấy **tính chất bè phái của chế độ Ngô Đình Diệm đã bắt đầu bộc lộ ngay trong giai đoạn phôi thai của nó**, và đó chính là nguyên nhân khiến đại diện cao nhất của Hoa Kỳ tại Sài Gòn quan ngại. Những ý kiến đó cũng phù hợp với tình hình một số sự kiện chính thức đang diễn ra tại miền Nam Việt Nam sau khi Ngô Đình Diệm đã tập trung được quyền lực. “*Dưới thời Diệm,*” Nguyễn Thị Liên Hằng viết, “*các buổi lễ Công giáo thường giống như ngày hội quốc gia. Những đoàn rước Thánh làm tắc nhiều khu phố trong nhiều giờ mà không hề bị phạt. Những cuộc hành hương về các Thánh địa lớn thường được chính phủ bảo trợ và quảng bá công khai. Hai cuộc hành hương về nhà thờ thánh mẫu Maria vào năm 1959 (ở Sài Gòn) và 1961 (La Vang, gần Huế) thu hút được rất đông tín đồ. Những sự kiện như vậy được coi như lễ hội toàn quốc, dù cộng đồng Công giáo chỉ chiếm 10 phần trăm dân số.*”<sup>[57]</sup>

Liên Hằng cũng nêu ra các đặc quyền khác vốn được dành cho các đồng đạo Công giáo của tổng thống. “*Trong số rất nhiều các biểu hiện của đặc quyền dành cho cộng đồng Công giáo, có thể kể đến,*” tác giả viết, “*tài trợ trực tiếp của chính phủ, miễn lao công, ưu đãi về chính trị và pháp luật. Ví dụ như, ba trăm ngàn mẫu “đất Nhà thờ” không hề bị trưng dụng, nên không phải đóng thuế thổ trạch dưới thời Diệm. Giới Công giáo được nhận nhiều trợ cấp nhất theo hệ thống tín dụng nông nghiệp để xây dựng trường học và bệnh viện, và quân đội Nam Việt Nam bị điều động đi xây dựng hoặc tân trang các công trình thuộc sở hữu của Nhà thờ Công giáo.*”<sup>[58]</sup>

Lời đối xử ưu đãi nói trên dành cho giới Công giáo trong thời Ngô Đình Diệm hình như đã có ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ hành xử của nhiều nhân vật Công giáo. Tạ Chí Đại Trường, một sử gia miền Nam đang học ở Sài Gòn dưới chế độ Ngô Đình Diệm, trong một tác phẩm viết mới đây<sup>[59]</sup>, đã nhận định rằng một bộ phận quan trọng trong giới Công giáo “*ít nhiều gì cũng là kiêu dân.*”<sup>[60]</sup> Một ví dụ cụ thể về sự trịch thượng, kiêu ngạo của người Công giáo dưới thời Ngô Đình Diệm được cố học giả Nguyễn Hiến Lê, một trong những học giả uy tín nhất của miền Nam, nêu ra.<sup>[61]</sup> “*Đầu niên khóa 1954-1955,*” ông ta kể lại:

“*trong chương trình Trung học đệ nhất cấp có thêm môn Lịch*

sử thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy sử các lớp đệ lục, đệ ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ sử thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép “cua” (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ thất và đệ tứ, ông viết hai cuốn giữa cho đệ lục và đệ ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong; tôi bỏ vốn ra in, năm 1955 in xong trước kì tựu trường tháng chín. (...)

Sau **một linh mục ở Trung yêu cầu bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu** hết bộ sử đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ, chúng tôi có nói đến sự bê bối của một vài Giáo hoàng. Bộ phải một viên bí thư có bằng cử nhân lại tiếp xúc với tôi. Ông này nhã nhặn, khen tôi viết sử có nhiệt tâm, cho nên đọc hấp dẫn như bộ sử Pháp của Michelet; rồi nhận rằng sách tôi được bộ Thông tin cho phép in, lại nạp bản rồi thì không có lí gì tịch thu, cấm bán được, chỉ có thể ra thông báo cho các trường đừng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nộp bộ, bộ sẽ trả lời linh mục nào đó, còn bán thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông. (...)

Hồi đó bộ Lịch sử thế giới của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm các trường ngoài Trung dùng nó; trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. **Công giáo thời đó lên chân như vậy.**” <sup>[62]</sup>

Vì không có lý do gì để nghi ngại về tính xác thực của câu chuyện nói trên của Nguyễn Hiến Lê, kinh nghiệm bản thân của ông đã khiến người đọc phải **ngghi ngờ tính chân xác** của một luận điểm quan trọng trong các ý kiến chung của Moyar nhằm bảo vệ chế độ Ngô Đình Diệm trước công luận về việc kỳ thị tôn giáo. Để phản bác nhận xét cụ thể rằng Ngô Đình Diệm “*công khai kỳ thị tôn giáo trong quá trình tuyển dụng nhân sự, dẫn đến thực tế là đa số quan chức đều là người Công giáo,*” Moyar viết:

[Đ]iều dễ thấy nhất là người Công giáo không chiếm đa số trong chính phủ Diệm, ngay cả ở cấp cao nhất. Trong nội các 18 Bộ trưởng, chỉ có năm người theo Công giáo, năm người theo Khổng giáo, và tám người theo Phật giáo, trong đó có một phó Tổng thống và Ngoại trưởng là người Phật giáo. Ở cấp tỉnh trưởng, có mười hai người theo Công giáo và hai mươi sáu vị theo Phật hay Khổng giáo. Chỉ có ba trong số mười chín sĩ quan cao cấp nhất trong quân đội theo Công giáo. <sup>[63]</sup>

Những con số do Moyar đưa ra không chứng minh rằng không có kỳ thị tôn giáo ở miền Nam dưới thời Ngô Đình Diệm. Sự kiện do

Nguyễn Hiến Lê nêu ra khiến ta có thể suy luận rằng, dưới thời Ngô Đình Diệm, **người Công giáo không cần chính thức nắm các vị trí trong chính phủ mới có thể thực thi quyền hành khuynh loát của mình**. Điều này có thể giải thích tại sao một linh mục Công giáo, xét về mặt pháp lý cũng chỉ là một công dân như mọi người khác, lại có thể ngăn chặn không cho một cuốn sách giáo khoa đã được nhà nước thông qua được lưu hành trong các trường trung học ở miền Trung Việt Nam.

Thực ra, lý lẽ Moyar đưa ra cũng không thể được coi là khả tín, ngay cả trước khi xảy ra biến cố Phật giáo vào tháng 5 năm 1963. Việc ông ta dùng nó để biện luận cho Ngô Đình Diệm cho thấy Moyar **đánh giá quá thấp mức độ tinh vi về chính trị của người miền Nam**, vì họ đã dùng những chuẩn mực tinh xảo hơn con số bộ trưởng theo Công giáo để lượng định thực quyền của Công giáo trong một chế độ Cộng hoà có Tổng thống là người Công giáo. “Năm 1956, chúng tôi đã nêu lên rằng, ‘trái với sự lo ngại của dư luận, chính phủ chỉ gồm hai người Công giáo trên tổng số mười bốn bộ trưởng,’” từ *Informations Catholiques Internationales* viết trong số ra ngày 15/3/1963. <sup>[64]</sup>

Nhưng công luận không phải chỉ được tạo ra từ một tập ảnh của các bộ trưởng. Nó còn nhạy cảm cả với **vị trí danh dự dành cho vị giám mục nào đó trong một cuộc duyệt binh, cho những bóng dáng áo chùng ra vào các Bộ, cho sự can thiệp hiệu quả trong việc tha bổng một nghi can hay hưởng sự giúp đỡ cho người tị nạn**. Nếu người ta thấy việc tổng thống chịu phép ban thánh thể trong tất cả các lễ trọng là bình thường, càng lúc, đám đông càng không hài lòng đối với chuyện các đoàn rước Thánh làm tắc nghẽn giao thông hàng cây số trên đường phố Sài Gòn hay ở Huế, sau khi đã được chuẩn bị từ nhiều tuần lễ trước **với sự hỗ trợ về kỹ thuật, nhân lực và vật lực của quân đội** hay của sở Thông tin.

Công luận cũng không thể thần nhiên trước việc thuyết Nhân Vị của Emmanuel Mounier được chế độ chọn lựa phổ biến để chống lại học thuyết mác-xít. Nơi duy nhất mà học thuyết này được giảng dạy một cách chuyên nghiệp lại chính là ‘Trung tâm nghiên cứu nhân vị’ do Đức ông Ngô Đình Thục, anh của tổng thống Ngô Đình Diệm, thiết lập vào thời Đức ông còn là giám mục ở Vĩnh Long. Ngày nay vẫn vậy, hầu hết các “giáo sư chuyên nghiệp” giảng dạy tại đó đều thuộc hàng giáo phẩm. Các công chức, giáo hay lương, đều lần lượt phải qua một khoá tập huấn ở đó. <sup>[65]</sup>

Vì quá chú ý vào con số chính thức các quan chức chính quyền là người Công giáo, <sup>[66]</sup> nên Moyar không nhận thấy được rằng dưới thời Ngô Đình Diệm, sự kỳ thị đối với người không theo Công giáo có thể diễn ra **dưới những hình thức tinh vi và ngấm ngấm** hơn là một chính sách nhân sự thiên vị ra mặt hay sự đàn áp thẳng tay. Ý kiến phản biện của Moyar cho rằng chế độ Ngô Đình Diệm không kỳ thị tôn giáo sẽ có tính thuyết phục cao hơn nếu ông ta bàn đến và loại trừ tình huống rất có khả năng xảy ra đó. <sup>[67]</sup>

Tuy nhiên, ông ta có thể đã đúng khi phản biện rằng, trong một số trường hợp, chính quyền Ngô Đình Diệm có lý do chính đáng để đối xử ưu đãi người Công giáo. Nếu xét về khía cạnh đạo đức, việc ưu đãi thiểu số người Công giáo có thể bị coi là đáng chê trách, nhưng xét về mặt chính trị, động thái đó của chính quyền Ngô Đình Diệm là hoàn toàn dễ hiểu. Vì, như Moyar đã nêu ra rất chính xác, *“người Công giáo, nhất là người Bắc di cư, luôn tỏ ra chống Cộng tích cực hơn những người không theo Công giáo.”* <sup>[68]</sup>

Nhưng, vấn đề là ở chỗ, một số người Công giáo hình như luôn **đòi hỏi nhiều hơn** mức độ ưu đãi dành cho họ. <sup>[69]</sup> Dưới thời Ngô Đình Diệm làm Tổng thống, có rất nhiều người Công giáo cho rằng sự ưu đãi đó là một điều bất chính, và muốn tách Giáo hội ra khỏi chính quyền Ngô Đình Diệm.

Họ đánh giá cao những ‘khoảng cách’ đối với chính phủ của Đức ông Nguyễn Văn Hiền (hiện là giám mục Đà Lạt) và người kế vị ông tại Sài Gòn, Đức ông Nguyễn Văn Bình: cả hai vị đều có mối bận tâm muốn đặt mình vào một bình diện thuần tôn giáo của giám mục. <sup>[70]</sup>

Đức ông Nguyễn Kim Điền là một ví dụ nữa về trường hợp một giáo sĩ Công giáo cao cấp **khước từ những ưu đãi để tách tôn giáo ra khỏi chính quyền Ngô Đình Diệm**. *“Trong một vùng rất nguy hiểm,”* tạp chí *Informations Catholiques Internationales* viết, *“khi đi đây đi đó, Đức ông Nguyễn Kim Điền từ chối sự bảo vệ của đoàn xe quân sự: ông tự lái chiếc 2 CV, hoặc đi cùng với người thư ký riêng...”* <sup>[71]</sup>

Như đã gợi ý ở trên, lý do khiến người miền Nam không theo Công giáo gặp khó khăn là việc một số **người Công giáo hình như muốn gây khó dễ cho những kẻ “là đồng bào mà không đồng đạo”**. Một người Công giáo miền Nam mà danh tính được các biên tập viên của tờ *Informations Catholiques Internationales* giấu kín “vì cần phải cẩn trọng” <sup>[72]</sup> đã đăng trên tạp chí này một chứng từ về những trường

hợp cụ thể của hành động gây khó dễ nói trên. Bà ta ghi nhận rằng, trong khi lực lượng Quân đội Quốc gia phải thức trắng nhiều đêm để dựng “*các khai hoàn môn trên đường du hành của hồng y Spellman,*” thì các nghi lễ Phật giáo “*lại bị phá rối bởi các xe của sở Thông tin có trang bị loa phóng thanh, đậu gần chùa.*” [73]

Nhân chứng này, một người sống bằng nghề dạy học, cũng đề cập đến một ví dụ khác về tình trạng chèn ép tôn giáo, **một sự chèn ép khó có thể biện minh bằng lý do chống cộng**. Theo lời bà ta kể lại thì tại một khóa tập huấn ở Trung tâm Nhân vị tại Vĩnh Long, bà ta và các đồng nghiệp tham dự bị buộc phải nghe một linh mục vừa tốt nghiệp Trường truyền bá đức tin, hiền nhiên thành thạo về thần học nhưng còn cần phải học hỏi thêm về các tôn giáo vùng viễn đông, đứng ra **phê phán Phật giáo và Khổng giáo**. Khổ nhất là đa số cử toạ lại theo đạo Khổng hay đạo Phật. Công giáo chúng tôi chỉ có khoảng hai mươi người. Và chúng tôi xấu hổ, chúng tôi chịu đựng cùng với các đồng nghiệp bên lương khi, rơi vào hoàn cảnh này, họ không có khả năng đề vận lại những lý lẽ được đưa ra vì sợ bị ghi điểm xấu. [74]

Nếu xét riêng rẽ thì những sự kiện do Nguyễn Hiến Lê và người nhân chứng khuyết danh nêu ra có thể chẳng có gì nghiêm trọng, nhưng nếu **hiều trường hợp tương tự được gộp chung lại và tích tụ qua nhiều năm tháng**, chắc hẳn những người miền Nam không theo Công giáo sẽ có mối nghi ngờ rằng Chính phủ quốc gia là của phe Công giáo đang thắng thế. Để thích ứng với thời cuộc, nhiều người miền Nam, kể cả vị Tổng thống tương lai là Nguyễn Văn Thiệu, đã chọn giải pháp cải đạo theo Công giáo. [75] Tuy nhiên, số đông hơn, quyết định hướng về Phật giáo như một hình thức bày tỏ sự bất mãn với “*sự ‘ngạo mạn đắc thắng’ kết hợp giữa chế độ và thiếu số Công giáo*” - một thái độ bất mãn chung, theo số ra ngày 15 tháng Ba năm 1963 của tờ *Informations Catholiques Internationales*, “*để dàng nhận thấy ở Sài Gòn cũng như ở các xóm thôn xa xôi hẻo lánh nhất.*” [76]

Dù sao chăng nữa, điều đó không thể lọt qua sự chú ý của Cha Trần Hữu Thanh, một linh mục Công giáo, đồng thời là một lý thuyết gia về học thuyết Nhân vị được Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu áp dụng làm nền tảng tư tưởng của chế độ. [77] Vị linh mục này cho rằng, theo trích dẫn của tờ *Informations Catholiques Internationales*, sự trỗi dậy của những người theo Phật giáo trong chế độ Ngô Đình Diệm có nguyên do một phần từ tâm lý chống Công giáo và chống Ngô Đình

Diệm. “Trong trào lưu mới của Phật giáo,” ông ta viết

*“có một sự hoà trộn giữa lòng chân thành của đám đông và ác tâm của các vị lãnh đạo, những người khai thác tất cả mọi dạng thức của chủ nghĩa dân tộc và mọi hủ thủ đối với người Pháp và người Công giáo, đã toa rập với nhau để hình thành chế độ thực dân, và cả những nổi bất mãn đối với một chính phủ nặng ảnh hưởng Công giáo. Họ dựa vào đó để tạo ra một vấn đề chính trị, đánh lạc hướng nguyện vọng chân chính về tôn giáo của dân chúng và như thế, chặn cửa Thiên chúa giáo.”* <sup>[78]</sup>

Sự bất mãn với chế độ mang nặng ảnh hưởng Công giáo của Ngô Đình Diệm hình như đã lan rộng và sâu trong nhiều tầng lớp người miền Nam không theo Công giáo. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng không e ngại gì mà không lợi dụng tâm lý bất mãn nói trên để đối phó với những người chống đối mình. Năm 1974, tức là mười năm sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, có nhiều sự việc khiến Nguyễn Văn Thiệu phải bận tâm, một trong số đó là phong trào Công giáo phản đối chính quyền, với lý do chống tham nhũng do Cha Trần Hữu Thanh khởi xướng. Đáp lại phong trào này, Nguyễn Văn Thiệu đã ra lệnh cho cháu mình, là Bộ trưởng Thông tin Hoàng Đức Nhã làm suy yếu phong trào bằng cách hạ uy tín người khởi xướng. Nhã đã thuê các phóng viên, dùng bài viết trên các báo ở Sài Gòn đăng những tin đồn về các sai lầm của Cha Thanh, đồng thời nhắc dân chúng rằng chính ông là lý thuyết gia của chủ thuyết Nhân vị của Diệm và Nhu. Việc này khiến Cha Thanh và những cộng sự người Công giáo nổi giận. <sup>[79]</sup>

Dù cho Moyar không có tham khảo các nguồn tư liệu nói trên, nhưng ông ta hẳn phải biết về sự bất mãn của những người miền Nam không theo Công giáo nói chung và giới Phật tử nói riêng trong những năm **trước khi** xảy ra Biến cố Cờ Phật giáo, vì đó chính là một chủ đề được đề cập rõ ràng trong một tư liệu năm 1961 mà ông ta đã trích dẫn để củng cố cho kết luận của mình rằng “ngay từ đầu, Ngô Đình Diệm đã cho phép giới Phật tử thực hiện nhiều hoạt động mà người Pháp đã từng cấm.” <sup>[80]</sup> Tuy nhiên, điều mà Moyar đã không kể với độc giả của mình là, trong chính tài liệu đó, có một đoạn trả lời phỏng vấn của một Phật tử. Ngoài việc khẳng định rằng “phản ứng với phía Công giáo” là nguyên nhân chính khiến “kể từ năm 1959 có một sự gia tăng rất lớn số lượng cư sĩ Phật giáo có đăng ký chính thức”, Phật tử này còn nêu ra chi tiết về một trường hợp kỳ thị tôn giáo tại một làng ở Quảng Ngãi - tỉnh miền Trung Việt Nam, mà nạn

nhân là các Phật tử đồng đạo của ông ta. “Một ngôi chùa Phật giáo”, ông ta mở đầu,

“đã được dựng trên một quả đồi từ rất lâu, và đất quanh chùa đã được dùng làm nghĩa địa cho dân làng. Chùa đã bị phá trong chiến tranh với Việt Minh và sau này, khi dân làng muốn phục dựng lại, sư trụ trì đã xin được giấy phép của Giáo hội trung ương cho phép tôn tạo. Họ cũng nộp đơn xin phép ông Tỉnh trưởng về việc phục dựng. **Khi nghe được việc này, một linh mục Công giáo cũng lên gặp Tỉnh trưởng để xin giấy phép dựng một bức tượng Đức mẹ trên đồi.** Ông Tỉnh trưởng thông qua. Thế là dân làng nổi giận và quyết định tự lo liệu lấy. Trong đêm, họ bí mật dựng lên một ngôi chùa sơ sài, trong khuôn viên có một bức tượng Phật, ngay trên đỉnh đồi. Để trả thù, vị Tỉnh trưởng nọ ra lệnh cho mọi người rời khỏi ngọn đồi và tuyên bố sẽ cắt hết thực phẩm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác cho bất kỳ ai vẫn ở lại trên đồi. Một số nhà sư và dân làng quyết định sẽ ở lại trên đồi đến cùng và chấp nhận cái chết, nếu cần. Họ lập luận rằng ông Tỉnh trưởng không có quyền cấp đất trên đồi cho vị linh mục kia, vì đất đó là đất chung của làng. Hơn nữa, trên đó còn có mồ mả tổ tiên – có ý nghĩa thiêng liêng với dân làng. (...) Cuối cùng, Giáo hội Phật giáo trung ương ở Huế kiến nghị ông Tỉnh trưởng rút lại quyết định của mình và ông ta đã cho rút quân và để cho dân làng trở lại ngọn đồi. Tuy nhiên, những người dân làng vẫn sợ rằng, sẽ có một cuộc chiến phía trước đang đợi họ sau khi họ đã thắng một trận đó. **Vị linh mục vẫn tiếp tục gây sức ép.** Sự việc được đưa lên toà án xem xét, và những người Phật tử vẫn chưa yên lòng vì họ sợ bị trả thù, và họ cũng chưa xây lại được ngôi chùa cho kiên cố”. <sup>[81]</sup>

Nhân chứng Phật tử này sau đó bổ sung rằng “những sự cố kiểu như vậy xảy ra liên tục nhiều lần ở Quảng Ngãi và Bình Định, và giới Phật tử ở đó cảm thấy “luôn phải chịu sức ép vô hình từ phía chính quyền”. Ông ta cũng nói rằng nhiều Phật tử rất không bằng lòng với nội dung chống Phật giáo trong các bài giảng đạo của các cha cố và linh mục Công giáo Việt Nam.” <sup>[82]</sup>

Cuộc phỏng vấn đó mang một ý nghĩa rất dễ nhận thấy. Nếu coi những nội dung của nó là khả tín, thì cuộc phỏng vấn nói trên đã góp phần khẳng định những lời nhận xét về kỳ thị tôn giáo của giới Phật tử vào năm 1963. Vì cuộc phỏng vấn trên được thực hiện vào **năm 1961**, khi mà những sự kiện năm 1963 vẫn còn ngủ yên trong tương lai, và xét một thực tế là khi cuộc xung đột Phật giáo xảy ra, nó đã xảy ra ngay tại một thành phố miền Trung Việt Nam là Huế, không

một sử gia hữu trách nào lại có thể bỏ qua cuộc phỏng vấn vào năm 1961. Nếu ông ta không tin những lời người trả lời phỏng vấn đã nói trong đó, thì ông ta cũng phải đề cập đến việc đó và giải thích vì sao mình không tin những lời đó. Chứ không thể lờ phất nó đi như vậy.

Xét những kết luận của ông ta về cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963, hiển nhiên là Moyar không thể lờ đi cuộc phỏng vấn này. <sup>[83]</sup> Nếu những dữ liệu trong đó là khả tín, thì nó không những đã phủ một đám mây nghi ngờ lên những kết luận của Moyar rằng “ở những vùng nông thôn (...), nơi đang có chiến tranh, không ai quan tâm đến cuộc khủng hoảng Phật giáo,” <sup>[84]</sup> mà còn bộc lộ sự thiếu ăn nhập trong kết luận của Moyar rằng chỉ có một số ít quan chức cao cấp trong chế độ Ngô Đình Diệm là người Công giáo. Dưới chế độ đó, hình như là họ có khả năng tạo áp lực có sức quyết định đối với công việc nhà nước **mà không cần phải giữ ghế trong chính phủ**. Trong trường hợp tỉnh Quảng Ngãi và trong trường hợp mà Nguyễn Hiến Lê đã nêu ra, **một cơ quan công quyền sẵn lòng đưa ra quyết định theo lời yêu cầu của một vị Linh mục Công giáo**. <sup>[85]</sup>



*Tổng Giám mục Ngô Đình Thục – Giám mục Phạm Ngọc Chi  
Những lãnh chúa chính trị, dùng giáo quyền để khống chế thế quyền,  
dưới chế độ Ngô Đình Diệm*

Hơn thế nữa, nội dung cuộc phỏng vấn cũng thể hiện rằng giới Phật tử không thụ động như Moyar ngầm kết luận. Khi bàn về các cuộc biểu tình khởi phát tiếp nối sự kiện lá cờ Phật giáo, ông ta phát biểu rằng nhiều Phật tử tham gia biểu tình để “*đòi chấm dứt cái mà họ được tuyên truyền là kỳ thị tôn giáo*”. <sup>[86]</sup> Nhưng nếu chúng ta

được phép tin những gì mà người Phật tử được phỏng vấn nói với những người Mỹ trong cuộc phỏng vấn năm 1961, thì chúng ta có thể suy luận một cách hợp lý rằng, những Phật tử tham gia phong trào, nhất là những người ở miền Trung, không cần ai rì tai họ về động cơ xuống đường để bày tỏ sự phản kháng đối với chính quyền do Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Với những **trải nghiệm trực tiếp của cá nhân họ**, những người Phật tử có lý do để coi đạo luật về lá cờ tôn giáo như một biểu hiện nữa của chính sách thiên vị Công giáo chứ không phải để nhằm bảo vệ uy tín chính quyền như Moyar nghĩ.

Khi biết nội dung cuộc phỏng vấn năm 1961 có thể tác động tiêu cực đến quan điểm “xét lại” để bênh vực Ngô Đình Diệm của mình, lẽ ra Moyar nên phân tích kỹ về cuộc phỏng vấn này. Nhưng, không hiểu vì lý do gì mà ông ta quyết định **thậm chí không buồn nhắc đến sự tồn tại của tư liệu này với độc giả**. Đường như Moyar chỉ quan tâm đến nghi án về bàn tay Cộng sản bên trong phong trào Phật tử, cho đó là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Ngô Đình Diệm. Dựa trên những tài liệu tịch thu được từ phía Cộng sản và một số cuốn sách do Cộng sản xuất bản những năm 1990 ông ta kết luận rằng, có sự thâm nhập của những cán bộ Cộng sản trong phong trào Phật tử xuống đường. *“Không thể (...) phủ nhận rằng có một số lượng đáng kể những người tham gia biểu tình là người của Cộng sản, kể cả một số nhà sư,”* Moyar viết.

Trước đó rất lâu, Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần đóng vai sư sãi và thâm nhập vào các tổ chức Phật giáo, một việc rất dễ làm vì bất kỳ người Việt Nam nào cũng có thể lập tức trở thành sư sau khi cạo đầu, khoác chiếc áo cà sa và thể hiện những hành vi từ bi. <sup>[87]</sup>

Khi đưa ra những ý kiến này, Moyar đã không chịu công nhận một thực tế là, cho dù thực sự có sự xâm nhập của Cộng sản như ông ta nghĩ, thì **tính chính đáng của những yêu sách do giới Phật tử đưa ra cũng không vì thế mà giảm sút**. Rốt cuộc, sự xâm nhập nói trên cũng không thể xóa đi những nỗi bất công mà giới Phật tử phải chịu trước sự lộng hành của bên Công giáo, do đó họ có lý do riêng để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Hơn nữa, phong trào Phật tử không phải là đoàn thể duy nhất của miền Nam có khả năng đã bị Cộng sản xâm nhập. Để có cái nhìn toàn diện, lẽ ra Moyar nên bổ sung thêm rằng Cộng sản Việt Nam cũng rất lành nghề trong việc **thâm nhập các tổ chức Công giáo cũng như chính quyền miền Nam, dưới vỏ bọc Công giáo**. Ví dụ như Đại tá Phạm Ngọc Thảo, người Công giáo trên danh nghĩa, là một điệp viên kiểu như vậy. Vũ

Ngọc Nhạ và Huỳnh Văn Trọng là hai điệp viên “Công giáo” nổi tiếng khác mà Cộng sản đã cài được vào tận Dinh Tổng thống của miền Nam. [88] Do đó, khả năng bị Cộng sản xâm nhập không thể trở thành lý do duy nhất đủ thuyết phục để kết luận rằng những người Phật tử không có những yêu sách chính đáng khiến chính quyền Ngô Đình Diệm cần lưu tâm giải quyết.

Cách thức Moyar sử dụng các nguồn tư liệu để chứng minh sự hiện hữu của Việt cộng trong phong trào Phật tử cũng khiến ta cần xem xét lại. *“Một vài tài liệu của Cộng sản mà người Mỹ và chính quyền Miền Nam nắm được trong tay cho thấy sự tham gia của Cộng sản trong phong trào Phật tử,”* ông ta nói. [89]

Một tài liệu của Cộng sản, đề ngày 27/7/1963 và bị tịch thu sau đó vài tuần, đã nói rằng ở một vài nơi, cán bộ Cộng sản *“đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị thông qua việc khởi xướng các cuộc biểu tình chống đàn áp Phật giáo ở tỉnh và các quận.”* [90]

Tuy nhiên, một tài liệu của CIA, ngày 16/9/1963, lại thể hiện cách đánh giá chi tiết hơn về vai trò Cộng sản trong cuộc khủng hoảng Phật giáo so với Moyar. Tài liệu đó kết luận:

*“Chi nhánh CIA ở Sài Gòn nói không có bằng chứng rõ ràng về sự xâm nhập ở mức đáng quan tâm, hay vai trò lãnh đạo của Việt Cộng trong phong trào Phật tử và sinh viên miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, chi nhánh cũng tin rằng có khả năng một số ít lãnh đạo Phật tử và sinh viên là Việt Cộng, hoặc có nhận chỉ thị hay sự hỗ trợ của Việt Cộng, hoặc ít nhất là cũng thiên Cộng hoặc thân Hà Nội. Có những báo cáo cho thấy Việt Cộng đang tìm cách lợi dụng phong trào phản kháng của Phật tử và sinh viên, và chi nhánh cho rằng có nhiều khả năng một số lãnh đạo các nhóm chống đối có đầu óc cơ hội sẽ tiếp nhận hỗ trợ từ bất cứ phía nào. Một bản báo cáo ngày 17 tháng Tám do [tên bị xoá] viết cho Diệm ghi nhận rằng “các tài liệu thu được từ phía Việt Cộng không đề cập đến vai trò khuấy động của Việt Cộng đối với bất kỳ một biến cố nào, mà chỉ nói đến kế hoạch tận dụng triệt để cơ hội khi có tình huống từ những sự kiện do Mỹ hoặc phe đối lập tạo ra.” Vào ngày 15/9 [tên bị xoá] báo cáo với một nhân viên của chi nhánh rằng mình vẫn chưa thu thập được bằng chứng cụ thể nào về bàn tay của Việt Cộng trong các vụ biến cố, nhưng chống chế rằng “Bằng chứng mà làm gì? Chúng ta biết những người này mà.”* [91]

Xét những lời chính bản thân Moyar nói về sự xâm nhập của Cộng sản trong phần trích nói trên, độc giả có thể sẽ thắc mắc muốn

biết ông ta nói như thế nào về tài liệu đó của CIA. Đáng tiếc là không có chỗ nào trong cuốn sách *Chiến thắng bị bỏ lỡ*, Moyar phân tích sâu hơn về tài liệu đó.

Thay vì bàn rõ và phê phán các thông tin có thể làm lay chuyển quan điểm của mình, thì ông ta lại chỉ dựa vào các tác phẩm nói về cuộc khủng hoảng Phật giáo do Cộng sản xuất bản từ những năm 1990 để chứng minh cho ý kiến của mình. Nhưng một điều dễ thấy là các tác phẩm đó đều mắc phải một vấn đề chung là tất cả đều đã được hậu kiểm, có nghĩa là **nội dung có thể được nắn chỉnh lại sau khi kết cục của những sự kiện lịch sử** đã trở nên rõ ràng.<sup>[92]</sup> Lẽ ra không thể bỏ qua vấn đề trên, nhưng Moyar lại không hề giải thích cho độc giả tại sao họ vẫn nên tin vào những kết luận trong các tác phẩm đó về vai trò của Cộng sản trong phong trào Phật tử.

Tuy nhiên, nhận định về cách sử dụng các nguồn tư liệu của Moyar không phải là phản biện lớn nhất đối với biện luận “xét lại” của ông ta về cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963. Bởi vì ngay cả khi chúng ta, để rộng đường bàn luận, sẵn sàng chấp nhận rằng cách thức vận dụng tư liệu của Moyar là chính đáng, thì kết luận của ông ta cho rằng phong trào phản kháng của Phật tử chống lại Ngô Đình Diệm cơ bản là do Việt Cộng xáo động và lãnh đạo vẫn rất khó thuyết phục. Bởi vì kết luận này không giải thích được sự bất mãn của Phật tử miền Nam đã từng được ghi nhận từ **trước khi** biến cố cờ Phật giáo xảy ra vào tháng Năm năm 1963. Muốn làm cho quan điểm “xét lại” của mình có tính thuyết phục hơn, thì Moyar cần phải phân biện hoặc giải thích cho xuôi “những bằng chứng về sự bất mãn của Phật tử đối với chính quyền có nhiều biểu hiện thân Công giáo của Ngô Đình Diệm trước năm 1963 – một số bằng chứng được nêu ngay trong số ra ngày 15/3/ 1963 của tạp chí *Informations Catholiques Internationales*,” một thách thức quan trọng mà ông ta không giải quyết được.<sup>[93]</sup>

Moyar cũng nên đưa ra những lời giải thích về vai trò tích cực của Thượng tọa Thích Tâm Châu trong phong trào Phật tử, một vị lãnh đạo Phật giáo nổi tiếng trong cộng đồng di dân gốc Bắc. Khi bàn về kế hoạch vận động công luận của các nhà sư ở Huế sau sự kiện Lá cờ, Dennis Duncanson lập luận: “[C]ùng với Tăng đoàn ở Sài Gòn, do Thích Tâm Châu lãnh đạo, họ gửi một thỉnh nguyện thư về ‘nhân quyền’ lên Tổng thư ký Liên hiệp quốc.”<sup>[94]</sup> Khi cuộc đấu tranh của Phật tử tiếp diễn, “Tâm Châu,” vẫn theo Duncanson,

“tạo liên minh qua việc thành lập một Ủy ban Liên tôn với các

nhóm Tiểu thừa ở Sài Gòn và một số nhóm Hoà Hảo và Cao Đài, là những nhóm mà Tăng đoàn Phật giáo trước đây không công nhận là những dòng tu Phật giáo nhưng lại có những ân oán mà họ muốn thanh toán với chính quyền.”<sup>[95]</sup>

Phải chăng vai trò lãnh đạo mà nhân vật “chống Cộng quyết liệt”<sup>[96]</sup> này đã đóng ngay từ buổi đầu của phong trào Phật tử là biểu hiện cho thấy **sự bất mãn của giới Phật tử đối với chính quyền Ngô Đình Diệm đã đến mức rất sâu rộng?**

Thực ra, vì hầu như chỉ chú ý vào sự xâm nhập của Cộng sản mà có vẻ Moyar đã không nhận thấy được rằng phong trào Phật tử xuống đường cũng nhận được sự ủng hộ đáng kể của các lực lượng **đổi lập phi Cộng sản**. “Vào đầu năm 1963,” Nguyễn Thế Anh viết,

“gần như ai ai cũng mất lòng tin đối với một chính quyền **độc tài và tham nhũng**. Để bịt miệng dư luận đang đòi hỏi công bằng xã hội, chính quyền không ngần ngại dùng cảnh sát để đàn áp. Thực vậy, chính quyền Ngô Đình Diệm không lường thứ với bất cứ cuộc tranh chấp nào, và đặt ra ngoài vòng pháp luật bất cứ ai có thái độ thách thức đối với chính quyền. Hình như không có giải pháp nào khác được nhận biết. Bởi vì nhóm đổi lập vũ trang bất hợp pháp của Mặt trận giải phóng dân tộc miền nam Việt Nam - kiểm soát rộng khắp vùng nông thôn, nhưng rõ ràng càng lúc càng bị những nhà lãnh đạo cộng sản Hà Nội chi phối - không gây được chú ý nơi các phe phái chính trị Nam Việt Nam. Họ co cụm lại trong thái độ chờ đợi, càng hơn thế nữa khi chính quyền Mỹ, dù lúng túng vì cách hành xử độc đoán của chính quyền Ngô Đình Diệm, **vẫn quyết định tiếp tục sự ủng hộ hào phóng** vốn có từ năm 1955, và dù sao đi nữa, có vẻ cũng không dự kiến cho một cuộc chính biến nào cả.”<sup>[97]</sup>

Vì vậy, khi giới Phật tử bắt đầu xuống đường phản đối chế độ Ngô Đình Diệm, ngay từ đầu, họ có thể **kết hợp được cả một trào lưu chung những bất mãn và tập hợp được dưới trướng nhiều lực lượng đổi lập với chính phủ**, kể cả những người, đứng ngoài mọi mối bận tâm về tôn giáo, đang tìm kiếm **một giải pháp phi cộng sản để chống lại chế độ gia đình trị của họ Ngô**.<sup>[98]</sup>

Nếu những thông tin Nguyễn Thế Anh đưa ra là khả tín, thì những thông tin đó đã có tác dụng củng cố ý kiến cho rằng sự xâm nhập của Cộng sản, nếu có, thì cũng không ảnh hưởng mấy tới tính chính đáng của phong trào đấu tranh của Phật tử. Những thông tin ông ta đưa ra đã cho thấy, không chỉ riêng giới Phật tử, mà **nhiều người dân miền Nam không theo đạo Công giáo khác cũng có**

**động cơ riêng để chống lại chính quyền** của Tổng thống Ngô Đình Diệm, <sup>[99]</sup> bất kể phía Cộng sản hành động như thế nào chăng nữa. <sup>[100]</sup> Sự bất mãn của dân chúng miền Nam đối với chính phủ Ngô Đình Diệm đã lên cao đến mức họ nắm lấy phong trào Phật tử làm cơ hội để bày tỏ thái độ phản đối chính quyền một cách phi Cộng sản. <sup>[101]</sup> Như vậy, ý nghĩa chính trị của phong trào Phật tử, không phải ở chỗ nó đã tạo ra sự phản kháng, dù trên thực tế có như vậy, mà chính là nó đã **tạo nên một môi trường vận động cho rất nhiều lực lượng bất đồng chính kiến ngầm có thể liên kết lại.** <sup>[102]</sup>

Nếu mà một độc giả bình thường có khả năng lượng định mức khả tín của một sử gia chuyên nghiệp, thì hẳn là, riêng về sự kiện phong trào Phật tử, cho đến giờ phút này Nguyễn Thế Anh đã tạo được ấn tượng rằng ông ta là một sử gia **đáng tin hơn Moyar rất nhiều.** Lý do chính cho phép chúng ta đánh giá các nhận định của ông Anh cao hơn của Moyar là ở chỗ ông Anh đã rất nhất quán với các nguồn tư liệu **đã có từ (khá lâu) trước khi** xảy biến cố cờ Phật giáo, mở đầu cho phong trào Phật giáo đấu tranh vào tháng Năm năm 1963. Chính vì nội dung các tư liệu đó **không hề bị tô vẽ hay chỉnh sửa theo kiểu hậu kiểm,** nên chúng có thể được xem là có độ tin cậy khá cao. Những nguồn tư liệu đáng tin cậy đó đã khiến cho các ý kiến của Anh có vẻ có trọng lượng hơn của Moyar.

Ngược lại với tuyên bố của mình, sử gia “xét lại” của chúng ta đã không đánh đổ được quan điểm “chính thống” cho rằng Phật tử miền Nam đã phải chịu sự kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Muốn đạt được mục đích đó, ít nhất ông ta cũng phải cố phản biện những thông tin được nêu trong các nguồn tư liệu được hình thành từ trước Biến cố cờ Phật Giáo như đã nêu ở phần trên. Tuy nhiên, trong cuốn sách *Chiến thắng bị bỏ lỡ*, Moyar thậm chí còn **không nhắc đến chúng,** dù chỉ là gián tiếp.

Những thông tin không bị phản biện nói trên cho phép chúng ta suy đoán rằng sự bất mãn của giới Phật tử là chính đáng, từ đó khiến chúng ta băn khoăn không biết liệu Ngô Đình Diệm có giữ được chính quyền hay không, nếu ông ta giải quyết được cuộc khủng hoảng Phật giáo theo cách tương tự như chính quyền Bắc Việt đã áp dụng năm 1956 để hạ nhiệt phản ứng của dân chúng trước hậu quả tai hại của chương trình Cải cách ruộng đất. “*Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản,*” Moyar viết, “*đã thừa nhận chương trình cải cách ruộng đất có “trừng phạt cả những người vô tội”, trong khi ông Hồ và ông Giáp đích thân đến nhiều làng để diễn thuyết nhằm an ủi dân chúng*

và thuyết phục họ không tham gia các phong trào phản kháng.” <sup>[103]</sup>

Năm 1963, Ngô Đình Diệm từ chối đáp ứng các yêu sách “*chẳng có gì quá đáng*” do giới Phật tử đưa ra, <sup>[104]</sup> vì, theo lập luận của Moyar, nếu làm như vậy, ngoài nhiều hậu quả khác, ông ta sẽ “*tạo nên một ấn tượng về sự nhu nhược*.” <sup>[105]</sup> Nhưng khi đối phó với cuộc khủng hoảng Phật giáo theo cách mà ông ta đã thực hiện, vị Tổng thống Công giáo này dường như đã bỏ lỡ cơ hội giành được chiến thắng, một chiến thắng mà theo Moyar đã sắp nằm trong tầm tay trên chiến trường miền Nam.

### 3. Cơ hội bị lãng phí

Vấn đề liệu có phải Cộng sản đang chịu tổn thất lớn trong những năm cuối của Ngô Đình Diệm là một câu hỏi mang nhiều tính chất quân sự, và cần phải được giải quyết riêng rẽ. Tất cả những ý kiến tôi nêu trên đều không có ý quy kết rằng kế hoạch chống bạo loạn nhằm trấn áp Việt Cộng đã thất bại. Ngay cả trong trường hợp chúng ta được phép kết luận rằng chương trình cải cách điền địa của ông ta đã đại bại, và giới Phật tử miền Nam phải chịu sự kỳ thị trong những năm ông ta cầm quyền, chúng ta vẫn không thể loại bỏ khả năng Ngô Đình Diệm là một người thành công trong vai trò người lãnh đạo cuộc chiến. <sup>[106]</sup> Giá mà Moyar chỉ tập trung vào việc phân tích thành tích quân sự của chế độ Ngô Đình Diệm, thì hẳn ông ta đã gây được ấn tượng đáng tin cậy đối với khối độc giả trung bình, những người thường không có khả năng để kiểm chứng những lập luận chuyên môn của ngành quân sự.

Với tinh thể hiện tại, Moyar dường như đã lãng phí cơ hội đó. Xét cách lập luận đầy **tính thiên vị và chủ quan** của Moyar về chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm và nguồn gốc của phong trào Phật tử, bên cạnh nhiều vấn đề khác, ta không khỏi nghi ngờ rằng những phân tích của tác giả về các vấn đề quân sự cũng chủ quan không kém. Tất nhiên, tuy có nhiều lý do hiển nhiên để nghi ngại, ta vẫn không thể lấy đó làm cơ để bác bỏ giả định rằng cách viết quân sự của Moyar có thể là khách quan và hợp lý.

Việc đánh giá xem giả định trên có đúng hay không, và nếu có, thì đúng đến mức nào là một việc mà chúng ta phải giành cho các sử gia chuyên nghiệp. Họ mới thực là những người vừa có kiến thức chuyên môn, vừa có khả năng tiếp cận các tư liệu cần thiết để đánh giá đúng chất lượng của những phân tích quân sự được nêu ra trong cuốn *Chiến thắng bị bỏ lỡ*. Vì Moyar đã kết luận một cách vơ đũa cả nắm rằng sự gán bó chặt chẽ với tư tưởng chính thống của nhiều sử

gia trong các trường đại học Mỹ là nguyên nhân gây ra các “lỗi hổng và khiếm khuyết trong việc nghiên cứu (...) chiến tranh Việt Nam”,<sup>[107]</sup> nên những độc giả quan tâm đến vấn đề này có thể tìm đọc bài phê bình cuốn *Chiến thắng bị bỏ lỡ* của John Carland, một học giả đã từng làm việc cho Trung tâm Quân sự của Lục Quân Hoa Kỳ và hiện đang làm tại Ban nghiên cứu sử thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.<sup>[108]</sup>

21/9/2007

**Ghi chú:** Cho dù tôi rất biết ơn các vị đã đọc và góp ý về bản thảo của bài này, cá nhân tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những lỗi lầm vẫn còn nằm trong bài viết này.

Bản tiếng Việt © 2008 talawas

### Cước chú:

<sup>[1]</sup>Tựa đề “chiến thắng được tưởng tượng” mượn từ Kathryn C. Statler, “Triumph Imagined”, 32 *Diplomatic History*, Issue 1, pp. 153-157 (2008).

<sup>[2]</sup>John Prados, “Review: Mark Moyar, *Phoenix and the Birds of Prey: The CIA’s Secret Campaign to Destroy the Viet Cong*”, 85 *Journal of American History*, No. 4, p. 1675 (1999).

<sup>[3]</sup>Mark Moyar, *Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954-1965*, Cambridge University Press, 2006.

<sup>[4]</sup>Moyar (2006), tr. xi.

<sup>[5]</sup>Moyar (2006), tr. xvii, xxiii.

<sup>[6]</sup>Moyar (2006), tr. xvii, 286. Xem thêm một công trình nghiên cứu mới về “vùng lầy” này của một học giả người Việt: Nguyễn Kỳ Phong, *Vùng Lầy của Bạch Ốc: Người Mỹ và Chiến Tranh Việt Nam 1945-1975*, Tiếng Quê Hương, Virginia, 2006.

<sup>[7]</sup>“Cuộc đảo chính Diệm (...) phải được coi là vết nhơ về lỗi lầm sớm nhất (có lẽ cũng là nặng nhất) mà Hoa Kỳ đã mắc ở Việt Nam,” Colby kết luận trong: William Colby, with James McCargar, *Lost Victory: A Firsthand Account of America’s Sixteen-Year Involvement in Vietnam*, Contemporary Books, Chicago, 1989, tr. 366.

<sup>[8]</sup>Moyar (2006), tr. 54.

<sup>[9]</sup>Moyar (2006), tr. 55.

<sup>[10]</sup>Moyar (2006), tr. 55.

<sup>[11]</sup>Xem: Phong (2006), p. 134, fn. 129, Đoàn Thêm, *Hai Mươi Năm Qua: Việc Từng Ngày*, Nhà Xuất Bản Xuân Thu, p. 184 (ấn bản

Hải Ngoại), và Edward Garvey Miller, *Grand Designs: Vision, Power and Nation Building in America's Alliance with Ngo Dinh Diem, 1954–1960*, luận án Tiến sĩ, Khoa Lịch sử, Harvard University, 2004a, tr. 206-209.

<sup>[12]</sup> Moyer tuyên bố, căn cứ trên nghiên cứu của ông ta về lịch sử Việt Nam, rằng người dân Việt Nam, hay ít nhất là tầng lớp nông dân, vốn “thụ động và nhu nhược”, và họ “chấp nhận và mong muốn có một chế độ độc tài như một phần của trật tự tự nhiên của thế giới.” Xem: Moyer (2006), tr. 94 và 75.

<sup>[13]</sup> Moyer (2006), tr. 55.

<sup>[14]</sup> Moyer (2006), tr. 72.

<sup>[15]</sup> Carlyle A. Thayer, *War by Other Means: National Liberation and Revolution in Viet-Nam, 1954-60*, Allen & Unwin, Sydney, 1989, tr. 119-120.

<sup>[16]</sup> Thayer (1989), tr. 120.

<sup>[17]</sup> Để biết thêm nhiều chi tiết về vấn đề này, xem: Thayer (1989), tr. 120-122.

<sup>[18]</sup> Thayer (1989), tr. 120.

<sup>[19]</sup> Moyer (2006), tr. 72-73 (không dẫn các ghi chú).

<sup>[20]</sup> Xem, ví dụ như: William Duiker, *Ho Chi Minh: A Life*, Hyperion, Paperback edition, New York, 2000, và Philip E. Catton, *Diem's Final Failure: Prelude to America's War in Vietnam*, University Press of Kansas, 2002.

<sup>[21]</sup> Duiker (2000), tr. 511: “Có lẽ thất bại tồi tệ nhất của Diệm là đã không đáp ứng được nhu cầu của nông dân, vốn chiếm hơn 80 phần trăm dân số Việt Nam Cộng hoà.”

<sup>[22]</sup> Catton (2002), tr. 54: “Theo quan điểm của nội phủ, nếu chưa gây dựng được một chỗ dựa khác thì không nên làm mất lòng những người ấy.”

<sup>[23]</sup> Catton (2002), tr. 56-71. Để biết thêm một nguyên nhân nữa, xem: Moyer (2006), tr. 73: “chương trình cải cách ruộng đất của Diệm cũng lâm vào cảnh thiếu ngân sách; Diệm đề nghị Mỹ chi 30 triệu đô la để thu mua và tài trợ đất, nhưng Mỹ cuối cùng chỉ cấp 4 triệu.”

<sup>[24]</sup> Catton (2002), tr. 53.

<sup>[25]</sup> Thayer (1989), tr. 122.

<sup>[26]</sup> Thayer (1989), tr. 122.

<sup>[27]</sup> Duiker (2000), tr. 511.

<sup>[28]</sup> Roy L. Prosterman, “Land Reform in Vietnam”, 57 *Current*

*History*, No. 340, tr. 330 (1969). Xem thêm: Duiker (2000), tr. 511: “Vào cuối thập kỷ 1950, phần lớn các vùng nông thôn miền Nam đều đòi hỏi phải có những cải tổ cấp tiến hơn.”

[29] Moyar (2006), tr. 73: “Người Mỹ khuyến Diệm giảm giới hạn diện tích xuống dưới mức 100 ha để nhiều nông dân có thể được đất cấp hơn. Các chương trình cải cách ruộng đất ở các nước Đông Á khác đã đưa ra mức giới hạn thấp hơn nhiều— ở Nhật, điền chủ chỉ được giữ bốn héc-ta, trong khi ở Đài Loan chỉ có ba héc-ta. Diệm không mặn mà với lời cảnh báo này. “Các ông không hiểu” ông ta trả lời người Mỹ. “Tôi không thể để mất tầng lớp trung lưu được”. Quyết định này đã chứng tỏ cái giá phải trả là quá đắt, vì ở phần lớn đồng bằng sông Cửu Long, tầng lớp trung lưu nói trên chỉ chiếm một thiểu số quá ít ỏi không thể duy trì hệ thống chính quyền ở nông thôn được, trong khi nông dân nghèo không có ruộng đất được trang bị vũ khí và chỉ đạo tấn công.” (Không dẫn các chú thích).

[30] Moyar (2006), tr. 73: “Kết cục lại, chương trình cải cách ruộng đất của Diệm đã thành công trong việc thu nhỏ những đồn điền rộng lớn ở đồng bằng và thu hẹp số tá điền không có ruộng đất từ chỗ chiếm đại đa số thành một thiểu số. Về sau, chính những người cộng sản cũng phải kêu ca rằng việc phân chia lại ruộng đất này đã “cản trở nghiêm trọng” cho những nỗ lực cải cách ruộng đất sau này của họ nhằm lấy lòng nông dân. Tuy nhiên, ở đồng bằng sông Cửu Long, số nông dân không có ruộng tuy là thiểu số, vẫn chiếm tỷ lệ không nhỏ. Năm 1960, bốn mươi bốn phần trăm các hộ nông dân vẫn phải thuê ruộng hoàn toàn.” (Tôi nhấn mạnh). Nhưng nên đọc: Prosterman (1969), tr. 328: “Vào thời điểm quan trọng của cuộc xung đột trong những năm đầu thập kỷ 60, chỉ có 257,000 trong số 1,175,000 – tương đương 23 phần trăm – các hộ nông dân đồng bằng sông Cửu Long được sở hữu toàn bộ ruộng đất canh tác. Diện tích sở hữu trung bình là 4,5 acres một hộ. Khoảng 334,000 hộ, hay 28.5 phần trăm tổng số, có diện tích canh tác là 6 acres – trong đó 4 acres là ruộng mướn, còn lại 521,000 hộ, khoảng 44 phần trăm, canh tác với diện tích trung bình 3,5 acres/hộ hoàn toàn là ruộng mướn. Vậy, ở đồng bằng, hơn bảy mươi phần trăm số hộ nông dân (44 phần trăm + 28.5 phần trăm = 72.5 phần trăm) phải phụ thuộc vào ruộng mướn.” (Tôi nhấn mạnh).

[31] Moyar (2006), tr. 72.

[32] Jeffrey Race, “The Origins of the Second Indochina War”, 10 *Asian Survey*, No. 5, tr. 370-371 (1970) (không dẫn các chú thích).

[33] Moyer (2006), tr. 434, chú thích 45 (Thayer) và 49 (Prosterman).

[34] Prosterman (1969), tr. 330.

[35] Thayer (1989), tr. 120-121. Xem thêm: Duiker (2000), tr. 511. Trong nhiều trường hợp, Duiker nêu ra rằng, “các gia đình sống ở vùng trước đây do Việt minh kiểm soát giờ bị buộc phải trả lại ruộng đất đã được cấp trong thời Việt minh chống Pháp, nhiều khi với sức ép của súng đạn.”

[36] Moyer (2006), tr. xvi.

[37] Moyer (2006), tr. xvi.

[38] Moyer (2006), tr. 212.

[39] Moyer (2006), tr. 212.

[40] Moyer (2006), tr. 212.

[41] Nguyen The Anh, “L’Engagement Politique du Bouddhisme au Sud-Vietnam dans les Années 1960”, trong: Alain Forest *et al* (dir.), *Bouddhismes et Sociétés Asiatiques: Clergés, Sociétés et Pouvoirs*, L’Harmattan, Paris, 1990, tr. 115. [Những trích dẫn từ tiếng Pháp trong bài viết này là do Cổ Ngự dịch – ND].

[42] Anh (1990), tr. 114.

[43] Về việc gia đình họ Ngô hợp tác với chính quyền thực dân Pháp rồi sau đó đổi sang với Nhật, xem: Vũ Ngự Chiêu, “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet-Nam (March-August 1945)”, *XLV Journal of Asian Studies*, No. 2, tr. 306, fn. 14 (1986), và Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu], *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng*, Văn Hoá, Houston, 2004, tr. 11-26.

[44] Edward Miller, “Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54”, 35 *Journal of Southeast Asian Studies*, tr. 436 (2004b).

[45] Miller (2004b), tr. 436.

[46] Miller (2004b), tr. 443.

[47] Miller (2004b), tr. 457: “Thoạt tiên, vào lúc mới lên làm thủ tướng, Diệm không thiếu đồng minh người Việt như người ta tưởng. Ngoài giới Công giáo, ông ta có thể thu hút được sự ủng hộ của một số người lãnh đạo và tổ chức phi Công giáo, nhờ những nỗ lực giao du của anh em ông trong thời gian lưu vong.”

[48] J. Donald Lancaster, “Review: Ellen J. Hammer, *The Struggle for Indochina Continues: Geneva to Bandung*”, 32 *International Affairs*, tr. 261 (1956).

[49] Phong (2006), p. 124: “Với biệt danh ‘Lightning Joe’, tánh tình

của Collins nóng và thẳng thắn. Cho đến bây giờ thuộc cấp của ông vẫn không biết biệt danh ‘Joe Sấm Sét’ bắt nguồn từ lý do ông đã là tư lệnh sư đoàn 25 Bộ Binh (mật danh của sư đoàn 25 là ‘Sấm Sét Nhiệt Đới’) lúc còn đánh nhau với Nhật ở đảo Guadalcanal, hay vì mỗi lúc ông nổi trận lôi đình giọng ông vang lên như sấm.”

[50] Seth Jacobs, *America’s Miracle Man in Asia: Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia*, Duke University Press, Paperback edition, 2004, tr. 185-186; Seth Jacobs, “‘Our System Demands the Supreme Being’: The U.S. Religious Revival and the ‘Diem-Experiment,’ 1954-1955”, 25 *Diplomatic History*, No. 4, tr. 620 (2001).

[51] Jacobs (2004), tr. 185-186.

[52] Jacobs (2001), tr. 620.

[53] Jacobs (2001), tr. 620, đăng nguồn trong chú thích 137: “Collins to Dulles, 12 February 1955, Collins Papers, box 31.”

[54] Jacobs (2004), tr. 185.

[55] *Foreign Relations of the United States, 1955-1957*, Tập I, tr. 146, TL 72. Tài liệu này cũng ghi lại lời Giám mục Ngô Đình Thục đáp lại lời khuyên của Collins: “Thục nói rằng chuyến thăm của Hồng y Gilroy do (Ngoại Trưởng Úc) R.G. Casey đề xướng, và bằng rôn là do các chủng viện sinh [tên đã bị xoá] làm, chứ không phải do Diệm yêu cầu.”

[56] Moyar (2006), tr. 218. Dựa trên các nguồn tài liệu lưu trữ trong văn khố Hoa Kỳ, James McAllister đã phản đối lại ý kiến này. Xem James McAllister, “‘Only Religions Count in Vietnam’: Thich Tri Quang and the Vietnam War”, *Modern Asian Studies* (sắp xuất bản, đã đăng trên mạng từ ngày 30/7/2007, Cambridge University Press).

[57] Nguyễn Thị Liên Hằng, “The Double Diaspora of Vietnam’s Catholics”, 39 *Orbis*, Số 4, tr. 498 (1995).

[58] Hang (1995), tr. 497 (không dẫn chú thích). Xem thêm: Thayer (1989), tr. 121.

[59] Tạ Chí Đại Trường, *Sử Việt đọc vài quyển*, Văn Mới, California, 2004.

[60] Trường (2004), p. 457: “Làm cách nào mà một chính quyền Sài Gòn lộn xộn với giáo phái sứ quân, với giang hồ đạo tặc, với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiều dân, với cả người Pháp còn tham vọng giữ phần đất thuộc địa cuối cùng... có thể đương cự với cả một nền tảng đe dọa trùng trùng như thế? Lịch sử ổn định bước đầu của chính quyền đó là một phối hợp tuyệt vọng của những người Việt

chống cộng (một tập-hợp-từ tiêu cực đúng với thực chất hồ-lớn của nó) chỉ còn một mảnh đất nương thân, và của người Mỹ đứng nhìn trong binh diện chiến lược quốc tế thấy mình phải chen chân vào.”

[61] Nguyễn Hiến Lê, *Đời Viết Văn Của Tôi*, Văn Hóa, n.p., n.d., tr. 124-126 (ấn bản Quốc nội). (Hình như đây là cuốn đạo văn của tác phẩm: Nguyễn Hiến Lê, *Đời Viết Văn Của Tôi*, Văn Nghệ, Westminster, CA, 1986. Tuy nhiên, tôi không tìm mua được tác phẩm gốc).

[62] Lê, *op. cit.*, pp. 124-126. Xem thêm: Nguyễn Mạnh Quang, *Việt Nam Độc Nhất Cộng Hòa Toàn Thư*, Tác giả tự xuất bản (ấn bản Hải ngoại), 1998, tr. 163-165. Quang đã trích chi tiết hơn từ cuốn: Lê (1986), tr. 99-101. Điều này khiến chúng ta tin GS Lê đã trực tiếp viết những dòng trên.

[63] Moyar (2006), tr. 216.

[64] *Informations Catholiques Internationales*, “L’Église au Sud-Vietnam”, 15 Mars 1963, tr. 18.

[65] *Informations Catholiques Internationales*, 15 Mars 1963, pp. 18-19.

[66] Khi bàn về vai trò của Ngô Đình Nhu trong chính quyền Ngô Đình Diệm, Philip Catton đã viết trong Catton (2002), tr. 16-17: “Với tư cách người đứng đầu cơ quan an ninh và tình báo, ông ta khai thác nguồn lực của Tổng nha Nghiên cứu Chính trị Xã hội có văn phòng đặt trong Dinh Tổng thống, do Trần Kim Tuyến - một người Công giáo gốc Bắc, trước đó là thư ký riêng của Nhu, đứng đầu. Dưới cái tên nghe có vẻ hiền lành, Tổng nha này là cơ quan đầu não của bộ máy quyền lực không chính thức của chế độ Diệm, qua đó Nhu có thể chỉ đạo hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở miền Nam Việt Nam. Như một người từng làm việc trong Dinh nhận xét, Tổng nha đã tạo cho Nhu ‘một tiểu chính quyền thực sự để hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát và kiểm soát chính quyền trên danh nghĩa do Diệm đặt ra.’” (Tôi nhấn mạnh.)

[67] Phong (2006), tr. 139: “Cuối năm 1957, với thế lực của đảng [Cần Lao], ông Diệm đang đứng trên đỉnh cao quyền thế. Nhưng ông rất cô đơn trên ngôi cao đó: người bạn Mỹ thân thiết Lansdale đã bị thất sủng và ra đi. Bây giờ, những cố vấn xung quanh tổng thống Diệm chỉ là một đám nịnh thần.” Xem thêm: *Informations Catholiques Internationales*, 15 Mars 1963, tr. 20: “Năm 1961, trong những số đầu tiên, tờ báo Đức Mẹ La Vang đã đăng danh sách những vị mạnh thường quân của cuộc hành hương do chính tờ báo này khởi

xưởng. Danh sách bắt đầu bằng món tiền tặng khoảng 2.000 quan Pháp của phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, vốn không phải là người Công giáo. Giáo hay lương, gần như tất cả các bộ trưởng đều có tên trong danh sách với những tặng phẩm tương tự như thế. Tiếp theo là tướng tham mưu trưởng và các tướng lãnh khác. Cuối cùng, là những vị chức sắc đứng đầu các tỉnh thành...”

[68] Moyar (2006), tr. 216. Xem thêm: Hang (1995), tr. 497.

[69] Liên Hằng (1995), tr. 498: “Sự ưu đãi đối với các hoạt động của Công giáo bao gồm tài trợ những chuyến thăm viếng của các vị chức sắc tôn giáo tới Nam Việt Nam. Ví dụ, khi Hồng y Gregorio Agagianian tới Việt Nam, chuyến đi của ngài hoàn toàn nằm dưới sự sắp xếp của chính quyền Sài Gòn - đúng ra có danh nghĩa thể quyền và không liên quan gì tới tôn giáo” (Đã lược bớt chú thích trong bài.)

[70] *Informations Catholiques Internationales*, 15 Mars 1963, tr. 21

[71] *Informations Catholiques Internationales*, 15/3/1963, tr. 21.

Độc giả nên xem toàn bộ bài báo để nhận ra những ví dụ khác về những người Công giáo muốn tách nhà thờ khỏi chế độ Ngô Đình Diệm.

[72] *Informations Catholiques Internationales*, 15/3/1963, tr. 19.

[73] *Informations Catholiques Internationales*, 15/3/1963, tr. 19.

[74] *Informations Catholiques Internationales*, 15/3/1963, tr. 19.

[75] *Informations Catholiques Internationales*, 15/3/1963, tr. 17-18,

21. Việc cải đạo của Nguyễn Văn Thiệu được nhắc tới trong: Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu], *Mậu Thân 68: Thắng hay Bại?*, Văn Hóa, Houston, tái bản lần 3, 1998, tr. 354-355. “19/4/1968: Sài Gòn: Lansdale gặp Linh Mục Bửu Dưỡng (...). Theo Dưỡng, Dưỡng đã rửa tội cho Nguyễn Văn Thiệu năm 1958 ở Đà-lạt. (...) (Báo cáo ngày 20/4/1968, Lansdale gửi Bunker),” Chính Đạo viết. Xem thêm: Nguyễn-Khắc-Ngũ, *Những ngày cuối cùng của Việt-Nam Cộng-Hòa*, Nhóm Nghiên-Cứu Sử-Địa, Montreal, 1979, tr. 39-40.

[76] *Informations Catholiques Internationales*, 15/3/1963, tr. 20-21.

[77] Nguyen Ngoc Huy, “Vietnamese History From 1939 To 1975”, trong: Nguyen Ngoc Huy & Stephen B. Young, *Understanding Vietnam*, the DPC Information Service, Bussum, 1982, tr. 162.

[78] *Informations Catholiques Internationales*, 15/3/1963, tr. 21.

[79] Huy (1982), tr. 162. Là một chính trị gia khôn ngoan, Tổng thống Thiệu cũng không ngần ngại giúp đỡ những tàn dư của Đảng Cần lao, khi thấy có lợi cho mình. Ngũ (1979), tr. 67: “Để gây thêm thế lực, Nguyễn-Văn-Thiệu đã móc nối với dư-đảng Cần lao Nhân-vị

Cách-mạng đảng của Ngô-Đình-Diệm cũ. Ông đã giúp bọn này tiền bạc để họ tổ chức lễ truy-diệu anh em Ngô-Đình-Diệm, Ngô-Đình-Nhu tại Nghĩa-trang Mạc-Đĩnh-Chi. Người đứng ra lo vụ này là Ngô-Khắc-Tĩnh, Tổng- trưởng Văn- Hoá-Giáo-dục và Thanh-Niên và cũng là bà con thân-tín của Nguyễn-Văn-Thiệu.”

<sup>[80]</sup>Moyar (2006), tr. 216. Tài liệu được dẫn là: “The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government” (“Phong trào Phật giáo Việt Nam và những khó khăn với chính quyền hiện tại”). Để biết thêm chi tiết, xem: Moyar (2006), tr. 457, chú thích 47. Tài liệu này có thể được tải về từ trang: <http://www.vietnam.ttu.edu/virtualarchive>. Lưu ý rằng phần một của tài liệu này, được Moyar trích dẫn, cũng gồm có 3 đoạn: “Chính quyền tỉnh quy định điều kiện tiến hành các hoạt động đó. Chính quyền Sài Gòn, đơn cử, thường tỏ ra cứng nhắc hơn các tỉnh khác trong việc để Phật giáo tự do hành đạo, và thường chỉ cho phép tổ chức các lễ hội chẳng hạn, vào những phút cuối”.

<sup>[81]</sup>“The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government” (“Phong trào Phật giáo Việt Nam và những khó khăn với chính quyền hiện tại”). Tài liệu này cũng gồm đoạn sau: “Và, sau cùng, nhân chứng nói rằng quyền tự do tín ngưỡng quy định trong Hiến pháp đã bị vi phạm bởi hành động này (ở đây ông ta dường như đã mâu thuẫn với ý kiến trước của chính mình, khi phát biểu rằng Phật tử vẫn đang cố gây sức ép với chính phủ về tự do tôn giáo và thể chế hoá điều này trong Hiến pháp Việt Nam.” Nhân chứng Phật tử này, chắc hẳn đang nói về nỗ lực yêu cầu sửa đổi Nghị định 10, một văn bản pháp luật bị các Phật tử coi là mang tính kỳ thị. Một trong những yêu sách giới Phật tử đưa ra với Ngô Đình Diệm vào năm 1963 là phải sửa đổi lại văn bản nói trên. Xem: Chính Đạo (2004), tr. 251: “Ngày 10/5, trong cuộc biểu tình qui tụ khoảng 5,000-6,000 Phật tử, tăng ni tại chùa *Từ Đàm*, Trí Quang đọc diễn văn, kêu gọi bất bạo động và Phật tử tiếp tục treo cờ. Sau đó, đại diện Ủy ban tranh đấu trao cho Thị trưởng Đảng một Thông Bạch [*Manifesto*], đòi hỏi 5 điều tương đối ôn hoà: tự do treo cờ; Phật giáo được hưởng quyền dành cho Ki-tô giáo như qui định trong Dự số 10 [ngày 6/8/1950]; ngưng bắt giữ và khủng bố Phật tử; tự do tín ngưỡng; bồi thường cho nạn nhân ngày 8/5 và trừng trị những người có trách nhiệm. Năm người đứng ký tên là Thượng tọa Tường Vân, Mật Nguyễn, Mật Hiền, Trí Quang, và Thiện Siêu. Với đại đa số Phật tử, ‘Dự số 10 nêu trong Thông Bạch ngày 10/5/1963 có vẻ xa lạ. Dự này

do Bảo Đại ban hành ngày 6/8/1950 liên quan đến qui chế các hiệp hội, đảng phái. Gồm 5 chương, 45 điều. Điều thứ 44 ghi nhận: ‘*Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên chúa và Gia tô, và các Hoa kiều lý sự hội sẽ ấn định sau.*’ (...) Điều này có nghĩa các tổ chức tôn giáo như Phật giáo, Hoà Hảo, Cao Đài, Islam v.v... đều chỉ được phép hoạt động nếu có sự đồng ý của chính phủ.” (Không dẫn những ghi chú trong bài). Nhưng xem thêm: Dennis J. Duncanson, *Government and Revolution in Vietnam*, Oxford University Press, 1968, tr. 332. Về những yêu sách của giới Phật tử liên quan đến Nghị định 10, Duncanson phát biểu rằng “trước năm 1963, không hề có một yêu cầu sửa đổi nào nhân danh giới Phật tử”. Những thiếu sót của Nghị định số 10, tác giả bổ sung, đã bị sử dụng như một cái cớ để “bọn người xấu lên án chính sách của Chính phủ đàn áp giới Phật tử “người địa phương” nhằm đề cao những công trình phúc lợi, lòng bao dung quảng nạp và đoàn kết chính trị của Nhà thờ ‘đồng minh’ và giới đạo hữu.”

<sup>[82]</sup>“Phong trào Phật tử Việt Nam và những khó khăn với Chính quyền đương thời”.

<sup>[83]</sup>Độc giả nên so sánh nội dung của cuộc phỏng vấn trên với những kết luận trong sách của Moyar (2006), tr. 216: “Trong số 4,766 chùa ở miền Nam Việt Nam, 1,275 ngôi được xây dựng trong thời Diệm nắm quyền, rất nhiều ngôi chùa được nhận tài trợ của chính phủ. Chính quyền Diệm cũng cấp ngân sách cho nhiều trường học, lễ hội và các hoạt động khác của Phật giáo. (Không dẫn những chú thích trong sách). Xét nội dung trả lời phỏng vấn, ta có thể thắc mắc không biết việc xây dựng chùa chiền dưới thời Diệm là phải bất chấp sự phản đối hay được nhờ sự ủng hộ của giới chức. Khoản tài trợ bên Phật giáo nhận được thì thật khiêm tốn so với Nhà thờ Công giáo. Những lý lẽ trên cũng không gây được ấn tượng gì với những sử gia như Nguyễn Thế Anh. Xem: Anh (1990), tr. 113-114: “Thật vậy, [Tổng hội Phật giáo Việt Nam] cũng đồng thời chú ý đến các vấn đề giáo dục và cứu trợ xã hội bằng cách xây dựng các trường trung, tiểu học, các nơi chuyên lo công việc từ thiện như trạm xá và cô nhi viện. Nhưng để làm được những việc ấy, giáo hội Phật giáo chỉ có thể trông cậy vào thiện ý của dân chúng, chứ không mong gì đến sự giúp đỡ tài chính của nhà cầm quyền. Việc trùng tu chùa Xá Lợi Sài Gòn năm 1961 - được xem như trung tâm nghiên cứu Phật giáo – đã nhận được sự giúp đỡ của chính quyền chỉ vì hội trường Hội nghiên cứu Phật giáo Nam Việt Nam, ông Mai Thọ Truyền, giữ một vị trí quan trọng

trong chính phủ.” Moyar phát biểu ngay trong cùng trang sách đó rằng “nguyên nhân người Công giáo chiếm số đông [trong một số cơ quan chính phủ] (...) không phải là do kỳ thị mà là do người Công giáo chiếm tỷ lệ lớn trong tầng lớp có trình độ học vấn cao, một di sản của thời thực dân.” Đáng lẽ ra, để tỏ ra chi tiết hơn, Moyar cần chỉ ra rằng những người chống đối Ngô Đình Diệm có cơ sở để phát biểu rằng chế độ Ngô Đình Diệm muốn duy trì lợi thế về trình độ học vấn cho giới Công giáo thông qua tài trợ cho Đại học Công giáo Đà Lạt, là trường đại học tôn giáo duy nhất được mở ở miền Nam dưới thời Ngô Đình Diệm.

<sup>[84]</sup>Moyar (2006), tr. 216. Nhưng xem thêm: Moyar (2006), tr. 253. Khi đề cập đến nhận xét của CIA về kết luận của phóng viên David Halberstam của tờ *New York Times*, ông ta viết: “CIA nhận xét, có rất nhiều bằng chứng chống lại kết luận của Halberstam rằng cuộc khủng hoảng Phật giáo đã làm cho dân chúng và quân đội quay lưng lại với gia đình họ Ngô.” Lẽ ra Moyar nên lấy tài liệu đánh giá này của CIA làm cơ sở để bàn về nội dung cuộc phỏng vấn 1961.

<sup>[85]</sup>So sánh: Moyar (2006), tr. 457, cước chú 50: “Diệm(...) kịch liệt chống lại những nỗ lực tạo ảnh hưởng lên chính quyền của các cha cố Công giáo.” Ông ta dẫn chứng: Piero Gheddo, *The Cross and the Bo Tree: Catholics and Buddhists in Viet-Nam*, Sheed and Ward, New York, 1970, tr. 143-145. Xem bài điểm sách: Adam Roberts, “Review: Piero Gheddo, *The Cross and the Bo Tree: Catholics and Buddhists in Viet-Nam*”, 43 *Pacific Affairs*, số 4, tr.632- 633 (1970).

<sup>[86]</sup>Moyar (2006), tr. 217 (những chỗ in đậm do người viết thêm vào).

<sup>[87]</sup>Moyar (2006), tr. 217 (không dẫn những chú thích trong bài). Cần lưu ý vào mùa hè năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm đã từng cố phá uy tín của phong trào Phật giáo, nhưng không thành, bằng cách sử dụng các sư giả. “‘Sư giả’ là sáng chế của họ Ngô—mùa Hè 1963, người ta thấy xuất hiện trên đường phố, rạp hát, tiệm ăn nhiều thanh niên cạo đầu trọc, mặc áo tu sĩ Phật Giáo, chửi thề, ăn nói tục tĩu. Ai cũng biết đây là sáng kiến của nha tráo họ Ngô,” Nguyễn Vũ [Vũ Ngự Chiêu] viết trong: *Ngàn Năm Soi Mặt*, Văn Hóa, Houston, 2002, tr. 37.

<sup>[88]</sup>Nguyễn Khắc Ngữ, *Đại cương về các đảng-phái chính-trị Việt-Nam*, Nhóm Nghiên cứu Sử Địa Việt Nam, Montreal, 1989, tr. 83.

<sup>[89]</sup>Moyar (2006), tr. 217.

<sup>[90]</sup>Moyar (2006), tr. 217.

<sup>[91]</sup>CIA, “The Situation in South Vietnam, 9/16/1963”. Tài liệu này có thể được tải về từ trang:

<sup>[92]</sup>Xem: Stanley Karnow, *Vietnam: A History: Revised and Updated Edition*, Penguin Books, New York, 1991, tr. 557. Khi bàn về nhận định của tướng Võ Nguyên Giáp năm 1990, phát biểu rằng “cuộc tấn công Tết Mậu thân nhằm chứng minh rằng lực lượng Việt Cộng không phải đang kiệt sức hay sắp bị đánh bại như lời tướng,” Karnow viết: “Kết luận của tướng Giáp là có sự hỗ trợ của hậu kiểm, sau khi mọi chuyện đã ngã ngũ.”

<sup>[93]</sup>Roberts (1970), tr. 633.

<sup>[94]</sup>Duncanson (1968), tr. 332.

<sup>[95]</sup>Duncanson (1968), tr. 333; Chính Đạo (2004), tr. 252: “Tại Sài Gòn, dù chưa trở thành mất bão, Phật tử biểu tình liên tiếp trong hai ngày 7 và 8/5 để chống lệnh cấm treo cờ và đòi bình quyền tôn giáo. Ngày 9/5, Thượng tọa Tâm Châu, Phó Hội chủ *Tổng Hội Phật giáo Việt Nam*, thành lập *Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo*—quyết ‘Tứ Vi Đạo.’ Ủy ban này quy tụ 11 Hội đoàn. (...) Tâm Châu được cử làm Chủ tịch; với Mai Thọ Truyền, Tổng thư ký. Văn phòng đặt tại chùa *Xá Lợi* trên đường Bà Huyện Thanh Quan.” (Internal note omitted).

<sup>[96]</sup>Karnow (1991), tr. 355.

<sup>[97]</sup>Anh (1990), tr. 115 (không dẫn các chú thích trong bài).

<sup>[98]</sup>Anh (1990), tr. 115-116.

<sup>[99]</sup>Miller (2004a), tr. 258-259. Về các bên ký kết Tuyên cáo chung Caravelle được công bố năm 1960, Miller viết: “Các đại diện ký kết đều là các tay bảo thủ và chống Cộng kiên quyết, thành viên của các nhóm vốn được cho là ủng hộ Diệm. Thực ra, trừ Phan Huy Quát là trường hợp ngoại lệ, hầu hết những người ký trước đây đều là những người ủng hộ Tổng thống, trong đó có sáu người từng làm việc trong nội các đầu tiên của Diệm từ tháng Bảy năm 1954 – một nội các (...) lúc đó được coi là tập trung toàn những người tận trung với Diệm. Nếu Diệm đã đánh mất sự ủng hộ của những thành phần bảo thủ như thế, thì sự bất mãn với chế độ của ông ta hẳn đã lên rất cao.” So sánh với: Moyar (2006), tr. 105: “Bảy trong số mười tám [người ký] là bác sĩ, và đa số những người còn lại đã từng giữ các chức vụ cao trong thời thuộc địa. Tất cả đều là những trí thức Sài Gòn điển hình, thâm trầm các tư tưởng Tây học và xa rời đại chúng.”

<sup>[100]</sup>Một bằng chứng xác thực ý kiến của Nguyễn Thế Anh có thể được tìm thấy trong bản báo cáo của Đại sứ Pháp tại Sài Gòn gửi về

Paris ngày 10/3/1962, trước khi có sự kiện Lá cờ. Trong báo cáo đó, ông đại sứ viết rằng, ngoài phe Cộng sản, chế độ Diệm cũng phải đối mặt với sự chống đối đang gia tăng từ nhiều người dân miền Nam không theo Công giáo, những người này đang mong đợi một sự thay đổi chế độ. Bản báo cáo này được Vũ Ngự Chiêu tìm thấy và dịch sang tiếng Việt. Xem: Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu], *Việt Nam Niên Biểu 1939-1975, Tập I-C: 1955-1963*, Văn Hóa, Houston, 2000, tr. 248-250. Tài liệu này cần được xem xét cùng với báo cáo năm 1961 của người Mỹ có tiêu đề “Phong trào Phật tử ở Việt Nam và những khó khăn với chính quyền đương thời”, mà chính Moyar cũng đã dẫn.

<sup>[101]</sup> Chính Đạo (2000), tr. 248: “10/3/1962: Sài-Gòn: Đại sứ Lalouette báo cáo về Paris rằng vấn đề Việt Nam gai góc hàng đầu tại Đông Nam Á (...) ‘Cuộc đánh bom Dinh Độc Lập ngày 27/2/1962 phá vỡ mọi vẻ bình lặng ngoài mặt.

Ngoài Cộng Sản, những lực lượng đối lập không CS gia tăng chống đối Diệm. Cuộc chống đối này, dưới những dạng thức khác nhau, có mẫu số chung là sự oán hờn (la rancœur) chống lại một thể lực tổng thống độc tài (...). Lực lượng chống đối tập hợp những người ái quốc cấp tiến, giới trưởng giả Nam kỳ bị gạt bỏ khỏi những việc công ích bởi những phần tử từ Bắc hay Trung vào tị nạn, những giáo phái bị giải giới và bị nghi ngờ và, một cách tổng quát, tất cả những người không Ki-tô chống lại thiểu số Ki-tô (10 % dân số) đã đặt tôn giáo Ki-tô La Mã lên hàng quốc giáo.

Họ không đòi hỏi sự thay đổi trong chế độ, mà là thay đổi cả một chế độ.”

<sup>[102]</sup> Câu này tôi mượn của sử gia Robert Maddox khi ông viết về những sự phản kháng đối với Tổng thống Franklin Roosevelt về kế hoạch thu tóm Tối Cao Pháp Viện Liên bang: “Ý nghĩa chính trị của trận chiến về Tối Cao Pháp Viện không hẳn là ở chỗ nó đã tạo ra đối lập, dù trên thực tế nó có tạo ra, mà nằm ở chỗ nó đã hình thành một môi trường vận động để rất nhiều lực lượng đối lập ngầm có thể liên kết lại.” Đã được dẫn trong: William E. Leuchtenburg, *The Supreme Court Reborn: The Constitutional Revolution in the Age of Roosevelt*, Oxford University Press, 1995, tr. 156.

<sup>[103]</sup> Moyar (2006), tr. 62 (không dẫn chú thích trong bài).

<sup>[104]</sup> Dù sao đó cũng là ý kiến của Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Đại học Huế năm 1963, một thành viên trong nhóm thân tín của Ngô Đình Diệm. Ông nói có thể Ngô Đình Diệm cách chức ông vì đã bao che cho những sinh viên tham gia phong trào Phật tử.

“Những nguyện vọng của họ thì ai cũng biết, *chẳng có gì quá đáng*. Ít ra là lúc bây giờ, đại để là hủy bỏ nghị định cấm treo cờ Phật giáo, trừng phạt thủ phạm gây ra cảnh đổ máu ở đài phát thanh, chấm dứt tình trạng đàn áp Phật giáo nếu quả thực chính quyền có chủ trương đó,” ông viết trong: L.M. Cao Văn Luận, *Bên Giòng Lịch Sử Việt Nam, 1940-1975*, TanTu Research, Sacramento, California, 1983, tr. 236 (tôi tự nhấn mạnh ở những chỗ in nghiêng). Xem thêm: Huy (1982), tr. 94: “Trong khi Diệm cố tìm cách giải quyết vấn đề một cách ôn hoà, ông Thục, ông Nhu và bà Nhu thiên về đối sách mạnh tay với Phật tử. Khiến Phật tử buộc phải gia tăng sự phản đối chính quyền. Ngày 11/6/1963, nhà sư Quảng Đức tự thiêu.” Cũng nên biết rằng, giáo sư Huy, từng là đảng viên Đảng Đại Việt, và phải lưu vong ở Pháp trong thời gian Ngô Đình Diệm nắm quyền.

<sup>[105]</sup> Moyer (2006), tr. 213. Moyer cũng nêu ra ngay trong trang sách đó những nguyên nhân khác khiến Ngô Đình Diệm không chấp thuận các yêu sách của Phật tử. “Hàng loạt các phe phái và nhóm thiểu số khác có thể sẽ đổ xô đến với không biết bao nhiêu yêu sách mới mà chính phủ không thể nào đáp ứng được. Và nếu thoả mãn các yêu sách của Phật tử, Diệm sẽ tự làm yếu đi khả năng tự vệ trước các lực lượng chống đối khác và Việt Cộng – nếu cảnh sát không được phép bắt những người biểu tình tự xưng là Phật tử, chính quyền sẽ không ngăn ngừa được bạo loạn, kéo theo sự giám sát thể diện quốc gia.”

<sup>[106]</sup> Moyer phát biểu rằng Philip Catton đã sai lầm “khi chấp nhận quan điểm chung cho rằng Diệm không có khả năng điều hành cuộc chiến một cách hữu hiệu.” Xem: Mark Moyer, “The Current State of Military History”, 50 *The Historical Journal*, No. I, tr. 233 (2007).

<sup>[107]</sup> Moyer (2006), tr. xii. Một trong số các sử gia bị công kích đã có ý kiến “phản hồi”. Xem: Seth Jacobs, “Review: Mark Moyer, *Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954–1965*”, 94 *Journal of American History*, No. 1, tr. 332-333 (2007).

<sup>[108]</sup> John M. Carland, “Review: Mark Moyer, *Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954–1965*”, 71 *Journal of Military History*, No. 2, tr. 591-594 (2007). Xem thêm: Thư của Moyer phê bình bài điểm sách này và bài phản hồi của Carland trong: 71 *Journal of Military History*, No. 3, tr. 903-907 (2007)

[Nguồn: [http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com\\_content&view=article&id=5858:chien-thang-tuong-tuong&catid=2:khaocuu&Itemid=4](http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com_content&view=article&id=5858:chien-thang-tuong-tuong&catid=2:khaocuu&Itemid=4) ]

## CHUNG QUANH LOẠT BÀI “NHỮNG XUYỀN TẠC VÀ NGỘ NHẬN VỀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM”

*Nguyễn Kim Long và Lê Quân*

\* Tác giả: Bài chất vấn của ông **Nguyễn Kim Long**, trí thức Thiên Chúa Giáo (Paris). Bài trả lời của ông **Lê Quân**, trí thức Phật giáo (Los Angeles).

\* Trích từ: Tạp chí *Khai Phóng*, số 6 (tháng 10/1981) xuất bản tại Los Angeles, Hoa Kỳ.

### ■ BÀI CHẤT VẤN

Khi đọc lần thứ nhất bài “**Những xuyên tạc, ngộ nhận về Phật Giáo Việt Nam**” của **Lê Quân** (*Khai Phóng* số 3, trang 39-48), tôi không thể không thán phục giọng văn điêu luyện và có vẻ hấp dẫn của tác giả nói trên. Tuy nhiên, khi đọc lần thứ hai, tôi lại có cảm tưởng hình như tác giả bị “*tên độc tài chuyên chế Ngô Đình Diệm*” bỏ tù (?) nên đâm ra uất ức và hay lập đi lập lại những ý tưởng mà tôi có cảm tưởng là chưa có thể làm sáng tỏ vấn đề **xuyên tạc và ngộ nhận**.

Tuy là một tín đồ Công giáo (chứ không phải Thiên Chúa giáo hay Kitô giáo), và nhất là không phải sống trong thời chính phủ Ngô Đình Diệm cầm quyền, tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả và Linh mục Cao Văn Luận - mà tác giả hay trích dẫn qua quyền “*Bên Giòng Lịch Sử*” - về một số biện pháp cai trị thiếu dân chủ của chính phủ Ngô Đình Diệm.

Nhưng, tôi hoàn toàn không đồng ý với tác giả về những điểm sau đây:

1) Cho dầu độc tài đến mức nào đi nữa (mà sau khi ông Ngô Đình Diệm vừa bị hạ sát, thì đài BBC - Luân Đôn đã bình luận như thế này: “Ông Diệm là một trong những nhà độc tài ít độc tài nhất”), **chúng ta không thể đặt ngang hàng ông Ngô Đình Diệm với “bác” Hồ Chí Minh ở hàng ghế tội phạm**.

Tác giả lấy cớ là ông Diệm tàn ác, nào là nhốt cả “3.000 tù nhân

chính trị tại Côn Đảo”, nào là “sản phẩm của thế lực ngoại bang (Mỹ) như Hồ Chí Minh (là sản phẩm của ngoại bang là Nga)”, nào là “liên tục tiêu diệt (như Hồ Chí Minh) các lực lượng dân tộc”, nào là “300.000 (không xa với sự thực là bao) Phật tử bị thảm sát”, v.v...

Chúng tôi xin đề qua một bên những con số chưa kiểm chứng được, tôi chỉ xin đưa ra một nhận xét này: chúng ta nên phân biệt rõ ràng tiêu chuẩn “*nô lệ cho ngoại bang*” và bối cảnh lịch sử của những đường lối chính trị mà tôi tạm gọi là “tùy cơ ứng biến” để dịch ngữ “*Realpolitik*” trong tiếng Đức. Nói thế, tôi muốn đặt câu hỏi với tác giả: Tướng De Gaulle, nhờ phe đồng minh yểm trợ, nên mới có thể về giải phóng nước Pháp, có phải là một hành động nô lệ không? Thật ra, còn biết bao nhiêu ví dụ khác, cả trong lịch sử Việt Nam, mà tôi xin miễn dài giọng.

Chúng ta cũng không nên quên rằng chính Tổng thống Ngô Đình Diệm, vì không muốn Hoa Kỳ đem lính sang Việt Nam, không chấp nhận cho Hoa Kỳ toàn quyền khai khẩn rừng Việt Nam (tác giả Lê Quân nghĩ sao về số 200.000 lính Hoa Kỳ tại Cộng Hòa Liên Bang Đức để so sánh với số 18.000 cố vấn quân sự thời Ngô Đình Diệm? Đức có bị lệ thuộc hay nô lệ Hoa Kỳ không?)... nên mới bị ám sát. Ngay trước khi chết, chính Đại sứ Henry Cabot Lodge hứa sẽ để cho Diệm thoát thân ra hải ngoại “nếu ông Diệm từ chức” thì cố Tổng thống đã khảng khái trả lời là nếu ông đã được dân bầu thì ông chỉ từ chức trước nhân dân (chứ không có lý do gì bị một tên Đại sứ áp chế phải từ chức). Vì bất đồng ý kiến với đường lối “xâm phạm vào nội bộ Việt Nam” nên chính ông Diệm và ông Nhu đã ngầm liên lạc với chính quyền Hà Nội (qua Đại sứ Ân Độ tại Sài Gòn và Ủy viên Ân Độ trong Ủy Hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến) để đi đến một cuộc ngưng bắn và thỏa hiệp.

Đó là chúng ta chưa kể những lối mưu mô của ông Nhu (cho lính giả làm Việt Cộng) mưu sát một số tùy viên quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam có máu muốn áp đảo Chính phủ Ngô Đình Diệm vì đường lối chính trị độc lập (mà người Mỹ cho là “cứng đầu” của ông).

Như thế, tôi thấy không có một lý do nào cho rằng, vì Hoa Kỳ đã cho ông Diệm ở đậu tại Maryland (đúng ra, là tại một chủng viện truyền giáo Maryknoll, vì có Đức Hồng Y Spellman ủng hộ...) nên ông Diệm là tay sai và nô lệ của Hoa Kỳ.

**2) Chúng tôi chưa thấy khi nào Chính phủ Ngô Đình Diệm tuyên bố** (qua các sắc lệnh hay đạo dụ) **coi Công giáo** (chứ không phải Thiên Chúa giáo) **như một Quốc giáo**. Một số nhân viên cao cấp

thời Đệ I Cộng hòa vẫn còn sống và quý vị này có thể là những nhân chứng cần thiết cho việc ghi lại quãng lịch sử Việt Nam thời Chính phủ Ngô Đình Diệm.

Chúng tôi không biết Chính phủ ông Ngô Đình Diệm (xin lỗi, khi nói Chính phủ Ngô Đình Diệm, chúng ta đừng quên những nhân vật “Phật giáo” như các ông Nguyễn Ngọc Thơ, Phó Tổng thống, Vũ Văn Mẫu, Bộ trưởng Ngoại Giao!) có ra một sắc lệnh nào bảo rằng Đạo dụ số 10 của cựu Quốc trưởng Bảo Đại có hiệu lực. Điều chắc chắn là trong hiến pháp Đệ I Cộng Hòa xem tất cả các tôn giáo tại Việt Nam đều có quyền và bốn phận như nhau.

Vấn đề cho phép treo cờ (tại Huế) chỉ là một chi tiết nhỏ trong những chi tiết. Dĩ nhiên, chúng ta không chối cái là có những lạm dụng quyền hành ở cấp dưới, nhất là hàng Quận và Xã, nhằm **bắt nạt để “lập công” với Đảng Cần Lao**. Lỗi “lập công” này không có tính cách kỳ thị tôn giáo, nhưng đúng hơn là để một tề đoan trong một xã hội mới tập tễnh vào con đường dân chủ.

Tuy nhiên, điều mà tác giả Lê Quân không nhắc đến - là sau khi đã hạ bệ được Diệm - Nhu - Cần, phe Phật giáo đã lần lượt đốt phá một số nhà người Công giáo công chức (của chế độ Diệm-Nhu) tính từ Huế trở vô đến Nha Trang, lúc ấy tôi có cảm tưởng là phe Phật giáo làm một công việc như Thập Tự Quân (thời Trung Cổ) đi đánh người Ả Rập vậy! Các làng đồng người Công giáo, nhất là ở Đà Nẵng (Nội Hà, Chính Trạch, Thanh Bò, Đức Lợi), Quảng Ngãi, Quy Nhơn và Tuy Hòa... bị bao vây và khủng bố (với sự đồng lõa của ông Nguyễn Chánh Thi!).

Vậy thì những lạm quyền ở cấp dưới lúc nào cũng có. Còn như chỉ căn cứ vào một số sách vở ngoại quốc viết thì e rằng chúng ta (tác giả và cả tôi nữa) có thể vô tình làm “nô lệ” cho những phương tiện truyền thông một chiều đương thời (do các nhóm tài phiệt khuấy động và ngầm điều khiển). Cũng của ngoại bang!

3) **Phong trào chống đối chưa phải tiên thiên là một cuộc cách mạng hay cuộc vận động cách mạng**, nhất là khi chống đối vì “tôn giáo bị đàn áp”. Ở điểm này, độc giả như tôi chẳng hạn, rất mong tác giả bài báo đưa ra những chương trình cách mạng 30-4-1963 (!) do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đề xướng và huy động. Đúng ra, tất cả các cuộc cách mạng thật sự đều phải được số đông quần chúng yểm trợ và cho là hợp lòng dân. Như thế, ở đây, chúng ta mong đợi tác giả cho một vài con số về tín đồ Phật giáo (Đại Thừa hoặc Tiểu Thừa, Ấn Quang hoặc Xá Lợi...) ủng hộ và xuống đường trong

khoảng trước 1-11-1963. Và tỷ số Phật giáo?

Nhưng tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả là ngày 1-11-1963 chưa phải là cuộc cách mạng.

Còn chữ “*Vận Động Cách Mạng*” mà tác giả hay dùng thật sự tôi không hiểu rõ lắm, vì “công bằng xã hội” vốn là lý tưởng mà bất cứ đoàn thể hay tôn giáo, hay chủ thuyết nào cũng chủ trương. Hoặc là bị đàn áp (tín ngưỡng) nên mới đứng lên đòi cải tổ (mà không triệt hạ, theo lời tác giả)?

Tôi rất tiếc là tác giả cho là các “chính quyền” (người Cộng Sản hay gọi các Chính phủ Cộng Hòa Việt Nam đều là chính quyền) “từ Ngô Đình Diệm đến Nguyễn Văn Thiệu” đều là có “bản chất tay sai, lệ thuộc vào Mỹ”. Thế thì tại sao Phật giáo đã không đủ sức để vận động đưa “cách mạng đến thành công”, nhất là dưới trào Phan Khắc Sửu? Vì lúc đó “Giáo Hội” Thiên Chúa giáo đã bị lép vế kia mà! Chúng ta nghĩ sao về thái độ của một thầy Thích Trí Quang xin “tị nạn” vào Tòa Đại Sứ Mỹ. Vậy thì ông Trần Văn Hương, một chính trị gia mà tôi rất khâm phục, cũng đàn áp Phật giáo nữa?

Tôi luôn luôn khâm phục tất cả những tín đồ Phật giáo, và cũng như tất cả các tín đồ các tôn giáo khác, luôn luôn có thái độ ôn hòa và thức thời trong những lúc mà nước nhà biến loạn. Có thể những thành phần này đồng ý với tôi ở điểm này: Những người như ông Ngô Đình Diệm hay Trần Văn Hương đã và vẫn là những người chân chính và thực sự yêu nước.

Đồ tất cả tội lỗi trên đầu một người hay một gia đình, tôi cho đó là một lối trốn chạy thiếu ý thức hoặc chỉ là một lối võ đoán (a posteriori) sau khi việc không thành.

Tôi viết ra những dòng này cũng chỉ để góp ý kiến mà thôi, vì đây là những cảm tưởng đầu tiên của tôi khi đọc qua bài của Lê Quân. Thật sự, nếu tôi phải lục ra tất cả sách vở để làm bằng chứng hay biện minh cho những điều tôi nói trên thì chẳng qua đó cũng chỉ là một bài khảo cứu, có khi cả là một quyển sách dày cộm.

Cũng trong chiều hướng này, tôi ao ước cũng sẽ có đông các học giả uyên thâm viết lại những dòng lịch sử (như lịch sử thời Ngô Đình Diệm chẳng hạn) hay những bài báo như bài của Lê Quân. Dĩ nhiên là chúng ta tôn trọng khác biệt tư tưởng của mọi người, vì chúng ta chuộng tinh thần tự do và dân chủ-nếu không chúng ta lại giống người Cộng Sản Mác-Lê.

## ■ BÀI TRẢ LỜI

Vài lời thưa riêng

Là tác giả của loạt bài “*Những xuyên tạc, ngộ nhận về Phật giáo Việt Nam*” tôi rất cảm kích những ý kiến trao đổi của anh Nguyễn Kim Long. Xuất phát từ sự cảm kích này và bởi vì bài góp ý của anh Long đã có những câu hỏi trực tiếp đặt ra cho tôi chung quanh vấn đề nêu lên buộc lòng tôi phải viết thêm bài này. Đây là điều hoàn toàn trái ngược lại với ý định của tôi - cái ý định chỉ đề cập một lần mà không trở lại vấn đề “chế độ Tổng thống Diệm và cuộc vận động cách mạng 1963 của Phật giáo” một lần nào khác nữa, ít nhất là trong lúc này, bởi những lý do tế nhị của nó.

Tuy vậy, bài viết thêm này không chỉ là một bài trả lời. Nó còn là một bổ túc cần thiết cho bài báo đã đăng về những gì mà bài báo đó đã không nói được hay chưa nói được hết.

## CĂN BẢN CỦA VIỆC ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước hết, tôi muốn xác định hai điều có tính cách căn bản:

1) Mặc dầu tôn trọng tất cả những cảm tưởng, cảm nghĩ, nhận xét của anh, tôi vẫn xin nói ngay rằng, cái cảm tưởng “*hình như tác giả bị “tên độc tài chuyên chế Ngô Đình Diệm” bỏ tù (?) nên đâm ra uất ức*” là hoàn toàn không đúng với thực tế. Tôi đã không bị bắt bỏ tù ở Chín Hàm, Côn Đảo hay bất cứ một nhà tù tương tự nào khác dưới chế độ ông Diệm. Bản thân tôi, do đó, vốn không có gì để phải uất ức và nuôi dưỡng sự uất ức đến ngày nay đối với chế độ này. Vả chăng, tôi không quen và không từng viết bài bằng vào cái ý thức “để đáp trả lại những gì mà kẻ khác đã gây ra cho mình” theo kiểu “ân oán giang hồ” xưa nay. Điều khác biệt căn bản giữa anh với tôi là điều này: trong khi anh “*đã không phải sống trong thời Chính phủ Ngô Đình Diệm cầm quyền*” như chính anh xác nhận thì ngược lại, **tôi đã phải sống trong thời này và lại sống ở nhiều nơi khác nhau** trên những vùng đất khốn khổ của quê hương. Vì đã sống như thế mà dù muốn dù không, tôi cũng đã phải chứng kiến tận mắt, một phần nào, những nỗi tủi nhục đau thương diễn ra chung quanh mình cho những người mà trước khi là đồng đạo, họ đã là đồng bào của tôi.

Đó là những giọt nước mắt của những người đã bị buộc phải bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để lên sống ở những vùng Dinh Điền trên Cao nguyên rồi lại bị buộc phải từ bỏ “Đạo cũ” để có thể nhận được một tấm tôn, một lon gạo hay một khúc bánh mì. Đó là khuôn mặt chất

ngắt đau thương của một người bị trói đứng dưới cột cờ ở một vùng Dinh Điền chỉ vì đêm hôm trước, ông ta đã tụng kinh trước bàn thờ Phật ở trong nhà. Đó là tiếng kêu tủi nhục của hàng ngàn người ở Huế trong một mùa Phật Đản vì họ đã không thể thực hiện được cuộc rước Phật từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm khi mà **một khối hoàn môn có hình Đức Mẹ và cờ Tòa Thánh Vatican đã được dựng lên trên cầu Trường Tiền vào đúng ngày Phật Đản này**. Đó là sự phẫn nộ không nói được ra lời của một số ngư dân ở Đà Nẵng khi một ngày vào năm 1956, trông lên **chùa Non Nước ở Ngũ Hành Sơn, thấy một cây Thập Tự Giá** được ai đó cắm lên. Đó là những lời ta thán của những người dân vô tội ở thị xã Quảng Ngãi dưới thời ông Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Tấn khi bị bắt buộc **dời mồ mã cha ông từ bao đời đi nơi khác để dành đất xây một ngôi nhà thờ**. Đó là hình ảnh những thân thể vùng vẫy như điên như dại trong cơn mê sáng của những người - trong số có bạn bè của tôi - bị tấn công bằng lựu đạn cay, lựu đạn khói trong những ngày Phật giáo đấu tranh của năm 1963. Đó còn là những câu nói mà tôi đã được nghe trong cái thời đang còn cấp sách đến trường trung học: *“phải dẹp bọn ma quỷ đã cản trở công việc làm sáng danh Chúa”* để hơn một lần, phải tự hỏi, đâu là chỗ đứng của mình và của những người thân yêu đồng đạo khác nếu như xứ sở nghèo khó này cứ được dẫn đạo bởi một ý thức như thế. Đó cũng còn là những bài học văn chương Việt Nam vỡ lòng, khi tuổi thơ chưa có bao nhiêu suy nghĩ đã được nhét vào đầu óc những câu ca dao (được tuyển chọn trong hàng ngàn câu ca dao!): “Ba cô đội gao lên chùa - Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư - Sư về sư ốm tương tư - ốm lẫn ốm lóc cho sư trọc đầu” với lời dặn dò nghiêm khắc của vị giáo sư: *“Phải học thuộc lòng vì đây là những câu ca dao tiêu biểu”*, (may mắn là khi lớn lên tôi đã biết rằng, nền giáo dục mà tôi thụ hưởng **đó là một nền giáo dục nói dài, ít nhất là trên căn bản tinh thần, của nền giáo dục thực dân Pháp trước đó** và biết thêm nữa rằng, ca dao Việt Nam còn rất nhiều những câu châm biếm các tôn giáo khác, chứ không riêng gì Phật giáo, nhất là ở dưới các thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... Còn nếu không thì thực là rất khó để tôi có thể hình dung ra được hình ảnh của một vị tu sĩ Phật giáo khả kính là như thế nào, dù có muốn đi chăng nữa).

Thế đó. Tôi không có những uất ức của cá nhân mình. Tôi chỉ có những **tủi nhục chung của cả một thế hệ đồng bào và đồng đạo** - những tủi nhục thống thiết đến nỗi, đã có người phải chết vì nó - những tủi nhục mà tôi đã cảm nhận như một liên hệ với máu xương

của chính mình. Nhưng dù có cảm nhận như thế, tôi vẫn chưa bao giờ để nó trở thành một thứ “mặc cảm tôn giáo” hay rõ hơn, một thứ “*tình cảm uất ức vì tôn giáo*” dù đây là thứ mặc cảm đã từng có ở một số người Việt Nam chúng ta. Tôi không để nó trở thành thứ mặc cảm này vì tôi không bao giờ tin rằng, sự tranh chấp tôn giáo lại là một điều có thực. Mọi sự tranh chấp mà người ta gọi là “tranh chấp tôn giáo” chỉ là những sự kiện giả tưởng trong lịch sử nhân loại. Bởi vì, không làm gì có cái gọi là tranh chấp tôn giáo khi mà mục đích của tôn giáo là Giải Thoát, là Cứu Rỗi mà ý nghĩa trước hết của nó phải là **Giải Thoát, Cứu Rỗi con người ra khỏi chính vỏ bọc tôn giáo, ra khỏi tình trạng nô lệ của con người vào chính tôn giáo của mình.**

Sự “tranh chấp tôn giáo”, “mặc cảm tôn giáo”, do đó, chỉ là sự tranh chấp của con người, chỉ là cái mặc cảm của những kẻ nô lệ vào chính tôn giáo của mình, biến tôn giáo của mình thành một thứ pháo đài hay một cái vỏ bọc mà thôi.

Đó là một phần trong căn bản ý thức của tôi. Chính trên căn bản ý thức này mà tôi không nhìn nổi tù nhục kia như là vấn đề tôn giáo với tôn giáo. Cũng như ngay cả với một tù nhục thống thiết hơn - cái tù nhục của những ngày sau 1954, theo chân những người lớn trong họ hàng đi tìm xác những người chú, người bác của tôi đã bị Việt Minh chôn sống trong khi tôi chưa biết Việt Minh là gì - ngay cả với cái tù nhục này, về sau, tôi cũng không nhìn nó như là vấn đề người Việt với người Việt. Bởi vì, giữa những con người Việt Nam đích thực, những con người không chỉ cùng một quốc tịch mà còn là cùng một màu da, một dòng máu, một ngôn ngữ, một lịch sử hay nói một cách cụ thể và thấm thiết hơn, cùng là đồng bào với nhau, tôi không bao giờ tin rằng, lại có thể đối xử với nhau như thế. Tất cả nỗi tù nhục này cũng như tất cả những đau thương vô hạn mà dân tộc ta đã chịu đựng, cũng như tất cả mọi cuộc chiến tranh đã diễn ra trên quê hương, tất cả đó, đối với tôi, phải được nhìn trên bình diện lịch sử. Đứng trên bình diện này mà nhìn, chúng ta sẽ thấy ra rằng, kẻ gây ra đau khổ hay kẻ chịu đựng đau khổ, tất cả đều là nạn nhân của lịch sử. Vấn đề do đó, **không phải là sự thay đổi sự ưu thế của tôn giáo này bằng một tôn giáo khác, không phải là thay đổi lãnh tụ này bằng một lãnh tụ khác vì nếu chỉ có như thế thì cũng không thay đổi được cái số phận nạn nhân này. Vấn đề thiết cốt là phải thay đổi lịch sử.** Tôi tin rằng, chỉ có một sự thay đổi như thế, dân tộc ta mới có thể thoát được những thảm họa điều linh như đã có từ trước tới nay. (Tôi sẽ nói rõ hơn điểm này ở sau). Nhưng để làm được một sự thay

đổi như thế - và đây là điều tôi muốn nói bằng vào những tội nhục kia - đó là chúng ta ngày nay **hãy dừng bao giờ ngang nhiên dẫm đạp lên và sống bằng cái đau thương của bất cứ ai, của bất cứ quần chúng tôn giáo nào cũng như của cả dân tộc**. Chính vì thế, một phần trong kết luận của bài báo nói trên, tôi đã viết: *“phải thấy rằng, cái chết của bất cứ một người dân nào - dù nhỏ bé đến đâu - tự bản chất cũng đều mang tất cả cái ý nghĩa đau khổ như cái chết của một bậc đế vương to lớn”*. Đây không phải chỉ là tư tưởng. Đây là tư tưởng đối chiếu với thực tại sống của con người. Và vì thế, nó thiết yếu phải trở thành thái độ sống của mỗi chúng ta đối với đồng bào và đồng loại và là thái độ cần thiết cho một sự thay đổi lịch sử. Trong khi lịch sử đã và đang nghiền nát dân tộc ta, trong khi chủ nghĩa Cộng Sản và chế độ Cộng Sản Việt Nam đã và đang chà đạp cả dân tộc ta dưới vũng lầy đau thương, lẽ đâu một thái độ như thế lại không cần được nói lên?

2) Bài báo của tôi hoàn toàn không có chủ ý nói về con người của Tổng thống Diệm để kết tội (hay bênh vực) ông ta cũng như hoàn toàn không có chủ ý làm công việc so sánh giữa ông Ngô Đình Diệm với ông Hồ Chí Minh hay với bất cứ một ai khác. Một cá nhân dù quan trọng thế nào và sự tôn thờ hay kết tội cá nhân đó dù được đặt ra trên căn bản nào, đối với tôi, cũng không phải là điều đáng nói trước những vấn đề bức bách cả một xứ sở điêu linh tan nát với cả một dân tộc lâm than đầy đọa. Chủ ý của tôi trong bài báo đã đăng, một mặt, nhằm góp phần soi sáng một số những xuyên tạc, ngộ nhận về Phật giáo Việt Nam (**có thể kể luôn cả những mạ lỵ, phi báng, chửi bới nó liên tục trong sáu năm qua ở hải ngoại mà tôi tự thấy, chúng hoàn toàn không xứng đáng để thiết lập một cuộc đối thoại, trao đổi**) để từ đó, nhằm phục sinh cái ý thức về vai trò và sứ mạng của người Phật tử cho công cuộc cấp cứu dân tộc ta hiện nay; mặt khác - và đây mới là chủ ý quan trọng nhất - nhằm góp phần cho một suy nghiệm đúng đắn và thấm thiết về lịch sử và thời đại của chúng ta.

Chính trong viễn tượng đó, vấn đề mà bài báo đặt ra không phải là con người, là công hay tội của Tổng thống Diệm so với ông này, ông khác. Vấn đề là **bản chất của chế độ Tổng thống Diệm trong liên hệ với bối cảnh lịch sử của thời đại, là những chủ trương, chính sách của Chính phủ ông Diệm trong liên hệ trực tiếp với quần chúng - ở đây là quần chúng Phật tử, và qua đó, trong liên hệ đến chính sinh mệnh của dân tộc**. Vấn đề đặt ra như thế sẽ soi sáng như thế nào cho một suy nghiệm lịch sử? Tôi xin được nói rõ

hơn điểm này.

Tất cả những máu xương và túi nhục của các thể hệ cha ông và của chúng ta ngày nay phải có giá trị như một đóng góp cho sự suy nghiệm cần thiết về lịch sử, nếu chúng ta không muốn nó trở thành vô nghĩa. Chính sự suy nghiệm này rồi sẽ cho chúng ta có được cái ý thức lịch sử, bao gồm cả ý thức về con đường phải đi tới của chúng ta. Lịch sử không phải là những tình cờ dầu cho chúng ta vẫn thường nói đến những tình cờ lịch sử. Lịch sử cũng không phải là một thứ Định Mệnh tiên thiên, vốn xuất phát từ những ảo tưởng bất thực trước sự bất lực tuyệt vọng của con người đối với số phận của chính mình và đồng bào, đồng loại. Lịch sử là của con người và do chính con người sáng tạo ra nó. Cái thời **vay mượn Thần Linh để giải thích lịch sử của các nhà tôn giáo học đã qua rồi**. Bởi vì, cuối cùng, thực tại lịch sử đã cho thấy, không phải là sự chiến thắng hay chiến bại của Thần Linh mà chính là sự chiến thắng hay chiến bại của con người, là sự thống trị hành hạ hay bao dung xây dựng của con người đối với chính con người. Có thể con người đã nhân danh Thần Linh để làm, ngay cả để giết nhau (như trong cuộc chiến tranh Do Thái và các nước Ả Rập ở Trung Đông, như cuộc Cách Mạng Hồi Giáo hiện nay ở Iran...) nhưng hậu quả thì vẫn là con người gánh chịu chứ chẳng phải một ông Thần Linh nào, (phải chăng là những kẻ lường gạt tinh minh như Fierbach, như Marx, Engels, như Lenin, Mao Trạch Đông... đã sớm thấy điều này trước hơn chúng ta và vì vậy, họ đã nắm giữ được một phần trong cuộc vận chuyển lịch sử của thời đại ngày nay?). Trên căn bản một ý thức lịch sử như thế, đối chiếu với những nước mắt và máu xương mà dân tộc ta đã đổ ra trong hơn thế kỷ vừa qua, chúng ta sẽ suy nghiệm như thế nào về lịch sử mà chúng ta đang ở trong đó? Sự xuất hiện và tồn tại trong 9 năm của chế độ Ngô Đình Diệm (cũng như của các chế độ đã có hay đang có) tự căn bản là như thế nào?

Câu hỏi trước hết đặt ra là: Lịch sử của chúng ta đã được vận chuyển như thế nào? Có thể nói ngay rằng, nó đã được vận chuyển trong lòng hai cuộc cách mạng: 1789 ở Pháp và 1917 ở Liên Xô. Và cả hai cuộc cách mạng này đều là con đẻ của tinh thần và văn minh Tây phương. Những nhà lập thuyết của cuộc cách mạng 1789 như Jean Jacques Rousseau, Montesquieu... khi khai sinh ra hai ý niệm tốt đẹp: Tự Do và Bình Đẳng thì sau đó, lịch sử Tây phương cũng đã khai sinh ra hai trận tuyến đối kháng với nhau: Tây phương Tư bản tôn thờ và dẫn dắt một khối người đi theo con đường Tự Do; Tây phương Cộng Sản tôn thờ và dẫn dắt một khối người đi theo con đường Bình

Đảng. Trong thực tại cuộc sống Tây phương, điều oái oăm mà chúng ta đã và đang chứng kiến là: đã Tự Do thì khó có thể Bình Đảng và ngược lại, đã Bình Đảng thì khó có thể có Tự Do. Sự đối kháng có tính cách quyết liệt là cái không thể không xảy ra. Nhưng điều oái oăm đó lại cộng thêm cả một sự nghiệt ngã: đó là cả hai khối đối nghịch này đều không có bản chất nhân bản và đều cùng mang chung bản chất thực dân đế quốc với sự hỗ trợ của những sức mạnh vật chất khoa học, kỹ thuật, **chính sự nghiệt ngã này mà hai trận tuyến của Tây phương đó đã cuốn hút toàn bộ nhân loại vào với nó và không chế lịch sử của hầu hết dân tộc trên thế giới.**

Việt Nam chúng ta đã không tránh được sự không chế này. Không phải chỉ là ngày nay. Cũng không phải là từ thời ông Diệm. Phải nói là kể từ khi tiếng súng đầu tiên của Liên Quân Pháp và Tây Ban Nha bắn vào cửa bể Đà Nẵng năm 1858 (nếu không nói xa hơn), lịch sử chúng ta đã bắt đầu cho một chu kỳ mới: **chu kỳ lệ thuộc vào sự không chế này của Tây phương.** Đó là chu kỳ kéo dài cho đến ngày nay mà chúng ta vẫn chưa tìm ra nẻo thoát. Bao thế hệ cha ông chúng ta đã vùng vẫy trong tuyệt vọng. Chính chúng ta ngày nay cũng đang quần quai trong sự không chế đó. Hãy điểm lại một số mốc thời gian sau 1858: Năm 1862 thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam phần. 1867, thực dân chiếm luôn cả Lục tỉnh. Rồi 1883, 1884, những hòa ước ra đời, chính thức hóa sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn cõi nước ta. Đến 1930, Đảng Cộng Sản Đông Dương chính thức hành động. Đến đây thì Việt Nam không chỉ nằm trong sự thống trị của thực dân Tư Bản Tây phương mà còn lại bắt đầu chịu thêm sự thống trị của Đế Quốc Cộng Sản Tây phương và cả hai đều ở trong thế cạnh tranh nhau: một bên thì tranh để giữ quyền thống trị và một bên thì tranh để dành quyền thống trị. Xứ sở bất hạnh của chúng ta đã là nơi tập trung của cả hai mâu thuẫn lớn nhất thời đại: chúng không chỉ lấy đất làm địa bàn mà còn lấy người Việt Nam làm phương tiện cho sự tranh giành cấu xé này. Cuộc chiến tranh 1946-1954 sau đó, dù được Cộng Sản khoác lên bộ áo giải thực, tự căn bản vẫn chỉ là cuộc chiến tranh giữa hai thế lực đối kháng này. Và hậu quả của nó là sự hình thành hai nước Việt Nam với mỗi thế lực không chế mỗi nước. Miền Bắc trong sự không chế của thế lực Cộng Sản, miền Nam trong sự không chế của thế lực thực dân với ít nhiều biến thái, thay đổi: Mỹ thay chân thực dân Pháp và ông Ngô Đình Diệm thay thế cho những lá bài của thực dân Pháp trước đây. Cuộc chiến tranh sau đó lại tiếp tục như một hậu thân của cuộc chiến tranh 46-54, nghĩa là tự căn bản,

vẫn chỉ là cuộc chiến tranh của hai thế lực đối kháng quốc tế này và cả hai đều lường gạt con người Việt Nam để dùng nó làm phương tiện và làm vật hy sinh. Cộng Sản dùng nó để chống lại thế lực thực dân cho Cộng Sản. Ngược lại, thực dân dùng nó để chống lại thế lực Cộng Sản cho thực dân. **Cả hai, bên này và bên kia đều không bao giờ đặt trên căn bản tinh thần và ý thức dân tộc.** Chính vì thế mà khi Mỹ bỏ Việt Nam thì cả guồng máy chống Cộng to lớn của nó cũng sụp đổ. Chính vì thế mà khi Cộng Sản chiếm miền Nam Việt Nam xong thì công khai đưa cả nước Việt Nam vào sự lệ thuộc Đế Quốc Liên Xô. Dân tộc Việt Nam không có thắng hay bại trong cả hai cuộc chiến tranh này. Dân tộc Việt Nam chỉ là những vật hy sinh. Nhưng cũng chính vì thế mà Cộng Sản ra sức tiêu diệt các lực lượng dân tộc, không phải chỉ sau 1975 mà ngay từ khi chúng chính thức xuất hiện, dù các lực lượng này cũng chống Thực Dân (nhưng không chống trong quan điểm của Cộng Sản Tây phương). Và cũng chính vì thế mà những chế độ chống Cộng ở miền Nam cũng ra sức tiêu diệt các lực lượng dân tộc dù các lực lượng này cũng chống Cộng Sản (nhưng không chống trong quan điểm chống cộng của Tây phương). Những chủ trương, chánh sách kỳ thị tôn giáo tiêu diệt đối lập chỉ là những biểu hiện đương nhiên của cái quan điểm chống thực dân hoặc chống Cộng Sản mà không đặt trên căn bản Dân Tộc này. Từ đó, mà ta hiểu được các lực lượng dân tộc đã phải vùng vẫy và đau thương đến thế nào trong sự khống chế này. Ngày nay thì sự đau thương đó đã lên đến cực điểm và Cộng Sản thì đã xuất hiện như một cao điểm cuối cùng của sự khống chế này. Sự chấm dứt nó, nếu xảy ra, do đó, **cũng chính là và phải chấm dứt cả một chu kỳ lịch sử lệ thuộc đã kéo dài trên thế kỷ nay, là sự cáo chung của những thế lực Thực dân Đế Quốc Tây phương đã khống chế lịch sử Việt Nam từ thế kỷ trước.** Chính vì đặt cái nhìn của mình trên một bình diện lịch sử như thế mà tôi tin rằng, điều mà chúng ta phải làm và có thể làm được là thay đổi lịch sử. Và như đã nói, đó mới là vấn đề thiết cốt. Nếu không làm được như thế - mà trước hết là không có được một ý thức như thế - thì dù Cộng Sản có sụp đổ chẳng nữa, lịch sử của chúng ta vẫn bị khống chế, vẫn ở trong chu kỳ lệ thuộc kéo dài và tình trạng chiến tranh, sự hoành hành của các thế lực thống trị và tay sai như đã có vẫn cứ còn có mà thôi. Đặt trong một cái nhìn như thế, trở lại với chế độ Ngô Đình Diệm, chúng ta sẽ hiểu bản chất của chế độ này (cũng như của các chế độ khác ở Việt Nam) là như thế nào, ta sẽ hiểu tại sao chế độ ông Diệm (cũng như các chế độ khác) lại ra sức tiêu diệt các lực

lượng dân tộc đối lập và tiến hành một chính sách phá hoại các tôn giáo ở Việt Nam. Cũng đặt trong một cái nhìn như thế, ta sẽ thấy, giòng vận động cách mạng của dân tộc ta, những vùng vẫy tuyệt vọng, những đau khổ và hy sinh của cha ông ta - trong đó có cuộc vận động cách mạng 1963 của Phật giáo (cổ nhiên là trừ những kẻ lợi dụng) - đã mang một ý nghĩa bi thiết như thế nào. Đàng khác, một sự phân tích về nó cũng sẽ góp phần soi sáng cho cái nhìn đặt trên bình diện lịch sử này của chúng ta. Và đó mới là cái chủ ý của tôi khi viết bài báo nói trên, chứ chẳng phải là đặt vấn đề tội (hay công) của ông Diệm so với tội (hay công) của một ông nào khác.

Tất cả những gì tôi đang viết ở đây chỉ là một sự xác định lại cho rõ hơn, những gì tôi đã viết trong bài báo kia mà thôi. Đọc kỹ bài báo, anh sẽ thấy rõ điều đó.

Điều đáng nói sau cùng là, anh và tôi, chúng ta có thực đang trao đổi nhau về một vấn đề trên cùng một bình diện?

Về những câu hỏi đặt ra của anh:

**Những câu hỏi đặt ra về ông Diệm và chế độ ông Diệm**

### **1. Sự độc tài của ông Diệm.**

Như đã nói, tôi không làm cái công việc so sánh sự độc tài của ông Ngô Đình Diệm với ông Hồ Chí Minh. Điều tôi muốn nói là, ông Diệm đã tiến hành một chính sách tiêu diệt các tôn giáo và đảng phái quốc gia đối lập. (Lịch sử của Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo, của Đại Việt, Quốc Dân Đảng và đương nhiên có cả của Phật giáo dưới thời ông Diệm không thiếu dữ kiện chứng minh cho điều này, không kể sự xác nhận của những nhà văn, nhà báo Việt Nam và ngoại quốc). Cũng như ông Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản của ông này đã tiến hành một chính sách thủ tiêu các nhân vật, tổ chức, tôn giáo, đảng phái quốc gia. (Lịch sử đã có và đang có cũng tràn ngập những dữ kiện chứng minh cho điều này). Còn mức độ tiêu diệt, kỹ thuật tiêu diệt của mỗi ông như thế nào lại là một vấn đề khác.

Nhưng tại sao họ - và nói riêng, ông Diệm-lại làm như thế? Tôi không thể tin rằng, con người Việt Nam Ngô Đình Diệm lại có thể làm cái chuyện tiêu diệt những đồng bào của mình. Tôi cũng không thể nghĩ rằng, con người chính trị Ngô Đình Diệm vì theo một đường lối “tùy cơ ứng biến” như anh nói mà làm việc này, bởi vì dầu có “tùy cơ ứng biến” cách nào thì một chế độ chính trị chân chính cũng không thể xây đắp sự tồn tại của mình bằng máu xương và nỗi đau khổ của đồng bào và đồng loại, trừ phi, đó là một chế độ chính trị phi dân tộc

và phi nhân bản thì không kể...

*“Ông Diệm là một trong những nhà độc tài ít độc tài nhất”.*

Trên cương vị của anh, một người không từng sống dưới chế độ ông Diệm, điều này có thể đúng. Trên cương vị của một số người Việt Nam khác, dù sống dưới chế độ ông Diệm nhưng không phải là nạn nhân của chế độ này mà còn ngược lại, điều này lại càng có thể đúng. (Và có thể nói như vậy cũng còn là quá nặng đối với ông Diệm!) nhưng rất tiếc, đó lại không phải là cương vị của tôi. Trên cương vị của tôi, cương vị của một người dân bình thường, sớm cảm nhận trong liên hệ máu xương với những tủi nhục đau thương diễn ra chung quanh nơi những đồng bào, anh em bè bạn và trong cái nhục nô lệ thống thiết chung của cả dân tộc trong một chu kỳ lịch sử trên trăm năm, tôi đã không thể nào có một ý nghĩ khác hơn như đã trình bày... Nhưng trong ý nghĩ đó, như anh đã thấy nếu anh đọc kỹ, tôi đã không “trút cả tội lỗi lên đầu của một người hay một gia đình”. Ông Diệm nói cho cùng, cũng chỉ là một nạn nhân của sự khống chế lịch sử - cũng như cả dân tộc ta đã là nạn nhân của sự khống chế lịch sử này. Chỉ khác là, **ông Diệm là một nạn nhân đã được một trong hai thế lực khống chế này sử dụng trong vai trò của một lá bài.**

## **2. Những câu hỏi liên hệ đến bản chất chế độ ông Diệm.**

Một câu hỏi được đặt ra một cách trực tiếp của anh: *“Tướng De Gaulle nhờ phe đồng minh yểm trợ nên mới có thể về giải phóng nước Pháp, có phải là một hành động nô lệ không?”* Nếu tôi không lầm, anh muốn dùng câu trả lời cho câu hỏi này để làm câu kết luận cho việc ông Ngô Đình Diệm về nước và xây dựng chế độ của ông?

Tôi không thấy có một sự tương tự nào ở đây.

Lý do trước hết là vai trò của nước Pháp - đầu là một nước Pháp đã thua trận và bị xâm chiếm bởi Đức Quốc Xã - hoàn toàn không giống với vai trò của nước Việt Nam. Trong cái thể đồng minh tạm bợ của hai thế lực Tư bản và Cộng Sản bấy giờ để chống lại đường lối Quốc Xã của Hitler, nước Pháp đã là một phần của thế lực Tư Bản.

Trong khi, Việt Nam, đầu có thất trận hay thắng trận gì đi nữa, trong bối cảnh của 1954, vẫn chỉ là một **nạn nhân của chính thế lực này** (và đương nhiên của cả thế lực kia). Sự giúp đỡ để hồi phục sức mạnh cho nước Pháp - nghĩa là cho chính thế lực Đồng Minh này, không thể có cùng ý nghĩa như là sự giúp đỡ cho một nạn nhân để tiếp tục nắm lấy sự khống chế lịch sử đối với nạn nhân này.

Hai nữa, ông Diệm đã **không có được cái vai trò chủ động**

như ông De Gaulle và Tổ chức Pháp Tự Do của ông này trong việc giải phóng đất nước. Ông De Gaulle đã chiến đấu trong hàng ngũ Đồng Minh của ông, đã tổ chức với sự hỗ trợ của quân đội Đồng Minh cho sự giải phóng nước Pháp. Trong khi đó, ông Diệm đã **không phải là một con người chiến đấu, không phải là một con người đã lãnh đạo và tổ chức cuộc chiến đấu giải phóng đất nước Việt Nam khỏi những kẻ thù đô hộ** bấy giờ. Ông Diệm đã được Mỹ đưa về tạm thời **sắp xếp bởi những thế lực Tây phương**; họ sắp xếp ngay cả chỗ ngồi của ông Diệm. *Vị trí của De Gaulle trong lòng dân tộc Pháp, vì thế, không giống vị trí của ông Diệm trong lòng dân tộc Việt Nam.* Câu trả lời cho câu hỏi của anh ở đây, do đó cũng không làm chuyển đổi gì được cho một đánh giá lịch sử, nếu cần có, về ông Diệm và chế độ của ông.

Một câu hỏi khác cũng được đặt ra một cách trực tiếp của anh: *“Tác giả Lê Quân nghĩ sao về số 200.000 lính Hoa Kỳ tại Cộng Hòa Liên Bang Đức để so sánh với số 18.000 cố vấn quân sự thời Ngô Đình Diệm? Đức có bị lệ thuộc hay nô lệ Hoa Kỳ không?”*

Số phận nước Đức bị chia đôi sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt không phải là một điều ngẫu nhiên, cũng không phải là ý muốn của dân tộc Đức. Hội nghị Yalta (từ ngày 3 đến ngày 11/2/1945) là Hội nghị đã trực tiếp quyết định cho số phận của nước Đức ngày nay. Ở Hội nghị này, dân tộc Đức trong tư thế bại trận của mình, đã không thể có được tiếng nói nào. Chính Mỹ, Anh, và bên kia là Liên Xô đã quyết định theo sự phân chia vùng ảnh hưởng của họ: Đông Đức nằm trong quỹ đạo của Cộng Sản Liên Xô và Tây Đức nằm trong quỹ đạo của Mỹ và Đồng Minh Tây phương. Sự hiện diện của 200.000 lính Hoa Kỳ tại Tây Đức dù được quan niệm như thế nào, cũng là một chứng tỏ sự lệ thuộc, xuất phát từ hậu quả của Hội nghị Yalta như đã nói.

Nhưng điều đáng nói hơn là, mặc dầu cùng trong một tình trạng đất nước bị phân chia như Việt Nam trước đây, lịch sử nước Đức, tương quan của nước Đức với các thế lực Tây phương (cả Tư Bản và Cộng Sản) và những lãnh tụ của Tây Đức sau này đã không giống với lịch sử nước ta, không giống với tương quan của nước ta với các thế lực Tây phương cũng như không giống với các lãnh tụ của Việt Nam... Chính vì thế mà mức độ và tính chất lệ thuộc của nó cũng khác.

Một trong những biểu hiện của cái khác đó là ở chính cái điều anh đưa ra: một bên là **200.000 lính**, còn một bên là **18.000 cố vấn**

**quân sự.** Phân biệt được “người lính” với “vị cố vấn”, tôi nghĩ là anh thấy ra được sự khác biệt này.

(Tôi nghĩ rằng, những nhà lãnh đạo và cả dân tộc Tây Đức ngày nay đã và đang cố gắng bằng những nỗ lực khôn khéo nhất để thoát hẳn sự lệ thuộc này và để giải phóng cho phần còn lại là Đông Đức đang bị khống chế bởi Liên Xô hầu mở đường cho một lịch sử mới của toàn thể dân tộc Đức. Còn chúng ta?)

Anh cũng đã đưa ra **một số chi tiết để nhằm chứng minh cho tính chất “độc lập” của ông Diệm và Chính phủ của ông đối với Mỹ.** Tôi thấy, dù xác thực chẳng nữa, cũng không đủ để chứng minh điều này, nhất là không đủ khi đặt nó bên cạnh những gì mà ông Diệm đã làm đối với các nhân vật, đảng phái chính trị quốc gia đối lập với ông (Đại Việt, Quốc Dân Đảng, nhóm Caravelle...) cũng như đối với các tôn giáo không phải là tôn giáo của ông (Cao Đài, Hòa Hảo, Phật Giáo...). Cái chính sách tiêu diệt các nhân vật, đảng phái và tôn giáo này, nếu chưa nói là cái chính sách tàn độc, thiếu lương tâm dân tộc trong việc xây đắp chế độ của ông thì, cũng cho thấy, cái **căn bản phi dân tộc trong việc chống Cộng của ông Diệm.** Đây là điều tôi đã phân tích trong bài báo trên, xin khỏi nhắc lại.

Mặt khác, khi anh lưu ý là không nên quên những chi tiết đó thì anh cũng không nên quên rằng, những chi tiết đó đã chỉ xảy ra trong những năm cuối cùng của chế độ ông Diệm - nghĩa là sau khi sự chống đối ông Diệm đã trở nên công khai và nhất là, đã trở thành một phong trào quần chúng trên khắp toàn quốc, và kéo theo nó, cả dư luận quốc tế, dư luận của công chúng Mỹ cũng bắt lợi cho sự duy trì của ông và chế độ của ông. Ít nhất sự chống đối của quần chúng Việt Nam và của công luận Mỹ này cũng góp phần cho cái quyết định của Chính phủ Kennedy lúc bấy giờ - quyết định thay thế ông Diệm bằng một con cờ khác khi thấy rằng con cờ cũ đã không còn lôi kéo và đánh lừa được dân chúng Việt Nam và công luận Mỹ. Ông Diệm, qua những bày tỏ công khai của các nhân vật trong chính quyền Mỹ - kể cả của Tổng thống Mỹ J.F. Kennedy, qua những cuộc thăm dò thái độ và ý nghĩ của các nhân vật thân cận như Linh mục Cao Văn Luận chẳng hạn (xin xem lại quyển *Bên Giòng Lịch Sử* của Linh mục Luận), chắc chắn biết rõ cái ý định loại bỏ ông của Chính phủ Mỹ. Do đó, ông Diệm, ông Nhu có tức giận Mỹ, chống đối Mỹ, có tìm cách cho lính giả làm Việt Cộng để mưu sát một số tùy viên quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam như anh nói thì cũng là điều dễ hiểu. Nó dễ hiểu như chuyện một thuộc hạ quay lại thù và chống ông chủ của mình khi

người thuộc hạ biết rằng, chính ông chủ đang tìm cách giết mình. Cuối cùng, ông Diệm đã chết - ông Diệm đã chết như một con cò trở thành nạn nhân của Mỹ chứ không phải là đã chết như một người con của dân tộc chết cho sự nghiệp dân tộc mình. Cái chết đó, đối với tôi, cũng mang tất cả cái tính chất của một thảm kịch chính trị tàn bạo trong nền chính trị cơ tâm của thế giới ngày nay.

Cũng như thế, cái chuyện mà anh nói: *“Vì bất đồng ý kiến với đường lối “xâm phạm vào nội bộ Việt Nam” nên chính ông Diệm và ông Nhu đã ngầm liên lạc với chính quyền Hà Nội (qua Đại sứ Ấn Độ tại Sài Gòn và Ủy Viên Ấn Độ trong ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến) để đi đến một cuộc ngưng bắn và thỏa hiệp”*, chúng ta nên hiểu như thế nào? Ngay trong câu của anh, tôi vừa trích lại đây cũng có thể cho thấy một phần, đâu là động cơ của cái việc ông Diệm và ông Nhu ngầm liên lạc với chính quyền Hà Nội. Hai ông đã làm như thế **không phải vì quyền lợi của dân tộc, không phải vì muốn chấm dứt cuộc chiến tranh gây khổ đau cho dân tộc** mà chỉ vì - như anh nói - *“bất đồng ý kiến với đường lối “xâm phạm vào nội bộ Việt Nam” của Mỹ”*. Có hai điều đáng nói ở đây: Một, đường lối “xâm phạm vào nội bộ Việt Nam” của Mỹ **đã có từ lâu**, ít nhất là từ 1954. Điều này, trên cương vị của mình, ông Diệm phải biết rõ hơn ai hết. Nhưng **tại sao đến lúc này hai ông mới bất đồng ý kiến** với nó? Không thể có câu trả lời nào khác là, bởi vì đường lối đó cho đến lúc này đang đe dọa đến cái ghế Tổng thống của ông Diệm và sự sống còn của chế độ này. Thế thì, nói một cách rõ ràng hơn, ông Diệm, ông Nhu đã hành động như thế chỉ vì quyền lợi của hai ông mà thôi. Hai, đã “đồng minh” với Mỹ để chống lại kẻ thù là chính quyền Cộng Sản Hà Nội, đến khi thấy “người bạn đồng minh” này không tốt với mình lại **quay mặt tìm cách bắt tay, thỏa hiệp với kẻ thù, hành động đó của ông Diệm rõ ràng là một hành động phản bội đồng minh** và quan trọng hơn, nếu ông Diệm xem đường lối chống Cộng của mình là đúng, Hiến pháp Đệ Nhất Cộng Hòa là phù hợp với quyền lợi của dân tộc thì hành động này của ông Diệm cũng còn là một **phản bội với dân tộc**. Và phản bội chỉ vì quyền lợi của cá nhân và gia đình mình mà thôi. Đau đớn cho dân tộc và cho những người đã tin vào cái lý tưởng chống Cộng của ông Diệm biết bao!

### **Những câu hỏi liên quan đến tình trạng tôn giáo dưới chế độ Tổng thống Diệm**

1. Anh nói: *“Chúng tôi chưa thấy khi nào Chính phủ Ngô Đình*

*Diệm tuyên bố (qua các sắc lệnh hay đạo dụ) coi Công Giáo (chứ không phải Thiên Chúa giáo) như một Quốc giáo”.*

Trước hết, xin có cái chuyện chính danh, bởi vì, nếu không thì thật khó để tôi có thể trao đổi với anh về điều này. Tôi thật ngạc nhiên khi thấy anh xác định Công giáo chứ không phải Thiên Chúa giáo. Bởi vì, trong sách vở của các sử gia, học giả và ngay cả của các nhà cách mạng lớn của dân tộc, tôi đã không thấy ai dùng chữ Công giáo hoặc xác định Công giáo không phải là Thiên Chúa giáo như anh. Xin đưa ra một vài dẫn chứng tiêu biểu:

\* Cuốn “*Lịch Sử Đạo Thiên Chúa ở Việt Nam*” có lời đề tựa của Đức Khâm Mạng Frant Drapier do nhà Đại Việt Thiện Bản xuất bản tại Huế năm 1944 chỉ dùng chữ Đạo Thiên Chúa, Thiên Chúa giáo, Đạo Gia Tô. Không có chữ Công giáo.

\* Cuốn “*Việt Nam Vong Quốc Sử*” của Cụ Phan Bội Châu và bài Cụ kêu gọi Giáo dân nên trở về với đồng bào ruột thịt để đánh Tây chỉ dùng chữ Đạo Gia Tô hay Thiên Chúa Giáo, không có một chữ Công Giáo nào.

\* Cuốn “*Chu Tri Lục*” của nhà Cách mạng Lý Đông A lại chỉ dùng chữ Gia Tô giáo mà thôi, cũng không có chữ Công giáo.

\* Cuốn “*Việt Nam Sử Lược*” của Cụ Trần Trọng Kim, cuốn “*Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*” của Đào Duy Anh đều chỉ dùng chữ Thiên Chúa giáo, Ki Tô giáo hay Cơ Đốc giáo, không có chỗ nào dùng chữ Công giáo.

\* Ngay dưới chế độ ông Diệm, nhiều sử sách cũng chỉ dùng chữ Thiên Chúa giáo hay Đạo Gia Tô, không dùng chữ Công giáo nào như cuốn “*Việt Sử Toàn Thư*” của Phạm Văn Sơn xuất bản tại Sài Gòn năm 1960, cuốn “*Việt Nam Pháp Thuộc Sử*” của Phan Khoang do nhà Khai Trí xuất bản năm 1961.

\* Sau này, cuốn “*Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam 1771-1802*” của giáo sư Tạ Chí Đại Trường xuất bản năm 1973 nói rất nhiều đến việc các giáo sĩ Tây phương giúp Gia Long đánh Nguyễn Huệ và việc giáo sĩ Pigneau de Béhaine dạy cho Hoàng tử Cảnh những hành động bất hảo đối với Phật giáo cũng không có một chữ Công giáo nào, chỉ dùng chữ Thiên Chúa giáo hay Gia Tô giáo.

Vậy thì, để chính danh - nhất là chính danh trong truyền thống sử dụng ngôn ngữ mà lịch sử đã có - chúng ta nên dùng chữ Công giáo hay Thiên Chúa giáo, nếu hai chữ này đều chỉ cùng một tôn giáo? Hoặc giả, nếu hai chữ này chỉ cho hai tôn giáo khác nhau thì lịch sử xuất hiện và phát triển của Đạo Công giáo (chứ không phải

Thiên Chúa giáo) ở Việt Nam và ở trên thế giới là như thế nào? là Catholicisme hay Religion officielle? Và nếu quả có một tôn giáo như thế (không phải là Thiên Chúa giáo - Catholicisme) thì đó không phải là tôn giáo mà tôi đề cập đến trong bài báo đã đăng cũng như ở đây.

(Theo tôi biết, dưới thời Tổng thống Diệm, chữ *Công giáo* được dùng khá phổ biến trong chính quyền và trong giáo dân Thiên Chúa giáo nhưng không phải là dùng để chỉ cho một tôn giáo nào khác với Thiên Chúa giáo mà lịch sử của nó đã có ở Việt Nam hàng mấy trăm năm nay và nằm trong hệ thống toàn cầu của tổ chức Tòa Thánh Vatican. Chữ này đã được dùng dưới thời ông Diệm để dịch chữ Catholicisme trong tiếng Pháp, dù là gần với ý nghĩa của nó trong nguyên ngữ, nhưng mặt khác còn với một dụng ý khá rõ rệt (dù không được xác định bằng văn kiện nào): đây là tôn giáo công, tôn giáo của chính quyền, của quốc gia (theo ý nghĩa của từ Hán Việt) và như thế, một cách mặc nhiên, để phân biệt với các tôn giáo khác như là những tôn giáo tư, tôn giáo không phải của chính quyền, của quốc gia. Một số cuốn sách, tiểu thuyết sau đó, trong tình trạng phổ biến của chữ Công giáo lúc bấy giờ cũng đã dùng chữ này vì nó trở nên quen thuộc và vì nó ngắn gọn hơn các chữ khác).

Trở lại vấn đề, tôi cũng thấy như anh là chưa khi nào Chính phủ Ngô Đình Diệm tuyên bố (qua sắc lệnh hay đạo dụ) coi Thiên Chúa giáo (hay Công giáo, nếu anh chỉ muốn dùng chữ này) là quốc giáo. Điều này dễ hiểu. Ông Diệm, dù thế nào chăng nữa chắc chắn cũng phải có một sự khôn ngoan chính trị và một sự hiểu biết tối thiểu về dân tộc và xã hội Việt Nam. Chỉ cần một sự khôn ngoan và hiểu biết tối thiểu như thế là cũng đủ để không cho phép ông Diệm làm điều này bởi vì, nó sẽ là một sự áp đặt lộ liễu, trắng trợn và hoàn toàn không có một chút khôn ngoan chính trị nào trên một dân tộc mà số lượng giáo dân Thiên Chúa giáo đã và chỉ là thiểu số. Anh cũng nên biết thêm rằng, tình trạng pháp lý của Giáo Hội Thiên Chúa giáo Việt Nam dưới thời ông Diệm là một tình trạng thả lỏng, vì không có một văn kiện nào ấn định. Trong khi các tôn giáo khác có căn bản pháp lý của nó là đạo dụ số 10 từ chế độ thực dân Pháp để lại, liệt các tôn giáo này như tất cả các hiệp hội thường với những điều kiện hết sức khắc nghiệt thì giáo hội Thiên Chúa giáo lại không có một văn kiện nào khác làm căn bản, mặc dù điều 44 của đạo dụ nói trên ghi rằng sẽ có “chế độ đặc biệt cho các Hội Truyền Giáo Thiên Chúa và Gia Tô”. Nhưng một chế độ đặc biệt như thế lại chưa bao giờ được ban hành. Và như thế, căn bản pháp lý của Giáo Hội này không có. Tại sao? Chỉ

có hai lý do để giải thích: Hoặc thả lỏng như thế để chính quyền dễ dàng bóp nghẹt khi cần; Hoặc thả lỏng như thế để tôn giáo này muốn làm như thế nào cũng được. Thực tế dưới thời ông Diệm đã cho thấy lý do nào là đúng.

Thực tế đó, với những dữ kiện mà tôi đã đưa ra trong một mục nhỏ ở bài báo đã đăng trong Khai Phóng số 3 trang 46, 47, 48: “*sự khuyhnh loát chế ngự gần như toàn bộ đời sống tinh thần, văn hóa, chính trị, xã hội của quốc gia của Thiên Chúa giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm*”, tôi nghĩ là đủ để cho chúng ta kết luận như thế nào, xin được miễn nói lại hay nói thêm, dù tôi hiện đang có những dữ kiện khác.

2. Anh nói rằng: “*không biết Chính phủ ông Ngô Đình Diệm có ra một sắc lệnh nào bảo rằng đạo dụ số 10 của Cựu Quốc trưởng Bảo Đại có hiệu lực*”. Tôi chưa thấy có một sắc lệnh nào như thế nhưng tôi cũng chưa thấy có một sắc lệnh nào bảo rằng đạo dụ số 10 là không còn hiệu lực. Một đạo dụ được ban hành và khi không có một văn kiện hành chánh nào khác hủy bỏ nó đi thì hiệu lực của đạo dụ đó có còn hay không? Một hiểu biết sơ đẳng về nền hành chánh của quốc gia cũng có thể cho ta thấy được. Nhưng đây chỉ mới là lý luận. Quan trọng của vấn đề vẫn là ở thực tế. Thực tế đó là, Phật giáo đã công khai đặt vấn đề này với Chính phủ Ngô Đình Diệm, đã nêu nó lên như một nguyện vọng của Phật giáo đồ Việt Nam trong bản Tuyên Ngôn mở đầu cho cuộc tranh đấu năm 1963 và đã không được thỏa mãn. Thực tế đó cũng là, trong tất cả các văn kiện, nghị định cho phép Phật giáo lập Hội từ chế độ Ngô Đình Diệm đến cả sau 1963 của Chính phủ đều có ghi rõ: “*chiếu dụ số 10 ngày 6-8-1950 sửa đổi bởi dụ số 24 ngày 19-1-1952 và dụ số 7 ngày 3-4-1954 ấn định quy chế các Hiệp hội*”. Thực tế đó cũng còn là, mãi đến thời tướng Nguyễn Khánh mới có một Sắc Luật ký ngày 14-5-1964, trong đó, điều 5 ghi rằng: “*Dụ số 10 ngày 6-8-1950 cùng các luật lệ trái với sắc luật này, không áp dụng đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*”.

Cho nên, nếu “*điều chắc chắn là trong Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa xem tất cả các tôn giáo tại Việt Nam đều có quyền và bổn phận như nhau*” thì cũng là chắc chắn khác, đạo dụ 10 là căn bản pháp lý cho Phật giáo và các tôn giáo khác (trừ Thiên Chúa giáo) ở Việt Nam từ ngày 6-8-1950 đến ngày 14-5-1964.

3. Về những đối xử có tính cách kỳ thị tôn giáo dưới chế độ ông Diệm, tôi cũng muốn tin rằng, đó chỉ là những lạm dụng quyền hành ở cấp dưới. Nhưng lòng muốn tin mà vẫn không tin được vì sự

đổi xử kỳ thị đó đã xuất phát, không chỉ ở cấp dưới, mà còn xuất phát từ Tổng thống phủ và từ những kẻ nắm quyền thực sự trong chế độ Tổng thống Ngô Đình Diệm ở Trung Ương cũng như ở địa phương. Việc cấm treo cờ Phật giáo năm 1963 đầu phải là do một chỉ thị nào ở cấp dưới. Chỉ thị đó đã xuất phát từ Tổng thống phủ đến vị Đại biểu Chính phủ rồi đến Tỉnh trưởng! Việc duy trì đạo dụ số 10, cấp dưới dù có lạm dụng quyền hành cách mấy, cũng không thể có cái quyền đó. Việc tổ chức có tính cách quốc gia hóa một số ngày lễ của tín đồ Thiên Chúa giáo cũng đầu phải chỉ cục bộ trong một số địa phương? Để làm một so sánh với sự kỳ thị này, anh đưa ra trường hợp: *“sau khi đã hạ bệ được Diệm, Nhu, Cần, phe Phật giáo đã lần lượt đốt phá một số nhà người Công giáo công chức (của chế độ Diệm-Nhu) tính từ Huế trở vô đến Nha Trang. Lúc ấy, tôi có cảm tưởng là phe Phật giáo làm một công việc như Thập Tự Quân (thời Trung Cổ) đi đánh người Á Rập vậy! Các làng đông người Công giáo, nhất là ở Đà Nẵng (Nội Hà, Chính Trạch, Thanh Bô, Đức Lợi), Quảng Ngãi, Quy Nhơn, và Tuy Hòa... bị bao vây và khủng bố (với sự đồng lõa của ông Nguyễn Chánh Thi)”*.

Tôi có thể khẳng định ngay rằng, đây là một sự vụ không và là **một sự vụ không có ác ý, nhằm đào sâu hố chia rẽ giữa Phật giáo với Thiên Chúa giáo**. Anh có thực hiểu rõ và có đủ bằng chứng xác thực khi nói lên điều này không? Anh có biết rõ rằng, ai và động cơ nào đã gây ra những vụ trên, ngay cả vụ 1966 ở giữa thủ đô Sài Gòn? Và họ gây ra với mục đích gì không? Anh có biết rõ trong tổ chức Phật giáo, trên căn bản tinh thần của một nền giáo lý tôn trọng tự do con người, các nhà lãnh đạo Phật giáo không bao giờ có cái quyền ra lệnh cho quần chúng Phật tử không? Họ chỉ duy nhất có một cái quyền là kêu gọi. Và họ đã kêu gọi quần chúng Phật tử như thế nào trong những ngày sau 1-11-1963 và trong vụ 1966, anh có biết? Nếu anh biết tất cả những điều đó, tôi tin rằng anh đã không viết như thế. Xin anh đọc lại bài *“Thêm một nạn nhân của nạn lạm quyền ở trại Songkhla”* trong Khai Phóng số 4 trang 33, 34 để biết đầu là sự thực của một trong những điều anh nói ở trên. Cũng xin đọc lại quyển *Bên Giòng Lịch Sử* của Linh mục Cao Văn Luận để biết vị Linh mục này đã nói gì về tình trạng giữa Phật giáo với Thiên Chúa giáo trong những ngày sau khi ông Diệm bị lật đổ. Không những là không có một sự trả thù nào mà ngay cả cái thái độ kỳ thị cũng đã không có. Bởi vì nếu có thì đã không có cái việc sinh viên Đại học Huế (mà tôi có thể khẳng định rằng hầu hết là Phật tử) đón mừng với tất cả tình

cảm tốt đẹp một vị tu sĩ Thiên Chúa giáo trở lại làm Viện trưởng Viện Đại Học Huế ngay sau biến cố 1-11-63. Ít nhất, sự kiện này cũng cho thấy rằng, Phật giáo - và ngay cả trong quần chúng Phật tử đấu tranh chống chế độ ông Diệm, đã không hề mang mặc cảm, thành kiến với những người Thiên Chúa giáo, đã không hề đặt vấn đề Phật giáo với Thiên Chúa giáo, mà chỉ đặt vấn đề về chính sách kỳ thị tôn giáo đối với người lãnh đạo quốc gia mà thôi.

Hẳn nhiên, sự sụp đổ của một chế độ không thể không gây ra những phản ứng tình cảm tự phát của quần chúng - những phản ứng nhiều khi quá đáng và không nên có, nhất là đối với những người nắm quyền đã một thời gây đau thương cho họ. Nhưng phản ứng tình cảm tự phát của quần chúng thì tuyệt đối không phải là một hành động có tổ chức, có chủ trương hay là do “những lạm quyền ở cấp dưới”.

(Ở đây, tôi xin mở ngoặc để nói đến một sự lầm lẫn mà đáng ra, anh đã không nên có khi anh viết rằng, tôi “*chỉ căn cứ vào một số sách vở người ngoại quốc viết...*”. Bài báo còn đó, anh có thể **đọc lại** và **đọc hết** để biết điều anh nói là đúng hay sai. Nhưng điều đáng nói chưa phải là chỉ căn cứ vào sách vở của người ngoại quốc hay là có cả và có nhiều sách vở của người Việt Nam hay là cả chính những tài liệu từ trong cuộc. Điều đáng nói là tất cả những dẫn chứng, tài liệu đó, tôi đã ghi nhận không phải với tư cách của một người không biết gì về những thực tế chúng nói đến mà là **của một người đã từng nghe, từng biết, từng sống với những thực tế** mà chúng nói đến đó. Tiếc thay đó lại là các thực tế mà “*anh đã không phải sống*” vậy thì tôi còn biết nói sao bây giờ, ngoài việc xin ở anh một sự thận trọng tôi thiếu đối với tất cả những gì anh viết!

4. Anh nói rằng: “*Phong trào chống đối chưa phải tiên thiên là một cuộc cách mạng hay cuộc vận động cách mạng, nhất là khi chống đối vì “tôn giáo bị đàn áp”*”. Anh hiểu thế nào là cách mạng? thế nào là vận động cách mạng? Ở đây, tôi chưa muốn tranh luận với anh về vấn đề danh từ. Ở đây tôi chỉ xin lưu ý anh rằng, không phải chỉ có cách mạng của người Cộng Sản hay cách mạng trong truyền thống lịch sử của các xã hội Tây phương. Lịch sử Việt Nam có truyền thống cách mạng của chính nó và là người Việt Nam, chúng ta phải ý thức thấm thiết với truyền thống cách mạng này. Phật giáo cũng có truyền thống cách mạng với tinh thần đặc biệt của nó, khác với cái tinh thần của những tôn giáo khác. Không nên lấy Cách Mạng 1789 ở Pháp hay 1917 của Liên Xô làm khuôn mẫu và tiêu chuẩn đánh giá cho cuộc cách mạng của dân tộc ta hay của Phật giáo hay của bất cứ một tôn

giáo nào.

Vậy thì truyền thống cách mạng của lịch sử Việt Nam là gì? đó chính là truyền thống xây dựng ý thức độc lập, tự chủ của dân tộc trước những thế lực xâm lăng, đô hộ của ngoại bang và tay sai. Đó chính là truyền thống đánh đuổi các thế lực xâm lăng, đô hộ này ngay từ thời lập quốc cho đến mãi bây giờ, từ thế lực xâm lăng và đô hộ của Tàu, đến thế lực xâm lăng và đô hộ của Thực dân Pháp và đến ngày nay, thế lực xâm lăng và đô hộ của Đế Quốc Cộng Sản Liên Xô. Đó chính là truyền thống xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự chủ, nằm ngoài sự khống chế của các thế lực này. Phải hiểu như thế thì chúng ta mới hiểu được ý nghĩa và giá trị của những hy sinh của tiền nhân trong suốt mấy ngàn năm, mới thấy được chúng ta có hay không một sự liên hệ máu xương với quá khứ và mới biết được rằng, đâu là chỗ đứng và là công việc phải làm của chúng ta ngày nay trên tư cách những người con của dân tộc. Cũng phải hiểu như thế thì anh mới thấy rằng, tại sao tôi đã gọi cuộc vận động năm 1963 của Phật giáo là một cuộc vận động cách mạng. Tôi xin được nói rõ điểm này.

Trong 5 nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam được ghi ở trong bản Tuyên Ngôn mở đầu cho cuộc vận động 1963, sau đó được giải thích thêm ở Bản Phụ Đính, nguyện vọng có thể nói quan trọng nhất và căn bản nhất là nguyện vọng thứ hai: **chấm dứt sự ràng buộc các tôn giáo và đạo dụ số 10**, hay nói cách khác, hủy bỏ đạo dụ này. Tại sao nó là nguyện vọng quan trọng và căn bản? Thứ nhất, vì đạo dụ số 10 là một văn kiện pháp lý chứa đựng những bất công thiên vị và là một trong những căn bản của tình trạng kỳ thị tôn giáo. Thứ hai, và đây mới là lý do quan trọng vì nó giải thích cho cái lý do thứ nhất ở trên - **Nó là một đạo dụ của chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam**. Cuộc vận động hủy bỏ nó, do thế, phải được quan niệm như là một cuộc vận động tiếp nối giòng cách mạng chống thực dân Pháp của dân tộc ta và Phật giáo Việt Nam đã bắt đầu từ cả 100 năm trước đó - dẫu là ở đây, nó không trực diện đấu tranh với thực dân Pháp mà chỉ là để chấm dứt sự tiếp nối chế độ thực dân này ít ra là trên phương diện tôn giáo.

Mặt khác, nếu quan niệm “công bằng xã hội” là một lý tưởng cao đẹp và cần thiết thì tại sao, ta không có thể gọi, cuộc vận động cho việc thực hiện lý tưởng này trong một xã hội đầy rẫy bất công và kỳ thị là một cuộc vận động cách mạng?

Chính trên cả hai quan điểm lịch sử và xã hội như thế mà tôi đã gọi cuộc vận động 1963 của Phật giáo là một cuộc vận động cách

mạng.

Còn tinh thần Phật giáo đã được biểu hiện như thế nào trong cuộc vận động cách mạng này? Điều mà bất cứ ai đã từng sống ở thời kỳ này cũng thấy là, Phật giáo đã-không-có-như-đã-không-bao-giờ-có những đội quân như “Thập Tự Quân” (thời Trung Cổ) đi đánh người Á Rập. Phật giáo đã chỉ vận dụng tinh thần và phương pháp bất bạo động. Và đâu có phải vì vận dụng tinh thần và phương pháp bất bạo động mà nó lại không có tính chất cách mạng?

Anh đòi hỏi tôi đưa ra một vài con số về tín đồ Phật giáo ủng hộ và xuống đường trong khoảng trước 1-11-63 và tỷ số Phật giáo. Làm sao tôi có thể đưa ra một con số xác thực khi mà hầu hết ở các tỉnh thị miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ đều tràn ngập những cuộc xuống đường, những cuộc đình công bãi thị và những cuộc bãi khóa của sinh viên, học sinh. Hình ảnh của nó còn đó cũng như hình ảnh biểu hiện nổi vui mừng của dân chúng Việt Nam trong ngày 1-11-63 còn đó. Tôi lại vẫn chỉ tiếc là “*anh đã không phải sống*” trong những ngày tháng này ở Việt Nam để biết một cách cụ thể, cuộc vận động này có hợp lòng dân và có được số đông quần chúng ủng hộ hay không.

Còn tỷ số Phật giáo? nhiều người-kể cả những người Thiên Chúa giáo-đã nói đến tỷ số 80% dân chúng Việt Nam là Phật giáo. Cá nhân tôi, tôi không tự hào gì về con số 80% này cả.

Anh cũng còn đặt một câu hỏi: “*Thế thì tại sao Phật giáo đã không đủ sức để vận động đưa “cách mạng đến thành công” nhất là dưới tráo Phan Khắc Sửu? Vì lúc đó Giáo hội “Thiên Chúa giáo” đã bị lép vế kia mà?*”

Đào chánh thì dễ, cách mạng mới là chuyện khó khăn hơn nhiều. Đúng là Phật giáo đã không đủ sức để vận động “đưa cách mạng đến thành công” kể từ sau 1963 đến nay. Không đủ sức vì bản thân của tổ chức Phật giáo vốn lỏng lẻo, vốn không có một nền tảng về khoa học, kỹ thuật tổ chức và vì vậy, tự thân nó có những vấn đề mà nó chưa giải quyết được. Nhưng lý do quan trọng hơn nữa là vì sự không chế của các thế lực ngoại bang và tay sai trên đất nước ta trong chu kỳ lệ thuộc này của lịch sử.

Có một điều cần phải nói trong câu hỏi của anh trên đây. Đó là cái căn bản ý thức sai lầm và tác hại mà anh đã có khi đặt câu hỏi trên. Tại sao lại “*vì lúc đó Giáo Hội Thiên Chúa giáo đã bị lép vế kia mà!*” Phật giáo đã có bao giờ sống trên sự “lép vế” của những tôn giáo khác đâu. Đạp kẻ khác xuống cho mình đi lên, xây dựng sự nghiệp của mình trên những đau thương, tủi nhục của kẻ khác, cầu cho kẻ khác

yếu đi, chết đi để cho mình được mạnh, được sống, anh có biết, chính cái ý thức đó đã làm tan nát dân tộc ta? Ngày nay, mà chúng ta vẫn còn mang cái ý thức và cung cách suy nghĩ đó thì biết đến bao giờ, nước mới được cứu, dân mới được yên?

Một câu hỏi khác nữa của anh: *“chúng ta nghĩ sao về thái độ của một thầy Thích Trí Quang xin tị nạn vào Tòa Đại Sứ Mỹ?”*. Tôi thấy không có gì phải nghĩ về thái độ này. Trong cuộc hành quân tấn công tàn bạo vào các chùa trên khắp toàn quốc đêm 20-8-1963 - thành tích lớn nhất và đáng ghê tởm nhất của ông Diệm trong việc triệt hạ Phật giáo - và trong cuộc truy lùng để bắt giam các tu sĩ Phật giáo vào những ngày sau đó, không lẽ điều đáng làm, nên làm của một thầy Thích Trí Quang (hay của bất cứ một ai khác) là tự nộp mình cho ông Diệm?

Anh ngày nay đang tị nạn ở đất Pháp (?) Tôi không tin rằng, vì tị nạn như thế mà anh lại tự nhiên trở thành tay sai của Pháp. Đúng hay chẳng?

## KẾT LUẬN

Để kết thúc, tôi muốn ghi lại đây hai hình ảnh mà đối với tôi, đã rục rờ như hai biểu tượng cao cả của nhân tính: Một vị tu sĩ Thiên Chúa giáo đã từ bỏ tất cả mọi chức quyền cao sang để được sống lặng lẽ cùng với những con người đau khổ nhất trần gian tại một trại cùi ở Di Linh và đã chết trong tấm lòng yêu thương và ngưỡng mộ sâu xa của những con người đau khổ đó. Một hình ảnh khác mà tôi đã được biết ngay khi đang còn ở trại tị nạn Pulau Bidong, Linh mục Joe Devlin, người đã âm thầm sống cuộc đời của một kẻ “chấn chiến” giữa những vùng đất nghèo khó ở miền Nam Việt Nam trước 75; và sau 75 đã tự nguyện tìm tới sống với những người dân tị nạn ở trại Songkhla, Thái Lan để như một nguồn an ủi, vỗ về và như một niềm tin cho những người dân tị nạn ở đây. Đích thực, đó là những con người đã mang Thông điệp của Chúa đến cho những con người đau khổ ở Việt Nam. Đích thực, đối với tôi, đó là những vị Bồ Tát đã hiện hữu giữa cõi đời này.

Trong bầu trời đen tối của quê hương hiện nay, trước những tiếng kêu thống thiết đang từng ngày từng giờ vọng lên, những vị Bồ Tát như thế đã dạy cho chúng ta một bài học khẩn thiết: **Hãy sống cho những con người đang đau khổ**. Đây thực là bài-học-căn-bản-của-những-bài-học-căn-bản. Chính bài học này mới hóa giải được hết mọi bất đồng tư tưởng, mới cho ta vượt qua mọi ám ảnh của quá khứ

và những ảo tưởng về tương lai bất thực. Cũng chính trong tinh thần của bài học này mà tôi xin chấm dứt bài viết ở đây và sẽ không thêm một lần nào nữa, trở lại vấn đề này trên mặt báo. Bởi vì, điều đáng nói trước hết và trên hết của mọi điều đáng nói, dù sao cũng không phải là quá khứ, cũng không phải là tương lai mà chính là cái hiện tại đang tràn ngập những đau khổ.

**Chúng ta có thực đang sống cho những con người đang đau khổ?**

**Lê Quân - Los Angeles**

Bài PHÁT BIỂU của **Định Nguyên** TRONG BUỔI  
RA MẮT SÁCH “**HUẾ OI! OAN NGHIỆT**”  
CỦA **BẢO QUỐC KIỂM**  
TẠI SAN JOSE, CALIFORNIA NGÀY 31-10-2010

Kính thưa quý vị

Tôi là Nguyễn Hữu Đĩnh, bút hiệu Định Nguyên, cựu Đại úy CSQG, sau 1975 bị VC cầm tù gần 9 năm, qua Mỹ đợt HO2, là cư dân Elk Grove, hiện đang làm việc tại Sacramento County, Thủ phủ California.

Xin hân hạnh kính chào tất cả quý vị.

Riêng kính chào huynh trưởng Lê Xuân Nhận, Phụ tá Đặc Biệt BCH/CSQG (Trưởng E) Khu I.

Tôi đến đây, cùng quý vị dự lễ ra mắt sách “*Huế Oi! Oan Nghiệt*” của tác giả Bảo Quốc Kiểm (BQK). Theo sự sắp xếp của Ban Tổ Chức, giờ đến phiên tôi phát biểu. Phát biểu của tôi gồm hai phần:

(1) Phần một tôi sẽ nói về một trận chiến mà tôi gọi là “Trận Chiến Biển Động Miền Trung”, do quyển sách *Biển Động Miền Trung* (BĐMT) của ông Liên Thành, cựu Thiếu tá Trưởng Ty/CSQG Thừa thiên-Huế gây ra.

(2) Phần hai tôi sẽ giới thiệu sơ lược về tác phẩm “*Huế Oi! Oan Nghiệt*” của ông Bảo Quốc Kiểm.

Cách đây hơn hai năm, chúng tôi được một cô giáo cũ cho mượn cuốn BĐMT. Là dân Huế, hơn nữa ít nhiều là người trong cuộc trong thời gian sôi động ấy nên tôi hăm hở đọc liền. Nhưng sau khi đọc được vài chương, tôi cảm thấy bất mãn và thất vọng. Tôi nói với vợ tôi rằng: “*Không được em ơi, cuốn sách này hoàn toàn không khách quan, nó có mục đích xuyên tạc phong trào đấu tranh Phật giáo (PG) tại Huế. Ông TL viết vừa với giọng điệu ba hoa vừa hãnh học cáo buộc, nó có vẻ như một bản cáo trạng hơn là một biên khảo lịch sử. Cuốn sách này có thể là một tai họa cho sinh hoạt cộng đồng của người Việt tỵ nạn trong những ngày sắp tới.*”

Không như những tác phẩm khác, khi mới trình làng, BĐMT đã tạo nên một làn sóng bênh, chống rất ồn ào. Lý do: ông LT viết lại biến cố biển động miền Trung một cách chủ quan, cường điệu và thiên lệch nên đã gây phản kích cho một số người, trong khi ấy, lại

gây bất mãn cho một số người khác.

Cuốn BĐMT đã đánh trúng “bản năng chống cộng” của một số người không nhò tại hải ngoại. BĐMT khơi phát được tâm lý của những người chống cộng theo cảm tính, nghe cộng là chống không cần biết chống như thế có lợi hay có hại cho đại cuộc. Bên cạnh đó, BĐMT đã “gãi đúng chỗ ngứa” của những người **Cần lao Thiên Chúa giáo** (CLTCG) quá khích cũ. Ông LT đi đến chỗ nào ra mắt sách **cũng được hai thành phần này ủng hộ hết mình**. Ngoài chính trị, BĐMT của ông LT còn đụng mạnh đến tôn giáo, nói rõ hơn ông **chống báng và bôi bác Phật giáo Việt Nam**. Đó là lý do, BĐMT đã gặp phải sự chống đối, tuy không ồn ào nhưng quyết liệt của giới Phật tử cũng như những người bàng quan lo nghĩ đến vận mệnh của dân tộc và đất nước VN. Đến nay, hậu quả của cuốn BĐMT đã rõ ràng. Hậu quả đó như thế nào? Là sinh hoạt cộng đồng từ lâu đã bắt náo nay lại càng bắt náo thêm. Trước đã hiềm khích, chống báng nhau vì quyền lợi cá nhân hoặc phe nhóm, nay lại thêm sự hiềm khích tôn giáo, rất đáng lo ngại.

Tuy bất mãn với cuốn BĐMT nhưng tôi chưa có thái độ gì cho đến khi đọc thêm được bài về Trịnh Công Sơn (TCS) của ông LT tôi mới phản ứng bằng bài viết: “*Liên Thành, Người Bỏ Quên Lịch Sử*” đăng trên điện báo Dân Chim Việt ngày 8 tháng 6 năm 2009. Sau khi bài báo lên khuôn, một lần sóng góp ý đông đảo vượt ngoài sự tưởng tượng của tôi. Có hàng trăm lượt người nêu ý kiến. Bài viết như chạm nọc nhóm CLTCG nên lúc đầu nhóm này đã kích tôi dữ dội. Họ cho tôi là “kỳ thị tôn giáo”, chống chế độ Ngô Đình Diệm (NDD), chống TCG, bênh mảy “*tên thầy tu đầu trọc theo CS*” (nguyên văn). Tôi chưa kịp phản ứng gì thì những người bênh tôi nhập cuộc. Họ phản kích phe CLTCG cũng quyết liệt không kém. Hai bên đem cả Chúa lẫn Phật ra để tấn công nhau. Hiềm khích tôn giáo đã thật sự thành hình. Không những chỉ tôi nhận xét như thế mà tác giả Trọng Đạt trong bài “*Biến Động Miền Trung*” đăng trên take2tango.com ngày 11/8/2009 cũng nhận xét như thế. Tình hình như vậy kéo dài cho đến hiện nay. Đó là “trận chiến BĐMT”. Đó là điều lo ngại của mọi người có lương tâm dân tộc.

Tôi đã viết những gì mà tạo nên một sự ồn ào như vậy? Tôi không viết cái gì mới cả, tôi chỉ phản bác lại những gì mà ông LT viết trong BĐMT cũng như bài về TCS. Cho đến giờ phút này, đứng trước mặt quý vị, quan điểm của tôi về chuyện này vẫn không thay đổi.

Ông LT viết BĐMT mà **không nói nguyên nhân của biến**

**động này.** Biến cố PG bao gồm sự khởi phát tranh đấu vào năm 1963 và biến động miền Trung vào năm 1966. Tuy hai thời điểm khác nhau nhưng cùng một biến cố chính trị. Sự khởi phát đấu tranh có nguyên nhân chính đáng là chống lại **chính sách kỳ thị Phật giáo của chính phủ NDD** nhưng khi đến giai đoạn BĐMT tình hình đã diễn tiến ngày càng bất ổn và phức tạp. Ông LT đã tâng lờ nguyên nhân xảy ra sự đấu tranh của PG mà chỉ nói đoạn sau tức BĐMT. Với tư cách là một người Huế trực tiếp chịu sự áp bức của chính phủ NDD, tôi phản bác hoàn toàn sự cắt xén lịch sử của ông LT. *Một mẫu bánh mì vẫn là bánh mì, một nửa sự thật không thể là toàn bộ sự thật được.*

Trong BĐMT, ông LT tố cáo các vị sư lãnh đạo đấu tranh như Thượng Tọa Thích Trí Quang, Thích Đôn Hậu, v.v. là CS, xuyên tạc sự đấu tranh của Phật giáo là do VC đàn áp và chỉ huy để lật đổ chế độ VNCH thời bấy giờ. Với tư cách là một thành viên trong Lực lượng SV-HS tranh đấu, tôi phản bác hoàn toàn luận điệu xuyên tạc này của ông LT. PG đấu tranh là đòi hỏi tự do tôn giáo, không phải để lật đổ chế độ NDD.

Tôi không thể nào quên được chiều ngày 17-5-1963, khi tôi đang treo cờ và lồng đèn để mừng Phật đản trước nhà ở đường Trần Hưng Đạo Huế thì ba người cảnh sát đến ra lệnh hạ cờ Phật giáo xuống. Tôi ngạc nhiên chưa biết phải làm gì thì họ nói với anh tôi đứng gần đó: “Có lệnh hạ cờ Phật giáo xuống, phải thi hành ngay”. Chúng tôi không thể chống lại họ tuy rằng hết sức phẫn uất. Sau đó, điều gì phải đến đã đến: PG bắt đầu tranh đấu!

*Phật giáo đồ cương quyết bảo vệ chánh pháp dù phải hy sinh.* Đó là một biểu ngữ trong đám rước ngay ngày hôm sau, ngày Phật đản 18-5-1963 từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm. Tình hình Huế bắt đầu sôi sục, biểu tình, bãi khóa, bãi thị, đình công, tự thiêu để phản đối chính sách kỳ thị PG của chính phủ NDD. **Sự đàn áp Phật giáo của chế độ NDD là có thật. Sự đấu tranh của PG chống lại sự kỳ thị này là có thật.** Ông LT không thể nhân danh cựu Trưởng ty CSQG Thừa thiên-Huế, muốn làm ngơ sử diễn đàn, viết sách bóp méo sự thật, xuyên tạc lịch sử. Với sự hiện diện của Tổng giám mục Ngô đình Thục, “cố vấn chúa tể miền Trung” Ngô đình Cần, và qua cái gọi là Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng mà thành viên phải là TCG nắm giữ hầu hết những chức vụ quan trọng, **chế độ ông NDD đã thể hiện một chính sách gia đình trị, “Thiên chúa giáo trị” chèn ép và áp bức các thành phần dân tộc khác, nhất là Phật giáo.** Người Huế nói riêng, người miền Nam VN nói chung ai mà

không biết tệ trạng này, sao LT dám bẻ cong ngòi bút viết ngược lại? Tôi không dám khẳng định lập trường chính trị của bất cứ ai, kể cả các vị lãnh đạo đấu tranh, nhưng phong trào đấu tranh PG do các vị cao tăng PG lãnh đạo để đòi hỏi công lý, không phải do VC đàn áp và chỉ huy để lật đổ Đệ Nhất VNCH như ông LT tố cáo. LT **muốn Cộng Sản hóa phong trào đấu tranh PG với mục đích gì?**

Sau này, ông LT còn đồng hóa biến cố Tết Mậu thân và phong trào đấu tranh Phật giáo, **quy chụp quý vị cao tăng lãnh đạo Phật giáo đã dẫn VC vào Huế để cùng giết hại dân lành**. Đây là một quy chụp vô căn cứ, hoàn toàn ác ý. Một người tri thức đứng đắn, biết tự trọng; một người bình thường có lương tri... không ai có thể quy chụp một cách hàm hồ, lố bịch, sòng sạo và ác độc như LT. Phong trào đấu tranh PG và Tết Mậu thân là hai biến cố khác nhau, không những người VN mà cả thế giới đều biết như thế. Với tư cách là cựu Sĩ quan CSQG, tôi cực lực lên án ông LT cố tình nhập hai biến cố này làm một cốt để xáo tung lịch sử, bôi nhọ PG, gây trở ngại cho công cuộc giải trừ bè lũ CSVN độc tài và bán nước hiện nay.

Kính thưa quý vị,

Đánh giá ông LT thế nào cho đúng? Suốt hơn ba chục năm im hơi lặng tiếng, đột nhiên ông cho ra đời BĐMT, một cuốn sách rất nguy hiểm trong thời điểm này. Tuy khó mà khẳng định mục tiêu của cuốn BĐMT, nhưng nếu nhìn vào sự tác hại do nó gây ra người ta có thể nghĩ tác giả của nó, ông LT, nếu không là kẻ chịu đấm ăn xôi, **đang làm tay sai cho một thế lực phi dân tộc** nào đó thì cũng là người quá kém cỏi, không có một ý thức chính trị nào trước tình hình nguy hiểm của đất nước ta hiện nay. Tại quốc nội, VC đang từng bước bán đứng đất nước ta cho Tàu cộng, bức hại những người đấu tranh cho tự do, dân chủ, đàn áp khốc liệt các tôn giáo. Tại hải ngoại, BĐMT của ông LT đã gây chia rẽ, tạo hiềm khích tôn giáo trong các cộng đồng. Ông LT, dù trực tiếp hay gián tiếp, đã làm lợi cho VC hơn bất cứ một người VN tỵ nạn nào. Trong nước, VC đang bức hại GHPGVNTN, ngoài nước LT tố cáo những vị thượng tọa đại đức trong phong trào đấu tranh Phật giáo, những người từng là sư phụ hoặc sư huynh của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, vị lãnh đạo GHPGVNTN hiện nay, là CS. Có chăng một sự phối hợp nhịp nhàng giữa trong và ngoài nước? Nếu không, ông LT và phe nhóm giải thích như thế nào về sự trùng hợp rõ ràng nhưng khó hiểu này? NQ36 của VC ra đời đã lâu nay, nhưng chưa đánh được cộng đồng Việt Nam hải ngoại trận nào tơi tả bằng BĐMT của ông LT. Tôi đã hơn một lần lên

tiếng thách thức ông LT và những người ủng hộ ông, ai chỉ cho tôi thấy được cuốn BDMT của LT có lợi như thế nào cho sự nghiệp giải thể CS của dân tộc VN hiện nay thì tôi xin tôn bái làm sư phụ. Đã hơn một năm nay, tôi vẫn chưa nhận được một phản hồi nào về chuyện này. Tại sao nhiệm vụ chống cộng trước mắt không lo mà ông LT lại đem chuyện xảy ra đã gần nửa thế kỷ trước ra để đánh nhau chí mạng, để chia rẽ nhau tận tình? Quý vị cứ nghĩ xem, các vị Thượng tọa Trí Quang, Đôn Hậu... có CS hay không CS thì cũng là chuyện quá khứ, không ảnh hưởng gì cho công cuộc đấu tranh chống độc tài CS của chúng ta hiện nay. Thế mà ông LT đem chuyện này ra, tạo điều kiện để hai phe bên chống phang nhau chí tử.

Thấy được sự tác hại của cuốn BDMT, ngày 28 tháng 7 năm 2009 Ủy Ban Phối Hợp Các Chánh Đảng tại Houston, TX. đã lên tiếng phản đối, buộc tội ông LT đã cố tình tạo hiềm khích tôn giáo, rất có hại cho sự đoàn kết dân tộc. Ngoài ra, Nguyễn Phước Tộc cũng đã lên tiếng minh xác rằng họ vô can đối với cuốn BDMT, lên án LT đã xúc phạm, đánh phá PG, gây hoang mang chia rẽ trầm trọng trong các cộng đồng!

Thưa quý vị, ông LT là ai mà lợi ngược dòng như vậy? Quê hương đã dứt tiếng súng 35 năm rồi, nhưng cuộc chiến chống độc tài CS đang còn tiếp diễn. Đúng ra chúng ta phải đoàn kết, dồn hết tâm trí cho cuộc chiến sinh tử này, nhưng bất hạnh và khó khăn thay, chúng ta lại đang lâm một trận chiến nữa bên lề. Tôi muốn nói đến Trận Chiến Biển Động Miền Trung mà ông LT là kẻ bắn phát súng lệnh. Nếu ông LT còn chút lương tâm dân tộc, tôi có lời nhắn chân tình riêng với ông: Dân tộc VN nói chung, ngoài cơm áo, đang cần tự do và dân chủ, đang cần nhân quyền và dân quyền, đang cần độc lập và tự chủ; tuyệt đối không cần đem hận thù quá khứ ra để châm ngòi thêm một trận chiến khác giữa những người cùng chiến tuyến, tuy khó mà phân định kẻ thắng người thua nhưng lại rất nguy hại đối với tiền đồ của tổ quốc, đối với sinh mệnh của dân tộc.

Bên cạnh đa số quần chúng thâm lặng, những người chống BDMT của ông LT, ngoài những cá nhân và đoàn thể nói trên, còn có những người viết bài bản đảng hoàng như nhà văn Trọng Đạt, Phật tử Lê Công Cầu, và mới đây, nhà văn Vũ Ánh. Nhà văn Vũ Ánh trong bài “*Biến Động Miền Trung của Liên Thành: Trang Sử Cũ Bị Sửa Chữa*” nhận xét rằng ông LT đã xuyên tạc lịch sử, viết lịch sử mà chẳng khác nào viết tiểu thuyết tình báo, chiến tranh. Ông Lê Công Cầu trong bài: “*Thư Ngỏ Gởi Ông Liên Thành về Bài Viết: Sự Thật về*

*Ông Thích Đôn Hậu*” đã tố cáo LT gian dối và có viển vông phi dân tộc. Ngoài ra, ông Cầu còn tiết lộ một điều khá lý thú: Ông LT đã tố cáo hầu hết các vị sư lãnh đạo phong trào đấu tranh PG là CS nhưng còn chừa lại một người quan trọng. Quý vị biết người đó là ai không? Thưa, đó là Đại Đức Thích Chơn Kim, có thể danh là **Nguyễn Phúc Liên Phú, anh ruột của ông TL!** Đại Đức Thích Chơn Kim không phải là người vô danh, lúc đó ông là Đặc Ủy Thanh Niên của Ban Đại Diện GHPGVN/TN Tỉnh Thừa Thiên, người trực tiếp chỉ đạo Gia Đình Phật Tử Vụ, Học sinh Phật Tử Vụ, Sinh viên Phật Tử Vụ, Thanh Niên Phật Tử Vụ, và Thanh niên Phật Tử Thiện Chí Vụ. Như thế, Đại Đức này không khác gì một vị tướng “Tư lệnh chiến trường”, người có thẩm quyền cao nhất trong việc điều động các cuộc biểu tình, kể cả đưa Bàn Phật xuống đường. Nếu phong trào đấu tranh PG 1963-1966 là do VC điều khiển thì Đại Đức Thích Chơn Kim phải là người theo CS trước hơn ai hết! Thế mà ông ta lọt sỏ, LT đã bao che, giấu nhẹm tung tích và việc làm của anh mình. Ai là người tin được ông LT vô tư? Ai là người tin được tính khách quan của cuốn BDMT?

Nói tóm lại, sự chống đối cuốn BDMT của ông LT khá đồng loạt và đa dạng. Ngoài những thành phần kể trên còn có rất nhiều ý kiến ngăn xuất hiện thường xuyên trong các điện thư, một người một cách, một người một vẻ, một người một khía cạnh đã tố cáo sự tác hại, sự gian dối, sự xuyên tạc lịch sử của ông LT.

Nhưng ngoài những phản ứng có tính cách rời rạc và từng phần của những người trên còn có một người đặc biệt khác, hết sức đặc biệt đã dày công “rì mọ” (chữ của Vũ Anh), so sánh, đối chiếu, phân tích tỷ mỉ để vạch trần một cách hết sức chính xác những dối trá, những sai lầm, những bịa đặt, những vu cáo, những âm mưu trong BDMT của ông LT. Kính thưa quý vị, người đó là ông **Bảo Quốc Kiêm**, tác giả cuốn sách “*Huế Ôi! Oan Nghiệt*” mà hôm nay chúng ta có mặt ở đây để chào mừng ông cũng như để dự buổi giới thiệu cuốn sách này. Xin thú nhận, khi đọc BDMT tôi chỉ chú ý đến sự kiện và giọng văn mà không thấy được những chi tiết lếu láo xa sự thật của nó, nhưng sau khi đọc “*Huế Ôi! Oan Nghiệt*” của BQK tôi mới bật ngửa. Xin bái phục ông BQK, xin hoan nghênh “*Huế Ôi! Oan Nghiệt*”.

Ông Vũ Anh, trong bài viết dẫn thượng, đã nhận định rằng: “Trong tất cả những tài liệu mà tôi đọc được về biến động ở miền Trung khoảng giữa thập niên 60, từ thời gian trước 30-4-1975 đến nay, tôi thấy chỉ có “*Huế Ôi! Oan Nghiệt*” của ông BQK tương đối

nhiều chi tiết và có dữ kiện có giá trị đối chiếu tốt...”. Vâng, trong “Huế Ôi! Oan Nghiệt” có rất nhiều dữ kiện như thế mà ông BQK đã đề cập, đã phân tích, vì điều kiện không cho phép tôi không thể nêu hết ra đây được. Xin nhường việc đó cho ông BQK. Xin nhường việc đó cho quý vị. Quý vị nên đọc “Huế Ôi! Oan Nghiệt” để thấy được sự thật lịch sử của BQK khác xa với cái gọi là “sự thật lịch sử” của LT. Người Mỹ có câu nói: “A liar needs a good memory”. Kẻ nói dối cần phải có trí nhớ tốt. Cứ đọc “Huế Ôi! Oan Nghiệt” thì quý vị sẽ thấy ông LT là một người dựng chuyện nhưng lại không có trí nhớ tốt vì trong cuốn BĐMT của ông ta có quá nhiều những sự kiện mâu thuẫn, những điều vô lý kỳ quặc khiến người đọc vừa buồn cười vừa không hiểu nổi!

Trân trọng kính chào quý liệt vị.

**Định Nguyên**

#### BẢN TÓM LƯỢC

[Buổi Giới Thiệu Sách *Huế Ôi Oan Nghiệt* Tại San José, California 31-10-10]

Để có thể hiểu rõ mục đích và tác giả của cuốn sách *Biến Động Miền Trung* (BĐMT) do Liên Thành (LT) đứng tên, tôi xin lần lượt điểm vài nét theo từng trang đầu của cuốn sách.

1- Trang 2, dòng 6:

...“ngoài Hoa Kỳ và một số Tướng Lành VNCH, Phật giáo Ấn Quang là một trong những lực lượng chủ lực của cuộc đảo chánh này.”

Điều này hoàn toàn không đúng, bởi vì hồi đó không hề có PGAQ, thì lấy ai làm lực lượng chủ lực? Dòng chữ Phật giáo Ấn quang mới có vào giữa năm 1966 khi Thầy Thích tâm Châu ly khai mà thôi.

2- Trang 2, dòng 19:

“Phật giáo Ấn Quang có 73 Khuôn Hội Phật giáo ở cấp Xã, 13 Khuôn Hội Phật giáo ở cấp Quận, và Tỉnh hội Phật giáo.”

Hoàn toàn không đúng; vì khuôn hội ở cấp ấp, chứ không có cấp xã và tại quận thì gọi là Quận hội, chứ không phải khuôn hội.

3- Trang 2, dòng 21:

“Ngoài ra, trong chính quyền, Phật giáo Ấn Quang còn có các tổ chức ngoại vi: Công Chức Phật Tử, Học Sinh Phật Tử, Sinh Viên

*Phật Tử, Sư Đoàn I thì có Quân nhân Phật Tử (Chiến Đoàn Nguyễn đại Thức), Cảnh Sát Quốc Gia thì có Cảnh Sát Phật Tử, đặc biệt hơn nữa là các bà tiểu thương Phật Tử chợ Đông Ba.”*

Thật trớ trêu cho nhà tình báo, Trường ty CSQG! Trong chính quyền làm gì có sinh viên, học sinh; làm gì có tiểu thương chợ Đông Ba?

4- Trang 2-3, dòng 31:

*“Thích Đôn Hậu là cơ sở nòng cốt và lá bài tối quan trọng của cộng sản tại miền Trung, bắt rễ sâu trong Phật giáo. Tên cán bộ cộng sản điều khiển Thích Đôn Hậu trong bóng tối chính là Hoàng Kim Loan.”*

Điều này không bằng cớ. Hồ sơ nào của Cảnh Sát, Phủ Đặc ủy Trung Ương Tình Báo đã nói về chuyện này? Tại sao LT không bắt, không công bố hồ sơ này trước năm 1975?

5- Trang 3, dòng 20:

*... “đó là Thích Trí Quang - Ông này tên thật là Phạm Văn Bồng. Quê quán làng Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, cùng quê với Tổng Thống Ngô Đình Diệm.”*

Điều này không chuẩn xác, vì ông Trí Quang sinh tại làng Diêm Điền ông Ngô Đình Diệm sinh tại làng An xá, Tổng Đại Phong, huyện Lệ thủy. Không có làng Lệ thủy tại Quảng bình, mà chỉ có tên huyện mà thôi.

6- Trang 3, dòng 24:

*“Chùa Từ Đàm nằm về phía Tây thành phố Huế cạnh dốc Nam Giao và dốc Bến Ngự, sát bên nhà thờ cụ Phan Bội Châu.”*

Hoàn toàn sai. Chỉ cần đọc: “cạnh dốc Nam giao” thì đã thấy sai rồi. Cạnh “Nam” thì sao lại là “Tây” chứ? Một trẻ thơ ở Huế cũng biết chùa Từ Đàm nằm hướng Nam của thành phố Huế kia mà.

7- Trang 4, dòng 2:

*“Thích Trí Quang gia nhập đảng cộng sản Việt Nam vào 1949, tại mật khu Lương Miêu, Dương Hòa. Lương Miêu, Dương Hòa là một làng nhỏ nằm về phía Tây lăng vua Gia Long, cách làng Đình Môn khoảng 30 cây số đường bộ. Người kết nạp và chủ tọa buổi lễ gia nhập đảng cho Thích trí Quang là Tổ Hữu, đảng viên cao cấp của đảng cộng sản Việt Nam.*

*Mùa thu năm 2000 tại Hà Nội, nhân nói đến các nhân vật chính trị tại miền Nam trước 1975, chính Tổ Hữu xác nhận y là người kết nạp Phạm Văn Bồng tức Thích Trí Quang vào đảng cộng sản.”*

Quả thật tội nghiệp cho ông Trưởng Ty Cảnh Sát, Nhà Tinh Bảo đại tài mà không biết rằng vào năm 1945 Tổ Hữu làm Chủ tịch Ủy ban Hành Kháng tỉnh Thừa Thiên; nhưng năm 1946 đã ra làm Bí thư thành ủy Thanh hoá. Năm 1948 ra Bắc Việt ... thì làm sao về Lương miêu để chủ toạ? Hơn nữa, năm 2000 Tổ Hữu nói tại Miền Bắc, làm sao LT biết? Hay là ông chú của LT là Tráng Thông, một điệp viên tài giỏi ở Miền Bắc đưa tin này?

8- Trang 4, dòng 15:

*“Thích Chánh Trực tu tại Chùa Tường Vân, nằm giữa chùa Từ Đàm và Đàn Nam Giao. Chùa Tường Vân là nơi tu hành của Ngài Thích Tịnh Khiết Giáo Chủ Phật Giáo V. N.”*

Thích Chánh Trực ở chùa Kim Tiên, chứ không hề ở chùa Tường Vân bao giờ. Vậy buộc ông này vào chùa Tường Vân để làm gì, nếu không phải muốn nói ông HT Thích tịnh Khiết là Cộng sản? Phật giáo chỉ có ông Phật mới là *Giáo Chủ*; còn GHPGVNTN thì chỉ có *Tăng Thống* mà thôi.

9- Trang 4-5, dòng 29:

*“Từ sau ngày đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963, thế lực, quyền lực tột đỉnh của Phật Giáo Ấn Quang tại miền Trung và Thừa Thiên-Huế, nằm gọn trong tay của 3 tên cộng sản:*

*Thích Đôn Hậu, Thích Trí Quang, Thích Chánh Trực, phía sau hậu trường là Hoàng Kim Loan cán bộ Diệt báo phụ trách Dân Vận, Trí Vận và Tôn Giáo Vận sắp xếp và giật giây.”*

Hoàn toàn sai, vì lúc đó làm gì có PGAQ. Như đã nói, chữ này chỉ có sau tháng 6-66, vì thầy Tâm Châu theo hai ông Thiệu-Kỳ, tách rời khỏi GHPGVNTN. Ông Ngô Đình Cẩn có một hệ thống tinh vi là “Đoàn Công Tác Đặc Nhiệm miền Trung”; và đặc biệt, ông Cẩn hằng tuần đến chơi với ông Trí Quang, thì sao Cẩn không biết Trí Quang là Cộng sản? Không lẽ anh em ông Diệm nuôi CS sao?

10- Trang 6, dòng 20:

*“Nào có ai ngờ rằng ngôi biệt thự màu hồng thơ mộng này chính là Bộ Chỉ Huy một Cơ Quan Tình Báo Tối Mật của Quốc Gia, chỉ huy và điều khiển những điệp vụ ngoài Bắc. Những điệp viên của*

*cơ quan này tung ra miền Bắc với nhiệm vụ phá rối chính trị, tổ chức và phát động những phong trào nhân dân nổi dậy chống đối chính quyền Hà Nội.*

*Đạo diễn chính vụ nhân dân Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nổi dậy chống chính quyền Miền Bắc, vào năm 1956, là một thí dụ điển hình công tác và nhiệm vụ của cơ quan này.”*

LT dùng tư cách gì để chứng minh cái Tổ Mật Vụ Phan Quang Đông là Cơ quan tình báo tối mật? Xin đưa ra bằng chứng?

11- Trang 7-8, dòng 28:

*“Ông Phan Quang Đông nói với viên sĩ quan:*

*- Tôi phải gặp Tướng Đồ Cao Trí trước khi nạp mình cho các anh. Yêu cầu của ông Đông đã được Tướng Đồ Cao Trí chấp thuận. Buổi gặp mặt chỉ có 3 người. Tướng Đồ Cao Trí, ông Phan Quang Đông và chánh văn phòng của ông Đông. Ông Đông nói rất ngắn, gọn với Tướng Đồ Cao Trí:*

*- Chúng tôi hoạt động ngoài Bắc. Không dính dấp gì đến chuyện trong Nam. Một số nhân viên của tôi hiện đang hoạt động ngoài đó, Thiếu tướng lo cho họ. Không một hồ sơ, tài liệu, danh sách nhân viên và máy móc truyền tin liên lạc ngoài Bắc được ông Phan Quang Đông chuyển giao lại cho Tướng Trí. Tất cả đã biến mất nhiều giờ, trước khi căn nhà màu hồng này bị bao vây. Đây là quyết định và hành động của ông Đông để bảo mật và bảo vệ sinh mạng cho nhân viên, những điệp viên đang hoạt động và đang kẹt lại tại miền Bắc.”*

Hoàn toàn không thể tin cậy, vì LT làm sao biết những đối thoại giữa Tướng Trí và Phan Quang Đông. Làm sao LT biết Phan Quang Đông đã thủ tiêu hồ sơ điện đài, danh sách...? Đã không giao lại danh sách, điện đài... thì làm sao Tướng Trí “lo cho họ”?

12- Trang 8, dòng 18:

*“Chín Hầm nằm về phía Tây thành phố Huế, ngay phía sau lăng Vua Khải Định và cạnh dòng tu Thiên An. Đó là một dãy 9 hầm của quân đội Nhật, rồi đến quân đội Pháp dùng để chứa đạn, đúng nghĩa đó là 9 hầm chứa đạn, kho đạn.”*

Con nít cũng biết là Chín Hầm nằm ở phía Tây Nam, thì sao LT không biết?

13- Trang 10, dòng 21:

*“Ông Phan Quang Đông một cấp chỉ huy thượng đẳng của cơ*

*quan Diệp Báo miền Nam hoạt động ngoài Bắc...”*

LT lấy gì để chứng minh điều này. Xin các nhà tình báo cao cấp nói thử xem.

14- Trang 63-64:

*“Bao nhiêu sinh mạng cán binh của ông Hồ đã bỏ mạng trong trận đánh Mậu Thân tại Huế? Gần 7000 cán binh - Bao nhiêu sinh mạng đồng bào vô tội đã được ông Hồ chỉ Minh giải phóng bằng AK, bằng B40, bằng trói hai tay với những sợi dây điện hoặc dây kẽm gai, dùng những vật cứng đập vào đầu nạn nhân, rồi đập xuống hố, hay những mồ chôn sống tập thể ! Con số là: 5327 thường dân, thường dân và thường dân.....”*

Như thế thì, Cộng sản không hề giết những người lính, cán bộ, đảng phái... tại Miền Nam sao? Nhưng trước đó ông LT đã kể một số người bị giết như Phó Thị Trưởng, ông Trần Ngọc Lộ... chẳng hạn, thì con số phải trên 5,327 người. Vậy thì số Quân Cán Chính bị giết là bao nhiêu? Xác hay mồ chôn họ ở đâu? Nếu Cộng sản trả thù, thì chúng phải giết nhiều Quân Cán Chính, chứ sao chỉ giết Đồng Bào? Và như thế, số người bị giết phải cao hơn nhiều, vậy họ ở đâu?

Theo LT có 26 mồ chôn tập thể và tổng số là 5,327 xác. Theo Vennema thì có 19 hố chôn và tổng số 2,522 xác. Theo ông Nguyễn Lý Tường, cựu Dân Biểu và là người trực tiếp trong Ban Cải Táng của ông Võ Văn Bằng thì có 22 hố gồm 2,326 xác. Như thế thì LT phải trả lời câu hỏi này: Đối chiếu với ông Vannema, thì *thiếu 7 hố gồm 2,802 xác*. Đối chiếu với cựu Dân Biểu Nguyễn Lý Tường thì *thiếu 4 hố gồm 3,001 xác*, vậy số xác ấy ông Thành đã thủ tiêu đi đâu mà không cho Ban Cải Táng biết?

### **Ai Là Tác giả sách *Biến Động Miền Trung*?**

Để xác nhận tác giả là LT, chúng ta phải có 4 tiêu chuẩn: Một là LT phải là người Huế, hai là: LT phải là Phật tử theo lời ông nói, ba là LT phải là một Sĩ quan quân đội và cảnh sát, một Trưởng ty. Bốn là LT phải biết rõ về ông và những gì ông làm. Qua các phân trên, chúng ta thấy:

### **A- Liên Thành là người Huế?**

-Trang 3: Chùa Từ đàm nằm về hướng Tây.

-Trang 8: Chín hầm nằm về hướng Tây.

-Trang 17: Quận ly Nam hoà nằm phía Tây Huế.

-Trang 366: Trụ sở xã Thủy trường cách tư dinh Tỉnh trưởng chưa đầy 7 Km.

-Đường Đào duy Từ tại vùng Đập đá thuộc quận III Huế (trong bài Trịnh Công Sơn).

Những điều này ngay từ đầu sách và các bài sau đó chứng tỏ người viết không phải là một chú bé người Huế, thì làm sao ông LT có thể nói sai lầm như thế? CHÚNG TÔI NGƯỜI VIẾT KHÔNG BIẾT GÌ VỀ HUẾ CẢ, thì sao cho rằng đó là LT, một Hoàng thân sinh ra, học hành và làm việc tại Huế?

### **B- Liên Thành là Phật tử?**

- Trang 2, dòng 6

...“ngoài Hoa Kỳ và một số Tướng Lãnh VNCH, Phật giáo Ấn Quang là một trong những lực lượng chủ lực của cuộc đảo chánh này.”

Phật tử sao không biết hồi 1963 làm gì có PGAQ?

- Trang 2, dòng 19-20:

“Phật giáo Ấn Quang có 73 Khuôn Hội Phật giáo ở cấp Xã, 13 Khuôn Hội Phật giáo ở cấp Quận, và Tỉnh hội Phật giáo.”

Hoàn toàn không đúng; vì khuôn hội ở cấp ấp, chứ không có cấp xã và tại quận thì gọi là Quận hội, chứ không phải khuôn hội.

- Trang 2, dòng 21:

“Ngoài ra, trong chính quyền, Phật giáo Ấn Quang còn có các tổ chức ngoại vi: Công Chức Phật Tử, Học Sinh Phật Tử, Sinh Viên Phật Tử, Sư Đoàn I thì có Quân nhân Phật Tử (Chiến Đoàn Nguyễn đại Thức), Cảnh Sát Quốc Gia thì có Cảnh Sát Phật Tử, đặc biệt hơn nữa là các bà tiểu thương Phật Tử chợ Đông Ba.”

Phật tử sao không biết tổ chức Phật giáo, nói chi Trường ty Cảnh sát?

- Trang 4, dòng 15:

“Thích Chánh Trực tu tại Chùa Tường Vân, nằm giữa chùa Từ Đàm và Đàn Nam Giao. Chùa Tường Vân là nơi tu hành của Ngài Thích Tịnh Khiết Giáo Chủ Phật Giáo V. N.”

Thích chánh Trực nào tu tại chùa Tường vân? Phật tử sao không biết?

- Trang 284, lập lại: HT Thích tịnh Khiết là Giáo chủ Phật giáo.

- Tại trang 206, LT còn nói Thích chánh Trực Trú trì chùa Tường Vân.

Không phải đệ tử Ôn Tường Vân, thì làm sao Trú trì?

- Trang 299, LT nói: Thích như Ý là anh ruột HT Trí Thủ, Tổng thư ký Viện hoá đạo.

Nhưng thực tế hoàn toàn không phải như thế. HT Trí Thủ là con trai độc nhất, thì làm sao có anh ruột? và chưa bao giờ làm Tổng thư ký Viện hoá đạo cả.

- Trang 282: Nguyễn khắc Từ lộ nguyên hình là tên cán bộ VC cao cấp và hắn là Phó trưởng ban tôn giáo của Mặt trận Tổ quốc thuộc Thành ủy Sài gòn.

Hoàn toàn sai. Ban Tôn giáo là cơ quan thuộc chính phủ, còn MTTQ là cơ quan ngoại vi, Nguyễn khắc Từ chưa bao giờ giữ chức vụ này, ngược lại bị tù và mù cả đôi mắt và đã chết năm 1993.

### **C- Liên Thành Là Một Sĩ Quan, Trưởng Ty Cảnh Sát?**

- Con trai Hoàng Kim Loan là Đại Úy Thiết Giáp.

Hoàn toàn sai. Hoàng Kim Loan có hai người con. Con đầu đã chết năm 1967. Người thứ hai là Hoàng Kim Cữu sinh năm 1947 đi lính *Quân cụ* Sư đoàn 3 đóng ở Đông Hà, giải ngũ năm 1972, hiện sống tại Huế. Vậy thì ai là Đại Úy Thiết Giáp?

- Trong Audio LT nói là em ruột Hoàng Kim Loan nói với LT này nọ. Nhưng người em này đã chết năm 1947, thì không lẽ hồn ma về nói với LT?

- Trang 17 sách BDMT, LT nói là: Tháng 2-1965 Công trường 5 Đặc công của Đại tá VC Thân Trọng Một tung 2 Tiểu đoàn K1-K2 tấn công Quận lỵ Nam Hoà, và đã bị lực lượng quân sự tại Chi khu phản công và đẩy lui !... Quận Nam Hoà nằm về phía Tây Thành phố Huế.

Năm 1967 Cộng sản mới thành lập ngành Đặc công; vậy năm 1965 lấy đặc công đâu mà tấn công? Khi hai Tiểu đoàn tấn công quận lỵ nhỏ, thì lực lượng quân sự quận là cái gì mà phản công và đẩy lui?

- Trang 364: LT diễn tả cuộc phục kích vĩ đại tại Xã Thủy Trường do ông đích thân điều khiển. Chính LT vẽ bản đồ cho VC đi về, và chính ông phục kích để tiêu diệt hai tiểu đội VC. Mìn Claymore và súng M16 bắn xối xả mà chỉ 4 chết, 3 bị thương, không để lại hiện trường một xác nào; và 3 tuần sau ông mới biết. Ông cũng không khám nghiệm tử thi theo luật định. Vậy có phải là sĩ quan, Trưởng ty hay không?

- Trang 297-298: LT nói lúc 3 giờ chiều ngày 26-5-1970 ông ta trình diện Thiếu Tướng Trần Thanh Phong Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia tại phi trường Phú Bài.

Sai. Trong bản tướng mạo và quân vụ liên tục của Thiếu Tướng Trần Thanh Phong ghi rõ là:

-07-6-69 làm ở Tổng Nha Thanh Tra Bộ Quốc Phòng.

-01-9-1969: Tổng Trưởng XDNT.

-01-3-1971 Tư Lệnh Cảnh Sát (đầu tiên).

Vậy năm 1970 làm gì có Tư Lệnh Cảnh Sát? Năm 1970 còn gọi là *Tổng Nha Cảnh Sát* thuộc Bộ Nội vụ; vậy ông LT trình diện ai mà nói vanh vách ngày tháng như thế?

#### **D- Liên Thành Không Biết Liên Thành Và Chính Ông Làm Gì.**

-Trang 105-108-208 ghi những điều chứng tỏ năm sinh có thể là 1940-1943-1946; như thế LT không biết mình sinh năm nào?

-Từ trang 368 đến 370 LT kể lể chuyện Quán Cơm Âm Phủ, và chỉ nỏ cái “BỆT”; nhưng trong bài trả lời những chất vấn về bài Trịnh Công Sơn, ông lại cho nỏ long trời lở đất. Vậy cái nào do ông làm, cái nào không phải? LT ký lệnh bắt các Thiếu tá Quân đội đang làm việc tại các Cơ Quan Quốc Phòng... Vậy làm sao nói là Sĩ Quan?

#### **Liên Thành Sử Dụng Tài Liệu Nào?**

Truy lục khá nhiều hồ sơ Mậu Thân, tôi chỉ thấy một mình bài của Đại tá VC Nguyễn Văn Quang, quyền chỉ huy trưởng Hành quân mặt trận Huế năm Mậu Thân ghi rõ 2:33”. Vậy LT làm việc cho ai, vì ai?

- Việc LT nói lá cờ Mặt Trận Liên Minh Dân Tộc, Dân Chủ và Hoà Bình treo trên cột cờ ở Hoàng thành là do Nguyễn Đắc Xuân viết, không có ai khác. Vậy LT đã làm việc cho Nguyễn Đắc Xuân? Trong lúc đó những người và đơn vị treo lên, những người và đơn vị hạ xuống để treo cờ Vàng ba sọc đỏ lên đều xác nhận rõ ràng. Vậy tại sao LT làm theo lệnh Nguyễn Đắc Xuân?

- Ông LT tố cáo Nguyễn Đắc Xuân là tội đồ khát máu, nhưng LT dùng tài liệu do y viết ra. Vậy LT là ai? LT tố cáo Hoàng Văn Giàu là đồ tể, nhưng Hoàng Văn Giàu sau khi nhập ngũ được làm việc tại Nha An Ninh Quân Đội; ông ta đọc, dịch các tài liệu tối mật, thậm chí còn viết dự án các năm tới cho Nha ANQĐ, vậy không lẽ TT Nguyễn Văn Thiệu dùng đồ tể CS?

Tóm lại, **LT không biết gì về Huế, LT không biết gì Phật giáo, LT không biết gì về Cảnh Sát, Quân Đội... Và không biết LT làm gì... Vậy làm sao gọi là LT???**

Trong các Audio LT còn nói rõ, ông ta chẳng biết Chính Nghĩa Quốc Gia tròn hay méo... Vậy LT chiến đấu cho ai và để làm gì (HL tại Atlanta). Mới đây, ông còn nói ông đã bắt những người buôn Bạch phiến, nhưng Biện lý và Toà án thả ngay, vì cho rằng Bạch phiến không phải là hàng bị cấm. Vậy là Trưởng Ty Cảnh Sát đó sao?

**Bảo Quốc Kiểm** 31/10/2010

# NGUY TẠO VÀ XUYÊN TẠC VỀ CUỘC TỰ THIÊU CỦA HT THÍCH QUẢNG ĐỨC - TẠI SAO?

*Pháp Lạc và Nguyễn Kha*

Bài viết này có ba mục đích:

**1.1** Trước hết, vào đầu thập niên 60' của thế kỷ trước, *Cuộc vận động đòi bình đẳng Tôn giáo và Tự do Tín ngưỡng năm 1963 của Phật giáo đồ tại miền Nam Việt Nam* là một biến cố lịch sử to lớn và mang nhiều ý nghĩa nhân văn sâu sắc và lâu dài không những cho Phật giáo Việt Nam mà còn cho cả dân tộc Việt Nam. Đó là lúc dân tộc đang đối diện với sự bành trướng của chủ nghĩa nước lớn tại Việt Nam, và riêng Phật giáo tại miền Nam thì đang phải chịu đựng một sách lược *Công giáo hóa miền Nam* mà trong đó Phật giáo trở thành đối tượng hàng đầu phải bị khống chế và tiêu diệt. Đã có nhiều tài liệu của người Việt và người ngoại quốc viết về lần trở mình bi hùng đó của Phật giáo tại miền Nam. Tuy nhiên, một công trình quy mô và chính thức của Phật giáo Việt Nam thì cho đến nay vẫn chưa có. Song song, lại có nhiều “tài liệu” của những thế lực xem Phật giáo là kẻ thù được tung ra làm nhiều loạn sự thật lịch sử. Do đó, trong niềm ao ước được thấy một hồ sơ như thế vào năm 2013, kỷ niệm 50 năm của biến cố 1963, chúng tôi quyết định hoàn thành bài viết này để góp một số thông tin vào hồ sơ đó.

**1.2** Thứ đến, sau 1975, tại hải ngoại, lợi dụng tình trạng thiếu thốn tài liệu và mất dần nhân chứng, một số tàn dư của chế độ Ngô Đình Diệm, mà tuyệt đại đa số là các tín đồ Công giáo, đã tìm cách mạo hóa lịch sử để vinh danh chế độ Ngô Đình Diệm. Một trong những nỗ lực này là cố ngụy tạo lịch sử để chứng minh rằng ông Diệm còn thì miền Nam không “*roi vào tay Cộng sản*” và bây giờ muốn lấy lại miền Nam thì phải “*phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm*”. Luận điểm này đẩy Phật giáo lên thành đối tượng bị đánh phá hàng đầu vì trong biến cố 1963, họ cho rằng chính Phật giáo (chứ không phải vì chế độ thì độc tài chính trị, xã hội thì bất công thâm trọng, còn quốc sách “chống Cộng” thì phụ thuộc rồi phản bội đồng minh)

đã làm sụp đổ Ngô triều. Thêm vào đó, trong cuồng vọng muốn thiết lập một chế độ giáo trị tương lai ở Việt Nam như các Tông huấn của Vatican thúc dục (nhất là tư tưởng chủ đạo của Tông huấn Á châu *Ecclesia In Asia* 1999 mà Giáo hoàng Gioan Phao lô 2 phát động), những người Công giáo Việt Nam hoài Ngô đó lại càng phải tìm cách phá hoại Phật giáo mà họ xem là phen đậu văn hóa vững chắc của dân tộc Việt Nam. Từ đó, và thô bạo nhất, họ tìm cách **bôi nhọ cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức**, biểu tượng bất bạo động và cao điểm tố cáo tội ác của chế độ Ngô Đình Diệm. Vì vậy, bài viết này cũng nhằm vạch ra một số *ngụy tạo* và *xuyên tạc* về cuộc Tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Đồng thời, trong phần cuối bài viết, cố gắng giải thích vì sao có những ngụy tạo và xuyên tạc đó.

**1.3** Cuối cùng, đặc biệt bài viết sẽ trả lời luận điệu vu khống cụ thể sau đây của một số người Công giáo hoài Ngô thù ghét Phật giáo: Đó là *Hòa thượng Thích Quảng Đức đã bị ông Nguyễn Công Hoan, vốn là một điệp viên của Việt Cộng, đầu độc từ trước, và với sự chỉ đạo của giới lãnh đạo Phật giáo đấu tranh năm 1963, đã thiêu sống Hòa Thượng khi Ngài đã hoàn toàn mê man*. Luận điệu vu khống này là nhằm thủ tiêu giá trị cao cả của cái chết của Ngài Quảng Đức, đồng thời cũng biện hộ cho lời tuyên bố “nướng sống” (“*barbecued*”) của bà Ngô Đình Nhu lúc đi “giải độc dư luận” tại Mỹ là đúng. Và quan trọng hơn, là nhằm thực hiện lời nguyện “*tôi chết trả thù cho tôi*” của người đồng đạo và cũng là lãnh tụ chính trị của họ là ông Ngô Đình Diệm để, theo lời một số giáo dân tại hải ngoại, dọn đường cho Vatican phong thánh ông trong tương lai.

Đáng lẽ ra **người cáo buộc phải trưng dẫn bằng cứ**, nhưng cho đến nay (2011), chúng tôi chưa thấy những kẻ hoài Ngô đưa ra được bất kỳ một tài liệu hoặc nhân chứng nào khả tín cả. Tuy vậy, những cáo buộc này cũng có những tác động nhất định trên một số người nhẹ dạ, hoặc một số người không chịu nghiên cứu, chỉ thích nghe những gì mình muốn nghe, hoặc những người đóng chốt trong không gian Internet, cứ lập đi lập lại mãi một điều để tẩy não người đọc như Đức Quốc xã và Vatican đã từng làm. Bài viết này, do đó, sẽ nhằm chấm dứt các tác hại đó bằng cách khẳng định lại và chứng minh rằng (i) Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã **đơn phương** có ý định tự thiêu từ trước, và cho đến phút chót, Ngài vẫn **tĩnh táo** với hành động bất lửa tự thiêu của mình, và (ii) Người tưới xăng lên đầu và thân thể Ngài Quảng Đức là Đại đức Thích Chơn Ngữ, thế danh Huỳnh Văn Hải, chứ **không phải** “ông Việt Cộng” Nguyễn Công Hoan.

## 2- QUYẾT ĐỊNH TỰ THIÊU:

**2.1** Ai cũng biết rằng ngay từ đầu, phương thức đấu tranh của phong trào Phật giáo là bất bạo động. “Tự thiêu” là một khái niệm xa lạ trong phương thức đấu tranh của Phong trào Phật giáo lúc bấy giờ. Giáo sư Lê Cung ghi nhận như sau:

“Tuần thủ những nội dung trên đây của lý thuyết bất bạo động, phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 ngay từ đầu đã khẳng định **phương pháp đấu tranh là bất bạo động**... Thật vậy, Trong cuộc hội nghị mật vào tối 7-5-1963 tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định phương pháp đấu tranh là bất bạo động. Tiếp theo, phương pháp đã khẳng định lại một lần nữa trong “*Bản phụ đính*” bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 được công bố vào ngày 23-5-1963. Bất bạo động bằng hình thức tự thiêu vẫn chưa được đặt ra, mặc dầu trong những cuộc tuyệt thực đầu tiên của Tăng Ni trên toàn miền Nam vào cuối tháng 5, đầu tháng 6-1963, giới lãnh đạo đã dự tính rằng: “*Nếu kéo dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhằm chán thì phong trào tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẻ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng*” (Theo Nguyễn Khải, *Sự già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu*, Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993.). Song hình thức mới mẻ là gì vẫn chưa được tìm ra, ngay cả khi **giới lãnh đạo Phật giáo nhận được bức tâm thư đề ngày 27-5-1963 của Hòa thượng Thích Quảng Đức với nội dung xin tự thiêu** để bảo vệ Phật pháp, họ vẫn không chấp thuận. Trên thực tế, giới lãnh đạo Phật giáo còn “thật lúng túng, cũng không biết tự thiêu như thế nào!” (Theo Thích Thông Bửu. *Tư tưởng Bồ tát Quảng Đức, trong “Đại lễ kỷ niệm năm thứ 37 ngày tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức”*. Tổ đình Quán Thế Âm ấn hành, tr.15).”

[Nguồn: Lê Cung - [http://www.thuvienhoasen.org/D\\_1-2\\_2-135\\_4-13730\\_5-50\\_6-1\\_17-23\\_14-1\\_15-1/](http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-135_4-13730_5-50_6-1_17-23_14-1_15-1/) ]

**2.2** Nhưng trước thái độ ngoan cố của chính quyền Diệm không thật tâm muốn giải quyết “5 Nguyên Vọng” của Phật giáo, thậm chí còn gia tăng mức độ đàn áp chùa chiền và Tăng tín đồ, HT Thích Quảng Đức đã gửi cho Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc một lá thư đề ngày **27/5/1963**, nói rõ tâm nguyện muốn được tự thiêu của mình, tâm nguyện vốn đã được ấp ủ từ khi chính quyền Diệm tiến hành chính sách kỳ thị Phật giáo, đặc biệt khốc liệt nhất tại 5 tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên và Bình Định trong ba năm 1960, 1961 và 1962. Rồi tâm nguyện đó lại càng thúc bách hơn khi lá

cờ biểu tượng của Phật giáo bị lãng nhục và sau đó máu tử đạo của Phật tử đổ ra tại Huế. Lá thư như sau:

*Phật lịch 2507, Sài Gòn ngày 27-5-1963*

*Kính bạch Hòa Thượng Hội Chủ, Thượng Tọa Trị Sự Trưởng  
Chư Thượng Tọa, Đại Đức trong Giáo Hội Tăng Già Việt Nam  
Kính bạch quý Ngài,*

*Nhìn lại quá trình lịch sử truyền thống dân tộc, Phật giáo Việt Nam đã ghi đậm những nét son huy hoàng trong mọi lãnh vực: học thuật, văn hoá, chính trị, quân sự, kiến thiết, đã hòa một nếp sống của quần chúng. Qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, quốc gia hưng thịnh, Phật giáo đã là cương lĩnh của chính quyền, của nền pháp trị bình đẳng. Nhưng Phật giáo không vì sự đóng góp hữu dụng vào quốc sách dân sinh một cách tích cực và chân chính mà khuynh loát, đàn áp các tôn giáo khác. Ngược lại, Phật giáo đã dung hoà mâu nhiệm cùng với các tôn giáo khác để cung ứng những tinh ba thuần túy cho sự ích quốc lợi dân.*

*Tinh thần Phật giáo đã gắn liền với tinh thần quốc gia dân tộc: Phật giáo thịnh thì quốc gia thịnh, Phật giáo suy thì quốc gia suy. Điều này lịch sử đã minh nhận.*

*Nhưng hơn một thế kỷ nay, nhất là trong giai đoạn hiện tại, Phật giáo Việt nam luôn luôn nằm trong tình trạng hỗn mang, bị thâm đau thương: nào bị đàn áp, nào bị đối xử bất công, ngược đãi... Phật giáo đã bị bức bách khuynh loát một cách trắng trợn, có nơi bị chôn sống, bị tù đầy, có nơi bị cản trở ngăn cấm cả về hành đạo, tu tập, tụng niệm (như vùng Tuy Hòa, Quảng Ngãi, Bình Định). Quyền tự do tín ngưỡng, một quyền bất khả xâm phạm của con người, đã bị tổn thương chà đạp.*

*Cao quý thay lòng ảm nhẫn của Phật tử Việt Nam! Vốn được giáo thụ, un đức tính từ bi cao thượng của Đấng Chí Tôn, Phật giáo đồ chúng ta đã âm thầm nhẫn nhục chịu đựng một cách chân thành, nhưng kẻ mạnh động đã cố tình lợi dụng cử chỉ cao đẹp ấy của chúng ta, gieo mầm thương đau cho Phật giáo đồ Việt Nam.*

*Mùa Phật Đản 2507 - 1963 tại Cố đô Huế, một cảnh tang thương đã xảy ra cho Phật giáo Việt Nam nói riêng, Phật giáo thế giới và nhân loại nói chung là máu Phật tử đã chảy, xương thịt Phật tử đã nát tan trước hòng súng bạo tàn của kẻ ác độc, vô nhân đạo. Thế là những sinh mạng đã ngã gục và những thân mạng đã mang thương tích trên mình, tất cả đều muốn phát lộ ý chí của người Phật tử: bảo vệ Chánh pháp, bảo vệ quyền sống của những con người tin*

đạo, bảo vệ lá cờ Phật giáo quốc tế mà một phần ba nhân loại tôn thờ. Ai có thể chối cãi được sự thật của nguyên nhân chính ấy là: lá cờ Phật giáo bị triệt hạ bởi công điện số 9195 phát xuất từ Phủ Tổng thống, ngày 6-5-1963.

Trước sự kiện thảm thương ấy, Phật giáo Việt Nam đã đến lúc bắt buộc phải đứng lên tranh đấu cho lý tưởng tự do tín ngưỡng của mình, được minh định rõ ràng trong Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa và đường lối dân chủ pháp trị, cộng đồng đồng tiến xã hội của Chánh phủ do Tổng thống Ngô Đình Diệm chủ trương.

Với tinh cách ôn hòa bất bạo động, kỷ luật trong sự tranh đấu hợp tình hợp lý, người Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam cần phải có một ý niệm sáng suốt, tiêu biểu ý niệm chân chánh, trong giai đoạn vô tiền khoáng hậu của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Vậy tôi tên là Nguyễn Văn Khiết, pháp danh Thị Thủy, pháp hiệu Thích Quảng Đức, tu sĩ Giáo hội Tăng Già Việt Nam, mang thẻ căn cước số 399703, cấp tại quận Tân Bình ngày 21-12-1962. Hiện tọa chủ chùa Long Phước, xã Ninh Quang, Khánh Hòa, xác định rằng:

1. Năm nguyện vọng tối thiểu ghi trong Bản tuyên ngôn của Tăng tín đồ Phật giáo là phản ảnh tinh thần chân chính của Phật giáo Việt Nam.

2. Nguyên luôn luôn son sắc bền chí với lý tưởng tranh đấu hợp tình hợp lý, bất bạo động của Phật giáo đồ Việt Nam.

3. Triệt để tuân theo và ủng hộ các cấp lãnh đạo Phật giáo.

Và để minh định lập trường của chúng tôi, chúng tôi **tự nguyện thiêu đốt thân này** nếu Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa không làm thỏa mãn nguyện vọng ghi trong Bản tuyên ngôn là phản ảnh tha thiết mong cầu của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam.

Phật giáo Việt Nam bất diệt!

Lá cờ Phật giáo không thể bị triệt hạ!

Và xin quý Thượng Tọa chấp thuận, chuyển tới toàn thể tín đồ lời ước nguyện cuối cùng của chúng tôi: " Phật tử chúng ta hãy cùng nhau tự nguyện tự giác, bền chí với sứ mạng duy trì Chánh pháp và bảo vệ lá cờ Phật giáo."

Kính

**Tỳ khưu Thích Quảng Đức**

(Nguyễn Văn Khiết- đóng dấu và ký tên)

5380\_5-50\_6-1\_17-46\_14-1\_15-1/ ]

2.3 Vài ngày sau đó, vị Trị Sự Trưởng Giáo Hội Tăng Già Việt Nam là Thượng Tọa Thích Tâm Giác, đã từ chối nguyện vọng “**tự nguyện thiêu đốt thân này**” của Ngài trong một lá thư nguyên văn như sau [trích từ bài viết của ông Trần Kiên Cường]:

“Kính gửi Đại Đức Tỳ Khưu Thích Quảng Đức (Nguyễn Văn Khiết).

Kính bạch Đại Đức

Tôi trân trọng tin để Đại Đức rõ, sau khi tiếp **nhận văn thư của Đại Đức đề ngày 27-5-1963 xin Giáo Hội cho phép được thiêu đốt thân xác** để cùng đường lên Tam Bảo nhân vụ biến động ở Huế, vì lý do lá cờ Phật Giáo bị triệt hạ trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa trong ngày Đại Lễ Phật Đản mà tại Huế đã có 9 người chết và nhiều người bị trọng thương. Với quyết tâm bảo vệ Phật pháp, Đại Đức **nguyện hiến xác thân phẩm này bằng cách thiêu đốt** để phản đối chính sách bất bình đẳng Tôn giáo với nhà cầm quyền và nêu tỏ thái độ hy sinh vì Đạo cao cả mà mình đã tôn thờ.

Giáo Hội rất thông cảm trước ý chí cao đẹp ấy. Nhưng trên nguyên tắc pháp lý (Luật Phật đã định cũng như Luật Pháp thế gian) Giáo Hội **không thể chấp nhận điều nguyện thiêu đốt thân xác của Đại Đức được**. Vậy xin Đại Đức hoan hỉ và cầu chúc Đại Đức vô biên an lạc.

Trân trọng kính chào Đại Đức.

Thượng Tọa Thích Tâm Giác ký tên.

Qua Lá thư của chính Ngài Quảng Đức và thư trả lời của Giáo Hội Tăng Già, người ta thấy rõ ràng là Ngài Thích Quảng Đức **đã có ý nguyện tự thiêu từ trước**. Không ai có thể cáo buộc Ngài bị thiêu đốt, kể cả các ký giả ngoại quốc cũng không biết chuyện này. Ngoài ra, cũng theo văn thư trả lời thì Giáo Hội Tăng Già đã không chấp thuận cho Ngài Thích Quảng Đức tự thiêu, vậy thì **không thể có sự việc cắt đặt người với tên tuổi đảng hoàng lãnh trách nhiệm tẩm xăng cho Ngài**, còn nếu Ngài có nhờ các đệ tử giúp đỡ trong các công việc, thì những việc làm ấy không phải là các sự việc được chánh thức sắp xếp, để cho ngày nay các ông cứ phải bàn cãi, cò kè với nhau.

Vậy thì rõ ràng là cuộc tự thiêu của Thượng Tọa Thích Quảng Đức không do ai tổ chức cả, khi Ngài muốn điều gì thì các đệ tử của Ngài chiều theo ý của Ngài mà thôi. Và do việc Giáo Hội không chấp

thuận qua văn thư như trên, nên phải xác định rõ ràng rằng Giáo Hội không có chủ trương việc tự thiêu của Thượng Tọa, vậy thì Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không có lỗi làm gì trong biến cố này, và cũng do đó mà **Chánh phủ Ngô Đình Diệm đã không có lý do gì để truy tố Giáo Hội Phật Giáo.**”

[Nguồn: <http://quocsam2009.blogspot.com/2011/07/su-that-nao-sau-vu-tu-thieu-lich-su.html#!/2011/07/su-that-nao-sau-vu-tu-thieu-lich-su.html> ]

**2.4** Trong lúc đó, theo vị Đồng lý Văn phòng Phủ Tổng thống thời Ngô Đình Diệm là ông Đoàn Thêm (trong “*Hai mươi năm qua*” và “*Những ngày chưa quên*”, Đại Nam, 1969) thì ngày 29 tháng 5, lực lượng an ninh Huế vẫn siết chặt vòng vây “nội bất xuất ngoại bất nhập” ở chùa Từ Đàm, nơi mà sinh viên và Phật tử thường tụ họp đông đảo để ủng hộ cho những đòi hỏi của Phật giáo, đồng thời chính quyền cho cắt điện và nước ở ngôi chùa này.

Trước hành động đàn áp đó của Chính phủ, ngày 30 tháng 5, Phật giáo tổ chức lễ cầu siêu cho các nạn nhân tại chùa Xá Lợi và chùa Ấn Quang, các Tăng Ni và Phật tử tuyệt thực 48 giờ, đồng thời 300 Tăng Ni biểu tình trước Quốc hội với những khẩu hiệu yêu cầu Chính phủ thỏa mãn 5 nguyện vọng của Phật giáo.

Thấy tình hình bắt đầu căng thẳng, ngày 1 tháng 6, Chính phủ Diệm thay vị Đại biểu Trung phần Hồ Đắc Khương, Tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đăng, là những người mà Chính phủ cho là nhu nhược thân Phật giáo, bằng các ông Nguyễn Xuân Khương và Thiếu tá Nguyễn Mậu (một sĩ quan Công giáo ở trong đảng Cần Lao) để hai nhân vật này hành động quyết liệt hơn trong việc đàn áp Phật giáo.

Vì tình hình nghiêm trọng đó, chính phủ đã thành lập ủy ban Liên Bộ và Phật giáo hình thành Ủy ban Liên Phái để thương nghị với nhau. Trong khi hai ủy ban đang tiến hành những buổi họp đàm phán thì lực lượng an ninh vẫn bao vây chùa chiền và gia tăng các biện pháp cắt điện, cắt nước tại các chùa lớn ở Huế và Đà Nẵng. Riêng tại chùa Tinh Hội Nha Trang, cảnh sát và công an còn chằng kẽm gai chặn đường các Phật tử vào chùa và cản trở việc đi lại của các Tăng Ni từ Sài Gòn về các tỉnh và ngược lại. Cho đến ngày 7 tháng 6, trước phản đối của Phật giáo, Ủy ban Liên Bộ mới công nhận hành động thiếu thiện chí đó và gửi văn thư trả lời cho Ủy ban

Liên Phái là đã cho cấp lại điện nước và quân đội không chặn đường vào chùa nữa.

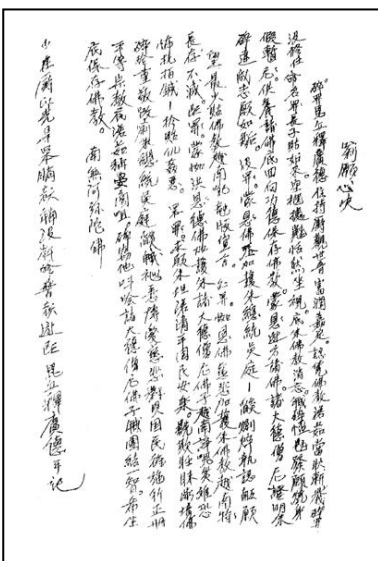
Nhưng dù có văn thư chính thức của Ủy ban Liên Bộ, những hành động chống phá Phật giáo vẫn tiếp tục xảy ra càng lúc càng thô bạo tại các địa phương và ngay giữa thủ đô Sài Gòn. Độc hại hơn nữa, chính quyền đã cho một số công an và cảnh sát cạo đầu, giả vờ mặc áo nâu hay áo lam của tăng sĩ để ra chợ chộc gái, ăn thịt, uống rượu, mua hàng không chịu trả tiền,... rồi đưa lên báo nhằm **bôi lọ các nhà sư và xuyên tạc cuộc đấu tranh** của Phật giáo.

Ngày 8 tháng 6, trong một thông cáo gửi cho Phong trào Phụ nữ Liên Đới, bà Nhu còn công khai lên án và hăm dọa Phong trào Phật giáo khi tố cáo những người trong phong trào Phật giáo là **hợp tác với Cộng sản** và yêu cầu chính quyền phải có biện pháp quyết liệt với phong trào đấu tranh.

Để ứng phó với thái độ phá hoại và không có thiện chí giải quyết nguyện vọng đó của chính quyền, **Phật giáo đành phải lấy những hành động hy sinh quyết liệt hơn mong cảnh tỉnh và khai thông đầu óc giáo điều của cấp lãnh đạo Chính phủ**. Trong một ngôi chùa vắng lặng giữa Sài Gòn sôi động, Ngài Thích Quảng Đức đã lấy một quyết định làm chuyển đổi cả một chế độ và đẩy lịch sử Việt Nam lên một chiều cao bi hùng mới.

Quyết định đó được trình bày một cách thấu tình đạt lý của một người vừa là Phật tử vừa là công dân trong “*Lời Nguyện Tâm Quyết*”, nguyên bản được viết bằng chữ Nôm, và được dịch ra tiếng Việt Latinh để phổ biến trong giai đoạn đó. Sự hình thành của văn bản đó được kể lại như sau:

**“Về một bức thủ bút chữ Nôm của Hòa thượng Thích Quảng Đức”** của **Phạm Quý Vinh** (nguồn: Tạp Chí *Sông Hương* số 227 - 2008) đăng lại với phiên bản điện tử năm 2009 trên <http://tapchisonghuong.com.vn/>



“Trước lúc tự thiêu, Thích Quảng Đức có để lại một bức thủ bút bằng chữ Nôm<sup>(2)</sup>. Đây là một văn bản rất ít người được biết đến và chính là lời tâm nguyện của Thích Quảng Đức trước lúc đi về miền Tây phương cực lạc. Bởi vì, nó không những nêu lên được ước nguyện của một con người mộ đạo, mà nó còn đặt ra cho chúng ta một câu hỏi khó trả lời: Tại sao trong lúc chữ Quốc ngữ đang thịnh hành thì Thích Quảng Đức lại dùng chữ Nôm (loại chữ do dân tộc Việt Nam sáng tạo) để viết? Phải chăng là Thích Quảng Đức đã đề cao bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam!

Với những giá trị về lịch sử của văn bản, chúng tôi xin được giới thiệu bức thủ bút của Thích Quảng Đức. Vì bản photocopy có đôi chỗ mờ nhạt nên trong quá trình chế bản vì tính sẽ không tránh được những thiếu sót nhất định, hy vọng là những ai quan tâm và hiểu biết sẽ đóng góp những ý kiến chân tình để cho bản vi tính và phiên âm được hoàn chỉnh hơn. Nội dung của bức thư cụ thể như sau:

Phiên âm:

*Lời nguyện tâm quyết*

Tôi là Tỳ kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm Phú Nhuận Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa. Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật

để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo.

Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác.

Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, đều thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xưng yển muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

Nam Mô A Di Đà Phật

Làm tại chùa Ấn Quang ngày bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba.

Tỳ kheo Thích Quảng Đức thủ ký.

Bằng lời lẽ nhẹ nhàng, cô đúc nhưng lại giàu tính thuyết phục, Thích Quảng Đức đã gởi gắm tâm nguyện của mình vào bức thư tuyệt mệnh với mong ước bảo vệ Phật giáo ở Việt Nam. Đó quả là một tấm gương một lòng vì đạo pháp mà xưa nay hiếm vậy.

### **P.Q.V**

<sup>(2)</sup> Văn bản này chúng tôi vừa sưu tầm được từ một thượng tọa ở chùa Thiền Lâm (Biết chúng tôi có hiểu biết về Hán Nôm, nên thượng tọa đã tặng chúng tôi một bản photocopy bức thủ bút này). ”

Như vậy, qua **ba** lá thư nói trên (thư xin tự thiêu ngày 27/5, thư trả lời của Giáo hội Tăng Già, thư “Lời nguyện Tâm quyết” 4/6), chúng ta thấy quyết định tự thiêu của Ngài Thích Quảng Đức là một quyết định **xuất phát từ những động cơ sâu sắc, có suy nghĩ chính chắn**. Quyết định lại đi theo **một trình tự hợp lý, biến thiên theo mức độ trầm trọng** của tình hình. Và dù bị từ chối, cá nhân Ngài vẫn **quyết tâm hoàn thành** cho được tâm nguyện. Quyết tâm đó, tâm

nguyên đó, không chứa một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào mà trái lại còn thấm nhuần tình thương và hy vọng thì, lúc đó cũng như bây giờ, những kẻ ngoại đạo hay giáo gian mang tâm cảnh hận thù làm sao hiểu được, lại càng làm sao chấp nhận được.

Đó là về phần Hòa thượng Thích Quảng Đức. Còn diễn biến cuộc tự thiêu thì sao?

### 3- NĂM NHÂN CHỨNG BẤT KHẢ PHỦ BÁC:

Về cuộc tự thiêu của Ngài Quảng Đức, chúng ta có gần cả ngàn nhân chứng nhìn chăm chú vào nhất cử nhất động của Ngài. Không những nhìn bằng mắt mà còn “nhìn” bằng máy chụp ảnh và máy quay phim nữa. Họ là hơn 500 Tăng Ni và hàng trăm Phật tử và đồng bào Sài Gòn có mặt tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt vào buổi sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963. Cũng có mặt hôm đó, ngoài nhân viên mật vụ chìm và nổi của chế độ Diệm có nhiệm vụ theo dõi hoạt động của phong trào Phật giáo, có lẽ cũng có những nhân viên “đặc biệt” của những tổ chức cũng “đặc biệt” không kém của chính quyền nước ngoài như Mỹ và Vatican, vốn là hai nước gắn bó chặt chẽ và có nhiều quyền lợi thiết thân với chế độ Diệm ở Việt Nam.

Nhưng trong số gần cả ngàn nhân chứng đó, để tái dựng lại cuộc tự thiêu của Ngài Quảng Đức một cách trung thực, có năm vị mà chúng tôi cho là có độ khả tín cao, có thể tin vào lời chứng hoặc hình ảnh của họ. Đó là hai tu sĩ Phật giáo có trực tiếp đóng vai trò trong động thái tự thiêu (TT **Thích Đức Nghiệp** và ĐĐ **Thích Chơn Ngự**), một nhân viên làm việc cho cơ quan Mỹ và/hoặc chính quyền Diệm được giao nhiệm vụ theo dõi và báo cáo (ông **Nguyễn Văn Thông**), và hai ký giả nước ngoài chuyên nghiệp làm việc cho các cơ quan truyền thông uy tín quốc tế (nhiep ảnh gia / nhà báo **Malcolm Browne** và nhà văn / nhà báo **David Hamberstam**). Họ là những người có mặt tại chỗ, chức năng của họ là ghi nhận sự kiện một cách trung thực và sau đó, bằng cách này hay cách khác, phổ biến một cách công khai trên toàn thế giới.

**3.1** – Sau đây là trích đoạn Hồi ký của Thượng tọa **Thích Đức Nghiệp**, nhân chứng thứ nhất, người chịu trách nhiệm sao cho cuộc Tự thiêu được hoàn thành:

“Vào 14 giờ, ngày 30-5-1963, đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết ở Huế đã ra chỉ thị cho các cấp Phật giáo phải tổ chức tuyệt thực đòi hỏi chính quyền thực thi năm nguyên vọng. Tại Sài Gòn, Ủy

Ban Liên Phái chúng tôi tuân luyện tổ chức ngay một cuộc biểu tình tại Công trường Lam Sơn trước quốc hội, từ 12 giờ 5 phút tới 5 giờ chiều, rồi diễn hành, căng biểu ngữ, về tới chùa Xá Lợi tuyệt thực suốt 48 giờ. Dịp này có Hòa thượng Thích Quảng Đức tham dự và Ngài có gởi một bức tâm thư xin tự thiêu lên Ủy Ban Liên Phái, đề ngày 27-5-1963. Tuy nhiên, Ủy Ban Liên Phái bác bỏ nguyện vọng tự thiêu này.

Sau cuộc tuyệt thực đó, Ủy Ban Liên Phái lại tổ chức rước linh hàng tuần vào mỗi buổi sáng ngày chủ nhật, để luân phiên cầu siêu tại các chùa trong Sài Gòn; Chợ Lớn, Gia Định, là trụ sở chính của mỗi giáo phái trực thuộc Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam.

Thế nhưng, về phía chính quyền, ông Diệm vẫn cứ tro tro trước dư luận lên án gắt gao của nhân dân Việt Nam và thế giới. Độc ác và bất nhân hơn nữa là ông Diệm lại còn hạ lệnh bắt bớ thêm, phong tỏa thêm các chùa trên toàn quốc, thậm chí ông còn cho những thuộc quyền thẳng tay cắt đứt điện nước và tuyệt đường lương thực của các chùa chủ yếu.

Bởi vậy, vào 8 giờ tối ngày 10-6-1963, hai Thượng tọa Tâm Châu và Thiện Hoa có cho xe vào Ấn Quang, mời tôi (Thích Đức Nghiệp) ra Xá Lợi bàn Phật sự gấp. Khi tới Xá Lợi, tôi gặp hai vị Thượng tọa đang ngồi phòng khách.

Thượng tọa Thiện Hoa nói là:

- Phật giáo mình đương bị lâm nguy quá, nhất là tại Huế hiện nay...

Thượng tọa Tâm Châu nói theo:

- Ngày mai, buổi sáng chủ nhật, tới phiên tôi rước linh và cầu siêu tại chùa Phật Bửu Tự, do Hòa thượng Thích Minh Trực tổ chức, tại đường Cao Thắng, Quận 3. Vậy Thầy về hỏi lại ý nguyện tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, hiện đương tụng kinh Pháp Hoa tại Ấn Quang. Nếu Hòa thượng đồng ý, thì ngay sau khóa lễ ở Phật Bửu Tự, trên đường về Xá Lợi, Thầy tìm mọi cách có hiệu quả nhất, để Hòa thượng Quảng Đức được tự nguyện tự thiêu, đồng thời để cứu nguy cho Phật giáo hiện nay.

Khi về, tôi gặp ngay Hòa thượng Quảng Đức ở chùa Ấn Quang. Sau khi tôi hỏi:

- Hòa thượng còn giữ nguyện tự thiêu như lá thư Hòa thượng đã gởi cho Liên Phái trước đây không?

Hòa thượng mừng rỡ trả lời: Tôi sẵn sàng tự thiêu để cúng dường Tam Bảo và để giác ngộ cho chính quyền mau mau thỏa mãn

năm nguyện của Phật giáo

Tôi (Thích Đức Nghiệp) nói thêm:

- Vây Hòa thượng hãy đi nghỉ và sáng mai, con sẽ tổ chức cho Hòa thượng tự thiêu cho Hòa thượng được thành tựu viên mãn.

Song Hòa thượng nói thêm:

- Đại đức cho tôi được lễ tạ Phật và Thượng tọa Thiện Hoa, tôi sẽ nói: Ngày mai tôi phải đi xa vì Phật sự, đồng thời cho tôi viết một lá thư gởi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Tôi trả lời đều được cả, nhưng tuyệt đối Hòa thượng không nên để cho ai biết việc tự thiêu này. Sau đó, tôi đến phòng Thượng tọa Thiện Hoa mới ở Xá Lợi về để xin ít tiền mua sắm xăng để thiêu và vải để viết biểu ngữ cho sáng ngày mai. Tiếp theo tôi gọi anh lái xe ô tô Austin của Phật tử Trần Quang Thuận gởi ở Ấn Quang và nhờ anh ta đi mua xăng và vải, đồng thời tôi nhờ anh ấy chờ Hòa thượng Quảng Đức đi dự lễ tại Phật Bửu Tự.

Kế đó, tôi họp ngay mấy Thầy lại để phân công vào việc sáng mai:

Thầy Chân Ngữ có trách nhiệm đổ hết xăng từ đầu tới chân Hòa thượng Quảng Đức khi cùng ngồi trên xe Austin để đi tới ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt trước tòa Đại sứ Cao Môn.

Thầy Trí Minh phải ngồi cùng hàng ghế trước để bảo anh lái xe phải dừng lại ở ngã tư đường nói trên, rồi làm bộ chữa xe để Hòa thượng bước xuống đường và ngồi tự thiêu.

Thầy Hồng Huệ giữ trật tự, Tăng Ni đi thành hai hàng và xe của Hòa thượng từ từ đi ở giữa.

Tôi (Thích Đức Nghiệp) đi bên cạnh xe của Hòa thượng. Khi xe ngừng lại Hòa thượng bước xuống, tôi trao tay Hòa thượng bao quẹt và bao diêm để Hòa thượng tự bật lửa thiêu.

Bùng cháy ! Ngọn lửa ngất trời ! Không thể nào tả xiết nỗi bàng hoàng của tất cả Tăng Ni và những người đứng xung quanh ! Lẽ roi ! Tiếng khóc vang lên!

Lập tức, tôi yêu cầu hai mươi vị Tăng Ni ra nằm chặn ở bốn đầu đường để xe cứu hỏa không thể vào nơi thiêu của Hòa thượng Quảng Đức. Biết rằng trong lúc tự thiêu này, có cả Simon Michaud, đại diện hãng thông tấn AFP của Pháp; Malcome Browne, đại diện AP của Mỹ và Neel Shiham, đại diện UPI; đều chứng kiến tận mắt và xe của Đại tướng Hawkins Mỹ cũng tới chỗ hỏa thiêu này.

Sau 30 phút, thi hài của Hòa thượng Thích Quảng Đức được rước về chùa Xá Lợi trên một lá cờ Phật giáo. Tới cổng chùa ông Mai

Thọ Truyền nằm lẩn trên đất dưới thi hài của Hòa thượng từ cổng tới cửa nhà giảng. Rồi những làn sóng người bốn phương tràn tới chùa Xá Lợi để kính viếng một Bồ tát đã thiêu thân. Đài phát thanh trong nước và khắp thế giới đều kính cẩn đưa tin tự thiêu này.”

[Nguồn: [http://www.thuvienhoasen.org/D\\_1-2\\_2-139\\_4-5393\\_5-50\\_6-1\\_17-46\\_14-1\\_15-1/](http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-139_4-5393_5-50_6-1_17-46_14-1_15-1/)]

(Ghi chú: Bài phỏng vấn này được thực hiện hơn 40 năm sau biến cố Tự thiêu nên có vài danh xưng TT Đức Nghiệp đã dùng không chính xác. Tuy nhiên, theo chúng tôi, những điểm quan trọng khác thì đều đáng tin vì ăn khớp với dữ kiện của các nhân chứng khác)

**3.2 - Đại đức Thích Chơn Ngữ, thế danh Huỳnh Văn Hải,** người tuổi xang lên mình Ngải Quảng Đức, là nhân chứng thứ nhì:

Đại đức Thích Chơn Ngữ, thế danh Huỳnh Văn Hải, vốn là đệ tử của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết ở chùa Tường Vân tại Huế. Đại đức người Huế, vào khoảng **30** tuổi vào năm 1963, người tương đối cao lớn nên được phân công đỡ xang lên thân thể Hoà thượng Quảng Đức. Vì tham gia vào vụ tự thiêu trong vai trò đó, ĐĐ Chơn Ngữ đã bị chính quyền Diệm bắt giam để khảo cung, và bị tra tấn tàn bạo làm hư hại bộ phận sinh dục không thể có con. Sau khi chế độ Diệm sụp đổ, ĐĐ Chơn Ngữ được một học bổng đi du học và tốt nghiệp Tiến sĩ đệ tam cấp (Docteur Troisième Cycle) tại Pháp. Cuối năm 1973 hay đầu năm 1974, ĐĐ về nước và dạy tại Đại học Vạn Hạnh ở Sài Gòn, sinh viên ghi danh theo học lớp của ĐĐ khá đông. Sau 1975, trong tình hình mới nhiều phức tạp, Đại đức cởi áo xuất tu, trở lại với thế danh Huỳnh Văn Hải. Rồi khoảng năm 1981, theo phong trào *boat people*, ông vượt biển đến Indonesia. Ông được nhập cư vào Mỹ, sống ở Los Angeles một thời gian và cuối cùng về định cư tại thành phố San Jose ở bang California. Hiện nay (2011), ông Huỳnh Văn Hải đã già yếu, gần 80 tuổi nên thị lực kém, và đang ở vùng Bay Area. Ông có một số bà con ở tại Orange County, miền nam California và ở Houston, tiểu bang Texas.

Năm 1985, trả lời cho tạp chí ***Chấn Hưng*** do một số cư sĩ Phật giáo ở Los Angeles chủ trương, ông Huỳnh Văn Hải (nguyên là Đại đức Thích Chơn Ngữ), người vừa là nhân chứng vừa đóng vai trò quan trọng trong cuộc tự thiêu của Ngải Quảng Đức, đã kể lại như sau:

...Ngày 15 tháng 5, Tổng thống Diệm bắt đắ dĩ phải tiếp phải

đoàn Phật giáo gồm 5 vị: Thượng tọa Thiện Hoa, Thiện Hòa, Hành Trụ, Tâm Châu và Đôn Hậu, nhưng ông Diệm đã không thực tâm giải quyết vấn đề. Do đó, ngày 16 lại có nhiều cuộc tuyệt thực khác và biểu tình rầm rộ trước Quốc Hội, nhưng chính quyền vẫn không đã động gì đến những yêu cầu của Phật giáo đồ... Bây giờ câu hỏi rất quan trọng được đặt ra là việc tự thiêu, người hưởng ứng đầu tiên là Ngài Quảng Đức.

... Lúc 10 giờ sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963, tôi dìu Ngài ra đến cổng chùa, thầy Đức Nghiệp mở cửa chiếc xe Austin đã đậu sẵn, mời Ngài lên. Xe gặp đường Phan Đình Phùng quẹo phía trái là đường Lê Văn Duyệt, tài xế dừng xe lại, xung quanh tôi các tầng ni đã đứng chật ních bao vây ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng.

Tay trái tôi xách thùng xăng, tay mặt tôi dìu Ngài bước ra xe và mời Ngài ngồi xuống. Ngài ngồi “Kiết Già” tay mặt đặt lên tay trái. Tôi cầm thùng xăng đáng lẽ tưới lên vai Ngài, nhưng vì hốt hoảng lo sợ mặt vụ tôi nên đã đổ xăng từ đầu Ngài trở xuống. **Ngài mở hộp diêm rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh.** Lửa tức tốc bùng cháy đốt ngay thân xác Ngài như một pho tượng trong khi các tầng ni quỳ xuống vừa khóc vừa niệm: A Di Đà Phật.

Tiếng niệm Phật rất náo nùng thâm trầm trong lúc ngọn lửa càng bốc cao, phủ kín cả người Ngài, nhưng Ngài vẫn ngồi vững như bàn thạch chấp hai tay trước ngực.

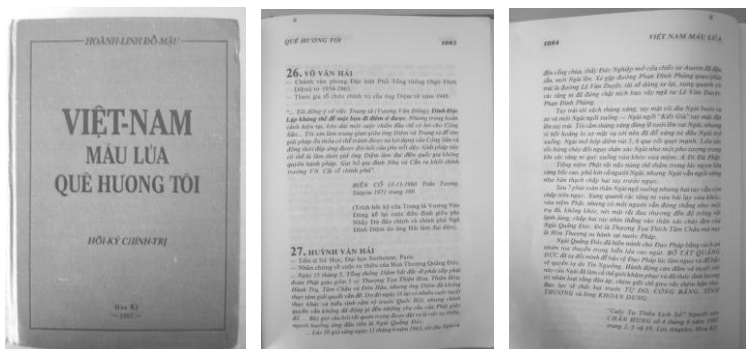
Sau 7 phút toàn thân Ngài ngã xuống nhưng hai tay vẫn còn chấp trên ngực. Xung quanh các tầng ni vừa bái lạy vừa khóc, vừa niệm Phật, nhưng có một người vẫn đứng thẳng như một trụ đá, không khóc, nét mặt rất đau thương đến độ trông rất lạnh lùng, chấp hai tay nhìn thẳng vào thân xác cháy đen của Ngài Quảng Đức. Đó là Thượng Tọa Thích Tâm Châu mà nay là Hòa thượng tu hành tại nước Pháp.

Ngài Quảng Đức đã hiến mình cho Đạo Pháp bằng cách an nhiên tọa thiền trong biển lửa cao ngút. BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC đã tự đốt mình để bảo vệ Đạo Pháp lúc lâm nguy và để bảo vệ quyền Tự Do Tín Ngưỡng. Hành động can đảm và tuyệt vời này của Ngài đã làm cả thế giới khâm phục và đã thức tỉnh lương tri nhân loại rằng đàn áp, chém giết chỉ gieo rắc thêm hận thù. Bao lực sẽ thất bại trước TỰ DO, CÔNG BẰNG, TÌNH THƯƠNG và lòng KHOAN DUNG.

Trích từ “Cuộc Tự Thiêu Lịch Sử” - Nguyệt san Chấn Hưng số 4, tháng 8 năm 1985, trang 2, 3 và 19. Los Angeles, Hoa Kỳ.

Lúc bấy giờ, nguyệt san Chấn Hưng chủ yếu được phổ biến

trong các chùa và cộng đồng cư sĩ Phật giáo ở Mỹ. Và **24 năm trước đây**, phần trích đoạn ở trên của bài viết “Cuộc Tự Thiêu Lịch Sử” đã được cụ **Hoành Linh Đỗ Mậu** in lại trong tác phẩm “**Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi**”, Phụ Lục A, số thứ tự 27, trang 1083 và 1084, ấn bản **1987**, và được tiếp tục duy trì trên các ấn bản tiếp theo, kể cả ấn bản điện tử 2007.



*Ấn bản 1987 của tác phẩm “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi”, Phụ Lục A, số thứ tự 27, trang 1083 và 1084*

[Nguồn:

<http://www.sachhiem.net/HOANHLINH/VNMLphlucA.php>  
<http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/phuluca.htm> và  
[http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com\\_content&view=article&id=5036:y-kien-nhan-si-ve-hoi-ky-do-mau&catid=2:khaocuu&Itemid=4](http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com_content&view=article&id=5036:y-kien-nhan-si-ve-hoi-ky-do-mau&catid=2:khaocuu&Itemid=4) ]

**3.3 - Nhiếp ảnh gia Nguyễn Văn Thông**, nhân chứng thứ ba, người được một cơ quan Mỹ (cũng có người nói ông làm cho mật vụ của chính quyền Diệm) “thuê” chụp ảnh các cuộc biểu tình của Phật giáo tại Sài Gòn, và đã có mặt để ghi lại bằng ảnh cuộc Tự thiêu của Ngài Quảng Đức. Có ba người đã gặp ông Nguyễn Văn Thông để nghe ông kể lại chi tiết vụ tự thiêu năm 1963 của Ngài Quảng Đức:

**3.3.1 “Hôm 30/5/2010, nhà nhiếp ảnh Duy Anh**, phụ trách Cate Nhiếp ảnh (GoNews), đã đến thăm đồng nghiệp lão thành Nguyễn Văn Thông (phải) tại nhà riêng của ông ở Cư xá Đô thành, Quận 10, TP.HCM. Ông là tác giả bức ảnh Tự thiêu, đã đoạt Giải Ngân hai bạc Anh quốc, và Huy chương đồng Phần Lan 1964. (Ảnh: Cẩm An)

Tác giả Nguyễn Văn Thông kể với GoNews: “Chiếc xe hơi dừng giữa đường, giả như hư máy, các tầng ni chặn kín các ngã đường... Sau khi người đâm ướt xăng, Hòa thượng **bật quẹt (đá lửa) do ướt xăng nên không cháy, nên ông nhận cái hộp quẹt khác rồi bật tiếp**. Lửa cháy... Tôi chụp và khóc, tay run lên... vì thấy nhà sư cao cả quá! Sau đó, tôi phóng một tấm lớn 50x60cm tặng cho nhà chùa. Năm sau (1964), tôi mới gửi ảnh ấy đi dự thi...”.

[Nguồn: Trần Kiên Cường –

<http://quocsam2009.blogspot.com/2011/06/anh-thoi-su-vi-ai-nhat-moi-thoi-ai.html#!/2011/06/anh-thoi-su-vi-ai-nhat-moi-thoi-ai.html> ]



Nhiếp ảnh gia Duy Anh và ông Nguyễn Văn Thông, ngồi bên phải. - Ảnh T1 chụp Ngài Quảng Đức lần tràng hạt và bắt đầu niệm: “Nam mô A Di Đà Phật” trước khi tự tay châm lửa. Mọi người chung quanh bắt đầu hoảng hốt.





*Khi ngọn lửa rừng rực bùng lên, Bồ tát Thích Quảng Đức vẫn tự tại ngồi kiết già, gương mặt không lộ chút đau đớn - ảnh T2 và T3 của Nguyễn Văn Thông. Ảnh được Giải Ngân hai bạc Anh quốc, Huy chương đồng Phần Lan 1964, Huy chương bạc Liên hoan ảnh nghệ thuật Hội Nhiếp ảnh TP.HCM 1990.*

**3.3.2** Một người thứ nhì đã gặp ông Nguyễn Văn Thông sau này cũng đã kể lại như sau:

“Ồ bên ngoài, chính ông **Nguyễn Văn Thông**, mật vụ theo dõi hoạt động đấu tranh của Phật giáo và chứng kiến từ đầu đến cuối vụ tự thiêu, cũng công khai bác bỏ sự xuyên tạc Bồ tát Thích Quảng Đức bị chích thuốc mê.

Gần nửa thế kỷ trôi qua, ông vẫn xúc động khi nhớ lại: “Chúng tôi đã theo sát vụ tự thiêu này ngay từ đầu ở chùa Xá Lợi. Chính mắt tôi và các cảnh sát khác đều thấy ngài Thích Quảng Đức khoan thai bước xuống xe, quay mặt xá tứ phương, rồi ngồi kiết già trước khi **chính tay mình châm lửa tự thiêu**. Những hành động bình thản của một nhà tu hành thượng đẳng như vậy không thể là người bị thuốc mê. Còn các nhà sư khác chỉ đứng vòng quanh tụng kinh cho ngài và ngăn chặn cảnh sát. Không có bàn tay nào tác động, xâm phạm đến hành động tự thiêu của ngài”.

Đặc biệt, khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ, ông Thông đã đem những bức hình mình chụp cận cảnh Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu tặng Phật giáo Sài Gòn. Một loạt ảnh đầy đủ từ lúc lửa chưa bùng lên trên thân thể Bồ tát Thích Quảng Đức đến lúc ngài ngã xuống. Đến lúc đó người ta mới chính thức biết có một người Việt nữa đã chụp hình được sự kiện thiêng liêng này ngoài nhà báo Malcolm Browne.

Và những tấm hình đó như một chứng nhân quan trọng cho hậu thế biết sự thật cuộc vi pháp thiêu thân!”

[Nguồn:

<http://www.quangduc.com/BoTatQuangDuc/57mothuyenthoai.html>]

**3.3.3** Người thứ ba, ông **Quốc Việt**, cũng đã gặp nhiếp ảnh gia Nguyễn Văn Thông tại Sài Gòn và cho biết:

“Kể lại cuộc tự thiêu này, nhân chứng phía bên kia là ông Nguyễn Văn Thông, mật vụ đặc trách theo dõi hoạt động Phật giáo thời đó, nhớ lại: *“Tin tình báo gửi về cho biết sẽ có biểu tình lớn từ chùa Ấn Quang đến công trường Lam Sơn và sẽ có nhà sư mổ bụng. Sau này tôi mới biết đó là tin giả để đánh lạc hướng chuẩn bị trấn áp của cảnh sát”*.

Ông Thông kể sáng đó **nhóm cảnh sát mật của mình gồm bốn người mặc thường phục** đi trên một chiếc ô tô. Ông Thông phụ trách hình ảnh, một người viết báo cáo, người khác trực điện đài. Họ chuẩn bị bám theo các tăng ni đến công trường Lam Sơn (Nhà hát lớn TP ngày nay) và không biết gì về cuộc tự thiêu sắp diễn ra. Lúc đó, ông Thông **còn là cộng tác viên của hãng Ảnh xã** nên ngoài chiếc máy ảnh cảnh sát trang bị, ông luôn mang thêm chiếc máy ảnh riêng.

Khi chiếc xe Austin chở Bồ tát Thích Quảng Đức từ chùa Ấn Quang dừng lại ở ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng, tài xế bước xuống giả vờ sửa xe và nhóm cảnh sát chìm vẫn tưởng thật. Thậm chí khi Bồ tát Thích Quảng Đức **bước xuống xe, ngồi kiết già trên đường, ông Thông vẫn không nghĩ ngại tự thiêu**. Chỉ đến lúc thân ngài bốc cháy như ngọn đuốc ông Thông mới sững sờ.

Theo phản xạ ông đưa máy ảnh lên chụp, nhưng tấm đầu tiên bị nhòe vì ông xúc động run tay. Đến tấm thứ hai ông lấy được nét. Đó cũng là tấm phim cuối cùng của chiếc máy ảnh riêng của ông. Ông liền sử dụng chiếc máy ảnh thứ hai được cảnh sát trang bị để chụp tiếp đến cảnh lửa tắt, bồ tát ngã xuống.

Theo ông Thông, có ít nhất **ba người** chụp được hình tự thiêu xúc động này là nhà báo Malcome Browne của Hãng thông tấn AP, một nhà sư và ông. Tuy nhiên, sau đó chỉ có hình của Malcome



Browne lan truyền ra thế giới. Còn ông Thông phải **nộp ảnh cho nha cảnh sát và lặt lẽ giấu đi mấy tấm khác** vì lúc đó ông vẫn còn là **nhân viên chính quyền nhà Ngô**.

Năm nay đã 86 tuổi, ông Thông hồi tưởng chi tiết cuộc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức: “*Lửa bao trùm thân ngài nóng đến mức chiếc can để gần đó phải chảy ra, nhưng bồ tát vẫn tĩnh tại ngồi thiền, thân nhiên đón nhận cái chết. Đặc biệt, khi lửa gần tàn, thân đã cháy đen nhưng ngài vẫn gập đầu về hướng tây mấy lần như lạy Phật rồi mới bật ngửa ra chứ không ngã sấp xuống*.”

Xe cứu hỏa, cảnh sát đổ đến. Các nhà sư nằm chặn trước bánh xe, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ cuộc vi pháp thiêu thân. Nhiều nhân vật chủ chốt của ngành cảnh sát chế độ Sài Gòn bấy giờ cũng có mặt nhưng chỉ đứng nhìn, không thể phản ứng được gì trước ngọn lửa chính nghĩa...”.

[Nguồn:

[http://www.quangduc.com/BoTatQuangDuc/57mothuyenthoai.html#Kỳ\\_3:\\_Vi\\_pháp\\_thiêu\\_thân\\_](http://www.quangduc.com/BoTatQuangDuc/57mothuyenthoai.html#Kỳ_3:_Vi_pháp_thiêu_thân_)]

**3.4 - Thông tin viên Malcolm Browne (1933 - )**, nhân chứng thứ tư, nguyên là Trưởng nhiệm sở của Thông tấn xã Mỹ *Associated Press* tại Sài Gòn. Ông là một trong những nhà báo ngoại quốc được thông báo trước để quan sát cuộc Tự thiêu của Ngài Quảng Đức. Tấm hình chụp cuộc tự thiêu của ông được giải thưởng *World Press Photo of the Year* (1963).

Malcom Wilde Browne sinh năm 1933 tại New York City, bang New York. Mẹ ông theo đạo Tin Lành Quaker còn cha ông là một kiến trúc sư Công giáo. Ông theo học Hóa học tại một trường Tin Lành Quaker nhưng bị động viên trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, và làm cho tạp chí quân đội *Stars and Stripes* hai năm tại chiến trường Thái Bình Dương. Sau đó, ông làm cho tờ *Times Herald Record* rồi chuyển qua làm cho hãng thông tấn *Associated Press* (AP) tại Baltimore từ năm 1959 đến 1961. Sau đó, ông được thăng chức làm Trưởng thông tin viên (Chief Correspondent) tại Đông Dương. Sau khi được giải thưởng Pulitzer nhờ những tấm hình chụp cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, và nhờ đó nhận được nhiều lời mời cộng tác, ông rời AP năm 1965.

Sau đó, ông còn làm việc cho đài truyền hình ABC, cho Đại học Columbia (NY), nhật báo *The New York Times*, tạp chí *Discover*. Năm 1991, ông cũng đã tham dự cuộc chiến Vùng Vịnh. Hiện nay,

11/2011, ông vẫn còn sống ở thành phố New York.

Ông đã xuất bản một tác phẩm về cuộc chiến Việt Nam (*The New Face of War*, Bobbs-Merrill, Indianapolis, 1965) và nhận nhiều giải thưởng báo chí, trong đó có *World Press Photo of the Year* (1963), *Pulitzer Prize for International Reporting* (1964), và giải *George Polk* về can đảm trong nghiệp vụ báo chí.

### The Immolation of Quang Duc

with 2 comments



Trình tự cuộc tự thiêu (Browne ghi theo thứ tự từ ảnh 1 đến 9)



Ảnh số (2)

[Nguồn: <http://iconicphotos.wordpress.com/2009/06/19/the-immolation-of-quang-duc/> ]

Dùng từ khóa “**Malcolm Browne**” để truy tìm trên **Google** và **Wikipedia** ta được nhiều hình ảnh về chiến tranh Việt Nam của ông, và dĩ nhiên trong đó có những ảnh về cuộc Tự thiêu. Chín tấm ảnh đen trắng của Malcolm Browne được bố cục sắp xếp và đánh dấu từ (1) đến (9) ghi lại trình tự từ lúc Đại đức Thích Chơn Ngữ bắt đầu đổ xăng đến lúc các vị sư tìm cách cuốn thân xác đã cháy đen của Ngài Quảng Đức trong lá cờ Phật giáo.

Đặc biệt trong ảnh số (2), Đại đức Chơn Ngữ đã bước rời xa Ngài Quảng Đức và đi nhanh về hướng các Tăng Ni, để lại **HT Quảng Đức một mình tìm cách tự quẹt diêm** giữa vũng xăng lênh láng]

**3.5 –** Và nhân chứng thứ năm, nhà văn, nhà báo **David Halberstam** (1934-2007), chuyên gia về những vấn đề Việt Nam cho nhật báo *The New York Times* tại Việt Nam trong những năm đầu thập niên 1960’. Ông có mặt tại hiện trường trong cuộc tự thiêu của Ngài Quảng Đức. Sau đó, ông tường trình lại cuộc tự thiêu này trên *The New York Times* và nhờ vậy được Giải thưởng báo chí Pulitzer năm 1964, năm ông mới 30 tuổi.

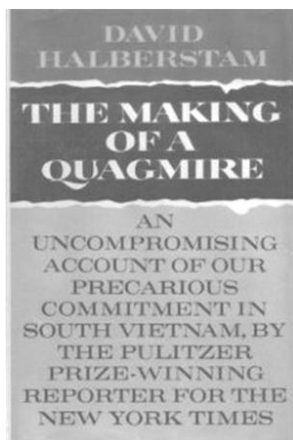
David Halberstam sinh năm 1934 tại thành phố New York,

bang New York. Ông tốt nghiệp Đại học Harvard năm 1955 và đã từng là chủ bút tờ báo *The Harvard Crimson* nổi tiếng của trường này.

Ông bắt đầu nghề báo với tờ *Daily Times Leader* ở Mississippi. Ông đến Việt Nam năm 1962 với tư cách là một chuyên gia toàn thời về Việt Nam (full time Vietnam specialist) cho nhật báo *The New York Times*. Cùng với những đồng nghiệp như Neil Sheehan, Peter Arnett, Stanley Karnow, ... ông đã tường trình sâu sát về chiến tranh Việt Nam, nhất là trong cuộc khủng hoảng Phật giáo dẫn đến cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Ông là người khám phá ra âm mưu của ông Ngô Đình Nhu cho Lực lượng Đặc biệt giả dạng Quân đội VNCH tấn công chùa chiền để vu khống các tướng lãnh quân đội (*During the Buddhist crisis, he and Neil Sheehan debunked the claim by the regime of Ngo Dinh Diem that the Army of the Republic of Vietnam regular forces had perpetrated the Xa Loi Pagoda raids, which the American authorities initially believed, and that instead, the Special Forces loyal to Diem's brother Ngo Dinh Nhu had done so to frame the army generals*).

Năm 1964, ông rời Việt Nam và được Giải thưởng Pulitzer năm mới 30 tuổi nhờ những phóng sự của ông về chiến tranh Việt Nam. Trong thập niên 1960's, ông vẫn làm cho *The New York Times* để phúc trình về Phong trào Dân quyền của người da đen.

Sau đó, ông ít hoạt động báo chí mà chủ yếu chú tâm vào việc viết sách, kể cả sách về thể thao vào cuối đời. Ông mất trong một tai nạn xe hơi vào ngày 23/4/2007 trên đường đến diễn thuyết tại Đại học UC Berkeley, bang California. Ông đã viết 21 cuốn sách trong khoảng thời gian từ 1961 đến 2007. Những cuốn nổi tiếng có liên hệ đến Việt Nam là: *The Making of a Quagmire: America and Vietnam during the Kennedy Era*. McGraw-Hill. 1965; *Ho*. McGraw-Hill. 1971; *The Best and the Brightest*. Ballantine Books. 1972; *October 1964*. Ballantine Books. 1994.



Trong cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, ông cũng có mặt tại hiện trường với Malcolm Browne. Sau đó ông kể lại

trong *The Making of a Quagmire*, trang 211, New York, Random House, 1965, như sau:

*"Tôi không muốn nhìn thấy cảnh đó thêm một lần nữa, một lần đã là quá đủ. Những ngọn lửa tỏa ra từ một con người, thân xác của vị sư từ từ khô héo dần và co quắp lại, đầu vị sư trở nên đen dần và hóa thành than. Không khí đượm mùi thịt người cháy; (thì ra) con người cháy nhanh một cách đáng ngạc nhiên. Tôi có thể nghe từ sau lưng tôi tiếng khóc thốn thức của những người Việt Nam đang tụ họp tại đó. Tôi đã quá sốc nên không khóc được, quá rối rắm nên không ghi chép hay hỏi han gì được, quá hoang mang đến nỗi thậm chí không thể nghĩ gì được. Khi vị sư ấy tự thiêu, bắp thịt của vị sư không hề cử động, vị sư không thốt ra một âm thanh nào, cái vẻ ngoài điềm tĩnh của vị sư thì trái ngược hẳn với đám đông khóc than chung quanh."*

(I was to see that sight again, but once was enough. Flames were coming from a human being; his body was slowly withering and shriveling up, his head blackening and charring. In the air was the smell of burning human flesh; human beings burn surprisingly quickly. Behind me I could hear the sobbing of the Vietnamese who were now gathering. I was too shocked to cry, too confused to take notes or ask questions, too bewildered to even think... As he burned he never moved a muscle, never uttered a sound, his outward composure in sharp contrast to the wailing people around him.)

[Nguồn: [http://en.wikipedia.org/wiki/David\\_Halberstam](http://en.wikipedia.org/wiki/David_Halberstam) và [http://en.wikipedia.org/wiki/Thich\\_Quang\\_Duc](http://en.wikipedia.org/wiki/Thich_Quang_Duc) ]

Là một nhà văn nhạy cảm và một phóng viên sắc sảo cho tờ nhật báo đứng đầu nước Mỹ về nghiệp vụ thông tin, lại đứng ngay tại hiện trường chăm chú theo dõi, **không thấy ông Halberstam đề cập** gì đến động thái bất thường (như “*vô hồn*” hay “*bị kích thuốc mê*”) của Ngài Quảng Đức **trước khi** tự thiêu cả.

#### 4- THỬ TÁI DỰNG SỰ THẬT VỀ DIỄN TIẾN CUỘC TỰ THIÊU

Trong khi chờ đợi hồ sơ chính thức của Phật Giáo Việt Nam, căn cứ trên các tài liệu và chứng tích của 4 trong 5 nhân chứng nói trên, ta có thể giải quyết một điểm tuy không ăn khớp với nhau trong lời kể nhưng lại quan trọng về tình trạng tâm thần của HT Quảng Đức ngay trước phút tự thiêu:

| Nhân Chứng                    | Vật liệu bật lửa                            | Động thái tưới xăng                                            | Động thái bật lửa                                                                                                                                                |
|-------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ThT. Thích Đức Nghiệp         | hộp quẹt bao diêm                           |                                                                |                                                                                                                                                                  |
| ĐĐ. Thích Chơn Ngữ            | bao diêm                                    | ĐĐ Chơn Ngữ “ <i>đổ xăng lên đầu</i> ”                         | HT Quảng Đức “ <i>mở hộp diêm rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh</i> ”                                                                                                   |
| Ô. Nguyễn Văn Thông (Ảnh+Bài) | hộp quẹt (đá lửa)<br>bao diêm               | Ảnh T1: Sau khi được tưới xăng, Ngài Quảng Đức ngồi một mình   | HT Quảng Đức “ <i>bật quẹt (đá lửa) do ướt xăng nên không cháy, nên ông nhận cái hộp quẹt khác rồi bật tiếp</i> ” và “ <i>chính tay mình châm lửa tự thiêu</i> ” |
| Ô. Malcolm Browne (Ảnh số N)  | Ảnh (2): không biết hộp quẹt (hay bao diêm) | Ảnh (1): một vị sư đổ xăng lên đầu<br>Ảnh (2): rồi vị sư bỏ đi | Ảnh (2) và ảnh (3): Ngay trước và ngay sau khi phục lửa, HT. Quảng Đức ngồi kiết già chỉ một mình                                                                |

Nhân xét: Tuy ĐĐ Chơn Ngữ không nhắc đến hộp quẹt (lighter/briquet) trong lời kể của mình, nhưng cả TT Đức Nghiệp lẫn ông Nguyễn Văn Thông đều có nhắc đến có hai nguồn bật lửa là **hộp quẹt** và **bao diêm**. Hơn nữa, ông Thông còn kể lại một chi tiết đáng nhớ là hộp quẹt (đá lửa) *do ướt xăng nên không cháy*, vì vậy Ngài Quảng Đức phải xài hộp diêm (phù hợp với mô tả “*mở hộp diêm rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh*” của ĐĐ Chơn Ngữ). Điều này chỉ để chứng tỏ rằng ngay cả vào những giây phút quyết liệt cuối cùng, HT Quảng Đức vẫn **rất tỉnh táo, tự mình biết tìm giải pháp khi bị trở ngại để quyết tâm đạt được mục đích** tự thiêu của mình.

Bây giờ thì ta có thể tạm thời thử tái hiện cuộc tự thiêu của Ngài Thích Quảng Đức một cách hợp lý và sát với sự thật nhất theo trình tự sau đây:

1. Ngày 27/5/1963, hơn 2 tuần trước ngày tự thiêu, Thượng tọa Thích Quảng Đức gửi một lá đơn lên Giáo Hội Tăng Già, xin

- được phép phát nguyện tự thiêu. Lá đơn này gửi cho “*Hòa Thượng Hội Chủ, Thượng Tọa Trị Sự Trưởng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức trong Giáo Hội Tăng Già Việt Nam*”
2. Vài ngày sau đó, Thượng tọa Thích Tâm Giác đã thay mặt Giáo hội trả lời cho Ngài, từ chối lời thỉnh cầu “*trên nguyên tắc pháp lý (Luật Phật đã định cũng như Luật Pháp thế gian) Giáo Hội không thể chấp nhận điều nguyện thiêu đốt thân xác của Đại Đức được.*” [Theo Trần Kiên Cường]
  3. Ngày 4/6/1963, Ngài để lại di chúc bằng một lá thư chữ Nôm tựa là “*Lời Nguyện Tâm Quyết*”, trong đó Ngài nói rõ rằng: “*Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi diêm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:*” [Theo Phạm Quý Vinh / Tạp chí Sông Hương]. Lá thư này, sau đó được dịch ra tiếng Việt Latinh để phổ biến cho báo chí và quần chúng.
  4. Lúc 10 giờ sáng ngày 11/6/1963, Đại đức Chơn Ngừ diu Ngài ra khỏi cổng chùa Bửu Tự ở đường Cao Thắng thuộc Quận 3, Sài Gòn. Tại đó, Thượng tọa Thích Đức Nghiệp mở cửa chiếc xe Austin đã đậu sẵn, mời Ngài lên. Xe chạy từ từ tiến theo đường Phan Đình Phùng, hướng về trung tâm thủ đô. Đi hai bên hông xe và đồng đạo ở phía sau là quý Tăng Ni Phật Tử, tất cả kết hợp nhau thành một đoàn khoảng 500 vị, và càng ngày càng đông thêm vì đồng bào ở hai bên đường đã tủa ra rồi tự động đi theo đoàn. Xe quẹo phía trái vào đường Lê Văn Duyệt, xéo trước mặt Tòa Đại sứ Cambốt thì dừng lại. Xung quanh, các Tăng Ni đã đứng chật, che kín ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng, còn đồng bào đi theo thì bắt đầu xôn xao vì chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra [Theo TK Cường, Thích Đức Nghiệp và Huỳnh Văn Hải]
  5. Rồi đoàn Tăng Ni tự động tách ra làm hai, bao quanh lấy chiếc xe Austin thành một vòng tròn khá rộng, đủ ngăn cả bốn ngã đường. Ngài được Đại đức Chơn Ngừ diu ra khỏi xe Austin, đi thong thả và ung dung đến giữa ngã tư đường, tay cầm tràng hạt, và hai tay chắp vào nhau cúi lạy Chư Phật bốn phương. Đại đức Chơn Ngừ thì tay trái xách thùng xăng bước theo, còn Thượng tọa Đức Nghiệp thì trao vào tay Ngài hộp quẹt (lighter/briquet) và bao diêm (matchbox/boîte d'allumette) để Ngài tự bật lửa thiêu.

Trong lúc đó, bác tài xế thì lẳng xăng dờ nắp capot máy xe lên làm như đang sửa chữa ... [theo TĐNghiệp, HVHải và TKCuồng]

6. Đến vị trí ngay giữa ngã tư đường, Đại đức Chơn Ngũ mời Ngài ngồi xuống. Ngài ngồi “Kiết Già” tay mặt đặt lên tay trái. Đại đức Chơn Ngũ cầm thùng xăng đáng lễ tước lên vai Ngài, nhưng vì hốt hoảng lo sợ mặt vụ tới nên đã đổ xăng từ đầu Ngài trở xuống. Rồi Đại đức Chơn Ngũ để thùng xăng xuống cách Ngài khoảng một mét rồi bước vội về phía các Tăng Ni, để Ngài ngồi lại một mình trên vũng xăng lênh láng. [Theo HVHải, Halberstam và ảnh (2) của Browne].
7. Ngài niệm Phật xong rồi bật hộp quẹt (lighter/briquet) nhưng vì hộp quẹt ướt xăng nên lửa không cháy, Ngài bèn mở hộp diêm (matchbox/boîte d'allumette) rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh. Lửa tức tốc bùng cháy đốt ngay thân xác Ngài như một pho tượng trong khi các Tăng Ni quỳ xuống vừa khóc vừa niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Tiếng niệm Phật rất náo nùng thê thảm trong lúc ngọn lửa càng bốc cao, phủ kín cả người Ngài, nhưng Ngài vẫn ngồi vững như bàn thạch chấp hai tay trước ngực. [theo Nguyễn Văn Thông, Halberstam và HVHải]
8. Sau 7 đến 10 phút, toàn thân Ngài từ từ khô héo dần và co quắp lại, đầu Ngài trở nên đen dần và hóa thành than. Không khí đượm mùi thịt người cháy. Lửa vẫn bùng cháy khi thân thể Ngài ngã ra phía sau mà hai tay vẫn còn chấp trên ngực. Xung quanh các Tăng Ni vừa bái lạy vừa khóc, vừa niệm Phật. Cảnh sát đã cố ngăn vụ tự thiêu nhưng không thể xuyên qua được đám đông Phật tử đang vây quanh Ngài. Một cảnh sát phi mình vào và phủ phục trước Hòa thượng nhằm tỏ lòng kính trọng. Những người chứng kiến phần lớn sững sốt trong yên lặng, số khác thì khóc thét và bắt đầu cầu nguyện. Nhiều nhà sư và ni cô cũng như người qua đường vì quá bàng hoàng đã quỳ lạy trước vị Hòa thượng đang cháy bùng. Một nhà sư tuyên bố nhiều lần qua một micrô bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt: “Một nhà sư đã tự thiêu. Một nhà sư đã trở thành con người tử vì đạo”. [Theo Halberstam và hình của Browne cũng như của NVThông]
9. Sau 30 phút, thi hài của Hòa thượng Thích Quảng Đức được bọc trong một lá cờ Phật giáo và rước về chùa Xá Lợi. Tới cổng chùa, ông Mai Thọ Truyền nằm lăn trên đất dưới thi hài của Hòa

thượng từ cổng tới cửa nhà giảng. Rồi những làn sóng người bốn phương tràn tới chùa Xá Lợi để kính viếng một Bồ tát đã thiêu thân. [theo TĐNghiệp]

Trong khi cố gắng tái dựng lại diễn tiến cuộc tự thiêu, chúng tôi thấy có ba điểm nổi bật:

(a) Quyết định tự thiêu của Ngài Quảng Đức là một quyết định hoàn toàn cá nhân, xuất phát từ tâm nguyên riêng của Ngài muốn cúng dường đạo pháp để cứu nguy cho Phật giáo Việt Nam. Quyết định này được áp ủ từ lâu, bắt nguồn từ chứng nghiệm tình hình Phật giáo đồ và chùa chiền bị đàn áp lúc bấy giờ, và đã được thể hiện thành văn từ trước, dù bị các vị lãnh đạo Phật giáo từ chối.

(b) Sau khi Ngài Quảng Đức ngồi kiết già, người tưới xăng lên mình Ngài là Đại đức Thích Chơn Ngự, thế danh là Huỳnh Văn Hải. Sau khi tưới xăng xong thì Đại đức bỏ đi về hướng các Tăng Ni để Ngài ngồi lại một mình trên vũng xăng. Ngài Quảng Đức bèn bật hộp quẹt (lighter/briquet) do TT Đức Nghiệp trao cho nhưng vì hộp quẹt ẩm ướt xăng nên không bắt cháy. Do đó, Ngài vẫn đủ tỉnh táo để lấy nhiều que diêm trong hộp diêm (matchbox/boîte d'allumette) do TT Đức Nghiệp dúi vào tay từ trước, chập lại vào nhau, bật lên, lửa mới bắt đầu bùng cháy phụt lên.

(c) Thật ra, để tái dựng một cách trung thực cuộc Tự thiêu, chúng ta cần một **cuốn phim** được quay tại hiện trường vào lúc đó. Truy tìm trên Google và các nguồn khác, chúng ta chỉ được những tấm hình tĩnh (still photos) của Browne và ông Nguyễn Văn Thông. Và dĩ nhiên có một số Video nguy tạo mà chúng tôi sẽ phân tích ở phần sau. Tuy nhiên, có một Video ở trong nước, theo góc quay thì có vẻ là của một cơ quan nào đó của chính quyền VNCH cũ hơn là của Phật giáo, nay được phát hành lại như phim tài liệu ở trong nước. Theo chúng tôi thì có lẽ đây là phim động duy nhất của người Việt Nam còn được lưu trữ [Xem Video này ở [http://www.thuvienhoasen.org/D\\_1-2\\_2-139\\_4-5374\\_5-50\\_6-1\\_17-46\\_14-1\\_15-1/](http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-139_4-5374_5-50_6-1_17-46_14-1_15-1/) ]. Rất tiếc đây là loại phim đen trắng rất cũ, lại có vẻ đang “quay lén”, nên không rõ ràng. Và chẳng giúp cho chúng ta xác lập được những diễn biến chi tiết ngay trước khi lửa phụt cháy. Rồi đây, khi cuốn phim đó được bạch hóa, và được xem phiên bản gốc, hy vọng chúng ta sẽ có nhiều chi tiết hơn.

## 5- NHỮNG NGUY TẠO VÀ XUYÊN TẠC – BÓC TRẦN HAI LỜI VU KHỔNG

Ngoài rất nhiều tài liệu nguy tạo và xuyên tạc sự thật về tình hình Phật giáo dưới chế độ Diệm, những bài viết vu khống và phỉ báng cấp lãnh đạo cao cấp của Phật giáo Việt Nam (đã mất hay còn sống, cả ở trong lẫn ngoài nước), những bài gọi là “nghiên cứu lịch sử” hạ cấp phê phán Giáo pháp của Đức Phật, ... đặc biệt có hai cuốn phim được phát tán trên YouTube để trực tiếp phủ nhận ý nghĩa cao cả của cuộc tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức, cuộc tự thiêu dẫn đến sự sụp đổ của một chế độ giáo trị phản dân tộc và phản thời đại, chế độ Ngô Đình Diệm:

■ Thứ nhất là Video *“A shot in ‘Mondo Cane 2’ ”* với tựa đề **“Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức”**.

Video này do *billymoc* phát lên YouTube ngày 24 tháng 7 năm 2011 (sau đó cũng đã được *tinhban1987* phát lên YouTube ngày 18-9-2011 dưới tên gọi khác). Thông tin ghi địa điểm quay phim là *“Sardina tại nước Ý, phim được thuyết minh bằng tiếng Ý và phát hành ngày 30 tháng 11 năm 1963 tại Ý”*. Phim của hai nhà làm phim người Ý tên là *Guatiero Jacopettit* và *Franco Prosperi* về những vụ đàn áp biểu tình tại Sài Gòn và vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức tại ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng”. Phim dài 7 phút 48 giây.

Đây là một video nguy tạo rất vụng về, hiện trường và diễn viên có lẽ tại Thái lan hoặc Cambốt, nhưng tên tiếng Việt của Video (**“Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức”**) cũng như thông tin đi kèm (**phát hành ngày 30 tháng 11 năm 1963 tại Ý**) là chỉ cốt lạc dẫn người xem mà thôi.

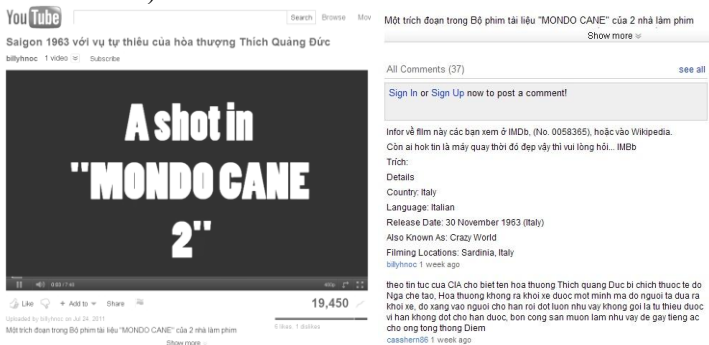
Xin đọc bài phân tích *“Clip HT Quảng Đức tự thiêu diễn lại: từ điểm nhìn chuyên môn”* của tác giả Minh Thạnh, trong đó ông đã chỉ ra gần 30 điểm dàn dựng giả mạo của Video này (<http://www.phattuvietnam.net/diendan/16902.html>).

Không rõ phim có thật do hai người Ý làm không, làm năm nào, và không biết thuyết minh tiếng Ý mang nội dung gì, nhưng khi dàn dựng cho **có vẻ Việt Nam** (nhân vật, khung cảnh, trang phục, diễn tiến sự cố ... lại đan chen thêm những clip thật như đoạn bà Ngô Đình Nhu để tạo hỏa mù) lại đặt tiêu đề là **“Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức”** thì rõ ràng những người

chế tạo ra đoạn phim video này nhằm đối tượng là khán giả Việt Nam (nhất là người Việt Nam chỉ xem một lần rồi không quan tâm đến biến cố 1963 này nữa) với một ý đồ rõ rệt: Vụ tự thiêu của vị sư Thích Quảng Đức là cao điểm của một vụ bạo loạn chống chính quyền với sự đồng ý của lực lượng ... cảnh sát ! (vì Cảnh sát đã không vào cứu vị sư mà ngược lại, còn giữ trật tự cho vị sư được tự thiêu).

Điều thắc mắc duy nhất là **tại sao** (những) người thực hiện đoạn phim video này **lại phạm quá nhiều sơ hở như thế?** Ai xem cũng biết đó là phim dàn dựng, đó là phim ngụy tạo một sự thật lịch sử ! Thế mà vẫn **cho phổ biến** để được những người chống phá Phật giáo phát tán thì những người thực hiện đó có ý đồ gì?

Dưới đây, chúng tôi xin bổ túc thêm (cho bài viết của tác giả Minh Thạnh) một số sai lầm khác của Video này (Xin xem ghi chú dưới các tấm ảnh):



V0.03 - Tên phim bằng tiếng Mỹ

Thông tin về cuốn phim



V0.19 Bảng đường sai tiêu chuẩn

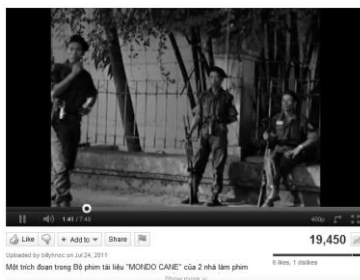


V1.06 Sai tiếng Mỹ, trật tiếng Việt

## 1963 – 2013: Năm Mươi Năm Nhìn Lại • Tập Hai



V1.32 Không đứng toà Đại sứ Mỹ



V1.41 Không đứng quân phục



V1.56 Không đứng cổng chùa Xá Lợi



V2.13 Clip thật hình bà Nhu



V2.49 Sư bị bắt vào xe bóng láng !



V5.18 Cạo tóc bằng dao cạo điện

Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức

billyhnc 1 video 36



Like Add to Share

19,450

Uploaded by billyhnc on Jul 24, 2011

Một trích đoạn trong Bộ phim tài liệu "MONDO CANE" của 2 nhà làm phim

Show more >

Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức

billyhnc 1 video 36



Like Add to Share

19,450

Uploaded by billyhnc on Jul 24, 2011

Một trích đoạn trong Bộ phim tài liệu "MONDO CANE" của 2 nhà làm phim

Show more >

## V6.13 Chùa Nam tông tại *Cambốt*?! V6.30 Cảnh sát đứng ... nhìn

Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức

billyhnc 1 video 36



Like Add to Share

19,450

Uploaded by billyhnc on Jul 24, 2011

Một trích đoạn trong Bộ phim tài liệu "MONDO CANE" của 2 nhà làm phim

Show more >

Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức

billyhnc 1 video 36



Like Add to Share

19,450

Uploaded by billyhnc on Jul 24, 2011

Một trích đoạn trong Bộ phim tài liệu "MONDO CANE" của 2 nhà làm phim

Show more >

Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức

billyhnc 1 video 36



Like Add to Share

19,450

Uploaded by billyhnc on Jul 24, 2011

Một trích đoạn trong Bộ phim tài liệu "MONDO CANE" của 2 nhà làm phim

Show more >

Saigon 1963 với vụ tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức

billyhnc 1 video 36



Like Add to Share

19,450

Uploaded by billyhnc on Jul 24, 2011

Một trích đoạn trong Bộ phim tài liệu "MONDO CANE" của 2 nhà làm phim

Show more >

V6.53, 6.54, 6.55 và 6.56 liên tục - Đứng vào thời điểm bật lửa (V6.55) thì đầu một vị sư che mắt HT Quảng Đức ! Vì sao? Muốn dấu gì? “người” tự thiêu là một hình nộm? Hay là người thật nhưng bị chích thuốc mê man (drugged)?

■ Thứ nhì là Video “TỰ THIÊU?” với tựa đề “Thích Quảng Đức – THICH QUANG DUC”.

Video này do VIETNAMSAIGON75 phóng lên YouTube ngày 3 tháng 5 năm 2010. Trừ đoạn quay bà Ngô Đình Nhu tuyên bố với báo

chí Mỹ về vụ tự thiêu của HT Quảng Đức (“barbecued” / nướng sù) là *động*, phần còn lại của video dùng những hình ảnh *tĩnh* để làm nền cho thuyết minh và thêm chữ bằng tiếng Việt. Phim dài 4 phút 21 giây.

Nội dung của Video chủ yếu là để hỗ trợ cho lập luận trong cuốn “*Biến Động Miền Trung*” của ông **Liên Thành** được nối kết / link với Video, rằng giới lãnh đạo phong trào Phật giáo năm 1963 là Cộng sản (“*VC Phật giáo Ấn Quang*”). Một cách cụ thể, Video còn cho rằng chính ông “*Nguyễn Công Hoan đã dùng chiếc Zipo loại lớn để bật lửa rồi đốt cháy Hòa thượng Thích Quảng Đức trong lúc ông đã bị hôn mê hoàn toàn*” nhằm bênh vực cho tuyên bố “nướng sù” của bà Ngô Đình Nhu.



Lập luận đó quay quanh chuyện ông Nguyễn Công Hoan đã chích thuốc “*an thần Trenxinne và Trancanin*” vào người HT Thích Quảng Đức từ nhiều ngày trước. Và đến ngày 11-6-1963 thì ông Hoan diu một HT Quảng Đức đã thành “*một kẻ vô hồn*” ra ngồi tại ngã tư đường để ông ấy tưới xăng lên đầu Ngài và tự tay châm lửa đốt Ngài. Do đó, đây không phải là một vụ tự thiêu mà là một vụ “*nướng sư*” như bà Ngô Đình Nhu đã tuyên bố.

Thật vậy, kèm theo Video “TỰ THIÊU?” này là trích đoạn sau đây:

“Uploaded by [VIETNAMSAIGON75](#) on May 3, 2010

Việt cộng NGUYỄN CÔNG HOAN ĐẢ THIÊU SỐNG THÍCH QUẢNG ĐỨC

<http://vietnamsaigon.multiply.com/journal/item/489/489>

“Vào lúc 7 giờ sáng ngày 11-6-1963, (nhằm ngày 20-4 âm lịch)

Những kẻ sát nhân này là **Trần Quang Thuận** đã chở Hòa thượng Thích Quảng Đức đến ngã tư Lê Văn Duyệt Phan Đình Phùng, Sài Gòn, cùng **Nguyễn Công Hoan** VC nằm vùng (Dân biểu của Việt Nam Cộng Hòa ) Sau ngày mất nước Nguyễn công Hoan cũng tiếp tục là dân biểu tỉnh Phú Khánh của bọn Việt-gian-cộng-sản.

Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn Thạnh) là người đồng hương với Hòa thượng Thích Quảng Đức.

Theo những tài liệu cũ, thì suốt trong thời gian cuối đời của Hòa thượng Thích Quảng Đức, **sau khi đã « được » VC Phật giáo Ấn Quang đã ra lệnh phải bức tử**, Nguyễn Công Hoan luôn luôn ở bên cạnh Hòa thượng Thích Quảng Đức, để « theo dõi sức khỏe».

Nhưng, thực ra, là **mỗi ngày Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn Thạnh) đóng vai là một y tá đã chích cho Hòa thượng Thích Quảng Đức bằng «thuốc trợ tim» (Thuốc an thần Trenxinne và Trancanin ) đã khiến cho Hòa thượng Thích Quảng Đức từ từ biến thành một kẻ vô hồn**. Bởi vậy, nên mọi người đều thấy khi được diu đến nơi để phải chịu đốt, thì Hòa thượng Thích Quảng Đức đã hoàn toàn hôn mê, bất động và ngồi như một bức tượng đá trong ngọn «Lửa Từ Bi »của Việt cộng.

Và, chính Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn Thạnh) là tên giả sư đã tự tay cầm một can xăng để tưới từ trên vai xuống người của Hòa thượng Thích Quảng Đức. **Rồi cũng chính Nguyễn Công Hoan đã dùng chiếc Zipo loại lớn để bật lửa rồi đốt cháy Hòa thượng Thích Quảng Đức trong lúc ông đã bị hôn mê hoàn toàn,....**

Gần nửa thế kỷ, từ ngày **Thích Quảng Đức BỊ THIÊU SỐNG**

cho đến hôm nay, không một ai đặt câu hỏi rằng người tưới xăng vào Thích Quảng Đức và bát hộp quet đốt cháy là ai?

Thông thường bản năng tồn tại của con người la phản kháng trước sự đau đớn, cháy, nóng nhưng ở đoạn phim này thì ngược lại là TQĐ hoàn toàn đã chết trước khi bị đốt.

Người Phật Tử và những vị sư cao tăng nhất cũng chưa bao giờ điều tra về việc này và chuyện dễ nhất là cứ đổ tội trên đầu hai anh em TT Diệm cho xong, vì dù sao họ cũng đã chết rồi.

Nhìn lại lịch sử sẽ thấy rằng: Bao lâu mà người Phật Giáo không dám nhìn vào sự thật của lịch sử thì bấy lâu Việt cộng sẽ thao túng tất cả các tôn giáo mà chẳng riêng gì Phật Giáo. Vì Việt cộng là kẻ chủ mưu những việc thiêu sông các sư, thì tất nhiên chúng sẽ không bao giờ để xảy ra một Thích Quảng Đức thứ hai..

Biến Động Miền Trung:

<http://vietnamsaigon.multiply.com/video/item/69/69> ”

[Nguồn:

<http://www.youtube.com/watch?v=RPBsPrJ72Wo&feature=related> ]

■ **Phản bác lời vu khống:** Như ta đã thấy ở các phần trên, vụ tự thiêu của Ngài Thích Quảng Đức (một cao điểm của phong trào Phật giáo vận động chống chánh sách kỳ thị tôn giáo, dẫn đến sự tham gia và liên kết với các lực lượng quần chúng khác tại miền Nam chống chính quyền Diệm, và đánh động được sự ủng hộ của dư luận thế giới, kể cả Vatican) đã xảy ra giữa thanh thiên bạch nhật, được những nhân chứng trong và ngoài nước ghi lại rõ ràng như thế. **Vậy mà những kẻ hoài Ngô, nuôi hận thù, vẫn cố gắng bóp méo sự thật về vụ tự thiêu cho bằng được.**

Bóp méo, mà bóp méo một cách trắng trợn, vì nếu người tắm xăng không phải là ông Nguyễn Công Hoan mà là ông Huỳnh Văn Hải, nếu người bát hộp quet không phải là ông Nguyễn Công Hoan mà chính HT Thích Quảng Đức **tự bát quet cho lửa phực cháy**, thì toàn bộ cuốn Video “TỰ THIÊU?” này trở thành vô giá trị. Hoặc chỉ có giá trị như một lời vu khống gian xảo !

Hai điểm vu khống của họ đã bị những nhân chứng và dữ kiện phủ bác như sau:

1- Về lời vu khống cho rằng Hoà thượng Thích Quảng Đức bị chích thuốc mê trở thành kẻ vô hồn và bị diu ra ngồi chịu đốt, ta thấy Hòa thượng đã có ý định tự thiêu từ đầu, xuất phát từ những cảm nhận cá nhân của Ngài trước sự tàn ác của chính quyền Diệm và trước

vận mệnh nghiêng ngửa của Phật giáo Việt Nam. Ngài đã **đơn phương và tỉnh táo lấy quyết định tự thiêu** qua lá thư thỉnh cầu (từ hơn 2 tuần trước khi tự thiêu, ngày 27/5/1963) và thư tuyệt mệnh (ngày 4/6/1963), do đó là một quyết định có tính toán trước (premeditated decision). Hơn thế nữa, ngay đến phút chót, qua tấm **ảnh T1** (mục 3.3.1) của ông Nguyễn Văn Thông và **ảnh số (2)** (mục 3.4) của Malcolm Browne, ta thấy Ngài, **ngồi một mình vì Đại đức Chơn Ngự đã bỏ đi, vẫn tỉnh táo** để tự mình lần đầu bật hộp quẹt không cháy, thì lần thứ nhì quẹt diêm thấp cho lửa bùng cháy lên.

2- Về lời vu khống rằng ông Nguyễn Công Hoan là người “đóng vai ý tá”, trước đó nhiều ngày theo sát chích “thuốc trợ tim” đầu độc Ngài, và ngày 11/6/1963 đã tưới xăng lên mình Ngài rồi dùng hộp quẹt Zippo bật lửa đốt cháy Ngài thì Hồi ký của TT Thích Đức Nghiệp, hai tấm ảnh **T1** của ông Thông và số **(2)** của ông Browne, và nhất là bài viết của ông Huỳnh Văn Hải trên báo *Chấn Hưng* vào năm 1985, đã xác định chính ông Huỳnh Văn Hải (trước khi xuất tu là Đại Đức Thích Chơn Ngự) là người đã tưới xăng nhưng **không phải là người bật lửa** trong cuộc tự thiêu.

Riêng về ông Nguyễn Công Hoan, chúng tôi chỉ được biết ông gốc Phú Yên sinh năm **1944**, tức là một thanh niên **chỉ mới 19 tuổi** vào năm 1963 thì trông không thể cao lớn và già dặn như ĐĐ Chơn Ngự khoảng 30 tuổi trong tấm hình được (Việt Cộng cũng không “dại” gì giao cho một “cán bộ” mới 19 tuổi thì hành một “diệp vụ” quan trọng như thế). Ông là học sinh lớp toán của cựu Hải quân Trung tá Trần Văn Sơn tại trường Trung học Võ Tánh ở Nha Trang, đã đắc cử làm Dân biểu thời Đế nhị Cộng hoà (Phóng ảnh Công báo VNCH được lưu trữ tại Thư viện Quốc hội Mỹ ở Washington DC). Sau 1975, ông từng là Đại biểu Quốc hội trong nước, nhưng gần hai năm sau, tháng 3 năm 1977, ông vượt biên qua Nhật rồi được chính phủ Mỹ mời qua điều trần tại Quốc hội về tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam. Sau đó, ông được hưởng quy chế tị nạn chính trị để ở lại Mỹ luôn. (Theo ông Trần Văn Sơn, tức nhà bình luận chính trị Trần Bình Nam:

[http://www.tranbinhnham.com/story/Toi\\_Day\\_Hoc\\_Edited.html](http://www.tranbinhnham.com/story/Toi_Day_Hoc_Edited.html))

Sau khoảng hai, ba năm đầu đi thuyết trình về vi phạm nhân quyền của chính quyền Việt Nam trong cộng đồng tị nạn tại Mỹ, từ đó đến nay đã hơn 30 năm, không thấy ông xuất hiện hoạt động trong sinh hoạt cộng đồng người Việt nữa.



Like Comment + Add to Share

24,122

Uploaded by VIETNAMSAGION75 on May 3, 2010

Viết cộng NGUYỄN CÔNG HOAN ĐÃ THIÊU SỐNG THÍCH QUẢNG ĐỨC

<http://vietnamsaigon.multiply.com/journal/item/489/489>

Vào lúc 7 giờ sáng ngày 11-6-1963, (nhằm ngày 20-4 âm lịch)

Những kẻ sát nhân này là Trần Quang Thuận đã chở Hòa thượng Thích Quảng Đức đến ngã tư Lê Văn Duyệt Phan Đình Phùng, Sài Gòn, cùng Nguyễn Công Hoan VC nằm vùng (Dân biểu của Việt Nam Cộng Hòa )Sau ngày mất nước Nguyễn công Hoan cũng tiếp tục là dân biểu tỉnh Phú Khánh của bọn Việt-gian-cộng-sân.

Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn Thanh) là người đồng hương với Hòa thượng Thích Quảng Đức.

Theo những tài liệu cũ, thì suốt trong thời gian cuối đời của Hòa thượng Thích Quảng Đức, sau khi đã « được » VC Phật giáo Ấn Quang đưa ra lệnh phải bức tử, Nguyễn Công Hoan luôn luôn ở bên cạnh Hòa thượng Thích Quảng Đức, để « theo dõi sức khỏe ».

Nhưng, thực ra, là mỗi ngày Nguyễn Công Hoan (Huỳnh Văn Thanh) đóng vai là một y tá đã chích cho Hòa thượng Thích Quảng Đức bằng « thuốc trợ tim » (Thuốc an thần Trenxinne và Trancanin ) đã khiến cho Hòa thượng Thích Quảng Đức từ từ biến thành một kẻ vô hồn. Bởi vậy, nên mọi người đều thấy

Như vậy, khi so sánh miền gốc quê hương (Huế/Phú Yên), vóc dáng vào năm 1963 (lớn/nhỏ), tuổi tác vào năm 1963 (30/19), nghề nghiệp (Tăng sĩ Giáo sư/Dân biểu Quốc hội), học vị trước 1975 (Tiến sĩ ở Pháp / Cử nhân trong nước), ngày vượt biên (1981/1977)

và quốc gia đến sau khi vượt biên (Mỹ/Nhật), thì rõ ràng ông Huỳnh Văn Hải (tức ĐĐ Chơn Ngữ) và ông Nguyễn Công Hoan là **hai người hoàn toàn khác nhau**. Và vì nhiều người (kể cả công an mật vụ của Diệm) biết ông Huỳnh Văn Hải là người đã tuổi xăng lên mình Ngài Quảng Đức năm 1963, rồi **chính ông Hải cũng đã công khai kể lại** động thái đó trên báo, thì ông Nguyễn Công Hoan chắc chắn **không phải và không thể là người tuổi xăng lên mình HT Quảng Đức** được.

Cái Video “TỰ THIÊU?” và những luận điệu nhập nhằng theo sau đó, chỉ là một sự vu khống trắng trợn mà thôi !



*Người đổ xăng trong ảnh có mang vóc dáng và ngoại diện của thanh niên 19 tuổi “Nguyễn Công Hoan” như video “Tự Thiêu?” vụ khổng không? [Ảnh (1) toàn cảnh của Malcolm Browne, Sài Gòn, 11-6-1963 – thu nhỏ và enhanced của tác giả bài viết này]*

Những kẻ nguỵ tạo ra “kịch bản” giả mạo đã không ngờ, vì có lẽ không biết đến, hai yếu tố: **Bức ảnh số (2) của Malcolm Browne và bài ký tự sự của ông Huỳnh Văn Hải** viết năm 1985 kể lại cuộc tự thiêu mà chính ông đóng một vai trò quan trọng trong đó. Vì không biết nên **những lời vu khống bắt lương và vô bằng chứng của họ không những trở nên vô giá trị mà còn tố cáo hành động gian trá của họ** cho mọi người đều biết. Biết gì? Biết rằng điều răn “*Người không được làm chứng gian hại người*” của đạo Chúa, đối với nhóm Cần lao Công giáo hoài Ngô, chỉ là mồm mép cho vui mà thôi, cứ “*chứng gian hại người*” nhiều vào rồi xưng tội với Cha là ... xong ngay !

## 6- KẾT LUẬN

Đã gần 50 năm rồi mà cái chết của Hoà thượng Thích Quảng Đức vẫn làm cho những kẻ tội đồ với Dân tộc phải **run sợ nên tìm cách xuyên tạc vu khống**. Tuy nhiên, vụ tự thiêu của Ngài Quảng Đức chỉ là một trường hợp tiêu biểu trong toàn bộ chiến dịch chụp mũ và phỉ báng Phật giáo Việt Nam, do đó, bài viết này xin được đóng lại với một câu hỏi lớn hơn: Tại sao lại có cả một chiến dịch đánh phá Phong trào Phật giáo 1963 nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung?

Câu trả lời ngắn là vì con chiên Ngô Đình Diệm đã để lại lời nguyên rất phù hợp với Kinh Thánh rằng “*Tôi chết thì trả thù cho tôi*”, và vì con chiên khác là bà Ngô Đình Nhu, người mà hết chồng đến con, hết cha đến mẹ, 4 người thân yêu nhất lại đều bị chết thảm tử theo đúng “*nhiệm ý Thiên Chúa*” hay luật báo ứng nhân quả, thì tuyên bố với Mỹ rằng các cuộc tự thiêu của các nhà tu hành vị Pháp vong thân chỉ là những “*màn nướng sư*” (monk barbecue show).

Nhưng thật ra, câu trả lời nằm ở kích thước cao hơn: Vì Phật giáo là phen dậu văn hóa của quốc gia, là kẻ đồng hành sắt son của dân tộc, nên phải đi tìm câu trả lời ở tầng lịch sử, văn hóa và chính trị. Từ đó, chỉ thế lực nào muốn thay thế văn hóa nước ta bằng một nền văn hóa **nô dịch thần quyền**; chỉ thế lực nào muốn dân tộc ta phục vụ cho **quyền lợi ngoại bang**, chỉ những thế lực có truyền thống làm Việt gian tay sai cho giặc ngoại xâm như thế mới “đánh phá” Phật giáo Việt Nam.

Trong năm 2011, trên Internet có luân lưu một bản “**10 Tuyên bố của người Công giáo**” thật rõ ràng và rất thuyết phục để điểm mặt lực lượng đánh phá Phật giáo đó. Nên xin copy/paste lại để kết bài:

## **“10 TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO ĐÃ ĐI VÀO LỊCH SỬ VIỆT NAM”**

- 1- Cố đạo **Alexandre de Rhodes**: “VẬY thì ta làm cho Thích Ca, là thằng hay dối người ta, ngã xuống, thì mọi truyện dối trong đạo bụt bởi Thích Ca mà ra, có ngã với thì đã tỏ.” (Sách “*Phép giảng Tám ngày*”, Ngày thứ Bốn: Những đạo Vay – Roma, 1651)
- 2- Giáo hoàng **John Paul II**: “**Phật giáo đại thể là một hệ thống vô thần**” (*Buddhism is in large measure an “atheistic” system*). - Crossing the Threshold of Hope, 1994
- 3- Giáo hoàng **Benedict XVI** (khi còn là Hồng y Ratzinger): “**Phật giáo là một loại tâm linh tự dâm**” (*Buddhism was an autoerotic spirituality*), Feb. 1999 – “**Phật giáo sẽ thay thế chủ nghĩa Mácxít như là kẻ thù lớn nhất của Giáo hội kể từ năm 2000**” (*Buddhism would replace Marxism as the church's biggest foe by 2000*), March 1997.
- 4- Phúc trình của **Đô đốc thực dân Pháp Page**: “**Không có giáo dân Việt Nam thì nước Pháp như con của không có cày**”, 1859 (Sau khi cha Trần Lục dẫn 5000 giáo dân Việt Nam giúp quân thực dân Pháp đánh chiếm chiến lũy Ba Đình của anh hùng Đình Công Tráng), *Đạo Thiên Chúa và Chủ nghĩa Thực dân tại Việt Nam*, Cao Huy Thuần..
- 5- “Đức cha **Nguyễn Bá Tông** đọc bài diễn văn tỏ lòng cảm ơn chính phủ (Pháp), **tổ lòng trung thành con dân Việt-Nam đối với Mẫu Quốc.**” Trong *Autour des Fêtes du 3 Décembre 1940 à Phat Diem* (trang 33 đến 41) - Trích lại từ “Hội hè Đình đám”, Toan Ánh, 1969, Sài Gòn
- 6- Đức cha Phêrô Máctino **Ngô Đình Thục**: “Chúng con hết lòng thành kính **hiến dâng Giáo Hội và tổ quốc Việt Nam** cho Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội” - Diễn văn tại Tiểu Vương cung Thánh đường La Vang, Quảng Trị, 1960. Hơn 90% người Việt **không** theo đạo Chúa có cho phép ông Ngô Đình Thục, dù là anh của tổng thống Diệm, **dâng Tổ quốc của mình cho một người đàn bà Do Thái** xa lạ không? Việt Nam trở thành **toàn tòng Công giáo** lúc nào mà ông muốn dâng tổ quốc cho ai thì dâng?
- 7- Bà **Trần Lệ Xuân, đạo theo, vợ của Cố vấn Ngô Đình Nhu**, nói về vụ tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức: “**Hãy để chúng cháy tiêu và chúng ta sẽ vỗ tay**” (*Let them burn and we'll clap*)

our hands – Our Vietnam the War 1954-1975, Langguth A.J., 2000, trang 216), và đó chỉ là “món đồ nướng” (Barbecue) mà “**nếu Phật tử có thiếu xăng và hộp quẹt thì tôi sẽ cho**” (New York Times, 25-8-1963, trang E1).

- 8- Linh mục Tổng Chỉ huy Tự vệ Giáo khu Phát Diệm **Hoàng Quynh**: “**Thà mất Nước, không thà mất Chúa**”, Nhật báo Hòa Bình, tường thuật lại lời tuyên bố trong cuộc biểu tình của giáo dân tại công Bộ Tổng Tham mưu, Sài Gòn 1964.
  - 9- Trí thức Công giáo chủ trương “Liên tôn” để chống Cộng **Chu Tấn Tiến**: vụ khống rằng “**Phật giáo Việt Nam giết hại hơn 100 nghìn người cùng máu đỏ da vàng chỉ vì họ theo đạo Ca Tô**”, “Đòn khiêu khích tôn giáo của bọn tay sai Cộng sản”, phổ biến trên các diễn đàn Internet, California, 12/2010.
  - 10- Trí thức Công giáo **Vũ Linh Châu** muốn chạy tội tay sai theo giặc của Công giáo VN nên đề nghị Phật tử cũng nên cảm ơn Thực dân Pháp: “*Như vậy, phải chăng việc Nguyễn Ánh giao Hoàng Tử Cảnh cho Giám Mục Bá Đa Lộc để cầu viện nước Pháp là một sự lựa chọn ...sáng suốt. Một hành động sinh tử đối với Đạo Phật tại nước ta. Nếu Nguyễn Ánh, thay vì móc nối với Bá Đa Lộc, lại giao Hoàng Tử Cảnh cho một giáo sĩ ...Tây Ban Nha, thì Việt Nam đã trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và dân Việt Nam cũng đã toàn tòng 100% Công giáo giống như Philippines và các quốc gia tại Trung và Nam Mỹ châu rồi. Như vậy, phải chăng các tín đồ Phật Giáo Việt Nam cũng nên nói lời cảm ơn Lịch Sử và cảm ơn thực dân Pháp? Phải chăng Phật Giáo Việt Nam cũng nên cảm ơn Vua Gia Long, cảm ơn Hoàng Tử Cảnh và cảm ơn cả Giám Mục Bá Đa Lộc nữa.*” (Diễn đàn Internet Quốc hận 2011). Đây là loại nguy biện đều cắng ba xu, cảm ơn người đã rước con rắn độc, thay vì rước con chó điên, vào nhà. “Rắn độc” Pháp hay “Chó Điên” Tây Ban Nha thì cũng thế ! Chỉ có đầu óc nô lệ kiểu “con chiên con cừu”, kiểu “tôi tớ hèn mọn” **khẩu đầu trước Cha Cổ thực dân đang cướp nước mình để cảm ơn**, mới có lý luận phản quốc như thế !
- (Tài liệu tổng hợp từ: <http://virtualarchivist.wordpress.com/> và <http://my.opera.com/honganthienchua/archive/> và <http://vn.360plus.yahoo.com/vanphongtran79/article?mid=740&fid=-1> )”

**Pháp Lạc và Nguyễn Kha**

Tháng 11/2011

[Nguồn:

<http://sachhiem.net/index.php?content=showrecipe&id=5123>

<http://giaodiemonline.com/2011/11/xuyentac.htm>

[http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com\\_content&view=article&id=5830:nguy-cao-va-xuyen-tac-cuoc-tu-thieu-cua-ht-thich-quang-duc-tai-sao&catid=2:khaocuu&Itemid=4](http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com_content&view=article&id=5830:nguy-cao-va-xuyen-tac-cuoc-tu-thieu-cua-ht-thich-quang-duc-tai-sao&catid=2:khaocuu&Itemid=4) ]

# HỦY PHÁ TĂNG BẢO: THỦ ĐOẠN CŨ CỦA CHỦ NGHĨA NGÔ ĐÌNH DIỆM MỚI

*Minh Thạnh*

*Một lễ cung nghinh xá lợi Phật hoành tráng, trang nghiêm, đông đảo và thành tựu công đức chắc chắn làm đổ cách những con mắt của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới, ôm áp đầy hiểm hận đó, họ không bỏ qua cơ hội để chuyển những ngum máu dơ chuyên để phun người về nước.*

Khi một số bạn đọc *Phattuvietnam.net* cảnh báo những người chỉ trích việc rước xá lợi với dụng ý xấu là những người viết thuê, thì chúng tôi vẫn còn ngờ ngợ. Đến khi bài *Rước xá lợi Phật: tùy thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức* nhắc đến cái gọi là những “chiến sĩ dân chủ Ki tô”, thì mọi việc đã bắt đầu lộ nguyên hình. Đây không gì khác hơn một cuộc tấn công của chủ nghĩa Ngô Đình Diệm kiểu mới vào Phật giáo Việt Nam.

Chủ nghĩa Ngô Đình Diệm, nói đúng ra là chủ nghĩa của Ngô Đình Nhu và Giám mục Ngô Đình Thục là gì, thì chúng ta có thể tìm hiểu qua nhiều tài liệu lịch sử đã xuất bản. Có dịp, chúng ta sẽ trở lại vấn đề này.

Chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới là chủ nghĩa Ngô Đình Diệm sau khi Diệm chết, là **chủ nghĩa phục thù phục hận** thừa tiếp chủ nghĩa Ngô Đình Diệm.

Khác với một số trí thức tương đối khôn ngoan của Thiên Chúa giáo, đã sớm nhận ra là chính những quan điểm, **chính sách và hành động cực đoan, ngu xuẩn của Diệm đã gây chia rẽ, phân hóa nội bộ** của chính quyền và quân đội Sài Gòn, làm người Mỹ thất vọng và gớm ghiếc, dẫn đến sự kiện 1/11/1963, những kẻ theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới, những “Diemist”, vẫn điên cuồng ngưỡng mộ và tiếp nối tư duy **thù địch với các tôn giáo** ngoài Ca tô La Mã của Diệm.

Cực đoan hơn cả đại đa số sĩ quan và binh sĩ quân đội Sài Gòn, vẫn coi 1/11/1963 là ngày “Cách mạng”, là “Quốc Khánh”, những kẻ

theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới đối kháng cả với quân đội đã lật đổ Ngô Đình Diệm.

Hiếu chiến đến đỉnh điểm, những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới “kháng chỉ” đối với cả những văn bản đòi chút mang màu sắc hòa bình của giáo triều Vatican vào những năm 1970.

Cũng như sau 1963, từ 1975, một trong những đối tượng bị đánh phá hàng đầu của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới là Phật giáo.

Khó lòng mà động phạm đến đức Phật, bậc hiền triết mà toàn nhân loại kính ngưỡng cũng như không thể phê phán đối với giáo pháp tuyệt diệu của ngài, nên những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm tập trung mũi nhọn đánh phá vào đối tượng **Tăng bảo** Phật giáo Việt Nam.

Tại hải ngoại, 35 năm qua, cuộc đánh phá, công kích vào Tăng bảo Phật giáo Việt Nam không hề giảm bớt. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, khi quan hệ Phật giáo và chính quyền trong nước được cải thiện, thì hoạt động công kích tăng bảo Phật giáo Việt Nam của những kẻ theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới leo thang lên cấp độ mới.

Ngoài lãnh thổ Việt Nam, hoạt động công kích, hủy phá tăng bảo Phật giáo Việt Nam đã được tiến hành trên mọi lãnh vực, **kể cả việc hăm dọa sử dụng vũ lực và sử dụng vũ lực không thành** đối với những trí thức Phật giáo được coi là “thân cộng”, bằng tất cả mọi phương tiện: văn chương, báo chí, khẩu cứu, xuất bản, phát thanh, truyền hình, internet...

Cuộc đánh phá của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới không từ một đoàn thể hay cá nhân một vị tăng sĩ nào, kể cả những bậc cao Tăng thạc đức như Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu, Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Quảng Độ, Thượng tọa Thích Tuệ Sĩ...

Cứ đánh những từ thì khóa như “Phật giáo Việt Nam”, “Án Quang”, “thượng tọa”... để search, thì không khó tìm kiếm lời lẽ của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới.

Ở trong nước, do chưa có điều kiện thuận lợi, nên hoạt động của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới chỉ trong giai đoạn chờ thời.

Những đại lễ Phật giáo thời gian qua, đặc biệt là sự kiện có một không hai trong lịch sử Phật giáo Việt Nam: Rước Xá lợi Phật từ Ấn

Độ về Việt Nam là một dịp không thể bỏ qua.

Điều đương nhiên là họ không thể đánh vào xá lợi Phật, mà đánh vào những người tổ chức cuộc rước, tức là tăng sĩ Phật giáo Việt Nam.

Nếu những người ở ngoài nước đơm đặt về đời sống cá nhân của các Tăng sĩ, thì ở đây, người ta nói những người tổ chức cuộc lễ rước xá lợi Phật như là những người “vô minh”, làm “trái ý Phật”.

Mục tiêu những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới là **triệt phá uy tín Tăng bảo, hủy phạm giá trị Tăng bảo Phật giáo Việt Nam** đối với đông đảo tín đồ Phật giáo và người dân Việt Nam, xuyên tạc tăng sĩ Phật giáo để làm cho bậc chúng trung tôn trở thành những kẻ u mê, vô minh, giả dối, phí phạm...

Luận điệu công kích Phật giáo vừa rồi chính là sự tiếp nối, sự vận dụng luận điệu kỹ thuật, mảnh khé, giọng lưỡi của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới vào hoàn cảnh đặc thù trong nước, tận dụng khai thác các phương tiện truyền thông trong nước với điều kiện hợp pháp.

Từ lâu, họ đã diên tiết lẫn xả vào việc **nói xấu, bôi bẩn đức hạnh của những vị tăng sĩ trong nước**, nhưng chỉ có thể đưa bài lên những trang web hải ngoại.

Đến nay, nhân chuyện rước xá lợi Phật, dội vào cái lốt vì người nghèo, dùng lời của vài trí thức trong nước, những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới nhào ra, lợi dụng trang web cả trong nước, tạt liên tiếp những gáo nước dơ “vô minh” vào chư vị tôn đức.

Một lễ cung nghinh xá lợi Phật hoành tráng, trang nghiêm, đông đảo và thành tựu công đức chắc chắn làm đỏ mặt những con mắt của những người theo chủ nghĩa Ngô Đình Diệm mới ôm ấp đầy hiềm hận đó, họ không bỏ qua cơ hội để chuyển những ngum máu dơ chuyển để phun người về nước.

Ông bà ta thường nói “*ngậm máu phun người dơ miệng mình*”, nhưng với tâm phục thù, hiềm hận chất chứa, dơ miệng hay bẩn mặt, thì đâu có gì là đáng ngại. Hơn nữa thế kỷ qua vẫn thế mà.

Nay, không lạ gì, khi những diễn viên chính của tấn tuồng bôi bẩn Tăng bảo Phật giáo nhảy vào cuộc, những “chiến sĩ dân chủ Ky tô”. Vào blog của họ, chúng ta thấy những ý kiến rùng mình hiện nguyên hình **tâm địa của thứ chủ nghĩa phục thù, mang màu sắc thánh chiến trung cổ, chất chứa thù hận cực đoan** thuộc vào tâm đình điểm thế giới.

Trước thủ đoạn hung ác và hèn mạt của những kẻ chủ nghĩa

Ngô Đình Diệm mới, Phật giáo Việt Nam chắc chắn đối với họ vẫn bằng tâm lượng từ bi không thù hận.

Nhưng điều cần thiết là phải soi cho ra, nhìn bằng chánh niệm, **làm cho hiện nguyên hình bản chất của tâm địa yêu tinh hiểm ác của một thứ chủ nghĩa phục thù tôn giáo cực đoan cao độ**, điển hình, vô cùng ghê tởm.

Diễn viên phụ, diễn viên chính đã bước vào sân khấu của tấn tuồng phục thù, cơ hội, chúng ta có thể hình dung ra những kẻ giữ vai trò tác giả kịch bản và đạo diễn, kẻ đứng sau, giật dây “chiến sĩ dân chủ Ky tô”.

**Minh Thạnh**

## SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ TỔNG THỐNG DIỆM: NHỮNG XUYỀN TẠC CỦA KIỀU VĨNH PHÚC VÀ NGUYỄN VĂN LỤC

*Lý Nguyên Diêu*

Sau khi tác giả Kiều Vĩnh Phúc (VP) tái bản cuốn “*Những Huyền Thoại và Sự Thật về Chế Độ Ngô Đình Diệm*” năm 2006, ông Nguyễn Văn Lục (NVL), đã phỏng vấn ông VP trong hai ngày rồi viết bài “**Mạn đàm với Vĩnh Phúc**” đăng trên DCVOnline. Sách này được tác giả đề tặng “*Những người yêu sự thật*” và bài của ông NVL cũng kết luận “*Mong là cuốn sách sẽ được nhiều bạn đọc để biết sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm.*” Tiên khởi, nếu hai người này thật sự yêu sự thật, họ cần phải thêm hai chữ “một vài” trước hai chữ “sự thật” của họ.

Đọc vào nội dung, bài phỏng vấn này có quá nhiều thiếu sót trong cả hai loại sự thật, tích cực và tiêu cực về chế độ NĐD. Thiếu sót “vì không biết” là một tình trạng phổ quát, nhưng thiếu sót “vì cố ý” thì phải hiểu là không có đủ khách quan cần thiết để viết về lịch sử. Trong trường hợp của ông NVL và ông VP, bằng cớ của sự “cố ý thiếu sót” rõ ràng như sau. [Những trích dẫn trong bài này dựa trên ấn bản đầu tiên (năm 1998) của sách ông VP].

Trường hợp phỏng vấn viên NVL, chủ bút huyệt tờ báo Sài Gòn Nhỏ, ông cũng là tác giả bài “*Chức Thư Văn Học Của Nhất Linh, Một Cái Chết Định Sẵn*” đăng trên báo VietWeekly năm 2008. Bài này là một toan tính vô cùng hạ cấp để chứng minh nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tự tử sáng ngày lễ “Song Thất” (7/7/1963) là **vì bị bệnh tâm thần chứ không vì lý do chính trị** khi (như chính Nhất Linh đã viết rõ ràng trong chức thư) theo gương Hoà thượng Thích Quảng Đức tìm cái chết để phản đối chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm! Cố gắng rửa tội cho cụ Diệm của ông NVL trong bài này đã bị hai tác giả Vũ Cầm (“Mưu tính đưa Nhất Linh vào nhà thương điên”) và Lý Nguyên Diêu (“Niềm tin và tâm thần”) vạch trần cũng trên VietWeekly.

Trường hợp tác giả VP, dù đã được phỏng vấn viên NVL về trước: “tôi không tìm thấy nơi ông về một cảm tình quá độ, một *partie-prise*, ... ông không nói phét, chủ quan cho mình nắm được sự thật”, nhưng ông VP đã lộ rõ rệt thể đứng hoài Ngô trong câu trả lời: “Đáng nhẽ phải bỏ tù cái thằng cha nào đã nghĩ ra cái bài hát thối tha: Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống. Bài đó giết ông Diệm từng ngày, từng giờ không cần gươm giáo đấy. Vứt bài hát đó vào cầu tiêu và chiếu lên hình ảnh ông Tổng Thống đi bốt, lội bùn, xắn quần lên tới đầu gối thì còn gì đẹp bằng nữa?” Nghe như ông Ngô Đình Cần hay Dân biểu Nguyễn văn Chúc đang đọc diễn văn trước bàn thờ cụ Diệm trong một xóm đạo ở Hồ Nai.

Một độc giả (ký tên Tiểu Ngao Giang Hồ) của bài phỏng vấn này đã có một nhận xét tổng hợp và chuẩn xác về hai ông NVL và VP như sau: “TNGH này đi khắp giang hồ, nhưng chưa bao giờ thấy có màn kịch nào lộ bịch và dở hơi như cái màn “Mạn đàm với Vĩnh Phúc” của Nguyễn Văn Lục trên sân khấu Đàn Chim Việt.

Đọc đến phần 2 thì đuôi chồn đuôi cáo hiện ra rõ rệt: hai người này giả vờ hỏi nhau, khêu nhau, khích nhau nhằm mục đích bóc thom gia đình họ Ngô. Ông Lục đạo diễn, ông Vĩnh Phúc đóng vai học trò trả lời theo bài bản, lâu lâu quên, đạo diễn phải nhắc. Đàn Chim Việt kéo màn!

Nhưng có lẽ đây là màn diễn dở nhất cho họ Ngô. Bóc thom đánh bóng thể nào mà khi nghe ông Diệm quát to: „thủ tiêu nó đi“, VP lại bảo, „ông ta hiền lành“ vì nhờ ông TKTuyên chưa đi thủ tiêu. Rồi lại nghe ông Diệm ký: „thanh toán cho xong“ và VP giải thích giùm: thuộc hạ „lại hiểu lầm giết sạch hai mạng“!!! Ấy cái thời ông Diệm nhiều người chết oan vì CỤ „quát“ hay „ký“ ầu theo tính khí của cụ, coi mạng sống con người chưa bằng cọng rom. Những điều đó nói lên cái gì nếu không phải là độc tài, độc đoán, muốn giết ai thì giết? Ngay cả chuyện suy tôn Ngô Tổng Thống, có ai muốn hát dêu, cái bài hát dở ẹt, nhưng học sinh như thế hệ tôi vào lớp là phải đứng dậy rống lên (chứ không phải hát) toàn dân suy tôn NTT!” (Trích từ cuối bài “Mạn đàm với VP” trên [www.dcvonline.net](http://www.dcvonline.net))

Từ vị thế “Ngô Tổng Thống muôn năm” đó, ông NVL, người đủ “can đảm” để thoả mạ Nhất Linh, làm sao có thể bỏ qua cơ hội để bênh vực nhà Ngô với cuốn sách của VP vừa khen vừa chê chế độ TT Diệm, dù cuốn sách đó có nội dung gồm có:

- Những “sự thực” mà chính nhà xuất bản (Văn Nghệ) của cuốn sách phải ghi chú (trang 71) là sai lầm như chuyện Thượng tọa

Thích Trí Quang (cùng với TT Thích Thiện Minh) được ông Ngô Đình Cẩn giúp cho xuất ngoại. Đây là một trò gian manh mà tôi gọi tắt là “gian manh kiểu Tú Gàn”. Nghĩa là dùng một chuyện có thật (về TT Thích Thiện Minh) rồi dẫn theo đó những bịa đặt (về TT Thích Trí Quang).

- Những “nhân chứng” như ông Cao Xuân Vỹ CXV) nói láo một cách trắng trợn về ông Mã Tuyên (MT): *“Ông MT không biết mặt ông Tổng Thống. Ông là Tổng bang trưởng Tàu, không dính dáng gì đến chính quyền, chưa thấy mặt ông Diệm ông Nhu. Chỉ là Tổng bang trưởng, không làm kinh tài gì cả, không có tài sản, không giàu. Được bầu làm TBT vì có uy tín. Khi tịch thu tài sản thì biết ông không có gì.”* Tin lời ông CXV nói một ông Bang trưởng Tàu làm chức Thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hoà (TNCH) ở Chợ Lớn mà *“không biết mặt ông TT”*, thì tác giả VP phải tin là suốt đời ông Tàu này không bao giờ đi ciné, đọc báo, đi họp TNCH, ra nhà bưu điện, đi dạo phố trước toà Đô chánh có treo hình TT Diệm, ... Tin lời ông CXV nói ông Tàu này *“không dính dáng gì đến chính quyền”*, thì tác giả VP phải tin là ông Tàu này, giữ hai chức Bang trưởng kiêm Thủ lãnh TNCH, tránh xa chính quyền của TT Diệm, nhưng khi bị nguy ngập đến tính mạng thì TT Diệm lại đồng ý chạy trốn vào nhà ông Tàu này (làm cho ông ta bị “dính dáng đến chính quyền” một cách bí hiểm) thay vì trốn vào một xóm đạo hay nhà một thủ lãnh TNCH Sài Gòn, hay Gia Định hay Thủ Đức, ... Tin lời ông CXV quả quyết là ông Thủ lãnh TNCH Tàu này *“chưa thấy mặt ông Diệm ông Nhu”* thì tác giả VP phải tin là ông CXV luôn luôn ở cạnh ông Diệm, ông Nhu và ông MT 24 giờ mỗi ngày để có thể chắc chắn là cho đến ngày 2/11/63 ông MT chưa bao giờ gặp ông Diệm, ông Nhu! Tin lời ông CXV nói ông MT *“không làm kinh tài, không giàu, khi tịch thu tài sản thì biết không có gì”*, thì tác giả VP cũng phải tin là đương kim Thủ tướng Cộng sản Nguyễn tấn Dũng cũng không làm kinh tài, không giàu; nếu tịch thu tài sản ông Dũng thì cũng *“không có gì”*, khỏi cần phải điều tra vợ con, cháu, chất bên nội, bên ngoại của ông Dũng! Trong một câu mà ông CXV có thể nói láo 4 chuyện rành rành như vậy thì để rửa tội cho cụ Ngô, ông Vỹ sẽ “nhân chứng” chuyện gì nữa (nhất là khi ông CXV kể những chuyện chỉ xảy ra giữa ông CXV và TT Diệm) cho những “người yêu sự thật” như tác giả VP và ông NVL?

- Trong phần kết luận cuốn sách, Ngoài “*đức tính liêm khiết*” (mà chính ông Đỗ Mậu cũng nhắc đến trong hồi ký của ông ấy) và bên cạnh những “*tài của một vị quan đầu tỉnh thời phong kiến*”, chính tác giả VP cũng phải chê TT Diệm “*thiếu khả năng trước một trọng trách quá lớn lao*”, “*không thích nghi nổi với hoàn cảnh và nhiệm vụ*”, “*cố chấp, bảo thủ*”, “*không tin người ngoài mà chỉ tin vào anh em nhà ông, do đó đưa đến tình trạng chia sẻ quyền hạn cho anh em họ hàng để họ thao túng, làm hỏng việc*”. Dù vậy, những khuyết điểm vĩ đại này vẫn không ngăn được tác giả VP “hoài Ngô” cụ Diệm bằng cách đổ lỗi ngay cho người khác qua hai phân đoạn tiếp theo: “*Các bộ trưởng và viên chức cao cấp*” và “*Hai người trao ngai nổ*” (ông Ngô Đình Thục và bà Ngô Đình Nhu). Người đọc sách trung bình (không kể phòng văn viên NVL) đọc kết luận về một ông lãnh đạo quốc gia tồi tệ như vậy mà lại còn đi liên hệ với Cộng sản thì họ sẽ nghĩ sao về những hình ảnh (không cần phải nhờ ông Tú Gàn giải mã) sáng ngày 2/11/63 khi dân chúng Việt Nam “*tất cả mọi người hình như chạy ra ngoài đường, ca hát, nhảy múa, la hét, vẫy biểu ngữ hoặc chỉ đứng nhìn. Gần như trên khuôn mặt nào cũng mang một nụ cười*” (“Everybody seemed to be in the street, singing, dancing, shouting, waving banners, or just standing by, watching. There were smiles on practically every face.” (Roy Essoyan, “*Celebration in Saigon Exuberant and Rowdy*,” Washington Star, 2 November 1963)) để đón mừng ngày quân đội lật đổ chính quyền TT Diệm?

Với hai vị “hoài Ngô” như vậy và một cuốn sách như vậy, người ta không ngạc nhiên về chủ đích bênh vực nhà Ngô bằng mọi cách dù là hạ cấp đến đâu trong bài phỏng vấn này. Một trong những phương pháp bênh vực đó là vu khống những người chống chế độ ông Diệm: từ nhà văn Nhất Linh bị bệnh tâm thần (như bài viết đã nói ở trên) cho đến Thiếu tướng Đỗ Mậu qua một trong những câu hỏi đầu tiên trong bài phỏng vấn này.

■ NVL: Trong hồi ký Việt Nam máu lửa *Quê hương tôi* của ông Đỗ Mậu có viết, ông Tuyển khi trốn ra nước ngoài đã mang theo một cặp đựng đầy hột xoàn? Việc đó có không?

VP: Tôi có đọc và tôi buồn cười. Theo cụ Võ Như Nguyễn nói với tôi nguyên văn thì “*thằng Đỗ Mậu nó viết bố lão bố lếu ví dụ tôi mặc đồ tang, tay chống gậy trong đám tang ông Ngô Đình Khôi. Tôi*

*đã mắng nó rồi. Nó viết nhiều chuyện tầm bậy, tầm bạ”*

Tôi đã vào những website có chuyên chở toàn thể nội dung tác phẩm VNMLQHT của tác giả Đỗ Mậu (<http://vnthuquan.net>, [www.giaodiemonline](http://www.giaodiemonline), [www.sachhiem.net](http://www.sachhiem.net), [www.vantuyen.net](http://www.vantuyen.net)), lại đến được nhà của một người bạn đọc được cả hai ấn bản (hard copy) 1985 và 1993, chương số 17, với 4 lần đề cập đến bác sĩ Trần Kim Tuyền. (trong đó có 2 lần nhắc đến chuyện Bác sĩ Tuyền đi Ai Cập), nhưng **tuyệt nhiên không có đoạn hay câu nào có nội dung như thế cả**. [Xem thêm PHỤ LỤC cuối bài] Ngoài ra, tôi cũng dùng search engine của Google mà không thấy đoạn nào có tên của ông “*Trần Kim Tuyền*” nói đến chuyện “*mang theo một cặp đựng đầy hột xoàn*”. Ông NVL hỏi và ông VP trả lời “*Tôi có đọc và tôi buồn cười*”. Xin hai ông NVL và VP cho biết **đã đọc ở trang nào trong hồi ký đó của ông Đỗ Mậu**, hay là các ông “*nhân danh sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm*” mà phịa ra? Và vì đã phịa ra nên ông VP không dám trực tiếp trả lời mà dùng một câu của ông Võ Như Nguyễn (VNN) để kể ra một câu xi và hạ cấp không dính dáng gì đến chuyện đang nói về ông Trần Kim Tuyền.

Ngay cả câu xi và (nếu thật là) của ông VNNNguyễn nói ông Mậu viết “*tôi mặc đồ tang, tay chống gậy*” **cũng không có trong sách VNMLQHT của ông Đỗ Mậu** (nguyên văn ở trang 280 là: “*nhờ ông ta đừng làm trưởng nam trong tang lễ*”). Và người đọc sẽ nghĩ gì về tư cách một nhà Nho, cựu giáo sư Đại học Văn khoa Huế mà lại gọi người bạn thân giao đã qua đời là thằng này, thằng kia? Xin hỏi: ông Đỗ Mậu có viết “bố lão bố lếu” về ông Diệm (VNMLQHT, trang 499): “... *hệ thống quan lại của Nam triều cũng như hệ thống công chức của bộ máy Bảo hộ hầu hết đều xây dựng sự vinh thân phì gia bằng những hoạt động tham nhũng, thế mà ông Diệm vẫn giữ được liêm chính quả là điều hiếm hoi.*”?

■ Cũng như trường hợp “nhân chứng” Cao Xuân Vỹ, tác giả VP giới thiệu: “*Ngoài ra còn những nhận xét, đánh giá quý báu của cụ Võ Như Nguyễn, một nhân vật theo rất sát với ông Ngô Đình Khôi rồi ông Diệm*”. Xin hỏi tác giả VP, nhận đã đọc VNMLQHT của ông Đỗ Mậu, vậy ông có đọc “*những nhận xét, đánh giá quý báu*” trong lá thư của cụ VNNNguyễn viết cho người đồng chí cũ Hoàng Đồng Tiêu:

*“Năm 1963, như Bác rõ hơn ai hết, tôi ra lời tuyên ngôn tại Huế và bị ông (Ngô Đình) Cần ra lệnh bỏ tù. Tôi có theo Phật giáo đầu, mặc dù trong khi Tập Đoàn Công Dân của ông Cần mạnh, tôi từ chức ngang xương Tỉnh trưởng Bình Định và đem cả gia đình, họ*

*hàng quy y liền để cho ông Cẩn thấy. Tôi đã từng phá cửa ngõ ông Cẩn để vào nhà, đã từng đánh đập gia nô ông Cẩn trước mặt ông Cẩn và bảo rằng vào **nhà này thêm nhục nhã** vì vào đây không phải để mà đóng góp thật sự việc nước. Ông Cẩn lập hồ sơ Bác và tôi là gián điệp Pháp, cả Duyên nữa, bắt thẳng Quế khai là bọn mình và thẳng Thá gì đó (thằng nhà giàu ở đường Trần Hưng Đạo) đã liên lạc với tụi Tây ... Ông Cẩn đã bắt giam Bác, cho người đèn ám hại tôi ... Bác Tiểu ơi, Bác rõ chuyện ấy hơn ai hết.”?*

■ Cuối bài phỏng vấn, để tổng kết và để giúp cho những ông Công giáo Cần Lao tiếp tục trò **cắt xén sự thật**, ông NVL viết:

- “*hai ông Diệm Nhu không kỳ thị tôn giáo*”: Nhưng sự thật mà ông NVL không thể cắt xén trong bốn lãnh vực quan trọng là: (1) Giáo Dục: năm 1954 miền Nam có một Viện Đại học ở Sài Gòn, đến cuối thời đệ Nhất Cộng hoà, có thêm hai Viện Đại học: Huế do LM Cao Văn Luận (chỉ có bằng Cử Nhân) làm Viện trưởng và Đà Lạt cũng do một Linh mục (Nguyễn Văn Lập) làm Viện trưởng. Ở bậc trung học, sách sử của ông Nguyễn Hiến Lê bị bộ Giáo Dục kiểm duyệt vì nói đến thuyết tiến hoá của Darwin. (2) Xã Hội: Các ngày lễ chính thức của chính quyền (trường học đóng cửa, công chức được nghỉ) là Giáng sinh, Phục sinh, Thăng thiên, Các Thánh (Đây cũng là ngày quân đội nổi lên lật đổ chế độ!) trong khi ngay cả ngày Phật Đản cũng không được công nhận là ngày lễ. Trong 9 năm của nhà Ngô, có khi nào ông NVL thấy hoa, đèn treo đầy Toà Đô chính Sài Gòn mừng lễ Phật Đản giống như trong dịp lễ Giáng Sinh? Và sau chế độ TT Diệm, người dân các tỉnh mới dám xây đền thờ Quốc tổ Hùng Vương (“Đất Nước Quê Hương” của Võ Phiến) (3) Quân Đội: Cho một thiểu số quân nhân Công giáo, họ có Tuyên Úy Công giáo nhưng cho đại đa số quân nhân Phật Tử thì phải đợi đến khi chế độ Diệm bị lật đổ. Tại các quân trường (từ Võ Bị Đà Lạt, đến Trù Bị Thủ Đức, đến các trung tâm huấn luyện Hải Quân, Không Quân, Đồng Đế ở Nha Trang, .... chỉ có nhà thờ cho một thiểu số nhưng không có một ngôi chùa Phật giáo nào cho đa số. Với mục đích Công giáo hoá quân đội, trong thời TT Diệm, những sĩ quan lên chức nhanh nhất là Công giáo: Trần Ngọc Tám, Huỳnh văn Cao, Nguyễn Văn Châu, Lê Quang Tung, ... (4) Chính Trị: Xin trích một câu về bà Cổ Vần, em dâu, Dân biểu Quốc hội và cư ngụ trong dinh Độc Lập: “*Nếu Tổng thống (Diệm) không chối bỏ lời tuyên bố của bà Nhu thì người ta phải coi đó là lời tuyên bố của chính quyền ông Diệm. Người Mỹ không thể ủng hộ một chính quyền có những lời tuyên bố loại như vậy.*” Ký giả Marguerite

Higgins, người ủng hộ ông Diệm triệt để nhất trong hàng ngũ ký giả ở Sài Gòn đã phải nhận chịu là câu tuyên bố “nương thối các nhà sư” của bà Nhu là “man rợ”. Bà viết: “Người nào có thể nói một câu quá sức vô lương tri và tàn nhẫn như vậy thì chắc chắn phải bị coi như một người hung ác nhất trong một không khí đầy những đầy dọa, khủng bố tột hại.” (“Cold War Mandarin: Ngo Dinh Diem and the Origins of the American’s war in Vietnam”, Seth Jacobs, Rowman & Littlefield, Oxford, 2006. Trang 149)

- “**không đàn áp, giết, hay giam cầm hàng vạn người đối lập**”: Nếu tổng cộng các trại giam tại 43 tỉnh của miền Nam, cho đến Chí Hoà, Côn Đảo, Phú Quốc và những trại bí mật như “9 Hàm” ở Huế đến P-42 ở Sở Thú Sài Gòn, ta có ít nhất khoảng 50 nơi giam cầm và ước tính con số những đảng viên của các đảng phái chính trị, các nạn nhân của tham nhũng, kỳ thị, bị bắt đi Ấp Chiến Lược, khu Dinh Điền, ... không thuộc thành phần can phạm hình sự, để phỏng đoán mỗi nơi giam cầm đón chỉ MỘT người không Cộng sản bị giam vì bất mãn, chống đối chế độ thì ta đã có con số (50 nhà tù X 1 người bị nhốt X 5 ngày làm việc mỗi tuần = ) thành ra 250 người bị nhốt. Như vậy trên toàn miền Nam mỗi năm có ít nhất (250 người tù X 52 tuần) là 13,000 người. Nếu ta nhân con số này lên 9 năm của nhà Ngô thì tổng số tối thiểu sẽ là 117,000 người bị *đàn áp, giết hay giam cầm*. Vậy thì con số “*hàng vạn*” phải nâng lên hàng chục vạn.

- “**Ông Nhu không hút thuốc phiện**”: Đây chỉ có giá trị của một footnote (như cái ghề trong phòng tắm bà Nhu). Cả nước biết thi sĩ Vũ Hoàng Chương hút thuốc phiện, nhưng ai cũng gọi ông là thi sĩ vì những bài thơ tuyệt vời của ông ta. Vì vậy, điều quan trọng là người “hút thuốc phiện” đã làm được gì? Cuối đời, ông Nhu tuyên bố người Cộng sản miền Bắc cũng là anh em và đi nói chuyện với những người “anh em” mà hiến pháp của ông ta thảo ra bị coi là kẻ thù của cả miền Nam. Đó là lý do vì sao nhân dân đã chống đối và quân đội đã phải đứng dậy. Trừ ra ông NVL muốn viết một bài “Có phải ông Nhu bị đảo chính chỉ vì hút thuốc phiện”?

- “**Ông Diệm không ăn cắp nghiên mực của vua Tự Đức theo lời tố cáo của Nguyễn Đắc Xuân**”: Vô tình hay cố ý (hay bản chất cất xén, biến hoá sự thật đã thành tật) ông NVL đã đổi tên cụ Vương Hồng Sển qua tên “Nguyễn Đắc Xuân” để loại độc giả ngu ngơ của NVL bớt thắc mắc?

- “**không giết Trịnh Minh Thế như lời tố cáo của Lê Trọng Văn**”: Cho đến ngày hôm nay, không ai có thể quả quyết được ai giết

tướng Thế. Ngay cả với lời xác nhận của một ông Tây Savani (tương tự như chuyện “Đại úy Scott” của “tiến sĩ” Cao Thế Dung!). Vậy thì điều này nêu ra cũng chỉ là một giả thuyết.

- “**Nhất là ông Diệm không có chính sách đàn áp, giết hại người Phật Tử như biến cố Đàì phát thanh**”: Câu hỏi phải là: Ai chịu trách nhiệm về chính sách có những vụ giết hại Phật tử, tấn công chùa chiền, bắt nhốt sinh viên học sinh đến mức, tháng 9/1963, Trung tâm Huấn luyện Quang Trung không đủ chỗ chứa? Nếu không phải là ông Ngô Đình Diệm thì ai làm Tổng thống của Đệ Nhất Cộng Hoà?

Ba câu cuối cùng để làm kết luận cho bài phỏng vấn của ông NVL là “Cuốn sách của ông sau này sẽ là tài liệu tham khảo cho bất cứ ai muốn biết một số sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm. Mong là cuốn sách sẽ được nhiều bạn đọc để biết sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm. Đặc biệt nhất là giới trẻ sau này.” Ba câu này cho thấy tất cả thăm trạng của ông NVL, một người suốt đời đi cắt xén, biến hoá sự thật khi không thể bịa đặt ra được sự thật. Câu trên ông viết “bất cứ ai muốn biết một số sự thật về chế độ” và ngay câu tiếp theo ông viết “bạn đọc để biết sự thật về chế độ”. Có ai dạy cho ông NVL câu “nửa sự thật thì không phải là sự thật”? Nhất là sự thật về cả một chế độ có loại “nhân chứng” nói láo không biết gương như ông Cao Xuân Vỹ, có “nhân chứng” đáng kính như nhà văn Lãng Nhân Phùng Tất Đắc được ông VP kê là người thân thiện với bác sĩ Trần Kim Tuyến là một nửa sự thật, nửa kia mà “giới trẻ sau này” không được tác giả VP nói ra là tác phẩm “Chơi Chữ” nổi tiếng của Lãng Nhân PTĐ có những bài thơ phê phán nhà Ngô vô cùng nặng nề: *Vùi nông đôi nắm giữa đêm sâu,*

*Mười thước sau chùa đủ bể dâu.  
Ba cổ quan tài bốn lỗ huyết,  
Năm thăng Trời đánh một con Mâu.  
Mới vừa Hăm Sáu còn nguyên thủ,  
Mà đến Mồng Hai đã vỡ đầu.  
Bảy Tám thu trường Ngô với Đĩ,  
Ngô thì chín rụng Đĩ chơi đâu?*

Mở ra như vậy để vạch trần cái trò gian xảo của ông NVL. trong cố gắng lấy cái “bệnh vực ông Tuyến” trong sách ông VP để “giải trừ những huyền thoại về ông Diệm”. Giống hệt như luận điệu “ông Diệm chống Mỹ nên bị đảo chánh” của những Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Văn Chức, Chu Tất Tiến, ... để che dấu sự thật là

**chính ông Diệm cũng phải xin ý kiến Mỹ trước khi mưu toan chuyện tấy trời năm 1955 làm phản vua Bảo Đại** (“Ông Diệm đã hỏi (Tham vụ toà Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn) Randolph Kidder là ông ta có thể mong đợi sự ủng hộ toàn diện và tức thì của Mỹ nếu ông ta truất phế Bảo Đại và thành lập một chính quyền mới.” (“American Miracle Man in Vietnam: Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia”, Seth Jacobs, Duke University Press, Durham, N.C., 2004. Trang 210.) [ Tú Gàn có thể tìm đề giải mã hồ sơ (hộp số 26) những văn kiện giữa toà Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn của ông L. Collins và bộ Ngoại giao Mỹ của ông F. Dulles tháng 5 năm 1955]. Vì ngoan ngoãn như vậy nên ông Diệm đã được Mỹ nuôi ông Diệm như con (Trong bài diễn văn ủng hộ ông Diệm tháng 6/1956, J.F. Kennedy đã tuyên bố: “*Nếu chúng ta không phải là cha mẹ của quốc gia Việt Nam nhỏ bé thì ít nhất chúng ta cũng là cha mẹ đỡ đầu. Chúng ta đã chỉ đạo buổi sinh thành của Việt Nam, chúng ta đã trợ giúp cho đời sống của Việt Nam, chúng ta đã giúp Việt Nam gầy dựng tương lai, ... Đây là đứa con của chúng ta – Chúng ta không thể bỏ rơi nó, chúng ta không thể quay mặt trước những nhu cầu của nó.*” (“The Kennedys: America’s Emerald King”, Thomas Maier, Basic Book, N.Y., 2004, Trang 386). Có người đã chua chát phẩm bình: **Vì người Công giáo Kennedy nuôi ông Diệm Công giáo như con, nên người Công giáo Kennedy có quyền giết con như chuyện trong Kinh thánh có Chúa ra lệnh cho ông Abraham giết đứa con trai duy nhất là Isaac vậy.**

Đề chấm dứt, tôi xin đưa ra một thắc mắc, chỉ một thắc mắc, nhưng rất căn bản, đề ông NVL đừng tìm cách cắt xén câu hỏi của tôi hoặc câu trả lời của ông. Thắc mắc đến từ câu hỏi này:

*NVL: Và câu hỏi chót về ông Tuyền, ông có nhận thấy có sự trùng hợp về những điều thị phi, những tiếng đồn xấu chung quanh ông Tuyền cũng là những điều thị phi về ông Diệm và chế độ ấy? Phải chăng nó cùng nguồn gốc? Cùng bản chất? Và phải chăng khi ông bênh vực ông Trần Kim Tuyền là một cách gián tiếp giải trừ những huyền thoại về ông Diệm?*

*VP: Thưa ông, câu trả lời của tôi đã nằm ngay trong câu hỏi của ông rồi.*

Từ Pentagon Papers ở phía Mỹ đến Giáo sư Nguyễn ngọc Huy bên Việt-Nam và ngay cả Wikipedia về “Trần Kim Tuyền”, ... hầu như tất cả tài liệu về cuộc đảo chánh chế độ Ngô Đình Diệm đều nói

đến âm mưu của ông Trần Kim Tuyến tổ chức đảo chánh chính quyền TT Diệm cùng với Trung tá Phạm Ngọc Thảo và Đại tá Đỗ Mậu với hậu quả là ông Tuyến bị mất chức giám đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị và đi làm Tổng Lãnh sự ở Ai-Cập cho đến sau đảo chánh 1/11/1963 mới được trở về Sài Gòn.

Xin ông NVL đọc kỹ những sự kiện không thể cắt xén này để trả lời câu hỏi của tôi là:

**Điều gì đã làm cho hai cộng sự viên thân tín và kỳ cựu như ông Trần Kim Tuyến và ông Đỗ Mậu (một Công giáo một Phật giáo, một Dân sự một Quân sự, và cả hai đều quyền to chức lớn trong chế độ chứ không phải đối lập bị đàn áp) lại hợp nhau tổ chức lật đổ chính quyền TT Diệm?**

Dưới đây là những nhắc nhở để giúp ông NVL trả lời:

- Về tôn giáo: Phật tử biểu tình chống đối, các sư tự thiêu. Vatican chê trách, ra lệnh TGM Thực phải rời Sài Gòn.

- Về giáo dục: Học sinh sinh viên biểu tình bãi khoá trên toàn quốc, nhà nước phải đóng cửa trường học. Viện trưởng Đại học Huế, một Linh Mục, bị cách chức, Giáo sư Phạm Biểu Tâm, khoa trưởng Y Khoa bị bắt nhốt, giáo sư Luật khoa kiêm Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu cáo đầu từ chức.

- Về đảng phái chống Cộng và thành phần trí thức: Bản Tuyên ngôn ngày 26 tháng 4 năm 1960 của 18 nhân vật thuộc nhóm Tự do Tiến bộ (thường được gọi là nhóm “Caravelle” mà đa số đã từng cộng tác với ông Diệm) tố cáo sự bất lực và những sai lầm của chế độ và sau đó, cùng với các thành phần đảng phái khác, chất đầy hai nhà tù Chín Hầm và P-42.

- Về quân đội: Sau cuộc đảo chánh 11/11/1960, sau cuộc đội bom 27/2/1962, quân đội đã thành công với cuộc cách mạng ngày 1/11/63 lật đổ chế độ gia đình trị của TT Diệm.

## LÝ NGUYỄN DIỆU

### ► REQUIEM

Như một *Requiem* mà bên Phật giáo gọi là *Cầu Siêu* cho ông Ngô Đình Diệm trong những ngày đầu tháng Mười Một, xin trích lại hai câu trong sách của ông Vĩnh Phúc về một cái chết khác, cái chết của một anh hùng miền Nam chống Pháp và Cộng sản. Đó là ông Ba Cụt Lê Quang Vinh mà tác giả VP trích lời hai nhân chứng (trang

198) để nói về quyết định xử tử của chế độ Diệm. Linh mục Toán “*tiết lộ rằng ông Diệm có nói là cần phải kết án Ba Cụt vì **Ba Cụt phải chết, nếu không thì còn nhiều lời thôi!***”. Và ông Bộ trưởng Huỳnh Hữu Nghĩa nói “*”Nếu như” ông Nhu mà có ý **muốn giết thì chỉ vì mục đích chính trị là muốn trừ hậu họa***”. Điều này cho thấy sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963 các tướng lãnh cầm đầu cuộc đảo chánh **cũng đã suy nghĩ rất giống ông Diệm và ông Nhu**, khi lấy quyết định xử tử hai anh em ông này.

### ► PHỤ LỤC:

Trích từ Hồi ký “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*”, chương 17 [nhà Xuất bản Quê Hương, California, 1993], tác giả Đỗ Mậu đã nhắc đến bác sĩ Tuyền 4 đoạn mà trong đó 2 đoạn trích dẫn từ tác phẩm của Giáo sư **Nguyễn Ngọc Huy và Dennis Warner**.

Trong cả 4 đoạn này, ông Đỗ Mậu đều tuyệt nhiên **KHÔNG** viết chuyện Bác sĩ Tuyền “*mang theo một cặp đũa đựng đầy hột xoàn*” khi đi Ai Cập như hai ông **Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn Lục đã gian xảo vu khống !**

Dưới đây là 4 đoạn văn đó:

1- “Hơn ai hết, **ông Tuyền** biết rõ những sai lầm và những tội ác của chế độ Diệm, biết rõ những âm mưu thâm độc của vợ chồng Ngô Đình Nhu, biết rõ ông Ngô Đình Cẩn mấy lần định cho người ám sát mình, lại biết vợ chồng Nhu sẽ cất chức mình, đem em là Trần Văn Khiêm vào thay thế để Khiêm nguy tạo hồ sơ biến mình thành con dê tế thần gánh chịu tất cả mọi hậu quả. Biết như thế và vốn người có lý tưởng quốc gia chân chính nên **ông Tuyền** không thể tiếp tục làm tôi trung cho một gia đình, một chế độ ngập tràn tội ác, **ông Tuyền** phải chủ trương đảo chánh trong ý nguyện cứu lấy một quốc gia đang thật sự đứng trên bờ vực thẳm. Từ một công thần hăn mã, **ông Tuyền** trở thành một kẻ thù không đội trời chung với anh em ông Diệm. Là một người quen thân với ông lại năng tiếp xúc đàm đạo với ông, tôi biết rõ nỗi khổ tâm của **người bạn hiền Trần Kim Tuyền**.”

...

2- “Trở lại văn phòng của tướng Khiêm, khi đi ngang căn phòng nhốt Lê Quang Tung và em là Lê Quang Triệu tối hôm qua, tôi chỉ còn thấy một mình Đỗ Thọ đang bị giam tại đó nên bảo viên trung sĩ quân cảnh để cho Thọ tự do ra về. Khiêm và tôi đang ngồi kiểm điểm tình hình thì có điện thoại báo cho biết **bác sĩ Trần Kim Tuyền** đã từ Hồng Kông về và hiện đang đợi ở phi trường Tân Sơn Nhất.

Khiêm liền bảo thiếu úy Nguyễn Bá Quang lấy xe đi đón.

**Bác sĩ Tuyền** tuy nhận lệnh lên đường đến **nhiệm sở mới là Ai Cập** nhưng ông chỉ đến Bangkok thì ngưng lại đợi ngày đảo chánh vì ông vẫn tưởng kế hoạch chọn ngày Quốc Khánh (26–10–1963). Sau đó không tiện ở Bangkok, ông bèn bay qua Hồng Kông và sau khi đích xác biết chắc chế độ Diệm đã hoàn toàn sụp đổ, ngày 2 tháng 11 ông trở về Sài Gòn. Vừa gặp chúng tôi chưa kịp chào hỏi, ông đã nói ngay “*Thật là định mệnh*”.

**3- Nguyễn Ngọc Huy (The Story of Ngo Dinh Diem's Overthrow and Murder):** *Nói về việc tôi tham dự vào cách mạng lật đổ chế độ Diệm, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã viết:*

“Tình hình phe dự mưu đảo chánh hết sức phức tạp. Có rất nhiều tổ chức chống đối nhà Ngô. Một số người đã từng theo Diệm từ trước khi Diệm nắm chính quyền năm 1954 và đã từng đóng góp một vai trò tích cực trong việc củng cố chế độ nhà Ngô lúc mới bắt đầu. Nhưng họ dần dần trở thành đối lập vì bất mãn với thái độ vợ chồng Nhu và vì họ thấy rõ cái mối nguy hại của chính sách nhà Ngô. Nhóm này gồm một số người dân sự và quân sự. Những người nổi bật nhất trong nhóm này là **Bác sĩ Trần Kim Tuyền** và Đại tá Đỗ Mậu. Đến tháng 9, Tuyền bị ngờ và đưa ra khỏi nước, còn đại tá Đỗ Mậu vẫn được họ Ngô tin tưởng cho đến khi đảo chánh xảy ra.”

**4- Dennis Warner (The Last Confucian):** *Về trường hợp bác sĩ Trần Kim Tuyền âm mưu lật đổ chế độ Diệm, ký giả Úc Dennis Warner, một bạn thân của luật sư Trần Văn Khiêm (em ruột bà Nhu) và là một ký giả khá tin nhất trong giới phóng viên báo chí thế giới về sự am hiểu tình hình Đông Nam Á đã viết như sau:*

“... Đúng như **Tuyền** đã lo ngại, quả nhiên Diệm đã gạt bỏ mọi đề nghị cải tổ còn bà Nhu thì phản ứng một cách giận dữ. Mặc dù trong hai năm tiếp theo, bề ngoài **Tuyền** và Nhu vẫn tỏ ra là một đôi bạn thân, cái “tình bạn” ấy chấm dứt khi Nhu nói rằng ông đã cho ngầm thu âm các bản ăn trong nhà hàng La Cigale, một hàng ăn mà ban đêm **Tuyền** và bạn bè thường gặp nhau, và qua các cuộc thu âm ấy, Nhu đã biết được rằng khi Tuyền và bạn hữu bàn với nhau về “một cuộc đảo chánh” thì nội dung câu chuyện không phải luôn luôn là lời lẽ của một kẻ đứng đầu một cơ quan mật vụ trung kiên.

Tuy **Tuyền** đã “bảo hiểm” sinh mạng của mình bằng cách gửi ra ngoại quốc chứng liệu về các hoạt động của gia đình họ Ngô, ông ta vẫn thường trực sống trong tình trạng nguy hiểm, mặc dù Nhu đã bỏ nhiệm **Tuyền** - để **Tuyền** không còn là một trở ngại - đi làm Tổng

lãnh sự Việt Nam tại Cairo (**Ai Cập**). Nhu thường gọi **Tuyển** là “trente neuf” (ba mươi chín) vì con người nhỏ nhắn của **Tuyển** chỉ cân nặng 39 ký. Sau khi hai người hết thân thiện với nhau, Nhu khôi hài là bây giờ phải gọi **Tuyển** là “trente huit” (ba mươi tám) vì **Tuyển** lo sợ cho mạng sống của mình, đã sụt mất một ký. Qua cơ quan của **Tuyển**, Nhu nắm được hồ sơ cá nhân của tất cả viên chức cao cấp trong chính phủ, kể cả hàng Tổng, Bộ trưởng. Mục tiêu của Nhu là, nếu được, phải làm cho các viên chức này liên lụy đến một hình thức tham nhũng nào đó. Trong mề lưới này, không một ai có thể làm hại Nhu mà lại có thể tránh được cho mình khỏi bị hại.”.

**Lý Nguyên Diệu**

## LẠI DỰ SỐ 10

### *Trần Gia Phụng*

Trong bài “*LHQ và vụ khủng hoảng Phật giáo 1963 (VI)*”, đăng trên DCVOnline.net ngày 26-10-2010, ông **Nguyễn Văn Lục**, có đoạn đề cập đến bài viết của tôi nhan đề là “*Lý do cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963*” đăng trên các báo vào tháng 11-2009, chứ không phải trong sách Việt sử đại cương tập 6 như ông Nguyễn Văn Lục viết, đơn giản chỉ vì sách này chưa xuất bản.

Sau khi trích dẫn ba người viết khác nhau, trong đó có một đoạn trong bài viết của tôi, ông Nguyễn Văn Lục viết:

*“Cả ba đoạn trả lời trích dẫn trên đều có chung đặc điểm là mơ hồ, có chỗ lạc đề, có chỗ như xuyên tạc như nhận xét của ông Trần Gia Phụng. Trong một đoạn văn ngắn ở trên, ông Trần Gia Phụng đã mắc nhiều sai lầm và xuyên tạc vô bằng. Ông cho người ta có cảm tưởng ông chưa hề đọc bản văn về Dự số 10.”*

Tôi không dám nói là ông Lục chưa đọc Dự số 10, nhưng riêng phần tôi, tôi xin gởi tặng ông Lục nguyên bản photocopy chương thứ nhất Dự số 10 đăng trên Công báo Việt Nam ngày 19-8-1950, nhằm trả lời cảm tưởng của ông Lục rằng tôi “*chưa hề đọc bản văn về Dự số 10*” để dư luận rộng rãi theo dõi. Xin ông Nguyễn Văn Lục vui lòng đừng chủ quan phán đoán.

Trở lại Dự số 10. Dự số 10 ngày 6-8-1950 gồm 45 điều. Chương thứ nhất (nguyên tắc), điều thứ nhất ghi rằng:

*“Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích thuộc về tế tự, tôn giáo, chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, tiêu khiển, thanh niên, thể thao và đồng nghiệp ái hữu. Muốn có hiệu lực thị hội nào cũng phải hợp với nguyên tắc chung của pháp luật về khế ước và nghĩa vụ.”*

## CÔNG-VĂN CỦA CHÍNH-PHỦ

### DỰ

DỰ số 10 ngày mồng 6 tháng tám năm 1950  
quy-định thể-lệ lập hội.

### ĐƯỢC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG,

Chiều dự số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền Việt-Nam,

Chiều dự số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức quy-chế các công-sở,

Chiều sắc-lệnh số 1-QT ngày mồng 5 tháng giêng năm 1950 thu-hồi sắc-lệnh số 1-CP ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949,

Chiều sắc-lệnh số 35-QT ngày 27 tháng tư năm 1950 thu-hồi sắc-lệnh số 6-QT ngày 21 tháng giêng năm 1950,

Chiều sắc-lệnh số 37-QT ngày mồng 6 tháng năm năm 1950 ấn-định thành-phần Chính-phủ,

Chiều các luật-lệ hiện-hành về việc lập hội,

Chiều đề-nghị của Thủ-tướng Chính-phủ,

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng đã thảo-luận,

### DỰ :

#### Chương thứ nhất

#### Nguyên-tắc :

Điều thứ nhất. — Hội là hiệp-ước của hai hay nhiều người thỏa-thuận góp kiến-thức hay hành-lực một cách liên-tiếp để theo đuổi mục-dịch không phải là phân-chia lợi-tức, như là mục-dịch thuộc về tế-tự, tôn-giáo, chính-trị, từ-thiện, khoa-học, văn-học, mỹ-ngệ, tiêu-khiển, thành-niên, thể-thao và đồng-nghiệp ái-hữu.

Muốn có hiệu-lực thì hội nào cũng phải hợp với nguyên-tắc chung của pháp-luật về hiệp-ước và nghĩa-vụ.

Điều thứ 2. — Các hội mục-dịch phi-pháp hay trái phong-tục đều vô hiệu-lực cả.

Điều thứ 3. — Hội-viên của hội lập vô thời-hạn hay có thời-hạn nhất-định vẫn có quyền ra hội bất cứ lúc nào, sau khi đã nộp đủ số tiền góp đã đến hạn nộp và tiền góp chưa về năm vòn ra hội.

Sau điều thứ nhất, Dự số 10 triển khai chi tiết điều kiện, mục đích, điều lệ, quy chế tổ chức hiệp hội,... Đến chương thứ năm, điều thứ 44, ghi rằng, *“Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô và các Hoa kiều lý sự hội sẽ ấn định sau.”*

Như thế, theo Dự số 10, các hội truyền giáo các tôn giáo như Phật giáo, Cao Đài giáo, Phật giáo Hòa Hảo đều **nằm ngang hàng** với các hội *“chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, tiêu khiển, thanh niên, thể thao và đồng nghiệp ái hữu”*, trong khi theo điều thứ 44 của Dự này, các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô và các Hoa kiều lý sự hội **sẽ được ấn định sau**.

“Sẽ ấn định sau”, theo ông Nguyễn Văn Lục *“có nghĩa là 13 năm sau vẫn chưa ấn định, có nghĩa Hội truyền giáo Ki tô và Hội Hoa Kiều Lý sự vẫn chưa có được quy chế đặc biệt. Vậy thì căn cứ vào đâu để nói rằng hội truyền giáo ki tô giáo được hưởng quy chế ưu đãi dựa trên pháp quy?”*

Ông Lục nói đúng là cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ ngày 1-11-1963, vẫn chưa có quy chế cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô. Tuy nhiên, chẳng cần căn cứ vào đâu, người ta cũng hiểu rằng các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô **không nằm trong các điều khoản do Dự số 10 quy định thì không bị ràng buộc bởi Dự số 10, và hoàn toàn tự do hoạt động mà không bị hạn chế bởi bất cứ quy định nào, đứng biệt lập ngoài vòng cương tỏa của luật pháp**. Như thế Dự số 10 có phân biệt đối xử giữa các tôn giáo hay không? Xin để cho người đọc trả lời.

Ở một đoạn sau, ông Nguyễn Văn Lục còn viết tiếp:

*“Có hai điều đặc biệt là Bảo Đại đã ký Dự số 10 tại Vichy, bên Pháp. Đến 19 tháng 11, năm 1952, có sửa đổi một hai điều lệ liên quan đến Bộ thể thao và thanh niên với chữ ký của Vũ Hồng Khanh, bộ trưởng thanh niên và thể thao cùng với chữ ký của bộ trưởng Ngô Thích Định và chữ ký của Bảo Đại năm 1952. Lần này Bảo Đại ký ở Sài Gòn. Đến ngày 3 tháng tư, 1954 một lần nữa lại có sự sửa đổi và lần này có chữ ký của thủ tướng Bửu Lộc và vua Bảo Đại tại Đà Lạt.”*

Đúng là Dự số 24 ngày 19-11-1952 sửa đổi Dự số 10 liên hệ đến quy chế các hiệp hội thanh niên và thể thao, nhưng Dự số 6 ngày 3-4-1954 bổ túc Dự số 10 mới đáng quan tâm, theo đó điều thứ nhất của Dự này ghi rằng:

Điều thứ 11 của Dự số 10 ngày mùng 6 tháng tám dương lịch năm 1950 ấn định quy chế các hiệp hội được bổ túc như sau đây: *“Các giới thẩm quyền đã ban phép thành lập cho một hiệp hội có thể*

*ra lệnh khai trừ một hay nhiều nhân viên trong ban quản trị hiệp hội ấy mà không cần phải cho biết vì lẽ gì. Hiệp hội nào bất tuân lệnh ấy phải bị giải tán do quyết định của giới thẩm quyền vừa kể ở khoản trên.”*

Như thế, tu sĩ các hội Phật giáo, Cao Đài giáo, Phật giáo Hòa Hảo nằm trong quy chế này, có thể **bị chính quyền khai trừ mà không cần cho biết lý do, trong khi tu sĩ các hội Truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô không nằm trong quy chế Dự số 10, thanh thoi hoạt động và đương nhiên không khi nào bị chính quyền có thể khai trừ gì cả.** Như vậy, Dự số 10 và Dự số 24 bổ túc cho Dự số 10, có phân biệt đối xử giữa các tôn giáo hay không? Cũng xin để cho người đọc trả lời.

Dự số 10 được ban hành ngày 6-8-1950 và Dự số 6 được ban hành ngày 3-4-1954 dưới chế độ Quốc Gia Việt Nam, do Bảo Đại làm quốc trưởng. Qua thời chính phủ Ngô Đình Diệm, từ năm 1954 đến năm 1963, các dự này không bị bãi bỏ, tiêu hủy. Điều đó có nghĩa là các dự này đương nhiên vẫn còn giá trị pháp lý. Vì vẫn còn giá trị pháp lý nên Dự số 10 và Dự số 6 vẫn ràng buộc các tổ chức Phật giáo, Cao Đài giáo và Phật giáo Hòa Hảo theo các quy định trong hai dự này.

Sau biến cố ngày 8-5-1963 tại Huế và nhất là sau khi Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 11-6-1963 tại Sài Gòn, mới diễn ra cuộc họp từ 14 đến 16-6-1963 giữa Ủy ban Liên bộ của chính phủ Ngô Đình Diệm và Ủy ban Liên phái Phật giáo. Cuộc họp này đi đến bản thông cáo chung được tổng thống Diệm duyệt ký và công bố ngày 16-6-1963. Thông cáo chung gồm có 4 mục lớn là: 1) Quốc kỳ - đạo kỳ. 2) Dự số 10. 3) Vấn đề bắt bớ và giam giữ Phật giáo đồ. 4) Tự do truyền giáo và hành đạo.

Mục 2 của bản Thông cáo chung, liên hệ đến Dự số 10, nguyên văn như sau:

*“Tách Hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Dự số 10 và lập một quy chế hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những Hiệp hội tôn giáo ấy. Quy chế đó sẽ là một đạo luật do Quốc hội soạn thảo với sự tham khảo trực tiếp ý kiến của tôn giáo liên hệ. Quốc hội sẽ biểu quyết đạo luật này, chậm là cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964. Trong khi chờ đợi ban hành đạo luật mới, Ủy ban Liên bộ đồng ý sẽ có những chỉ thị cần thiết để Dự số 10 không áp dụng quá khắt khe đối với các Hội Phật giáo, Phật học. Phái đoàn Phật giáo*

*cam kết chỉ thị cho các tăng ni chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp Quốc gia và thi hành mọi biện pháp kỷ luật nội bộ đối với những hành động lệch lạc.”*

(Minh Không Vũ Văn Mẫu, *Sáu tháng pháp nạn 1963*, Paris: Giao Điểm, 2003, tr. 282.) (Cuốn sách này cũng có đăng nguyên văn Dự số 10.)

Nếu Ủy ban Liên bộ chính phủ Ngô Đình Diệm không nhận thấy sự bất công của Dự số 10, sao Ủy ban Liên bộ lại chịu: “*Tách Hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Dự số 10 và lập một quy chế hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những Hiệp hội tôn giáo ấy. Quy chế đó sẽ là một đạo luật do Quốc hội soạn thảo với sự tham khảo trực tiếp ý kiến của tôn giáo liên hệ. Quốc hội sẽ biểu quyết đạo luật này, chậm là cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964. Trong khi chờ đợi ban hành đạo luật mới, Ủy ban Liên bộ đồng ý sẽ có những chỉ thị cần thiết để Dự số 10 không áp dụng quá khắt khe đối với các Hội Phật giáo, Phật học.*” Cần chú ý thêm là thông cáo chung này đã được chính tổng thống Ngô Đình Diệm duyệt ký, nghĩa là tổng thống Diệm cũng chấp nhận rằng Dự số 10 không còn thích hợp và cần được sửa đổi. Những người trong cuộc đã nhận ra sự bất công của Dự số 10 và chịu sửa đổi Dự số 10, mà ông Nguyễn Văn Lục cứ nhất định cho là chuyện đó không có. Thật là ‘bảo hoàng hơn vua’.

Ông Nguyễn Văn Lục còn đi xa hơn khi ông viết:

“*Đồng hóa hội truyền giáo Thừa sai Ba Lê và giáo hội Việt Nam là một điều thiếu lễ phải và ác ý. Và nếu có ai lưu tâm một chút là kể từ năm 1951 (chưa có Hội đồng giám mục VN) thì đã có một Thư chung, ký tên rõ ràng như sau: Hàng giáo phẩm công giáo Việt Nam. Việt Nam lấy lại quyền tự chủ và khai sinh nền đệ nhất cộng hòa, điều ấy một cách thâm lặng và tự nhiên đưa tới sự thay thế các thừa sai ngoại quốc trong vai trò lãnh đạo. Và vì thế, cũng sau 1954 thì các vị thừa sai Ba Lê tự rút lui và nhường chỗ cho hàng giám phẩm Việt Nam cai quản các giáo phận, liên lạc trực tiếp với khâm sứ hay với Vatican...*”

Sau đó, không hiểu vì lý do gì, ông Nguyễn Văn Lục viết tiếp trong bài của ông một cách chủ quan rằng:

“*Đây là cái ẩn ý gán ghép của ông Trần Gia Phụng. Đồng hóa tất cả các Hội Truyền giáo Ki tô giáo đồng thời nói được hưởng quy chế đặc biệt mà thực sự không có một văn bản pháp lý nào chứng tỏ*

*có hưởng quy chế đặc biệt.”*

Thưa ông Nguyễn Văn Lục, ai đồng hóa Hội Thừa Sai Ba Lê và Giáo hội Việt Nam thì tôi không cần biết, nhưng trong bài viết của tôi, tôi chỉ trình bày **sự bất công của Dự số 10 và tình hình giữa Phật giáo và chính phủ Ngô Đình Diệm**, chứ tôi hoàn toàn không đề động gì đến Ky-Tô giáo La Mã. Tôi đã tách bạch rõ ràng vấn đề tôn giáo trong phần “Sơ kết cuối tập 3”, tt. 415-442, sách Việt sử đại cương tập 3 xuất bản năm 2007. Vì vậy, tôi thấy không cần thiết trả lời ông Nguyễn Văn Lục về việc này, dầu cách viết của ông Nguyễn Văn Lục chẳng những đầy “ẩn ý gán ghép”, mà còn đầy ác ý gán ghép.

Tôi chỉ trả lời những vấn đề trong bài viết của ông Nguyễn Văn Lục liên hệ đến tôi. Còn những vấn đề khác thì xin để dư luận chung phê phán. Dầu sao, tôi cũng xin cảm ơn ông Nguyễn Văn Lục đã chú ý đến bài viết của tôi và quảng cáo sớm sách Việt sử đại cương tập 6 của tôi sẽ xuất bản trong năm tới.

*(phungtrangia@yahoo.com)*

<http://www.dcvonline.net/php/modules.php?name=News&file=article&sid=7915>

## NIỀM TIN VÀ TÂM THẦN

### Lý Nguyên Diệu

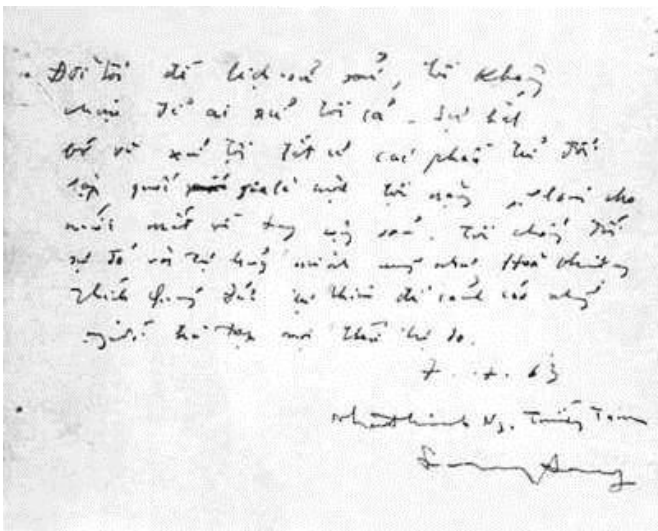
*Ông Nguyễn Văn Lục là một “trí thức” Catô giáo, em của ông cựu giáo sư triết Nguyễn Văn Trung (trước 1975), và hiện nay là chủ bút báo Sài Gòn Nhỏ tại nam California. Là một người Catô nhưng ông Lục lại nổi tiếng với những bài viết gọi là “nghiên cứu” về lịch sử cận đại của phong trào Phật giáo Việt Nam, nhất là khi “nghiên cứu” đó đập được Phật giáo xuống bùn và bốc thom chế độ Ngô Đình Diệm lên mây xanh. Ông đã từng bị gọi là “người không biết ngượng”, và bài viết mới nhất của ông về văn hào Nhất Linh chỉ xác tín thêm điều đó. GD*

ViệtWeekly số ngày 20 tháng 3 năm 2008 đã có một bài báo làm cho tôi ngẩng mặt lên trời cười ba tiếng rồi cúi mặt xuống đất khóc ba tiếng. Đó là bài Chúc thư văn học của Nhất Linh: Một cái chết định sẵn” của tác giả Nguyễn Văn Lục.

Cảm ơn ông Lục đã giúp cho tôi được một trận cười gằn bẻ bụng trong cố gắng chứng minh **văn hào Nhất Linh đã “định sẵn” chuyện tự tử từ 10 năm trước** và quan trọng nhất là (chuyện ông tự sát) **không dính dáng gì đến chế độ Ngô Đình Diệm**. Bài của ông Lục thuộc loại “phân-tích với tiền-kết-luận” (pre-conceived analysis) có khả năng rất lớn để đưa tác giả vào tình trạng ảo giác (delusional) bắt nguồn từ một “niềm tin bệnh hoạn” (psychotic belief). Nghĩa là trường hợp những **đầu óc bị xáo trộn vì những niềm tin cực đoan** (thường đến từ tín ngưỡng) tạo nên những suy tưởng không thực.

Hãy nhìn vào sự nghiệp văn chương và chính trị của Nhất Linh. Ai cũng thấy rõ, kể cả ông Lục, Nhất Linh văn chương thì đại thành công, không có gì mà lo âu, buồn bã đến tuyệt vọng, trong khi Nhất Linh chính trị mới nhiều thất bại có thể làm cho ông buồn phiền. Thực tế “bất khả tư nghi” này cho thấy chuyện ông Lục sử dụng tư liệu vừa sai vừa lạc một cách nặng nề thành ra rất đáng nghi. Trong khi đi tìm lý do của quyết định tự tử rất chính trị của chính trị gia Nhất Linh sắp phải ra toà vì một vụ án chính trị đến từ một biến cố chính trị thì ông Lục mò mẫm, xục xạo trong một “chức thư văn học”

của Nhất Linh viết từ ...10 năm về trước. Còn cái “chúc thư chính trị” mà ông Nhất Linh viết ngay trước khi tự tử (ngày 7/7/1963, ngày lễ Song Thất kỷ niệm 9 năm chấp chánh của Tổng thống Diệm) thì ông Lục chỉ dám trích lại 6 chữ: “Đời tôi để lịch sử xử”.



Hãy đọc lại chúc thư này của Nhất Linh xem nội dung như thế nào mà ông Lục đã phải tránh né như vậy:

*“Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bất bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất vào tay Cộng sản. Tôi chống đối sự đổ và tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.”*

Nếu ông Lục mở mắt ra thì tôi xin phép chỉ cho ông thấy lý do của cái chết của Nhất Linh nằm trong câu ở ngay trước 5 chữ “*Tôi chống đối sự đổ*”. Và câu này cũng cho thấy viễn kiến chính trị của nhà cách mạng Nhất Linh xa hơn rất nhiều người khi ông kết tội chính sách độc tài của chế độ Ngô Đình Diệm sẽ “*làm cho nước mất vào tay Cộng Sản*.” Vì vậy mà ông Lục vừa **sai** “chúc thư” vừa **lạc** đi 10 năm trời, đưa đến kết quả là bài báo của ông không có một giá trị nào, từ cái tựa cho đến nội dung. Nhưng câu hỏi phải đặt ra là một người có đi học, có đọc sách như ông Lục mà sai lạc nặng nề như vậy **là vì ngu dốt không biết hay vì thiếu lương thiện** mà dấu chúc thư này để xài chúc thư khác như mấy anh chơi bài ba lá?

Theo “phương-pháp-luận-bài-ba-lá” của ông Nguyễn Văn Lục, tôi có thể “xạo” giỏi hơn ông Lục bằng cách phân tích sự đau khổ, lo âu của chính trị gia Ngô Đình Diệm khi phải từ chức Thượng

Thư, khi bị Việt Minh bắt, khi nghe tin ông Ngô Đình Khôi bị giết, khi Dinh Độc Lập bị dội bom; rồi tôi sẽ “phân tích” lý do vì sao cuối bài diễn văn nào ông Diệm cũng “cầu xin ơn trên phù hộ”, và phỏng vấn bà cố vấn Ngô Đình Nhu về những xào xáo với ông cố vấn Ngô Đình Cẩn, ... để đi đến “kết luận” là ông Diệm đã có quá nhiều ưu tư chính trị mà trở thành bất bình thường nên cố ý tạo ra khủng hoảng Phật Giáo để “được” đảo chánh mà chết một cách chính trị đi cho khỏe. Ít nhất là phương pháp luận của tôi, gồm toàn yếu tố chính trị, cũng consistent hơn của ông Lục.

Cười xong thì tôi lại muốn khóc vì phải chứng kiến cái tiến trình bi thảm của một đầu óc trí thức bị “niềm tin tôn giáo” làm cho trở thành hèn hạ và mang bệnh tâm thần. Bệnh tâm thần vì “niềm tin bệnh hoạn” (psychotic belief) khi ông Lục viết với giọng tuyệt đối của một lời cầu nguyện: *“Nhất Linh nhất định không thể là một người tâm trí bình thường lúc cuối đời”*, nghe như “Nhất định anh sẽ xuống địa ngục nếu anh không tin Chúa tạo ra vũ trụ trong 7 ngày cách nay chỉ 6000 năm”! Bệnh tâm thần làm cho ngớ ngẩn như khi nói về Tự Lực Văn Đoàn, ông Lục viết: *“Tự Lực xuất phát từ ý chí muốn tự lập về tài chánh.”* Hoá ra theo ông Lục thì Nhất Linh lập ra một văn đoàn kiệt xuất như vậy là vì lý do ... “tài chánh” nên đặt cái tên đó để lưu danh muôn thủa. Và hèn hạ khi ông Lục dùng mục Phụ Lục để tìm cách bôi xấu, trong một cố gắng vá vúi và tuyệt vọng, đời tư của Nhất Linh. Tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả Vũ Cầm là sẽ không dài dòng về tư cách tiểu nhân này. Chỉ nghĩ đến loại người chất chứa trong đầu óc những loại tâm địa hèn hạ này, tôi đã thấy rung mình muốn tránh xa.

Nhưng tôi đã lạc quan trở lại khi đọc được trong số báo ViệtWeekly tiếp theo (ngày 27/3/2008) bài *“Muru tính đưa Nhất Linh vào nhà thương điên”* của tác giả Vũ Cầm và cũng được post trên Talawas

(<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=12686&rb=0102> ). Lâu lắm tôi mới được đọc một bài viết đứng đắn và đầy tính thuyết phục về cả hai mặt nội dung và hình thức như vậy. Điều rất đáng mừng là ViệtWeekly có được sự hợp tác của những cây viết có giá trị như Vũ Cầm để phân giải những chủ đề tế nhị trong lãnh vực lịch sử và tôn giáo.

Lời cuối cùng, tôi xin nhắc ông Nguyễn Văn Lục đừng đọc bài báo này mà xoa tay sung sướng vì nghĩ rằng đã tạo ra được một cuộc tranh luận về một đề tài không còn gì để tranh luận. Tôi viết bài

này (cũng như bài của Vũ Cầm) là để **lật tẩy cách chơi bài ba lá của ông Lục** mà thôi. Những loại âm mưu xuyên tạc lịch sử này của những người cuồng tín muốn bênh vực chế độ Ngô Đình Diệm như Nguyễn Văn Lục là một điều đáng buồn cho đất nước vì ông ta (cũng như Cao Văn Luận, Nguyễn văn Chức, Tú Gân Nguyễn Cầm, ...) là loại người có mắt để nhìn nhưng không thấy gì cả vì đã **đeo một cặp kính dâm màu quạ đen rồi**.

( Source: Tạp chí **VietWeekly**, Vol.VI, No.15, ngày 4/3 – 4/9/2008 )

## SỰ THẬT VỀ CÁI CHẾT CỦA NHẤT LINH

*Nguyễn Tường Thiết*

*LTS - Bài viết dưới đây của nhà văn Nguyễn Tường Thiết, con trai nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, gởi đến trang Diễn Đàn Người Việt, nhằm phản biện một số ý kiến được đưa ra gần đây, mà tác giả cho là “bóp méo sự thật, sửa đổi lịch sử, xuyên tạc cái chết” của thân phụ ông. Trong số các ý kiến này, có một chương sách trong tác phẩm “Một Thời Để Nhớ,” của tác giả Nguyễn Văn Lục, xuất bản mới đây. Người Việt xin đăng nguyên văn bài viết của nhà văn Nguyễn Tường Thiết. Bài đăng nhiều kỳ, trên cùng trang Diễn Đàn.*

**Lần đầu tiên tôi được nhìn thấy rõ khuôn mặt cha tôi, nhà văn Nhất Linh, là vào khoảng cuối năm 1950 khi cha tôi từ Hương Cảng trở về Hà Nội. Năm ấy tôi mới mười tuổi.**

Trong thập niên 1940 cha tôi rất bận rộn với những hoạt động chính trị, ông sống nhiều năm bên Trung Hoa. Thời gian này ông chỉ về ghé thăm mẹ con tôi vào những dịp đặc biệt ngắn ngủi, không đủ cho tôi kịp nhận diện khuôn mặt người cha, người mà lâu lâu tôi nghe nhắc đến một cách kính cẩn như thể ông là một nhân vật trong thần thoại hơn là một người có thực ở ngoài đời.

Tôi nhớ ngày hôm đó tôi đã ngây người nhìn ông như nhìn một người khách lạ. Trước mắt tôi nhân vật thần thoại ấy hiện hình bằng xương bằng thịt: Nhất Linh dáng dong dỏng quắc thước, khuôn mặt phong sương, có cặp mắt sâu, đôi mày rậm, vầng trán cao, nụ cười cởi mở dưới hàng râu mép và cái nhìn đặc biệt, nhìn thẳng và sâu vào đôi mắt người đối diện nhưng lúc nào cũng nhiễm một vẻ mơ màng xa vời.

Kỷ niệm về đêm hôm đầu tiên đoàn tụ ấy còn ghi đậm trong trí nhớ tôi một lời nói của cha tôi. Đó là lời ông tuyên bố quyết định từ bỏ cuộc đời chính trị.

Trong tập hồi ký Nhất Linh Cha Tôi (Văn Mới xuất bản 2006,

trang 13) tôi có viết: “Đêm hôm đầu tiên đoàn tụ, chúng tôi không ngủ, tất cả thức gần suốt sáng để trò chuyện với ông. Trong căn nhà số 15 Hàng Bè Hà Nội nơi mẹ tôi mở tiệm bán cau khô, vào một đêm mùa Đông, bố mẹ con chúng tôi chen chúc nằm trên một chiếc giường tây lớn. Tôi còn nhớ rõ bố tôi nói với chúng tôi là ngày hôm sau báo chí sẽ đến gặp ông và ông sẽ tuyên bố quyết định từ bỏ cuộc đời làm chính trị để trở về cuộc đời viết văn.”

Sau này đọc bản thảo cuốn tiểu thuyết Xóm Cầu Mới (Bèo Giạt) tôi thấy cha tôi viết những dòng sau này: “Tặng Nguyên, người rất thân yêu đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn Xóm Cầu Mới này mới ra đời” (Hương Cảng, trên núi 16 tháng 10 năm 1949, 1g30 trưa). Như vậy là trí nhớ của tôi, cậu bé 10 tuổi, đã không sai.

Kể từ ngày đầu tiên đoàn tụ năm 1950 ấy cho đến ngày ông qua đời 7 tháng 7, 1963, tôi là người con đã sống gần gũi với cha tôi nhất trong số tất cả những người con của ông. Lý do là khi cha tôi vào Nam năm 1951, ông kéo tôi đi theo ông, trong khi mẹ và các anh chị tôi ở lại Hà Nội cho đến năm di cư 1954. Và sau đó năm 1955 khi ông quyết định bỏ Sài Gòn lên sống trên Đà Lạt, tôi lại là người ông mang theo để sống gần ông. Là người con vừa thân cận vừa được tin cậy, tôi là người vừa biết rõ nhất về ông cụ tôi, lại là người chứng kiến cái chết của ông trong những giờ phút cuối cùng.

Là người con hiểu rõ ông cụ tôi, tôi tin rằng khi cha tôi tuyên bố từ bỏ cuộc đời làm chính trị ông đã thành thật với mình. Tuy nhiên thời cuộc đưa đẩy buộc ông phải sống trái với ý muốn của mình. Về cuối đời cha tôi bị liên lụy vì liên quan đến một vụ chính biến, đưa đến cái chết của ông ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963.

Cái chết ấy mang mục tiêu chính trị rõ rệt. Ông tự vẫn để “cảnh cáo những người chà đạp lên mọi thứ tự do,” như ông đã viết ra trên giấy trắng mực đen.

Nguyên nhân và động lực đưa đến cái chết của Nhất Linh đã được ông viết ra bằng 71 chữ rất minh bạch và đầy đủ:

**“Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.**

**7 tháng 7, 1963**

**Nhất Linh Nguyễn Tường Tam”**

Thế nhưng gần đây lại có những người manh tâm viết sách bóp

méo sự thật, sửa đổi lịch sử, xuyên tạc cái chết của cha tôi gán ghép cho cha tôi “*tự tử vì căn bệnh tâm thần*” (Nguyễn Văn Lục), “*tự tử để tránh khỏi phải ra tòa đối chất với thuộc hạ*” (Lê Nguyên Phu).

Là người con, lại là người con sống gần gũi với ông cụ tôi nhất, tôi biết chắc là gán ghép này hoàn toàn sai với sự thật và vì vậy tôi thấy có bốn phận lên tiếng.

Bài viết này sẽ chia làm hai phần.

Phần thứ nhất tôi sẽ nói sơ lược về cha tôi, về bối cảnh lịch sử, và nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông, Nhất Linh. Tất cả những gì tôi viết sau đây đều dựa trên những gì mắt thấy tai nghe mà tôi tin rằng đó là sự thật.

Tôi sẽ dành phần thứ hai của bài này để phản bác lập luận của hai ông Nguyễn Văn Lục và Lê Nguyên Phu.

\*\*\*

Như đã nói ở trên vào năm 1955 cha tôi quyết định lên Đà Lạt sống và tôi là người ông chọn để đi cùng với ông. Ông cụ thu xếp cho tôi thi tuyển vào lớp Dự Bị trường trung học công lập Quang Trung niên khóa 1955-56. Chúng tôi ở trên lầu 2 nhà hàng Poincard & Verey số 12 đường Yersin Đà Lạt. Sau này các anh chị tôi cũng thường lên Đà Lạt vào những dịp Tết hoặc hè nhưng không ai ở luôn trên ấy, chỉ trừ chị Thoa là người chị kế của tôi. Những năm đầu tiên trên Đà Lạt là những năm thanh bình. Cha tôi chơi lan, hòa nhạc tại gia vào cuối tuần. Thỉnh thoảng ba chúng tôi (cha tôi, chị Thoa và tôi) đi pic-nic trên núi Langbian hoặc ở Suối Vàng.

Lâu lâu bạn bè của cha tôi từ Sài Gòn lên Đà Lạt ghé thăm cha tôi. Bạn của cha tôi nhiều lắm và đủ loại: bạn thân, bạn văn, bạn đồng chí và cả các chính khách nữa. Tôi còn nhỏ không chú ý đến chuyện người lớn nên không biết cha tôi bàn luận với khách chuyện gì, nhưng tôi đoán thế nào họ chẳng bàn chuyện thời sự và chính trị. Phải đến rất nhiều năm sau này, sau khi thân phụ tôi mất, tôi có dịp gặp lại một trong những vị khách đó là anh Lê Hùng, một đảng viên VNQDD. Anh Lê Hùng nói với tôi là cha tôi tán thành chính sách của Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong việc dẹp loạn Bình Xuyên. Cha tôi nói: “*Việc dẹp loạn Bình Xuyên là đúng, nhưng coi chừng, nó có thể mở đầu dẫn đến độc tài.*”

Vào năm đó (1955) chính phủ của nền Đệ Nhất Cộng Hòa phát động rầm rộ phong trào tố cộng. Thị xã Đà Lạt tràn đầy băng rôn biểu ngữ chống cộng sản. Trong các dịp lễ tết thế nào cũng có màn kịch tố cộng với những anh hề “cán gối” áo đen nón cối nhảy vũ điệu tập thể

“son mì son mì son đồ mì.” Nhưng song song với phong trào tổ cộng một phong trào khác cũng rầm rộ không kém. Đó là phong trào “suy tôn Ngô Tổng Thống.”

Những bản nhạc suy tôn được phát đi liên tục trên đài phát thanh. Loa phóng thanh đặt ở đầu chợ Đà Lạt suốt ngày rót vào tai khách đi đường những bản nhạc suy tôn ấy, đến nỗi nó nhập vào tôi, cậu bé 15 tuổi. Một bữa đi học về tôi nhẩy cầu thang miệng hát oang oang: “Bao nhiêu năm từng lê gót nơi quê người...”... “Toàn dân Việt Nam biết ơn Ngô Tổng Thống. Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm!” Đến đầu cầu thang ngừng lên tôi bắt gặp ngay gương mặt chung hững của ông cụ! Tuy ông cụ không nói gì nhưng tôi đoán chắc bụng ông không vui. Tôi biết ông cụ tôi chúa ghét cái trò suy tôn cá nhân, dù người đó là ông trời đi nữa.

Một vài năm sau tôi chứng kiến một câu chuyện khác khiến tôi tin rằng cái trò suy tôn này đã làm cha tôi không ưa chế độ. Ai cũng biết là hồi đó dưới thời Đế Nhất Cộng Hòa đi xem xi-nê đều phải đứng dậy chào cờ. Dưới chế độ Đế Nhị Cộng Hòa luật chào cờ này bị bãi bỏ. Đi giải trí mà phải chào cờ đã là một chuyện vô lý. Nhưng còn thậm vô lý hơn nữa là khi lá quốc kỳ chiếu trên màn ảnh thì chính giữa lại có một khoảng bầu dục in hình vị thủ lãnh quốc gia: chân dung Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Ông cụ tôi một bữa đi xi nê tại rạp hát Vĩnh Lợi khi ông buộc phải đứng lên chào cờ ông đã tức giận đứng dậy bỏ về không xem xi nê. Chuyện này tôi biết vì chính tai tôi nghe ông cụ bất mãn than thở với chú Lê Văn Kiểm, một người bạn thân của ông cụ tôi.

Hãy tưởng tượng ông cụ tôi, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, bị buộc phải đứng dậy (không phải để chào cờ) để suy tôn ông Ngô Đình Diệm!

Tôi chắc là có những người có thể bảo đây là chuyện nhỏ và đổ lỗi cho Bộ Thông Tin làm việc này chứ ông Diệm không hay biết. Nói gì thì nói ở cương vị lãnh đạo quốc gia ông Diệm là người phải chịu trách nhiệm về cái trò suy tôn quá lộ này của thuộc cấp. Đây là một trong những điều khiến cha tôi bất mãn với chế độ nhà Ngô.

Mấy năm sau ngày chấp chánh của chế độ nhà Ngô sự bất mãn của dân chúng gia tăng với sự độc tài gia đình trị của gia đình này. Cả cha tôi và tôi lúc này đều đã về ở hẳn Sài Gòn. Riêng cha tôi vì mua một miếng đất ở Fim-nôm gần Đà Lạt nên ông thỉnh thoảng vẫn đáp xe đò Minh Trung lên trên ấy vào rừng để “tu tiên” bên dòng suối Đa Mê. Nhưng “tu tiên” không được vì những biến chuyển chính trị ở Sài

Gòn khiến cha tôi không thể ngồi yên.

Năm 1958 cha tôi ra tờ báo *Văn Hóa Ngày Nay*. Tờ tay cha tôi vẽ và trình bày bìa cho tờ đặc san này. Ở trên góc bìa đề hàng chữ lớn: Số ra mắt 17 tháng 6, 1958. Chúng tôi không một ai để ý đến cái ngày 17 tháng 6 có ý nghĩa gì cho mãi đến khi tôi gặp anh Lê Hưng. Anh Hưng nói với tôi trước bàn thờ ông cụ: “*Anh Tam làm cái gì cũng tính toán rất kỹ lưỡng. Anh chọn ngày ra báo 17 tháng 6 là ngày giỗ của đảng trưởng Nguyễn Thái Học, cũng như anh chọn ngày chết 7 tháng 7 là ngày chấp chánh của họ Ngô để phản đối chế độ này.*”

Ở Sài Gòn báo *Văn Hóa Ngày Nay* bán rất chạy ngay từ số đầu tiên. Năm ấy tôi học lớp đệ nhị trường trung học tư thực Hoàng Việt tại đường Phan Đình Phùng (khúc giữa Cao Thắng và Lê Văn Duyệt). Trên khúc đường đó có rất nhiều tiệm bán sách hoặc tiệm cho thuê sách. Trên đường đi học qua các tiệm sách này tôi thấy có một hiện tượng mà tôi không hề thấy xảy ra trước đó: tất cả các tiệm sách này đều có một tấm bảng đen phía trước cửa với hàng chữ viết bằng phấn trắng: HÔM NAY CÓ VĂN HÓA NGÀY NAY.

Nhưng báo chỉ ra được 11 số thì tự ý đình bản. Chúng tôi chung hừng hỏi ông cụ tại sao báo bán chạy thế mà lại tự ý ngưng? Cha tôi không trả lời. (Ông không có thói quen tiết lộ mọi chuyện cho con cái). Nhưng thái độ của ông lúc ấy rất buồn bã.

Sau này dò hỏi hai người trong ban biên tập của báo VHNN là ông Nguyễn Thành Vinh và ông Trương Bảo Sơn thì tôi càng kinh ngạc hơn nữa: báo không ra nổi vì lỗ vốn.

Trong cuốn sách “*Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ*” do Thế Kỷ xuất bản năm 2004, trang 78, ông Trương Bảo Sơn viết:

“*Tờ Văn Hóa Ngày Nay ra được 11 số thì đình bản, mặc dù được đọc giả khắp nơi hoan nghênh. Ôi, chỉ vì nó được hoan nghênh quá xá mà chết non. Nguyên nhân thế này:*

“*Trước hết tập Văn Hóa Ngày Nay không được chế độ Ngô Đình Diệm cho phép xuất bản như một tạp chí mà chỉ là một giai phẩm phát hành không có định kỳ. Vì không có định kỳ nên Bộ Thông Tin kiểm duyệt cố tình để lâu mới trả lại bản thảo để in. Ông Hoàng Nguyên, chủ sự phòng kiểm duyệt đã nói với tôi rằng tuy có nhiều cảm tình với chúng tôi, nhưng không thể làm trái lệnh cấp trên là cản trở tờ Văn Hóa Ngày Nay ra đúng kỳ hạn (tỷ dụ như đúng ngày mùng 1 mỗi tháng) để đọc giả nhớ ngày mua báo. Hơn nữa bài vở phải kiểm duyệt kỹ, nhất là bài của Nhất Linh và Bảo Sơn.*”

“*Sau nữa, ngoài chế độ kiểm duyệt, phản quyền tự do ngôn*

*luận* này ra, chế độ Ngô Đình Diệm còn có một thủ đoạn hiểm độc nữa là nhà nước **giữ độc quyền phát hành báo chí**, kể cả giai phẩm. Ngô Đình Diệm đã có sáng kiến đặt ra Nhà Phát Hành Thống Nhất, bắt tất cả các báo chí phải đưa cho công ty này phân phối. Tập Văn Hóa Ngày Nay bán chạy như tôm tươi mấy số đầu, đã bị ế đi. Nhà phát hành độc quyền của chính phủ đã thi hành độc kế không gửi đủ số báo cho các tiệm sách đã đặt mua. Chúng tôi khi buộc báo thành từng bó đã cố ý đánh dấu riêng, khi nhận báo từ nhà phát hành trả về, thấy những dấu ấy vẫn còn y nguyên, tức là nhà phát hành đã không làm đúng nhiệm vụ, đã giữ báo của chúng tôi trong kho, không phân phối đi. Có những tiệm sách đến điều đình mua thẳng báo với chúng tôi để có đủ báo bán, nhưng chúng tôi phải từ chối vì sợ chính quyền gài bẫy. Đã nghèo lại bị thua lỗ, chúng tôi đành đành bán tờ Văn Hóa Ngày Nay.”

Sau khi được giải thích tôi mới vỡ lẽ vì sao có hiện tượng cái bảng đen với hàng chữ phẫn vì chính quyền đã cố ý trì hoãn không cho báo ra đúng hạn kỳ nên độc giả buộc phải chờ khi nào có bảng đề chữ “hôm nay có Văn Hóa Ngày Nay” mới vào mua được.

Những điều nêu trên là sự thực xung quanh vụ đình bản của tờ Văn Hóa Ngày Nay. Nó nói lên sự **xâm phạm quyền tự do ngôn luận của chế độ nhà Ngô** mà cha tôi là nạn nhân trực tiếp. Cũng như tất cả những nhà văn, nhà báo khác khi họ bị tước đoạt quyền tự do ngôn luận, cố nhiên là Nhất Linh rất bất mãn về chuyện này.

Vào năm 1960 trên bìa báo Tự Do Xuân Canh Tý xuất hiện bức



XUÂN CANH TÝ **Tự Do**

tranh năm con chuột đang đục khoét một quả dưa đỏ và nếu lật ngược cái bìa thì quả dưa đỏ là hình bản đồ nước Việt Nam, hàm ý **các anh em của gia đình họ Ngô đang phá hoại đất nước**. Tờ báo bị chính quyền tịch thu sau khi báo đã phát hành được một số khá lớn. Không một ai biết tác giả bức tranh là ai. Người ta đoán mò họa sĩ Phạm Tăng là tác giả. Nhưng cha tôi cho chúng tôi biết tác giả là một người rất thân cận với ông: họa sĩ Nguyễn Gia Trí.

Bìa báo Tự Do số xuân Canh Tý 1960.  
(Hình: Thư Viện Đại Học Cornell, Hoa Kỳ)

Rồi đến cuộc đảo chính hụt ngày 11 tháng 11, 1960 của một nhóm quân nhân Thi Đông. Cha tôi bị liên lụy thế nào trong cuộc đảo chánh này để đến nỗi mấy năm sau ông cụ tôi phải ra tòa với tội trạng “phản quốc” và “xâm phạm nền an ninh quốc gia” đưa đến cái tự vẫn của ông ngày 7 tháng 7, 1963?

Nửa thế kỷ trôi qua đã có không biết bao nhiêu giấy mực viết về cuộc đảo chính 11 tháng 11, 1960 này cũng như mức độ liên lụy của cha tôi trong cuộc đảo chính, được viết ra bởi những người thuộc nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau.

Ở đây tôi không nhắc lại cũng không dẫn chứng những bài viết này. Tôi không phải là một nhà nghiên cứu, cũng không có tham vọng viết lịch sử, tôi chỉ nêu lên ở đây tiếng nói của một người con. Nếu tiếng nói đó có góp phần soi sáng thêm cho sự thật của lịch sử thì tôi nghĩ rằng đó là việc tôi phải làm vì bổn phận đối với cha tôi.

Trước hết là cha tôi biết trước vụ đảo chính sẽ xảy ra. Trong cuốn hồi ký “Nhất Linh Cha Tôi” trang 120 tôi viết: *“Bốn mươi một năm về trước, một ngày trước cuộc binh biến 11 tháng 11, 1960 ở Sài Gòn, bố tôi bất thần trở về căn gác chợ An Đông nhìn tôi nói nghiêm nghị: ‘Ngày mai con có đi chơi đâu thì không được lảng vảng gần khu Dinh Độc Lập’. Cuộc đảo chính thất bại. Tôi nghe nói là bố tôi sau đó đã lẩn trốn ở nhiều nơi trong thành phố.”*

Sau này tôi nghe nói ông phải đi trốn vì ông có tên trong một tờ truyền đơn chống chính phủ được rải ra trong thành phố vào buổi sáng ngày đảo chánh.

Mấy tháng sau chúng tôi ngạc nhiên thấy cha tôi trở về nhà. Anh tôi hỏi thì ông cụ trả lời giản dị “Cậu được vô can” và không tiết lộ điều gì hơn. Tôi thắc mắc tại sao ông cụ lại vô can được khi ông biết trước vụ đảo chánh xảy ra lại có tên ông trong tờ truyền đơn, trong khi hầu hết những người có tên trong tờ truyền đơn bị bắt hết?

Sau này được tiếp xúc với Giáo Sư Nguyễn Thành Vinh, một đàn em cũng là đồng chí của ông cụ, anh Vinh xác nhận với tôi: “Anh Tam đã tuyên bố không làm chính trị, vì vậy anh đứng ngoài, anh chỉ ủng hộ ngầm việc làm của các anh em mà thôi. Tất cả các buổi họp quan trọng trước ngày đảo chánh đều không có mặt anh Tam. Tuy nhiên anh được thông báo mọi diễn tiến. Vì vậy anh Tam biết trước có vụ đảo chánh xảy ra.”

Từ những sự kiện trên và là người con gần gũi và thấu hiểu ông cụ tôi nhất, tôi suy luận thế này:

Một mặt cha tôi bất mãn với chế độ nhà Ngô về sự độc tài của

chế độ này. Mặt khác vì lời tuyên bố không làm chính trị của ông năm 1950, lại là người rất trọng danh dự, ông cụ tôi hết sức tránh mọi hành vi đi ngược lại lời tuyên bố của ông.

Giữa hai động lực tương phản ấy cha tôi khôn ngoan chọn thái độ đứng giữa nó có thể giúp ông một lúc đạt cả hai mục tiêu: đó là ngầm tán trợ các hoạt động của anh em đồng chí của ông, nhưng riêng ông đứng ngoài.

Sự kiện ông cụ tôi không bị bắt có thể vì người ta không tìm ra bằng cứ. Thứ nhất là ông cụ tôi không bao giờ đi họp. Gần đây tôi có dịp tiếp xúc với ông Nguyễn Liệu, ông cho tôi biết là ông Nhất Linh không đi họp đảng phái, người đại diện là ông Nguyễn Thành Vinh. Ông Nguyễn Liệu hiện cư ngụ tại San Jose, Hoa Kỳ, là người đã tham dự vào những cuộc họp của đảng phái và cũng bị giam tù vì liên hệ đến cuộc đảo chính 11 tháng 11, 1960. Thứ hai là có tên trong tờ truyền đơn cũng không hẳn là bằng cứ rõ ràng để bắt vì có gì chứng minh ngược lại là người khác để tên ông cụ tôi vào? Vả lại không phải tất cả những người có tên trong tờ truyền đơn đều bị bắt hết. Cũng theo lời ông Nguyễn Liệu thì ngoài ông cụ tôi ra, người có tên trong tờ truyền đơn là cụ Nguyễn Xuân Chữ cũng không bị bắt giữ.

Sự việc không bắt cha tôi, ngoài lý do không có bằng cứ, tôi cho còn là một sự tính toán cân nhắc lợi hại của chính quyền họ Ngô chứ chưa hẳn do cảm tình riêng của ông Diệm đối với ông cụ tôi như nhiều người nghĩ. Thứ nhất không bắt ông cụ để ông cụ vô can tức là chứng tỏ cho dân chúng biết Nhất Linh không hề bất mãn và phản đối chế độ ông Diệm. Thứ hai họ nghĩ rằng chặt hết tay chân của ông cụ tôi thì ông cụ tôi còn làm gì được nữa?

Nhưng không bắt bố không có nghĩa là để cho ông cụ tôi được hoàn toàn tự do. Trong cuốn “*Nhất Linh Cha Tôi*” trang 36 tôi ghi lại lời của cha tôi nói với tôi buổi sáng ngày 7 tháng 7, 1963: “*Cậu chẳng sợ kết quả (ra tòa) ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau.*”

Ngoại trừ những người trong gia đình tôi rất ít người biết rằng trong hai năm sau cùng của đời ông cha tôi bị giam lỏng tại gia như thế nào. **Công an mật vụ canh chừng** đến nỗi chúng tôi nhận diện được từng người mỗi khi từ trên lầu căn gác chung cư chợ An Đông (nơi chúng tôi trú ngụ) nhìn xuống. Trang 40 cuốn hồi ký tôi tả một đoạn khi cha tôi và tôi rời khỏi nhà: “*Trên chiếc tắc-xi rời chợ An-Đông hướng về phía Sài Gòn, tôi thấy cha tôi cứ chốc chốc lại ngoái*

về phía sau. Ông bảo tôi: ‘Con xem có xe nào theo không? Lúc này cậu thấy có mấy người lạ đứng bên kia đường nhìn vào nhà mình’. Tôi ra hiệu cho tài xế quẹt sang đường Trần Bình Trọng, chiếc xe hơi duy nhất chạy phía sau vẫn tiến thẳng đại lộ Thành Thái. Tôi đáp: ‘Không! Không có xe nào theo mình cả!’.”

Hãy hình dung cảnh tượng ấy diễn ra thường xuyên trong một thời gian dài thì mới thấu hiểu câu nói của cha tôi “**ở tù hay ở nhà cũng mất tự do như nhau.**”

Vào tháng 5 năm 1963 vụ Phật Giáo bùng nổ ở Huế. Sau đó phong trào Phật Giáo đấu tranh lan rộng khắp nước. Tôi không đề cập chi tiết vụ Phật Giáo này. Hãy để các sử gia nói tới. Tôi chỉ bàn khía cạnh vụ này tác động ra sao đối với ông cụ tôi và nhất là đối với cái chết của ông.

Vụ Phật Giáo xảy ra hai tháng trước khi ông cụ tôi mất. Thời gian này tại căn nhà An Đông họ canh chừng rất kỹ ông cụ tôi. Trong khi **hầu hết các chính trị gia đối lập bị bắt hết** sau vụ binh biến 11 tháng 11, 1960, ông cụ tôi là một trong số ít người được tại ngoại, do đó việc tăng cường canh giữ ông cụ là một điều tất nhiên. Ông cụ rất ít ra khỏi nhà. Những tin tức ông biết được bên ngoài là do báo chí (cha tôi sai tôi đi mua báo Tự Do hàng ngày và ông chỉ đọc tờ báo này thôi), ngoài ra có hai người bạn thân của ông thường xuyên lui tới. Đó là Bác Sĩ Nguyễn Hữu Phiếm và ông Lê Văn Kiểm. Ông Kiểm (mà chúng tôi gọi là chú Kiểm vì chú nhỏ tuổi hơn ông cụ tôi) thường đến hầu như hàng ngày tường trình diễn tiến của vụ Phật Giáo. Ngày 11 tháng 6, 1963 khi chú Kiểm đến báo tin Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở ngã tư Lê Văn Duyệt & Phan Đình Phùng thì cha tôi cũng sờ.

Ảnh hưởng của cái tin này thật khủng khiếp.

Tin này là một phần (tôi cho là quan trọng nhất) làm nên cái chết của Nhất Linh.

Nếu ảnh hưởng đó không mạnh thì tại sao ông lại dành đến 9 chữ trong lá thư tuyệt mệnh vốn vẹn 71 chữ của ông để viết lên câu “cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu”?

Rồi cuối cùng, mãi ba năm sau xảy ra cuộc binh biến 11 tháng 11, 1960, vào tháng 6 năm 1963 cha tôi bị mời lên Tiểu Đội Hiến Binh số 635 đường Nguyễn Trãi để lấy khẩu cung và ở đó người ta cho ông biết trước là ngày 8 tháng 7 năm 1963 cha tôi phải trình diện tại Phòng xử án Đặc biệt Tòa án Quân sự, tòa Thượng Thẩm, số 131 đường Công Lý, Sài Gòn. Trát đòi chính thức sẽ được gửi sau. (Cha

tôi nhận được trát đòi vào ngày 6 tháng 7, 1963 lúc 18:00 giờ).

Tin cha tôi sẽ phải ra tòa để xử án này là động cơ tối hậu làm nên cái chết của Nhất Linh.

**Ông có một tuần lễ để sửa soạn cái chết cho chính mình:**

Ngày 30-6-1963 (7 ngày trước cái chết) cha tôi đi dự buổi họp tại trụ sở nhóm Bút Việt. Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiêm viết về sự kiện này như sau (trích trong sách Chân Dung Nhất Linh, tác giả Nhật Thịnh, trang 183): *“Tôi dám quả quyết là Nhất Linh đã sắp đặt, ít nhất là một tuần lễ trước cái chết của mình, bằng cách là ngày 30-6-1963, anh tới dự buổi họp của Trung Tâm Văn Bút mà trước đó anh là chủ tịch, không phải vì văn hóa, mà chỉ cốt gặp mặt một lần chót các văn hữu của anh trước khi sang bên kia thế giới. Ở Trung Tâm Văn Bút ra, Nhất Linh có ghé lại thăm tôi, nhưng tiếc rằng hôm ấy tôi đi vắng”*.

Ngày 2-7-1963 (5 ngày trước cái chết) cha tôi đến nhà in Trường Sơn làm giấy Ủy Quyền cho con. Trong cuốn sách Nhất Linh Cha Tôi trang 192, tôi viết: *“Năm ngày trước khi chết ông đến nhà in Trường Sơn đánh máy tờ Ủy Quyền: Tôi, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, giám đốc nhà xuất bản Phụng Giang và Đời Nay, ký tên dưới đây xác nhận rằng: trong khi tôi vắng mặt (bất cứ vì lý do gì) thì con tôi là Nguyễn Tường Thiết sẽ thay thế tôi điều khiển hai nhà xuất bản kể trên và quyết định việc xuất bản các tác phẩm của tôi. Làm tại Sài Gòn ngày 2 tháng 7 năm 1963”*.

Ngày 7-7-1963 (ngày chết) cha tôi đến vĩnh biệt người bạn thân nhất của mình vì tuần lễ trước ông đến mà không gặp. Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiêm viết: *“Chủ Nhật sau nhằm ngày 7-7-63 Nhất Linh lại tới vào buổi sáng hồi 10 giờ. Tôi đang ngồi trong phòng ăn bỗng anh lặng lẽ đi vào...”*... *“chúng tôi tiễn anh ra cửa lặng lẽ cầm tay nhau, khi ấy tuyệt nhiên trên nét mặt Nhất Linh tôi không hề nhận thấy một dấu hiệu nhỏ nào cho biết chỉ trong vài tiếng đồng hồ nữa anh sẽ xa lánh cõi trần, xa tất cả mọi người thân yêu của anh để đi vào lịch sử.”*

Buổi sáng hôm ấy sau khi cha tôi đi thăm bác Phiêm về thì chúng tôi, cha tôi và tôi, trên căn gác của chung cư chợ An Đông bàn bạc rất lâu về đủ mọi chuyện. Cha tôi vốn ít nói và kín tiếng, nhưng buổi sáng hôm ấy lạ thay ông lại tâm sự với tôi rất nhiều điều, ông giảng giải khúc triết và rành rẽ mọi chuyện, và tôi có ghi lại đầy đủ trong chương “Niềm Vui Chết Yếu” trong cuốn sách Nhất Linh Cha Tôi.

Cũng như bác Phiêm lúc ấy tôi hoàn toàn không ngờ cái chết

sắp tới của cha tôi, cho đến khi ông sai tôi đi mua rượu và ông tự vẫn trong lúc tôi vắng mặt.

Chuyện gì xảy ra trong lúc tôi vắng mặt ấy?

Bình tĩnh cha tôi ngồi thảo và viết 71 chữ cuối cùng trong đời ông: 71 chữ cô đọng, đầy đủ, rõ ràng để một người bình thường có thể hiểu được ý nghĩa trung thực của tờ chúc thư tuyệt mệnh của ông.

Khi thảo tờ chúc thư chính trị ấy cha tôi đã sáng suốt tiên liệu là mật vụ nhà Ngô có thể tịch thu bản di chúc nên cha tôi đã cẩn thận viết làm hai bản. Hai bản đó giống nhau, chỉ sai biệt một chữ. Nay, kèm với bài viết này, lần đầu tiên sau nửa thế kỷ, tôi cho công bố cả hai lá thư tuyệt mệnh ấy để độc giả so sánh.

Hai bản di chúc và thủ bút của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.  
(Hình: Tác giả cung cấp)

Nhất Linh con người ghét chính trị, không muốn làm chính trị,

thể mà sau cùng phải chết cho mục tiêu chính trị, đó là chuyện chẳng đáng dừng. Ông phải chết để bảo vệ nhân phẩm của mình như ông Trần Thanh Hiệp đã viết trong cuốn sách *Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ*, trang 132, như sau:

*“Vào cái tuổi 57 chưa hẳn quá về chiều của cuộc đời, ông lấy cái chết của mình để cảnh cáo những người cầm quyền bạo ngược, ngang nhiên chà đạp lên mọi thứ tự do là nhân phẩm, thứ giá trị khiến con người khác với các sinh vật khác...”*

Nhất Linh đã chuẩn bị cái chết của mình một cách bình tĩnh. Nhất Linh đã sửa soạn cái chết cho mình trong sự tính toán sáng suốt.

Cái bình tĩnh ấy, cái sáng suốt ấy dứt khoát là không thể có được ở một con người mắc bệnh tâm thần!

Trong cuốn sách *Một Thời Để Nhớ* xuất bản năm 2011 tác giả Nguyễn Văn Lục đã dành hẳn một chương (chương 7) để bàn về cái mà ông Lục gọi là *Ý Nghĩa Về Cái Chết của Nhất Linh*.

Nhưng thay vì tìm hiểu “ý nghĩa” cái chết của Nhất Linh như tựa đề ông Lục đặt ra, suốt bài viết ông Lục chỉ bàn về “nguyên nhân”. Cái nguyên nhân ấy ông Lục hãnh diện “tìm ra” như một khám phá lớn: đó là căn bệnh tâm thần. Theo Nguyễn Văn Lục nguyên nhân Nhất Linh tự tử là do bệnh tâm thần.

Dưới mắt ông Lục không có chuyện Nhất Linh chết vì phản đối chế độ nhà Ngô. Dưới mắt ông Lục tờ giấy mang 71 chữ tuyệt mệnh của Nhất Linh để lại chỉ là mảnh giấy lộn vô nghĩa. Thậm chí ông Lục còn dám xuyên tạc ý nghĩa của thông điệp đó khi ông viết: *“Đời tôi để lịch sử xử. Nhưng lịch sử là ai? Ai xử? Xử như thế nào? Đã xử chưa? Và lịch sử có phải là ngày hôm nay không? Hay là câu chúc thư trên thực ra phải hiểu như sau: Đời tôi, để tôi tự xử?”* (Trang 177- Nguyễn Văn Lục- *Một Thời Để Nhớ*).

Ông Nguyễn Văn Lục là người khôn ngoan. Ông không đại gì nói tới một người như Nhất Linh lại dựng lên một giả thuyết rất dễ bị bắt bẻ là căn bệnh tâm thần, nếu bài ông viết không có sức thuyết phục. Bài viết của ông đầy những dẫn chứng, từ sách cũng có, từ nhân chứng sống cũng có, khiến người đọc dễ dàng tin ngay những gì ông viết là xác đáng. **Chính tôi là người đầu tiên bị lừa.**

Câu chuyện xảy ra như thế này:

Ba năm trước (2008) một bữa kia tôi nhận được một cú điện thoại của ông Nguyễn Văn Lục. Sau khi tự giới thiệu ông Lục cho biết là ông có số điện thoại của tôi do nhà văn Duy Lam cung cấp. Sau đó ông cho biết ông mới viết xong một bài về Nhất Linh và xin

thỉnh ý tôi trước khi in. Ông cũng yêu cầu là nếu tôi thuận thì xin tôi phúc đáp ngay để kịp đăng ý kiến tôi kèm với bài ông viết đang sửa soạn cho in trên tạp chí *Tân Văn*.

Thái độ ấy của ông Lục khiến tôi có cảm tình ngay với ông ta và hứa sẽ hồi âm trong một thời gian thật ngắn.

Sau đó tôi nhận được qua e-mail bài “Chúc Thư Văn Nghệ của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam” với lời yêu cầu: *“Xin gửi anh Nguyễn Tường Thiết, để anh đọc. Nếu có điều gì sai sót anh cho tôi biết để xin sửa lại. Lục.”*

Vì hứa sẽ hồi âm nhanh, nên tôi không có thì giờ kiểm chứng lại những gì ông trích dẫn. Tôi trả lời ông Lục ngay như sau:

*“Nếu chỉ để ý đến khía cạnh tìm những ‘sai sót’ trong bài (như anh yêu cầu tôi) thì tôi không tìm thấy lỗi nào vì bài anh viết khá công phu dựa trên những tài liệu đã công bố hoặc những nhân chứng sống”.*

Sau đó tôi nêu ý kiến là **tôi không đồng ý với nội dung** bài viết của ông Lục.

Tôi đã trả lời ông Lục bằng bức thư lời lẽ lịch sự. Sau này đọc kỹ lại những gì ông Lục viết, nhất là sau khi đối chiếu những gì ông trích dẫn với nguyên bản, nhìn thấy rõ hơn con người ông, tôi hối hận là những lời lẽ lịch sự ấy tôi đã **đặt làm chỗ**.

Chuyện ông đăng ý kiến của tôi trên *Tân Văn* tôi không phản đối.

Tôi chỉ phản đối ông Lục bây giờ, nghĩa là ba năm sau (2011) khi ông cho ra cuốn sách *Một Thời Để Nhớ*, trong chương 7 của quyển sách với bài có tiêu đề “Ý Nghĩa về Cái Chết của Nhất Linh”, ông Lục đã không hề hỏi ý kiến tôi mà tự động in trong sách những ý kiến trên của tôi viết ba năm trước.

Tôi cho rằng ông Lục đã thiếu lương thiện trong việc này. Vì sao?

Ông thiếu lương thiện vì đã cố tình lập lờ đánh lộn con đen: ý kiến của tôi là ý kiến đáp lại bài “Chúc Thư Văn Nghệ của nhà văn Nhất Linh” ông Lục viết 3 năm trước (2008), chứ không phải ý kiến về bài “Ý Nghĩa về Cái Chết của Nhất Linh” ông viết 3 năm sau (2011) có nội dung khác vì **bài viết đã thêm bớt rất nhiều so với bài trước**.

Trong cuốn sách mới xuất bản *Một Thời Để Nhớ* ông Lục đã thêm vào một chuyện hoàn toàn không có thực mà bài trước không có. Đó là chuyện ông cụng tôi, nhà văn Nhất Linh, **tự tử hai lần**. Tôi

xin mình xác **đây là chuyện bịa đặt trắng trợn**. Nếu trong bài viết ba năm trước ông Lục nêu lên câu chuyện này thì dù không đọc kỹ tôi sẽ nhận ra điểm sai ấy ngay, và chắc chắn sẽ không có câu tôi viết “tôi không tìm thấy lỗi nào”.

Nay nếu tôi không lên tiếng thì khi đọc cuốn sách của ông Lục với những ý kiến của tôi đi kèm, độc giả (không biết chuyện ông Lục đánh lộn con đen) sẽ tưởng là tôi xác nhận chuyện Nhất Linh tự tử hai lần là có thực.

Đây là lý do khiến tôi bây giờ buộc phải lên tiếng.

Từ bài viết đầu tiên ông Lục gửi tôi 3 năm trước (2008) với nhan đề “*Chức Thư Văn Nghệ của nhà văn Nhất Linh*” đến bài ông viết trong cuốn sách Một Thời Để Nhớ ba năm sau (2011) với nhan đề “*Ý Nghĩa về cái chết của Nhất Linh*” ông Lục đã viết nhiều bài về cái chết của Nhất Linh, mỗi lần viết là ông lại sửa đổi, tùy theo phản ứng của độc giả trong những bài phản bác.

Khi ra sách ông Lục thêm vào hai “bằng cứ” mà ông Lục cho là bằng cứ hiển nhiên để chứng minh rằng Nhất Linh tự tử không phải là để chống đối chính quyền nhà Ngô như Nhất Linh đã nói trong tờ chúc thư chính trị 71 chữ. Hai “bằng cứ” ấy ông Lục dựa vào hai bài viết của Trần Văn Bông và Lê Nguyên Phu mà ông Lục in tít lớn dưới tiêu đề: “*Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử*” (Trang 188 - Nguyễn Văn Lục-Một Thời Để Nhớ) và “*Bằng cứ pháp lý*” (Trang 189 - Nguyễn Văn Lục-Một Thời Để Nhớ). Hai vấn đề mới mà ông Lục thêm vào năm 2011 sẽ được bàn tới ở đoạn sau.

Ông Lục chia bài Ý Nghĩa Về Cái Chết của Nhất Linh ra làm bốn chủ đề khác nhau: Cái chết định trước của Nhất Linh, Trong phạm vi văn chương, Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử và Bằng cứ pháp lý. Tôi sẽ bàn luận về bài viết của ông Lục theo những chủ đề mà ông đưa ra.

### **Cái chết định trước của Nhất Linh**

Trong chủ đề này ông Lục muốn nói là cái chết của Nhất Linh là do “*cuộc đời Nhất Linh chống chọi những thất bại*” (chữ của ông Lục dùng) và do căn bệnh tâm thần của Nhất Linh.

Theo ông Lục: “*Có thể nói cuộc đời Nhất Linh lúc đó chống chọi những thất bại*”. (Trang 179- Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ.) Để chứng minh chuyện “chống chọi những thất bại” ông Lục đưa ra hai bằng chứng là vụ đình bản tờ báo Văn Hóa Ngày Nay và vụ Nhất Linh “muru sát” (chữ ông Lục dùng) TT Ngô Đình Diệm.

Theo ông Lục chuyện tờ báo bị đình bản là việc thất bại thứ nhất cộng thêm vụ mưu sát tổng thống không thành là thất bại thứ hai. Hai thất bại là nhiều lắm, là “chồng chất” lắm, đủ khiến ông Nhất Linh phải chết rồi!

Về vụ đình bản tờ báo Văn Hóa Ngày Nay, xin nói ngay tờ Văn Hóa Ngày Nay không phải là một thất bại, nó là một thành công! Chưa có một tờ báo nào hồi đó bán chạy và được độc giả hoan nghênh đến như thế. Nhưng trong phần I của bài viết này tôi đã nêu rõ nguyên nhân vì sao tờ báo phải tự ý đình bản sau khi ra được 11 số. Tôi không muốn nhắc lại ở đây. Cha tôi phải ngưng tờ báo vì lỗ vốn. Mà lỗ vốn vì bị chính quyền cản trở như ông Trương Bảo Sơn đã vạch rõ.

Chính ông Lục đã xác nhận nguyên nhân tờ báo tự đóng cửa vì lỗ vốn khi ông viết: *“Tôi có hỏi thẳng anh Duy Lam về việc này. Anh cho biết ông Nhất Linh có tâm sự và cho biết những khó khăn về tài chánh nên phải đình bản tờ báo!”* (Trang 178- Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Ông Lục còn nêu lý do tờ báo tự đình bản vì vấn đề sức khỏe của Nhất Linh. Ông viết: *“Tình cờ, may mắn thay, tôi tìm được một tài liệu, một mảnh giấy nhỏ kèm trong Văn Hóa Ngày Nay số 9 do một thân hữu, anh Nguyễn Thế Toàn ở Hoa Thịnh Đốn gửi cho trong đó có lá thư cáo lỗi độc giả của nhà văn Nhất Linh. Nhà văn Nhất Linh cho biết vì lý do sức khỏe, ông đã bỏ nửa chừng công việc...”*

Tôi không biết là ông Lục có lá thư của cha tôi viết ấy trong tay hay không (không thấy ông Lục chụp lại để minh chứng), nhưng giả thử có thật thì cũng không có gì lạ. Nếu không nại có lý do sức khỏe chẳng lẽ trong thư gửi độc giả Nhất Linh lại đi tố giác chính quyền làm khó dễ như sự thật đã xảy ra hay sao?

Như tôi đã viết ở phần trước, vụ đình bản tờ Văn Hóa Ngày Nay là kết quả của sự **xâm phạm quyền tự do ngôn luận của chế độ nhà Ngô** mà cha tôi là nạn nhân trực tiếp.

Còn vụ Nhất Linh “mưu sát” TT Ngô Đình Diệm là chuyện gì đây? Ông Lục viết: *“Khi hai phi công ném bom đình TT Ngô Đình Diệm mà theo nhiều người, đã có trong tay để biết giờ giấc trong dinh. Nhưng đến phút chót một quả bom của phi công Nguyễn Văn Cử đã không nổ. Vai trò ông Nhất Linh trong vụ ném bom này như thế nào? Làm chính trị đối lập thì khác. Nhưng dính dáng vào một vụ mưu sát thì có bằng chứng rõ rệt tịch thu được trong nhà Hoàng Cơ Thụy, chính quyền nào cũng mang ra xử tội.”* (Trang 179, Nguyễn

### Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Tôi thấy chuyện ông Lục nói rất khó hiểu. Như ông Lục kể ở đoạn trên, Nhất Linh dính líu vào vụ ném bom dinh tổng thống của phi công Nguyễn Văn Cử (xảy ra ngày 27 tháng 2 năm 1962) và bằng chứng rõ rệt tịch thu được trong nhà Hoàng Cơ Thụy. Bằng cơ gì?

Cũng trong bài viết (trang 191), ông Lục lại đưa ra một trích dẫn khác nói đến chứng cứ công an tịch thu ở nhà ông Hoàng Cơ Thụy liên quan đến vụ đảo chánh hụt 1960: *“Xin trích dẫn lại ý kiến của ông Trần Kim Tuyến về vấn đề này trong sách Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm như sau: ‘Theo bác sĩ Tuyến, khi còn ngồi tại chức, ông có hứa với các chính khách bị bắt sau cuộc đảo chánh hụt 1960 rằng họ được thả về là xong, không còn phải lo lắng gì nữa, ngoại trừ những trường hợp như bác sĩ Phan Quang Đán thì không kể. Nhưng có điều tai hại là hồi đó người Mỹ cũng như người trong nước cứ lầm tưởng rằng các chính khách bị bắt vì đưa ra tuyên ngôn Caravelle, mà không phân biệt rằng họ bị bắt vì có tên trong danh sách mà công an tịch thu được ở nhà ông Hoàng Cơ Thụy’ (Trang 191, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)”*.

Tôi không nghe ai nói hoặc báo chí đề cập đến việc Nhất Linh dính líu vào vụ bỏ bom dinh độc lập ngày 27-2-1962 của phi công Nguyễn Văn Cử. Không có trát tòa nào đòi Nhất Linh trình diện về vụ mưu sát tổng thống cả. Tôi cũng không nghe ai nói ông Hoàng Cơ Thụy dính líu vào chuyện bỏ bom ngày 27-2-1962 mà chỉ nghe người ta nói đến ông Hoàng Cơ Thụy dính líu đến biến cố 11-11-1960.

Để tìm hiểu sự thật về vụ ném bom Dinh Độc Lập ngày 27-2-1962, tôi có gởi email hỏi ông Nguyễn Liệu hiện sống ở San Jose, CA, là người biết rõ nội vụ, thì được ông trả lời như sau:

*“Nhất Linh không có dính dáng gì với vụ ném bom Dinh Độc Lập. Vụ ném bom Dinh Độc Lập do Nguyễn Văn Lục, một lãnh tụ QĐĐ người Bắc là cha của phi công Nguyễn Văn Cử. Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc là bạn. Khi thất bại Cử lái phi cơ qua Miên, ông Lục đi đường bộ trốn qua Miên đến sau vụ đảo chánh 11/63 mới về. Diệm nhốt cả hai đứa em nhỏ của Cử dù chúng chỉ là học sinh. Vụ này chỉ có hai người là cha con ông Lục, giờ chót Cử mới rủ Quốc tham gia. Sau vụ đảo chánh 11/60 thất bại Diệm tăng cường công an mật vụ theo dõi các chánh khách. Mật vụ Ngô Đình Cẩn do Ngô Trọng Hiếu chỉ huy vào Sài Gòn tăng cường theo dõi, do đó ông Lục không dám tổ chức rộng nên không thể nào ông Nhất Linh biết vụ này.*

*Tài liệu trong nhà luật sư Thụy là tin bịa đặt. Lúc ấy nếu có thì báo chí đã đăng lên và nhất là khi xử vụ đảo chánh không hề nhắc đến tài liệu này. Nếu có thì Lê Nguyên Phu đã đưa ra chười và làm bằng chứng để kết tội. Đó là tin Ông Lục bịa đặt...”*

Tôi biết ông Lục nhớ chuyện lịch sử lắm, ông Lục không làm đâu. Ông Lục chỉ cốt bịa ra chuyện Nhất Linh dính líu vào vụ ném bom (27-2-1962) thất bại là để gán cho Nhất Linh thất bại nhiều nhiều một chút, “chồng chất” một chút. Nếu chỉ có một vụ báo Văn Hóa Ngày Nay bị đình bản thất bại thì chả lẽ ông Lục viết “Có thể nói cuộc đời Nhất Linh lúc đó chồng chất một thất bại” à!

Tuy Nhất Linh không dính dáng vào vụ mưu sát TT Ngô Đình Diệm như ông Lục bịa đặt nhưng cứ thử giả thiết Nhất Linh có dính dáng thì đã sao? Nguyễn Thái Học và 12 liệt sĩ phải lên đoạn đầu đài ở Yên Bái vì mưu sát Tây thực dân. Bao nhiêu người yêu chuộng tự do dân chủ hiện đang bị giam cầm ở Việt Nam đều mang tội chống phá chính phủ. Gần đây ở các nước Algeria, Libya, Egypt, Syria... nổi lên phong trào dân chúng chống phá chính phủ lật đổ các lãnh tụ độc tài. Hành động của Nhất Linh nếu ông có dính líu vào việc chống chính phủ thì có khác gì cả triệu người trên thế giới yêu chuộng tự do tranh đấu cho công bằng và lẽ phải?

Ở một đoạn khác ông Lục viết: “...tự tử mang ý nghĩa từ chối đời sống vì không tìm thấy trong đời sống một ý nghĩa gì khả dĩ để tiếp tục sống nữa. Tự tử như vậy là một lựa chọn tối hậu khi không còn có sự lựa chọn nào khác. Nhất Linh đã tự tử” (Trang 177 Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Ở đây tôi thấy ông Lục hết sức sai lầm khi cho rằng nguyên nhân của tự tử là không tìm thấy trong đời sống một ý nghĩa nào khả dĩ để sống. Như vậy là ông phủ nhận tất cả những danh nhân trong lịch sử đã tự tử để bảo vệ danh dự, bao nhiêu chiến sĩ đã tự tử vì không muốn lọt vào tay địch như Phan Thanh Giản, như Hoàng Diệu, như tướng Nguyễn Khoa Nam, tướng Lê Văn Hưng... và rất nhiều vị khác mà tôi không thể liệt kê ra hết.

Những cái tự tử đó người ta gọi là tuấn tiết. Cái chết của Nhất Linh, vừa để bảo vệ danh dự, vừa để tranh đấu cho lý tưởng, cũng là một hành động tuấn tiết.

Nhưng ông Nhất Linh là người khôn ngoan, ông không dùng chữ tự tử để nói về cái chết của ông (có thể ông tiên đoán sẽ có người như ông Lục định nghĩa tự tử đồng nghĩa với chán đời), ông cũng không kiêu ngạo tự coi cái chết của mình là một hành động tuấn tiết,

nên trong lá thư tuyệt mệnh ông viết: ***“Tôi tự hủy mình để cảnh cáo những người chà đạp lên mọi thứ tự do”***.

Ngoài ra ông Lục còn có những lập luận rất mâu thuẫn. Để chứng minh Nhất Linh hủy mình không phải vì bất mãn với chế độ độc tài của nhà Ngô mà vì bệnh tâm thần và “thất bại chồng chất” ông Lục đã vẽ ra hai con người Nhất Linh hoàn toàn trái ngược nhau. Một mặt Nhất Linh bị bệnh tâm thần, chán đời, không thiết sống, lúc nào cũng chăm chăm đòi tự tử. Mặt khác Nhất Linh hăng hái tham gia hoạt động văn hóa báo chí, tham gia hoạt động chống chính phủ, tham gia cả việc bỏ bom “muru sát” tổng thống!

Có thể nào một người bị bệnh tâm thần thấy cuộc đời không đáng sống lại tham gia vào những hoạt động đòi hỏi rất nhiều khả năng cũng như năng lực như thế?

Bản đến chuyện bệnh tâm thần của Nhất Linh, ông Lục viết: *“Thất bại của ông thì nhiều, trải dài trong suốt cuộc đời làm chính trị khiến ông bị căn bệnh trầm uất triền miên. Depressive psychosis với ba giai đoạn phát triển tuần tự của bệnh từ Suicidal ideation, suicidal planning và cuối cùng suicidal attempt. Từ ý tưởng sang kế hoạch và sau cùng là thi hành.”*

*“Bệnh tâm thần của Nhất Linh là có thật. Nhưng ít ai trực tiếp nói thẳng ra. Không muốn nói ra và còn muốn giấu giếm.”* (Trang 179, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Trong đoạn này ông Lục nói rất vu vơ! Ông nói bệnh tâm thần của Nhất Linh có thật nhưng ít ai nói ra, không biết ông muốn nói “ai” là “ai” hay ông muốn ám chỉ gia đình tôi và bạn bè của Nhất Linh, chúng tôi, những người chung quanh Nhất Linh? Chúng tôi “ai” cũng biết là Nhất Linh không bị bệnh tâm thần qua cuộc đời 40 năm hoạt động văn học và chính trị của ông. Nếu chúng tôi biết Nhất Linh không có bệnh tâm thần mà chúng tôi cứ nói ra là Nhất Linh bị bệnh tâm thần hóa ra đầu óc chúng tôi có vấn đề à?

Một trích dẫn khác của ông Lục dùng để nói về bệnh trạng của Nhất Linh: *“Ngay từ khi còn làm báo Phong Hóa, Tú Mỡ đã ghi nhận như sau: Tâm thần bị giao động nhiều, gần như bệnh. Cần phải đi dưỡng bệnh. Đó là những dấu hiệu có tính cách tiên báo trước”*. (Trang 180, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Nếu ông Lục cho rằng “tâm thần bị giao động” là dấu hiệu báo trước của bệnh tâm thần thì có lẽ “ho” là dấu hiệu báo trước của bệnh ho lao, và “khó thở” là dấu hiệu báo trước của bệnh ung thư phổi! Định bệnh như thế thì ai cũng bệnh hoạn hết!

Cái tiền đề “Nhất Linh, một cái chết định sẵn” mà ông Lục nêu ra nay tôi xin đổi ra là “Nguyễn Văn Lục, một ý nghĩ định sẵn” vì tôi thấy đúng hơn!

Ông Lục có sẵn định kiến trước khi viết. Định kiến ấy bắt đi bắt dịch: “Nhất Linh bị bệnh tâm thần. Nhất Linh tự tử vì bệnh tâm thần”. Vì định kiến ấy mà ông chỉ nhìn thấy một khoảng rất hẹp, như con ngựa bị bịt hai mắt chỉ thấy phần nhỏ trước mặt.

Ông đọc tất cả các tài liệu mà ông trích dẫn qua con mắt của con ngựa ấy: chỉ nhìn thấy trong khoảng nhỏ những gì có lợi mình chứng định kiến của ông, và cố tình không nhìn thấy một khoảng mệnh mông của sự thật nằm ngoài tầm con mắt của con ngựa vì chúng bất lợi cho lập luận của mình.

Ông Lục thừa biết cái lối nghiên cứu quái đản ấy qua bài “Ý Nghĩa Cái Chết của Nhất Linh” **là thiếu đúng đắn nhưng ông vẫn làm**. Động cơ nào đã khiến ông làm như vậy, tôi thật sự không hiểu và xin nhường nghi vấn này cho độc giả.

**Trong chủ đề này ông Lục trích dẫn những đoạn văn của Nhất Linh hoặc của những người khác viết về Nhất Linh để chứng minh là Nhất Linh có bệnh tâm thần và có ý định tự tử.**

Trang 18 (Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ) - ông Lục viết: “*Ám ảnh về cái chết, về sự tự hủy như một cứu cánh đời sống, ám ảnh ông, bàng bạc trong các tác phẩm của ông, rõ rệt nhất là trong truyện Bướm Trắng.*”

Ý ông Lục muốn nói là cha tôi đã **manh nha ý định tự tử từ năm 1939**, khi cha tôi viết cuốn tiểu thuyết Bướm Trắng này. Đây là cuốn tiểu thuyết mà cha tôi ưng ý nhất vì giá trị nghệ thuật của nó. Tác phẩm mô tả nhân vật Trương mắc bệnh nan y không muốn sống kéo dài cuộc đời nên thường nghĩ đến chuyện quyên sinh.

Ông Lục dẫn chứng đoạn văn sau này trong truyện: “*Cách tốt nhất là nhồi một viên đạn nhỏ vào trong sọ. Tạch một cái thê là hết. Ngọt như mía lùi. Lý luận thêm: Hèn nhất thì không bao giờ tự tử được, mà có can đảm như trời cũng không thể tự tử được. Tự tử được hay không là ở cánh chứ không phải ở người*” (Trang 180 Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ) rồi kết luận (ngon ơ!) như sau: “**Những ám ảnh về tự tử trong truyện có thể dẫn đường cho việc giải thích việc tự tử của ông sau này vào năm 1963 hay không?**” (Trang 181, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Rồi ông lại còn viết thêm là: “*Chính vì thế ông đã không muốn con cái trong nhà đọc Bướm Trắng khi còn nhỏ*” (Trang 181, Nguyễn

Văn Lục - Một Thời Để Nhớ). Trời đất ơi! Ông đã diễn dịch quá xá lời tôi viết trong cuốn Nhất Linh Cha Tôi. Trong sách ấy trang 17 tôi viết: *“Có một cuốn tiểu thuyết mà Nhất Linh cảm không cho chúng tôi đọc là cuốn Bướm Trắng, ông nói là chúng tôi chưa đủ lớn để hiểu được cuốn truyện này”*.

Bướm Trắng là cuốn sách phân tích tâm lý rất sâu sắc, người lớn đọc chưa chắc đã hiểu, huống hồ chúng tôi hồi đó còn con nít, chỉ đáng đọc loại Sách Hồng (sách dành cho thiếu nhi) thôi. Ông cụ cấm là vì thế. Vậy mà qua con mắt của ông Lục suy diễn thì ông cụ cấm vì sợ mấy đứa con nít chúng tôi đọc xong Bướm Trắng sẽ ảnh hưởng mà “chính vì thế” sẽ lẫn ra tự tử hết ráo!

Mà trong truyện Bướm Trắng đâu phải nhân vật Trương có ý nghĩ tự tử không thôi đâu, nhân vật này còn tuyệt vọng, đi thắt kết, ăn cấp tiền của sở làm, để tiêu một chuyến đã đời trước khi chết... Không biết ông Lục có suy diễn là từ khi cha tôi viết Bướm Trắng trong đầu óc cha tôi đã manh nha ý định thắt kết ăn cấp tiền của thiên hạ?

Ngoài ra Nhất Linh còn viết bao nhiêu các tác phẩm khác về tình yêu, sao ông không nói Nhất Linh bị ám ảnh bởi tình yêu? Hơn nữa tình yêu, thân phận con người và cái chết là những chủ đề lớn mà tất cả những nhà văn trên thế giới đều đề cập tới. Nếu ông Lục dùng chuyện Nhất Linh viết về một người muốn chết, muốn tự tử rồi ông kết luận là tác giả Nhất Linh muốn chết thì ông Lục có thể tìm ra đầy rẫy những nhà văn muốn chết, muốn tự tử, trên khắp thế giới!

Chẳng qua là vì cái **định kiến bám chặt vào đầu** để chứng minh cho lập luận “Nhất Linh muốn tự tử” ông Lục chỉ chăm chăm đi tìm để chỉ nhìn thấy hai chữ “tự tử” trong truyện của Nhất Linh mà thôi.

Cũng nằm trong phần chủ đề “Trong phạm vi văn chương” ông Lục còn trích một đoạn văn của tôi trong cuốn hồi ký Nhất Linh Cha Tôi (trang 19) như sau:

*“Nhất Linh thường viết trong đêm khuya khoắt. Những khi giật mình thức giấc nửa đêm tôi thường thấy qua khe cửa, đèn trong phòng ông còn bật sáng. Có đêm lũ chúng tôi lòm còm bò dậy vì có tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kìm hãm được. Lũ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau... Không ai có thể đoán biết được ông khóc cái gì, ngay cả mẹ tôi cũng không thể nào biết được. Nhưng sự khám phá này đã gieo vào tuổi thơ tôi một ấn tượng mạnh mẽ, rằng cha tôi là một người cô đơn và đau khổ. Ngoài ra những giấc mơ kỳ lạ và kinh hãi cũng được tôi hình dung*

*thấy qua giấc ngủ của ông, qua cách ông trần trọc ú ớ trong đêm.”*

Ở giữa đoạn văn nói trên **tôi viết câu này, nhưng ông Lục không trích đăng**: “*Một người anh họ lớn tuổi hơn ra dáng hiểu biết, giải thích: “Chú Tam khóc vì chú nhớ chú Long đấy!”*”

Trước nhất tôi **tố cáo ông Lục đã dùng tiểu xảo cắt xén để làm sai lạc ý nghĩa bản văn nguyên thủy** của tôi.

Thứ hai, một vài người trong gia đình lưu ý tôi tại sao tôi lại viết ra điều đó để cho những người như Nguyễn Văn Lục khai thác vin vào đó gán ghép ông cụ tôi mắc bệnh tâm thần? Xin thưa: Tôi viết ra bởi vì tôi hãnh diện có một người cha biết khóc!

Nếu tôi phải dùng một câu gọn nhất để mô tả toàn diện con người Nhất Linh bao gồm trí tuệ lẫn nhân cách tôi sẽ không ngần ngại viết câu này: “Nhất Linh là một trong những người Việt Nam trí thức nhân bản nhất của thế kỷ 20.”

Tiếng khóc là biểu lộ khía cạnh nhân bản của con người ông. Bản chất của ông cụ tôi là bản chất một nghệ sĩ. Ông là người có cái tâm yêu nước, thương nòi. Nhất Linh lại là người đã thực sự dấn thân, dám sống ngược lại với bản chất của mình. Và đó là sự can đảm của ông.

Trên con đường dấn thân vừa chống Pháp vừa chống Cộng Sản ông cụ tôi đã mất đi nhiều người thân, nhiều đồng chí. Trong số có Hoàng Đạo người em ruột, cũng là cánh tay phải của ông. Mất Hoàng Đạo ông không những mất người em thân thiết mà còn mất đi hy vọng về một lý tưởng ông đang theo đuổi. Ông phải khóc thôi. Chuyện đó quá bình thường!

Không những thế ngoài Hoàng Đạo, bao nhiêu những người thân khác của ông bị sát hại bởi bàn tay của Cộng Sản: Người anh ruột Nguyễn Tường Cẩm, người bạn văn Khái Hưng, họa sĩ Lemur Nguyễn Cát Tường... Ông phải khóc thôi. Nếu ông không khóc mới là chuyện bất bình thường.

Thế mà qua tiếng khóc đó ông Lục đã vội vã kết luận: “*Những tiếng khóc về đêm khuya khoắt là dấu hiệu một tình trạng bệnh trầm cảm, cô đơn và tuyệt vọng*” (Trang 185, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Rồi ông Lục còn đi xa hơn thế khi viết: “*Đọc tiếp những trang hồi ký của Nguyễn Tường Thiết thật cũng không cảm nổi xúc động. Nhưng cũng cho thấy rằng Nhất Linh đã chuẩn bị cái chết của mình một cách chu đáo, từng chi tiết một*” (Trang 185, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Kết luận của ông Lục lạ lùng quá! May mà tôi không kể ra là sau khi cha tôi mất, mẹ tôi và chúng tôi đã khóc không biết bao nhiêu ngày tháng vì cái chết đau buồn của cha tôi. Nếu không thì ông Lục đã cho rằng gia đình chúng tôi đều mang tâm bệnh trầm cảm, cô đơn và tuyệt vọng rồi!

Không biết ông Lục nghĩ gì khi đọc những lời sau đây về tiếng khóc âm thầm của người em khi ở nơi đất lạ quê người hay tin người anh chết: *“Mãi tới năm 1963, tôi đột nhiên nghe tin anh từ bỏ cuộc đời. Âm dương đôi ngả. Vĩnh biệt người anh mà tôi hằng yêu quý. Những đêm khuya vắng, tại nơi quê người, tôi đã hằng khóc - khóc người anh thân yêu, một người đi tiên phong cho làng văn Việt Nam, một nhà văn lỗi lạc, một người lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong những lúc khó khăn gian khổ nhất, một người không màng danh lợi, chỉ biết mình có gì để cống hiến cho đồng bào cho đất nước”* (Nguyễn Tường Bách, trang 66, Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ).

Tiếng khóc này có khác gì tiếng khóc của cha tôi trước cái chết của người em Hoàng Đạo? Không hiểu ông Lục có vin vào cái tiếng khóc này để gán ghép cho chú tôi, ông Nguyễn Tường Bách mắc bệnh tâm thần, lúc nào cũng chăm chăm đòi tự tử, như ông **đã vu cáo** cho cha tôi? Nếu sự suy luận về tiếng khóc là nguyên nhân của bệnh tâm thần để đưa đến chuyện tự tử của ông Lục là đúng thì nhân loại đã tự tử chết hết rồi.

Vẫn dùng cái **tiểu xảo cắt xén văn người khác** ông Lục trích dẫn một đoạn trong cuốn hồi ký Người Bác của Thế Uyên:

*“Thỉnh thoảng ông lên cơn loạn trí, đứng trước nhà đường Lý Thái Tổ, móc giấy tờ trong ví đưa cho mọi người, miệng nói lầm nhảm: ‘Lấy hết đi, xin các ông lấy hết đi. Đừng áp chế tôi’. Tôi nghiệp các người thân hết sức lo lắng. Chỉ riêng mẹ tôi sau lần chứng kiến cơn loạn thần kinh về nói riêng với tôi: ‘Bác điên khôn ghê, chỉ thấy bác vứt giấy tờ lăm lăm, chẳng thấy bác vứt tiền cho mẹ con mình tiêu.’”* (Trang 188 Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Nhưng ông Lục lại **không trích dẫn câu này Thế Uyên viết ngay sau đó**: *“Nhận xét bí mật này của mẹ tôi làm hai anh em nghi ngờ ‘sự loạn trí của Nhất Linh’. Nhất là tôi, vì được mẹ tôi kể lại những thủ đoạn chống Pháp của ông thời trước: hóa trang làm ăn mày, ông già, người say rượu, mê thói kèn để che dấu hoạt động cách mạng. Hoàng Đạo còn bị bắt giam, chứ Nhất Linh, suốt đời không bao giờ để bị bắt.”*

Đoạn văn của Thế Uyên viết (mà ông Lục không trích dẫn) nói về vụ cha tôi đã từng đóng kịch để che mắt mật vụ là chuyện có thật. Trong cuốn sách *Chân Dung Nhất Linh* trang 135, tác giả Nhật Thịnh viết: “*Tiểu thuyết Bướm Trắng của Nhất Linh in xong, Hoàng Đạo, Khải Hưng, Nguyễn Gia Trí bị bắt ở Vụ Bản (Hòa Bình). Nhất Linh học chơi hắc tiêu (Clarinet) để che mắt bọn mật thám Pháp. Ông làm nhạc công cho ban nhạc tài tử (Orchestre Amateur) của giáo sư Lê Ngọc Quỳnh và các nhạc sĩ Thẩm Oánh, Vũ Khánh*”.

Như vậy là rõ ràng là ông Lục trích dẫn mà như không trích dẫn. Ông đã **cố tình xuyên tạc ý nghĩa thực của bản văn nguyên thủy mà ông trích dẫn**. Từ việc bóp méo văn bản của người khác, ông Lục đã bóp méo sự thật. Từ việc bóp méo sự thật, ông Lục đã bóp méo lịch sử!

“Đừng tin những gì ông Lục viết, hãy nhìn kỹ những gì ông Lục làm!” Tôi xin nhại một câu nói thời danh của ông Nguyễn Văn Thiệu để nói về bài viết của ông Lục.

Cái “làm” của ông Lục là cái làm tiêu xảo trích dẫn văn người khác, làm sai lệch ý nghĩa của bản văn nguyên thủy, bằng cách chỉ trích ra những chữ hoặc những đoạn văn có lợi cho lập luận của ông: Lập luận ấy là ông Nhất Linh mắc bệnh tâm thần, lúc nào cũng chỉ lảm le muốn tự tử!

### **Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử**

Như tôi đã nói ở trên, trong cuốn sách mới xuất bản *Một Thời Để Nhớ* ông Lục đã thêm vào một chuyện hoàn toàn không có thực mà bài trước (2008) không có. Đó là chuyện ông cụ tôi, nhà văn Nhất Linh, tự tử hai lần. Tôi xin minh xác **đây là chuyện bịa đặt trắng trợn**.

Đây là chuyện mà ông Lục viết ra để bàn luận về hai lần tự tử của Nhất Linh:

“*Cũng theo bác sĩ (Nguyễn Hữu) Phiếm, Nhất Linh cũng đã uống thuốc ngủ tự tử khi ông trốn ở đường Lê Thánh Tôn. Chính bác sĩ Phiếm chữa chạy, rửa dạ dày, chích thuốc Strychnine. Số lượng thuốc ngủ hồi ấy vì ít, nên ông bình phục ngay và vài hôm sau ông lại đi họp Hội Bút Việt.*” (Trang 188 Nguyễn Văn Lục - *Một Thời Để Nhớ*).

Sao lạ vậy? Chuyện động trời như thế mà sao tôi không biết, bà cụ tôi không biết, anh em tôi không biết. Bác sĩ Phiếm là người bạn thân nhất của ông cụ tôi, nếu quả có vụ đó thì bác phải thông báo cho

mẹ tôi hay biết chứ?

Thêm nữa câu chuyện ông Lục kể có vẻ mâu thuẫn: Vài ngày trước Nhất Linh đi trốn công an mật vụ ở đường Lê Thánh Tôn rồi không thiết sống, uống thuốc độc tự tử, nhưng vài ngày sau lại bình thường, không trốn nữa, đi họp Hội Bút Việt. Thế là sao?

Khi viết đoạn trên ông Nguyễn Văn Lục đã mập mờ không nói rõ cái nguồn của tin này, cố tình để độc giả hiểu như thể chính bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm là người đã trực tiếp nói hoặc viết ra điều đó.

Thật ra thì không phải bác sĩ Phiếm nói như vậy. Ông Nguyễn Văn Lục đã trích đoạn trên từ bài viết “*Bệnh Tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*” của ông Trần Văn Bàng (trong sách ông Lục viết sai là Trần Văn Bang). Ông Bàng viết, nguyên văn như sau:

*“Mấy tháng trước, cũng theo bác sĩ (Nguyễn Hữu) Phiếm, Nhất Linh cũng đã uống thuốc ngủ tự tử khi ông trốn ở đường Lê Thánh Tôn. Chính bác sĩ Phiếm chữa chạy, rửa dạ dày, chích thuốc Strychnine. Số lượng thuốc ngủ hồi ấy vì ít, nên ông bình phục ngay và vài hôm sau ông lại đi họp Hội Bút Việt.”*

So sánh đoạn ông Lục trích dẫn với nguyên bản thì thấy ông Lục đã cố ý bỏ đi ba chữ hết sức quan trọng, đó là ba chữ “*Mấy tháng trước*”. Ý của ông Bàng muốn nói là “*Mấy tháng trước ngày 7-7-1963*”. Tại sao ông Lục lại bỏ ba chữ này đi? Vì ông Lục thừa biết rằng mấy tháng trước ngày 7-7-1963 ông cụ tôi ở nhà, không đi trốn, có nghĩa là **câu chuyện do ông Bàng thuật lại là hoàn toàn bịa đặt**. Như tôi đã viết trong bài Tâm Tình của Một Người Con đang trong sách “*Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ*” trang 251: “...Và cũng có thể vì mặc cảm (bỏ bê gia đình) đó mà cuối đời, sau thời gian trốn tránh (cuối 1960-đầu 1961) lần đầu tiên ông sống hẳn với gia đình, mặc dù trong điều kiện sống vô cùng chật vật, trong một căn gác rất nhỏ ở chợ An Đông cho đến mãi tận ngày ông qua đời”.

Gần đây vì muốn kiểm chứng lại chuyện bác sĩ Phiếm rửa ruột cho cha tôi mà ông Lục nêu lên trong bài, tôi có e-mail hỏi chị Bạch Tuyết, con gái bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, thì được chị trả lời như sau:

*“Chú Thiết thân mến,*

*Gió nào đưa đến, lâu lắm mới được tin Thiết mà chú lại đặt những câu hỏi lạ lùng quá vậy? Hai gia đình và nhất là cha mẹ chúng ta thân nhau như thể ruột thịt, chuyện gì mà không biết, nói chi chuyện bác tự tử, bơm ruột, v.v. Không hiểu ở đâu lại có **chuyện hoang đường như vậy**. Chị không bao giờ nghe và biết là bác ở Lê Thánh Tôn, một thời ngắn trước ngày song Thất 1963. Chị chỉ biết*

địa chỉ duy nhất của hai bác và gia đình là chợ An Đông, trên lầu của nhà hàng cơm gà Xiu Xiu. Bác dọn về đó thời gian nào thì chắc Thiết nhớ nhưng chị quả quyết ngày 19 March 1962, ngày chị sanh cháu gái đầu lòng ở Bệnh Viện Saint Paul, thì tình cờ bác lại chơi với bố chị và hai ông cùng đưa chị vào nhà thương. Như vậy là **trước song Thất 1963 cả hơn một năm, gia đình ở An Đông.**

Chuyện rửa ruột ở Lê Thánh Tôn là một chuyện hoàn toàn bịa đặt. Gia đình Thiết không biết, gia đình chị cũng không hề nghe tới. Lại nữa, vì lương tâm chức nghiệp, **một thầy thuốc không bao giờ tiết lộ với một người thứ hai về tình trạng bệnh lý của một bệnh nhân.** Chị chắc chắn ông Bố chị không bao giờ vi phạm đạo lý này cũng như chuyện tự tử hụt, rửa ruột tại Lê Thánh Tôn hoàn toàn không có.

Bố chị quen B.S. Trần Văn Bảng (chứ không phải Bang) có lẽ từ hồi còn ở Bắc vì ông cũng tốt nghiệp trường thuốc ở Hà Nội. Có một thời gian, hai ông cùng làm chung tại Viện Pasteur, Saigon. Bố chị chuyên về bệnh ngoài da và ông Bảng thì bệnh cùi. Quen nhưng không thể gọi là thân vì chưa bao giờ ông cụ mời ông Bảng lại nhà ăn cơm như những bạn thân khác. Ông Bảng rất thích làm thơ nhưng thơ loại bình dân, châm biếm, ngông nghênh và tính tình hơi khác người.

Để chứng minh về cái 'hơi khác người' này và có liên quan đến gia đình chị là năm 1975, Bố Mẹ chị di tản sang Pháp. Bỗng một ngày nào đó, ông Bảng làm một bài thơ bịa ra cảnh Bố chị đặt chân đến Pháp bị thăm ra sao vì con trai có vợ dâm, theo CS... Một chuyện bịa đặt trắng trợn làm cho ông bà già chị rất bức mình. Cách đây khoảng 3 năm, chị lại được đọc bài thơ đó trong một Tập san tết của nhóm Y Sĩ VN. Đã tính viết cho ông chủ trương tờ đặc san phản đối nhưng nghĩ sao lại bỏ qua. Nói thể để hiểu thêm được **cái tính thích xuyên tạc** của ông bác sĩ này.

Mong là chị đã trả lời những thắc mắc của chú. Nếu moi móc cái 'memory' cùn này mà còn nhớ thêm chi tiết gì khác, thể nào cũng liên lạc với Thiết.

Chúc vui,

**BT**

Như vậy là chuyện đã rõ. Không hề có chuyện Nhất Linh tự tử hai lần. Chuyện này hoàn toàn do ông Trần Văn Bảng bịa đặt. Đọc kỹ bài “Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam” tôi càng

ngạc nhiên khi ông Trần Văn Bảng viết **“Để tìm hiểu bệnh trạng và cái chết của Nhất Linh chúng tôi đã tiếp xúc với gia đình Nhất Linh: bà Nguyễn Tường Tam, con trai út của ông là Nguyễn Tường Thiệt”**.

Lại là một chuyện bịa đặt trắng trợn nữa: Ông Bảng **không bao giờ đến nhà** chúng tôi cả. Tôi không hề biết ông Bảng là ai, chưa bao giờ nghe tên ông ấy cho tới bây giờ khi đọc bài của ông Bảng trên Talawas và tiểu sử ông Bảng do chính ông viết trong tập thơ của ông: “Giáo Sư Trần Văn Bảng, bút hiệu Bảng Vân, Lưu Văn Vong, Sĩ Ngông (trang 5, Bảng Vân Trần Văn Bảng, Thư mục y giới văn thi nghệ sĩ)”.

Trong chủ đề “Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử” (Trang 188-189, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ), ông Lục bàn luận về chuyện Nhất Linh tự tử hai lần dựa theo chuyện bác sĩ Nguyễn Hữu Phiêm đi rửa ruột cho Nhất Linh, một câu chuyện bịa đặt bởi ông Trần Văn Bảng. **Mặc dù biết đây là chuyện bịa đặt, ông Lục vẫn dùng** để chứng minh chuyện Nhất Linh tự tử hai lần là có thật. Điều này chứng tỏ là ông không có ý định đi tìm lại hay nhìn lại “ý nghĩa về cái chết của Nhất Linh” như ông đã đặt ra cho tựa đề của chương sách này. Mục đích của ông là ông cần phải gán cho Nhất Linh căn bệnh tâm thần. Bằng mọi giá, mọi cách ông phải chứng minh cho cái lập luận ấy của ông. Bằng chứng thật hay bằng chứng giả không quan trọng miễn là ông đạt được mục tiêu của ông.

Trang 189 cuốn sách Một Thời Để Nhớ, ông Lục viết: *“Hầu hết những người phản bác lại nội dung bài viết này không một ai lên tiếng trả lời câu hỏi các cơ ý nghĩa hai lần tự tử của Nhất Linh”*.

Ông Lục biết thừa tại sao không ai lên tiếng trả lời câu hỏi các cơ của ông: Một là những bài phản bác người ta viết cách đây ba năm (2008), lúc đó câu chuyện bịa đặt Nhất Linh tự tử hai lần **chưa được đưa ra** trong bài ông viết (2008); hai là ông Lục đưa ra chuyện Nhất Linh tự tử hai lần (bài ông viết sau 2008) ông cố tình đưa ra chuyện bác sĩ Nguyễn Hữu Phiêm đi rửa ruột cho Nhất Linh như một chuyện có thật cho nên người ta không phản bác.

### **Bằng cơ pháp lý**

Trong chủ đề “bằng cơ pháp lý” ông Lục trích dẫn sách của ông Lê Nguyên Phu để đưa ra lập luận rằng Nhất Linh tự tử vì tránh không muốn ra Tòa đối chất với những người anh em đồng chí của mình trước tòa án. Tôi sẽ trình bày trong phần sau đây để phản bác

lập luận ấy của hai ông Nguyễn Văn Lục và Lê Nguyên Phu.

Bàn luận về “Bằng có pháp lý”, ông Lục viết: “...*Chứng cứ pháp lý này mở đường cho những chỉ dẫn có thể hiểu được vì lý do gì Nhất Linh đã tự tử và để lại chúc thư cho lịch sử...*” (Trang 175, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Theo ông Lục những chứng cứ pháp lý sẽ giải thích lý do vì sao Nhất Linh tự tử. Sau đây là những điều tôi tìm thấy trong dẫn chứng pháp lý của ông Lục.

Những bằng có pháp lý mà ông Lục đưa ra phần lớn ông trích dẫn trong sách của ông Lê Nguyên Phu (Trung Tá Lê Nguyên Phu, ủy viên chánh phủ chính quyền Ngô Đình Diệm, Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt).

Tôi chưa bao giờ nghe nói hoặc nhìn thấy cuốn sách viết bởi ông Lê Nguyên Phu. Khi trích dẫn sách của ông Lê Nguyên Phu, ông Lục không viết tên sách và trang sách, ông chỉ ghi chú như sau: “*Trích tóm lược nội dung cuốn sách của ông Lê Nguyên Phu*” hoặc “*Tóm tắt Lê Nguyên Phu*” hoặc “*Tóm tắt chứng từ Lê Nguyên Phu*”.

Vài trích dẫn của ông Lục nói về con người của ông Lê Nguyên Phu như sau:

“*Những người đã ngấm ngấm giúp các chính khách là Trung Tá Lê Nguyên Phu, Ủy viên chính phủ trong tòa án quân sự đặc biệt. Ông Lê Nguyên Phu đồng ý và hứa với ông Tuyền sẽ ngấm giúp các chính khách bằng cách tha bổng hay xử những bản án rất nhẹ...*”

“...*Tuy nhiên, với tư thế là Ủy viên chính phủ, ông Lê Nguyên Phu đã đóng kịch trước tòa án, có vẻ gắt gao và mặt sát bị cáo. Cho nên có một số người bị chạm tự ái, và để tâm thù, sau này còn mạ lỵ ông thậm tệ. ‘Trích Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm, Vĩnh Phúc, trang 320-323’ (Trang 192, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).*”

Chuyện ông Lê Nguyên Phu “ngấm ngấm” giúp các chính khách tôi chưa nghe ai nói, nhưng chuyện ông Lê Nguyên Phu “đóng kịch” trước tòa án, “có vẻ” gắt gao và mặt sát bị cáo thì, ông Nguyễn Liệu, có tả rất rõ như sau: “...*Tôi phải nhắc lại điểm về con người của Lê Nguyên Phu khi làm Trung tá ủy viên chánh phủ xử vụ đảo chánh năm 1960 của toàn án quân sự đặc biệt Sài gòn, mà tôi là một bị cáo, Lê Nguyên Phu là Trung tá quân pháp...*” “...*tiếp sau đó vị Trung tá ủy viên chánh phủ lớn tiếng phùng mang trợn mắt lên giọng chưởi bới bọn phản loạn bọn bán nước bọn làm tay sai tiếp tay cho cộng sản.* (Bài viết - “Ông Nguyễn Văn Lục nên viết lại bài - Ý nghĩa cái

chết của Nhất Linh - Nguyễn Liệu)”. Như tôi đã viết trong phần I của bài này ông Nguyễn Liệu bị kết án 5 năm tù vì tội tham gia vào cuộc đảo chánh 11-11-1960 và ông hiện đang sống tại San Jose, CA.

Như thế là cách cư xử “gắt gao và mặt sát” các bị cáo của ông LN Phu trong phần trích dẫn của ông Lục là chuyện có thật và đã được mô tả kỹ lưỡng bởi ông Nguyễn Liệu. Tôi sẽ nói thêm về dẫn chứng rất quan trọng này của ông Lục vào một lúc khác.

Theo dẫn chứng của ông Lục, ông Lê Nguyên Phu vì tư thế của một Ủy viên chính phủ đã phải “*đóng kịch*” trước tòa án, làm ra vẻ “*gắt gao và mặt sát*” những bị cáo. Nếu ông Lê Nguyên Phu là người đại diện chính phủ xử tội các bị cáo thì ông cứ phán xét tội phạm của họ rồi kết án, việc gì mà ông phải “đóng kịch” như ông đã làm. Ông Lê Nguyên Phu phải “đóng kịch” có nghĩa là ông không muốn làm nhưng ông bị buộc phải làm. Như thế là ông Lê Nguyên Phu ý thức rằng hành động “gắt gao và mặt sát” bị cáo là việc làm sai, tồi tệ. Tại sao ông Lê Nguyên Phu lại phải “gắt gao và mặt sát” các bị cáo trước quan tòa nếu không nhằm mục đích nhục mạ bị cáo trước tòa án? Ông Lê Nguyên Phu là người đại diện chính quyền để thi hành chính sách hoặc đường lối mà chính quyền đặt ra và giao phó cho ông. Như thế sự nhục mạ các bị cáo trước tòa án **là chính sách của chính quyền mà ông Lê Nguyên Phu chỉ là người thừa hành**. Tôi sẽ bàn luận thêm chuyện này ở phần sau.

Tôi không được đọc sách của ông Lê Nguyên Phu viết. Tôi không biết **tên sách là gì**. Tôi không biết ông **có viết không**? Không biết ông viết gì và với mục đích gì? Tuy nhiên những gì ông Lục trích dẫn trong sách ông Lê Nguyên Phu đưa ra để giải thích về chuyện Nhất Linh tự tử là những chuyện không đúng sự thật.

• Trích dẫn thứ nhất - ông Lục: “*Tôi viết thư mời Nguyễn Tường Tam (chứ không phải ra trát đòi) đến gặp tôi tại tòa án quân sự đặc biệt*”... “*Đối với ông, tôi không cho tổng đạt trát đòi hầu tòa*” (Trang 193, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ). Đây là một điểm **sai hoàn toàn**. Nhất Linh nhận được trát tòa đề ngày 5-7-1963 của Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt đòi Nhất Linh ra tòa trình diện. Có tên, con dấu, và chữ ký của ông Lê Nguyên Phu. Nếu cái chuyện có chứng cứ rành rành như cái trát tòa mà ông Lê Nguyên Phu còn quên và nói khác đi thì không biết chuyện gì ông nhớ đúng?

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
TÒA-ÁN QUÂN-SỰ ĐẶC-BIỆT  
SAIGON

Trực-thuộc Bộ Quốc-Phòng  
(Bưu 15 Lu) số 1059)

TRÁT ĐỐI  
BỊ CÁN RA TRƯỚC PHIÊN TÒA

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi thăm ba, tháng bảy  
ngày sáu năm, chúng tôi TRẦN VĂN PHU, Ủy-viên Chính Phủ  
Tòa-ÁN Quân-Sự Đặc-Biệt Saigon, do từ này báo thỉ (cho tên):  
NGUYỄN VĂN TÂM, 54 tuổi, con của Nguyễn Văn Tâm (chết)  
và Lê Thị Tâm (chết), ngụ tại số 39 đường Công An-Dũng (Quận 1),  
đó ra hầu tại phiên xử Tòa-ÁN Quân-Sự Đặc-Biệt nói trên, do Thẩm-Định ĐO TRƯỜNG PHU  
TÁ QUỐC PHÒNG tuyên hợp vào ngày 6 tháng 7 năm 1963  
họ ĐO TRƯỜNG PHU TRƯỜNG PHU TRƯỜNG PHU  
và để nghe xét xử về các khoản do y can phạm:  
vi phạm an ninh Quốc-Đia  
các khoản tiền được dự liệu và trưng phạt do các điều 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11  
và 12 của Luật số 10/59 ngày 6-5-1959.  
CHỖ Y: Đã biết được: Lưu và Lưu Văn Ký ngụ tại Phường CÔNG THẮNG SAIGON,  
hàng xóm của Đã biết được Đã biết được Đã biết được Đã biết được  
tại Tòa-ÁN Quân-Sự Đặc-Biệt SAIGON, số 131 đường  
Đang-Lý SAIGON. (trên lưu  
bằng 2)  
TỔNG ĐẠT  
Năm một ngàn chín trăm sáu mươi thăm ba, tháng bảy  
ngày 6 năm 1963, tại SAIGON, theo lệnh của  
Ông ỦY VIÊN CHÍNH PHỦ tại Tòa-ÁN Quân-Sự Đặc-Biệt SAIGON  
Chúng tôi: Trần Văn Phú, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Tâm  
đi cùng đại diện chính bản: Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Tâm  
Nguyễn Văn Tâm Nguyễn Văn Tâm Nguyễn Văn Tâm  
bị quản-Định bị trục thối tại:  
và các với chính người bị.  
Đã nói với y như trên và để cho y được rõ, chúng tôi sẽ để lại cho y các bản  
sau trát đối và to bằng đại diện của chúng.  
Ngày lập tờ này tại: SAIGON ngày 6 tháng 7 năm 1963.

Trát tòa do Trung Tá Lê Nguyên Phu ký. (Hình: Tác giả cung cấp)

Ngoài ra để nói về vụ binh biến 1960, ông Lê Nguyên Phu đã viết sai là “vụ binh biến 11/11/1963” (trang 193). Nếu Ông Lê Nguyên Phu cứ nhớ sai chuyện này, viết sai chuyện kia thì làm sao ông ấy có thể nhớ đúng lời khai của bị cáo Nguyễn Tường Tam và các bị cáo khác?

Thêm một điều nữa: Ông Phu viết lịch sử mà viết sai bét, rồi ông Lục lại dựa vào cái lịch sử sai bét ấy của ông Phu để chứng minh chuyện nọ chuyện kia. Như thế mà ông Lục cho là ông công bằng đối với lịch sử à? Cái công bằng đó ở đâu khi ông viết: “... muốn nhìn lại ý nghĩa cái chết của Nhất Linh với một cái nhìn trung thực tới đa, sự công bình đối với riêng ông Nhất Linh và nhất là đối với Lịch sử.”

(Trang 175, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

● Trích dẫn thứ hai - ông Lục: *“Các thuộc hạ của Nguyễn Tường Tam đều bị đại tá Lê Văn Khoa tổng giam, chỉ một mình Nguyễn Tường Tam được tại ngoại hầu tra. Do đó các thuộc hạ của ông đều tỏ ra bất bình và bất mãn với ông, nhất là Trương Bảo Sơn vừa cay đắng vừa oán hận, chỉ trích Nguyễn Tường Tam đủ điều, nào là phản bội anh em, nào là thiếu tư cách lãnh đạo ‘Tóm tắt Lê Nguyên Phu’ (Trang 190, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)”*.

● Trích dẫn thứ ba - ông Lục: *“Tiếp theo nội dung sách của ông Lê Nguyên Phu: ‘Lá thư của ông Trương Bảo Sơn tố cáo Nhất Linh được giám đốc khám đường Chí Hòa đệ trình tòa Đặc biệt và được lưu giữ lại trong hồ sơ. Tôi đến thay đại tá Lê Văn Khoa, tôi lưu giữ lá thư trong hồ sơ mà không cho chuyển đi chỉ vì thiện ý’ (Trang 192, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)”*.

Nếu ông Lê Nguyên Phu là người nhớ sai những chuyện đơn giản thì làm sao ông có thể nhớ đến lá thư của ông Trương Bảo Sơn tố cáo Nhất Linh. Những điều ông Phu viết ra ở trên chỉ nhằm mục đích chia rẽ, mạ lỵ, sỉ nhục Nhất Linh và những người đã cùng sát cánh hoạt động với Nhất Linh.

Không biết là ông Lê Nguyên Phu nhớ sai hay vì ông không “thiện ý” khi ông kể ra rằng các “thuộc hạ” của Nhất Linh đều tỏ ra bất bình và bất mãn với Nhất Linh, nhất là Trương Bảo Sơn vừa cay đắng vừa oán hận Nhất Linh.

Theo ông Trương Bảo Sơn kể lại thì những người hoạt động với cha tôi đã có một thái độ rất khác khi nghe tin Nhất Linh mất. Ngày các bị cáo phải ra tòa lãnh án tù, ông Phan Khắc Sửu và những bị cáo khác đã xin phép tòa cho họ được mặc niệm Nhất Linh. Đây là một hành động đầy can đảm. Gia đình chúng tôi luôn luôn thán phục hành động can đảm này và biết ơn lòng quý trọng của họ đối với cha tôi. Trong lúc mặc niệm họ đã quên đi số phận sắp sửa bị ông LN Phu và chính quyền nhà Ngô mang ra xét xử, kết án tù đầy. Riêng ông **Trương Bảo Sơn**, một đồng chí và cũng là người bạn rất thân của Nhất Linh, đã bày tỏ lòng quý mến và hãnh diện về cha tôi qua những gì ông viết trong bài “Những Kỷ Niệm Riêng Với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam” đăng trên sách “Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ - Người Chiến Sĩ” xuất bản năm 2004. Đây là một vài đoạn trích trong bài ông viết:

*“Cùng chiều hôm đó, luật sư Dương Kiên vào khám Chí Hòa báo tin cho luật sư Lê Ngọc Chấn, cùng bị giam chung với bọn đảng*

phái chính trị và quân nhân bị bắt sau cuộc đảo chính hụt 1960, chúng tôi vô cùng đau khổ và thương tiếc Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã bàn để tang ông ngày hôm sau khi bị đưa trước tòa án quân sự. Một anh em đã hy sinh một chiếc áo đen, cắt thành băng đeo ở cánh tay trái.”

“Vừa trông thấy chúng tôi, ủy viên chính phủ Lê Nguyên Phu nói ngay: ‘Bọn Quốc Dân Đảng để tang Nguyễn Tường Tam!’ Nhưng không phải chỉ có ‘bọn QDD’ mà tất cả các chính trị phạm hôm đó đã đeo băng đen, trừ một người là ông Phan Quang Đán” (trang 76).

“Hàng năm cứ đến ngày ‘song thất’ tôi lại nhớ tới Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ tôi kính trọng, một bạn đồng tâm đồng chí thân mến của tôi và của cả gia đình tôi. Hôm nay tôi hân hạnh kể hầu quý vị những kỷ niệm riêng của tôi với ông, gọi là đốt nén hương lòng tưởng niệm ông.” (trang 81).

● Trích dẫn thứ bốn - ông Lục: Tiếp theo là nội dung sách của ông Lê Nguyên Phu: “...Thật là một sự dễ dãi chưa từng có trong phạm vi thủ tục pháp lý. Sau cùng ông (Nhất Linh) hỏi tôi: Ông ủy viên có thể giúp tôi thêm một chút nữa được không? Tôi xin ông ủy viên giúp tôi tránh khỏi phải đối chất với bọn đàn em thuộc hạ của tôi”. (Trang 192, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Tôi tin đây là một chuyện bịa đặt của ông Lê Nguyên Phu vì chắc chắn câu nói này không phải là lời nói của cha tôi. Cha tôi không bao giờ gọi những người anh em hoạt động với ông là “bọn đàn em thuộc hạ”. Ông Phu gán vào miệng Nhất Linh câu nói này như thể cha tôi là một tên kháo khẩu đang nói về thuộc hạ của mình. Ông Phu viết ra câu đó hiển nhiên là để mạ lỵ tư cách của Nhất Linh. Tư cách của Nhất Linh như thế nào tôi xin dẫn chứng lời của học giả Hoàng Xuân Hãn. Trong sách “Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ - Người Chiến Sĩ”, trang 55, nhà văn Võ Phiến có viết: “Nhận xét về phong độ Nguyễn Tường Tam, ông Hoàng Xuân Hãn viết: Cử chỉ lễ độ, ăn nói chừng chàng, trong buổi xã giao hội họp với kẻ chức trách, hoặc phái viên Pháp, anh đã có thái độ cử chỉ đoan nghiêm và đúng mực, không làm thẹn chức vụ bộ trưởng Ngoại Giao và chủ tịch phái đoàn Việt Nam”.

● Trích dẫn thứ năm - ông Lục: “Tiếp theo nội dung sách của ông Lê Nguyên Phu: Lúc tiễn ông ra cửa, tôi thấy ông đi thất thểu, nhưng tôi không nghĩ rằng vì vấn đề đối chất này mà ông phải tự tử sau đó”.

“Lúc được tin ông qua đời, suy nghĩ kỹ lại, tôi mới nhận rõ điều ông yêu cầu là một điều tối quan trọng đối với ông. Ông không muốn

*đối diện với bọn đàn em và đối chất với họ trước tòa, vì đó là một điều sỉ nhục, mất thể diện trọng đại...”* (Trang 193, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Có lẽ ông Lục cho đây là một bằng chứng rõ rệt nhất “không chối cãi” được trong phần bản luận về “bằng cứ pháp lý” của ông. Tôi xin nói ngay, đây là một giả thuyết thiếu thông minh của ông Lê Nguyên Phu. Khi ngồi viết truyện này, có lẽ ông LN Phu đã nghĩ tới cái **quyền đánh đập, bạo hành, tra tấn bị cáo ở trong nhà tù mà chính quyền ông phục vụ vẫn áp dụng**. Hay có lẽ ông hình dung bị cáo Nhất Linh đáng thiếu não run sợ trước quan tòa khi nghe ông LN Phu “đóng kịch” quát tháo, mạt sát, áp đảo tinh thần thì Nhất Linh sẽ phải sợ ngay, răm rắp làm theo lệnh tòa, răm rắp phải đối chất.

Chuyện Nhất Linh sợ phải đối chất là giả thuyết của ông LN Phu và là lập luận của ông Nguyễn Văn Lục. Nhất Linh đã có quyết định rồi. Nếu phải ra tòa ông sẽ chọn sự im lặng. Cha tôi đã nói trước điều đó với nhiều người thân của ông.

Trong sách Chân Dung Nhất Linh, trang 184, tác giả Nhật Thịnh, thuật lại chuyện cha tôi đến từ biệt ông Nguyễn Hữu Phiếm buổi sáng ngày 7-7-1963. Đây là đối thoại giữa bà Phiếm với cha tôi buổi sáng hôm ấy:

*-Mai ra tòa anh sẽ khai ra sao?*

*-Chị cứ yên trí, tôi sẽ không nói gì hết, y như ông giáo sư ở trong phim “Jugement à Nuremberg” khi ra Tòa ấy.*

Trong sách Hồi Ký về Gia Đình Nguyễn Tường, trang 158, tác giả Nguyễn Thị Thế (em ruột Nhất Linh) viết:

*“Tôi lại hỏi anh mai anh ra tòa anh sẽ nói sao. Anh cho tôi biết anh sẽ không nói gì hết, chỉ im lặng thôi. Tôi hỏi im lặng trước tòa được ư. Anh bảo đã có luật sư nói hộ”.*

Trong sách Nhất Linh Cha Tôi, trang 32, tôi viết: *“Im như hén thể mà hay! Nhưng quả thật tôi không ngờ ông đã đi sâu đến như thế, không chỉ im lặng ở tòa mà chọn sự im lặng trong cung cách ra đi vĩnh viễn”.*

Ông Lê Nguyên Phu làm gì được khi một bị can quyết định im lặng không nói trước tòa án? Ông cậy miệng Nhất Linh bắt Nhất Linh phải đối chất trước tòa hay sao? Nếu bị cáo Nhất Linh im lặng, thì ông Phu bỏ tù Nhất Linh à? Nhất Linh đã không sợ chết thì sao Nhất Linh lại sợ vào tù? Nhất Linh không sợ vào tù như ông đã nói người con của ông vài giờ trước khi chết: *“Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù đều mất tự do như nhau.”* (Nhất Linh Cha

Tôi- hồi ký Nguyễn Tường Thiết- trang 36).

Như thế thì lập luận của ông Nguyễn Văn Lục và ông Lê Nguyên Phu về chuyện Nhất Linh tự tử vì sợ phải đối chất với những người khác không đứng vững. Nhất Linh tự hủy mình vì không muốn phải ra tòa để cho ông Lê Nguyên Phu “đóng kịch” “gắt gạo và mặt sát” như dẫn chứng của ông Lục nêu ra về cách thức đối xử của ông LN Phu đối với bị cáo khi họ đứng trước tòa án. Nhất Linh đã không để cho các ông quan tòa đại diện chính quyền có dịp “gắt gạo và mặt sát” sỉ nhục. Nhất Linh đã chọn cái chết như ông đã viết trong chúc thư tuyệt mệnh của ông “Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử tôi cả.” Chữ “ai” ở đây ông **ám chỉ cả chế độ nhà Ngô** trong đó có ông Lê Nguyên Phu!

Để kết thúc phần bàn luận của tôi về chứng cứ pháp lý mà ông Lục đưa ra trong bài ông, tôi xin trích dẫn đoạn viết của tác giả Lưu Văn Vịnh: “...và ông đã làm, đã chọn cách chết, đã chọn lúc chết... ‘đời tôi để lịch sử xử’, ông là loại ‘hồ nhơ rừng’ chẳng thể để cho đàn kiến đen bọ hung bọ xít xúc phạm” (Trang 177, sách Nhất Linh Người Nghệ Sĩ -Người Chiến Sĩ).

Để chấm dứt bài viết này tôi có vài lời chót về bài viết của ông Nguyễn Văn Lục.

Ông Nguyễn Văn Lục không phải là một bác sĩ tâm thần, không phải là bác sĩ thần kinh học, cũng không phải là một nhà tâm lý học nhưng ông đưa ra những dẫn chứng sai sự thật như tôi đã trình bày ở trên để gán ghép cho cha tôi, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam căn bệnh tâm thần. Mục đích của ông Lục khi ông cố gán ghép cho cha tôi mắc bệnh tâm thần là **để xuyên tạc ý nghĩa và sự thật về cái chết của cha tôi và bằng cách ấy ông đã xuyên tạc bóp méo lịch sử**. Về chuyện ông Lục gán cho cha tôi bệnh tâm thần, tôi xin mượn lời tác giả Vũ Cầm viết trong bài “Muru toan đưa Nhất Linh vào nhà thương điên” như sau:

*“Tôi xin quay lại một chút với chủ đề chính của tác giả Nguyễn Văn Lục trước khi dừng bút. Ấy là vấn đề bệnh tâm thần. Để vô hiệu hóa hành vi, ngôn ngữ của kẻ nào, điều dễ nhất là nói người đó điên. Khi thuyết phục được mọi người rằng một ai đó có bệnh tâm thần là đã có thể huỷ vô hóa người ta. Không một cái gì thuộc về người ấy còn có giá trị với đời sống bình thường của chúng ta nữa. Nguyễn Văn Lục đã khổ công tạo ra một Nhất Linh bị bệnh tâm thần để triệt hạ ông, và tưởng như thế là một phát minh mới mẻ lắm. Không, đảng cộng sản Nga đã chơi cái trò đó nhiều rồi. Những ai thuộc giới trí*

*thức mà chống đối chế độ, thay vì bắt giam tra tấn đánh đập nhiều khi chỉ càng làm người ấy nổi bật lên vì sự can đảm, chỉ cần tống vào nhà thương điên là người ấy không còn tư cách làm người nữa trước mắt xã hội.*

*Nguyễn Văn Lục mưu đồ cho Nhất Linh vào nhà thương điên. Nhưng người điên, ở đây là ai?” (2008 talawas)*

Tôi xin dành cơ hội này cảm ơn những tác giả đã viết bài phản bác bài viết của ông Nguyễn Văn Lục: Vũ Cẩm (*Mưu toan đưa Nhất Linh vào nhà thương điên - Talawas*), Nguyễn Liệu (*Ông Nguyễn Văn Lục nên viết lại bài “Ý nghĩa cái chết của Nhất Linh”*), và Lý Nguyên Diệu (*Nguyễn Văn Lục: Người trí thức không biết nguỵng - chuyenluan.net*). Cũng xin cảm ơn chị Nguyễn Bạch Tuyết và Nguyễn Lệ Chi (con bác sĩ Nguyễn Hữu Phiêm) đã giúp tôi tìm hiểu sự thật về một chứng cứ bịa đặt dùng trong bài của ông Nguyễn Văn Lục.

### **Nguyễn Tường Thiết**

Người Việt Online [1, 2, 3 và 4 tháng 2 năm 2012].

Nguồn:

<http://www.nguoi-viet.com/absolutenm2/templates/default.aspx?a=143907&z=271>

# CUỘC CHIẾN... DẤU SỰ THẬT

*Lloyd Pham*

On Fri, 10/21/11, Lloyd Pham <phamcatloi@sbcglobal.net>  
wrote:

Date: Friday, October 21, 2011, 10:09 AM

Chào ông Lữ Giang.

Xin bàn luận với bài ông viết hôm nay ( thứ sáu, 21/ 10 / 2011 )  
“ Cuộc Chiến với Sự Thật “

Thưa Ông,

Tôi đã gặp ông và ông đã gặp tôi, nếu tôi nhắc lại thì nhớ liền.  
Nhưng để kỳ sau đi.

Trên Internet, nhất là đám cỏ rồi hay cỏ chân nhện rất nhiều.

Đa số trình độ thấp, nếu có cao thì cũng thấp về kiến thức mà  
thôi.

Những bài ông viết có tên Lữ Giang, tôi đều “ open “ đọc trước  
nhất, còn mấy tay khác thì đọc sau.

Đọc kỹ, đôi khi tôi “ save “ vào My Document để đọc sau.

Tôi với ông cùng niềm ham mê vào thư viện, tiệm sách hơn là  
vào quán cà phê tán gẫu như mấy tay gọi là: “ không biết làm gì cho  
nữa đời sau “.

Tôi cựu sĩ quan trong ngành Y, 1975 - tiếc là qua đây lúc đầu  
không biết có chương trình trợ giúp những người y sĩ VNCH ....nên  
không tiếp tục hành nghề Y sĩ như ngày xưa trong Quân Y Viện,  
nhưng không sao, tôi chuyển sang kỹ sư designer về Laser  
ElectroOptics.

Làm trong chương trình về Long Range Ballistic Missile cho cơ  
quan General Dynamics sau này là tập đoàn công ty Hughes  
Electronics Dept, cũng thuộc về Bộ Quốc Phòng thôi.

Đa số kỹ sư Vật lý hay Electronics ra trường tại USA đều vào  
làm cho cơ quan Quốc phòng gần hết, rất ít làm cho cơ quan tư nhân  
như Sony hay IBM, HP ...

Xưa tôi cũng là học trò trường dòng danh tiếng tại Saigon, cho  
đến hết lớp Terminal.

Tôi là Phật tử có quy y Tam bảo.

Cho nên Công giáo và Phật giáo về giáo lý thì nằm gọn trong bàn tay tôi rồi.

Đó là sơ qua để làm quen với ông, chứ mấy vụ đó thì khoe khoang đâu có được với một người Thẩm phán và hiểu biết rất nhiều về trường đời, cũng như trường đạo.

Ở tại Saigon, tôi không biết đạo Muslim là đạo tử thù của đạo Công giáo. Chỉ biết Công giáo thù Phật giáo mà thôi tại miền Nam VN.

Vậy tôi và ông “ open book “ với nhau, để nói chuyện hơn.

1.- Người Công giáo tại miền Nam họ viết rất nhiều sách cho người ta đọc, **nhưng điều kỳ lạ là họ “ rất ít “ đọc sách người ta viết.** Nhất là sách nào trái ý họ là kể như vụn thùng rác.

2.- Tôi viết không nhiều, vài ba tờ báo dạng “ lá cải “ hay vài web sites không lừng danh, thế thôi ...nhưng bù lại tôi đọc rất nhiều sách người ta viết...những tiệm sách Việt tại Little Saigon từ lúc mới hoang sơ, đến lúc đồ sộ ( Tự Lực, Tú Quỳnh ) hay có tiệm đẹp như nhà sách “ Văn Khoa “ trong Phước-Lộc-Thọ Mall tại Westminster, hay tiệm sách Văn Bút....

Và lại biết chữ Anh, nên càng đọc mới thấy một Chân Trời sai biệt về đạo Công giáo VN.

Ở Saigon, người Công giáo tuy ít, nhưng **những chức vụ quan trọng trong công sở hay tư sở...họ đều nắm gần trọn hết.**

Tại đại học Văn khoa ban Triết Đông hay Triết Tây đều do linh mục nắm hết. Nhưng riêng linh mục Kim Định thì lại nhớ đến cội nguồn người Việt nam chúng ta. Cho nên giáo sư Kim Định làm phật lòng không ít những tu sĩ công giáo cuồng tín, cứ tối ngày Thánh Cha Thánh Tổ....

Giáo sư Kim Định với triết thuyết của Ngài về An Việt hay An Vĩ, vượt trội hơn triết Công giáo rất nhiều.

Dĩ nhiên người Công giáo VN viết nhiều, viết thật...**nhưng không hết sự thật.**

Và khi người đi tìm sự thật bị dấu kín bởi những người Công giáo thích viết hơn thích đọc...thì còn giận lại bùng phát hơn bao giờ hết.

Tôi năm nay tuổi 65-70 nên những thăng trầm lịch sử đời TT Ngô Đình Diệm đến Nguyễn văn Thiệu đều có mặt “ present “ hết ( danh từ present nhớ lại lúc học trường dòng ban Pháp ngữ, khi thầy dòng điểm danh học trò...có mặt thì hô to present rồi đưa tay lên )

Người Công giáo miền Nam + dư đảng Cần Lao của Ngô Đình Nhu đều viết nhiều sách, ca ngợi công ơn thành lập VNCH I của TT Ngô Đình Diệm. Nhưng hầu hết 99.9 % đều ít đọc sách người ta viết.

Ông Ngô Đình Diệm, nào là có đức độ, trong sạch, không tham nhũng...ghét cờ bạc, đảng điểm, làm việc siêng năng..., mở mang đất nước ...

Rồi Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng thống ( điển hình là tên bác sĩ phá thai Phạm Lễ = Phạm Cát Lợi, thường ghi lời Ngô Đình Nhu nói tại Thị Nghè là nếu mà Diệm Nhu chết thì mất hết...vv...rồi Ngô Tổng thống muôn năm )

Họ nói đúng những điều họ muốn ca tụng Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu, nhưng họ là những kẻ **bế cong lịch sử miền Nam vô cùng tận mạng**.

Tôi là kẻ “ present “ còn nhớ bài hát Suy tôn Ngô Tổng thống, nhưng không bao giờ quên bài vè của đám tay sai của họ đặt cho Vua Bảo Đại ( tôi là dân miền nam kỳ lục tỉnh, nên không ăn nhậu đến dòng họ Tôn thất của vua Bảo Đại )

Tôi còn nhớ bài vè độc ác: *Nghe vè nghe vè, nghe vè Bảo Đại là quân ăn hại, liếm gót thực dân, giết hại đồng bào....vv...*

Họ dẫu sự thật quan trọng bài vè đó.

Tại sao Ông Diệm và Nhu lại có bài vè đó?

Vì họ ( Diệm Nhu ) muốn được nhân hiệu của Đức Khổng Tử nói hoài cho người quân tử: “ Chính Danh sẽ định Phận”.

Ngô Đình Diệm muốn có Phận, nên tìm Chính Danh.

Muốn được Chính Danh thì **phải hạ bệ Danh của người Ta**.

Người Ta đây là Vua Bảo Đại đó ( lúc đó Quốc Trưởng miền Nam VN ...thì cũng đáng gọi là Vua vậy )

Tại sao Ngô Đình Diệm phải tìm Chính Danh?

Vì ông ta về miền Nam với Lệnh Bổ Nhiệm của Vua Bảo Đại là chức vụ Thủ tướng miền Nam VN ....đồng thời Vua Bảo Đại sa thải Thủ tướng Bảo Lộc ( bà con của mình ) để Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng.

Khi Ngô Đình Diệm muốn lên làm Tổng thống, để được Chính Danh....thì Ông Diệm phải hạ bệ Vua Bảo Đại.

Câu nói của thánh nhân Khổng Tử “ Chính Danh sẽ Định Phận”...có nghĩa ngược lại là: “ Không chính Danh thì sẽ nhận số phận thê thảm, phần số sẽ Dĩ Định cho mình mai sau “.

Cho nên vừa qua Mr. Nguyễn Phi Thọ có nói đến Tam Đại

Nhân ( 3 Nhân vật lớn ) là

: **Saddam Hussein, Muammar al- Gaddafi và Ngô Đình Diệm.**

Tam Đại Nhân này từ tay chân bộ hạ của Vua, phản Vua mà lên ngôi Chúa thượng.

Uy quyền tột đỉnh. Thân tộc hưởng phước tràn đầy.

Họ không có Chính Danh, nên số phận nghiệt ngã an bài cho họ đúng với câu của thánh nhân Không Phu Tử: “ Chính Danh sẽ Định Phận “.

Tam Đại Nhân này đều **chết thê thảm, gia tộc cũng bị truy diệt** luôn

Có nhiều gia nô trong Internet cho rằng Ông Ngô Đình Diệm là vĩ nhân của nhân loại.

**Vĩ nhân của nhân loại khi chết, hầu như đất nước để tang ...chớ không ăn mừng, hân hoan đâu.**

Như Mahatma Ghandi khi chết thì toàn quốc Ấn độ để tang, nhiều quốc gia thương tiếc. Nơi quê qua đất tổ sanh ông Ghandi ra có tượng thờ. Ngày ông chết thì trường học nghỉ 1 ngày học.

Còn những vĩ nhân khi chết thì dân chúng ăn mừng, vui vẻ tột độ như: **Hitler, Pol Popot, Saddam Hussein, Muammar al-Gaddafi, Ngô Đình Diệm** thì chắc chắn không phải là vĩ nhân rồi. ( những người này lật Vua để lên làm Chúa Thượng, uy quyền tột đỉnh đất nước... đều số phận thê thảm đã định cho họ rồi....nghĩa là dòng họ sẽ bị tuyệt diệt nơi đất nước mà họ chiếm bằng Bất chính Danh, nên số phận sẽ định thê thảm.

Dòng họ **Hitler, Polpot, Saddam Hussein, Gaddafi, Ngô Đình Diệm** không còn đáng kể tại nước của họ nữa rồi. )

Đó là một phần “ Phản biện của bài ông viết là *Cuộc Chiến Với Sự Thật* “...

Ông Lữ Giang nên viết thêm một bài viết: “ **Cuộc Chiến Đấu Sự Thật** “ mới đủ bộ.

# JOHNSON GỌI DIỆM LÀ “*THẮNG NHẢI*” HAY SAI LẦM VÀ GIAN XẢO TRONG KHI DỊCH ĐỂ CỔ TÌNH XUYÊN TẠC LỊCH SỬ

*Lê Xuân Nhuận*

## ■ Một – “Bọn Cóc nhái”

Trong bài viết “*Lại Chuyện Tân Mạn!*” phổ-biến ngày Thursday, August 21, 2008 6:03 PM (phê-bình bài viết nhan đề “*Tân mạn lịch sử*” của Ông Lê Mạnh Hùng đăng trên báo *Viet Tide*), Ông **Lữ Giang** [aka **Tú Gàn**, aka **Nguyễn Cầm**] đã viết như sau:

“Trong công điện gởi cho Bộ Ngoại Giao lúc 2 giờ chiều ngày 7.9.1963, Đại Sứ Cabot Lodge có kể lại lời ông Ngô Đình Nhu đã nói với ông như sau:

“*Tôi báo động về những gì sẽ xảy ra trong Quân Lực. Nếu tôi ra đi, Quân Lực sẽ nắm chính quyền. Bọn cóc nhái của CIA và USIS này sẽ phá hoại nỗ lực chiến tranh.*”

(I am alarmed by what's going on in the Armed Forces. If I leave, the Armed Forces will take over the government. 'Ces **grenouillards**' (which I translate as "these schemers" or 'these contrivers') of the CIA and USIS will sabotage the war effort.)”

1) Nghĩa của tiếng Pháp “**Grenouillard(s)**” mà Ông Ngô Đình Nhu dùng:

1a- theo nghĩa đen thì là loài chim, các giống: đại bàng; điều hâu; điều mướp; kên-kên; ó; ung;

1b- theo nghĩa bóng, thì là loại người có tính đặc-biệt: hiểu chiến; quấy rầy; tham lam; trục lợi;

2) Nhưng trong câu nói bằng tiếng Pháp của Ông Ngô Đình Nhu mà cựu Đại-Sứ Hoa-Kỳ Cabot Lodge đã hiểu đúng ý và kể lại bằng tiếng Anh thì Ông Cabot Lodge đã dịch ngay chữ “Grenouillards” ra tiếng Anh là “**schemers**” hoặc “**contrivers**” rồi.

2a/ chữ “**schemer(s)**” có nghĩa là: “người chủ mưu; người vạch

kế hoạch; kẻ âm mưu; kẻ hay dùng mưu gian”;

**2b/** chữ “**contriver(s)**” có nghĩa là: “người nghĩ ra; người sáng chế ra; người có tài xoay sở; người khéo lo liệu; (a good contriver: người xoay sở giỏi; người tháo vát; người nội trợ đảm đang); người bày mưu tính kế”;

**3)** Do đó, mấy chữ “**ces grenouillards**” chắc-chắn không có cái nghĩa khinh-thường là “**bọn cóc nhái**” (loài vật thấp hèn) như Ông Lữ Giang đã dịch – một phần vì đã lầm tưởng là nó xuất-phát từ chữ “**grenouille(s)**” (là con ếch, con nhái, con ngoé) - và không biết rằng *con cóc* là một loại khác, tiếng Pháp gọi là “**crapaud(s)**” chứ không phải là “**grenouille(s)**”. Hơn nữa, chính Ông Cabot Lodge đã cẩn-thận dịch ra tiếng Anh rồi cơ mà! – nhưng phần khác là Ông Lữ Giang đã **cố ý** dịch ra như thế, để lợi-dụng cơ-hội mà nhập-nhằng đánh lừa người kém ngoại-ngữ hầu bôi bẩn các tướng đạo-chánh, chứ không phải dịch đúng-đắn và đúng-đắn.

Vậy thì mấy chữ “ces grenouillards” nói trên có thể được hiểu là “**nhóm người đầy tham-vọng ấy, nhóm người đa-mưu lắm kế ấy, v.v...**” (vì dù ngụ ý chê họ, chống họ, nhưng vẫn không thể phủ-nhận tài-năng/mánh-khỏe [con người] của họ; nếu không thì các cơ-quan CIA và USIS đâu cần nhờ đến, và mình đâu phải quan-ngại gì nhiều về các đương-nhân)!

Tôi cho rằng Ông Lữ Giang đã cố ý dịch sai các chữ Pháp “**ces grenouilles**” ra là “**bọn cóc nhái (ấy)**” là vì việc dịch như thế xảy ra sau 2 sự-kiện liên-hệ xảy ra trước rồi:

## ■ Hai – Vàng bạc của Bình Xuyên

Cựu Đại-Tướng Dương Văn Minh đã bị Luật-Sư Nguyễn Văn Chức (và Tiến-Sĩ Lâm Lễ Trinh) vu-khống là “*trong thời kỳ đẹp loạn Bình Xuyên, ĐT Minh đã tịch thu được rất nhiều vàng bạc và tiền mặt của Bình Xuyên, nhưng ĐT đã không giao số chiến lợi phẩm này cho chính phủ Ngô Đình Diệm, mà lại tẩu tán làm của riêng*”.

**1)** Trong năm 1971, khi Đại-Tướng Dương Văn Minh vừa mới thu-thập đủ chữ ký giới-thiệu của số lượng Dân-Biểu và Thượng-Nghị-Sĩ theo luật định, để ra tranh-cử Tổng-Thống, thì báo “*Hoà Bình*” của **Linh-Mục Trần Du** loan tin như trên. Ông Trịnh Bá Lộc, nguyên Sĩ-Quan Tuỳ-Viên của Đại-Tướng Dương Văn Minh, đã tìm ra được xấp cùi mà trong một cùi có ghi trị giá của nó, và bên cạnh có ghi rõ-ràng như sau: “**số tiền bán vàng tịch thu của Bình Xuyên, Tổng Thống (Ngô Đình Diệm) cho Cô Nhi Viện Quốc Gia Thủ**

**Đức**”. Luật-Sư Võ Văn Quan, đại-diện ĐT Minh, liền can-thiệp, và báo “Hoà Bình” đã đăng ngay bài đính-chánh, kèm theo phóng-ảnh cùi chi-phiếu nói trên. Báo “*Công Luận*” của Thượng-Nghị-Sĩ Tôn Thất Đính cũng có phổ-biến việc này.

Thế mà vừa rồi, sau khi Đại-Tướng Dương Văn Minh qua đời, báo “Con Ong” ở Houston, Texas, là nơi cư-ngụ của Ông Nguyễn Văn Chức, **lại đăng lại bài vu-khống của VIP KK** tức Luật-Sư Nguyễn Văn Chức với nội-dung như đã từng đăng trên báo “Hoà Bình” trước khi bị buộc phải đính-chính Sự Thật vào năm 1971 (37 năm trước đó). Cùng lúc, tiến-sĩ Lâm Lễ Trinh cũng viết tương-tự trong cuốn “Về Nguồn”. Thật là hết nước nói !!!

(Xin xem chi-tiết ở Mục “*Luật-Sư Nguyễn Văn Chức*”)

Trong tháng 7 năm 2008, Ông Trịnh Bá Lộc đã làm sáng-tỏ lại vụ này, đồng-thời nhắc-nhờ các kẻ vu-khống, **nhất là tín-đồ Kỵ-Tô-Giáo**, rằng việc nguy-tạo sử-sách tức cũng là “làm chứng dối”, vi-phạm điều răn của Đức Chúa Trời (Exodus 20:16 và Deuteronomy 5:20).

2) Ông Đoàn Thêm, cựu viên-chức cao-cấp tại Phủ Thủ-Tướng và Phủ Tổng-Thống thời Đệ-Nhất Cộng-Hoà, trong cuốn “*Hai Mươi Năm Qua – Việc Từng Ngày – 1945-1954*”, xuất-bản tại Sài-Gòn vào năm 1965 (là một tài-liệu lịch-sử khách-quan) ở các trang 191-192 đã viết:

“3.3.1956 – Thiếu-Tướng Dương-văn-Minh họp báo nói về các chiến-dịch miền Tây và sự hợp tác của Tướng Trần Văn Soái. Tướng Minh cho biết trong chiến-dịch Hoàng-Diệu, đã tịch thu 20 kí vàng và 16 triệu ½ bạc, số tiền này sẽ dùng để xây cất một Cô-Nhi-Viện Quốc-Gia.”

3) Rốt cuộc là vì không còn có thể tiếp-tục vu-khống Đại-Tướng Dương Văn Minh về vụ tài-sản Bình-Xuyên để bôi nhọ vị tướng cầm đầu cuộc chính-biến 1-11-1963, nên các phần-tử hoài-Ngô phải kiếm thêm những chuyện khác.

### ■ Ba – “Bọn ác ôn côn đồ”

Theo một cuốn băng dài 30 tiếng đồng-hồ do (thư-viện) Johnson Library ở Austin, Texas, công-bố ngày **28-2-2003**, thì Tổng-Thống Johnson đã gọi các Tướng miền Nam Việt-Nam thực-hiện cuộc chính-biến lật đổ và giết chết Tổng-Thống Ngô Đình Diệm là “**a goddam bunch of thugs**” mà Ông Lữ Giang dịch ra là “*một bọn ác ôn côn đồ đáng nguyên rửa*”.

1) Nhưng ông Lữ Giang đã dịch **sai**:

“**A bunch of thugs**” là “một bọn côn đồ”, không có chữ nào bên phía tiếng Anh có nghĩa là “**ác ôn**” cả.

“**Goddamn**” (cũng như “**Goddamned**”) là “đã bị nguyên rủa (rời)” chứ **không phải** là chỉ “**đáng nguyên rủa**” mà thôi. Ông Lữ Giang “đáng khen” nhưng chưa nhận được lời (bằng) khen thì cũng là chưa được khen (tỷ như “bọn côn đồ đáng nguyên rủa” tức là chưa bị nguyên rủa).

Tóm lại, câu đó (**A goddamn bunch of thugs**) có nghĩa là “**một lũ côn đồ (bị Chúa trừng trị) chết tiệt!**”

2) Tổng-Thống Lyndon B. Johnson lên thay cố TT John F. Kennedy từ ngày 22-11-1963. Johnson thay đổi chính sách đối với Việt-Nam: thay vì 16,000 cố-vấn quân-sự trước biến-cố 1-11-1963 dưới thời Kennedy và Ngô Đình Diệm, mà Kennedy đã có quyết-định rút về (rút đợt đầu 1,000 người), thì Johnson (cùng Đảng Dân Chủ) vào năm 1965 đã đưa thêm quân tác-chiến qua Việt-Nam mà tổng-số cứ tăng dần lên đến 550,000 người vào đầu năm 1968. Tức là Johnson “điều-hâu”, mà thấy bên phía Việt-Nam chưa có tiến-bộ như ý Mỹ muốn nên đã tỏ ý bất-bình các Tướng (là Tướng mới lên cầm quyền)

3) Tuy nhiên, dùng những thậm-từ, chữ thề, chỉ là thói quen cá-nhân của một số Tổng-Thống Hoa-Kỳ; thí-dụ: khi nghe tin cựu Tổng-Thống Gerald Ford từ-trần, Tổng-Thống George W. Bush đã ngó lơi chia buồn và ca-tụng rằng “*Jerry was warm gentle, friendly, pleasant courteous individual. **He never used bad language**, he loved his family, his kids and above all else he loved Betty.*” (Jerry [tên gọi thân-mật của Gerald] là một con người nồng-hậu, hoà-nhã, thân-thiện, khả-ái, lịch-sự. Ông ấy không bao giờ dùng lời-lẽ thô-tục, ông ấy yêu-thương gia-đình, các con, và trên tất cả mọi thứ khác là yêu-thương Betty [vợ, là bà Betty Ford]). Đề-cao các ưu-điểm của một tổng-thống mà **nhấn mạnh đến ưu-điểm không dùng lời-lẽ thô-tục** đủ thấy có những tổng-thống Mỹ khác, thường dùng lời-lẽ thô-tục.

4) Riêng về TT Johnson thì ông “là một vị tổng thống cộc cằn, thô lỗ, kém học thức nhất, so với những vị tổng thống khác trong lịch sử cận đại Hoa Kỳ. Đa số sử gia đồng ý Johnson **không phải** là vị tổng thống lịch sử về cung cách ngoại giao...” (theo nhà biên khảo Nguyễn Kỳ Phong, trong cuốn “*Người Mỹ và Chiến Tranh Việt Nam - Liên Hệ Quân Sự Chính Trị 1945-1975*”, do Vietnam Bibliography ở Virginia, USA, xuất-bản năm 2001, trang 253).

(Xem thêm về TT Johnson ở Mục V, nhất là ở Mục VI phía cuối bài này).

### ■ Bốn – Văn tức là Người

Trước khi tiếp-tục kể hầu quý vị một số trường-hợp người Mỹ **chửi thề** các **nhân-vật quan-trọng** (VIP), xin nhắc sơ qua về một số trích dẫn tiếng Anh & tiếng Pháp của Ông Lữ Giang:

1) Trong bài “Tapes mới của Kennedy”, ông Lữ Giang đã trích dẫn cuốn sách hồi-ký của cựu Bộ-Trưởng Quốc-Phòng Mỹ đến 2 lần, đều giống nhau:

(Robert S. McNamara, “*In Retrospect, Tragedy and Lesson of Vietnam*”, Vintage Books, New York, 1995, tr. 81 – 82).... và: “... Trong cuốn hồi ký “*In Retrospect, Tragedy and Lesson of Vietnam*”

Nhưng ông Lữ Giang đã viết sai, vì nhan đề của cuốn sách ấy thật ra là “In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam” (hai dấu chấm, thay vì dấu phết; có chữ “The”; và chữ “Lessons” thì có phụ-âm “s” vì là số nhiều).

2) Trong bài “Bãi Chiến Trường”, Ông Lữ Giang (bút danh Tú Gàn) đã viết:

“... Thị Trưởng Frank Fry liền nổi giận và nói: “Các người hành động như cộng sản ở Việt Nam... Đó là điều mà cộng sản đã làm. (You are acting like **communist** do over in Vietnam... That's what the **communist** do).

Lần đầu tiên đại diện Việt Cộng đến tại Orange County, nơi có thủ đô Little Saigon, để nói chuyện là tại một cuộc hội thảo do World **Affaires** Council tổ chức ở khách sạn Radison Plaza thuộc thành phố Irvine, California vào ngày 12.9.1995.

Lần thứ hai, tổ chức World **Affaires** Council tổ chức hội thảo tại San Francisco vào ngày 19.9.1995...”

2.1. Ông Lữ Giang đã không thấy rõ là động-từ “**do**” ở đây được chia cho ngôi thứ 3 của số nhiều, nên chữ “**communists**” phải có phụ-âm “s” vì là số nhiều.

2.2 Ông Lữ Giang không nhớ là mình đang viết tiếng Anh, “**affair(s)**” không có phụ-âm “e” như bên tiếng Pháp.

3) Ông Lữ Giang trích lời của cựu Đại-Sứ Cabot Lodge nói rằng Ông Trần Trung Dung “coi đa số các Tướng Lãnh không gì khác hơn là các trung sĩ được Pháp huấn luyện trong quân phục Tướng Lãnh” và trích dẫn câu nói tiếng Anh: “(He **consider** majority of Generals no more than French trained sergeants in Generals’

uniforms)”.  
Ông Lữ Giang lại không để ý rằng động-tự “**consider**” (có chủ-từ “**He**” đứng trước) được chia trong thì quá-khứ, thì chữ đó phải là “**considered**”.

4) Trong bài “Mặt thật hàng tướng Big Minh”, Ông Tú Gàn viết:

“Năm 1945, khi Nhật đảo chánh Pháp, Dương Văn Minh đang phục vụ tại **Cap's Jacques** (Vũng Tàu) và bị Nhật cầm tù.”

Người ở Sài-Gòn mà không viết đúng chữ “**Cap St. Jacques**” tức “**Cap Saint Jacques**” hay sao?

5) Ông Lữ Giang nhắc đến thời-kỳ Pháp đô-hộ Việt-Nam mà kể đến “Bộ Thuộc Địa (Ministère des Colonies)” và “lính Khố Đỏ (Tirailleurs)” và “Service de Sûreté Générale de l'Indochine” mà viết sai các chữ ghi trên (tiếng Pháp), đáng lẽ phải là “Ministère” và “Tirailleurs” và “Générale”.

6) Ngay chính cuốn băng về TT Johnson nói trên, Ông Lữ Giang cũng ghi: “Một cuốn băng được công bố ngày 28.3.2003 cho biết ngày 1.2.1966, Tổng Thống Johnson đã gọi điện thoại cho Thượng Nghị Sĩ Eugene McCarthy than phiền về việc chính quyền Kennedy...” trong lúc cuốn băng ấy thật sự được công bố vào ngày 28.2.2003.

Bài thi mà sai chính-tả, văn-phạm (ngữ-pháp), liệu các giám-khảo có cho điểm cao hay không? Tài-liệu nạp Tòa mà không y như nguyên-văn, liệu các công-tổ-viên và biện-hộ-viên có bỏ qua hay không? Và bài phổ-biến công cộng mà không được viết cẩn trọng thì có phải là tự-trọng và trọng người đọc hay không?

### ■ Năm - Người Mỹ chữ thề

Tôi xin kể thêm vài vụ chữ thề của Mỹ để quý độc-giả đánh giá các thậm-từ ấy:

1) Trong Đệ-Nhị Thế-Chiến (1939-45), nói về liên-hệ Mỹ-Pháp: người Mỹ có nhiều xung-đột với De Gaulle, lãnh-tụ Pháp. Tổng-Thống Roosevelt không có cảm-tình với De Gaulle; Tổng-Thống Truman thì cho De Gaulle là cứng đầu, không chịu hòa-giải. Một đôi khi Truman dùng chữ “**thằng chó đẻ**” để chỉ De Gaulle.

(Tham-chiếu sách của Nguyễn Kỳ Phong đã dẫn trên, các trang 22-23).

Ý-Kiến: các tổng-thống Mỹ mà dùng thậm-từ thì chỉ là do thói quen cá-nhân. Ngay chính De Gaulle, lãnh-đạo Ủy-Ban Giải-Phóng

*Quốc-Gia của Pháp, đồng-minh thiết-cốt với Mỹ và Anh trong Thế-Chiến II, mà còn bị chửi là “thằng chó đẻ”. Tuy nhiên, De Gaulle vẫn là một tổng-thống vĩ-đại của Pháp và được dân Pháp yêu kính mãi hoài, không vì tiếng rủa của một tổng-thống Mỹ tục-tần mà mất thanh-danh.*

2) Ngày 29-3-2009, sau khi Bà Clinton cho biết sẽ không ra ứng-cử tổng-thống, ký-giả Pat Racimora đã viết:

“And when it was clear that Hillary Clinton would not be our next President, some relief was forthcoming in assuming that the tyranny perpetrated by Obama-supporting **thugs** would now unravel like a cheap sweater.”

Tạm dịch: “Khi đã rõ-ràng rằng Bà Hillary Clinton sẽ không là vị tổng-thống kế-tiếp của chúng ta, người ta thấy nhẹ hẫng người phần nào vì nghĩ rằng ách bạo-ngược mà bọn **côn-đồ** ủng-hộ **Obama** đã gây ra nay sẽ được tháo gỡ như vứt bỏ một chiếc áo rẻ tiền.”

3) Ngày 31-3-2009, ký-giả Francesca tường-thuật việc một hồng-y và nhiều giám-mục phản-đối Viện Đại-Học Notre Dame vì mời Tổng-Thống Obama đến đọc diễn-văn, đã viết: “They are also pissed off about the Honorary Law Degree to be given to Barack ‘**God Damn AmeriKKKa**’ Obama.”

Tạm dịch: “Họ cũng bực mình về việc trao bằng Tiến Sĩ Luật Khoa Danh Dự cho Barack ‘**Hoa Kỳ quỷ tha ma bắt**’ Obama”.

Nói nặng về tổng-thống Hoa-Kỳ xong, họ còn nói nặng về nhà thờ Chúa nữa:

“If they don't say anything about Obama and Pfleger, we'll just assume the Cardinals and Bishops and the whole Catholic Church agrees with Pfleger and Obama and the **God Damn AmeriKKKa Church** both of them went to.”

Tạm dịch: “Nếu các Hồng Y và Giám Mục không nói (nặng) gì về Obama và Pfleger (linh-mục, bênh-vực Mục-Sư Jeremiah Wright của TT Obama), chúng ta sẽ xem như họ và toàn-thể Giáo-Hội Ky-Tô-Giáo đều đồng lòng với Pfleger và Obama cùng với **Thánh-Đường Hoa Kỳ Đọa Ngục** nơi hai người này đã đến.”

4) Ngay trong cuốn băng về TT Johnson mà Ông Lữ Giang nêu ra, đã có một đoạn như sau:

“But literally overnight, the U.S. was internationally perceived as a bunch of **buffoons** who were propping up a tyrant.” People “already believed that Kennedy... a Catholic U.S. president supporting a Catholic fanatic who was intent on persecuting another

religious group...”

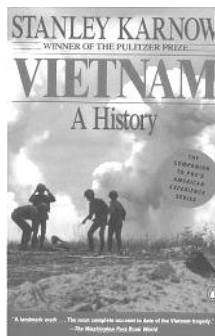
Tạm dịch: “Nhưng thật-sự là đột-nhiên thế-giới nhận ra rằng (chính-phủ) Hoa Kỳ là **một bọn hề diễu** đang nâng-đỡ một tên **bạo-chúa**.” Người ta đã “tin rằng Kennedy... một tổng-thống Mỹ **tín-đồ Ky-Tô-Giáo** hậu-thuần cho một **tín-đồ Ky-Tô-Giáo cuồng-tín** đang muốn truy hại một tập thể tôn-giáo khác...”

5) Đây là lời lẽ của **chính ông TT Johnson** tác-giả mấy chữ “**damn**”, “**thugs**”, và cả “**bitch**”, ngay trong cuốn băng nói trên, trước cả đoạn chê các Tướng Việt-Nam:

“... through Johnson's presidency -- a time when... what LBJ called “that **bitch** of a war” was exporting the American nightmare to Southeast Asia”, “All the wide brush strokes of U.S. history made from September 1964 through August 1965 are here -- the Johnson vs. Goldwater election (“We've got a **bunch of goddamned thugs** here taking us on”)”...

Tạm dịch: “... qua thời-kỳ Ông **Johnson làm tổng-thống** – **lúc ấy... cái mà TT Johnson** gọi là “cuộc chiến **chó đẻ**” đang xuất-cảng con ác-mộng Hoa Kỳ qua Đông Nam Á Châu”, “Đây là tất cả những nét vẽ tổng-quát về lịch sử Hoa Kỳ từ 9-1964 đến 8-1965: cuộc tranh-cử tổng-thống giữa Johnson và Goldwater (“Chúng ta đang đối đầu với **một lũ côn đồ trời đánh thánh vật**”)...”

Ông Barry Morris Goldwater là một cựu tướng-lãnh Không-Quân tham-gia Đệ-Nhị Thế-Chiến, làm Thượng-Nghị-Sĩ 5 nhiệm-kỳ (mỗi nhiệm-kỳ 6 năm), được Đảng đại-kỳ-cựu Cộng-Hòa (GOP= Grand Old Party) chọn làm ứng-cử-viên Tổng-Thống siêu-cường-quốc lâu đời Hiệp-Chủng-Quốc Hoa-Kỳ, mà còn bị Ông Johnson chửi thề là “**côn đồ trời đánh thánh vật**”, thì sá gì một tướng-lãnh hay một tổng-thống mới ra đời của tiểu-nhược-quốc Miền Nam Việt-Nam!



## ■ Sáu – “Thằng nhãi duy nhất”

Nói ai làm gì, ngay chính cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm của Đệ-Nhất Việt-Nam Cộng-Hòa, cũng bị chính ông Tổng-Thống Hoa-Kỳ thô-lỗ Lyndon B. Johnson ấy gọi là “thằng nhãi” trong trường-hợp sau:

Karnow (Stanley Karnow, sử-gia chuyên về Chiến Tranh Việt Nam), hỏi Johnson là ông có tin rằng Diệm là “Churchill (*Winston Churchill*, Thủ

*Tướng Anh, anh-hùng thắng Đức Quốc-Xã tại Châu Âu) của Đông Nam Á” hay không; thì Johnson liền trả lời: “**Cục cứt họ, Diệm là thằng nhãi duy nhất mà chúng ta có ở đó.**” (Shit ! Diem is the only boy we’ve got out there – Stanley Karnow, *Vietnam a History*, Edition King Press 1983, trang 214)*

Ngay trong bài viết “Những Bí Mật Được Tiết Lộ Sau 40 Năm” của Ông Tú Gàn (đăng trên Saigon Nhỏ) cũng đã có câu: “Tổng Thống Johnson lại nhắc lại điều đó. Ông nói với Tướng Taylor: “They started out and said, ‘We got to kill Diem, because **he’s no damn good.**’ Let’s...” (“Họ khởi đầu và nói: ‘Chúng ta phải giết Diệm, bởi vì hắn ta cũng **chả tốt lành quỉ quái gì.** Chúng ta hãy...”

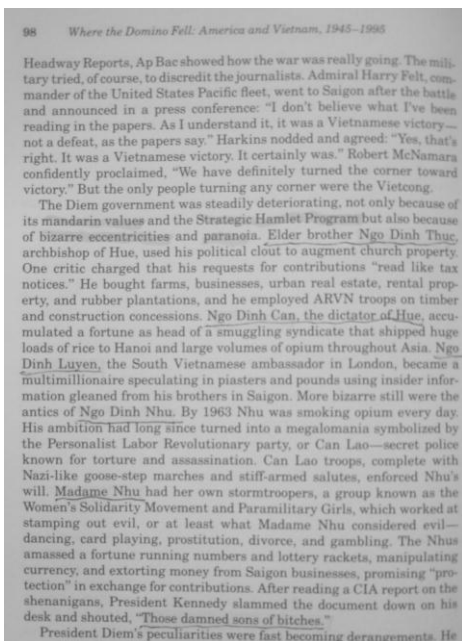
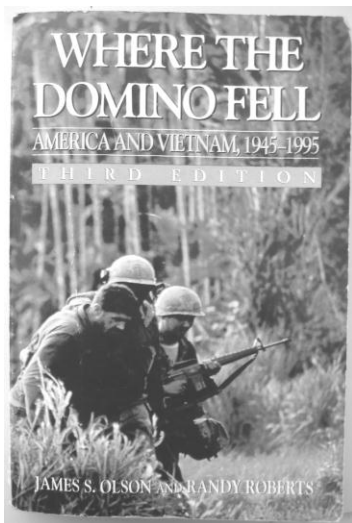
**LÊ XUÂN NHUẬN**

[Source: <http://lexuannhuan.tripod.com/NgoDinhDiem.html> ]

## TT KENNEDY GỌI ANH EM ÔNG DIỆM LÀ “BỌN CHÓ ĐỂ” (SONS OF BITCHES)

**James S. Olson & Randy Roberts**

*Nguồn: “WHERE THE DOMINO FELL - American and Vietnam, 1945-1995” - Tác giả: James S. Olson & Randy Roberts - Nhà Xuất bản: Brandywine Press, New York, 1999 – Third Edition - Chương 4. The New Frontier in Vietnam, 1961-1963, Trang 98.*



Chính phủ **Diệm** tiếp tục bị suy sụp, không phải chỉ vì những giá trị quan lại phong kiến của nó và [sự thất bại] của Chương trình Ấp Chiến lược, mà còn vì những điều kỳ cục lạ lùng và những hoang tưởng.

Ông anh trưởng **Ngô Đình Thục**, Tổng Giám mục địa phận Huế, đã dùng ảnh hưởng chính trị của ông ta để gia tăng bất động sản

cho Giáo hội Công giáo. Một người chỉ trích ông ta đã lên án rằng những yêu cầu đóng góp của vị Tổng Giám mục thì “*đọc ra chẳng khác gì giấy báo đóng thuế*” vậy. Ông ta mua các trang trại, những cơ sở kinh doanh, địa ốc tại thành phố, cao ốc cho thuê và đồn điền cao su, và ông sử dụng các đơn vị của Quân đội Việt Nam Cộng Hòa để đồn cây và để xây cất.

**Ngô Đình Cẩn**, kẻ độc tài tại Huế, tích lũy được một đồng tiền bạc nhờ làm đầu nậu một tổ chức chuyên những kiện hàng to lớn đầy gạo cho Hà Nội và một số lượng lớn thuốc phiện đi khắp Á châu.

**Ngô Đình Luyện**, vị đại sứ của Nam Việt Nam tại Luân Đôn, trở thành triệu phú nhờ đầu cơ tiền đồng (Việt Nam) và Anh kim bằng cách sử dụng những thông tin nội bộ do các người anh em ở Sài Gòn cho biết.

Lạ hơn nữa là những trò hề của **Ngô Đình Nhu**. Vào năm 1963, ngày nào Nhu cũng hút thuốc phiện. Tham vọng của ông ta từ lâu đã trở thành một bệnh cuồng vĩ hoang tưởng mà biểu tượng là Đảng Cần lao Nhân vị Cách mạng - một loại công an được biết đến qua những hoạt động tra tấn và ám sát. Những đoàn Cần Lao với cách diễn hành bước như đàn ngỗng theo kiểu Nazi Đức Quốc xã và chào thẳng tay, lại càng làm cho Nhu thêm cứng rắn.

**Bà Nhu** thì có đám xung kích riêng, được biết dưới tên Phong trào Phụ nữ Liên đới và Thanh nữ Bán quân sự, được dùng để chống lại ma quỷ, hay ít nhất là những gì mà Bà Nhu xem là ma quỷ - như vũ trường, đánh bài, đi đêm, li dị và cờ bạc. Hai vợ chồng ông bà Nhu làm giàu nhờ thủ đoạn làm tiền qua việc tổ chức xổ số, thao túng ngoại tệ, tổng tiền giới doanh nhân Sài Gòn, hứa sẽ “bảo vệ” nếu họ chịu đóng hui chết.

Sau khi đọc xong các phúc trình của Cục Tình báo Trung ương CIA về những điều tệ hại này, Tổng thống Kennedy đập mạnh tài liệu xuống bàn và hét to “**Đồ cái bọn chó đẻ đáng nguyên rủa**” (“*Those damned sons of bitches*”)

Dịch nhóm từ “*son of bitch*” thông tục của ngôn ngữ Mỹ ra tiếng Việt “*đồ chó đẻ*” theo [http://www.trueknowledge.com/q/what\\_is\\_%22son\\_of\\_a\\_bitch%22\\_in\\_vietnamese](http://www.trueknowledge.com/q/what_is_%22son_of_a_bitch%22_in_vietnamese). Do đó, khi mắng **nhều** người, “*đồ chó đẻ*” trở thành “*bọn chó đẻ*”]

■ Tác giả **James Stuart Olson** là một học giả và là ứng viên của giải Pulitzer. Năm 1994, ông được phong chức Giáo sư Sử học Danh dự của Đại học Sam Houston tại tỉnh Huntsville ở tiểu bang

Texas. ([http://en.wikipedia.org/wiki/James\\_S.\\_Olson](http://en.wikipedia.org/wiki/James_S._Olson) ). Ông là tác giả của hơn ba mươi đầu sách, trong đó có 4 cuốn về chiến tranh Việt Nam:

- *Where the Domino Fell: The United States and Vietnam, 1945-2000* (New York: St. Martin's Press, 1991; rev. ed. and paperback, Brandywine Press, 1999).

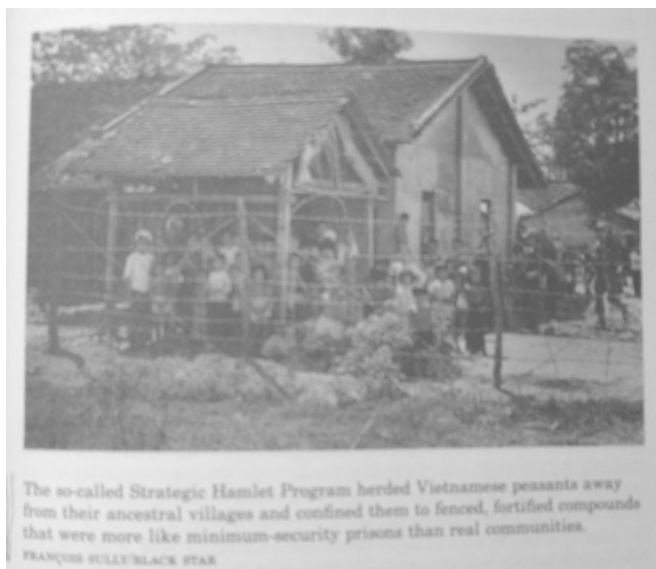
- *My Lai: A History and Documents* (Boston: Bedford Books, 1998).

- *The Vietnam War: A Handbook of Research* (Westport, CT: Greenwood Press, 1995).

- *A Historical Dictionary of the Vietnam War* (Westport, CT: Greenwood Press, 1988).

■ Tác giả **Randy Roberts** là Giáo sư Sử học tại đại học Purdue University, West Lafayette, tiểu bang Indiana. Ông chuyên về Sử cận đại. Ông cũng đã viết chung với Giáo sư Olson tác phẩm *My Lai: A Brief History with Documents* (1998).

(<http://www.amazon.com/Where-Domino-Fell-America-Vietnam/dp/product-description/0312055358>)



Hình và ghi chú ở trang 93 của cùng tác phẩm “Where The Domino Fell”: “*The so-called Strategic Hamlet Program herded Vietnamese peasants away from their ancestral villages and confined them to fenced, fortified compounds that were more like minimum security prisons than real communities*” (Cái gọi là Chương trình Ấp Chiến lược **lùa nông dân Việt Nam ra khỏi quê làng tổ tiên** của họ và nhốt họ trong những khu đất rào quanh chắc chắn **giống như một nhà tù** hơn là các cộng đồng thật sự)

Nguyên bản Anh ngữ:

## **WHERE THE DOMINO FELL**

**American and Vietnam, 1945-1995**

Tác giả: **James S. Olson & Randy Roberts**

Nhà Xuất bản: Brandywine Press, New York, 1999–3<sup>rd</sup> Edition

Chương 4. The New Frontier in Vietnam, 1961-1963, Trang 98.

*The **Diem** government was steadily deteriorating, not only because of its mandarin values and the Strategic Hamlet Program but also because of bizarre eccentricities and paranoia.*

*Elder brother **Ngo Dinh Thuc**, archbishop of Hue, used his political clout to augment church property. One critic charged that his requests for contributions “read like tax notices.” He bought farms, businesses, urban real estate, rental property, and rubber plantations, and he employed ARVN troops on timber and construction concessions.*

***Ngo Dinh Can**, the dictator of Hue, accumulated a fortune as head of a smuggling syndicate that shipped huge loads of rice to Hanoi and large volumes of opium throughout Asia.*

***Ngo Dinh Luyen**, the South Vietnamese ambassador in London, became a multimillionaire speculating in piasters and pounds using inside information gleaned from his brothers in Saigon.*

*More bizarre still were the antics of **Ngo Dinh Nhu**. By 1963 Nhu was smoking opium every day. His ambition had long since turned into a megalomania symbolized by the Personalist Labor Revolutionary party, or Can Lao – secret police known for torture and assassination. Can Lao troops complete with Nazi-like goose-step marches and stiff-armed salutes, enforced Nhu’s will.*

***Madame Nhu** had her own stormtroopers, a group known as the Women’s Solidarity Movement and Paramilitary Girls, which*

*worked at stamping out evil, or at least what Madame Nhu considered evil – dancing, card playing, prostitution, divorce, and gambling. The Nhus amassed a fortune running numbers and lottery rackets, manipulating currency, and extorting money from Saigon businesses, promising “protection” in exchange for contributions.*

*After reading a CIA report on the shenanigans, President Kennedy slammed the document down on his desk and shouted, “Those damned sons of bitches.”*

## MINH XÁC: “LÀM SÁNG TỔ” HAY “XUYÊN TẠC, BỊA ĐẶT?” VỀ MỘT TRƯỜNG HỢP TRỘM CẤP CÔNG TRÌNH TIM ÓC CỦA CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU

*Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu*

.. từ vị thế một người nghiên cứu sử học và luật học chuyên nghiệp, tôi cảm thấy cần khẳng định thêm một lần về Hiệp định Geneva 1954.. (1) Cả hai phe Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa [VNDCCH] và Quốc Gia Việt Nam [QGVN] chỉ là những tác nhân phụ thuộc trong việc phân chia đất nước theo vĩ tuyến 17 (phe QGVN không được tham dự việc thảo luận và ký Hiệp ước; phe VNDCCH bị áp lực của cả ngũ cường để chấp nhận đình chiến và tập trung quân ở phía Bắc vĩ tuyến 17, với lời hứa hẹn là sẽ bàn thảo việc tổng tuyển cử hai năm sau, dự trù vào tháng 7/1956); và, (2) Ngô Đình Diệm mới là người chịu trách nhiệm chính về việc chia đôi đất nước và dân tộc, khi thành lập chế độ tiền đồn chống Cộng Việt Nam Cộng Hòa [VNCH] dựa trên các cộng đồng Ki-tô Roma, và từ chối thảo luận vấn đề tổng tuyển cử dự định vào tháng 7/1956 (dù thực ra, ông Diệm cũng chỉ là một lá bài chống Cộng bản xứ của Liên bang Mỹ).

Cách đây ít hôm, Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang, tác giả *Thực chất của Giáo hội La-Mã*, (2 tập, xuất bản năm 1999), gửi điện thư cho tôi, yêu cầu lên tiếng về một bài viết của Tú Gàn trên tờ *Sài Gòn Nhỏ* mới xuất bản. Ông bà Quang còn cẩn thận đính kèm bài viết trên, được gửi đi các mạng lưới online. Tôi chẳng bận tâm vì **Tú Gàn, tức Lữ Giang, tức Nguyễn Cần** là người từng được Giáo sư Quang mệnh danh là ‘*chuyên viên phịa sử*’ (sách đã dẫn, 1999, II:689), không những chỉ ‘*dốt sử*,’ ‘*thiếu căn bản sử học*,’ mà lại ‘*đầy gian ý*’ (sdd, 1999, II:653-738). Tệ hại hơn, Tú Gàn, tức Lữ Giang còn trộm cấp công trình nghiên cứu của người khác, đặc biệt là những nghiên cứu của tôi trong tập *Việt Nam Niên Biểu*, chép vào ‘sách’ của đương sự, mà không hề trung dẫn nguồn xuất xứ, mập mờ đánh lận con đen rằng từng tham khảo các tài liệu ‘văn khố’ ngoại quốc. Tráng tráo hơn nữa, Tú Gàn thỉnh thoảng lại cao giọng chê tôi là ‘*phịa*’ hay ‘*xuyên*

tạc’ khi các tư liệu của tôi bác bỏ một cách rõ ràng, khẳng định, những điều bịa đặt xưa nay trong nỗ lực ‘cung văn’ giòng dõi họ Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài cùng thành phần trung gian bản xứ dưới thời Pháp đô hộ của Tú Gàn và những tàn dư của Cần Lao.

Thuộc loại người tương đối có học (hình như tốt nghiệp trường Luật ở Việt Nam), nhưng Tú Gàn không những chỉ thiếu sự lương thiện trí thức mà còn đầy những ý tội [mens rea] và việc tội [actus reus]-tìm đủ cách nhục mạ, bôi nhọ những người tham gia sinh hoạt cộng đồng và những người tên tuổi trên những tờ báo chợ-thật không xứng đáng để ghé mắt. Bởi thế, tôi đã im lặng bấy lâu, dành cho dư luận phán đoán bản chất con người Tú Gàn. Nhiệm vụ chính yếu một người học sử, theo tôi, là truy tìm những tài liệu mới, hầu tái dựng các biến cố gần đúng với sự thực nhất, dưới sự hướng dẫn của lương tâm nghề nghiệp; chẳng nên phí phạm thời gian một cách vô ích về những việc cuồng quay trong chu trình lên men thối của những người chưa chết đã có mùi tử thi. Nếu đáng chú ý chẳng chỉ có các vấn đề liên quan đến khả năng hội nhập của tuổi trẻ Việt vào quê hương mới của họ, trong chu trình hình thành các cộng đồng gốc Việt.

Nhưng mới đây, mạng lưới ‘*Lịch sử Việt Nam*’ cho đăng lại bài viết mới nhất của Tú Gàn, gọi là ‘làm sáng tỏ’ thêm về Hiệp định Geneva. Bởi vậy, tôi nghĩ khó thể tiếp tục im lặng.

Bài minh xác này được viết không thuận nhằm phản ứng lại ác tâm vu khống và mạ lỵ của Tú Gàn tức Lữ Giang. Biện pháp hữu hiệu duy nhất thực ra là phải nhờ đến pháp luật, như Kỹ sư Bùi Bình Bản, nguyên Chủ tịch cộng đồng Santa Ana, đã từng lôi bọn côn đồ chữ nghĩa ở hải ngoại, kể cả Tú Gàn, ra trước pháp đình. Nhưng những ai biết rõ về luật pháp Mỹ cũng hiểu sự nhức đầu của các phiên tòa dân sự: Nếu bị can thuộc loại sống vô gia cư, chết không địa táng, ví thử có thắng kiện, chỉ tốn kém tiền bạc và thời gian, cuối cùng chỉ nắm trong tay một bản án của tòa, mà chẳng sai áp được bao nhiêu tiền bạc hay tài sản. Bởi thế, đa số đều im lặng, theo đúng lời dạy của Cổ nhân: ‘Thứ nhất sợ kẻ anh hùng; thứ nhì sợ kẻ bần cùng khổ giầy.’

Bài minh xác này cũng không được viết để trả lời hay đối thoại với Tú Gàn. Tú Gàn không hề biết đối thoại hay thảo luận mà chỉ làm một công việc mệnh danh là ‘tĩnh tinh tân thời.’ Thời xưa, đối xử với loài tinh tinh, người ta cho chúng uống rượu say, rồi chẳng lưới bắt. Vào đầu thế kỷ XXI, ai phí thì giờ bắt những con tinh tinh say rượu ở hải ngoại làm gì?

Tuy nhiên, từ vị thế một người nghiên cứu sử học và luật học

chuyên nghiệp, tôi cảm thấy cần khẳng định thêm một lần về Hiệp định Geneva 1954, một Hiệp định mà đại đa số người Việt của cả hai phe chẳng những chưa được thông báo đầy đủ, mà còn bị nhiễm độc vì những xảo thuật tuyên truyền của nhiều phe phái bấy lâu. Hậu quả của sự thiếu thông tin và tuyên truyền này khiến đại đa số người Việt không hiểu rõ được bản chất của cuộc chiến 1945-1975 nói chung, và nhất là giai đoạn 1954-1975 nói riêng. Trong bài ‘*Từ Điện Biên Phủ tới Geneva*’ (Chính Đạo, *Cuộc thánh chiến chống Cộng* [Houston, TX: Văn Hóa, 2004]) tôi đã trình bày tình lược nhưng khá đầy đủ về biến cố đã khiến Việt Nam bị chia cắt thành hai chế độ đối nghịch nhau như nước với lửa, tức giai đoạn hai, cũng giai đoạn kinh hoàng nhất của cuộc ‘*thánh chiến*’ giữa hai phe Cộng Sản và Ki-tô giáo. Kết luận chính của tôi là (1) Cả hai phe Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa [VNDCCH] và Quốc Gia Việt Nam [QGVN] chỉ là những tác nhân phụ thuộc trong việc phân chia đất nước theo vĩ tuyến 17 (phe QGVN không được tham dự việc thảo luận và ký Hiệp ước; phe VNDCCH bị áp lực của cả ngũ cường để chấp nhận đình chiến và tập trung quân ở phía Bắc vĩ tuyến 17, với lời hứa hẹn là sẽ bàn thảo việc tổng tuyển cử hai năm sau, dự trù vào tháng 7/1956); và, (2) Ngô Đình Diệm mới là người chịu trách nhiệm chính về việc chia đôi đất nước và dân tộc, khi thành lập chế độ tiền đồn chống Cộng Việt Nam Cộng Hòa [VNCH] dựa trên các cộng đồng Ki-tô Roma, và từ chối thảo luận vấn đề tổng tuyển cử dự định vào tháng 7/1956 (dù thực ra, ông Diệm cũng chỉ là một lá bài chống Cộng bán xứ của Liên bang Mỹ). Thiếu hiểu biết về, hay tảng lờ yếu tố quốc tế này-trong một thế giới luật kẻ mạnh-chẳng bao giờ có thể nhận hiểu được rõ ràng, minh bạch những chuyển biến chính trị và quân sự trong nội địa Việt Nam. Bởi thế mới nảy sinh ra những lập luận ngụy biện, kỳ quái của cơ quan tuyên truyền của chế độ Ngô Đình Diệm, và tàn dư Cần Lao ở hải ngoại, như Hồ Chí Minh và Đảng CS Việt Nam đã chia cắt đất nước và lòng người qua Hiệp định Geneva vào năm 1954 (sic).

Bài báo của Tú Gân, với tham vọng ‘*làm sáng tỏ*’ Hiệp định Geneva, thực chất chẳng có một giá trị nào, nếu không phải là một thứ tội ác tinh thần, làm ung hoại tuổi trẻ, và một hành động mọi rợ văn hóa. Thay vì làm sáng tỏ thêm vấn đề, nó chỉ tạo nên sự hiểu lầm và hỗn loạn trong giới độc giả không thành thạo về lịch sử cận đại Việt, làm sâu dày thêm cảm nhận sai lầm về Hiệp định Geneva giữa Pháp và VNDCCH, một hiệp ước thành hình do sự dàn xếp và dưới sự chứng kiến của ngũ cường. Nếu chỉ vì đốt nát sử liệu, hẳn có thể

khoan dung độ lượng cho những điều Tú Gàn đã viết. Nhưng ở đây, Tú Gàn không chỉ bộc lộ sự dốt nát, mà còn cố tình bịa đặt ra, hoặc lập lại như vệt, những chi tiết về những điều khoản chính trị của Hiệp định (đã đạt được thỏa thuận từ ngày 19-20/7/1954). Những biên khảo nghiêm túc về hiệp định Geneva, như tác phẩm của Francois Joyaux và nhiều học giả khác trên thế giới, đã trình bày khá đầy đủ chi tiết về hiệp định này. Nếu muốn đóng góp thêm cho sự hiểu biết của chúng ta, cần nghiên cứu thêm tại các văn khố ở Việt Nam, văn khố Pháp, Trung Cộng, Nga, Bri-tên hay Mỹ, để tìm được những tư liệu mới hầu tu sửa những sai lầm cũ (nếu có). Nhưng Tú Gàn không có khả năng tri thức và nhất là không thể có phương tiện để nghiên cứu, tìm tòi thêm tài liệu mới. Khả năng duy nhất của Tú Gàn là cóp nhặt công bố của người khác, cộng với thứ kiến thức hời hợt, sai lầm do cơ quan tuyên truyền của VNCH ngụy tạo. Tham vọng làm sáng tỏ thêm Hiệp định Geneva của Tú Gàn bởi thế trở thành cuồng vọng, và một trò cười, khi đương sự chỉ dẫn ra được đôi ba chi tiết của Ruscio, một học giả Pháp, hay một tướng Pháp, xuất bản đã lâu, cùng bài báo trên tờ La Libération của Đảng Cộng Sản Pháp (chắc chắn không thể chính xác như các nghiên cứu nghiêm túc của các sử gia và luật gia), hay đôi ba tài liệu tuyên truyền của Đảng CSVN. (Cũng không thể không đặt câu hỏi thực chẳng Tú Gàn đã đọc được những tác phẩm trên, hay chỉ cóp của những người khác mà không chịu trung dẫn xuất xứ. Cái thói quen gian xảo, trộm cắp công trình tim óc của người khác này đã thành tật trong tâm tưởng Tú Gàn. Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang đã phân tích khá tỉ mỉ thói quen cầm nhảm [theft hay larceny] của Tú Gàn trong cuốn Thực chất của Giáo hội La Mã, tập II).

Thành ngữ Việt Nam cùng những nước Á đông (kể cả Indonesia) có câu: ‘Không ai bôi đống phân lên để mình là người đầu tiên chịu ngửi mùi thối.’ Đó là lý do chính khiến tôi đã im lặng bấy lâu trước thái độ khiêu khích, tinh tinh của Tú Gàn và phe nhóm. Nhưng qua bài viết mới nhất về Hiệp định Geneva, Tú Gàn lại sử dụng luận điệu vu khống và mạ lỵ quen thuộc, khiến tôi nghĩ đã đến lúc mình xác cùng thân hữu và độc giả năm châu một số điểm như sau:

■ Thứ nhất, tôi muốn khẳng định, Tú Gàn chẳng biết gì về sử học, cũng chẳng có bao lắm kiến thức sử. Sự hiểu biết về lịch sử của Tú Gàn chỉ cỡ các học sinh trung học đệ nhất cấp. Những điều Tú Gàn gọi là ‘làm sáng tỏ’ Hiệp định Geneva thực ra chẳng có chút giá trị gì về sự liệu. Nó không hề đưa ra một tư liệu nguyên bản hay

chính gốc nào, mà chỉ là sự cóp nhặt một cách sai lầm từ các tài liệu tầng hai hay tầng ba của các tác giả; hoặc do chưa hề tham khảo nguyên bản chính các tác phẩm trên, hoặc đọc không kỹ, hoặc đọc mà không hiểu, hay xuyên tạc những điều các nhà nghiên cứu đã viết. Độc giả muốn rõ về hiệp định Geneva, xin tìm đọc bài ‘*Từ Điện Biên Phủ tới Geneva*’ của Chính Đạo trong nghiên cứu *Cuộc thánh chiến chống Cộng* (sdd, 2004). Bài này cũng đã được phổ biến trên các tờ *Người Việt* ở Santa Clara và nguyệt san *Đi Tới* ở Canada.

■ Thứ hai, trong bài ‘*Phiến Cộng trong Dinh Gia Long*,’ trong tập *Cuộc thánh chiến chống Cộng* nói trên, tôi **không hề** nhắc đến tên Trần Độ và cũng **không hề** gọi anh ông Diệm-Nhu là ‘phiến Cộng’ chỉ vì ông Nhu đã tiếp Tướng ‘Trần Độ’ ngay tại Dinh Gia Long. Đây là một sự bịa đặt (phịa sử) trắng trợn của Tú Gàn, tức Lữ Giang, tức Nguyễn Cần. Sự bịa đặt (phịa sử) này giúp tang chứng để khẳng định thêm nghề ‘*chuyên viên phịa sử*’ của Tú Gàn. Điều này cũng chứng tỏ Tú Gàn hoặc không đọc sách tôi, hoặc đọc mà chưa đủ sức hiểu, hoặc đọc mà cứ tăng lờ, viết nhăng viết cuội cho thỏa cái ác tâm ‘tinh tinh’ chữ nghĩa ở hải ngoại.

■ Thứ ba, Tú Gàn cho rằng tôi không phải là ‘sử gia.’ Điều này thì rõ ràng Tú Gàn đã vượt quá khả năng và giới hạn của đương sự. Sử gia [historian], theo định nghĩa của các nước văn minh, đã phát triển như nước Mỹ, là người từng được huấn luyện ngành sử học, tối thiểu phải tốt nghiệp bằng Tiến sĩ bộ môn Sử học, và tiếp tục dạy hay nghiên cứu chuyên nghiệp ngành này. Nó không phải là một học vị mà bất cứ ai cũng có thể vỗ ngực tự xưng, hay tăng bốc ca tụng một người nào đó. Cái tôi đáng ghét, và với sự khiêm nhượng tối đa, tôi khẳng định Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu là một sử gia, với đầy đủ sự huấn luyện chuyên nghiệp, bằng cấp, tác phẩm bằng Anh và Việt ngữ, cùng những phần thưởng danh dự khác suốt hơn 20 năm qua (như Fulbright scholar 1982-1983, 1985-1986, 2004-2005, v... v...) Nhận xét của Tú Gàn bởi thế là sự vu khống [libel] có ác tâm [malice]. Chỉ một điểm này thôi, theo dân luật Mỹ, đã mang tội phỉ báng [defamation] rồi, và Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Mỹ không áp dụng được. Tú Gàn dốt luật Mỹ, nhưng những luật gia ở Mỹ đều hiểu rõ.

■ Thứ tư, Tú Gàn đi xa hơn nữa là khuyên Nguyễn Hữu Thống đừng nên tham chiếu các nghiên cứu của Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu. Cũng chẳng sao. Bản thân Tú Gàn có lẽ đã theo đúng nguyên tắc này, nhất định không ‘tham chiếu’ nghiên cứu của Chính Đạo. Nhưng Tú

Gàn chỉ trộm cắp tài liệu của Chính Đạo, in vào ‘sách’ đương sự, mà không trưng dẫn xuất xứ thôi. Xin đan cử vài thí dụ: Tú Gàn Lữ Giang lấy đâu ra chi tiết về việc Ngô Đình Diệm từ chức vào tháng 7/1933? Lấy đâu ra chi tiết ‘văn thư’ [sic] của Grandjean ngày 26/3/1943 (Những bí ẩn lịch sử, tr. 413)? Lấy đâu ra chi tiết ngày 22/7/1946, Hồ Chí Minh viết thư cho Bộ trưởng hải ngoại Marius Moutet xin tiếp tục thương thuyết (sdd, 1999:301). Nhiều nữa, tôi không tiện nhắc ra đây. Và, chắc chắn các độc giả đã thấy rõ bản chất bịp bợm, dốt nát của Tú Gàn từ lâu. [Xin đính kèm một Phụ Bản về công trình trộm cắp và phịa sử của Tú Gàn-Lữ Giang đã được tóm lược trong tập Thực chất Giáo hội La Mã của Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang để những người chưa biết rõ về Tú Gàn-Lữ Giang thăm định].

■ Thứ năm, Tú Gàn đưa ra trường hợp Tri huyện Ngô Đình Diệm bị tố cáo là dùng nền đốt hậu môn các nghi can Cộng Sản như một bằng chứng tiêu biểu là tôi xuyên tạc lịch sử. Một lời chỉ trích chẳng có vẻ gì chứng tỏ Tú Gàn từng thực sự học Luật. Tôi ghi trong tập III của bộ *Việt Nam Niên Biểu*, tức Nhân Vật Chí, như sau: ‘*Có người cho rằng Diệm, khi làm tri phủ Hòa Đa, đã dùng đèn cầy [nến] thiêu đốt hậu môn tù nhân CS để lấy khẩu cung,*’ và ghi thêm hai nguồn xuất xứ là Hoàng Trọng Miên và Bùi Nhung (dẫn chứng từ của Cựu nghị viên trường miền Trung là Nguyễn Trác). Vậy có gì là xuyên tạc lịch sử? Hai ‘người cho rằng Diệm, khi làm tri phủ Hòa Đa, đã dùng đèn cầy [nến] thiêu đốt hậu môn tù nhân CS để lấy khẩu cung’ là Hoàng Trọng Miên và Bùi Nhung. Vậy xuyên tạc hay phịa sử ở chỗ nào? Theo tôi, giá trị những điều hai tác giả trên viết đáng giá hơn, rất xa, chuyên viên phịa sử và trộm cắp tài liệu của người khác là Tú Gàn-Lữ Giang-Nguyễn Cần. Trong bài ‘*Jean Baptiste Ngô Đình Diệm, 1897-1963*’ trong Cuộc thánh chiến chống Cộng tôi còn ghi thêm nguồn xuất xứ khác là chứng từ trong cuốn Miền Nam giữ vững thành đồng (1964) của Trần Văn Giàu. Trong một phụ chú khác về chi tiết này, trong *Các vua cuối nhà Nguyễn*, tập III, để giải đáp thắc mắc của ông Huỳnh Văn Lang, tôi thêm rằng một người đã cho lệnh tấn công chùa chiền, bắt giữ tăng ni thì bất cứ việc ác nào cũng có thể làm. (Xem thêm ‘Mùa Phật đản đẫm máu’ trong Cuộc thánh chiến chống Cộng, với rất nhiều tư liệu văn khố mới giải mật). Dù tư liệu văn khố về Ngô Đình Diệm chưa hoàn toàn giải mật, tôi tin rằng sẽ có dấu vết của những việc làm mà thượng cấp người Pháp ghi là ‘ngghiêm khắc’ của ông Diệm, khiến Cộng Sản phải thuê cả một sát thủ người Hoa ra tận Phan Rang thanh toán, nhưng ông Diệm may

mắc thoát chết. [Xem thư ngày 21/8/1944, Ngô Đình Thục gửi Jean Decoux, do tôi phát hiện năm 1983, công bố trên nguyệt san *Lên Đường* năm 1988; in lại trong *Việt Nam Niên Biểu*, I-A: 1939-1946. Tài liệu này đã bị Lê Trọng Văn và một cá nhân cùng một trường phái ‘ziết sử’ với Tú Gàn trộm cắp, tẩy xóa bút phê của Decoux và nhân viên văn khố, in vào ‘sách’ họ. Có người gửi thư rơi đi khắp nơi, vu cáo rằng lá thư trên do Cộng Sản bịa đặt ra. Thật là lỗi bịch. Tài liệu tôi công bố là thủ bút có chữ ký của Giám mục Thục, viết trên tin chỉ [letterheads] của giáo phận Vĩnh Long, có bút phê của Toàn quyền Decoux sau khi đọc xong, và dấu thị thực sao y bản chính của nhân viên văn khố Pháp tại Aix-en Provence. Chẳng lẽ hai ông Thục và Decoux đều là Cộng Sản, giả mạo ra lá thư trên? Trong khi đó một số người vừa dốt sử vừa đầy cảm tính chỉ nhắm mắt lại phán rằng thư này là tài liệu giả mạo, chẳng cần hoặc không biết đến việc sử dụng lý trí để phán đoán! Giám mục Ngô Đình Thục và những tàn dư Cần Lao khi đưa ra lập luận trên, quên một điều: Muốn người ta không biết thì đừng làm những việc khuất tất. Lại có người cho rằng tôi có tư tâm hay ‘ghét’ họ Ngô nên mới công bố lá thư của Giám mục Thục. Thật là một thứ suy luận hồ đồ. Người nghiên cứu sử nào cũng có bốn phân phải công bố những tư liệu mới mình khám phá ra; đặc biệt là lá thư ngày 21/ 8/ 1944 của Ngô Đình Thục là những lời chứng vô cùng quý báu về sự nghiệp phục vụ bảo hộ Pháp của họ Ngô đất Đại Phong Lộc, Quảng Bình. Hơn nữa, đây không phải là tài liệu văn khố duy nhất tôi đã tìm ra và công bố trên thế giới. Thân hữu của tôi hẳn chưa quên tài liệu xin nhập học trường Thuộc Địa năm 1911 của Nguyễn Tất Thành cùng nhiều tư liệu khác về Đảng CSĐĐ, hay những tư liệu về Petrus Key, các đảng phái và tác nhân Việt Nam trong thời cận và hiện đại.]

Tóm lại, Tú Gàn, vốn tính gian xảo, ưa trộm cắp công trình tim óc người khác, không nói thành co, ù lại thích ‘bí ẩn’ rông càn (kiểu cha cụ Phan Bội Châu phải đổi tên cụ vì sợ phạm húy vua Duy Tân, người lên ngôi năm 1907, tức nhiều năm sau ngày thân phụ cụ Châu từ trần, và hàng chục năm sau ngày cụ Châu đỗ giải nguyên), nên mới thích chụp mũ cho người khác là ‘phịa sử’ như tay nghề của chính đương sự, theo đúng nguyên tắc ‘vừa đánh trống vừa ăn cướp.’

■ Thứ sáu, Tú Gàn còn dọa là sẽ ‘viết sách’ để đối chất với tôi về gia đình Ngô Đình Diệm-Một lời đại ngôn của những kẻ không thấy được sự khác biệt giữa bóng mình và bàn chân đế. Là chuyên viên trộm cắp công trình tim óc của các nhà khảo cứu chuyên nghiệp

(nhất là các tư liệu văn khố do tôi tìm ra), pha thêm tay nghề phía sử, bề cong sự thực lịch sử để trám đầy những khoảng trống của các tờ báo phát không tại chợ búa, việc duy nhất mà Tú Gàn có thể làm là chửi bới bừa bãi, một thứ nghề tay trái của một cá nhân đã mất hết sự lương thiện trí thức và lương tâm. Những trang giấy in đầy chữ nghĩa tinh tinh nằm giữa hai bìa sách ký tên Tú Gàn hay Lữ Giang, hay Nguyễn Cần, hoặc bất cứ một bút hiệu nào khác, chẳng bao giờ xứng đáng gọi là ‘sách’ hay ‘văn chương’ theo ý nghĩa cao đẹp của nó. Hơn nữa, Tú Gàn và những tên đạo văn ở hải ngoại quên một điều: Những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp chúng tôi tuy lương thiện, nhưng có những kỹ thuật để bảo vệ tính chất nguyên bản của các tư liệu mà chúng tôi đã công bố. Bởi vậy, những tay trộm cắp tài liệu như Tú Gàn hay Lê Trọng Văn mới bị độc giả và các nhà nghiên cứu khác vạch mặt, chỉ tên những chỗ trộm cắp, rồi nhắm mắt lại mà phía sử và lăng mạ, vu khống người khác. Tôi sẵn sàng chờ đợi một công trình trộm cắp mới của Tú Gàn (chắc là để bào chữa cho những đoạn cung văn đầy sai lầm về gia đình họ Ngô trong cuốn Những bí ẩn).

■ Thứ bảy, Tú Gàn tức Lữ Giang Nguyễn Cần giả hoạt chụp mũ cho tôi là ‘chống lại’ hay ‘nói xấu’ Ki-tô giáo. Loại chụp mũ này rất nguy hiểm, nguy hiểm còn hơn cả cái mũ ‘Cộng Sản’ hay ‘Phiến Cộng’ dưới triều đại giáo phiệt họ Ngô. Họ Ngô chỉ chống Cộng được khoảng 9 năm, rồi bắt tay với Cộng Sản khi người Mỹ muốn thay ngựa [shift the horses], trong một màn bi hài kịch mà Cố vấn An Ninh Quốc Gia Mỹ McGeorge Bundy từng chua chát gọi là ‘con diên rồ tập thể của một gia đình cai trị chưa từng thấy từ thời các Nga hoàng.’ Nhưng Ki-tô giáo là một tôn giáo đã có khoảng 2,000 năm hiện hữu, và gần 1,700 năm tổ chức thành vương quốc thần linh [organized church]. Trong thời gian còn thống trị Âu châu, giáo hội Ki-tô Roma và Avignon đã thi hành những biện pháp cực kỳ sắt máu để trừng phạt và tiêu diệt đối thủ, và gán ép cho nạn nhân của giáo hội những tội danh như rối đạo, hay chống lại giáo hội. Người bị đốt cháy, người bị bỏ tù; cho đến lúc chết còn bị đóng thập tự giá vào trái tim vì bị kết tội là ‘ma-cà rồng.’ Trong khi các cường quốc thực dân Âu châu đi chinh phục thế giới, Giáo hoàng Ki-tô từng ra những ‘thánh dụ’ cho phép những kẻ xâm lược chiếm đóng, cướp làm vật sở hữu mọi tài sản và cá nhân hay bộ lạc không chịu theo đạo Ki-tô. (Xem Nguyên Vũ, Ngàn Năm Soi Mặt, tâm bút 2002). Những tội ác chiến tranh và diệt chủng này trúc rùng không đủ ghi chép. Bởi thế, mới nảy sinh ra những phong trào chống đối, từ Tin lành giáo, tới thuyết Duy vật, chủ

thuyết Cộng Hòa, và rồi Cộng Sản. Gán ghép cho tôi cái mũ chống hay nói xấu Ki-tô giáo, Tú Gàn muốn gì đây? Phải chăng đây là một mưu đồ hiểm độc: Một mặt để kiểm điểm những giáo sĩ và giáo dân nhẹ dạ; mặt khác tạo nên những hiềm khích, nghi kỵ giữa các tín đồ các tôn giáo khác nhau? Hay, chỉ là những phản ứng hấn cò, vấy vùng, rầy rụa, chửi bới lung tung khi bị kéo ra khỏi những vách hầm tối tăm, lạnh lẽo của sự ngu dốt sâu dày bấy lâu; và bản chất gian ngoan, lừa bịp?

Thực ra, với tôi, mọi thứ trên đời này chỉ là giả trá, tạm bợ. Nhiều hơn một lần, tôi đã khẳng định, ‘danh chỉ là khách của thực.’ Là một người học sử và học Luật, với tôi sự thực lịch sử chỉ là sự thực lịch sử; và, người học sử có bốn phận phải ghi chép hết những sự thực ấy cho hậu thế suy gẫm, học hỏi. Là một người nghiên cứu sử chuyên nghiệp, tôi không có quyền bẽ cong ngòi bút, dấu điểm những việc làm khuất tất của các tác nhân lịch sử. Tôi chủ trương không thể đồng hóa những tác nhân lịch sử trên với bất cứ một tôn giáo nào; vì tôn giáo không chỉ đơn thuần gồm một thiểu số giáo sĩ hay giáo dân tham vọng, quá khích. Chỉ có những người mới đẻ ngày hôm qua mới đồng hóa những cá nhân tham vọng bán buôn tôn giáo cho quyền lợi gia đình và cá nhân với tôn giáo này hay tôn giáo khác. Sau hơn ba thập niên nghiên cứu, tôi đi đến kết luận rằng đại đa số giáo dân Ki-tô Việt chỉ là nạn nhân của những tham vọng quyền lực của các nhà truyền giáo cùng các thành phần trung gian bản xứ như Petrus Key, Nguyễn Hữu Bài, Trần Lục cùng cha con họ Ngô, v.. v... Tóm lại, viết sự thực về vai trò của một số giáo sĩ Ki-tô trong cuộc Pháp xâm lăng và chiếm đóng Đại Nam không có nghĩa ‘nói xấu’ hay ‘xuyên tạc’ Ki-tô giáo; mà chỉ muốn giúp các bậc trí giả theo đạo trên suy nghiệm lại cái gọi là ‘mang đến hồng ân.’ Nói hết sự thực về thành phần trung gian bản xứ như Petrus Key, Nguyễn Hữu Bài, Ngô Đình Khả hay anh em họ Ngô không thể là nói xấu hay xuyên tạc Ki-tô giáo; mà chỉ muốn đại đa số giáo dân Ki-tô suy gẫm lại những việc làm và hậu quả của các tác nhân lịch sử trên.

Loại lý luận qui nạp rằng công bố sự thực sử học về họ Ngô là chống Ki-tô giáo, theo tôi, không những chỉ ngây ngô, nông cạn mà còn đầy bệnh hoạn kiểu Trung cổ. Đáng buồn và đáng áy náy là Tú Gàn, một cá nhân tôi chưa từng biết mặt, lại chỉ biết và sống với loại lý luận kiểu ‘rẻ rách sinh con chuột’ trên. Và, dĩ nhiên, bài viết của Tú Gàn chẳng làm sáng tỏ được gì hơn chính sự dốt nát, thói xấu trộm cắp tài liệu công trình tim óc của các học giả, và tội ác bịa đặt lịch sử

hay ‘phịa sử.’

Nhưng cũng có thể Tú Gàn không ngây ngô và nông cạn, mà hành động đầy ác tâm. Đó là chủ mưu gây nên tình trạng chụp mũ, vu cáo, khích động nhằm khoét sâu vào sự khác biệt giữa các cá nhân và tổ chức, phe phái, tôn giáo người Việt hải ngoại, gây hoài nghi về mọi người mọi việc. Kỹ sư Bùi Bình Bản, cựu Chủ tịch cộng đồng Santa Ana, đã từng là nạn nhân của âm mưu khích động, nhằm khoét sâu sự nghi kỵ trong nội bộ cộng đồng này. Cá nhân tôi chỉ là một trong những nạn nhân khác. Tôi hy vọng các thân hữu, các bạn trẻ và độc giả của tôi hãy bước ra khỏi thế thụ động, bình chân như vại, có những hành động thích nghi với loại người như Tú Gàn.

Trân trọng

[Source: [http://datviet.free.fr/vannghe/016%20vu\\_ngu\\_chieu.htm](http://datviet.free.fr/vannghe/016%20vu_ngu_chieu.htm) ]

## HIỆN TƯỢNG "ZIẾT" SỬ: LỮ GIANG VÀ NHỮNG CÔNG TRÌNH KHẢO CỨU CHÂN CHÍNH

*Trần Quốc Đại*

Khoảng ít năm qua, tại hải ngoại xuất hiện một phong trào "Ziết" sử trên một số các tờ báo hải ngoại. Lữ Giang, tức Tú Gàn, là cây bút mới nổi trong giới này, đã nhận là người "ziết sử" chân chính và tố cáo kẻ khác là "phịa sử." Một vài tờ báo đã phụ họa với Lữ Giang. Tiến sĩ Trần Chung Ngọc, nguyên Giáo sư Vật lý tại Đại học Wisconsin mới về hưu, đã từng có bài về "ziết sử" để nhắc nhở Tú Gàn-Lữ Giang hay những kẻ đầu mặt giặt dầy. Tại sao là "ziết sử"? Ziết sử như thế nào để làm gì? Đó là những câu hỏi đặt ra cho kẻ viết bài này.

Lữ Giang là tác giả cuốn Những Bí Ẩn Lịch Sử Đảng Sau Cuộc Chiến Việt Nam. Bí ẩn nào? Phải chăng đó là những chuyện như ông cai này, đội nọ lái xe cho các "quan Thượng [thư]" thời Pháp thuộc ra sao, bùng tráp, cắp ô hầu các quan huyện quan phủ, giắt mỗi gái hay hối lộ cho chủ quan thế nào, ăn trộm sái nhị ra sao, hoặc các cụ Thượng hay quan lớn dâng vợ, đợ con cho quan Tây ra sao, tát đánh thế nào để vừa thu thuế vừa lột thất lung dân đen; vu cáo những người yêu nước là Cộng Sản như thế nào để thăng quan, tiến chức theo kiểu quan huyện Ngô Đình Diệm trong thập niên 1920?

"Bí ẩn" phía sau những cuộc thánh chiến" hay "cuộc chiến Việt Nam" mà Lữ Giang muốn vạch ra là bí ẩn nào? Để trả lời câu hỏi đó, trước hết phải xét qua tài viết sử của Lữ Giang. Thứ nữa, thử xét đến một số những lỗi lầm tiêu biểu của Lữ Giang. Và chót hết, thử tìm hiểu xem tại sao Lữ Giang nhảy vào lãnh vực sử?

\*

\* \*

Lữ Giang bắt đầu lộ ngay chân tướng qua "Lời nói đầu" (tr. i-v), chứ không đợi qua trên 400 trang sách kể tiếp. Chỉ trong vòng vài chục trang đầu (tr. 12-33) Lữ Giang đã mắc phải không biết bao nhiêu điểm sai lầm (chẳng hạn, chi tiết về hòa ước 1862 trong trang 1 và

trang 17). Lữ Giang cũng đã không che giấu được xảo thuật "dẫn chứng đoạn chương," cắt bỏ những phần tài liệu quan trọng trong luận cứ của các học giả, rồi xoáy vào những điểm phụ để cong queo bào chữa cho một thiểu số tội nhân của lịch sử quốc dân Việt Nam. Xảo thuật này rất thường thấy trong sản phẩm của công an mật thám Pháp từng áp dụng để vu cáo nạn nhân của chúng. Sử gia Tư Mã Thiên gọi lối viết cường từ đoạt lý, bất chấp hoặc cố tình bẻ cong sự thực này là "đạo bút." Khi ngọn dao bút lọt trong tay kẻ quyền lực và nạn nhân chỉ có đời sống ngắn ngủi, vô phương tự vệ, thì nó cực kỳ nguy hiểm. Nhưng lịch sử là sự thật của ngàn đời không bị che mờ bởi xảo thuật ấy.

Trong bài này, chúng tôi sẽ lược qua một số lỗi lầm căn bản của Lữ Giang. Sau này, nếu thì giờ cho phép, chúng tôi sẽ nói rõ hơn những kẻ đang gieo rắc hận thù tôn giáo ở hải ngoại này.

\*

\* \*

## 1- Về Nguồn Tài Liệu Nghiên Cứu của Lữ Giang

**1.1-** Trong phần Dẫn Nhập cuốn sách kể trên, Lữ Giang nhận đã "tìm đọc các tài liệu được coi là tương đối có giá trị tại các thư viện hay văn khố của Hoa Kỳ và Pháp" (tr. ii). Nhưng Lữ Giang tìm tài liệu ở văn khố Pháp nào? Lướt qua phần "Ghi chú" và "Tài liệu tham khảo" (tr. 474), người ta thấy Lữ Giang chỉ liệt kê được báo cáo của Tướng Casseville gửi Bộ Thuộc Địa Pháp ngày 11/7/1945, và ba tư liệu SPCE 371, 372 và 373 trong "Lưu Trữ Hải Ngoại" (AOM) của Pháp ở Aix-en Provence. Chỉ nguyên chi tiết này đủ chứng tỏ Lữ Giang chưa bao giờ đặt chân tới văn khố Aix-en Provence, và có lẽ cũng chẳng hiểu "AOM" là gì nữa.

"AOM" là tiếng viết tắt của Archives d'Outre-mer, tức văn khố Bộ Thuộc Địa hay Pháp quốc hải ngoại, trước kia đặt ở đường Oudinot, quận 7 Paris. Theo các thân hữu của chúng tôi, từ nhiều năm nay, AOM đã di chuyển xuống Aix-en Provence, gom với Dépôt des Archives d'Outre-mer (viết tắt là DOM) thành Centre des archives d'Outre-mer, tức Trung tâm Các Văn Khố Hải Ngoại, thường được các sử gia viết tắt là CAOM. Như thế, từ đầu thập niên 1990, danh hiệu "AOM" hay "DOM" đã ngừng hiện hữu. Nếu quả thực Lữ Giang từng đào bới các văn khố Pháp, thời gian nghiên cứu chắc chắn không thể trước thập niên 1990. Chỉ cần từng xin phép nghiên cứu tài liệu văn khố ở Aix-en Provence thôi, hẳn Lữ Giang đã thấy tên của văn khố này in rành rành ra đó. Dùng ký hiệu "AOM" để nhắc đến báo

cáo của Tướng Casseville là bằng chứng cho thấy Lữ Giang có lẽ đã dựa vào tập Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng tử Vĩnh Sang của Vũ Ngự Chiêu, nhưng lại cứ làm như bản thân mình đã tới Aix-en Provence để tham khảo tài liệu.

Có thể nói đó là "bí ẩn" đầu tiên, dù chưa hẳn cuối cùng, về chuyện Lữ Giang tìm đọc tài liệu ở "văn khố Hoa Kỳ và Pháp." Nếu ai có rảnh thì giờ, xin hãy so sánh các chi tiết của Lữ Giang nêu ra với nội dung các cuốn Việt Nam Niên Biểu, tập IA và I-B, hay tập III: Nhân Vật Chí của Chính Đạo (tức Vũ Ngự Chiêu) hẳn thấy rõ ngay. Thật vậy, cứ thử xét qua một vài chi tiết như việc từ chức của ông Ngô Đình Diệm năm 1933, việc hôn nhân của ông Ngô Đình Nhu năm 1943, hay văn thư đề cử Ngô Đình Khả làm Giám đốc trường Quốc Học Huế năm 1896 cũng đủ thấy Lữ Giang nhập nhằng như thế nào.

1.1.1. Về việc từ chức của Ngô Đình Diệm, Lữ Giang sử dụng những tài liệu nào mà có những nhật ký chính xác như "9/7/1933" (Ngô Đình Diệm ra Quảng trị thăm Nguyễn Hữu Bài), "12/7/1933" (Cụ Diệm của Lữ Giang nạp đơn xin từ chức) hay "22/7/1933" (Bảo Đại cử Thái Văn Toản thay Ngô Đình Diệm)? Thực tế mới chỉ có Vũ Ngự Chiêu công bố lần đầu tiên năm 1993 trong tập Nhân Vật Chí. (Xem Ngô Đình Diệm).

1.1.2. Về đám cưới giữa Ngô Đình Nhu và Lê Xuân, Lữ Giang viết rằng "trong một tờ trình ngày 26/3/1943 gửi Toàn quyền Decoux, Khâm sứ Grandjean có nói rằng đây là một sự liên kết đáng lo ngại." (Lữ Giang, tr. 418) Tờ trình đó hiện ở đâu? Nội dung ra sao? Lữ Giang có thể trả lời không? Và nếu không thì phải chăng Lữ Giang chỉ cộp lại trong cuốn Nhân Vật Chí của Chính Đạo (ấn bản 1997, tr. 308) mà không nêu rõ xuất xứ? Nhưng đi đêm có ngày gặp ma. Lữ Giang đã bị lộ chân tướng khi tưởng tượng ra rằng Grandjean làm "tờ trình ngày 26/3/1943" về việc đám cưới của Ngô Đình Nhu với Lê Xuân. "Tờ trình" có nghĩa một báo cáo chính thức, phải sử dụng những mẫu đặc biệt, được đánh số hẳn hoi. Còn tài liệu mà Chính Đạo sử dụng là "thư riêng", viết tay, của Grandjean gửi Decoux. Nếu Lữ Giang quả có tham khảo tài liệu trên thì liệu có thể trích đăng lại phóng ảnh lá thư đó chăng? Hoặc, thử tóm lược xem nội dung thư này ra sao?

1.1.3. Về tờ trình của Broni xin đề cử thông ngôn hạng nhất Ngô Đình Khả làm Giám đốc trường Quốc học (trong đó Broni nêu rõ công trạng của Ngô Đình Khả, ngoài việc phục vụ rất đắc lực cho

Khâm sứ Pháp, còn từng cùng Nguyễn Thân ra Hà Tĩnh đánh phá mật khu của cụ Phan Đình Phùng năm 1895, và mặc dù cụ Phan đã chết vì bệnh kiết lỵ bọn Nguyễn Thân, Ngô Đình Khả đã đào xác cụ lên mà đốt thành than, trộn với thuốc súng bắn đi), mới chỉ xuất hiện trong các tác phẩm của cựu Thiếu tướng Đỗ Mậu, Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang, và tập Hồ Chí Minh: Con người & Huyền thoại của Chính Đạo (ấn bản 1997).

Ngoài ra, kho tài liệu "SPCE 371, 372, 373" tại "AOM" mà Lữ Giang nhắc đến là gì? Không thấy Lữ Giang giải thích rõ ràng.

**1.2.** Về tài liệu "tìm đọc ở văn khố Hoa Kỳ" thì chẳng thấy Lữ Giang nhắc đến văn khố nào, tài liệu nào. Trong phần thư mục thì chỉ thấy có tập tài liệu Pentagon Papers đề là 5 tập, in năm 1971.

Nhưng đây có thực là tài liệu "văn khố" không? Lại nữa, chỉ có những thư viện lớn mới tàng trữ bộ tài liệu Ngũ Giác Đài tính lược do một Thượng Nghị sĩ Mỹ thu thập này. Tài liệu "văn khố" thứ thực là bộ US-Vietnam Relations, 1945-1965, gồm 12 tập, do Bộ trưởng Quốc phòng McNamara cho lệnh thu thập từ năm 1967. Chưa kể vài ba cuốn sách giá trị hạng hai, hạng ba bằng Mỹ ngữ khác nữa. Cho nên, tài liệu mà Lữ Giang trưng dẫn là tham khảo lại chỉ gồm phần lớn sách tiếng Việt giá trị không cao.

\*

\* \*

## **2. Lữ Giang Và Lịch Sử:**

"Sách" của Lữ Giang chỉ chít những lỗi lầm về sử liệu cũng như lỗi "văn chương" cung văn quen thuộc.

### **2.1. Về cụ Phan Bội Châu**

2.1.1. Lữ Giang viết: "Khi mới sinh ông ra, thân phụ ông đặt tên là Phan Văn San. Nhưng về sau, Hoàng tử Vĩnh San lên ngôi lấy đế hiệu là Duy Tân, nên thân phụ ông phải đổi lại là Phan Bội Châu vì sợ phạm húy. Vì thế, ông mới có tục danh là San." (tr. 32) Chỉ nguyên câu ngắn ngủi này đã có bốn điểm sai:

2.1.1.1. Theo giấy tờ hộ tịch, Cụ Phan Bội Châu tên thực là Phan Đình Sang, nếu viết theo ngày nay là "San."

2.1.1.2. Cụ Phan sinh năm 1868 tại xã Đông liệt, huyện Nam đàn, tỉnh Nghệ an. Có tài liệu ghi cụ Phan sinh năm 1867 tại làng Đan nhiễm, tổng Xuân liêu (như người đã chú thích tập Tự Phán, nhưng chi tiết này khác với chi tiết trong cuốn Niên Biểu, và tài liệu văn khố Pháp). Lữ Giang đã sao y sai lầm này, và cũng không nêu rõ xuất xứ.

2.1.1.3. Vua Duy Tân lên ngôi năm 1907, mà Cụ Phan Bội

Châu đã đi thi từ thập niên 1890. Làm gì có chuyện "thân phụ ông phải đổi lại là Phan Bội Châu vì sợ phạm húy" một ông vua chưa sinh ra đời, nói chi chuyện lên ngôi. Câu chuyện "sợ phạm húy" này là do Lữ Giang bày ra để chứng tỏ mình cũng biết tục lệ "phạm húy."

2.1.1.4. Phụ thân của cụ Phan cũng mất sớm. Làm thế nào phụ thân cụ Phan có phép lạ tái sinh sau năm 1907 để đổi tên cho Cụ? Lại nữa, đó cũng chẳng phải là chuyện "bí ẩn" gì đâu. Tìm mua cuốn Niên Biểu hoặc Tự Phán của cụ Phan sẽ rõ tại sao cụ nắn ná ở quê nhà, chưa muốn ly khai: Thân mẫu cụ mất sớm, trong khi phụ thân già, yếu, bệnh hoạn cần người hầu hạ.

2.1.1.5. Từ sự việc Lữ Giang trích dẫn cuốn Tự Phán, mà không biết chi tiết phụ thân cụ Phan mất trước ngày Hoàng tử Vĩnh San mới lọt lòng mẹ, và mãi tới năm 1907 mới được Pháp cho lên làm vua sau một cuộc khám nghiệm sức khoẻ để loại những ứng cử viên có bệnh "diên gia truyền", ai cũng thấy tài Lữ Giang cóp nhặt lời trích dẫn cuốn Tự Phán của một tác giả nào đó.

2.1.2. Về việc thi cử của cụ Phan Bội Châu, Lữ Giang viết: "Về sau nhờ sự vận động của quan tế tửu trường Quốc Tử Giám là Khiếu Năng Tĩnh, thầy học của ông, ông mới được đi thi lại. Năm 33 tuổi (1900), nhờ sự khuyến khích của thầy Khiếu Năng Tĩnh, ông thi đỗ Giải nguyên tại trường thi Nghệ an. Năm sau ông vào kinh thi Hội nhưng không đỗ. Từ đó ông bỏ khoa cử đi làm chính trị." (tr. 32) Đoạn văn này cũng đầy rẫy lỗi lầm.

2.1.2.1. Cụ Phan tuy nổi tiếng học giỏi từ nhỏ, nhưng đường công danh lận đận. Khóa thi Đinh Dậu (1897), can tội mang tài liệu vào trường thi, và bị cấm thi trọn đời. Từ đó lưu lạc ra Bắc Kỳ, rồi vào Huế làm thầy đồ trong nhà Cử Nhân Võ Bá Hạp. Rồi về quê thụ tang. Tế tửu Khiếu Năng Tĩnh chẳng bao giờ là thầy dạy của Phan Bội Châu hồi nhỏ. Theo cụ Phan, nhân dịp dạy học ở Huế, cụ giao du với nhiều người nổi danh như Tế Tửu (hiệu trưởng) Quốc Tử Giám là Khiếu Năng Tĩnh, và Hoàng Giáp Tiến Sĩ Nguyễn Thượng Hiền. Chính Hoàng Giáp Hiền đã "điểm nhãn" cho Phan Bội Châu qua nhiều tác phẩm giá trị như Thiên Hạ Đại Thế Luận của Nguyễn Lộ Trạch; cùng những tác phẩm "mới" (tân văn) của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, cũng như giới thiệu cụ Phan với cụ Tăng Bạt Hổ, một chiến sĩ kháng Pháp đương thời. (Niên Biểu 1971, tr. 24).

Lời chứng này của cụ Phan Bội Châu bất cứ ai có chút hiểu biết về lịch sử cận đại Việt nam đều rõ. Ngoại trừ Lữ Giang!

2.1.2.2. Năm Canh Tý (1900), sau khi thụ tang ở quê, nhờ sự

can thiệp của Tổng Đốc Nghệ An là Đào Tiến mà Cụ Phan Bội Châu được dự thi Hương, và đầu đầu trường Nghệ. "Bí ẩn" Khiếu Năng Tĩnh chỉ là sản phẩm phịa sử của Lữ Giang.

2.1.2.3. Sau chuyển ra Bắc thất bại của cụ Phan (1902 hoặc 1903), lại chính Đào Tiến, Thượng thư bộ Lễ, can nhắc cho Phan Bội Châu vào "tọa giám"--tức ăn lương trường Quốc Tử Giám để chuẩn bị khóa thi Hội năm 1904. Làm gì có Khiếu Năng Tĩnh nào ở đây như Lữ Giang bảo? Thử đọc cuốn Niên Biểu của cụ Phan đi thì rõ; đừng cóp nhặt của người khác, rồi bảo là đã "tìm đọc" tác phẩm trích dẫn, mà cường ẩu.

2.1.2.4. Mặc dù đã có ý hướng làm chính trị từ nhỏ, năm 1904 cụ Phan vẫn dự thi Hội, nhưng bị rớt chứ làm gì có chuyện "bỏ khoa cử đi làm chính trị" như Lữ Giang phịa.

2.1.2.5. Cụ Phan cũng vào tọa giám từ năm 1903, không phải đầu năm 1904 như Lữ Giang bày ra (tr. 33). Chi tiết cụ trở lại Huế vào đầu năm 1904, chỉ là trở lại Huế sau một chuyến vào Nam liên kết đồng chí. "Bí ẩn" cụ Phan chỉ vào tọa giám ở Huế năm 1904 thì chỉ phát sinh từ việc Lữ Giang đọc sách không kỹ, không tiêu.

2.1.2.6. Chắc Lữ Giang không biết, hoặc biết mà tăng lờ thêm một chi tiết sau này: Người Pháp và bọn quan lại Ki-tô như Ngô Đình Khả, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, v... v... đã khai thác vụ cụ Phan trượt Tiến sĩ này mà bôi bác rằng cụ đi làm cách mạng vì không được chức Tiến sĩ!

## 2.2. Về việc cải cách năm 1932-1933:

Nhà nghiên cứu sử chân chính nào cũng nhìn cuộc cải cách năm 1932-1933--tức đưa Bảo Đại về nước, và tái lập chế độ quân chủ ở An-Nam (Trung Kỳ)--là một thay đổi chính sách đối nội của Pháp, từ "đồng hoá" sang "hợp tác." Lý thuyết gia của cuộc cải cách này là Albert Sarraut và Pierre Pasquier. Bảo Đại, một ông vua trẻ vừa hơn 18 tuổi, được hấp thụ giáo dục Pháp và dưới sự kềm kẹp của Jean Charles, sẽ thủ diễn vở kịch "quân chủ lập hiến" để ngăn cản những ngọn gió chống đối và cách mạng sấm máu qua sự hình thành và nổi dậy tại nội địa của hai đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng (1930) và Đảng Cộng Sản Đông Dương (1930-1932). Mặc dù những bàn tay của bọn quan lại Việt gian nhúng ngập máu dân lành trong cuộc đánh dẹp suốt ba năm 1929-1932, nhưng người Pháp tự hiểu những cuộc cách mạng chống Pháp mới chỉ khởi đầu. Đưa Bảo Đại về nước, và "duy tân hoá" triều Huế là nhằm mục tiêu chiến lược trên. Nói cách khác, Bảo Đại chẳng có chút quyền lực nào, chỉ "rủ buông tay áo cho

người Pháp cai trị".

Để vây quanh Bảo Đại những khuôn mặt tân học cho triều đình Huế có vẻ "tân thời", Pasquier cử Phạm Quỳnh làm Chánh văn phòng cho Bảo Đại. Về Bộ Hình, cử Bùi Bằng Đoàn, một người được coi như thanh liêm nhất. Còn Ngô Đình Diệm, cũng nổi tiếng thanh liêm, được chọn để làm dịu lại sự chống đối của phe Ki-tô giáo và cự thông ngôn Nguyễn Hữu Bài, v.. v... Nhưng Ngô Đình Diệm chỉ thích "đi tu" hơn lấy con gái Nguyễn Hữu Bài hoặc tham chính, nên có thể (có thể thôi) bị Nguyễn Hữu Bài gài vào cái bẫy "trở lại Hiệp ước 6-6-1884 và qui ước 1885" giống như ấu vương Hàm Nghi ngày nào. Kết quả là thân bại danh liệt. Nếu không có những chuyển biến thể giới từ năm 1939, chẳng biết Ngô Đình Diệm đã lưu lạc tới đâu, cũng có thể đã an phận tu hành trong một nhà tu nào đó, thay vì bị thảm sát trong lòng một chiếc Thiết Vận Xa vào sáng ngày 2-11-1963.

Nhưng chỉ trong ít trang nói về cuộc đảo chính cung đình này (tr. 12-24), người ta có thể tìm thấy hàng chục lỗi lầm của Lữ Giang.

2.2.1. Năm 1932, triều đình Huế không hề có 6 bộ. Trước khi nói về cuộc "đại cải cách" năm 1932, Lữ Giang viết rằng triều đình Huế gồm 6 bộ: Đứng đầu nội các là bộ Lại (tức Bộ Nội Vụ), rồi đến bộ Hộ (tài chánh), Bộ Lễ (hay bộ Học), bộ Hình (Tư Pháp), Bộ Binh (Quốc Phòng) và bộ Công (Công Chánh).(tr. 11)

2.2.1.1. Nếu từng đi tìm "tài liệu văn khố Hoa Kỳ và Pháp", Lữ Giang phải biết rằng từ năm 1907, mặc dù triều đình Huế vẫn còn 6 bộ, nhưng bộ Binh đã bị ghép chung với Bộ Công để lo việc tạp dịch. Nhiệm vụ chính của các quan ở Bộ Binh chỉ là lo việc lương tiền cho các đội lính tập An-Nam, làm gì có "quốc phòng" ở đây. Nhiệm vụ "quốc phòng" giao cho các đội quân da trắng và mật thám Pháp, hay bọn lập binh, khổ đỏ, khổ xanh. "Bí ẩn" này có gì khó tìm hiểu đâu.

2.2.1.2. Cũng vào thời gian này, người Pháp lập ra bộ Học, giao cho Cao Xuân Dục cầm đầu. Bộ Lễ hoàn toàn biệt lập với bộ Học chẳng có chuyện "Bộ Lễ hay bộ Học" như Lữ Giang tưởng tượng.

2.2.1.3. Lữ Giang viết rằng sau khi Duy Tân lên ngôi, Trương Như Cương được cử làm Thượng thư Bộ Lại kiêm Cơ Mật Viện trưởng. Đó là Lữ Giang bày ra thôi vì Trương Như Cương làm Thượng thư bộ Lại từ đời Thành Thái.

2.2.2. Trong một đoạn khác (tr. 15), Lữ Giang còn cho rằng Bảo Đại đã "hủy bỏ bộ [Binh] do đề nghị của Nguyễn Hữu Bài."(tr. 15)

2.2.2.1. Bảo Đại có quyền gì để hủy bỏ bộ Binh? Từ trước ngày

quyết định cho Bảo Đại về nước làm bù nhìn, Pasquier đã soạn sẵn kế hoạch chi tiết tỉ mỉ rồi. Bảo Đại chỉ có một quyền duy nhất là làm bất cứ điều gì Khâm sứ Pháp sai bảo. Còn Nguyễn Hữu Bài thì ngày càng bị Pháp khinh bỉ, chán ghét, và chuẩn bị thay bằng những "con ngựa Việt gian" khác, uy quyền gì mà đòi này, đề nghị nọ. Chỉ có ông Tuần vũ thích đi tu mới ngốc nghếch nghe theo Nguyễn Hữu Bài xúi dại mà thân danh bại liệt, làm bẽ "bát cơm Pháp" mà cha là Ngô Đình Khả đã dày công hăn mã mới dành đoạt được làm của thừa kế cho dòng họ. (Xem Paris Xuân 1996 của Nguyễn Vũ).

2.2.2.2. Lữ Giang đã sống với Cộng Sản một thời gian--nếu không phải là nhân vật Lữ Giang từng tham gia hội Công giáo 'quốc doanh' và viết báo Nhân Dân về nhà thờ Phát diệm--chắc biết các tài liệu trong nước về những cuộc thăm sát ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh trong giai đoạn 1929-1933. Những thủ đoạn ác độc của bọn quan lại Việt gian--như treo đầu lâu "giặc" lên những cọc tre để cảnh cáo người khác, bắt dân phải kiểm soát mật báo lẫn nhau, chịu chung trách nhiệm nếu có chuyện gì xảy ra, trối nạn nhân lại như giò để tra tấn, hãm hiếp phụ nữ và thiếu nữ--được các tác giả Cộng Sản tả lại khá kỹ. Họ không phịa ra như Lữ Giang thường làm đâu, chỉ biết chưa hết đó thôi. Nay Lữ Giang lại phịa ra những câu như đòi bỏ bộ Binh vì không muốn triều đình bị mang tiếng đưa quân đi đánh các phong trào kháng Pháp của người Việt, rồi đặt đẽ vào miệng Nguyễn Hữu Bài (tr. 15). Nhưng dù Lữ Giang có tô hồng, chuốt lục cho Nguyễn Hữu Bài cách nào đi nữa, thì cũng không thể biến một tên đại Việt gian--bàn tay dẫm máu các nhà liệt sĩ ái quốc Việt Nam từ Bắc Kỳ vào tới Trung Kỳ trong suốt bao năm dài--trở thành một "lãnh tụ vĩ đại" hay "thánh tử đạo." Nguyễn Hữu Bài hay Ngô Đình Khả và đồng đảng đã và sẽ mãi mãi được quốc dân Việt nhắc đến như những tên đại phản quốc (chỉ trừ trường hợp Nguyễn Văn Thuận, Giám mục cháu ngoại Ngô Đình Khả, tìm được mấy bay, tàu chiến và đại pháo của một cường quốc nào tới đánh phá Việt nam, biến Việt nam thành một nước Phi Luật Tân thứ hai. Lúc ấy, những cái tên Petrus Ký, Ngô Đình Khả, Huyện Sĩ, Nguyễn Hữu Bài sẽ được giát vàng và được phong làm "thánh" hay "thần hoàng." Nhưng cả Hồng Y Nguyễn Văn Thuận tới Giáo Hoàng John Paul II cũng đã qua đời. Chỉ trơ lại những người như Lữ Giang và đồng bạn.

2.2.3. Đặt bút viết những hàng trên, Lữ Giang cũng chứng tỏ chẳng biết gì về các cuộc cải cách năm 1917 của Toàn quyền Albert Sarraut. Năm 1917, Sarraut thu nhỏ triều đình còn 4 bộ "kép", và

Nguyễn Hữu Bài, sau khi làm tốt công tác lưu đầy cả hai cha con Thành Thái và Duy Tân cho Bửu Đảo vững tâm trên ngôi, được đặc cách làm Thượng thư Bộ Lại kiêm bộ Hộ. Hồ Đắc Trung nắm bộ Học (từ năm 1913), và Đoàn Đình Duyệt nắm Bộ Công và bộ Binh. Mãi tới năm 1929 mới tách bộ Lại và bộ Hộ, tức tăng tổng số triều thần lên năm bộ. (Dưới triều Bảo Đại, mới có bộ thứ sáu tức bộ Nông từ năm 1935). "Bí ẩn" này ít người biết, nhưng nếu từng tìm tài liệu văn khố Hoa Kỳ và Pháp, cũng chẳng khó khăn gì. Chỉ có Lữ Giang không biết.

2.2.4. Phạm Quỳnh chưa là Thượng Thư Bộ Học ngày 2-3-1933: Ở một đoạn khác, Lữ Giang phịa ra cảnh ngày 2-3-1933 Phạm Quỳnh đọc tuyên dụ "suy cử các Thượng thư mới", y hệt như chính mắt mình chứng kiến (tr. 16). Chẳng hiểu cốp nhặt ở đâu hay lại phịa ra cái "bí ẩn" này để bôi bác Phạm Quỳnh?

2.2.4.1. Trong lịch sử Việt Nam, "ngày 2-3-1933" chẳng có nghĩa gì cả. Có lẽ ở đây Lữ Giang muốn nói đến ngày 2-5-1933, là ngày Pasquier cho toàn bộ thượng thư cũ (ngoại trừ Thái Văn Toản) từ chức. Đây có thể là lỗi lầm kỹ thuật (xếp chữ), nhưng cũng có thể Lữ Giang đã sao cốp nguyên văn lỗi lầm của một tác giả nào đó.

2.2.4.2. Chắc chắn là Phạm Quỳnh chưa làm Thượng thư Bộ học ngày 2-3-1933, hoặc ngày 2-5-1933. Tài liệu văn khố Pháp và Việt khẳng định Phạm Quỳnh chỉ được cử làm Thượng thư Bộ học vào ngày 7-8-1933. Bất cứ ai từng tìm đọc "tài liệu văn khố và thư Viện Hoa Kỳ và Pháp"--như ký giả lão thành Như Phong đang ra công làm việc ở Aix-en Provence--có thể tìm ra chi tiết này. Các sử gia chân chính thì cho đây là chi tiết nhỏ, nên lướt đi, chờ công bố khi cần thiết. Chỉ có Lữ Giang, chuyên "tìm tài liệu văn khố" trong tác phẩm của người khác, mới để lòi ra hai cục bướu "bí ẩn" trên.

2.3. Lữ Giang và các hòa ước Pháp-Việt:

Bất cứ người Việt nào với một kiến thức phổ thông cũng hiểu biết rõ ràng về các hòa ước ký kết với Pháp. Trừ Lữ Giang, người trí thức Công Giáo kiệt xuất.

2.3.1. Hiệp ước Bảo hộ 6-6-1884 không "chia nước [Việt] ra làm hai khu vực là Trung Kỳ và Bắc Kỳ" như Lữ Giang bày đặt (tr. 17). Nghe đồn Lữ Giang từng làm thẩm phán trước năm 1975 ở miền Nam Việt Nam, nghĩa là cũng thuộc về giới luật học ở Việt Nam, với những người tài giỏi như quý ông Vũ Quốc Thúc, Mai văn Lễ v.. v.... Nhưng muốn bàn về các Hiệp ước thì phải thận trọng, cân nhắc từng chữ, từng câu. Sai một ly, đi một dặm. Người học luật còn phải thận

trọng hơn ai hết.

Hiệp ước 6-6-1884 chẳng có chữ nào "chia" hay "cắt" "nước" làm hai khu vực, và cũng chẳng hề có chữ "Trung Kỳ". Theo văn bản Hòa ước trên, Đại Nam--lúc này chỉ còn từ Bình thuận tới biên giới Hoa Nam--nhìn nhận sự bảo hộ của Đại Pháp. Chỉ có thể. Những điều khoản về quyền lực của người Pháp tại Bắc Kỳ có sự khác biệt với các tỉnh từ Thanh hoá trở vào; nhưng chẳng có chương, đoạn hay câu, chữ nào "chia" Đại Nam thành "Bắc Kỳ" và "Trung Kỳ". "Bí ấn" chia cắt này chỉ có Lữ Giang tốt nghiệp trường Luật, làm đến thẩm phán biết rõ mà thôi.

2.3.2. Nam Kỳ chưa trở thành thuộc địa của Pháp do "Hòa ước 9-5-1862"(tr. 17): Phần lớn học sinh ngày xưa đều biết rằng Hiệp ước 1862 chỉ nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, và mãi tới năm 1874 triều đình Huế mới ký Hiệp ước cắt nhượng hẳn sáu tỉnh miền Nam cho Pháp sau khi các cố đạo Pháp, đặc biệt là Puginier và Gauthier, xúi dục Francis Garnier hạ thành Hà nội và đánh chiếm vùng châu thổ Nhị hà (xem chi tiết trong Các Vua Cuối Nhà Nguyễn, tập I của Vũ Ngu Chiếu). Chỉ có Lữ Giang cũng không biết, thế mới là điều "bí ẩn."

2.3.2.1. Lữ Giang tạo ra một "bí ẩn" lịch sử rằng có tới "hai" hoà ước 1862. Hoà ước thứ nhất ký "ngày 9.5.1862", khiến "Nam Kỳ đã trở thành thuộc địa của Pháp" (tr. 17). Hoà ước thứ hai, ký "ngày 5.6.1862" theo đó triều Nguyễn nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.(tr. 10).

2.3.2.1. Chỉ có những trí thức bất thường mới nói đến hai hoà ước xuất hiện cách nhau chưa đầy một tháng; hoà ước thứ nhất thì nhượng cả Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa, và Hiệp ước thứ hai thì Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp chỉ chịu cắt có ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường, cùng một số điều khoản khác.

2.3.2.2. So sánh "hai hoà ước" trên của "bí ẩn" Lữ Giang, thì sau khi được cắt nhượng cả Nam Kỳ ngày "9-5-1862", chưa đầy một tháng sau, vào ngày 5-6-1862, Đề đốc Bonard đã ép buộc Phan Thanh Giản phải nhận lại ba tỉnh miền Tây. Như thế hai nhà thương thuyết Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp phải được vua Tự Đức khen thưởng hết sức, chứ ai lại nỡ lòng nào mà nghiêm khắc trách mắng là "tội nhân ngàn đời của lịch sử"? Phần ông Bonard trong "bí ẩn" Lữ Giang này cũng thật lạ lùng, sao dùng dùng mang trả lại ba tỉnh miền Tây làm gì khiến 5 năm sau Lagrandière phải mang quân đi chiếm lại.

2.3.2.3. Thực ra, cả vua Tự Đức lẫn ông Bonard đâu có hồ đồ,

thiếu lý lẽ như thế. Kẻ hồ đồ chính là Lữ Giang, đã phịa ra hai cái hòa ước 9-5-1862 và 5-6-1862 bằng cách râu bà nọ cắm mép ông kia.

2.3.2.4. Tài liệu "văn khố Hoa Kỳ và Pháp" nào dám nói triều Nguyễn cắt Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa năm 1862? Chắc là tài liệu văn khố Pháp và Hoa Kỳ theo kiểu "Bảo Đại nói với Cụ Cao Xuân Vỹ vào năm 1982 tại California." (Ông Bảo Đại chết rồi, chẳng hiểu ông Vỹ có bằng chứng thành văn hay thành lời nào chẳng? Ông Cao Xuân Vỹ từng được giao nắm Thanh Niên Cộng Hòa, rồi theo hai anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu đi trốn, nhưng không thoát, chẳng hiểu tại sao không bị bắt hay bị giết như hai anh em ông Diệm-Nhu? Nghe đồn ông Huỳnh Văn Lang, một tay Cần Lao hạng gộc, cũng định tập tễnh làm nghề "ziết sử" và "bí ần" như Lữ Giang. Chờ xem.) Thực ra, nếu có chút thận trọng tối thiểu bình thường thì Lữ Giang đã lật sách của Tiến sĩ Nguyễn Thế Anh ra, tập sách dành cho sinh viên dự bị sử, và tránh được những lỗi lầm kể trên.

2.4. Về lá thư của Ngô Đình Thục van nài Decoux ngày 21-8-1944, và các tài liệu khác về họ Ngô:

Cuốn "Bí Ẩn" của Lữ Giang thoát đọc thì có vẻ là ca ngợi dòng họ Ngô, từ Cụ Khả tới Cụ Diệm. Nhưng người tinh ý sẽ thấy Lữ Giang có vẻ hoặc "sỏ lá kèn" dòng họ Ngô, hoặc không phân biệt nổi tôn ti trật tự của xã hội Việt Nam.

2.4.1. Ngô Đình Diệm là con Ngô Đình Khả, con nuôi Nguyễn Hữu Bài. Lữ Giang gọi Ngô Đình Khả là "Cụ" mà gọi Nguyễn Hữu Bài là "ông." (tr. 18), thế chẳng lẽ Nguyễn Hữu Bài, bố vợ của Ngô Đình Khôi, chỉ đáng vai con Ngô Đình Khả hay sao?

2.4.2. Lữ Giang còn phạm tội đại bất kính khi gọi Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Diệm hay Ngô Đình Nhu là "Ông" mà gọi Cao Xuân Vỹ là "Cụ" (tr. 17). Ông Khôi, ông Nhu là anh em cùng vai vế với ông Diệm. Ông Vỹ chỉ là thuộc hạ hạng nhì, hạng ba của anh em họ Ngô. Gọi ông Vỹ là "Cụ" thì phải chẳng ngằm bảo các ông Diệm, Khôi, Nhu chỉ đáng vai "con" ông Vỹ thôi sao? Nghĩa là "Cụ" Vỹ phải ngang hàng với "Cụ" Khả, và có thể còn là vai trên của bố vợ Ngô Đình Khôi là "ông" Nguyễn Hữu Bài nữa.

2.4.3. Một "bí ần" quan trọng hơn là việc Lữ Giang cố tình không đề cập gì đến lá thư của Ngô Đình Thục, Giám mục Vĩnh Long, gửi Toàn quyền Jean Decoux ngày 21 tháng 8 năm 1944.

Thư này là một trong những tài liệu cơ bản để nghiên cứu về dòng họ ông Ngô Đình Diệm, từng được công bố từ năm 1989 trên báo Lên Đường ở Houston, rồi trích đăng trong nhiều sách ở hải

ngoại, kể cả bản dịch sang tiếng Việt của Thiếu tướng Đỗ Mậu trong hồi ký Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi (ấn bản năm 1993 của nhà Văn Nghệ), và in lại trong bộ sách Việt nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn thư của Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang (1998). Trong thư, Ngô Đình Thục, Giám mục Vĩnh Long, khẳng định hai điều:

2.4.3.1. Thứ nhất, Ngô Đình Khả đã rất trung thành với Pháp, sẵn sàng vào nguy ra khổ không tiếc gì mạng sống để giúp Pháp thiết lập chế độ Bảo hộ. Một trong những công lao lớn nhất là phụ tá cho Nguyễn Thân đánh tan "loạn đảng" ("rebelles", nguyên chữ của Ngô Đình Thục) Phan Đình Phùng.

2.4.3.2. Thứ hai, Ngô Đình Thục tiết lộ rằng Đảng CSĐĐ từng thuê một sát thủ người Hoa ra tận Phan rang ám sát Tuần vũ Ngô Đình Diệm, nhưng Diệm thoát chết, chỉ bị thương. (Vì lời trần tình này của Ngô Đình Thục trong thư, Vũ Nguỵ Chiêu đã đặt nghi vấn thực chẳng Ngô Đình Diệm bị Việt Minh bắt 6 tháng vào cuối năm 1945).

2.4.4. Trong tập Paris Xuân 1996, Vũ Nguỵ Chiêu (bút hiệu Nguyên Vũ) còn trích đăng một trang công điện báo cáo của Giám đốc Cảnh sát Pháp Arnoux về buổi điều tra ở Huế, theo đó, Ngô Đình Nhu thú nhận rằng Ngô Đình Khôi khẳng định chế độ bảo hộ Pháp là "bát cơm" (bol de riz) của dòng họ Ngô. Lữ Giang cũng lấy lại chi tiết Arnoux ra Huế năm 1944 từ sách của Vũ Nguỵ Chiêu, nhưng lỡ đi ba chữ "bol de riz" mà Toàn quyền Decoux đã dùng bút gạch dưới. Sự cố tình bỏ quên này mới là một "bí ẩn".

2.4.5. Lữ Giang và vợ chồng Hoàng Ngọc Thành còn cả tiếng ca ngợi Ngô Đình Diệm và dòng họ Ngô yêu nước. Nhưng "yêu nước" gì mà Ngô Đình Khả cùng đồng đảng đào mả cụ Phan Đình Phùng lên, rồi trộn với thuốc súng mà bắn đi? Yêu nước Pháp chẳng? "yêu nước" gì mà cả Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Nhu công khai tuyên bố chế độ Bảo hộ Pháp là "bát cơm" của dòng họ Ngô?

2.4.6. "Bí ẩn" về ngày sinh của Ngô Đình Diệm. Từ nhiều năm nay, Vũ Nguỵ Chiêu từng công bố ngày sinh nhật "27/7/1897" của Ngô Đình Diệm, khác với ngày sinh đã công bố chính thức là "3-1-1901". Tài liệu của Vũ Nguỵ Chiêu còn ghi nơi sinh của Ngô Đình Diệm là "Đại phong lộc" hay "Đại phuông" ở Quảng bình. Trong tập Paris Xuân 1996, Vũ Nguỵ Chiêu nhận xét rằng nếu giấy tờ hộ tịch của Ngô Đình Diệm là đúng, Diệm phải đứng vai anh Ngô Đình Thục. Nhưng có điều nghịch lý: Cách nào bà Phạm Thị Thân, mẹ ruột của Ngô Đình Thục, Ngô Đình Nhu, v.. v... lại có thể sinh ra hai người

con trai trong vòng hai tháng. Nói cách khác, chi tiết trên khiến những người nghiên cứu mai hậu nên tìm hiểu thêm thực chẳng đây chỉ do sự man khai hộ tịch (như ông Ngô Đình Luyện tiết lộ), hay Ngô Đình Diệm không phải là anh em cùng mẹ cùng cha với các ông Ngô Đình Thục, Nhu, Cần và Luyện. (Ngô Đình Khôi là con vợ cả của Ngô Đình Khả).

Lữ Giang đã đem bà Ngô thị Hiệp ra để tố cáo Vũ Nguỵ Chiêu là "lầm lẫn" về ngày sinh của Ngô Đình Diệm trong khi Vũ Nguỵ Chiêu tố ngược là Lữ Giang sao chép nhiều sử liệu vào các cuốn sách của mình mà không trưng dẫn xuất xứ.

2.4.6.1. Nhưng Bà Hiệp là em ông Diệm, có thể biết nhiều về gia phả dòng họ Ngô. "Có thể" thôi. Nhưng nếu đụng vào vấn đề bí ẩn của dòng họ, lời chứng của bà Hiệp cần phải được khảo nghiệm kỹ. Bà Hiệp có thể không nói hết sự thực. Bà Hiệp, là phận gái, không được cho biết hết các chi tiết oái oăm của cha mẹ, hay các anh em. Bà Hiệp cũng đã lớn tuổi, trí nhớ không còn minh mẫn nữa. Theo danh từ Luật học, bà Ngô Thị Hiệp là một thứ nhân chứng khó tin.

2.4.6.2. Nếu Lữ Giang hoặc ai đó muốn bác lại năm sinh 1897 của Ngô Đình Diệm thì phải về Phú Cam mà tìm cho được bản sao của cuốn sổ rửa tội hay khai sinh của Ngô Đình Diệm. Hoặc nhờ một người nào tìm hộ. Chưa làm được những chuyện ấy thì cũng chưa thể vội lên án Vũ Nguỵ Chiêu là phịa sử.

2.4.7. Ngô Đình Diệm có dùng nền đốt hậu môn để lấy khẩu cung nạn nhân hay chẳng? Chi tiết ông Ngô Đình Diệm dùng nền đốt hậu môn tù nhân khi thẩm cung do nhà văn Hoàng Trọng Miên và ông Bùi Nhung thuật lại. Trong cuốn Miền Nam Giữ Vững Thành Đồng, Trần Văn Giàu cũng ghi lại lời chứng của Nguyễn Thi, một cán bộ CS tại Bình Thuận, về tội ác vi phạm nhân quyền của anh em họ Ngô cùng bầy Việt Gian quan lại của Pháp. Lữ Giang cho đây là loại tin đầu đường xó chợ, và dựa vào đó cáo buộc Vũ Nguỵ Chiêu là "phịa sử".

2.4.7.1. Việc Vũ Nguỵ Chiêu có phịa sử hay chẳng thì đã quá rõ. Tài liệu rành rành ra đó: tác phẩm của các ông Trần Văn Giàu, Hoàng Trọng Miên và Bùi Nhung. Người viết sử không sử dụng tài liệu thì lấy gì làm chỗ y cứ? Chẳng lẽ phải theo kiểu Lữ Giang, khai sinh ra hai cái hoà ước 1862, hay bắt phụ thân Cụ Phan Bội Châu phải đổi tên con từ "San" qua "Châu" để tránh phạm úy vua Duy Tân vào thập niên 1890, tức từ ngày Hoàng tử Vĩnh San chưa chào đời?

2.4.7.2. Nếu muốn tranh cãi, Lữ Giang phải tìm cách bác bỏ

những lời chứng của các ông Trần Văn Giàu, Hoàng Trọng Miên và Bùi Nhung bằng những tài liệu chứng có rành mạch.

Hoàng Trọng Miên là một tác giả thành danh trước Lữ Giang xa, và tập *Đệ Nhất Phu Nhân* của Hoàng Trọng Miên chứa nhiều dữ kiện lịch sử đáng giá. Lời chứng của Bùi Nhung cũng đáng tin, vì nếu ông Ngô Đình Diệm trong sạch, nhân từ thì tại sao Đảng CSĐD phải thuê sát thủ ra tận Phan rang mà trừ khử đi, tại sao nghe lời Arnoux lập danh sách những người tình nghi là Cộng Sản để nạp cho Pháp lập công? Lời chứng này của Giám mục Thục rất đáng tin cậy, có thể sử dụng chung với các chứng từ của các ông Trần Văn Giàu, Hoàng Trọng Miên và Bùi Nhung.

Một lời chứng khác cũng nên nêu thêm: Đó là lời chứng của ông McNamara. Theo ông McNamara bà Lê Xuân là "người vợ trên thực tế" của ông Diệm. Một ông anh chồng làm Tổng thống, từ nhỏ đã hay đòi đi tu, mà có liên hệ vợ chồng "trên thực tế" với em dâu khiến tất cả những gì chúng ta đã biết về ông Diệm cần phải xét lại. Muốn biết ông Diệm có ác hay thiện còn phải xét lại những việc làm khác nữa như cuộc xử bắn Tướng Ba Cụt, việc tiêu diệt đôi lập, bắn giết Phật tử năm 1963, mưu toan lật đổ Bảo Đại ngay sau khi Bảo Đại vừa cứu nguy cho ông Diệm trước sự đe dọa của Tướng Hinh và Bảy Viễn. Hay chỉ vì nghi Tướng Dương Văn Minh, người hùng rùng Sắt trước dư luận, không chịu giao nạp kho vàng của Bảy Viễn, bắt Tướng Minh ngồi chơi xơi nước với cho tới năm 1963.

Lịch sử quốc dân vốn không ngã theo này hay phe kia, chỉ là tấm gương soi gáy ô máu. Những tác nhân lịch sử phải chịu trách nhiệm việc làm của họ trước tòa án quốc dân muôn đời. Lịch sử quốc dân không có bánh kẹo cho những kẻ gian ác, phục vụ ngoại bang chỉ vì quyền lợi bản thân, gia đình, dòng họ, đảng phái, tôn giáo của chúng. Cũng không thể chạy chọt, luồn lót theo kiểu các pháp đường VNCH ngày xưa, hay tại Việt Nam hiện nay.

Lữ Giang không đưa ra được chứng cứ nào để phản bác nên đã đánh phủ đầu kẻ khác là dựng "chuyện đầu đường xó chợ", lấy tin của Việt Minh hay Cộng Sản loan truyền ở Liên Khu IV. Đó là lý do khiến Nguyên Vũ phản ứng bằng cách nhắc đến những kẻ đã bán linh hồn cho quỷ, về nhục mạ tổ tiên, giết cả mẹ cha mà vẫn tin mình thánh thiện, cái ý tội (mens rea) của mình là "chân lý" và "việc tội" (actus reus) của mình sẽ khiến mình được phong thánh (xem Paris Xuân 1996, tr. 91, 98, 116-117). Tuy nhiên, không hẳn đây là một trực thoại của Nguyên Vũ với Lữ Giang. Bởi những người đọc sách nếu để ý

hẳn sẽ thấy Vũ Ngự Chiêu không liệt kê tựa sách của Lữ Giang vào phần thư mục của các tác phẩm mới như Các Vua Cuối Nhà Nguyễn, hay Mậu Thân 68: Thắng Hay Bại?, 55 Ngày & 55 Đêm: Cuộc Sụp Đổ của VNCH. Không biết đây có phải là vì điều mà Vũ Ngự Chiêu - Nguyên Vũ bày tỏ trong cuốn tâm thư Paris Xuân 1996, đó là nỗi e ngại về những âm mưu xúi bẩy các phe phái, tôn giáo kinh chống lẫn nhau ở hải ngoại?

Cuốn Paris Xuân 1996 của Nguyên Vũ có lẽ đã đủ để giải quyết một số thắc mắc của người đọc mà Lữ Giang cố tình "bí ẩn" hoá. Vũ Ngự Chiêu công bố các dữ kiện lịch sử, bất kể tác nhân đó thuộc tôn giáo, tổ chức chính trị, hay giai tầng xã hội nào. Ông cũng từng khẳng định không muốn ném thêm những nắm đất hay hòn đá lên huyệt mộ của những tội nhân lịch sử (như Petrus Key, Ngô Đình Khả, Nguyễn Thân, Nguyễn Hữu Bài, v.. v...?) "Thêm một lời bình luận về họ cũng bằng thừa"--Đó là câu kết luận của Vũ Ngự Chiêu khi có người đặt vấn đề tại sao nhà Văn Hoá cho in bài của Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang, trong đó Giáo sư Quang gọi đích danh dòng họ Ngô là "ba đời Việt gian" trong cuốn Nhìn lại biến cố 11/11/1960, và bài trả lời báo Văn Nghệ Tiền Phong của Giáo sư Quang.

## 2.5. Những Lỗi Lầm Khác của Lữ Giang:

Sau đây là một số những "bí ẩn" khác của Lữ Giang:

2.5.1. Lữ Giang tưởng tượng ra rằng Pháp tấn công Đại Nam năm "1851." (tr.8) Chẳng hiểu "bí ẩn" này nó nằm ở vấn đề nào vậy? Thực ra Pháp bắt đầu tấn công Đại Nam năm 1859.

2.5.2. Lữ Giang bảo hai Phụ chính Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết "đã đổi di chiếu, phế bỏ Dục Đức, đưa em của Dục Đức là Lạc Quốc Công, húy là Hồng Dật, lên làm vua lấy niên hiệu là Hiệp Hoà."(tr. 8)

2.5.2.1. Lữ Giang có mắt công đào bới hết tài liệu văn khố cũng không tài nào tìm ra "bí ẩn" hai Phụ chính Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết "đã đổi di chiếu, phế bỏ Dục Đức". Bởi người sửa đổi di chiếu là chính tự Dục Đức.

2.5.2.2. Lữ Giang cũng bảo rằng Hoàng tử Hường Dật, em thứ 29 của vua Tự Đức, là "em của Dục Đức." Chú út của gia đình vua Thiệu Trị mà biến thành "em" của Hoàng tử cháu là Dục Đức thì quả thực là "bí ẩn" hay "bí tích" kỳ lạ.

2.5.3. Lữ Giang viết rằng "sợ Tôn Thất Thuyết lộng hành, vua Hiệp Hoà đổi Nguyễn Văn Tường qua làm Thượng thư Bộ Binh còn Tôn Thất Thuyết làm Thượng thư Bộ Lại."(tr. 9) Nhưng Nguyễn Văn

Tường chẳng bao giờ nắm bộ Binh cả, mà được cử giữ bộ Hộ. Lữ Giang thử tìm Đại Nam Thực Lục hay cuốn Các Vua Cuối Nhà Nguyễn, tập I: Đại Nam Mất Tự Chủ, 1858-1884 (1999) (tr. 340) mà đọc thì rõ.

2.5.4. Lữ Giang "bí ần" rằng "ngày 22.5.1885 Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Quảng trị rồi sau đó đến Quảng bình và ra hịch Cần Vương giúp vua." Chỉ một câu này đã có 3 lỗi quan trọng:

2.5.4.1. Tôn Thất Thuyết không đưa vua ra Quảng trị ngày "22-5-1885." Mãi đêm ngày 22 rạng 23 tháng 5 Ất Dậu (tức đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 tháng 7-1885), Tôn Thất Thuyết mới đánh úp đồn Mang cá và tòa Khâm Huế; sau thất bại chạy ra Quảng trị. Lữ Giang "bí ần" ra được cái ngày 22-5-1885 này quả thực là hi hữu. Trong phần "Tài liệu tham khảo" Lữ Giang có dẫn cả hai tác giả Phạm Văn Sơn và Trần Trọng Kim. Tác giả Trần Trọng Kim dùng ngày tháng âm lịch, nhưng tác giả Phạm Văn Sơn dùng ngày tháng dương lịch. Đọc kỹ sách Phạm Văn Sơn thôi đã đủ tránh được những lỗi lầm râu bà này (22 tháng 3 âm lịch) cấm cầm ông kia (năm 1885)" này!

2.5.4.2. Vua Hàm Nghi cũng chẳng chạy tới Quảng bình được vì lính Tây và khổ đồ đồ bộ xuống Đồng hới, ngăn chặn đường rút ra Bắc. Phạm Văn Sơn cũng có nói như thế, Lữ Giang có thực đã đọc Phạm Văn Sơn không?!

2.5.4.3. Hịch Cần Vương của vua Hàm Nghi được ban hành trước khi vua lên đường ra Hà tĩnh, không phải sau khi tới Quảng bình.

2.5.5. Lữ Giang "bí ần" ra rằng Tướng Millot của Pháp mang lon "Thống tướng" (tr. 9), và giữa chức "Thống đốc Quân Vụ" (tr. 5).

2.5.5.1. Quân đội Pháp làm gì có chức Thống tướng (kiểu Việt Nam Cộng Hòa). Tướng thì chỉ có ba bậc: Thiếu (hai sao), Trung (ba sao) và Đại tướng (bốn sao). "Thống" thì chỉ có "Thống chế."

2.5.5.2. Tướng Millot chẳng bao giờ được giữ chức "Thống đốc quân vụ" như Lữ Giang nói. Thoạt tiên, Millot chỉ được giao chức Tổng Tư lệnh đội quân viễn chinh Pháp, sau đó, từ tháng 12/1883, kiêm giữ thêm quyền hành về dân sự.

2.5.6. Lữ Giang bảo rằng năm 1879, Bộ trưởng Thuộc địa Jauréguiberry mang chức Thượng tướng (tr. 4)

2.5.6.1. Jauréguiberry là một sĩ quan Hải quân, nếu lên đến hàng tướng thì phải có cấp bậc Đề Đốc, Phó Đô đốc hay Đô đốc, cách nào mà được phong chức "Thượng tướng"?

2.5.6.2. "Thượng tướng" là quân hàm của Bắc Việt, tức chức vụ

giữa Trung tướng và Đại tướng. Chẳng lẽ Lữ Giang khám phá ra "bí ẩn" rằng Đô đốc Jauréguiberry, Bộ trưởng thuộc địa Pháp trong thập niên 1870, được ban phép lạ để tái sinh vào năm 1949, xin ông Hồ Chí Minh phong cho chức Thượng tướng (dưới quyền Võ Nguyên Giáp và không ghi vào hồ sơ), rồi cuội một cái máy thời gian mà ngược về dĩ vãng, hầu tổ chức cuộc xâm lăng Đại Nam?

2.5.7. Lữ Giang nói rằng đến năm 1882, chính phủ Pháp mới cho Thống đốc Nam Kỳ là ông Le Myre de Vilers đưa quân ra Bắc bảo vệ các thương gia Pháp" (tr. 4). Lý do "bảo vệ các thương gia Pháp" này do Lữ Giang "bí ẩn" ra thôi vì lý do thực chính là vì triều Huế không tôn trọng Hiệp ước 1874, và tranh chấp với Trung Hoa. Không tin cứ tìm sách của Cao Huy Thuần hay của Giáo sư Nguyễn Thế Anh mà kiểm chứng lại.

2.5.8. Bourée và Lý Hồng Chương chẳng ký kết một "hiệp ước" nào cả như Lữ Giang nói (tr. 4). Họ chỉ có một qui ước tạm thời (memorandum) phân chia vùng ảnh hưởng giữa Pháp và nhà Thanh. Lữ Giang có hiểu "Memorandum" là gì không?

2.5.9. Lữ Giang "bí ẩn" ra chức "Toàn quyền" của Harmand (tr. 4).

Chức Toàn quyền (Gouverneur général) tại Đông Dương chỉ có từ năm 1887. Chức vụ của Harmand là "Commissaire général civil", có thể dịch là Tổng đại biểu, chịu trách nhiệm vấn đề dân sự ở Đại Nam, nhưng vẫn dưới quyền Thống đốc Sài gòn.

2.5.10. Lữ Giang, qua việc tóm tắt nội dung "hiệp ước" 1883 (tr. 5), chứng tỏ chẳng hiểu gì hoặc chưa đọc bản văn "tạm ước" này. Tạm ước Harmand, ngoài việc chấp nhận sự bảo hộ của Pháp, còn có điều khoản đặt Trú sứ (résident) từ Đèo Ngang trở ra. Vì những điều khoản quá đáng của Tạm ước này, Paris mới cho Patenôtre điều đình Hiệp ước 6-6-1884.

2.5.11. Lữ Giang viết: "Triều đình Huế thất thế phải chấp nhận sửa đổi lại Hòa ước 23.8.1883. Jules Patenôtre, Lãnh sự của Pháp ở Bắc Kinh..." (tr. 5-6). Chỉ vòn vẹn ba dòng chữ, Lữ Giang đã "bí ẩn" tới bốn lần:

2.5.11.1. Việc triều Huế ký Hòa ước 6-6-1884 thì có gì mà phải do thất thế hay không. Thực ra, Hòa ước 6-6-1884 dễ thở cho triều đình Huế hơn tạm ước Harmand nhiều.

2.5.11.2. Tạm ước Harmand ký ngày 25-8-1883, giữa lúc quan tài vua Tự Đức chưa kịp chôn. Nó không được ký vào ngày "23-8-1883" như Lữ Giang tưởng tượng ra. (Ở một đoạn trên, Lữ Giang ghi

đúng ngày 25-8-1883. Nhưng trong trang 5, Lữ Giang hai lần lập lại "hòa ước ngày 23.8.1883". Có thể nói đó là lỗi chính tả khi đánh máy không?)

2.5.11.3. Jean Patenôtre là Đặc sứ Toàn quyền, chức vụ cao gấp bội chức "Lãnh sự" như Lữ Giang báo.

2.5.12. Hoà ước 1884 cũng chẳng hề "chia Việt Nam thành ba miền với ba chế độ cai trị khác nhau". (tr. 6)

2.5.12.1. Trong bản văn Hiệp định, chẳng có chữ nào là "Việt Nam". Chỉ có tên "Đại Nam" trong bản chữ Hán, và "An-Nam" trong bản tiếng Pháp.

2.5.12.2. Trong Hiệp định chẳng có điều khoản nào "chia" Việt Nam thành "ba miền". Chỉ có điều khoản tái xác nhận Hiệp ước 1874 (tức cắt Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa), và nhìn nhận chế độ Bảo hộ trên phần đất còn lại của Đại Nam. Phải nhiều năm, cho tới thập niên 1890, việc phân chia "hành chánh" giữa Bắc Kỳ và An-Nam mới đưa vào văn bản, qua việc hủy bỏ chức Kinh lược Bắc Kỳ và ủy quyền cho Thống sứ Pháp. Chính vì thế mà Nguyễn Hữu Bài mới móm cho vua Duy Tân, và rồi Ngô Đình Diệm ý tưởng đòi trở lại với Hòa ước 1884 đó.

2.5.13. Lữ Giang "bí ẩn" rằng vua Đồng Khánh chết ngày "28-1-1888." (tr. 10) trong khi Đồng Khánh thực ra chết ngày 28-1-1889, ít tháng sau ngày vua Hàm Nghi bị đày qua Algérie. Ở một đoạn khác Lữ Giang "bí ẩn" rằng Richaud, thay Toàn quyền Constans vào tháng 8/1888, "đã bắt vua Thành Thái ký giấy nhượng cho Pháp hải cảng Đà Nẵng, hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng để làm nhượng địa" (tr. 7). Nhưng Vua Thành Thái, làm vua từ 1889 tới 1907, làm sao trở ngược về năm 1888 mà cắt nhượng ba thị xã trên cho Richaud!?

2.5.14. Lữ Giang cho Thành Thái lên ngôi năm 18 tuổi (tr. 10). Điều này có nghĩa Thành Thái sinh vào khoảng năm 1871, và Hoàng tử Dục Đức có con khi mới 11, 12 tuổi. Thực sự, vua Thành Thái lên ngôi khi mới 10 tuổi.

2.5.15. Lữ Giang viết: "Tháng 9 năm 1897, Cơ Mật Viện được thay thế bằng Nội Các" (tr.7). "Bí ẩn" này chẳng hiểu Lữ Giang mò mẫm ở đâu ra? Rõ ràng Lữ Giang cũng chẳng hiểu nghĩa chữ "Nội Các" là gì nữa. Việc này hoàn toàn không có.

2.5.16. Lữ Giang tìm được "bí ẩn" là Diệp Văn Cương đã lấy công chúa Thiện Niệm, chị ruột của Dục Đức trước khi vua lên ngôi. (tr. 10)

Thực ra, Diệp Văn Cương chỉ lấy Thiện Niệm làm vợ nhỏ sau

khi đã giúp Bửu Lân lên ngôi. Lữ Giang phải đi tìm cuốn Các Phú Hộ Lừng Danh Nam Kỳ của Hứa Hoành mà đọc để hiểu thêm về gia đình Diệp Văn Cương.

2.5.17. Lữ Giang cho rằng năm 1907, Pháp khám phá ra Thành Thái đã ngầm liên lạc với phong trào Đông Du để cầu viện Nhật giúp đỡ nên ép vua thoái vị (tr. 11). Thực ra, các quan chức Pháp đã cho lệnh điều tra xem Thành Thái đã "rửa tội" hay chưa. Đó mới là bí ẩn thực sự của lịch sử.

2.5.18. Lữ Giang bảo Toàn quyền Broni và Khâm sứ Levecque ép Thành Thái thoái vị và nhường ngôi cho Hoàng tử Vĩnh San.(tr. 11) "Bí ẩn lịch sử" này thực sự chỉ nằm trong văn khố mang tên Lữ Giang mà thôi. Giáo sư Nguyễn Thế Anh có một bài viết rất chi tiết về việc thoái vị của vua Thành Thái mong Lữ Giang chịu khó tìm đọc.

2.5.19. Lữ Giang cho rằng vua Duy Tân, sau khi bị bắt, bị đẩy qua Réunion ngày "10-5-1916." (tr. 11) Thực ra, Paris chỉ quyết định đẩy vua Duy Tân và Thành Thái qua Réunion sau một thời gian tạm giam ở Vũng tàu.

\*

\* \*

### **3. Lữ Giang ngụy tạo lịch sử làm gì?**

Lữ Giang có thể là một mặt hàng ngụy hoá che đậy một âm mưu nào đó không?

3.1. Những tài liệu "văn khố" và "thư viện" mà Lữ Giang "đã tìm đọc" này vốn được các học giả Việt, như Vũ Ngự Chiêu, công bố khá đầy đủ từ năm 1983.

3.2. Trong tập Paris Xuân 1996, dưới bút danh Nguyên Vũ, Vũ Ngự Chiêu đã gửi gắm cho thế hệ tương lai nhu cầu tìm về dòng lịch sử quốc dân với một lương tâm trong sáng. Tiếc là Lữ Giang đã không đọc.

3.3. Phải chăng mục tiêu của Lữ Giang là xúi dục những cuộc "thánh chiến" bỏ túi ở Hải ngoại, đẩy giới Thiên Chúa Giáo vào các cuộc tranh luận vô nghĩa với những học giả không Thiên Chúa Giáo? Tại sao bỗng dưng đương sự lại mở màn cho cái gọi là "Thánh chiến" ở hải ngoại? Tại sao Lữ Giang kích động cho bùng nổ những cuộc tranh luận giữa Phật tử và Thiên chúa giáo, khiến những người như Nguyễn Mạnh Quang và Trần Chung Ngọc phải nập cuộc? Phải chăng những tác phẩm trung thực đến phủ phàng như cuốn Việt Nam Độ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư hay Bài Thơ Cho Con của Giáo sư

Nguyễn Mạnh Quang, và cuốn Công Giáo Chính Sử của Trần Chung Ngọc đã được gợi hứng từ chủ trương “ziết sử” của những người như Lữ Giang, Tôn thất Thiện, Lâm lễ Trinh, Nguyễn lý Tường, Nguyễn văn Chức, Nguyễn gia Kiêng, Lê xuân Khoa, Huỳnh văn Lang hay vợ chồng Hoàng ngọc Thành?

Câu trả lời xin nhường cho chính quý vị, các vị lãnh tụ tôn giáo, những bậc trí thức, quý vị trong giới truyền thông, và toàn thể quý vị đồng hương.

Xin các đấng thần linh hãy phù hộ cho cộng đồng hải ngoại chúng ta.

31/7/1999

**Trần Quốc Đại**

[Nguồn: <http://sachhiem.net/LICHSU/TR/TranQuocDai.php> ]

**HẾT TẬP HAI**  
**XIN XEM TIẾP TẬP BA**

Nhà Xuất bản  
**THIEN TRI THUC Publications**  
P.O. Box 4805  
Garden Grove, CA.92842-4805 – USA

đã xuất bản:

- Tran Nhan Tong: The King who founded a Zen School (2010)
- The Wisdom Within (2010)